CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của DỰ ÁN
"XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I, DIỆN TÍCH 124,48 HA (NÂNG CÔNG SUẤT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI)"

Địa chỉ: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).

ĐỒNG NAI, THÁNG 1 NĂM 2026

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của DỰ ÁN
"XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I, DIỆN TÍCH 124,48 HA (NÂNG CÔNG SUẤT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI)"

Địa chỉ: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).

CHỦ DỰ ÁN	**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**
CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH	**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VI TA**
	GIÁM ĐỐC
	Trần Thị Thanh Thuý

ĐỒNG NAI, THÁNG 1 NĂM 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....1

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 8

MỞ ĐẦU 9

1. Xuất xứ của dự án.....9

1.1 . Thông tin chung về dự án.....11

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.....12

1.3 . Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.....12

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM: 14

2.1. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM. 14

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án. 18

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập 19

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường: 19

3.1. Tổ chức thực hiện lập báo cáo ĐTM 20

3.2. Các bước lập báo cáo ĐTM.....21

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường......22

5. Tóm tắt nội dung chính của báo cáo ĐTM......24

5.1. Thông tin về dự án. 24

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường. 33

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án. 34

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án......36

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án 42

CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN 44

1.1. Thông tin chung về dự án: 44

1.2. Các hạng mục công trình của dự án.....61

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án. 69

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành 77

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án. 78

CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN 81

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội 81

2.2. Hiện trạng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án: 88

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án: 96

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án: 97

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG 100

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án: 101

3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động: 101

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường. 117

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành. 123

3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động. 125

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường: 156

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 193

3.4. Nhận xét về các mức độ chị tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo: 195

CHƯƠNG 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG 197

4.1. Chương trình quản lý môi trường 197

4.2. Chương trình giám sát môi trường 199

CHƯƠNG 5. `KẾT QUẢ THAM VẤN 201

I. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG 201

5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng. 201

5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng 201

II. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN.

.....201

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT 202

1. KẾT LUẬN.....202

2. KIẾN NGHỊ.....202

3. CAM KẾT.....202

TÀI LIỆU THAM KHẢO 205

PHỤ LỤC.....206

DANH MỤC BẢNG

Bảng 0- 1: Các cán bộ tham gia thực hiện ĐTM 20

Bảng 0- 2: Bảng danh mục các phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM.....22

Bảng 0- 3: Cơ cấu sử dụng đất của KCN Chơn Thành I. 24

Bảng 0- 4: Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Chơn Thành I.....25

Bảng 0- 5: Tóm tắt các tác động đến môi trường trong giai đoạn lắp đặt 33

Bảng 0- 6: Các tác động trong giai đoạn hoạt động của dự án 33

Bảng 1- 1: Tọa độ các mốc ranh giới khu đất dự án.....44

Bảng 1- 2: Các hạng mục công trình của dự án.....47

Bảng 1- 3: Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Chơn Thành I.....53

Bảng 1- 4: Hiện trạng các doanh nghiệp đã và đang đầu tư vào KCN Chơn Thành I.....62

Bảng 1- 5: Nguyên liệu, vật tư sử dụng cho văn phòng điều hành.....69

Bảng 1- 6: Danh mục các loại hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải 69

Bảng 1- 7: Nhu cầu sử dụng điện của KCN Chơn Thành I 69

Bảng 1- 8: Nhu cầu sử dụng nước khi KCN lấp đầy 70

Bảng 1- 9: Nhu cầu sử dụng nước và xả thải của các doanh nghiệp trong KCN 73

Bảng 1- 10: Dự kiến tiến độ thực hiện dự án.....78

Bảng 1- 11: Kinh phí đầu tư cho dự án.....79

Bảng 2- 1: Nhiệt độ không khí trung bình trong giai đoạn 2018 - 2022 (^oC) (Trạm Đồng Xoài).....82

Bảng 2- 2: Lượng mưa trung bình qua các tháng trong giai đoạn 2019 - 2023 (mm) (Trạm Đồng Xoài).....83

Bảng 2- 3: Độ ẩm không khí trung bình trong giai đoạn 2019 - 2023 (%) (Trạm Đồng Xoài).....83

Bảng 2- 4: Số giờ nắng trong giai đoạn 2019 - 2023 (Giờ) (Trạm Đồng Xoài).....84

Bảng 2- 5: Kết quả đo đạc tiến ồn và vi khí hậu.....89

Bảng 2- 6: Kết quả phân tích không khí 89

Bảng 2- 7: Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất 90

Bảng 2- 8: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt 91

Bảng 2- 9: Kết quả phân tích chất lượng nước thải ngày 28/3/2025 92

Bảng 2- 10: Kết quả phân tích chất lượng nước thải ngày 4/6/2025 93

Bảng 2- 11: Kết quả phân tích chất lượng nước thải ngày 20/11/2025 94

Bảng 3- 1: Tiêu chí đánh giá quy mô tác động 100

Bảng 3- 2: Đối tượng, tác nhân và mức độ bị tác động 101

Bảng 3- 3: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình san nền 103

Bảng 3- 4: Hệ số phát thải và tải lượng ô nhiễm của thiết bị máy móc thi công.....106

Bảng 3- 5: Lượng bụi khói sinh ra có thể xác định thông qua các hệ số ô nhiễm.....107

Bảng 3- 6: Nồng độ các chất ô nhiễm không khí do hoạt động hàn 107

Bảng 3- 7: Thành phần nước mưa chảy tràn.....109

Bảng 3- 8: Đặc trưng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng.....110

Bảng 3- 9: Thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải xây dựng 111

Bảng 3- 10: Đối tượng, phạm vi mức độ chịu tác động từ nước thải 111

Bảng 3- 11: Đối tượng, phạm vi mức độ chịu tác động từ chất thải rắn 113

Bảng 3- 12: Mức ồn của các thiết bị thi công 114

Bảng 3- 13: Giá trị giới hạn khí thải của xe.....123

Bảng 3- 14: Các nguồn gây ô nhiễm trong KCN.....125

Bảng 3- 15: Phân loại từng nhóm ngành sản xuất có khả năng gây ô nhiễm 129

Bảng 3- 16: Tải lượng ô nhiễm không khí phát thải từ KCN Chơn Thành I khi lấp đầy 100% 130

Bảng 3- 17: Hệ số tải lượng ô nhiễm của các phương tiện giao thông.....130

Bảng 3- 18: Lưu lượng các phương tiện giao thông 131

Bảng 3- 19: Tải lượng ô nhiễm của các phương tiện giao thông khi đi vào vận hành 131

Bảng 3- 20: Các hợp chất gây mùi chứa lưu huỳnh do phân hủy kỵ khí nước thải.....132

Bảng 3- 21: Tải lượng H_2S phát sinh từ các đơn nguyên của HTXL nước thải 133

Bảng 3- 22: Mật độ vi khuẩn trong không khí tại hệ thống XLNT 134

Bảng 3- 23: Lượng vi khuẩn phát tán từ hệ thống XLNT 134

Bảng 3- 24: Tổng lưu lượng nước thải trong KCN.....137

Bảng 3- 25: Nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt.....141

Bảng 3- 26: Đặc trưng nước thải của các ngành công nghiệp trong KCN Chơn Thành I 141

Bảng 3- 27: Tính chất nước thải đầu vào trạm XLNT số 1 hiện hữu (công suất 600 m^3/ngđ).....143

Bảng 3- 28: Nồng độ chất ô nhiễm trung bình trong nước mưa chảy tràn 145

Bảng 3- 29: Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh từ 46 nhà máy thứ cấp đang hoạt động tại KCN Chơn Thành I 146

Bảng 3- 30: Khối lượng và thành phần CTR của một số ngành công nghiệp tại KCN Chơn Thành I hiện hữu 148

Bảng 3- 31: Khối lượng CTNH phát sinh từ các nhà máy của KCN 150

Bảng 3- 32: Mức độ ồn ô của các phương tiện giao thông 151

Bảng 3- 33: Khối lượng cống thu gom nước mưa tại KCN Chơn Thành 1 157

Bảng 3- 34: Khối lượng cống thu gom nước mưa tại KCN Chơn Thành 1 159

Bảng 3- 35: Biện pháp xử lý nước thải đặc trưng điển hình theo ngành nghề đang áp dụng của các nhà máy đang hoạt động tại KCN Chơn Thành I 162

Bảng 3- 36: Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải 170

Bảng 3- 37: Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải 170

Bảng 3- 38: Hiệu suất xử lý của quy trình công nghệ XLNT 175

Bảng 3- 39: Các chất thải nguy hại phát sinh KCN Chơn Thành 1 178

Bảng 3- 40: Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục 186

Bảng 3- 41: Quy trình ứng phó sự cố tràn hóa chất 189

Bảng 3- 42: Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động của dự án 194

Bảng 3- 43: Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường 195

Bảng 3- 44: Dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 195

Bảng 4- 1: Các chương trình quản lý môi trường 197

DANH MỤC HÌNH

Hình 1-1: Vị trí KCN Chơn Thành I với các điểm tiếp giáp. 45

Hình 1-2: Sơ đồ vị trí KCN Chơn Thành I trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ 46

Hình 1-3: Sơ đồ tổ chức quản lý 79

Hình 3- 1: Tần suất xuất hiện của mật độ vi khuẩn trong không khí tại trạm XLNT 134

Hình 3- 2: Những nguyên nhân và sự cố do cháy nổ gây ra.....155

Hình 3- 3: Những nguyên nhân và hậu quả do sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất gây ra 156

Hình 3- 4: Sơ đồ thu gom thoát nước mưa của KCN Chơn Thành 1 158

Hình 3- 5: Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt 160

Hình 3- 6: Hệ thống thu gom nước thải sản xuất.....160

Hình 3- 7: Sơ đồ cấu bể tự hoại 03 ngăn 161

Hình 3- 8: Sơ đồ quy trình công nghệ Trạm XLNT tập trung hiện tại của KCN.....165

Hình 3- 9: Sơ đồ quy trình công nghệ Trạm XLNT tập trung sau khi nâng công suất lên 1.200m^3/ngày của KCN 166

Hình 3- 10: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn của KCN Chơn Thành 1.....176

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BNNPTNT	:	Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn
BOD_5^{20}	:	Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20^oC trong 5 ngày
BQLRPH	:	Ban quản lý rừng phòng hộ
BTCT	:	Bê tông cốt thép
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
DO	:	Ôxy hòa tan
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
MTV	:	Một thành viên
NGTK	:	Niên giám thống kê
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCKTQG	:	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QLMT	:	Quản lý môi trường
SS	:	Chất rắn lơ lửng
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBMTTQV	:	Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam
UBND	:	Ủy Ban Nhân Dân
VOC	:	Chất hữu cơ bay hơi
WHO	:	Tổ chức y tế thế giới

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai) là một tỉnh có vị trí địa lý, điều kiện kết cấu hạ tầng tương đối thuận lợi cho phát triển kinh tế. Tỉnh Bình Phước cũ có nhiều chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư, các ngành thương mại, công nông nghiệp đang phát triển. Hơn nữa, Bình Phước cũ đang có chủ trương phát triển mạnh các Khu công nghiệp và có những chính sách nhằm tạo các điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư muốn đầu tư vào Khu công nghiệp.

Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3800236105, được phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 10/12/2001, thay đổi lần thứ 20 ngày 05/01/2026.

Khu Công Nghiệp Chơn Thành với tổng diện tích quy hoạch là 500 ha đã được phê duyệt theo quyết định số 15/CP-KCN ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giai đoạn 1 của Khu Công Nghiệp Chơn Thành được thành lập theo Quyết định số 399/QĐ-UB ngày 17/03/2003 của UBND tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai) với diện tích quy hoạch 115 ha và được Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết KCN Chơn Thành giai đoạn 1 theo Quyết định số 283/QĐ-BXD ngày 24/02/2004. Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành giai đoạn 1" được UBND tỉnh Bình Phước cũ phê duyệt tại Quyết định số 2626/QĐ-UB ngày 14/10/2004.

Ngày 14/12/2009, UBND tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai) ban hành Công văn số 4226/UBND-KT và Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Chơn Thành Giai đoạn 1. Theo Quyết định, KCN Chơn Thành giai đoạn 1 được điều chỉnh quy mô diện tích từ 115 ha lên 124,48 ha và bổ sung ngành luyện kim và ngành phân bón vào KCN Chơn Thành Giai đoạn 1 và đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 03/08/2010.

Năm 2013, UBND tỉnh Bình Phước ban hành công văn số 2312/UBND-KTN ngày 18/07/2013 và Công văn số 3923/UBND-KTN ngày 26/11/2013 về việc chấp thuận bổ sung ngành nghề đầu tư vào KCN Chơn Thành I. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành – Giai đoạn 1, diện tích 124,48 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) đã được phê duyệt thông qua Quyết định số 707/QĐ–UBND ngày 10/04/2015, đồng thời được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 05/GXN – STNMT ngày 03/02/2016.

Năm 2016, UBND tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai) ban hành Công văn số 3769/UBND-KTN ngày 06/12/2016 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất

KCN Chơn Thành I. Theo văn bản, UBND tỉnh Đồng ý cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Chơn Thành (đổi tên thành Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành) điều chỉnh cục bộ diện tích quy hoạch sử dụng đất tại lô A1 – KCN Chơn Thành I, cụ thể: "*Giảm đất thương mại, dịch vụ thành đất công nghiệp, sản xuất với diện tích khoảng 115.719 m^2; điều chỉnh đất cây xanh, hồ điều hòa mặt nước cho phù hợp cho đúng với hiện trạng thực tế; quy hoạch lại tuyến đường sắt xuyên Á đi qua KCN với diện tích 23.859,2 m^2".*

Năm 2018, UBND tỉnh Bình Phước cũ ra Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 về việc điều chỉnh nội dung Điểm 2.2, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 707/QĐ–UBND ngày 10/04/2015 của UBND tỉnh thì tại Điều 1 điều chỉnh nội dung Điểm 2.2, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 707/QĐ–UBND ngày 10/04/2015 thành "*2.2. Phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Đối với các dự án thứ cấp đầu tư vào KCN, nước thải phải xử lý đạt cột B, quy chuẩn Việt Nam tương ứng với ngành nghề sản xuất trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải được xử lý đạt cột A của QCNV 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số k_q = 0,9, k_f = 1,1 trước khi xả thải vào Mương Đào (Kênh) tại vị trí có tọa độ X = 537.401; Y = 1.259.413 tiếp giáp với suối Hố Đá. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ phải thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp túc xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu công nghiệp phải xây dựng hệ thống kín dẫn đến điểm xả thải vào môi trường".* Như vậy, sau được điều chỉnh, Công ty CP Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Chơn Thành (đổi tên thành Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành) được điều chỉnh hệ số k_q, k_f khi xả thải và xác định vị trí xả thải công nhận là Mương Đào (Kênh) tại vị trí có tọa độ X = 537.401; Y = 1.259.413 tiếp giáp với suối Hố Đá.

Năm 2019, UBND tỉnh Bình Phước cũ ban hành Quyết định số 2244/QĐ–UBND ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I, với nội dung điều chỉnh: điều chỉnh tên gọi từ KCN Chơn Thành giai đoạn 1 thành KCN Chơn Thành I và "*Điều chỉnh diện tích 15.248 m^2 đất cây xanh, thương mại dịch vụ và đất giao thông thành đất hạ tầng kỹ thuật để bố trí bãi kiểm hóa cho Cục Hải quan Bình Phước. Kí hiệu lô BB; Quy hoạch lại tuyến đường sắt Xuyên Á (Dĩ An – Lộc Ninh) với diện tích 23.859,2 m^2; Điều chỉnh một phần diện tích đất dịch vụ, đất hạ tầng kỹ thuật và đất cây xanh thuộc cụm A1 thành đất xây dựng nhà máy. Ký hiệu cụm A1, diện tích 110.504 m^2; Điều chỉnh khu đất giới hạn bởi đường trục chính KCN, đường quy hoạch số 9, đường đất phía Nam và đường sắt thành đất hành chính, dịch vụ. Ký hiệu cụm DV2, diện tích 28.859 m^2".*

Nhận thấy nhu cầu phát triển, gia tăng sản xuất của các doanh nghiệp đầu tư tại KCN trong thời gian tới, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành sẽ nâng công suất hệ thống xử lý nước thải từ 600m^3/ngày đêm lên 1.200m^3/ngày đêm (Nhu cầu xả thải của các doanh nghiệp hiện nay khi tỷ lệ lấp đầy 85% là 305 - 530m^3/ngày và khi tỷ lệ lắp

đầy 100% là khoảng 900 m^3/ngày).

Việc nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN không làm thay quy mô KCN như quy hoạch ban đầu mà Chủ đầu tư đã đề ra. Chủ đầu tư vẫn hướng đến việc xây dựng một KCN hiện đại, tiên tiến, đáp ứng đầy đủ được cơ sở hạ tầng, là nơi đáng tin cậy để các nhà đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, góp phần phát triển kinh tế chung cho tỉnh.

Căn cứ theo Điều 30, Luật bảo vệ môi trường do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022; Mục 6, phụ lục III, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi,bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ dự án sử dụng đất từ 100ha trở lên (KCN Chơn Thành I có diện tích 124,48ha) phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt.

Do đó, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho dự án "Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)" với sự tư vấn của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Môi trường Vi Ta trình cơ quan chức năng thẩm định và phê duyệt.

1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: "Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)".

- Địa điểm thực hiện: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).

- Chủ dự án: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành.

Địa chỉ liên hệ: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).

Đại diện: Bà Quang Thục Yến – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0918454516

Đây là dự án đầu tư nâng công suất hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp, để tuân thủ nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi,bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/22022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Chủ dự án tiến hành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án "Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống

xử lý nước thải)" tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành được phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3800236105, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 12 năm 2001 và thay đổi lần thứ 20 ngày 05 tháng 1 năm 2026. Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành là chủ đầu tư và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án "Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)" tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

❖ *Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:*

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 08/7/2024 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội:

+ Xây dựng hệ thống công nghệ xử lý chất thải và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư.

+ Quan trắc, theo dõi, chủ động phòng ngừa, ứng phó với các sự cố ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

+ Đầu tư trang thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật; giảm thiểu chất thải nhựa, rác thải nhựa đại dương.

+ Xây dựng, thực hiện đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, hạn chế phát sinh nhiều chất thải, tiêu hao nhiều nguyên liệu, vật liệu và năng lượng.

+ Thực hiện quy định về trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì, chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (EPR).

Theo quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 như sau:

+ Mục tiêu lập quy hoạch:
    + Là vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tập trung phát triển mạnh khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghiệp chế biến.
+ Quan điểm quy hoạch:
    + Việc lập Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ phải bảo đảm phù hợp, thông nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030.
    + Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng dân cư. Quá trình lập quy hoạch cần kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và đảm bảo sinh kế bền vững của người dân.

❖ *Sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*

Theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tỉnh Bình Phước có 20 KCN thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất KCN được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 và 15 KCN tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh Bình Phước được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp.

Khu Công Nghiệp Chơn Thành với tổng diện tích quy hoạch là 500 ha đã được phê duyệt theo quyết định số 15/CP-KCN ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giai đoạn 1 của Khu Công Nghiệp Chơn Thành được thành lập theo Quyết định số 399/QĐ-UB ngày 17/03/2003 của UBND tỉnh Bình Phước với diện tích quy hoạch 115 ha và được Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết KCN Chơn Thành giai đoạn 1 theo Quyết định số 283/QĐ-BXD ngày 24/02/2004.

Ngày 14/12/2009, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Công văn số 4226/UBND-KT và Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Chơn Thành Giai đoạn 1. Theo Quyết định, KCN Chơn Thành giai đoạn 1 được điều chỉnh quy mô diện tích từ 115 ha lên 124,48 ha và bổ sung ngành luyện kim và ngành phân bón vào KCN Chơn Thành - Giai đoạn 1

Như vậy, hoạt động của dự án phù hợp với quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM:

2.1. Các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

☑ ***Văn bản pháp luật:***

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024;
- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024;
- Luật Đa dạng Sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 13/11/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009;
- Luật Phòng cháy chữa cháy của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 27/2001/QH10 có hiệu lực từ ngày 04/10/2001; Luật phòng cháy chữa cháy sửa đổi số 40/2013/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;
- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/6/2015;

☑ ***Nghị định:***

a. Về môi trường:

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/06/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đa dạng sinh học;

- Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quy định quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 hướng dẫn Luật Đầu tư;
- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;

b. Về xây dựng

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

c. Về đất đai.

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

d. Về Phòng cháy chữa cháy và An toàn vệ sinh lao động

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi;
- Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn vệ sinh, lao động;
- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

☑ ***Thông tư.***

a. Về môi trường

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 10/01/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dự liệu quan trắc chất lượng môi trường.

b. Về xây dựng

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng về định mức xây dựng.

c. Về Phòng cháy chữa cháy và An toàn vệ sinh lao động

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An hướng dẫn thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Phòng cháy và chữa cháy sửa đổi;
- Thông tư số 32/2024/TT-BCA ngày 10/7/2024 của Bộ Công an. Thông tư số 32/2024/TT-BCA ngày 10/7/2024 của Bộ Công an. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy

☑ ***Quyết định.***

a. Về môi trường.

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b. Về đất đai.

- Quyết định số 2072/QĐ-UBND, ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất của huyện Đắk Mil đến năm 2030;

- Quyết định 378/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đắk Mil.
- Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông.

☑ ***Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng***

- TCVN 2622-1995: Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình - yêu cầu thiết kế
- TCVN 6705:2009 Tiêu chuẩn quốc gia về chất thải rắn thông thường - Phân loại.
- TCVN 6706:2009 Tiêu chuẩn quốc gia về chất thải nguy hại - Phân loại.
- TCVN 6707:2009 Tiêu chuẩn Việt Nam về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo
- QCVN 07:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng CTNH.
- QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.
- QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất
- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- QCVN 09:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- QCVN 22:2016/BYT về Chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 27:2016/BYT về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.
- QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiang, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng
- QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3800236105, đăng ký lần đầu ngày 10/12/2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 05/01/2026.
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 37/GCNƯĐĐT–UB ngày 30/05/2002 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Công văn số 703/UB–KSX ngày 15/05/2002 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thuê đất xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành.
- Quyết định số 399/QĐ–UB ngày 17/03/2003 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập và phê duyệt dự án và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Chơn Thành.
- Công văn số 21/UB–KKT ngày 07/01/2004 của UBND tỉnh Bình Phước về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng – Kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành thuê đất.
- Quyết định số 283/QĐ–BXD ngày 24/02/2004 của Bộ xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1, tỉnh Bình Phước.
- Quyết định số 2626/QĐ–UB ngày 14/10/2004 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành giai đoạn I" của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành.
- Quyết định số 2493/QĐ–UBND ngày 27/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL 1/2000 khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Giấy phép xây dựng số 03/GPXD ngày 09/03/2011 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước cấp.
- Công văn số 2312/UBND–KTN ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bình Phước về việc tiếp nhận ngành nghề tại KCN Chơn Thành I.
- Công văn số 3923/UBND–KTN ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh Bình Phước về việc bổ sung ngành nghề đầu tư vào KCN Chơn Thành.
- Quyết định số 707/QĐ–UBND ngày 10/04/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành – giai đoạn I, diện tích 124,48 ha (bổ sung các ngành nghề thu hút đầu tư) tại ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Giấy xác nhận số 05/GXN–STNMT ngày 03/02/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước xác nhận về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành – Giai đoạn 1, diện tích 124,48 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư).
- Công văn số 3769/UBND–KTN ngày 06/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất KCN Chơn Thành I.
- Công văn số 1087/STNMT–CCBVMT ngày 10/05/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước về việc thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1, diện tích 124,48 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư).
- Quyết định số 2244/QĐ–UBND ngày 28/10/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành.
- Quyết định số 705/QĐ–UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Dự án xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành – giai đoạn 1, diện tích 124,48 ha (điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất) tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành) làm chủ đầu tư.
- Giấy phép số 52/GP–UBND ngày 15/09/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc xả thải vào nguồn nước.
- Giấy phép môi trường số 37/GP–UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước cũ cấp phép cho Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập

- Dự án "Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)";

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 và năm 2025 của Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành;

- Kết quả đo đạc, phân tích chất lượng môi trường nền tại khu vực thực hiện dự án.

- Các sơ đồ, bản vẽ cùng với các tài liệu kỹ thuật của Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường:

Báo cáo ĐTM của dự án "Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)" do chủ dự

án là Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành chủ trì thực hiện với sự tư vấn của Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Môi trường Vita.

3.1. Tổ chức thực hiện lập báo cáo ĐTM

Về phía chủ đầu tư:

- Chủ dự án: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành.

- Đại diện: Bà Quang Thục Yến – Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Địa chỉ trụ sở chính: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tư vấn lập ĐTM

Thông tin đơn vị tư vấn:

- Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Môi trường Vita .
- Địa chỉ liên lạc: 31, đường 11, KDC Khang Điền, Phường Phước Long, TP. HCM
- Điện thoại: 0286.6805057
- Đại diện: Bà **Trần Thị Thanh Thúy** - Chức vụ: Giám đốc

Danh sách cán bộ trực tiếp tham gia lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 0- 1: Các cán bộ tham gia thực hiện ĐTM

Stt	Họ và tên	Chuyên ngành/Chức vụ	Phụ trách	Năm công tác	Chữ ký
I	**Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành**				
1	Quang Thục Yến	Giám Đốc	Cung cấp thông tin dự án		
II	**Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Môi trường Vita**				
2	Trần Thị Thanh Thúy	Kỹ sư. Kỹ thuật Môi trường	Tổng hợp và kiểm tra báo cáo	13	
3	Nguyễn Hồng Vân	CN. Khoa học Môi trường	Thu thập thông tin và viết chương 5, kết luận	7	
4	Phạm Thị Hương Trà	Th.s Quản lý Môi trường	Viết chương 3,4 và chỉnh sửa các nội dung chung của toàn bộ Báo cáo	17	
5	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	CN. Quản lý Môi trường	Thu thập thông tin và viết chương 1, 2	5	
6	Huỳnh Bá Trực	CN. Khoa học Môi trường	Công nghệ xử lý nước thải	10	

Trong quá trình thực hiện Báo cáo chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ của các cơ quan sau:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.
- UBND phường Chơn Thành.

Ngoài ra, báo cáo ĐTM này còn nhận được sự đóng góp và tham gia của nhiều nhóm chuyên gia am hiểu về ĐTM với các lĩnh vực: quản lý hoạt động các ngành công nghiệp, sinh thái môi trường, kinh tế môi trường, quản lý môi trường.

3.2. Các bước lập báo cáo ĐTM

Các bước thực hiện và lập báo cáo ĐTM bao gồm:

1- Thành lập tổ công tác và phân công nhiệm vụ lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2- Nghiên cứu các tài liệu liên quan đến Dự án.

3- Nghiên cứu, khảo sát hiện trạng và quan trắc môi trường tại khu vực Dự án và các khu vực lân cận; khảo sát các điều kiện về tự nhiên và kinh tế xã hội địa phương nơi triển khai Dự án.

4- Xây dựng các báo cáo theo hướng dẫn trong Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

5- Lập báo cáo tổng hợp đánh giá tác động môi trường.

6- Sau khi đã thống nhất, đơn vị tư vấn in ấn phát hành báo cáo, Chủ dự án ký đóng dấu và trình lên Bộ NN&MT để đăng tải tham vấn điện tử 15 ngày, đồng thời gửi báo cáo đến UBND xã xin ý kiến tham vấn và gửi tham vấn chuyên gia.

7- Sau khi nhận được văn bản thông báo tổng hợp ý kiến tham vấn từ Bộ TNMT và văn bản ý kiến tham vấn của UBND xã, các chuyên gia, chủ dự án sẽ kết hợp với đơn vị tư vấn chỉnh sửa bổ sung báo cáo theo các ý kiến tham vấn nhận được.

8- Sau khi đã chỉnh sửa thống nhất với chủ đầu tư, đơn vị tư vấn in ấn phát hành báo cáo, Chủ dự án ký đóng dấu và trình lên Sở NN&MT xin thẩm định.

9- Trình sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định Báo cáo.

10- Sau khi tiếp nhận báo cáo ĐTM, Sở NN&MT tổ chức thẩm định báo cáo. Đơn vị tư vấn kết hợp với Chủ dự án trình bày tóm tắt nội dung báo cáo ĐTM trước Hội đồng thẩm định ĐTM và giải trình các khúc mắc của các thành viên hội đồng, tiếp thu các ý kiến đóng góp để hoàn thiện báo cáo.

11- Sau khi họp thẩm định báo cáo, đơn vị tư vấn kết hợp với Chủ dự án chỉnh sửa, bổ sung nội dung Báo cáo theo ý kiến của Hội đồng thẩm định và trình UBD tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh phê duyệt.

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường.

Trong quá trình xây dựng báo cáo các phương pháp đánh giá tác động môi trường được sử dụng bao gồm:

Bảng 0- 2: Bảng danh mục các phương pháp áp dụng trong quá trình ĐTM

Stt	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
I	**CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐTM**		
1	Phương pháp kế thừa	- Phương pháp này nhằm xác định, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ở khu vực thực hiện dự án thông qua các số liệu, thông tin thu thập được từ các nguồn khác nhau như: Niên giám thống kê, báo cáo tình hình kinh tế - xã hội khu vực, hiện trạng môi trường khu vực và các công trình nghiên cứu có liên quan. - Đồng thời, kế thừa các nghiên cứu và báo cáo đã có là thực sự cần thiết vì khi đó sẽ kế thừa được các kết quả đã đạt trước đó, đồng thời, phát triển tiếp những mặt cần hạn chế	- Chương 2: Điều kiện khí tượng, thủy văn khu vực.
2	Phương pháp danh mục *(Liệt kê)*	- Liệt kê kèm theo mô tả nội dung, khối lương và quy mô các hạng mục của dự án được triển khai trong từng giai đoạn: Chuẩn bị, thi công và vận hành của dự án.	- Chương 1: Liệt kê, mô tả các hạng mục của dự án và các vấn đề liên quan.
		- Liệt kê các đối tượng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội và các vấn đề môi trường liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động của dự án. - Liệt kê các tác động môi trường, liệt kê các đối tượng bị tác động và các vấn đề môi trường liên quan đến từng hoạt động của dự án.	- Chương 2: Liệt kê, thống kê số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và các vấn đề môi trường liên quan khác. - Chương 3: Nhận dạng các tác động và đối tượng bị tác động môi trường.
3	Phương pháp đánh giá nhanh *(Rapid Assessment)*	+ Đánh giá các hoạt động, dự báo về thải lượng, nồng độ ô nhiễm đối với các nguồn chất thải hoặc tiếng ồn, rung động. + Đánh giá dự báo về mức độ, phạm vi, quy mô bị tác động dựa trên cơ sở định lượng theo hệ số ô nhiễm từ các tài liệu.	- Chương 2: Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường, sức chịu tải môi trường khu vực dự án. - Chương 3: Đánh giá, so sánh các kết quả tính toán dự báo ô nhiễm môi trường so với các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.
4	Phương pháp so sánh	- Đánh giá chất lượng môi trường, các tác động trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường Việt	- Chương 3: Đánh giá, so sánh các kết quả tính toán dự báo ô nhiễm môi trường so với các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện

Stt	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
		Nam. - Dựa vào kinh nghiệm của các dự án tương tự, dự báo các tác động đến môi trường, kinh tế và xã hội trong khu vực do hoạt động của dự án gây ra. - So sánh về lợi ích kỹ thuật và kinh tế, lựa chọn và đề xuất phương án giảm thiểu các tác động do hoạt động của dự án gây ra đối với môi trường, kinh tế và xã hội (áp dụng trong chương 2, 3).	hành.
II	**CÁC PHƯƠNG PHÁP KHÁC**		
1	Phương pháp điều tra, khảo sát	- Điều tra về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của dự án. - Điều tra về các đối tượng môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội chịu tác động từ các hoạt động của dự án	- Chương 2: Mô tả về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực dự án.
2	Phương pháp thống kê	- Được sử dụng để thu thập các số liệu về khí tượng thủy văn, kinh tế xã hội và môi trường tại khu vực Dự án. Các số liệu này sẽ là cơ sở để đánh giá lan truyền ô nhiễm, đánh giá đối tượng chịu ảnh hưởng bởi hoạt động của Dự án.	- Chương 2: Mô tả về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực dự án.
3	Phương pháp lấy mẫu và phân tích	- Lấy mẫu các thành phần môi trường của dự án thực hiện tại hiện trường. - Phân tích các mẫu hiện trạng môi trường tự nhiên tại phòng thí nghiệm	- Chương 2. Đánh giá về hiện trạng các thành phần môi trường khu vực dự án.
4	Phương pháp so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành	- Từ kết quả đo đạc môi trường nền tại khu vực Dự án, so sánh kết quả đó với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành tương ứng để đánh giá chất lượng môi trường nền. - Dựa trên các số liệu tính toán, dự báo nồng độ ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của Dự án để so sánh đối chiếu với mức cho phép theo các quy chuẩn hiện hành nhằm đánh giá mức độ ô nhiễm cũng như làm cơ sở để đề xuất biện pháp giảm thiểu, xử lý.	- Chương 2: So sánh các chất thải với quy chuẩn hiện hành. - Chương 3: So sánh các kết quả tính toán dự báo ô nhiễm môi trường so với các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.
5	Phương pháp tham vấn	- Tham vấn cộng đồng: tham vấn cộng đồng dân cư khu vực dự án và tham vấn đại diện chính quyền địa phương về các nội dung báo cáo ĐTM của dự án - Tham vấn ý kiến chuyên gia: Sử dụng kinh nghiệm chuyên gia để hiệu chỉnh	+ Chương 1,2,3,4 và 5. Dựa trên các kết quả tham vấn để hiệu chỉnh và hoàn thiện các nội dung của báo cáo phù hợp với điều kiện của dự án. + Chương 5: Nội dung, biện pháp và các kết quả tham vấn

Stt	Tên phương pháp	Mục đích, nội dung áp dụng	Vị trí áp dụng
		và hoàn thiện các kết quả ĐTM và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động phù hợp.	

5. Tóm tắt nội dung chính của báo cáo ĐTM.

5.1. Thông tin về dự án.

5.1.1. Thông tin chung

- **Tên dự án**: "Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)"
- **Tên chủ dự án**: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành.
  + Địa chỉ liên hệ: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).
  + Địa điểm thực hiện dự án: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).

5.1.2. Quy mô, công suất:

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN hoàn chỉnh vệ hệ thống giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty, đơn vị trong và ngoài nước thuê đất xây dựng nhà xưởng, nhà kho để hoạt động sản xuất, kinh doanh.

*Cơ cấu sử dụng đất trong KCN Chơn Thành I.

Tổng diện tích đất theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 KCN Chơn Thành giai đoạn 1 đã được mô tả trong báo cáo ĐTM phê duyệt năm 2015 và quy hoạch mới theo Quyết định số 2244/QĐ–UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I không thay đổi là 124,4838 ha.

Cơ cấu sử dụng đất của KCN như sau:

Bảng 0- 3: Cơ cấu sử dụng đất của KCN Chơn Thành I.

TT	Hạng mục sử dụng đất	Đã phê duyệt		Sau khi điều chỉnh cho đến nay		Theo quy định	Tăng / giảm
		Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)		
1	Đất xây dựng nhà máy	730.568	58,69	827.623	66,48	≥55%	97.055
2	Đất cây xanh	161.504	12,97	139.546	11,21	≥10%	-21.958

TT	Hạng mục sử dụng đất	Đã phê duyệt		Sau khi điều chỉnh cho đến nay		Theo quy định	Tăng / giảm
		Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)		
3	Đất giao thông + đường sắt Xuyên Á	189.223	15,20	209.976	16,87	≥8%	20.753
4	Đất điều hành, dịch vụ	131.002	10,52	31.471	2,53	≥1%	-99531
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	32.541	2,61	36.222	2,91	≥1%	3681
Tổng cộng		**1.244.838**	**100,0**	**1.244.838**	**100,0**		

(Nguồn: Theo Quyết định số 2244/QĐ–UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I)

5.1.3. Công nghệ sản xuất.

KCN Chơn Thành I có đặc thù là kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp vì vậy công nghệ sản xuất có liên quan đến ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN.

Hiện nay, KCN Chơn Thành I đang thu hút các ngành nghề đầu tư theo Giấy phép môi trường số 37/GP–UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước cũ cấp phép. KCN tập trung thu hút đầu tư các ngành nghề như sau:

Bảng 0- 4: Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Chơn Thành I

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	**A**				
Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm		01	014	0146	01461
CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	**C**				
Giết mổ gia súc, gia cầm		10	101	1010	10101
Chế biến và bảo quản thịt		10	101	1010	10102
Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt		10	101	1010	10109
Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản		10	102	1020	
Sản xuất nước ép từ rau quả		10	103	1030	10301
Chế biến và bảo quản rau quả khác		10	103	1030	10309
Sản xuất dầu, mỡ động vật		10	104	1040	10401
Sản xuất dầu, bơ thực vật		10	104	1040	10402
Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa		10	105	1050	10500

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Xay xát		10	106	1061	10611
Sản xuất đường		10	107	1072	10720
Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo		10	107	1073	10730
Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự		10	107	1074	10740
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt		10	107	1075	10751
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản		10	107	1075	10752
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác		10	107	1075	10759
Sản xuất chè		10	107	1076	10760
Sản xuất cà phê		10	107	1077	10770
Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu		10	107	1079	10790
Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản		10	108	1080	10800
Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh		11	110	1101	11010
Sản xuất rượu vang		11	110	1102	11020
Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia		11	110	1103	11030
Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai		11	110	1104	11041
Sản xuất đồ uống không cồn		11	110	1104	11042
Sản xuất sợi		13	131	1311	13110
Sản xuất vải dệt thoi		13	131	1312	13120
Hoàn thiện sản phẩm dệt		13	131	1313	13130
Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác		13	139	1391	13910
Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)		13	139	1392	13920
Sản xuất thảm, chăn, đệm		13	139	1393	13930
Sản xuất các loại dây bện và lưới		13	139	1394	13940
Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu		13	139	1399	13990
May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)		14	141	1410	14100
Sản xuất sản phẩm từ da lông thú		14	142	1420	14200
Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc		14	143	1430	14300
Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú		15	151	1511	15110
Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm		15	151	1512	15120

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất giày, dép		15	152	1520	15200
Cưa, xẻ và bào gỗ		16	161	1610	16101
Bảo quản gỗ		16	161	1610	16102
Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác		16	162	1621	16210
Sản xuất đồ gỗ xây dựng		16	162	1622	16220
Sản xuất bao bì bằng gỗ		16	162	1623	16230
Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ		16	162	1629	16291
Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện		16	162	1629	16292
Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa		17	170	1702	17021
Sản xuất giấy nhăn và bìa nhăn		17	170	1702	17022
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu		17	170	1709	17090
In ấn		18	181	1811	18110
Dịch vụ liên quan đến in		18	181	1812	18120
Sản xuất khí công nghiệp		20	201	2011	20111
Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ		20	201	2012	20120
Sản xuất plastic nguyên sinh		20	201	2013	20131
Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít		20	202	2022	20221
Sản xuất mỹ phẩm		20	202	2023	20231
Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh		20	202	2023	20232
Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu		20	202	2029	20290
Sản xuất thuốc các loại		21	210	2100	21001
Sản xuất hoá dược và dược liệu		21	210	2100	21002
Sản xuất bao bì từ plastic		22	222	2220	22201
Sản xuất sản phẩm khác từ plastic		22	222	2220	22209
Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng		23	231	2310	23101
Sản xuất thủy tinh rỗng và sản phẩm từ thủy tinh rỗng		23	231	2310	23102
Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh		23	231	2310	23103

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ thủy tinh		23	231	2310	23109
Sản xuất sản phẩm chịu lửa		23	239	2391	23910
Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác		23	239	2393	23930
Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao		23	239	2395	23950
Sản xuất sắt, thép, gang		24	241	2410	24100
Sản xuất các cấu kiện kim loại		25	251	2511	25110
Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại		25	251	2512	25120
Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)		25	251	2513	25130
Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại		25	259	2591	25910
Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại		25	259	2592	25920
Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng		25	259	2593	25930
Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn		25	259	2599	25991
Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu		25	259	2599	25999
Sản xuất linh kiện điện tử		26	261	2610	26100
Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính		26	262	2620	26200
Sản xuất thiết bị truyền thông		26	263	2630	26300
Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng		26	264	2640	26400
Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển		26	265	2651	26510
Sản xuất đồng hồ		26	265	2652	26520
Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp		26	266	2660	26600
Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học		26	267	2670	26700
Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học		26	268	2680	26800
Sản xuất mô tơ, máy phát		27	271	2710	27101
Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện		27	271	2710	27102
Sản xuất pin và ắc quy		27	272	2720	27200
Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học		27	273	2731	27310

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác		27	273	2732	27320
Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại		27	273	2733	27330
Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng		27	274	2740	27400
Sản xuất đồ điện dân dụng		27	275	2750	27500
Sản xuất thiết bị điện khác		27	279	2790	27900
Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)		28	281	2811	28110
Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu		28	281	2812	28120
Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác		28	281	2813	28130
Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động		28	281	2814	28140
Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung		28	281	2815	28150
Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp		28	281	2816	28160
Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)		28	281	2817	28170
Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén		28	281	2818	28180
Sản xuất máy thông dụng khác		28	281	2819	28190
Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp		28	282	2821	28210
Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại		28	282	2822	28220
Sản xuất máy luyện kim		28	282	2823	28230
Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng		28	282	2824	28240
Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (Cơ sở đầu tư nhà máy chế biến sữa)		28	282	2825	28250
Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da		28	282	2826	28260
Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng		28	282	2829	28291
Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu		28	282	2829	28299
Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác		29	291	2910	29100
Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc		29	292	2920	29200
Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác		29	293	2930	29300
Sản xuất mô tô, xe máy (Sản xuất bộ phận và phụ tùng của xe mô tô)		30	309	3091	30910
Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật (Sản xuất các bộ phận và phụ tùng xe đạp, xe		30	309	3092	30920

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
khuyết tật)					
Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu		30	309	3099	30990
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ		31	310	3100	31001
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại		31	310	3100	31002
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác		31	310	3100	31009
Sản xuất nhạc cụ		32	322	3220	32200
Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao		32	323	3230	32300
Sản xuất đồ chơi, trò chơi		32	324	3240	32400
Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa		32	325	3250	32501
Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng		32	325	3250	32502
Sản xuất khác chưa được phân vào đâu		32	329	3290	32900
SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	**D**				
Điện mặt trời		35	351	3511	35116
Điện khác		35	351	3511	35119
XÂY DỰNG	**F**				
Xây dựng nhà không để ở		41	410	4102	1020
BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC	G				
Bán buôn tổng hợp		46	469	4690	46900
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp		47	471	4711	
Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp		47	471	4719	
VẬN TẢI KHO BÃI	**H**				
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan		52	521	5210	52101
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)		52	521	5210	52102
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác		52	521	5210	52109
Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển		52	522	5229	52291

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Logistics		52	522	5229	52292
Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu		52	522	5229	52299
Bưu chính		53	631	5310	53100
DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG	**I**				
Khách sạn		55	551	5510	55101
Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày		55	551	5510	55102
Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày		55	551	5510	55103
Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự		55	551	5510	55104
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động		56	561	5610	
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	**L**				
Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở		68	681	6810	68101
Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở		68	681	6810	68102
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở		68	681	6810	68103
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở		68	681	6810	68104
Kinh doanh bất động sản khác		68	681	6810	68109
HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**M**				
Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật		69	691	6910	69101
Hướng dẫn chung và tư vấn, chuẩn bị các tài liệu pháp lý		69	691	6910	69102
Hoạt động pháp luật khác		69	691	6910	69109
Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế		69	692	6920	69200
HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	**N**				
Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm		78	781	7810	78100
Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp		82	821	8211	82110
NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ	**R**				
Hoạt động của các cơ sở thể thao		93	931	9311	93110
Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao		93	931	9312	93120

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Hoạt động thể thao khác		93	931	9319	93190
Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề		93	932	9321	93210
Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu		93	932	9329	93290

5.1.4. Phạm vi

a). Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án.

Chủ đầu tư là Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành đã đầu tư, xây dựng KCN hoàn chỉnh về mặt cơ sở hạ tầng như: giao thông, liên lạc, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện trên diện tích 124,48 ha. Sau đó, mời gọi các Công ty trong và ngoài nước vào đầu tư với các chế độ ưu đãi hợp lý.

Các hạng mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.200 m^3/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A) được xả ra suối Hồ Đá.

- Một (01) kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 15,2 m^2.

- Một (01) kho chứa chất thải thông thường với diện tích 15,2m^2.

- Hệ thống cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly, cây xanh đường giao thông.

5.1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp trong KCN, lượng nước thải này được thu gom, xử lý tại hệ thống XLNT của KCN đạt QCVN 40:2025/BTNMT(cột A) trước khi xả ra suối Hố Đá. Suối Hố Đá thuộc lưu vực sông Thị Tính và sông Thị Tính là nguồn nước mặt được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Do đó, dự án không xả thải trực tiếp vào nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

Dự án nằm trong khu đất được quy hoạch là đất khu công nghiệp, hiện nay đã đầu tư hệ thống thu gom nước mưa, nước thải và hệ thống XLNT công suất...khi triển khai nâng công suất hệ thống XLNT, chủ đầu tư lắp đặt và bổ sung hoàn thiện công trình.

Vì vậy dự án không thuộc đối tượng được quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e, khoản 4, Điều 25 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường.

Giai đoạn thi công xây dựng.

Bảng 0- 5: Tóm tắt các tác động đến môi trường trong giai đoạn lắp đặt

TT	Hoạt động	Tác nhân	Đối tượng bị tác động
1	Lắp đặt máy móc thiết bị	Bụi, khí thải từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải	Chất lượng môi trường không khí Giao thông khu vực Tiếng ồn
		Khí thải do các phương tiện vận chuyển, lắp ráp: Ô tô, máy nâng, xe cẩu, …	
		Ô nhiễm nhiệt	
		Nước mưa chảy tràn	
2	Hoạt động của công nhân	Nước thải sinh hoạt	Môi trường nước mặt Môi trường đất, nước ngầm Cảnh quan khu vực Dự án và khu vực xung quanh Sức khỏe của công nhân

Giai đoạn vận hành

Bảng 0- 6: Các tác động trong giai đoạn hoạt động của dự án

Nguồn tác động	Hoạt động phát sinh	Tác nhân gây tác động	Đối tượng bị tác động
A. Nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải			
Khí thải	Các hoạt động giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của các Doanh nghiệp khu công nghiệp	Bụi đất cuốn từ mặt đất, các khí thải sinh ra do đốt nhiên liệu vận hành xe: Bụi, NO_x, SO_x, CO,…	Môi trường không khí
	Hoạt động sản xuất của các Doanh nghiệp KCN	Bụi, khí thải, nhiệt độ từ hoạt động sản xuất Mùi từ gia vị, phụ gia,...	
	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải và khu tập trung chất thải rắn	Mùi hôi, sol khí	
Nước thải	Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên hoạt động tại văn phòng KCN và trạm XLNT tập trung	Chất hữu cơ, các chất lơ lửng, cặn bã và các vi sinh vật gây bệnh	Môi trường nước mặt, nước ngầm
	Nước thải sản xuất từ hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN	Chất hữu cơ, các chất lơ lửng, cặn bã và các vi sinh vật gây bệnh, bụi sản phẩm, mùi hôi, bùn dư, rác thải	

Chất thải rắn	Rác thải sinh hoạt	Chất rắn, chủ yếu là hữu cơ như thức ăn thừa, vỏ trái cây,…	Môi trường nước mặt, đất, nước ngầm
	Chất thải công nghiệp	Chủ yếu là: bao bì, giấy, nhựa,…	
	Chất thải nguy hại	Chủ yếu là: thùng đựng hóa chất thải, giẻ lau dính nhớt, nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang, pin, hộp mực thải,…	
B.Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải			
Tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa	Hoạt động của máy móc, thiết bị trạm XLNT tập trung. Hoạt động của các phương tiện giao thông	Tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa	Sức khỏe công nhân
Nước mưa chảy tràn	Từ lượng mưa vượt thấm trên toàn bộ diện tích hạ tầng KCN	Nước mưa chảy tràn, chất lơ lửng	Môi trường nước mặt
Mất an ninh, trật tự	Thuê người lao động của các doanh nghiệp trong KCN	Văn hóa xã hội, sinh hoạt của người lao động	Nhân dân địa phương

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án.

5.3.1. Nước thải, khí thải

a). Nước thải

**** Trong giai đoạn thi công xây dựng:***

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công với lưu lượng khoảng 1 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD_5, TSS, Amoni, Coliform;

- Nước thải xây dựng: Hoạt động rửa bánh xe của phương tiện ra, vào công trường, vệ sinh dụng cụ thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 0,5 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, pH.

- Nước mưa chảy tràn trong công trường thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 5.304 l/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, đất cát.

- Nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp trong KCN với lưu lượng khoảng 305 - 530m^3/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD_5 (20^oC), COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thuỷ ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorua, Coliform.

**** Trong giai đoạn vận hành:***

- Hoạt động sinh hoạt của nhân viên nhà điều hành KCN Chơn Thành 1 phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng 1 m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD_5, TSS, Amoni, Coliform;

- Hoạt động từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp (KCN) với lưu lượng khoảng 900m^3/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD_5 (20^oC), COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thuỷ ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorua, Coliform

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên toàn bộ diện tích Dự án với lưu lượng khoảng 7.948 l/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, đất, cát.

b. Khí thải.

**** Trong giai đoạn thi công xây dựng:***

- Bụi phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng, phát quang, thu gom thực bì.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển sinh khối thực vật; đào đắp, thi công san nền; vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công, hoạt động của phương tiện thi công trên công trường và thi công xây dựng các hạng mục công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng, gồm: Bụi, SO_2, NO_x, CO.

**** Trong giai đoạn vận hành:***

- Mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động xử lý nước thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Amoniac (NH_3), Metal (CH_4).

- Hoạt động của máy phát điện dự phòng và phương tiện giao thông phát sinh khí thải có thành phần chủ yếu gồm: SO_2, NO_x, CO.

5.3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại.

a). Chất thải rắn.

**** Trong giai đoạn thi công xây dựng.***

- CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 5 kg/ngày, bao gồm cả nhân viên tại khu nhà điều hành KCN và công nhân xây dựng. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh CTR xây dựng khoảng 203kg trong suốt quá trình xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm: đất, cát rơi vãi, bao bì xi măng, đầu mẫu sắt thép thừa, gạch vỡ, xi măng hư hỏng.

**** Trong giai đoạn vận hành:***

- Chất thải rắn sinh hoạt của nhân viên tại dự án phát sinh tối đa 8kg/ngày. Đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy, nilon, chai lọ nhựa thải bỏ,...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chủ yếu là Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ, Rác thải đường phố, cây xanh, Bùn thải từ nạo vét định kỳ các hố ga thoát nước mưa, Rác tại hố thu gom: gồm bịch nilong, hộp xốp, dây nhợ, hạt nhựa….. phát sinh khoảng 34,67kg/ngày.đêm

b. Chất thải nguy hại.

**** Trong giai đoạn thi công xây dựng.***

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1kg/tháng. Thành phần gồm: Giẻ lau dính dầu nhớt thải, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, cặn sơn thải.

**** Trong giai đoạn vận hành:***

Chất thải nguy hại phát sinh tối đa là 294,75kg/tháng, bao gồm: dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, hộp mực thải, Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp, Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại

5.3.3. Tiếng ồn, độ rung.

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các loại máy móc tham gia thi công, vận chuyển nguyên vật liệu.

b). Trong giai đoạn vận hành:

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển; hoạt động của thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất;

- Độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc vận chuyển, máy phát điện.

5.3.4. Các tác động khác

- Các tác động khi sảy ra sự cố trong quá trình hoạt động như sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; sự cố đối với công trình thu gom, xử lý nước thải.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

5.4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải.

5.4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nhân viên khu nhà điều hành KCN và từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp (KCN) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 600 m^3/ngày đêm để xử lý:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lược rác thô → Bể gom → Lược rác

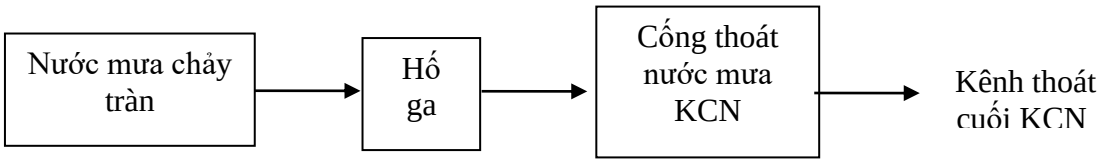
tinh → Bể điều hòa → Cụm bể heo tụ, tạo bông → Bể lắng 1 → Bể Aerotank→ Bể lắng 2 → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Đồng hồ đo lưu lượng → Trạm quan trắc nước thải tự động → Thải ra suối Hồ Đá.

- Biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn:

Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện, nước mưa sẽ tự chảy theo địa hình từ Đông – Bắc xuống Tây – Nam để thoát ra suối Hố Đá.

Cống được xây dựng dưới vỉa hè bằng cống bê tông ly tâm (kích thước: Φ400, 500, 600, 800, 1000, 1200, 1500) có tổng chiều dài 10.980m và 300 hố ga lắng cặn được bố trí dọc hai bên hành lang các tuyến đường trong KCN.

+ Quy trình xử lý:



b). Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên khu nhà điều hành KCN và từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp (KCN) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 1.200 m^3/ngày đêm để xử lý:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Lược rác thô → Bể gom → Lược rác tinh trống quay → Bể tách dầu - điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng bùn sinh học → Bể trung gian → Bể heo tụ, tạo bông → Bể lắng bùn hóa lý → Bể khử trùng → Mương quan trắc nước thải tự động → Thải ra suối Hồ Đá.

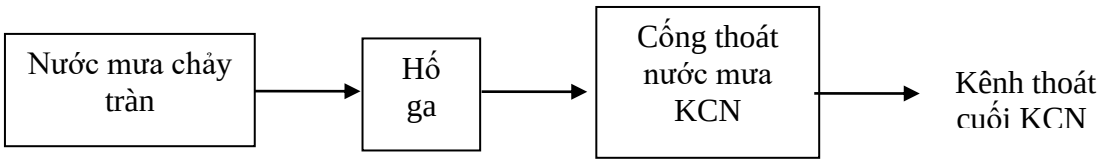
- Bùn thải được đưa về bể nén bùn sau một thời gian nén cố định để gia tăng nồng độ và cô đặc, bùn sẽ được đưa vào máy ép bùn băng tải để giảm độ ẩm và thể tích của bùn. Bùn khô sau khi ép tách nước được sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định..

- Nước mưa chảy tràn:

Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện, nước mưa sẽ tự chảy theo địa hình từ Đông – Bắc xuống Tây – Nam để thoát ra suối Hố Đá.

Cống được xây dựng dưới vỉa hè bằng cống bê tông ly tâm (kích thước: Φ400, 500, 600, 800, 1000, 1200, 1500) có tổng chiều dài 10.980m và 300 hố ga lắng cặn được bố trí dọc hai bên hành lang các tuyến đường trong KCN.

+ Quy trình xử lý:



5.4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải.

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Các phương tiện giao thông khi vào dự án phải đậu đúng vị trí quy định và phải tắt máy xe, sau khi bóc dỡ các loại máy móc, thiết bị xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

- Các phương tiện giao thông vận tải và các máy thi công cơ giới phải sử dụng đúng với thiết kế của động cơ mô tơ, không hoạt động quá công suất thiết kế.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân lắp đặt.

- Toàn bộ lượng đất đào được tận dụng để san nền tại vùng trũng thấp của Dự án.

b). Trong giai đoạn vận hành:

- Đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu ≥10% diện tích toàn KCN;

- Tiếp tục duy trì khoảng cách ly giữa dự án với các đối tượng tiếp giáp xung quanh dày khoảng 30 - 50m (tùy thuộc vào từng vị trí khu dự án).

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế hệ thống xử lý nước thải

5.4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

5.4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại → Hợp đồng với các đơn vị thu gom và vận chuyển đem đi xử lý tuân thủ các quy định hiện hành

b). Trong giai đoạn vận hành:

- **Chất thải rắn sinh hoạt**:

a. Đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Chơn Thành 1.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại KCN Chơn Thành 1: Hiện nay tất cả các doanh nghiệp phải tự hợp đồng thu gom xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường. Cơ quan môi trường sẽ kiểm tra xử lý trực tiếp các Công ty này. Trường hợp các Công ty này vi phạm, nếu phát hiện, Ban quản lý KCN Chơn Thành 1 sẽ báo cáo cho cơ quan môi trường để kiểm tra xử lý.

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm rác thực phẩm, giấy vụn, nylon, thủy tinh, vỏ lon,… phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay, Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại

các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn Thành 1 được các công ty tự thu gom về khu vực tập trung tại mỗi Công ty và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

b. Đối với chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1

- Rác thải sinh hoạt của nhân viên tại nhà điều hành Công ty được thu gom về thùng chứa rác có dung tích 120 lít. Chất thải sinh hoạt phát sinh ngoài các công ty trong KCN được đội vệ sinh của KCN thu gom. Công ty đã bố trí các thùng rác, dung tích 120 lít để thu gom rác thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên.

Chất thải sinh hoạt phát sinh nhà điều hành Công ty được thu gom, đồng thời hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ vệ sinh Môi trường Tiến Dũng (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Chơn Thành 1.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường của các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn Thành 1 được các Công ty tự thu gom, phân loại và lưu trữ theo đúng quy định. Các công ty tự hợp đồng với các đơn vị có chức năng theo quy định để thu gom và xử lý chất thải rắn sản xuất không nguy hại.

Đối với chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1

Chất thải rắn CNTT được nhân viên vệ sinh của KCN Chơn Thành 1 thu gom bằng thùng chứa rác 120 L di động sau đó tập trung tại các vị trí thuận lợi, dọc đường trong KCN và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo quy định.

Bùn thải nạo vét định kỳ hố ga nước mưa Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo quy định, được thu gom trực tiếp khi thực hiện nào vét, cơ sở không lưu chứa.

5.4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải nguy hại → Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

b). Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Chơn Thành 1.

Chất thải nguy hại của các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn thành 1 phát sinh được các công ty thu gom, phân loại và lưu trữ theo đúng quy định. Các công ty tự ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại

- Đối với chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1.

Chất thải nguy hại phát sinh nhà điều hành Công ty được thu gom, đồng thời hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Qúy (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ

lục).

Kho lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật đặt tại khu xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp có kích thước LxB = 3,8 x 4 = 15,2 m^2.

Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)… theo quy định.

5.4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung.

a). Trong giai đoạn thi công.

- Các đơn vị thi công sử dụng các phương tiện thi công hiện đại có độ ồn nhỏ để thi công nền móng.

- Đối với các xe vận chuyển nguyên vật liệu thi công, quy định tốc độ và cấm bóp còi khi xe đi qua những nơi đông dân cư, trường học, trạm y tế.

Tiếng ồn sinh ra do các phương tiện giao thông vận tải vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị thi công trên công trường phải đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và nằm trong giới hạn cho phép đối với khu dân cư theo QCVN hiện hành

b). Trong giai đoạn vận hành:

- Tạo khoảng cây xanh cách ly với khu vực xung quanh có bề dày từ 30-50m (tùy thuộc vào từng vị trí cụ thể của khu đất dự án).

- Quy hoạch sử dụng đất hợp lý. Những ngành nghề phát sinh tiếng ồn tương đối lớn sẽ bố trí xa khu vực dân cư.

5.4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

5.4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a). Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động, tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị bảo hộ lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy, trong quá trình thi công nếu xảy ra sự cố cháy nổ, đơn vị thi công phải ứng cứu ngay các đối tượng trong khu vực nguy hiểm.

b). Trong giai đoạn vận hành:

- Công trình, phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý nước thải, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

+ Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý vận hành đúng công suất.

+ Sử dụng máy phát điện dự phòng để cấp điện kịp thời cho hệ thống xử lý hoạt động.

+ Sử dụng các bơm, thiết bị dự phòng sẽ được trang bị cho hệ thống xử lý để kịp thời thay thế khi gặp sự cố hư hỏng thiết bị.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống van chặn tại các bể của trạm xử lý nước thải. Trường hợp trạm xử lý nước thải gặp sự cố, tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để kiểm tra, khắc phục, sửa chữa. Nước thải được bơm và lưu giữ tại hồ sự cố. Sau khi hoàn thành sửa chữa trạm xử lý nước thải, bơm nước thải từ hồ sự cố về trạm xử lý nước thải để xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Bố trí nhân viên vận hành đúng chuyên môn, kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

<u>Các trường hợp khi xảy ra sự cố:</u>

Trường hợp 1: Chất lượng nước thải sau xử lý không đạt

Nước thải sau xử lý tại bể chứa trung gian sẽ được bơm về Hồ sự cố thông qua đường ống.

Nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tái xử lý.

Trường hợp 2: Nồng độ nước thải đầu vào vượt ngưỡng cho phép tiếp nhận của hệ thống

Nước thải từ bể gom nước thải sẽ bơm về Hồ sự cố cho đến khi nồng độ nước thải đầu vào nhỏ hơn hoặc bằng giá trị cho phép.

Nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tái xử lý.

Trường hợp 3: Khi bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh hệ thống

Nước thải trong bể điều hòa sẽ bơm tạm về Hồ sự cố để phục vụ công tác bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc nuôi cấy tạm vi sinh cho hệ thống.

Khi hệ thống được khắc phục và hoạt động ổn định bình thường thì nước thải trong hồ sự cố sẽ được cân đối và bơm về Bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

<u>Biện pháp giảm thiểu tác động đến nguồn nước tiếp nhận</u>

Để giảm thiểu và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty sẽ tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu, cụ thể:

- Tất cả nguồn nước thải phát sinh đều phải qua hệ thống xử lý nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào nguồn tiếp nhận;

- Theo dõi chất lượng nước thải đầu vào, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống XLNT tập trung của KCN nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống;

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế;

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống XLNT; về phương án phòng ngừa và khắc phục sự cố đối với hệ thống XLNT;

- Rà soát chương trình vận hành và bảo dưỡng thiết bị của hệ thống xử lý định kỳ;

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát, rãnh dẫn nước thải đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh;

- Vận hành Nhà máy XLNTTT của KCN theo đúng quy trình để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép và đạt tính ổn định của hệ thống xử lý;

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải để có các biện pháp phòng ngừa và ứng phó kịp thời;

- Kiểm tra định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý và nguồn tiếp nhận để đảm bảo lượng nước xả thải không gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sau xử lý đều được quan trắc tự động bằng trạm quan trắc tự động được đặt tại mương thu gom nước thải sau xử lý bằng các thiết bị tự động các thông số ô nhiễm chủ yếu: lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni. Hệ thống này cho phép giám sát chất lượng nước thải tự động 24/24 giờ. Việc quan trắc tự động sẽ giúp phát hiện và cảnh báo nếu như nồng độ của một trong các thông số ô nhiễm quan trắc vượt quy chuẩn để đưa nước thải về hồ sự cố. Đồng thời, nhật ký nồng độ các thông số cũng được lưu trữ tự động tiện cho việc quản lý, kiểm tra khi cần thiết.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn, độ rung

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại giữa khu vực thi công lắp đặt HTXLNT.

+ Thông số: tiếng ồn, độ rung, bụi, CO, SO_2, NO_2.

+ Tần số thu mẫu và phân tích: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành.

a. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí

+ Vị trí 1: tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, Màu, pH, BOD_5 (20^oC), COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thuỷ ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorua, Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/1 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT cột A hệ số Kq=0,9; Kf = 1,0

b. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

CHƯƠNG 1.MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án:

- **Tên dự án**: *"*Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)"
- **Tên chủ dự án**: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành.
  + Trụ sở chính: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước).
  + Điện thoại: 0918454516
  + Địa điểm thực hiện dự án: phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)
- **Vị trí địa lý.**

KCN Chơn Thành I có tổng diện tích 124,4838 ha tọa lạc tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước), với vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp đường số 06, kế tiếp là KCN Chơn Thành II.
- Phía Nam: giáp Tỉnh lộ (ranh giới giữa tỉnh Bình Dương cũ và Bình Phước cũ).
- Phía Đông: giáp Quốc lộ 13.
- Phía Tây: giáp kênh thoát nước và đất trồng cao su.

Bảng 1- 1: Tọa độ các mốc ranh giới khu đất dự án

STT	Điểm góc	Tọa độ (hệ VN 2000, múi chiếu 3ºBình Phước)	
		X (m)	Y (m)
1	M1	1259913,6	537411,4
2	M2	1259842,3	539487,3
3	M3	1259492,9	539617,8
4	M4	1259473,8	539222,1
5	M5	1259340,8	539273,1
6	M6	1259299,6	538772,9
7	M7	1259385,7	538773,0
8	M8	1259403,0	538300,0
9	M9	1259258,7	538292,9
10	M10	1259022,2	537608,8
11	M11	1259436,3	537390,8



Hình 1-1: Vị trí KCN Chơn Thành I với các điểm tiếp giáp.



Hình 1-2: Sơ đồ vị trí KCN Chơn Thành I trên địa bàn tỉnh Bình Phước cũ

Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội và các đối tượng khác

❖ *Dân cư*

- Giáp ranh với Trường Cao Đẳng nghề Bình Phước hiện hữu ở phía Nam của KCN (phạm vi tỉnh Bình Phước cũ).

- Giáp ranh phía dự án Khu đô thị Phúc An Garden (Phúc An City Bình Dương) ở phía Nam của KCN (bên kia tỉnh lộ, địa phận tỉnh Bình Dương cũ).

- Tiếp giáp với KCN Chơn Thành 2 hiện hữu đang hoạt động ở phía Bắc của KCN.

- Cách KCN Becamex – Chơn Thành khoảng 5,5 km về phía Đông Bắc của KCN;

- Cách UBND xã Thành Tâm 500m về phía Đông Bắc của KCN.

- Cách KCN Minh Hưng III khoảng 8,5 km về phía Bắc;

Trong vòng bán kính 2km xung quanh khu vực dự án không có công trình kiến trúc, di tích lịch sử nào cần bảo tồn.

❖ *Hệ thống sông, suối, ao hồ*

Sát ranh KCN Chơn Thành I tại phía Tây giáp ranh với suối Hố Đá. Suối Hố Đá có chiều dài ngắn. Suối Hố Đá có bề rộng dao động khoảng 2 – 5m, trung bình khoảng 3m; chiều sâu khoảng 2 – 4m, trung bình khoảng 3m. Lưu lượng của suối Hố Đá khoảng 12 - 18 m^3/s trong mùa mưa, và thấp hơn 1 m^3/s trong mùa khô. Đoạn cuối của suối Hố Đá hợp lưu với suối Đôi và đổ về suối Ông Thành, suối Ông Thành hợp lưu với suối Bà trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũ sau đó đổ ra suối Căm Xe và chảy ra sông Thị Tính (suối Bà Vã).

Suối Hố Đá là nguồn tiếp nhận nước mưa và nước thải của KCN Chơn Thành I.

❖ *Các công trình kiến trúc, đối tượng kinh tế - xã hội*

Trong vòng bán kính 2 km xung quanh khu vực dự án không có công trình kiến trúc, công trình văn hóa, tôn giáo và di tích lịch sử đặc biệt hay đối tượng kinh tế - xã hội đặc biệt. Lân cận khu vực dự án không có vườn quốc gia, khu bảo tồn, di tích, những vùng nhạy cảm môi trường.

❖ *Vị trí dự án so với đường giao thông*

KCN Chơn Thành I nằm tại phường Thành Tâm, T.X Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nay là phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai. Phía Đông giáp QL13, phía Nam giáp với trục tỉnh lộ chạy dọc ranh giới giữa 2 tỉnh Bình Dương cũ (nay là Tp. HCM) và Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai), phía Bắc giáp với đường trục chính số 6 là của KCN đi ra QL13.

– **Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án.**

KCN Chơn Thành I đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đang đi vào hoạt động.

Tổng diện tích đất theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai) phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 KCN Chơn Thành giai đoạn và quy hoạch mới theo Quyết định số 2244/QĐ–UBND của UBND tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai) ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I không thay đổi là 124,4838 ha.

Bảng 1- 2: Các hạng mục công trình của dự án

TT	Hạng mục sử dụng đất	Đã phê duyệt		Sau khi điều chỉnh cho đến nay		Theo quy định	Tăng / giảm
		Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)		

TT	Hạng mục sử dụng đất	Đã phê duyệt		Sau khi điều chỉnh cho đến nay		Theo quy định	Tăng / giảm
		Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)		
1	Đất xây dựng nhà máy	730.568	58,69	827.623	66,48	≥55%	97.055
2	Đất cây xanh	161.504	12,97	139.546	11,21	≥10%	-21.958
3	Đất giao thông + đường sắt Xuyên Á	189.223	15,20	209.976	16,87	≥8%	20.753
4	Đất điều hành, dịch vụ	131.002	10,52	31.471	2,53	≥1%	-99531
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	32.541	2,61	36.222	2,91	≥1%	3681
Tổng cộng		**1.244.838**	**100,0**	**1.244.838**	**100,0**		

(Nguồn: Theo Quyết định số 2244/QĐ–UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I)

– **Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật**

❖ *Giao thông*

- Trục đường chính số 6 lộ giới 52m (mặt đường mỗi bên rộng 15m, vỉa hè 8mx2, giải phân cách rộng 6m), dãy cây xanh cách ly mỗi bên rộng 12,25m;

- Đường nội bộ KCN lộ giới 24m (mặt đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 8m);

- Đường tỉnh lộ phía Nam lộ giới 32m (mặt đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 10m).

❖ *Hệ thống cấp nước*

Nguồn cung cấp nước: sử dụng nguồn cấp thủy cục từ Công ty Cổ phần nước Môi trường Bình Dương – CN cấp nước Chơn Thành để cấp nước cho các nhà máy sản xuất trong KCN.

Tổng lượng nước cấp theo quy hoạch của toàn KCN ước tính khoảng khoảng 24.820-32.775m^3/ngày.tháng m^3/ngày.

Khu công nghiệp đã thi công hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước: tuyến chính D = 300 và D = 250 từ phía Tây sang Đông (hướng ra QL13), trên các tuyến này bố trí các giếng dọc theo các khu cây xanh. Tại các khu vực xây dựng nhà máy, bố trí các tuyến cấp nước có đường kính D = 150 theo tuyến dọc thành mạng vòng cấp nước cho khu vực xây dựng ngắn hạn, nối với các khu trên bằng các tuyến D = 250 dọc theo đường số 1, số 7 và QL14. Để điều hòa áp lực, bố trí 2 đài nước W = 150 m^3, H = 18m ở phía Đông và Tây khu vực thiết kế. Ngoài ra, trên mạng lưới bố trí các trụ cứu hỏa D = 100 với khoảng cách 150 m một trụ (đài nước đảm bảo chiều cao và 5% nhu cầu cấp nước, khoảng 300

m^3/ngày). Tổng chiều dài mạng lưới cấp nước: 6.630 m, trong đó ống có đường kính D = 300 dài 3.465 m; ống có D = 250 dài 2.265 m; ống có D = 150 dài 900 m.

❖ *Hệ thống cấp điện*

Nguồn điện cung cấp cho các hoạt động của KCN được lấy từ mạng điện lưới quốc gia (22KV đi song song với QL13), hệ thống điện trung thế được đầu tư dọc theo các trục đường nội bộ của KCN và hạ thế trước khi chuyển vào sử dụng cho các nhà máy theo nhu cầu sử dụng.

Về đường điện trong KCN được đi nổi (để đảm bảo vận hành và chi phí đầu tư thấp), tương lai khi có điều kiện sẽ được thay thế bằng cáp ngầm. Đường điện 22KV từ trạm biến áp đến các nhà máy và các đơn vị tiêu thụ điện khác sử dụng dây nhôm hoặc nhôm lõi thép đặt trên trụ bê tông cao 14m với khoảng cách giữa các trụ là 40m. Các trụ bê tông đặc trên vỉa hè đảm bảo đúng vị trí theo quy định về "tổng hợp đường dây đường ống".

❖ *Hệ thống thông tin liên lạc:*

Hệ thống thông tin liên lạc với chức năng liên lạc, truyền thông tin, thông báo, tìm kiếm dữ liệu,… khi cần thiết. Hệ thống thông tin liên lạc trong Khu công nghiệp gồm các loại hình như sau:

- Hệ thống Internet;
- Hệ thống điện thoại;
- Camera.

❖ *Cây xanh:*

Cây xanh trong KCN có các loại sau:

- Cây xanh, thảm cỏ trồng trên vỉa hè KCN: Diện tích để trồng cây xanh và cỏ vỉa hè khoảng 47.947 m^2. Cây xanh trồng trong KCN bao gồm một số loại cây xanh có khả năng thích nghi với thổ nhưỡng và điều kiện khí hậu tại khu vực dự án như: cây bàng lá nhỏ, cây bằng lăng, cây osaka, cây viết, cây me tây ….
- Cây xanh trồng tại các khu vực tập trung công cộng và mặt nước: Diện tích khoảng 44.500 m^2;
- Cây xanh trồng tại các khu vực cách ly: Cây trồng chủ yếu là cây lâm nghiệp như keo lá tràm, bạch đàn,… diện tích trồng là 69.057 m^2.

Hiện tại KCN đã đầu tư cây xanh với diện tích 139.546 m^2 đảm bảo đạt >10% theo quy định.

Mỗi nhà máy trong KCN sẽ bố trí diện tích cây xanh theo đúng quy định tối thiểu bằng 20% tổng diện tích nhà máy.

❖ *Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:*

− *Hệ thống thu gom và thoát nước mưa*

Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện, nước mưa sẽ tự chảy theo địa hình từ Đông – Bắc xuống Tây – Nam để thoát ra suối Hố Đá.

Cống được xây dựng dưới vỉa hè bằng cống bể tông ly tâm (kích thước: Φ400, 500, 600, 800, 1000, 1200, 1500) có tổng chiều dài 10.980m và 300 hố ga lắng cặn được bố trí dọc hai bên hành lang các tuyến đường trong KCN.

Các hố thu đảm bảo quy phạm để thu hết nước mưa trong từng lô đất công nghiệp và dịch vụ và nước mưa trên đường KCN, sau đó dẫn ra suối Hố Đá.

− *Hệ thống thu gom nước thải*

Hệ thống thu gom nước thải được tách ra riêng với hệ thống thoát nước mưa được thiết kế bằng bê tông. Nước thải từ các nhà máy thứ cấp được thu gom bằng cống bê tông ly tâm (kích thước Φ400, 500, 600) có tổng chiều dài 9.350m và 255 hố ga lắng cặn được xây dựng dọc theo các tuyến đường nội bộ của KCN.

Tất cả nước thải (nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn) của từng nhà máy phải được xử lý riêng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN. Nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng quản lý của KCN được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó thải vào hệ thống cống thu gom nước thải của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý của KCN đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq = 0,9, K_f = 1,0 và xả ra suối tự nhiên bằng đường ống kín.

Mạng lưới đường cống:

- BTCT đúc ly tâm được quy hoạch đặt trên các vỉa hè của các tuyến hè – đường KCN;

- Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,7 m, trung bình khoản 40 m có một hố ga thăm dò;

- Độ dốc cống đảm bảo tiêu chuẩn quy phạm với yêu cầu tự chảy để thu gom và chảy về trạm xử lý tập trung.

− *Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN*

Hiện nay, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành đã đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tập trung giai đoạn 1 - phân kỳ 1, công suất 600 m^3/ngày.đêm; còn giai đoạn 1 – phân kỳ 2 và giai đoạn 2 thì chưa xây dựng. Trạm XLNT tập trung của KCN đã tiếp nhận nước thải của 46 nhà máy đang hoạt động có đấu nối nước thải với tổng khoảng 305 - 530m^3/ngày (chi tiết được trình bày trong chương 3). Với lưu lượng nước thải phát sinh hiện nay, hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng đang vận hành hiệu quả.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung đã xây dựng như sau:

Nước thải đầu vào đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B → lược rác thô → hầm bơm → lược rác tinh → bể điều hòa → cụm bể keo tụ tạo bông → bể lắng 1 → bể Aerotank → bể lắng 2 → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k_q = 0,9, k_f = 1,0 xả ra suối Hồ Đá.

- *Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại*

Đối với KCN:

Đã bố trí kho chứa chất thải rắn thông thường không nguy hại có diện tích 16 m^2 và kho chứa CTNH có diện tích 16 m^2 trong khuôn viên Nhà máy xử lý nước thải tập trung. Kho chứa có mái che, tường gạch, nền bê tông chống thấm, có bố trí bình chữa cháy và kho chứa CTNH còn có mương thu gom phòng ngừa sự cố, biển cảnh báo, thiết bị phân loại và mã CTNH theo quy định.

Đã hợp đồng và chuyển giao rác sinh hoạt và chất thải rắn thông thường với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Đã hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

Đối với các nhà máy thứ cấp:

- Các đơn vị thứ cấp sau khi đầu tư vào KCN sẽ tự bố trí kho chứa phù hợp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý chất thải phát sinh, cam kết quản lý toàn bộ chất thải rắn nói chung theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- **Mục tiêu, quy mô, công suất, công nghệ và loại hình của dự án**

Mục tiêu:

KCN Chơn Thành I được thành lập nhằm mục tiêu cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai). Với mục tiêu cụ thể là phát triển nguồn lao động của tỉnh, tạo công ăn việc làm cho người lao động, ổn định kinh tế xã hội, đa dạng hóa các ngành công nghiệp trong tỉnh.

Nhận thấy nhu cầu phát triển, gia tăng sản xuất của các doanh nghiệp đầu tư tại KCN trong thời gian tới, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành sẽ nâng công suất hệ thống xử lý nước thải từ 600 m^3/ngày đêm lên 1.200 m^3/ngày đêm (Nhu cầu xả thải của các doanh nghiệp hiện nay khi tỷ lệ lấp đầy 85% là 305 - 530m^3/ngày và khi tỷ lệ lắp đầy 100% là khoảng 900 m^3/ngày).

Việc nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN không làm thay quy mô KCN như quy hoạch ban đầu mà Chủ đầu tư đã đề ra. Chủ đầu tư vẫn hướng đến việc

xây dựng một KCN hiện đại, tiên tiến, đáp ứng đầy đủ được cơ sở hạ tầng, là nơi đáng tin cậy để các nhà đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, góp phần phát triển kinh tế chung cho tỉnh.

Quy mô, công suất:

- KCN Chơn Thành I được xây dựng và bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2004 với quy hoạch tổng diện tích là 124,4838 ha, trong đó:

+ Khu Công Nghiệp Chơn Thành với tổng diện tích quy hoạch là 500 ha đã được phê duyệt theo quyết định số 15/CP-KCN ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giai đoạn 1 của Khu Công Nghiệp Chơn Thành được thành lập theo Quyết định số 399/QĐ-UB ngày 17/03/2003 của UBND tỉnh Bình Phước với diện tích quy hoạch 115 ha và được Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết KCN Chơn Thành giai đoạn 1 theo Quyết định số 283/QĐ-BXD ngày 24/02/2004 (đã được Ủy Ban Nhân Dân Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai) phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 2626/QĐ-UB ngày 14/10/2004).

+ Ngày 14/12/2009, UBND tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai) ban hành Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Chơn Thành Giai đoạn 1. Theo Quyết định, KCN Chơn Thành giai đoạn 1 được điều chỉnh quy mô diện tích từ 115 ha lên 124,48 ha và bổ sung ngành luyện kim và ngành phân bón vào KCN Chơn Thành Giai đoạn 1 và đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 03/08/2010.

+ Năm 2019, UBND tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai) ban hành Quyết định số 2244/QĐ–UBND ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I, với nội dung điều chỉnh: điều chỉnh tên gọi từ KCN Chơn Thành giai đoạn 1 thành KCN Chơn Thành I và "*Điều chỉnh diện tích 15.248 m^2 đất cây xanh, thương mại dịch vụ và đất giao thông thành đất hạ tầng kỹ thuật để bố trí bãi kiểm hóa cho Cục Hải quan Bình Phước. Kí hiệu lô BB; Quy hoạch lại tuyến đường sắt Xuyên Á (Dĩ An – Lộc Ninh) với diện tích 23.859,2 m^2; Điều chỉnh một phần diện tích đất dịch vụ, đất hạ tầng kỹ thuật và đất cây xanh thuộc cụm A1 thành đất xây dựng nhà máy. Ký hiệu cụm A1, diện tích 110.504 m^2; Điều chỉnh khu đất giới hạn bởi đường trục chính KCN, đường quy hoạch số 9, đường đất phía Nam và đường sắt thành đất hành chính, dịch vụ. Ký hiệu cụm DV2, diện tích 28.859 m^2*" và đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 705/QĐ–UBND ngày 07/4/2020.

Cơ cấu sử dụng đất hiện nay của KCN được thực hiện theo Quyết định số 2244/QĐ–UBND ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I, cụ thể được trình bày tại bảng 1.2.

Công nghệ và loại hình dự án.

KCN Chơn Thành I có đặc thù là kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp vì vậy công nghệ sản xuất có liên quan đến ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN.

Hiện nay, KCN Chơn Thành I đang thu hút các ngành nghề đầu tư theo Giấy phép môi trường số 37/GP–UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước cũ cấp phép. KCN tập trung thu hút đầu tư các ngành nghề như sau:

Bảng 1- 3: Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Chơn Thành I

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	**A**				
Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm		01	014	0146	01461
CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	**C**				
Giết mổ gia súc, gia cầm		10	101	1010	10101
Chế biến và bảo quản thịt		10	101	1010	10102
Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt		10	101	1010	10109
Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản		10	102	1020	
Sản xuất nước ép từ rau quả		10	103	1030	10301
Chế biến và bảo quản rau quả khác		10	103	1030	10309
Sản xuất dầu, mỡ động vật		10	104	1040	10401
Sản xuất dầu, bơ thực vật		10	104	1040	10402
Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa		10	105	1050	10500
Xay xát		10	106	1061	10611
Sản xuất đường		10	107	1072	10720
Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo		10	107	1073	10730
Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự		10	107	1074	10740
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt		10	107	1075	10751
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản		10	107	1075	10752
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác		10	107	1075	10759
Sản xuất chè		10	107	1076	10760
Sản xuất cà phê		10	107	1077	10770
Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu		10	107	1079	10790
Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản		10	108	1080	10800
Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh		11	110	1101	11010

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất rượu vang		11	110	1102	11020
Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia		11	110	1103	11030
Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai		11	110	1104	11041
Sản xuất đồ uống không cồn		11	110	1104	11042
Sản xuất sợi		13	131	1311	13110
Sản xuất vải dệt thoi		13	131	1312	13120
Hoàn thiện sản phẩm dệt		13	131	1313	13130
Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác		13	139	1391	13910
Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)		13	139	1392	13920
Sản xuất thảm, chăn, đệm		13	139	1393	13930
Sản xuất các loại dây bện và lưới		13	139	1394	13940
Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu		13	139	1399	13990
May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)		14	141	1410	14100
Sản xuất sản phẩm từ da lông thú		14	142	1420	14200
Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc		14	143	1430	14300
Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú		15	151	1511	15110
Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm		15	151	1512	15120
Sản xuất giày, dép		15	152	1520	15200
Cưa, xẻ và bào gỗ		16	161	1610	16101
Bảo quản gỗ		16	161	1610	16102
Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác		16	162	1621	16210
Sản xuất đồ gỗ xây dựng		16	162	1622	16220
Sản xuất bao bì bằng gỗ		16	162	1623	16230
Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ		16	162	1629	16291
Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện		16	162	1629	16292
Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa		17	170	1702	17021
Sản xuất giấy nhăn và bìa nhăn		17	170	1702	17022
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu		17	170	1709	17090
In ấn		18	181	1811	18110

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Dịch vụ liên quan đến in		18	181	1812	18120
Sản xuất khí công nghiệp		20	201	2011	20111
Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ		20	201	2012	20120
Sản xuất plastic nguyên sinh		20	201	2013	20131
Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít		20	202	2022	20221
Sản xuất mỹ phẩm		20	202	2023	20231
Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh		20	202	2023	20232
Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu		20	202	2029	20290
Sản xuất thuốc các loại		21	210	2100	21001
Sản xuất hoá dược và dược liệu		21	210	2100	21002
Sản xuất bao bì từ plastic		22	222	2220	22201
Sản xuất sản phẩm khác từ plastic		22	222	2220	22209
Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng		23	231	2310	23101
Sản xuất thủy tinh rỗng và sản phẩm từ thủy tinh rỗng		23	231	2310	23102
Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh		23	231	2310	23103
Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ thủy tinh		23	231	2310	23109
Sản xuất sản phẩm chịu lửa		23	239	2391	23910
Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác		23	239	2393	23930
Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao		23	239	2395	23950
Sản xuất sắt, thép, gang		24	241	2410	24100
Sản xuất các cấu kiện kim loại		25	251	2511	25110
Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại		25	251	2512	25120
Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)		25	251	2513	25130
Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại		25	259	2591	25910
Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại		25	259	2592	25920

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng		25	259	2593	25930
Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn		25	259	2599	25991
Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu		25	259	2599	25999
Sản xuất linh kiện điện tử		26	261	2610	26100
Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính		26	262	2620	26200
Sản xuất thiết bị truyền thông		26	263	2630	26300
Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng		26	264	2640	26400
Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển		26	265	2651	26510
Sản xuất đồng hồ		26	265	2652	26520
Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp		26	266	2660	26600
Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học		26	267	2670	26700
Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học		26	268	2680	26800
Sản xuất mô tơ, máy phát		27	271	2710	27101
Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện		27	271	2710	27102
Sản xuất pin và ắc quy		27	272	2720	27200
Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học		27	273	2731	27310
Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác		27	273	2732	27320
Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại		27	273	2733	27330
Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng		27	274	2740	27400
Sản xuất đồ điện dân dụng		27	275	2750	27500
Sản xuất thiết bị điện khác		27	279	2790	27900
Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)		28	281	2811	28110
Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu		28	281	2812	28120
Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác		28	281	2813	28130
Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động		28	281	2814	28140
Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung		28	281	2815	28150
Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp		28	281	2816	28160
Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ		28	281	2817	28170

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)					
Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén		28	281	2818	28180
Sản xuất máy thông dụng khác		28	281	2819	28190
Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp		28	282	2821	28210
Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại		28	282	2822	28220
Sản xuất máy luyện kim		28	282	2823	28230
Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng		28	282	2824	28240
Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (Cơ sở đầu tư nhà máy chế biến sữa)		28	282	2825	28250
Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da		28	282	2826	28260
Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng		28	282	2829	28291
Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu		28	282	2829	28299
Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác		29	291	2910	29100
Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc		29	292	2920	29200
Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác		29	293	2930	29300
Sản xuất mô tô, xe máy (Sản xuất bộ phận và phụ tùng của xe mô tô)		30	309	3091	30910
Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật (Sản xuất các bộ phận và phụ tùng xe đạp, xe khuyết tật)		30	309	3092	30920
Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu		30	309	3099	30990
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ		31	310	3100	31001
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại		31	310	3100	31002
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác		31	310	3100	31009
Sản xuất nhạc cụ		32	322	3220	32200
Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao		32	323	3230	32300
Sản xuất đồ chơi, trò chơi		32	324	3240	32400
Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa		32	325	3250	32501
Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng		32	325	3250	32502
Sản xuất khác chưa được phân vào đâu		32	329	3290	32900

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	**D**				
Điện mặt trời		35	351	3511	35116
Điện khác		35	351	3511	35119
XÂY DỰNG	**F**				
Xây dựng nhà không để ở		41	410	4102	1020
BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC	G				
Bán buôn tổng hợp		46	469	4690	46900
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp		47	471	4711	
Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp		47	471	4719	
VẬN TẢI KHO BÃI	**H**				
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan		52	521	5210	52101
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)		52	521	5210	52102
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác		52	521	5210	52109
Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển		52	522	5229	52291
Logistics		52	522	5229	52292
Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu		52	522	5229	52299
Bưu chính		53	631	5310	53100
DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG	**I**				
Khách sạn		55	551	5510	55101
Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày		55	551	5510	55102
Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày		55	551	5510	55103
Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự		55	551	5510	55104
Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động		56	561	5610	
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG	**L**				

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
SẢN					
Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở		68	681	6810	68101
Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở		68	681	6810	68102
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở		68	681	6810	68103
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở		68	681	6810	68104
Kinh doanh bất động sản khác		68	681	6810	68109
HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**M**				
Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật		69	691	6910	69101
Hướng dẫn chung và tư vấn, chuẩn bị các tài liệu pháp lý		69	691	6910	69102
Hoạt động pháp luật khác		69	691	6910	69109
Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế		69	692	6920	69200
HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	**N**				
Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm		78	781	7810	78100
Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp		82	821	8211	82110
NGHỆ THUẬT, VUI CHƠI VÀ GIẢI TRÍ	**R**				
Hoạt động của các cơ sở thể thao		93	931	9311	93110
Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao		93	931	9312	93120
Hoạt động thể thao khác		93	931	9319	93190
Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề		93	932	9321	93210
Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu		93	932	9329	93290

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

Quy hoạch phân khu chức năng trong KCN

Theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước cũ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 KCN Chơn Thành I. Phân khu chức năng của KCN được quy định như sau:

- Đất xây dựng các xí nghiệp công nghiệp, kho tàng có diện tích 73,06 ha, được chia thành 10 cụm, mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao tối đa 3 tầng. Hiện tại ngành nghề đã thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp được phân bố như sau:

+ Công nghiệp Cơ khí điện máy được bố trí ở lô A3.3-4-7-8.
+ Kho chứa phân bón, nông sản được bố trí ở lô A2.1-3.
+ Công nghiệp sản xuất bông y tế được bố trí ở lô A2.6.
+ Công nghiệp vật liệu ngành xây dựng và gốm sứ được bố trí ở lô A3.1-5, A2.5-8-10.
+ Công nghiệp chế biến gỗ được bố trí ở lô A7.1-5, A6.4-8, A5.1-2-5-6, A.6.8, A7.1, A7.3-8.
+ Công nghiệp luyện cán thép được bố trí ở lô A7.2, A2.7-9.
+ Nhóm dự án sản xuất bao ngón tay cao su, bao găng tay cao su từ cao su đã qua sơ chế bố trí ở lô A2.4, A3.6
+ Nhóm dự án sản xuất, in ấn bao bì từ nhựa, hạt nhựa; Sản xuất, in ấn bao bì các loại bố trí ở lô A6.1-2-3-5-6-7, A4.1-5
+ Nhóm dự án sản xuất gia công đế giày, nguyên vật liệu đế giày (không có công đoạn thuộc da, chế biến mủ cao su) bố trí ở lô A8.1-2-5-6.
+ Đối với các lô đất còn lại của KCN, tuỳ tình hình thực tế tại Khu công nghiệp và nhu cầu của nhà đầu tư, các ngành nghề được phép thu hút sẽ được phân bố ở các lô còn lại của KCN nếu xét việc bố trí không gây ảnh hưởng nhiều đến các nhà máy lân cận, cũng như không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

- Khu vực dành để xây dựng các công trình điều hành và dịch vụ công cộng có diện tích 13,1 ha bố trí ở phía Đông KCN, tiếp giáp Quốc lộ 13, mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao tối đa 7 tầng.
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật có diện tích 3,25 ha gồm trạm điện 110/22KV và trạm xử lý nước thải bố trí góc Tây Nam của KCN, rác thải được thu gom trực tiếp tại từng nhà máy.
- Đất cây xanh có diện tích 16,15 ha bố trí ở khu điều hành và khu vực cách ly cho cụm công trình hạ tầng kỹ thuật, ngoài ra còn có các dãy cây xanh dọc hai bên các tuyến đường.

Theo Quyết định số 2244/QĐ–UBND của UBND tỉnh Bình Phước cũ ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I. Việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch để tăng/giảm diện tích đất của từng loại đất theo Quyết định được giải trình như sau:

- Điều chỉnh diện tích 15.248 m^2 đất cây xanh, thương mại dịch vụ và đất giao thông thành đất hạ tầng kỹ thuật để bố trí bãi kiểm hóa cho Cục Hải quan Bình Phước. Kí hiệu lô BB;
- Quy hoạch lại tuyến đường sắt Xuyên Á (Dĩ An – Lộc Ninh) với diện tích 23.859,2 m^2;

- Điều chỉnh một phần diện tích đất dịch vụ, đất hạ tầng kỹ thuật và đất cây xanh thuộc cụm A1 thành đất xây dựng nhà máy. Ký hiệu cụm A1, diện tích 110.504 m^2. Diện tích đất này được bố trí cho các ngành nghề sản xuất đã được UBND tỉnh Bình Phước cho phép (được liệt kê ở trên).
- Điều chỉnh khu đất giới hạn bởi đường trục chính KCN, đường quy hoạch số 9, đường đất phía Nam và đường sắt thành đất hành chính, dịch vụ. Ký hiệu cụm DV2, diện tích 28.859 m^2. Diện tích đất này được bố trí cho các ngành nghề dịch vụ hỗ trợ đã được UBND tỉnh Bình Phước cho phép Xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại, xây dựng khu thể thao, vui chơi giải trí.

Các nội dung không điều chỉnh vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của UBND tỉnh Bình Phước.

Quy hoạch ngành nghề

- Tính chất KCN: Là khu công nghiệp kết hợp dịch vụ hỗn hợp với trọng tâm phát triển sao cho đạt sự cân đối giữa các loại hình công nghiệp có mức độ ô nhiễm khác nhau, như: Chế biến thực phẩm, đồ uống, dệt, chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, điện tử, các ngành công nghiệp phụ trợ khác,...;

- Định hướng bố trí ngành nghề: các ngành nghề sản xuất sẽ được bố trí vào phân khu đất xây dựng nhà máy, kho tàng. Việc định hướng bố trí các nhóm ngành thu hút đầu tư được dựa trên tiêu chí hài hòa về không gian trên cơ sở tránh gây ô nhiễm môi trường cho khu dân cư và môi trường xung quanh.

1.2. Các hạng mục công trình của dự án

1.2.1. Hạng mục công trình chính.

Hiện tại, các hạng mục công trình của dự án ở KCN Chơn Thành I (diện tích khoảng 124,48 ha) bao gồm công trình nhà xưởng công nghiệp, nhà điều hành, kho vận, khu vực xử lý nước thải, khu vực xử lý nước cấp, đường giao thông, trạm điện… đã được hoàn thiện.

a. Nhà điều hành: Nhà điều hành quản lý chung KCN. Diện tích xây dựng: 175,46 m^2 bố trí ngay tại Khu hành chính – dịch vụ của KCN.

b. Nhà xưởng công nghiệp:

Các doanh nghiệp đầu tư thuê đất để xây dựng nhà máy, vận hành, sản xuất. Cụ thể chi tiết tại Bảng sau:

Bảng 1- 4: Hiện trạng các doanh nghiệp đã và đang đầu tư vào KCN Chơn Thành I

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	Diện tích (ha)	Tình trạng hoạt động
1	Công Ty TNHH VN Chen Lain Metal	Lô A3.3-A3.4	Sản xuất bao bì kim loại; Gia công cắt tôn, kẻm, in ấn trên bao bì kim loại	2.00	2007
2	Công ty TNHH Megatec	Lô A6.6-A6.8	Sản xuất đồ gỗ nội thất và ván ép sữ dụng trong xây dựng	2.00	2006
3	CÔNG TY TNHH CHIEF (Cho Wood Spark thuê)	Lô A4.1-A4.5,	Sản xuất bao bì từ Plastic- Cho thuê nhà xưởng	2.74	Dự án đang triển khai thực hiện thủ tục pháp lý sau khi nhận chuyển nhượng
4	Công ty TNHH Wood Spark	Lô A4.1-A4.5	Sản xuất ngũ kim	2.74	2023
5	Công ty TNHH Kim Thần Thái	Lô A3.7-A3.8	Sản xuất máy bơm nước	2.00	2007
6	Công ty TNHH Komex Vina	Lô A2.4	Sản xuất bao ngón tay bằng cao su	0.70	2012
7	Công ty TNHH Shyang Ta	Lô A8 và Lô A8.3-A8.7	Nhà máy sản xuất gia công đế giày, nguyên vật liệu đế giày.	6.30	2013
8	Công ty TNHH Jyn Yang	Lô A10.1-A10.2-A10.3	Đầu tư, xây dựng nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng (Giường, tủ, bàn, ghế, kệ …).	3.00	2018
9	Công ty TNHH MTV Rui Feng	Lô A3.2	Gia công in vải các mặt hàng giày	0.99	2015
10	Công ty TNHH MTV Silver Coast Việt Nam (Cho Furture Tycoon thuê)	Lô A4.2-A4.3, A4.6-A4.7	Cho thuê nhà xưởng	4.00	2018
11	Công ty TNHH MTV công nghiệp Furture Tycoon (Thuê xưởng của	Lô A4.2-A4.3, A4.6-A4.7	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); sản xuất vải dệt thoi; sản	4.00	2018

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	Diện tích (ha)	Tình trạng hoạt động
	Silver Coast).		xuất sợi.		
12	Công ty TNHH TM giày da Vietcan (Giang phạm)	Lô A9.4	Sản xuất, gia công giày dép.	1.50	2020
13	Công ty TNHH Nan Xiong Việt Nam	Lô A3.1-A3.5	Sản xuất hộp giấy, thùng carton; sản xuất logo PU; in tem, nhãn vải.	2.74	2020
14	Công ty TNHH Shengda (Thuê xưởng Nanxiong)	Lô A3.1-A3.5	Sản xuất bao bì Carton	0.6	2020
15	Công ty TNHH Đầu Tư Chơn Thành Capital	Lô A1+ Lô A7.8 - Lô A10.4	Sản xuất giấy, cho thuê xưởng	13.05	2019
16	Công ty TNHH Công Nghệ Sản Phẩm Ngoài Trời Hao Hong (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)	Lô A1	Sản xuất lò nướng BBQ	3.60	2024
17	Công ty TNHH Nội Thất Hong Chen (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)	Lô A7.8	Sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất	3.29	2024
18	Công ty TNHH Công Nghệ Bao Bì Hexu (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)	Lô A10.4	Sản xuất các bao bì khác bằng giấy và bìa		
19	Công ty TNHH Furnwin Furniture (Cho Feng Rui thuê)	Lô A7.1-A7.5	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế gỗ các loại; sản xuất các phụ kiện của giường, tủ, bàn ghế.	2.10	2024
20	Công ty TNHH Gỗ Feng Fui	Lô A7.1-A7.5	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế gỗ các loại; sản xuất các phụ kiện của giường, tủ, bàn ghế.	2.10	2024
21	Công ty TNHH TM & SX Nhựa Nông Nghiệp Tân Phước Hưng	Lô A2.2A	Sản xuất ống nhựa + cho thuê xưởng	0.60	2020

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	Diện tích (ha)	Tình trạng hoạt động
22	Công ty Sản Xuất Gỗ Toàn Thành	Lô A2.2A	Sản xuất, chế biến gỗ	0.60	2023
23	CN Công ty CP Ong mật Đắk lắk	Cụm A2, Lô 2,	Tinh lọc ong mật	0.70	2006
24	Công ty CP cơ khí luyện kim Chơn Thành	Lô A 2.7-A2.9	Đúc và gia công cơ khí, luyện kim	1.37	2007
25	Công ty TNHH găng tay sắc cầu vồng A	Lô A3.6	Sản xuất găng tay cao su, găng tay y tế	1.00	2016
26	Công ty CP Eastwood energy (CP Đức Bốn Biển)	Lô A5.1-A5.2,	Sản xuất viên nén mùn cưa.	4.67	2014
27	Công ty CP Năng lượng xanh Đất Việt	Lô A7.6	Sản xuất viên nén mùn cưa.	0.99	Dừng sx
28	Công ty Xây dựng Lê Phan (TNHH)	Lô A7.3A,	Bê tông	1.00	Dừng sx
29	Tổng Công ty phân bón và Hóa chất dầu khí-CTCP	Lô A2.1-A2.2,	Kho chứa phân bón, nông sản và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.	2.84	2014
30	Công ty CP găng tay Bình Phước	Lô A9.1,	Găng tay y tế	1.00	2021
31	Cty TNHH MTV Bông Thành Tín	Lô A2.6	Sản xuất bông y tế	0.99	2008
32	Công ty TNHH MTV SX Và TM Hùng Dung (Cho Winner Bags thuê)	Lô A7.7	Cho thuê nhà xưởng	1.00	2021
33	Công ty TNHH Winner Bags Product	Lô A7.7	Sản xuất túi nhựa	1.00	2022
34	Cty TNHH cán luyện Tân Thành Phát	Lô A7.2 và A7.3	Cán và luyện thép; viên nén mùn cưa	1.51	2008
35	Công ty TNHH MTV Lucky Unque Enterprise Việt Nam	Lô A9.2-A9.3	Sản xuất và gia công trang phục các loại	1.84	2021
36	Công ty Cổ Phần Gỗ Gia Bảo	Lô A2.10	Sản xuất viên nén mùn cưa	1.02	Dừng sx
37	Công ty CP Đầu tư & TM DIC	Lô A2.8	SX xi măng	1.00	Dừng sx
38	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ	Lô A5.3-A5.4	Chế biến gỗ	4.00	Đang thực hiện thủ tục PCCC

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề	Diện tích (ha)	Tình trạng hoạt động
	Chế Biến Gỗ Thiên Dương				+ Môi trường sau khi nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Cao su Thiên Hưng
39	Công ty TNHH Ever Ampli Enterprise	Thửa 45, Lô A2.7-A2.9	Sản xuất, gia công xe đẩy hàng bằng kim loại	1.36	Dự án đang triển khai thực hiện thủ tục pháp lý sau khi nhận chuyển nhượng
40	Công ty Cổ Phần SCC	Cụm A2, Lô 5	Sản xuất, gia công xe đẩy hàng bằng kim loại	2.40	2024
41	Công ty TNHH Dệt May JYULONG	Lô A6.1-A6.2-A6.3-A6.5-A6.6-A6.7	Sản xuất vải dệt thoi	6.60	Dự án đang triển khai thực hiện thủ tục pháp lý sau khi nhận chuyển nhượng
42	Công ty TNHH TM DV Thiết Bị Công Nghiệp Thành An	Lô A8.8	Sản xuất thiết bị thông gió	1.00	Đang xây dựng dở dang
43	Công ty TNHH Vải Không Dệt Xiayang (Việt Nam) Thuê lại công ty Thành An	Lô A8.8	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt	1.00	Chưa hoạt động - đang hoàn tất thủ tục hồ sơ MT
44	Công ty TNHH Posaz	Lô A4.4-A4.8,	Sản xuất giày dép	2.00	Chưa triển khai
45	Công ty TNHH MTV SX và TM Đức Mạnh Hùng	Lô A8.4	Cho thuê nhà xưởng	0.65	Đang hoàn thiện pháp lý: PCCC + Môi trường + đang lập hồ sơ quy hoạch
46	Công ty Cổ phần đầu tư CTM	Lô A1.1	Kinh doanh dịch vụ cho thuê Kiot	0.65	2007

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

1.2.2. Hạng mục công trình phụ trợ.

❖ *Hệ thống đường giao thông:*

Đường giao thông nội bộ KCN đã hoàn thiện tương đối hoàn chỉnh:

- Trục đường chính số 6 lộ giới 52m (mặt đường mỗi bên rộng 15m, vỉa hè 8mx2, giải phân cách rộng 6m), dãy cây xanh cách ly mỗi bên rộng 12,25m;
- Đường nội bộ KCN lộ giới 24m (mặt đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 8m);
- Đường tỉnh lộ phía Nam lộ giới 32m (mặt đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 10m).

❖ *Hệ thống cung cấp nước:*

Nguồn cung cấp nước: từ Công ty Cổ phần nước Môi trường Bình Dương – CN cấp nước Chơn Thành để cấp nước cho các nhà máy sản xuất trong KCN.

Tổng lượng nước cấp theo quy hoạch của toàn KCN ước tính khoảng 1.453 m^3/ngày.

Khu công nghiệp đã thi công hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước: tuyến chính D = 300 và D = 250 từ phía Tây sang Đông (hướng ra QL13), trên các tuyến này bố trí các giếng dọc theo các khu cây xanh. Tại các khu vực xây dựng nhà máy, bố trí các tuyến cấp nước có đường kính D = 150 theo tuyến dọc thành mạng vòng cấp nước cho khu vực xây dựng ngắn hạn, nối với các khu trên bằng các tuyến D = 250 dọc theo đường số 1, số 7 và QL14. Để điều hòa áp lực, bố trí 2 đài nước W = 150 m^3, H = 18m ở phía Đông và Tây khu vực thiết kế. Ngoài ra, trên mạng lưới bố trí các trụ cứu hỏa D = 100 với khoảng cách 150 m một trụ (đài nước đảm bảo chiều cao và 5% nhu cầu cấp nước, khoảng 300 m^3/ngày). Tổng chiều dài mạng lưới cấp nước: 6.630 m, trong đó ống có đường kính D = 300 dài 3.465 m; ống có D = 250 dài 2.265 m; ống có D = 150 dài 900 m.

❖ *Hệ thống cung cấp điện*

Nguồn điện cung cấp cho các hoạt động của KCN được lấy từ mạng điện lưới quốc gia (22KV đi song song với QL13), hệ thống điện trung thế được đầu tư dọc theo các trục đường nội bộ của KCN và hạ thế trước khi chuyển vào sử dụng cho các nhà máy theo nhu cầu sử dụng.

Về đường điện trong KCN được đi nổi (để đảm bảo vận hành và chi phí đầu tư thấp), tương lai khi có điều kiện sẽ được thay thế bằng cáp ngầm. Đường điện 22KV từ trạm biến áp đến các nhà máy và các đơn vị tiêu thụ điện khác sử dụng dây nhôm hoặc nhôm lõi thép đặt trên trụ bê tông cao 14m với khoảng cách giữa các trụ là 40m. Các trụ bê tông đặc trên vỉa hè đảm bảo đúng vị trí theo quy định về "tổng hợp đường dây đường ống".

❖ *Hệ thống thông tin liên lạc*

Hệ thống thông tin liên lạc với chức năng liên lạc, truyền thông tin, thông báo, tìm kiếm dữ liệu,… khi cần thiết. Hệ thống thông tin liên lạc trong Khu công nghiệp gồm các loại hình như sau:

- Hệ thống Internet;
- Hệ thống điện thoại;
- Camera.

❖ *Cây xanh*

Cây xanh trong KCN có các loại sau:

- Cây xanh, thảm cỏ trồng trên vỉa hè KCN: Diện tích để trồng cây xanh và cỏ vỉa hè khoảng 47.947 m^2. Cây xanh trồng trong KCN bao gồm một số loại cây xanh có khả năng thích nghi với thổ nhưỡng và điều kiện khí hậu tại khu vực dự án như: cây bàng lá nhỏ, cây bằng lăng, cây osaka, cây viết, cây me tây ….
- Cây xanh trồng tại các khu vực tập trung công cộng và mặt nước: Diện tích khoảng 44.500 m^2;
- Cây xanh trồng tại các khu vực cách ly: Cây trồng chủ yếu là cây lâm nghiệp như keo lá tràm, bạch đàn,… diện tích trồng là 47.099 m^2.

Mỗi nhà máy trong KCN sẽ bố trí diện tích cây xanh theo đúng quy định tối thiểu bằng 20% tổng diện tích nhà máy.

1.2.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

– *Hệ thống thu gom và thoát nước mưa*

Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện, nước mưa sẽ tự chảy theo địa hình từ Đông – Bắc xuống Tây – Nam để thoát ra suối Hố Đá.

Cống được xây dựng dưới vỉa hè bằng cống bể tông ly tâm (kích thước: Φ400, 500, 600, 800, 1000, 1200, 1500) có tổng chiều dài 10.980m và 300 hố ga lắng cặn được bố trí dọc hai bên hành lang các tuyến đường trong KCN.

Các hố thu đảm bảo quy phạm để thu hết nước mưa trong từng lô đất công nghiệp và dịch vụ và nước mưa trên đường KCN, sau đó dẫn ra suối Hố Đá.

– *Hệ thống thu gom nước thải*

Hệ thống thu gom nước thải được tách ra riêng với hệ thống thoát nước mưa được thiết kế bằng bê tông. Nước thải từ các nhà máy thứ cấp được thu gom bằng cống bê tông ly tâm (kích thước Φ400, 500, 600) có tổng chiều dài 9.350m và 255 hố ga lắng cặn được xây dựng dọc theo các tuyến đường nội bộ của KCN.

Tất cả nước thải (nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn) của từng nhà máy phải được xử lý riêng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN dẫn về hệ thống XLNT tập trung của KCN. Nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng quản lý của KCN được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó thải vào hệ thống cống thu gom nước thải của KCN dẫn về hệ thống

xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý của KCN đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq = 0,9, K_f = 1,0 và xả ra suối tự nhiên bằng đường ống kín.

Mạng lưới đường cống:

- BTCT đúc ly tâm được quy hoạch đặt trên các vỉa hè của các tuyến hè – đường KCN;

- Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,7 m, trung bình khoản 40 m có một hố ga thăm dò;

- Độ dốc cống đảm bảo tiêu chuẩn quy phạm với yêu cầu tự chảy để thu gom và chảy về trạm xử lý tập trung.

– *Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN*

Hiện nay, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành đã đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tập trung giai đoạn 1 - phân kỳ 1, công suất 600 m^3/ngày.đêm; còn giai đoạn 1 – phân kỳ 2 và giai đoạn 2 thì chưa xây dựng. Trạm XLNT tập trung của KCN đã tiếp nhận nước thải của 46 nhà máy đang hoạt động có đấu nối nước thải với tổng khoảng 305 - 530m^3/ngày. Với lưu lượng nước thải phát sinh hiện nay, hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng đang vận hành hiệu quả.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung đã xây dựng như sau:

Nước thải đầu vào đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B → lược rác thô → hầm bơm → lược rác tinh → bể điều hòa → cụm bể keo tụ tạo bông → bể lắng 1 → bể Aerotank → bể lắng 2 → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k_q = 0,9, k_f = 1,0 xả ra suối Hồ Đá.

– *Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại*

- Đối với KCN:

Đã bố trí kho chứa chất thải rắn thông thường không nguy hại có diện tích 15,2 m^2 và kho chứa CTNH có diện tích 15,3 m^2 trong khuôn viên Nhà máy xử lý nước thải tập trung. Kho chứa có mái che, tường gạch, nền bê tông chống thấm, có bố trí bình chữa cháy và kho chứa CTNH còn có mương thu gom phòng ngừa sự cố, biển cảnh báo, thiết bị phân loại và mã CTNH theo quy định.

Đã hợp đồng và chuyển giao rác sinh hoạt và chất thải rắn thông thường với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với các nhà máy thứ cấp:

– Các đơn vị thứ cấp sau khi đầu tư vào KCN sẽ tự bố trí kho chứa phù hợp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về quản lý chất thải phát sinh, cam kết quản lý toàn bộ chất thải rắn nói chung theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án.

1.3.1. Nguyên liệu, hóa chất sử dụng.

Định mức sử dụng nguyên vật liệu sử dụng theo thực tế hoạt động tại KCN Chơn Thành I. Danh mục nguyên nhiên vật liệu sản xuất sử dụng trung bình năm của công ty như sau:

Bảng 1- 5: Nguyên liệu, vật tư sử dụng cho văn phòng điều hành

STT	Loại vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Bút, thước	cái/tháng	32
2	Kéo	cái	6
3	Giấy	gram/tháng	8
4	Mực in	hộp/tháng	1

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

Nhu cầu sử dụng hóa chất của KCN chủ yếu từ nhu cầu hóa chất của trạm XLNT tập trung. Căn cứ định mức sử dụng, nhu cầu hóa chất của trạm XLNT như sau

Bảng 1- 6: Danh mục các loại hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng
1	PAC	Kg/năm	7.300
2	Javel	Kg/năm	3.650

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

1.3.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước:

a. Nhu cầu sử dụng điện:

Nguồn điện cung cấp cho toàn bộ được lấy từ lưới điện quốc gia. Nhu cầu sử dụng điện của KCN tính toán trên cơ sở diện tích quy hoạch của KCN trước và sau khi điều chỉnh cụ thể như sau:

Bảng 1- 7: Nhu cầu sử dụng điện của KCN Chơn Thành I

TT	Hạng mục sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tiêu chuẩn cấp điện (KW/ha)	T_{max} (h/năm)	Điện năng (Kwh/năm)
1	Đất xây dựng nhà máy	82,7623	250	4.000	82.762.300
2	Đất giao thông + đường sắt Xuyên Á	20,9976	10	4.000	839.904
3	Đất điều hành, dịch vụ	3,1471	600	3.000	5.664.780
4	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	3,6222	600	4.000	3.622.200
	Tổng cộng				**92.889.184**

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

b. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước cấp cho KCN Chơn Thành I do Công ty Cổ phần nước Môi trường Bình Dương – CN cấp nước Chơn Thành cung cấp.

Theo tính toán, nhu cầu sử dụng nước của KCN Chơn Thành I như sau:

Bảng 1- 8: Nhu cầu sử dụng nước khi KCN lấp đầy

STT	TÊN CÔNG TY	Tháng 01/2025		Tháng 02/2025		Tháng 03/2025	
		Nước thải	Nước cấp	Nước thải	Nước cấp	Nước thải	Nước cấp
1	CÔNG TY TNHH CHEN LAIN METAL	102	100	48	85	109	142
2	CÔNG TY TNHH SHYANG TA	2,487	3,109	3,043	3,804	3,905	4,881
3	CÔNG TY TNHH KOMEX VINA	2,318	2,698	1,620	3,543	2,075	4,222
4	CÔNG TY TNHH BÔNG THÀNH TÍN	31	62	74	71	100	103
5	CÔNG TY TNHH MEGATEC	78	388	**78**	581	78	763
6	CÔNG TY TNHH RUIFENG	237	439	280	317	639	346
7	CÔNG TY TNHH TM VÀ SX NHỰA TÂN PHƯỚC HƯNG/GỖ TOÀN THÀNH	-	109	-	175	-	136
8	CÔNG TY CỔ PHẦN NANXIONG VIỆT NAM/SHENGDA	263	541	184	612	302	876
9	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM CHƠN THÀNH	**15**	30	**20**	48	**20**	40
10	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI GIÀY DA GIANG PHẠM	235	294	109	136	92	115
11	CÔNG TY TNHH JYN YANG	246	207	246	180	246	195
12	CÔNG TY TNHH SX – TM – DV SẮC CẦU VỒNG A	761	941	825	1,260	1,175	1,430
13	CÔNG TY CP EASTWOOD ENERGY	98	688	44	552	55	686
14	CÔNG TY CP PHÂN BÓN & HÓA CHẤT DẦU KHÍ	16	16	9	15	10	14

STT	TÊN CÔNG TY	Tháng 01/2025		Tháng 02/2025		Tháng 03/2025	
		Nước thải	Nước cấp	Nước thải	Nước cấp	Nước thải	Nước cấp
15	CÔNG TY TNHH TÂN THÀNH PHÁT	112	20	112	50	112	49
16	CÔNG TY CP XI MĂNG FICO TÂY NINH/DIC	-	3	-	2	-	-
17	CÔNG TY TNHH KIM THẦN THÁI	7	354	109	416	288	688
18	CTY CÔNG TY TNHH TMDV CHẾ BIẾN GỖ THIÊN DƯƠNG	**20**	387	**20**	45	**5**	13
19	CTY TNHH DỆT MAY JYULONG	411	1,626	519	1,875	540	2,344
20	CTY CP GĂNG TAY BÌNH PHƯỚC	278	234	249	1,611	311	320
21	CTY TNHH MTV LUCKY UNIQUE ENTERPRISE (VIỆT NAM)	877	2,012	164	2,638	1,808	3,088
22	CTY TNHH FURNWIN FURNITURE/FENG RUI	72	753	**70**	929	**70**	1,002.00
23	CTY HÙNG DUNG/WINNER BAGS PRODUCT	122	159	127	105	142	177
24	CTY CP ONG MẬT DAK LAK						
25	CTY TNHH MTV SILVER COAST/FURTURE TYCOON						
26	CTY CP SCC	**100**	1,383.00	**850**	1,719.00	**450**	2,261.00
27	CTY NĂNG LƯỢNG XANH ĐẤT VIỆT						
28	CTY CP ĐẦU TƯ CTM	116	6	102	2	113	38
29	CTY CÔNG TY TNHH EVER AMPLI ENTERPRISE						
30	CTY TNHH GỖ FENG RUI/THUÊ BÊN THIÊN DƯƠNG	**120**	538	**150**	613	**150**	646
	Tổng khối lượng m^3/tháng	**9122**	**17097**	**9052**	**21384**	**12795**	**24575**
	Khối lượng nước m^3/ng.đêm	**304.07**	**569.90**	**301.73**	**712.80**	**426.50**	**819.17**

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động của dự án nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động phòng cháy chữa cháy như sau:

Theo TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế thì lưu lượng cấp nước chữa cháy là 50 L/s cho 1 đám cháy cố định trong 3 giờ, số lượng đám cháy xảy ra đồng thời một lúc là 1 đám cháy, Lượng nước cần dự trữ để chữa cháy trong 3h là: Q = 50 x 3,6 x 3 = 540 m^3.

Đối với các doanh nghiệp trong KCN, nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải cụ thể như sau:

Bảng 1- 9: Nhu cầu sử dụng nước và xả thải của các doanh nghiệp trong KCN

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Có/không đấu nối nước thải	KHỐI LƯỢNG XLNT NĂM 2025 (theo từng tháng)										
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Công Ty TNHH VN Chen Lain Metal	Lô A3.3-A3.4, KCN Chơn Thành I	Sản xuất bao bì kim loại; Gia công cắt tôn, kẻm, in ấn trên bao bì kim loại	Có	102	48	109	102	113	85	85	72	71	82	76
2	Công ty TNHH Megatec	Lô A6.4-A6.8, KCN Chơn Thành I	Sản xuất đồ gỗ nội thất và ván ép sữ dụng trong xây dựng	Có	78	78	78	78	78	116	76	103	116	211	233
3	CÔNG TY TNHH CHIEF (Cho Wood Spark thuê)	Lô A4.1-A4.5, KCN Chơn Thành I	Sản xuất bao bì từ Plastic- Cho thuê nhà xưởng	Không											
4	Công ty TNHH Wood Spark	Lô A4.1-A4.5, KCN Chơn Thành I	Sản xuất ngũ kim	Không											
5	Công ty TNHH Kim Thần Thái	Lô A3.7-A3.8, KCN Chơn Thành I	Sản xuất máy bơm nước	Có	7	109	288	370	304	304	488	497	494	494	494
6	Công ty TNHH Komex Vina	Lô A2.4, KCN Chơn Thành I	Sản xuất bao ngón tay bằng cao su	Có	2318	1620	2075	2015	2578	2929	3296	2950	2095	2487	3344
7	Công ty TNHH Shyang Ta	Lô A8 và Lô A8.3-A8.7, KCN Chơn Thành I	Nhà máy sản xuất gia công đế giày, nguyên vật liệu đế giày.	Có	2487	3043	3905	2804	2686	2453	2117	4038	2534	2545	2324
8	Công ty TNHH Jyn Yang	Lô A10.1-A10.2-A10.3, KCN Chơn Thành I	Đầu tư, xây dựng nhà máy sản xuất đồ gỗ gia dụng (Giường, tủ, bàn, ghế, kệ …).	Có	246	246	246	246	246	246	246	246	246	246	246
9	Công ty TNHH MTV Rui Feng	Lô A3.2, KCN Chơn Thành I	Gia công in vải các mặt hàng giày	Có	34	280	639	808	497	244	160	2	132	417	878
10	Công ty TNHH MTV Silver Coast Việt Nam (cho Future Tycoon thuê xưởng)	Lô A4.2-A4.3, A4.6-A4.7, KCN Chơn Thành I	Cho thuê nhà xưởng	Không - được miễn trừ đấu nối											
11	Công ty TNHH MTV công nghiệp Furture Tycoon (Thuê xưởng của Silver Coast).	Lô A4.2-A4.3, A4.6-A4.7, KCN Chơn Thành I	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); sản xuất vải dệt thoi; sản xuất sợi	Không - được miễn trừ đấu nối											
12	Công ty TNHH TM giày da Vietcan (Giang phạm)	Lô A9.4, KCN Chơn Thành I	Sản xuất, gia công giày dép	Có	235	109	92	42	50	28	28	40	25	37	20
13	Công ty TNHH Nan Xiong Việt Nam (cho Sheng Da thuê một phần xưởng)	Lô A3.1-A3.5, KCN Chơn Thành I	Sản xuất hộp giấy, thùng carton; sản xuất logo PU; in tem, nhãn vải.	Có	263	184	302	277	300	312	249	253	292	307	396

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Có/không đấu nối nước thải	KHỐI LƯỢNG XLNT NĂM 2025 (theo từng tháng)										
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Công ty TNHH Sheng Da (Thuê xưởng Nanxiong)	Lô A3.1-A3.5, KCN Chơn Thành I	Sản xuất bao bì Carton	Dùng chung với Nan xiong											
15	Công ty TNHH Đầu Tư Chơn Thành Capital (cho HaoHong, Hong Cheng và Hexu thuê xưởng)	Lô A1 - Lô A7.8 - Lô A8.8, KCN Chơn Thành I	Sản xuất giấy, cho thuê xưởng	Có											
16	Công ty TNHH Công Nghệ Sản Phẩm Ngoài Trời HaoHong (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)	Lô A1, KCN Chơn Thành I	Sản xuất lò nướng BBQ	Có											
17	Công ty TNHH Nội Thất Hong Cheng (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)	Lô A7.8, KCN Chơn Thành I	Sản xuất đồ gỗ nội, ngoại thất	Có											
18	Công ty TNHH công nghệ bao bì Hexu (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)	Lô A10.4, KCN Chơn Thành I	Sản xuất bao bì	Có											
19	Công ty TNHH Furnwin Furniture (Cho Feng Rui thuê)	Lô A7.1-A7.5, KCN Chơn Thành I	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế gỗ các loại; sản xuất các phụ kiện của giường, tủ, bàn ghế.	Có											
20	Công ty TNHH Gỗ Feng Fui (thuê xưởng của Furnwin Furniture)	Lô A7.1-A7.5 KCN Chơn Thành I	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế gỗ các loại; sản xuất các phụ kiện của giường, tủ, bàn ghế.	Dùng chung với cty TNHH Furwin Furniture											
21	Công ty TNHH TM & SX Nhựa Nông Nghiệp Tân Phước Hưng (cho Toàn Thành thuê xưởng)	Lô A2.2A, KCN Chơn Thành I	Sản xuất ống nhựa + cho thuê xưởng	Có											
22	Công ty Sản Xuất Gỗ Toàn Thành (thuê xưởng của Tân Phước Hưng)	Lô A2.2A, KCN Chơn Thành I	Sản xuất, chế biến gỗ	Dùng chung công ty TNHH TM& SX Nhựa NN Tân Phươc Hưng											
23	CN Công ty CP Ong mật Đắk lắk	Cụm A2, Lô 2, KCN Chơn Thành I	Tinh lọc ong mật	Có											
24	Công ty CP cơ khí luyện kim Chơn Thành	Lô A 2.7-A2.9 KCN Chơn Thành I	Đúc và gia công cơ khí, luyện kim	Có											
25	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ sắc cầu vồng A	Lô A3.6, KCN Chơn Thành I	Sản xuất găng tay cao su, găng tay y tế	Có	761	825	1175	985	1177	1042	764	871	492	424	947

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Có/không đấu nối nước thải	KHỐI LƯỢNG XLNT NĂM 2025 (theo từng tháng)										
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
26	Công ty CP Eastwood energy (CP Đức Bốn Biển)	Lô A5.1-A5.2, KCN Chơn Thành I	Sản xuất viên nén mùn cưa.	Có	98	44	55	42	68	33	34	31	9	13	27
27	Công ty CP Năng lượng xanh Đất Việt	Lô A7.6, KCN Chơn Thành I	Sản xuất viên nén mùn cưa.	Có											
28	Công ty Xây dựng Lê Phan (TNHH)	Lô A7.3A, KCN Chơn Thành I	Bê tông	Có											
29	Tổng Công ty phân bón và Hóa chất dầu khí-CTCP	Lô A2.1-A2.2, KCN Chơn Thành I	Kho chứa phân bón, nông sản và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.	Có	16	9	10	10	14	11	14	14	10	13	11
30	Công ty CP găng tay Bình Phước	Lô A9.1, KCN Chơn Thành I	Găng tay y tế	Có	278	249	311	261	255	255	457	187	266	235	365
31	Cty TNHH MTV Bông Thành Tín	Lô A2.6, KCN Chơn Thành I	Sản xuất bông y tế	Có	31	74	100	105	86	50	85	112	97	102	108
32	Công ty TNHH MTV SX Và TM Hùng Dung (Cho Winner Bags thuê)	Lô A7.7, KCN Chơn Thành I	Cho thuê nhà xưởng	Có	122	127	142	112	133	70	89	149	332	372	485
33	Công ty TNHH Winner Bags Product (thuê xưởng của Hùng Dung)	Lô A7.7, KCN Chơn Thành I	Sản xuất túi nhựa	Dùng chung với Cty TNHH MTV SX TM Hùng Dung											
34	Cty TNHH cán luyện Tân Thành Phát	Lô A7.2 và A7.3, KCN Chơn Thành I	Cán và luyện thép; viên nén mùn cưa	Có	112	112	112	112	112	112	112	112	112	112	112
35	Công ty TNHH MTV Lucky Unque Enterprise Việt Nam	Lô A9.2-A9.3, KCN Chơn Thành I	Sản xuất và gia công trang phục các loại	Có	877	164	1808	1720	273	808	1218	727	556	1641	818
36	Công ty Cổ Phần Gỗ Gia Bảo	Lô A2.10	Gia công cơ khí	Không											
37	Công ty CP Đầu tư & TM DIC	Lô A2.8, KCN Chơn Thành I	Sản xuất xi măng	Không											
38	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Chế Biến Gỗ Thiên Dương	Lô A5.3-A5.4, KCN Chơn Thành I	Chế biến gỗ	Có	72	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
39	Công ty TNHH Ever Ampli Enterprise	Thửa 45, Lô A2.7-A2.9, KCN Chơn Thành I	Sản xuất, gia công xe đẩy hàng bằng kim loại	Chưa đấu nối											
40	Công ty Cổ Phần SCC	Cụm A2, Lô 5, KCN Chơn Thành I	Sản xuất, gia công xe đẩy hàng bằng kim loại	Có	3	0	0	5	2	7					

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề hoạt động	Có/không đấu nối nước thải	KHỐI LƯỢNG XLNT NĂM 2025 (theo từng tháng)										
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
41	Công ty TNHH Dệt May JYULONG	Lô A6.1-A6.2-A6.3-A6.5-A6.6-A6.7, KCN Chơn Thành I	Sản xuất vải dệt thoi	Có	411	519	540	732	499	536	1102	1340	1364	3151	2275
42	Công ty TNHH TM DV Thiết Bị Công Nghiệp Thành An (cho Xiayang thuê xưởng)	Lô A8.8, KCN Chơn Thành I	Sản xuất thiết bị thông gió	Có											
43	Công ty TNHH Vải Không Dệt Xiayang (Việt Nam) - (thuê lại xưởng của Thành An)	Lô A8.8, KCN Chơn Thành I	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt	Dùng chung với Cty TNHH TMDV Thiết bị công nghiệp Thành An								544	594	354	526
44	Công ty TNHH Posaz	Lô A4.4-A4.8, KCN Chơn Thành I	Chế biến và bảo quản ra, quả; Kinh danh bất động sản, QSDĐ thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Chưa đấu nối											
45	Công ty TNHH MTV SX và TM Đức Mạnh Hùng	Lô A8.4, KCN Chơn Thành I	Cho thuê nhà xưởng	Chưa đấu nối											
46	Công ty Cổ phần đầu tư CTM	Lô A1.1, KCN Chơn Thành I	Kinh doanh dịch vụ cho thuê Kiot	Có	116	102	113	112	114	107	87	72	78	78	86
47	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Tổng Hợp Chơn Thành	Khu TMDV khu công nghiệp Chơn Thành	Cho thuê nhà xưởng	Chưa đấu nối											
				M^3/tháng	8667	7942	12100	10938	9585	9748	10707	12360	9915	13321	13771
				M^3/ngày.đêm	**333**	**305**	**465**	**421**	**369**	**375**	**412**	**475**	**381**	**512**	**530**

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Đây là dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN nên không có công nghệ sản xuất. Các nhà máy, xí nghiệp khi đầu tư vào KCN Chơn Thành I sẽ mô tả cụ thể công nghệ sản xuất của mình trong các hồ sơ môi trường.

Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng KCN, xây dựng công trình xử lý nước thải, lắp đặt thiết bị công nghệ chủ yếu liên quan đến hoạt động xử lý nước thải, vận hành KCN Chơn Thành I. Các công việc Chủ đầu tư cần làm khi KCN đi vào hoạt động như sau:

- Chủ đầu tư sẽ bố trí nhân viên có chuyên môn về môi trường, phụ trách công việc vận hành HTXL cũng như quản lý các vấn đề về môi trường của khu.

- KCN sẽ phải thực hiện vận hành thường xuyên, liên tục công trình hạ tầng kỹ thuật BVMT của KCN. Định kỳ phải duy tu, bảo trì, bảo dưỡng.

- KCN bố trí nhân lực cho việc chăm sóc cây xanh, thực hiện vệ sinh các tuyến đường trong KCN.

- Thực hiện đầy đủ các chương trình quan trắc môi trường trong KCN theo quy định. Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường và công tác bảo vệ môi trường trong KCN cho Cơ quan chức năng có thẩm quyền.

- Định kỳ kiểm tra chất lượng nước thải của các doanh nghiệp thực hiện đấu nối cũng như các doanh nghiệp tự XLNT. Phát hiện kịp thời các doanh nghiệp không tuân thủ các quy định về quản lý môi trường của KCN nói riêng và quy định quản lý môi trường chung của tỉnh.

- Thực hiện xin giấy phép môi trường và các báo cáo định kỳ theo quy định cho KCN (các doanh nghiệp trong KCN sẽ phải tự xin giấy phép môi trường và các báo cáo khác theo quy định, chủ đầu tư chỉ có trách nhiệm hỗ trợ cơ quan chức năng kiểm soát và quản lý các doanh nghiệp này).

- Bản quản lý KCN Chơn Thành I có trách nhiệm kết hợp với Cơ quan chức năng về môi trường trên địa bàn để quản lý tốt môi trường của các doanh nghiệp trong KCN.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

Các hạng mục xây dựng của KCN hiện tại phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện tại. Công ty chỉ xây dựng mới bể tách mỡ - điều hòa; bể sinh học hiếu khí T04 1B, bể nén bùn là xây mới và lắp đặt máy móc, thiết bị cho các bể xây mới. Biện pháp thực hiện như sau:

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chuyên môn có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực công nghệ môi trường để hoàn thành việc lắp đặt thiết bị. Kế hoạch dự kiến sử dụng từ 10 công nhân, 5 xe vận chuyển có tải trọng từ 5 tấn với tần suất vận chuyển tối đa 1 chuyến/ngày, thời gian thực hiện xây mới và lắp đặt máy móc thiết bị trong vòng 03 tháng.

Công ty tiến hành xây dựng bể tách mỡ - điều hòa; bể sinh học hiếu khí T04 1B, bể nén bùn và lắp ráp máy móc thiết bị cho các bể xây mới này. Không thay đổi đối với hệ thống xử lý nước thải số 1. Do đó, trong thời gian thi công lắp đặt máy móc thiết bị, hệ thống xử lý nước thải số 1 vẫn hoạt động bình thường.

Công ty sẽ tiến hành mới bể tách mỡ - điều hòa; bể sinh học hiếu khí T04 1B, bể nén bùn là xây mới và lắp đặt máy móc, thiết bị cho các bể xây mới và sẽ áp dụng biện pháp thi công là kết hợp giữa biện pháp cơ giới và thủ công. Do xây mới và lắp đặt máy móc, thiết bị riêng do đó việc lắp đặt thiết bị máy móc cho các bể xây mới không ảnh hưởng đến hoạt động hiện hữu của hệ thống xử lý 1 cũng như việc tiếp nhận nước thải về hệ thống. Sau khi lắp đặt máy móc thiết bị xong thì cụm 2 và hệ thống xử lý 1 sẽ tạo thành 1 hệ thống xử lý nước thải có công suất 1.200m^3/ngày.

- Quá trình lắp ráp máy móc thiết bị: công nhân tối đa trong giai đoạn này khoảng 20 người, thực hiện các hoạt động như lắp ráp máy móc thiết bị, thi công đường ống nước, thi công hệ thống điện,…. Các quá trình này sử dụng nguồn điện năng cho một số máy móc thiết bị điện. Các loại nguyên liệu sử dụng cho quá trình này gồm có máy móc thiết bị, đường ống nước, dây điện…

- Quá trình vận hành thích nghi hệ thống: công nhân tối đa trong giai đoạn này khoảng 02 người, thực hiện các hoạt động như nuôi cấy vi sinh, chạy thử hệ thống máy móc,…. và chuyển giao vận hành hệ thống cho Công ty.

Thời gian dự kiến cho quá trình lắp đặt máy móc thiết bị cho đến khi đi vào vận hành thử nghiệm khoảng 06 tháng (01 tháng lắp máy móc, thiết bị).

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.

1.6.1 Tiến độ thực hiện dự án

Bảng 1- 10: Dự kiến tiến độ thực hiện dự án

Hạng mục thực hiện	Kế hoạch thực hiện									
	Năm 2026									Sau khi VHTN
	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9 đến T2/2027	
Lập ĐTM										
Xây dựng và lắp đặt HTXLNT										
Lập GPMT cho KCN (tương ứng công suất HTXLNT 1.200m^3/ngày)										
Vận hành thử nghiệm										
Hoạt động chính thức										

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

1.6.2 Tổng mức đầu tư

Nguồn vốn đầu tư bổ sung cho Công ty như sau:

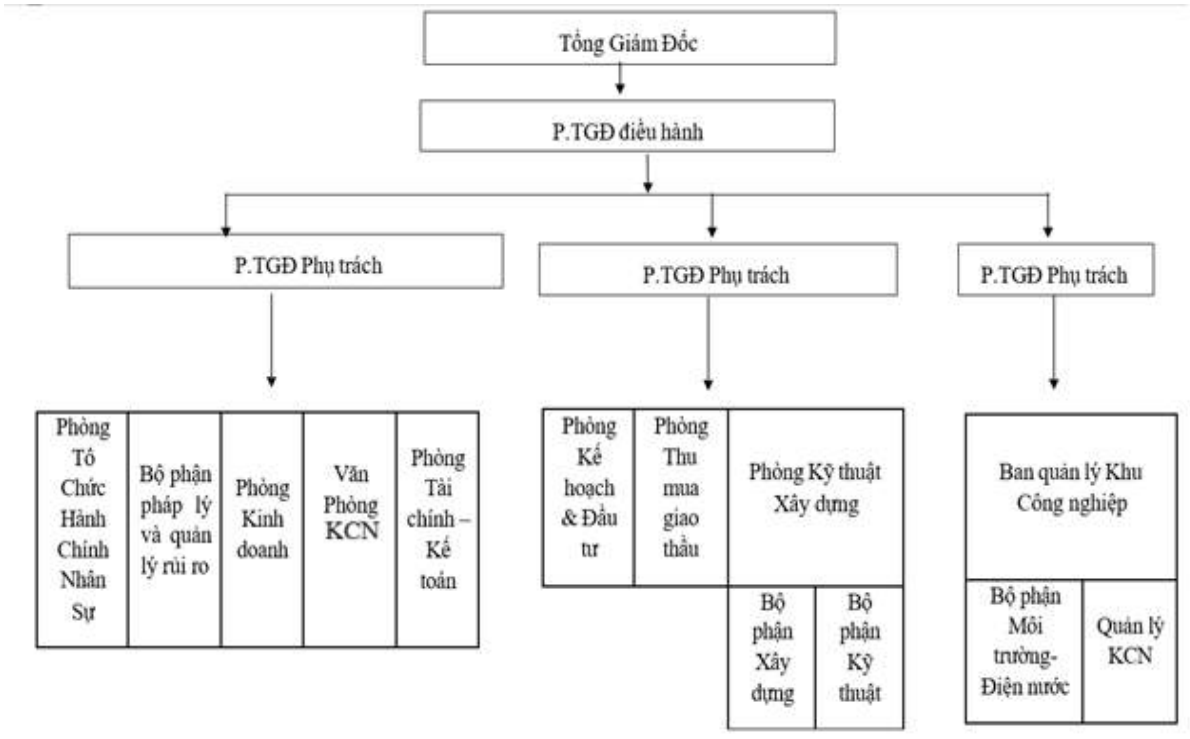
Bảng 1- 11: Kinh phí đầu tư cho dự án

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Tổng
I	**Chi phí xây dựng**	VNĐ	600.000.000
II	**Chi phí đầu tư máy móc thiết bị**	VNĐ	2.000.000.000
III	**Chi phí vận hành**		
1	Chi phí vận hành HTXLNT	VNĐ /năm	500.000.000
2	Các chi phí quản lý môi trường khác (quản lý chất thải rắn, giám sát môi trường…)	VNĐ /năm	300.000.000
	Tổng chi phí vận hành	**VNĐ /năm**	**3.400.000.000**

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

1.6.3 Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp Dự án. Sơ đồ tổ chức quản lý và thực hiện dự án được trình bày như sau:



Hình 1-3: Sơ đồ tổ chức quản lý

Nhu cầu nhân lực sau khi dự án nâng công suất đi vào hoạt động sẽ không tăng so với hiện hữu. Tổng số nhân viên 10 người, trong đó bố trí 2 nhân viên chịu trách nhiệm theo dõi và vận hành HTXL nước thải.

- Chế độ làm việc, nghỉ ngơi

Thời gian làm việc được quy định đối với công nhân là 3 ca/ngày và 8 giờ/ca, 26 ngày/tháng. Ngày nghỉ làm việc là các ngày chủ nhật, các ngày lễ, nghỉ tết theo quy định của Nhà nước. Các quy định khác về chế độ làm việc (bảo hiểm xã hội, làm việc theo ca, đau ốm, ...) sẽ được Công ty thực hiện đúng trên cơ sở phù hợp với Luật lao động do Nhà nước Việt Nam ban hành.

CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện về địa lý, địa chất

KCN Chơn Thành I có tổng diện tích 124,4838 ha tọa lạc tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, với vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc: giáp đường số 06, kế tiếp là KCN Chơn Thành II.
- Phía Nam: giáp Tỉnh lộ (ranh giới giữa tỉnh Bình Dương cũ và Bình Phước cũ).
- Phía Đông: giáp Quốc lộ 13.
- Phía Tây: giáp kênh thoát nước và đất trồng cao su.

2.1.1.1. Đặc điểm về địa hình

Khu vực điều tra có địa hình tương đối bằng phẳng, hiện trạng là đất trống, với cao độ theo cao độ chuẩn quốc gia thấp nhất là +18,6 m, cao nhất là +19 m.

Địa chất khu đất hiện chưa có nền đất trung bình, mặt cắt địa chất tương đối đồng nhất, cường độ chịu lực đất nền khoảng 0,8 kg/cm2.

Trong quá trình thiết kế kỹ thuật thi công sẽ tiến hành khoan thăm dò địa chất công trình để chọn giải pháp kết cấu tương ứng, phù hợp về kinh tế mà vẫn đảm bảo tính bền vững cho công trình.

2.1.1.2. Điều kiện địa mạo, địa chất công trình

Tại khu vực có thành phần đá mẹ tạo đất tương đối thuần nhất, trong đó hầu hết là đá bazan. Đá bazan trên địa bàn không chỉ hình thành ra lớp đất có chất lượng rất cao thích hợp cho phát triển nông nghiệp, mà còn là nguồn vật liệu xây dựng quan trọng.

Đặc điểm chung của đá bazan là hàm lượng oxit sắt cao (10 – 11%), oxit magie (7 – 10%), oxit canxi 8 – 10%, oxit photpho 0,5 – 0,8%. Vì vậy đá bazan thường có màu đen và trong điều kiện nhiệt đới ẩm đã phát triển một lớp vỏ phong hóa dày trung bình 20 – 30 m, có nơi dày 40 – 50 m và màu nâu đỏ rực rỡ.

2.1.2. Điều kiện khí tượng

2.1.2.1. Đặc điểm khí hậu

KCN Chơn Thành I tọa lạc tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (tên địa giới hành chính cũ: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước) nên mang đầy đủ đặc trưng khí hậu của tỉnh Bình Phước cũ mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩmvà được chia làm 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Vào mùa mưa, thời tiết thường mátmẻ, lượng mưa lớn, ngược lại vào mùa khô, lượng mưa ít, độ ẩm không khí giảm, thời

tiết thường se lạnh vào đầu mùa khô đến giữa mùa khô đến cuối mùa khô thời tiết khô nóng rất khó chịu. Mùa khô bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng 11. Điều kiện khí tượng thủy văn khu vực dự án có các đặc điểm như sau:

2.1.2.2. Nhiệt độ không khí

Nhiệt độ không khí ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình chuyển hóa và phát tán các chất ô nhiễm trong khí quyển. Nhiệt độ không khí càng cao thì tốc độ các phản ứng hóa học xảy ra càng nhanh và thời gian lưu tồn các chất ô nhiễm càng nhỏ. Sự biến thiên giá trị nhiệt độ sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát tán bụi và khí thải, đến quá trình trao đổi nhiệt của cơ thể và sức khỏe người lao động. Theo "Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2024", nhiệt độ trung bình của tỉnh qua các tháng qua các năm (2019 – 2023) được trình bày trong bảng sau:

Bảng 2- 1: Nhiệt độ không khí trung bình trong giai đoạn 2018 - 2022 (ºC) (Trạm Đồng Xoài)

Năm / Tháng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	26,5	27,1	26,7	27,2	25,5
2	26,7	26,4	27,7	27,0	26,3
3	27,8	28,0	28,4	28,7	28,7
4	27,8	28,7	29,3	28,7	28,5
5	28,0	28,1	28,8	29,8	28,6
6	27,9	27,3	28,2	27,5	28,4
7	27,0	27,0	27,2	27,9	27,3
8	27,3	26,7	26,9	27,3	27,4
9	27,6	26,5	26,4	27,1	27,1
10	26,9	27,5	27,3	26,4	26,6
11	26,6	27,1	26,8	26,4	26,8
12	26,1	27,4	26,2	26,1	26,0
Cả năm	**27,2**	**27,3**	**27,5**	**27,5**	**27,3**

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, năm 2024)

2.1.2.3. Chế độ mưa

Lượng mưa trung bình trong giai đoạn từ năm 2019- 2023 được trình bày như bảng sau:

Bảng 2- 2: Lượng mưa trung bình qua các tháng trong giai đoạn 2019 - 2023 (mm) (Trạm Đồng Xoài)

Năm / Tháng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	28,9	28	57,3	0,5	9,0
2	61,4	47,3	0,3	19,2	12,0
3	28,7	60,4	105,7	-	40,0
4	142,5	10,6	131	207,1	158,5
5	291,3	301,4	396,9	103,4	211,0
6	315,6	271,3	324	301,2	220,2
7	379,1	333,3	712,1	331,3	369,7
8	401,4	419,3	519,2	289,3	311,6
9	287,1	414,7	758,3	328,7	294,5
10	409,9	352,1	437,3	243,3	321,4
11	163,1	136,4	171,1	113,2	276,6
12	28,4	91,2	-	22,1	30,3
Cả năm	**2.537,4**	**2.466,0**	**3.613,2**	**1.959,3**	**2.254,8**

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, năm 2024)

Nhận xét: Lượng mưa thay đổi rõ rệt theo mùa, những cơn mưa thường không kéo dài. Dự án hoạt động trong nhà nhưng vấn đề mưa bão cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thành phẩm của dự án.

2.1.2.4. Độ ẩm không khí

Theo "Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2024" thì độ ẩm trung bình qua các năm được trình bày trong bảng sau

Bảng 2- 3: Độ ẩm không khí trung bình trong giai đoạn 2019 - 2023 (%) (Trạm Đồng Xoài)

Năm / Tháng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2022
1	74,0	68,0	61,0	64,0	61,0
2	71,0	66,0	66,0	62,0	66,0
3	68,0	68,0	71,0	63,0	66,0
4	68,0	72,0	74,0	70,0	71,0
5	84,0	78,0	79,0	73,0	73,0
6	82,0	83,0	80,0	79,0	75,0

Năm / Tháng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2022
7	85,0	84,0	82,0	81,0	76,0
8	86,0	84,0	84,0	82,0	82,0
9	84,0	82,0	85,0	84,0	81,0
10	82,0	78,0	78,0	84,0	82,0
11	79,0	77,0	74,0	77,0	79,0
12	69,0	73,0	66,0	66,0	69,0
Cả năm	**77,7**	**76,1**	**75,0**	**73,8**	**73,4**

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, năm 2024)

2.1.2.5. Chế độ gió

Gió là một nhân tố quan trọng trong quá trình phát tán và lan truyền các chất ô nhiễm trong khí quyển. Khi vận tốc gió càng lớn, khả năng lan truyền bụi và các chất ô nhiễm càng xa, khả năng pha loãng với không khí sạch càng cao.

Bình Phước chịu ảnh hưởng của 3 hướng gió: chính Đông, Đông Bắc và Tây Nam theo 2 mùa. Tốc độ gió trung bình 1 – 1,5m/s.

Khu vực Bình Phước nói chung và vị trí dự án nói riêng với khí hậu nhiệt đới mang tính chất cận xích đạo, nền nhiệt độ cao quanh năm, ẩm độ cao và nguồn ánh sáng dồi dào. Khí hậu Bình Phước tương đối hiền hoà, ít thiên tai như bão, lụt… Chế độ gió tương đối ổn định, không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp nhiệt đới.

2.1.2.6. Chế độ nắng và Bức xạ nhiệt

Số giờ nắng của khu vực được thống kê trong bảng 2.4

Bảng 2- 4: Số giờ nắng trong giai đoạn 2019 - 2023 (Giờ) (Trạm Đồng Xoài)

Năm / Tháng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	166	216	258	289	247
2	226	258	260	260	236
3	270	250	205	266	219
4	270	255	262	275	238
5	228	249	250	246	234
6	191	169	231	198	208
7	152	153	195	231	201
8	167	152	172	192	212
9	191	182	151	190	165
10	174	151	255	119	140

Năm Tháng	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
11	183	214	226	205	180
12	216	191	284	187	256
Cả năm	**2.434**	**2.540**	**2.749**	**2.658**	**2.536**

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, năm 2024)

2.1.2.7. Khả năng ngập lụt khu vực dự án

Nghiên cứu cho thấy trong khoảng 50 năm qua, nhiệt độ trung bình của cả nước tăng khoảng 0,5^{o}C.

Khu vực dự án nằm cách xa biển nên hiếm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các cơn bão, thường chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão, áp thấp nhiệt đới do bão suy yếu khi vào đất liền, nên mức độ ảnh hưởng thấp, chủ yếu là mưa dông.

Hiện trạng khu vực dự án cũng không có tình trạng ngập lụt khi mưa lớn.

2.1.3. Điều kiện thủy văn

2.1.3.1. Nguồn nước mặt

Khu vực có nguồn nước mặt rất phong phú về mùa mưa, do điều kiện khí hậu và địa hình tạo ra nhiều sông suối chảy qua khu vực điều tra nên rất thuận lợi cho việc khai thác nguồn nước phục vụ công tác trồng rừng, trồng cây công nghiệp.

Địa bàn T.X Chơn Thành cũ có hệ thống sông ngòi khá phong phú. Sông Bé chảy giữa tỉnh Bình Phước theo hướng Bắc – Nam là một nhánh lớn của sông Đồng Nai. Bắt nguồn từ cao nguyên Đắc Lăk với độ cao từ 600 – 800 m chảy qua các T.X Phước Long, Lộc Ninh, Đồng Phú, Bình Long, Chơn Thành tỉnh Bình Phước cũ, huyện Tân Uyên tỉnh Bình Dương cũ rồi đổ ra sông Đồng Nai về phía dưới chân đập Trị An.

Ngoài ra khu vực Chơn Thành cũ có một con sông nhỏ (sông Bên Đình) chảy từ Tây sang Đông cắt qua Quốc lộ 13, một suối nhỏ (suối Đôi) nằm về phái Đông thị trấn và suối Hồ Đá (nơi tiếp nhận nước thải từ dự án Khu công nghiệp Chơn Thành) nằm phía Tây khu vực Dự án.

2.1.3.2. Nguồn nước ngầm

Do cấu tạo của tầng địa chất giáp với nhiều sông, suối lớn nên mực nước ngầm trong khu vực rất phong phú, có trữ lượng lớn và dễ khai thác phục vụ cho sản xuất. Các vùng thấp dọc theo các con suối có nguồn nước ngầm với trữ lượng và chất lượng tương đối tốt. Tầng chứa nước Bazal (QI-II) phân bố trên quy mô hơn 4.000km2, lưu lượng nước tương đối khá 0,5 – 16 l/s, tuy nhiên do biến động lớn về tính thấm nên tỷ lệ khoan khai thác thành công không cao. Tầng chứa nước Pleitocen (QI-III), đây là tầng chứa nước có trữ lượng lớn, chất lượng nước tốt. Tầng chứa nước Plioxen (N2) lưu lượng 5 – 15l/s,

chất lượng nước tốt. Ngoài ra còn có tầng chứa nước Mezozol (M2) phân bố ở vùng đồi thấp (từ 100-250m).

2.1.4. Tóm tắt các điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực thực hiện dự án:

2.1.4.1. Điều kiện về kinh tế:

a. Sản xuất nông nghiệp

Năm 2024, nhân dân tập trung chăm sóc, cắt tỉa cành và bón phân cho cây cà phê, cây hồ tiêu, đồng thời chủ động bơm tưới cho cây trồng chủ lực dài ngày cà phê, cây hồ tiêu, xoài và trên một số cây trồng khác cơ bản có hiệu quả. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý Nhà nước về hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng trên địa bàn xã.

Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã là 8.737 ha/8.630 ha tăng 101% so với kế hoạch UBND huyện, HĐND xã giao, trong đó: Diện tích cây lâu năm: 5.789 ha/5.509 ha. Diện tích cây hàng năm: 2.948ha/3.121 ha. Cụ thể:

Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức vận động nhân dân tích cực chuẩn bị các nguồn đất sẵn có, sẵn sàng tổ chức gieo trồng, sản xuất mùa vụ mới theo chỉ tiêu trên giao. Triển khai các văn bản cấp trên lựa chọn sản phẩm tham dự Chương trình Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2024. Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông cộng đồng trên địa xã. Tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt. Triển khai Điều tra chi phí sản xuất và giá thành thóc vụ Đông Xuân 2023-2024.

Về Chăn nuôi

Tổng đàn gia súc, gia cầm toàn xã khoảng 20.742 con; Trong đó đàn gia súc: 3.977 con, đàn gia cầm: 16.765 con.

Tình hình sinh trưởng và phát triển của các vật nuôi tốt, các loại dịch bệnh xảy ra nhỏ lẻ. Người dân đã chủ động trong việc chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm, phun thuốc khử trùng, tiêm văc xin phòng chống dịch bệnh. Năm 2024 tiếp tục triển khai tiêm phòng bệnh lở mồm long móng. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

b. Công nghiệp - Xây dựng; Thương mại - dịch vụ

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng ước đạt 304 tỷ đồng (theo giá hiện hành) đạt 138% vượt kế hoạch . Thương mại - Dịch vụ đạt 215 tỷ đồng, đạt 138 % vượt với kế hoạch.

Các dịch vụ chủ yếu như: Cơ khí, gò hàn, xay xát, thu mua nông sản, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kinh doanh vật liệu xây dựng, buôn bán hàng tạp hoá…

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 01 chợ xã, 01 trung tâm thương mại, 01 chợ tự phát, 01 trung tâm Bách hóa xanh, 01 điện máy xanh. Cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán của nhân dân. Các hộ làm dịch vụ, kinh doanh buôn bán trải đều khắp trên các địa bàn của xã, rất thuận lợi cho việc mua bán, trao đổi của nhân dân. Thị trường hàng hóa cơ bản ổn định.

Tiến hành công tác kiểm tra tình hình hoạt động tại chợ 312, qua công tác kiểm tra, nhìn chung cơ sở hạ tầng do nhà nước xây dựng đã xuống cấp, công tác lưu trữ hồ sơ chưa đầy đủ. Qua công tác kiểm tra về xây dựng cho thấy có một số cá nhân xây dựng, cơi nới từ những năm trước đây.

2.1.4.2. Điều kiện về văn hóa – xã hội

- Về Giáo dục:

Trên địa bàn phường có 06 trường học (01 trường mẫu giáo, 02 trường tiểu học, 01 trường phổ thông cơ sở, 01 trường trung học cơ sở, 01 trường trung học phổ thông). Tổng số giáo viên, nhân viên xã quản lý là 164. Tổng số học sinh là 2.662.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của hội nghị Trung ương 8 (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2024.

Tiếp tục chỉ đạo các trường học tích cực trong việc dạy học, song song với đó là đảm bảo an toàn cho người học trên không gian mạng và phòng chống đuối nước. Phối hợp với các trường học trên địa bàn xã tuyên truyền về phòng, chống các tai nạn liên quan đến đuối nước trong dịp hè.

- Công tác Y tế và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân:

Công tác khám chữa bệnh ban đầu tại trạm y tế được đảm bảo, khám chữa bệnh được 2158 lượt bệnh nhân.

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh. Chủ động triển khai các hoạt động phòng, chống dịch bệnh Dại, Lao, truyền nhiễm, sốt xuất huyết, than, Whitmore. Triển khai các hoạt động phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, đặc biệt các bệnh lây từ động vật sang người. Triển khai công tác tuyên truyền Bản ghi nhớ Việt Nam và Trung Quốc về xây dựng vùng an toàn dịch bệnh để xuất khẩu. Vận động phát triển BHXH, BHYT đợt 01 theo KH số 153/KH-UBND huyện thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống tác hại của thuốc lá đến năm 2030 trên địa bàn xã.

Nhìn chung công tác khám chữa bệnh, công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân duy trì tốt, đúng quy định, hạn chế bệnh nhân phải chuyển tuyến trên, tăng cường công tác khám sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là trong các ngày lễ, tết. Tăng cường tổ chức phối hợp kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Kiểm tra 06 hộ đều đảm bảo.

- Công tác chính sách xã hội.

UBND xphường đã ban hành kế hoạch tổ chức các hoạt động đón Tết nguyên đán Giáp Thìn năm 2024, Ban chỉ đạo đã ban hành và gửi thư kêu gọi đến các tổ chức, cá nhân, tổ chức tôn giáo trong và ngoài xã hỗ trợ cho người nghèo, gia đình chính sách và nạn nhân chất độc da cam có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng khuyết tật trong những ngày tết.

Đã vận động được 108.700.000đ (một trăm lẻ tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn). Trong đó có 200 xuất quà giá trị 80.000.000 đ và 28.700.000 tiền mặt.

Chỉ đạo các ban ngành liên quan tiến hành rà soát, lập danh sách các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn cần hỗ trợ trong dịp tết nguyên đán 2024. Kết quả rà soát, tổng số có 343 hộ bằng 1.405 nhân khẩu với tổng số gạo là 21.075kg gạo vừa cứu đói Tết Nguyên đán và giáp hạt đầu năm 2024. Tổ chức thăm tặng quà cho 41 đối tượng gia đình chính sách, người có công giá trị 400.000đ/ xuất

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững: Ngày 02/3/2024 UBND xã phối hợp với Phòng LĐ-TB&XH huyện tổ chức bàn giao 34 con bò cái lại sinh sản cho 17 hộ nghèo. Hiện UBND xã đang triển khai và thực hiện việc giải ngân các nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ năm 2024: Kết quả hộ nghèo 66 hộ = 380 khẩu chiếm 2,19%, cận nghèo 144 hộ = 820 khẩu chiếm 6,14%.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo; tình hình hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn xã diễn ra cơ bản ổn định, thuần tuý tôn giáo theo Hiến chương, Điều lệ, tôn chỉ mục đích của tổ chức tôn giáo đề ra và theo quy định của pháp luật. Chức sắc, tín đồ yên tâm sinh hoạt đạo, tích cực lao động sản xuất, thực hiện tốt phương châm sống "tốt đời, đẹp đạo", "đồng hành cùng dân tộc", tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã được đảm bảo; không để xảy ra các vụ việc, vấn đề nóng và phức tạp liên quan đến hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Phối hợp với Công An tuyên truyền vận động các tín đồ của điểm nhóm ký cam kết không tụ tập sinh hoạt tập trung tại nhà ông Lầu Giống Mua, vận động ký cam kết không lôi kéo, dụ dỗ người khác tham gia vào hệ phái Đức chúa trời mẹ

Triển khai hướng dẫn quản lý hoạt động tôn giáo trong dịp Đại lễ Phật đản năm 2024. Đăng ký danh sách học viên tham gia các lớp tập huấn nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một. Rà soát, báo cáo số lượng cán bộ, công chức, viên chức đã tham gia khóa bồi dưỡng kiến thức dân tộc thuộc đối tượng 3, 4 trên địa bàn xã.

2.2. Hiện trạng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án:

2.2.1. Hiện trạng các thành phần môi trường:

Theo khảo sát thực tế và lấy mẫu hiện trạng, hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật được tổng quát như sau:

Dự án chưa xây dựng các hạng mục công trình, hiện tại, khu đất trống.

- Hiện trạng môi trường khu vực dự án: qua khảo sát thực tế tại khu vực dự án cho thấy chất lượng môi trường không khí tương đối tốt. Đơn vị tư vấn đã phối hợp với đơn vị đo đạc phân tích, tiến hành quan trắc chất lượng môi trường khu vực dự án (như trình

bày tại mục 2.2.2) cho thấy các số liệu quan trắc chất lượng môi trường không khí, đất, nước dưới đất đều nằm trong giới hạn cho phép.

2.2.2.1. Chất lượng môi trường không khí.

Nhằm phục vụ công tác đánh giá chất lượng môi trường khu vực Dự án, Chủ dự án kết hợp với Công ty cổ phần ĐT PT MT Đại Việt đã tiến hành khảo sát, lấy mẫu, phân tích mẫu không khí, đất tại khu vực dự án.

Mỗi vị trí lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường được lấy vào ngày: 04/6/2025

- KK01: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 3 và đường số 8.
- KK02: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 và đường số 8.
- KK03: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 và đường số 10.
- KK04: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 7 và đường số 6.
- KK05: Khu vực trung tâm điều hành KCN.
- KK06: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN đầu hướng gió.
- KK07: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN cuối hướng gió.

Kết quả phân tích chất lượng môi trường tại khu vực dự án như sau:

Bảng 2- 5: Kết quả đo đạc tiến ồn và vi khí hậu

Vị trí đo	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Tiếng ồn dBA
KK01	30,2	60,7	0,5	54,7
KK02	30,2	60,5	0,4	51,8
KK03	30,1	60,3	0,4	53,1
KK04	30,3	60,5	0,4	58,9
KK05	30,4	60,7	0,5	65
KK06	30,3	60,6	0,5	51
KK07	30,1	60,1	0,5	50,9
QCVN 26:2010/BTNBMT	**-**	**-**	**-**	**70**

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

Bảng 2- 6: Kết quả phân tích không khí

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng µg/Nm^3	NO_2 µg/Nm^3	SO_2 µg/Nm^3	CO µg/Nm^3	THC µg/Nm^3
KK01	168	63	< 90	< 16.500	KPH
KK02	161	59	< 90	< 16.500	KPH

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng µg/Nm^3	NO_2 µg/Nm^3	SO_2 µg/Nm^3	CO µg/Nm^3	THC µg/Nm^3
KK03	170	67	< 90	< 16.500	KPH
KK04	165	64	< 90	< 16.500	KPH
KK05	160	60	< 90	< 16.500	KPH
KK06	166	71	< 90	< 16.500	KPH
KK07	173	72	< 90	< 16.500	KPH
QCVN 05:2023/BTNBMT	**300**	**200**	**350**	**30.000**	**5.000**

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

Nhận xét: Giá trị giới hạn: QCVN 26:2010/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*), QCVN 05:2023/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*).

Từ các kết quả phân tích tại vị trí quan trắc của khu vực dự án cho thấy các chỉ tiêu phân tích đang nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*), QCVN 05:2023/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí*

2.2.2.2. Chất lượng môi trường đất

Để đánh giá chất lượng đất khu vực dự án, chủ đầu tư đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng đất tại khu vực thực hiện dự án.

Đợt 1 Ngày 04/6/2025.

Vị trí quan trắc (2 vị trí):

- DD01: Đất tại nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Chơn Thành I.

- DD02: Đất tại khu vực dịch vụ điều hành KCN

Kết quả đo đạc các thông số môi trường đất được trình bày trongbảng bên dưới:

Bảng 2- 7: Kết quả phân tích chất lượng môi trường đất

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03:2023/ BTNMT
			Đ1	Đ2	
1	Asen	mg/kg	KPH	KPH	200
2	Chì	mg/kg	KPH	KPH	700
3	Cadimi	mg/kg	KPH	KPH	60
4	Đồng	mg/kg	15,9	15,3	2.000
5	Kẽm	mg/kg	37,5	70,3	2.000

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

Nhận xét: Mẫu đất trong khuôn viên rất tốt, tất cả các chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn cho phép QCVN 03:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất.

2.2.2.3. Chất lượng môi trường nước

- ***Nước mặt:***

Để đánh giá chất lượng nước mặt khu vực dự án, chủ đầu tư đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nước mặt tại dự án.

Đợt 1 Ngày 04/6/2025.

Vị trí quan trắc (3 vị trí):

- NM01: Nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải vào suối Hồ Đá (tại cầu số1).

- NM02: Nước mặt tại điểm hạ lưu so với vị trí tiếp nhận nước thải vào suối Hồ Đá, tại cầu số2, cách điểm xả 200m về phía hạ lưu.

- NM03: Nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải vào suối Hồ Đá (tại cống xả hiện hữu của KCN).

Kết quả đo đạc các thông số môi trường nước ngầm được trình bày trong bảng bên dưới:

Bảng 2- 8: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08:2023/ BTNMT mức B
			NM1	NM2	NM3	
1	pH	-	6,84	6,8	6,73	6 – 8,5
2	TSS	mg/l	13	11	9	≤ 100
3	DO	mg/l	5,09	5,12	5,04	≥ 5
4	COD	mg/l	13	10	12	≤ 15
5	BOD_5	mg/l	4	3	4	≤ 6
6	Clorua	mg/l	132	116	128	250
7	Nitrit	mg/l	< 0,018	< 0,0108	KPH	0,05
8	Nitrat	mg/l	0,45	0,51	0,62	-
9	Tổng phot pho	mg/l	0,28	0,22	0,22	≤ 0,3
10	Tổng Nitơ	mg/l	0,45	0,5	0,64	≤ 1,5
11	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	KPH	KPH	-
12	Tổng Coliform	MPN/100 ml	6×10^2	$6,1 \times 10^2$	$5,5 \times 10^2$	≤ 5.000

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

Nhận xét: Mẫu nước mặt tại các vị trí có các chỉ tiêu đều đạt Quy chuẩn cho phép QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- ***Nước thải:***

Để đánh giá chất lượng nước thải của hệ thống xử lý tại dự án, chủ đầu tư đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải tại HTXL của dự án.

Đợt 1 Ngày 18/03/2025; 04/6/2025; 20/11/2025

Vị trí quan trắc (2 vị trí):

- NT1: Nước thải tại điểm tiếp nhận nước thải vào công trình xử lý.

- NT2: Nước thải đầu ra của công trình xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

Kết quả đo đạc các thông số môi trường nước ngầm được trình bày trong bảng bên dưới:

Bảng 2- 9: Kết quả phân tích chất lượng nước thải ngày 28/3/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT cột A,
			NT1	NT2	
1	pH	-	7,04	6,92	6-9
2	Màu	Pt -Co	<30	<30	50
3	TSS	mg/l	17	9	49,5
4	COD	mg/l	112	57	74,3
5	BOD_5	mg/l	51	21	29,7
6	Amoni	mg/l	11,9	0,6	4,95
7	Sunfua	mg/l	-	-	0,5
8	Tổng nitơ	mg/l	52,7	11,4	19,8
9	Tổng phốt pho	mg/l	3,28	1,93	3,6
10	Clorua	mg/l	593	289	495
11	Nitrit	mg/l	0,032	KPH	-
12	Nitrat	mg/l	5,03	8,67	-
13	Sắt	mg/l	0,86	KPH	0,99
14	Đồng	mg/l	KPH	KPH	1,98
15	Kẽm	mg/l	0,99	0,42	2,97
16	Mangan	mg/l	0,38	KPH	0,495
17	Cadimi	mg/l	-	-	0,1
18	Asen	mg/l	KPH	KPH	0,0495
19	Thuỷ ngân	mg/l	KPH	KPH	0,00495
20	Chì	mg/l	0,097	KPH	0,099
21	Crom (VI)	mg/l	KPH	KPH	0,0495

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT cột A,
			NT1	NT2	
22	Crom (III)	mg/l	KPH	KPH	0,198
23	Tổng xianua	mg/l	KPH	KPH	0,0693
24	Tổng phenol	mg/l	-	-	0,5
25	Niken	mg/l	KPH	KPH	0,198
26	Dầu mỡ khoáng	mg/l	6,8	KPH	4,95
27	Coliform	MPN/100ml	$70x10^2$	$12x10^2$	3.000

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

Bảng 2- 10: Kết quả phân tích chất lượng nước thải ngày 4/6/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT cột A,
			NT1	NT2	
1	pH	-	6,93	6,94	6-9
2	Màu	Pt -Co	< 30	KPH	50
3	TSS	mg/l	39	18	49,5
4	COD	mg/l	67	51	74,3
5	BOD_5	mg/l	38	17	29,7
6	Amoni	mg/l	25,6	2,7	4,95
7	Sunfua	mg/l	-	-	0,5
8	Tổng nitơ	mg/l	39,2	14,2	19,8
9	Tổng phốt pho	mg/l	1,55	1,32	3,6
10	Clorua	mg/l	392	173	495
11	Nitrit	mg/l	0,049	KPH	-
12	Nitrat	mg/l	2,65	4,19	-
13	Sắt	mg/l	0,96	0,36	0,99
14	Đồng	mg/l	KPH	KPH	1,98
15	Kẽm	mg/l	1,76	< 0,108	2,97
16	Mangan	mg/l	0,41	KPH	0,495
17	Cadimi	mg/l	-	-	0,1
18	Asen	mg/l	KPH	KPH	0,0495
19	Thuỷ ngân	mg/l	KPH	KPH	0,00495
20	Chì	mg/l	0,085	KPH	0,099
21	Crom (VI)	mg/l	KPH	KPH	0,0495
22	Crom (III)	mg/l	KPH	KPH	0,198
23	Tổng xianua	mg/l	KPH	KPH	0,0693

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 40:2011/ BTNMT cột A,
			NT1	NT2	
24	Tổng phenol	mg/l	-	-	0,5
25	Niken	mg/l	KPH	KPH	0,198
26	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	KPH	4,95
27	Coliform	MPN/100ml	$26x10^2$	$11x10^2$	3.000

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

Bảng 2- 11: Kết quả phân tích chất lượng nước thải ngày 20/11/2025

TT	Thông số	Đơn vị	NT1	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A
1	Nhiệt độ	°C	30,9	40
2	pH	-	7,25	6 - 9
3	Màu	Pt -Co	< 30	50
4	TSS	mg/l	28	45
5	COD	mg/l	48	67,5
6	BOD_5	mg/l	16	27
7	Amoni	mg/l	1,68	4,5
8	Sunfua	mg/l	KPH	0,18
9	Tổng nitơ	mg/l	9,8	18
10	Tổng phốt pho	mg/l	0,81	3,6
11	Clorua	mg/l	189	450
12	Florua	mg/l	KPH	4,5
13	Clo dư	mg/l	KPH	0,9
14	Sắt	mg/l	0,46	0,9
15	Đồng	mg/l	KPH	1,8
16	Kẽm	mg/l	< 0,108	2,7
17	Mangan	mg/l	KPH	0,45
18	Cadimi	mg/l	KPH	0,045
19	Asen	mg/l	KPH	0,045
20	Thuỷ ngân	mg/l	KPH	0,0045
21	Chì	mg/l	KPH	0,09
22	Crom (VI)	mg/l	KPH	0,045
23	Crom (III)	mg/l	KPH	0,18
24	Tổng xianua	mg/l	KPH	0,063
25	Tổng phenol	mg/l	KPH	0,09

TT	Thông số	Đơn vị	NT1	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột A
26	Niken	mg/l	KPH	0,18
27	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	4,5
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	KPH	0,27
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phot pho hữu cơ	mg/l	KPH	0,27
30	Tổng PCB		KPH	0,003
31	Tổng hoạt động phóng xạ α		KPH	0,1
32	Tổng hoạt động phóng xạ β		KPH	1
33	Coliform	MPN/100ml	$14x10^2$	3.000

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

2.2.2. Hiện trạng đa dang sinh học

2.2.2.1. Hiện trạng tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện dự án.

+ ***Thảm thực vật:***

Kết quả khảo sát thảm thực vật do đơn vị tư vấn thực hiện vào tháng 11/2025 cho thấy thảm thực vật trong khu vực dự án và khu vực lân cận như sau:

- Thảm thực vật trong khu vực dự án: Hệ thực vật trên khu đất dự án chủ yếu là thảm thực vật bậc thấp là các loại cỏ. Không có thảm thực vật tự nhiên.

Nhìn chung hệ thực vật khu vực dự án rất nghèo nàn, đặc trưng là hệ thực vật nhân tạo không mang tính đa dạng sinh học tự nhiên.

Ngoài ra, trên khu đất công trình và khu vực lân cận công trình không có các vùng sinh thái nhạy cảm như: khu đất ngập nước, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển.

+ ***Động vật:***

Hệ động vật khu vực dự án cũng rất nghèo nàn do không có hệ sinh thái tự nhiên, các loài động vật chủ yếu là vật nuôi của người dân địa phương nên ảnh hưởng của dự án đến hệ động vật tự nhiên hầu như không có.

+ ***Hệ sinh thái dưới nước:***

Theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Đắk Mil đến năm 2030, cách dự án về phía Tây có khe suối cạn. Suối không có nước vào mùa khô, mùa mưa có nước và nước chủ yếu phục vụ nước tưới tiêu cho khu vực. Con suối này là một suối nội lưu, không đổ ra sông hay suối nào khác mà kết thúc tại một vùng trũng nội địa.

Sát ranh KCN Chơn Thành I tại phía Tây giáp ranh với suối Hố Đá. Suối Hố Đá có chiều dài ngắn. Suối Hố Đá có bề rộng dao động khoảng 2 – 5m, trung bình khoảng 3m;

chiều sâu khoảng 2 – 4m, trung bình khoảng 3m. Lưu lượng của suối Hố Đá khoảng 12 - 18 m^3/s trong mùa mưa, và thấp hơn 1 m^3/s trong mùa khô. Đoạn cuối của suối Hố Đá hợp lưu với suối Đôi và đổ về suối Ông Thành, suối Ông Thành hợp lưu với suối Bà trên địa bàn tỉnh Bình Dương sau đó đổ ra suối Căm Xe và chảy ra sông Thị Tính (suối Bà Vã).

Nước Suối Hố Đá đoạn qua khu vực dự án chủ yếu phục vụ nước tưới tiêu cho khu vực, không sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hệ sinh thái dưới nước gồm các loài động vật nước ngọt phổ biến như cá lóc, cá trắng suối và các loài khác như lươn, ếch, các loại ốc và các loài thực vật ưa ẩm như cỏ nước, và các loại cây dây leo,... Không có loài đặc hữu quý hiếm cần bảo vệ. Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng các công trình, biện pháp xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường bên ngoài trang trại.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án:

Dự án " Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)" của Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành nằm tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai. Các đối tượng bị tác động và các yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án được nhận dạng như sau:

- Dự án không thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp trong KCN, lượng nước thải này được thu gom, xử lý tại hệ thống XLNT của KCN đạt QCVN 40:2011/BTNMT(cột A) trước khi xả ra Suối Hố Đá. Đoạn cuối của suối Hố Đá hợp lưu với suối Đôi và đổ về suối Ông Thành, suối Ông Thành hợp lưu với suối Bà trên địa bàn tỉnh Bình Dương sau đó đổ ra suối Căm Xe và chảy ra sông Thị Tính (suối Bà Vã). Do đó, dự án không xả thải trực tiếp vào nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Dự án nằm trong khu đất được quy hoạch là đất khu công nghiệp, hiện nay đã đầu tư hệ thống thu gom nước mưa, nước thải và hệ thống XLNT công suất 600m^3/ngày. Khi triển khai nâng công suất hệ thống XLNT, chủ đầu tư lắp đặt, bổ sung hoàn thiện công trình.

Vì vậy dự án không thuộc đối tượng được quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e, khoản 4, Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án:

Trên đây là kết quả tổng hợp môi trường của khu vực triển khai dự án và các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trong khu vực. Theo các kết quả và thông tin trên thì hiện trạng môi trường không khí, đất của khu vực dự án tương đối tốt; các chỉ tiêu phần lớn đều đạt quy chuẩn hiện hành; xung quanh khu vực dự án không có các loài động thực vật quý hiếm, không có công trình văn hóa lịch sử, tụ điểm vui chơi giải trí; tứ cận tiếp giáp chủ yếu là đường giao thông, khu dân cư…; các công ty trong KCN hầu hết đã có hồ sơ môi trường và khoảng cách cách ly cây xanh đảm bảo nên tác động qua lại giữa khu vực tiếp giáp này với dự án là không đáng kể.

Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3800236105, được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phướccấp lần đầu ngày 10/12/2001 với tên gọi Công ty CP Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Chơn Thành, ngày 28/11/2011 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành, ngày 02/02/2016 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành, ngày 02/08/2019 Công ty đổi tên thành Công ty CP Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Chơn Thành, ngày 16/04/2025 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành và đang duy trì đến hiện tại.

Khu Công Nghiệp Chơn Thành với tổng diện tích quy hoạch là 500 ha đã được phê duyệt theo quyết định số 15/CP-KCN ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giai đoạn 1 của Khu Công Nghiệp Chơn Thành được thành lập theo Quyết định số 399/QĐ-UB ngày 17/03/2003 của UBND tỉnh Bình Phước với diện tích quy hoạch 115 ha và được Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết KCN Chơn Thành giai đoạn 1 theo Quyết định số 283/QĐ-BXD ngày 24/02/2004. Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành giai đoạn 1" được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 2626/QĐ-UB ngày 14/10/2004.

Ngày 14/12/2009, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2493/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Chơn Thành Giai đoạn 1. Theo Quyết định, KCN Chơn Thành giai đoạn 1 được điều chỉnh quy mô diện tích từ 115 ha lên 124,48 ha và bổ sung ngành luyện kim và ngành phân bón vào KCN Chơn Thành Giai đoạn 1 và đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 03/08/2010.

Năm 2013, UBND tỉnh Bình Phước ban hành công văn số 2312/UBND-KTN ngày 18/07/2013 và Công văn số 3923/UBND-KTN ngày 26/11/2013 về việc chấp thuận bổ sung ngành nghề đầu tư vào KCN Chơn Thành I. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành – Giai đoạn 1, diện tích 124,48 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) đã được phê duyệt thông qua Quyết định số 707/QĐ–UBND ngày 10/04/2015, đồng thời được Sở Tài

nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 05/GXN – STNMT ngày 03/02/2016.

Năm 2016, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Công văn số 3769/UBND-KTN ngày 06/12/2016 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất KCN Chơn Thành I. Theo văn bản, UBND tỉnh Đồng ý cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Chơn Thành điều chỉnh cục bộ diện tích quy hoạch sử dụng đất tại lô A1 – KCN Chơn Thành I, cụ thể: "*Giảm đất thương mại, dịch vụ thành đất công nghiệp, sản xuất với diện tích khoảng 115.719 m^2; điều chỉnh đất cây xanh, hồ điều hòa mặt nước cho phù hợp cho đúng với hiện trạng thực tế; quy hoạch lại tuyến đường sắt xuyên Á đi qua KCN với diện tích 23.859,2 m^2"*.

Năm 2018, UBND tỉnh Bình Phước ra Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 về việc điều chỉnh nội dung Điểm 2.2, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 707/QĐ–UBND ngày 10/04/2015 của UBND tỉnh thì tại Điều 1 điều chỉnh nội dung Điểm 2.2, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 707/QĐ–UBND ngày 10/04/2015 thành "*2.2. Phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt. Đối với các dự án thứ cấp đầu tư vào KCN, nước thải phải xử lý đạt cột B, quy chuẩn Việt Nam tương ứng với ngành nghề sản xuất trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải được xử lý đạt cột A của QCNV 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số k_q = 0,9, k_f = 1,0 trước khi xả thải vào Mương Đào (Kênh) tại vị trí có tọa độ X = 537.401; Y = 1.259.413 tiếp giáp với suối Hố Đá. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ phải thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp túc xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Khu công nghiệp phải xây dựng hệ thống kín dẫn đến điểm xả thải vào môi trường".* Như vậy, sau được điều chỉnh, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành được điều chỉnh hệ số k_q, k_f khi xả thải và xác định vị trí xả thải là suối Hố Đá tại vị trí có tọa độ X = 537.401; Y = 1.259.413.

Năm 2019, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2244/QĐ–UBND ngày 28/10/2019 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I, với nội dung điều chỉnh: điều chỉnh tên gọi từ KCN Chơn Thành giai đoạn 1 thành KCN Chơn Thành I và "*Điều chỉnh diện tích 15.248 m^2 đất cây xanh, thương mại dịch vụ và đất giao thông thành đất hạ tầng kỹ thuật để bố trí bãi kiểm hóa cho Cục Hải quan Bình Phước. Kí hiệu lô BB; Quy hoạch lại tuyến đường sắt Xuyên Á (Dĩ An – Lộc Ninh) với diện tích 23.859,2 m^2; Điều chỉnh một phần diện tích đất dịch vụ, đất hạ tầng kỹ thuật và đất cây xanh thuộc cụm A1 thành đất xây dựng nhà máy. Ký hiệu cụm A1, diện tích 110.504 m^2; Điều chỉnh khu đất giới hạn bởi đường trục chính KCN, đường quy hoạch số 9, đường đất phía Nam và đường sắt thành đất hành chính, dịch vụ. Ký hiệu cụm DV2, diện tích 28.859 m^2"* và đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 705/QĐ–UBND ngày 07/4/2020.

Khu công nghiệp Chơn Thành I đã UBND tỉnh Bình Phước cũ cấp Giấy phép môi trường số 37/GP–UBND ngày 27/6/2025

Cơ sở đầu tư phù hợp với các văn bản pháp lý sau về quy hoạch bảo vệ môi trường:

- Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 08/7/2024 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội:

+ Xây dựng hệ thống công nghệ xử lý chất thải và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư.

+ Quan trắc, theo dõi, chủ động phòng ngừa, ứng phó với các sự cố ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

+ Đầu tư trang thiết bị thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Tổ chức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật; giảm thiểu chất thải nhựa, rác thải nhựa đại dương.

+ Xây dựng, thực hiện đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến, hạn chế phát sinh nhiều chất thải, tiêu hao nhiều nguyên liệu, vật liệu và năng lượng.

+ Thực hiện quy định về trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì, chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (EPR).

Theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tỉnh Bình Phước có 20 KCN thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất KCN được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 và 15 KCN tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh Bình Phước được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp.

Như vậy, vị trí thực hiện dự án là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của địa phương và phù hợp với chủ trương đầu tư của tỉnh Bình Phước cũ (nay là tỉnh Đồng Nai).

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Hiện nay, KCN đã xây dựng đầy đủ các hạng mục công trình chính như nhà điều hành KCN, hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình phụ trợ khác. Quá trình thực hiện dự án, công ty chỉ sẽ tiến hành mới bể tách mỡ - điều hòa; bể sinh học hiếu khí T04 1B, bể nén bùn là xây mới và lắp đặt máy móc, thiết bị cho các bể xây mới cho cụm 2. Sau khi công tác lắp đặt hoàn thiện thì cụm 2 và hệ thống xử lý 1 sẽ tạo thành 1 hệ thống xử lý nước thải có công suất 1.200m^3/ngày.

Như vậy trong phạm vi báo cáo, dự báo tác động môi trường của dự án và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường sẽ đánh giá trong 2 giai đoạn: giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị cho cụm 2 của trạm xử lý nước thải tập trung và giai đoạn vận hành.

Báo cáo này sẽ lần lượt phân tích, đánh giá các nguồn gây tác động trong giai đoạn của quá trình thành lập dự án:

Bảng 3- 1: Tiêu chí đánh giá quy mô tác động

Thời gian – tác động tiêu cực kéo dài	
Không	không tác động
Ngắn hạn	ngắn hơn 1 năm
Trung bình	từ 1 đến 10 năm
Dài hạn	hơn 10 năm
Vĩnh viễn	không thể hồi phục
Mức độ - hậu quả tác động đến toàn bộ thành phần môi trường đang xem xét	
Không	không tác động
Nhỏ	phần bị ảnh hưởng ít hơn 1% toàn bộ
Trung bình	phần bị ảnh hưởng từ 1 - 10% toàn bộ
Lớn	phần bị ảnh hưởng trên 10% toàn bộ
Khả năng xảy ra – xác suất xảy ra tác động	
Thấp	< 25%
Trung bình	25 – 75%
Cao	> 75%

Trên cơ sở các tiêu chí đã được xác lập, quy mô tác động, đối tượng tác động, phạm vi tác động của dự án được nhận dạng và trình bày theo các nội dung của các phần sau.

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

3.1.1. Đánh giá, dự báo tác động:

Thời gian xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị cho cụm 2 (công suất 600 m^3/ngày) kéo dài trong khoảng 3 tháng từ tháng 6 – tháng 8/2024. Trong quá trình này có các hoạt động và nguồn phát sinh ô nhiễm gây tác động môi trường có thể được nhận dạng như bảng sau:

Bảng 3- 2: Đối tượng, tác nhân và mức độ bị tác động

TT	Đối tượng chịu tác động	Tác nhân	Mức độ bị tác động
1.	**Các đối tượng chịu tác động liên quan đến chất thải**		
1.1	Không khí	Bụi, khí thải từ hoạt động xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải	Thời gian tác động: ngắn hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: trung bình
		Khí thải do các phương tiện vận chuyển, lắp ráp: Ô tô, máy nâng, xe cẩu, …	Thời gian tác động: ngắn hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: trung bình.
		Ô nhiễm nhiệt	Thời gian tác động: ngắn hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: thấp
		Tác động do sinh hoạt của công nhân	Thời gian tác động: ngắn hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: trung bình.
1.2	Nước mặt	Nước thải sinh hoạt	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: trung bình.
		Chất thải rắn sinh hoạt	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: thấp
		Chất thải nguy hại (dầu mỡ thải, thùng đựng sơn, dầu nhớt thải,…)	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: trung bình, Khả năng xảy ra: thấp
1.3	Đất và nước ngầm	Nước thải sinh hoạt	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: nhỏ,

TT	Đối tượng chịu tác động	Tác nhân	Mức độ bị tác động
			Khả năng xảy ra: trung bình..
		Chất thải rắn sinh hoạt	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: trung bình.
		Chất thải nguy hại (dầu mỡ, thùng đựng sơn, dầu nhớt thải..)	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: trung bình, Khả năng xảy ra: thấp.
		Nước thải sinh hoạt	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: trung bình.
		Chất thải rắn sinh hoạt	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: trung bình.
		Chất thải nguy hại (dầu mỡ thải, thùng đựng sơn, dầu nhớt thải,…)	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: trung bình, Khả năng xảy ra: thấp.
2	**Các đối tượng chịu tác động không liên quan đến chất thải**		
2.1	Nhân công tại công trường	Tiếng ồn từ hoạt động vận chuyển, bốc dỡ.	Thời gian tác động:Ngắn hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: trung bình.
2.2	Kinh tế - xã hội của khu vực	Nước mưa gây ngập úng Cản trở giao thông đi lại của khu vực	Thời gian tác động: dài hạn, Mức độ tác động: nhỏ, Khả năng xảy ra: trung bình.

Quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị cho HTXLNT sẽ làm phát sinh các nguồn gây tác động môi trường gồm có: nguồn gây tác động liên quan đến chất thải và nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải. Các nguồn gây tác động này được nhận diện, đánh giá cụ thể và chi tiết như trình bày dưới đây:

3.1.1.1. Các tác động môi trường liên quan đến chất thải:

a. Sinh khối từ hoạt động giải phóng mặt bằng

Hiện tại khu đất dự án là đất thảm cỏ, cây bụi chiếm 5% không có các công trình cần tháo dỡ. Dự án chỉ cần gạt lớp thảm cỏ là đã tiến hành xây dựng bể tách mỡ - điều hòa; bể sinh học hiếu khí T04 1B, bể nén bùn

❖ **Bụi từ quá trình san nền, đào móng.**

Dự án sẽ đào đất tại hạng mục bể tách mỡ - điều hòa; bể sinh học hiếu khí T04 1B, bể nén bùn, quá trình thi công đào đất sẽ phát sinh một lượng bụi.

Tổng khối lượng đào đất là 185,4m^3 đất. Lượng đất vận chuyển để san lấp chủ yếu lấy trong phạm vi diện tích của dự án từ hoạt động đào đất của công trình xử lý nước thải. Đây là một vấn đề thuận lợi trong quá trình thi công tránh việc phát tán bụi trong quá trình vận chuyển. Hoạt động san ủi, đào, đắp đất của Dự án chủ yếu từ khâu san ủi, thi công cống thoát nước, đường giao thông. Mức độ khuếch tán bụi phụ thuộc phần lớn vào khối lượng đất đào và đất đắp. Bụi khuếch tán được tính toán dựa theo hệ số ô nhiễm và khối lượng đào đắp đất.

Hệ số phát thải bụi từ quá trình đắp đất: 1 ÷ 100g/m^3 *(Nguồn: Rapid eventory technique in enviromental contral, WHO, 1993).*

Thời gian thi công đào đắp đất khoảng 60 ngày (1 ca 8 giờ/ngày).

Tải lượng ô nhiễm (g/ngày) = Hệ số phát thải bụi (g/m^3) × Khối lượng đất đào đắp/thời gian thi công = 1÷100g/m^3 × 185,4m^3/30 ngày = 3,09g/ngày = 0,04 mg/s.

Để tính toán nồng độ bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển theo các khoảng cách và độ cao khác nhau, áp dụng mô hình khuếch tán về ô nhiễm nguồn đường theo mô hình cải biên của Sutton:

$$\mathbf{C= 0,8 \times E \times} \frac{\exp[-(z+h)2/2\sigma_z^2] + \exp[-(z-h)2/2\sigma_z^2]}{\sigma_z \times u}$$

Trong đó: C - Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m^3);

E - Nguồn thải (mg/m.s);

z - Độ cao của điểm tính (m);

σ_z - Hệ số khuếch tán theo phương z (m) là hàm số của khoảng cách x theo phương gió thổi; σ_z= 0,53 × $x^{0,73}$;

u - Tốc độ gió trung bình (m/s), lấy u= 3,6m/s, gió mùa khô hướng gió Đông Bắc; u=4 m/s, gió mùa khô hướng gió Tây-Tây Nam;

h - Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), lấy h= 0,5m.

Kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải theo khoảng cách (x) và độ cao (z) được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3- 3: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình san nền

Khoảng cách x (m)	Nồng độ (mg/m^3)				QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m^3)
	z = 1,5 m	z = 3 m	z = 5 m	z = 10 m	
Mùa khô u = 3,6 m/s, hướng gió Đông - Bắc					
5	0.05075	0.030385	0.015332	0.002773	**0,3**
15	0.04794	0.034712	0.027136	0.014662	
25	0.02531	0.023321	0.02186	0.018595	

Khoảng cách x (m)	Nồng độ (mg/m^3)				QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m^3)
	z = 1,5 m	z = 3 m	z = 5 m	z = 10 m	
35	0.01993	0.018959	0.018222	0.016501	
45	0.01664	0.016072	0.015636	0.014597	
55	0.01439	0.014022	0.013737	0.013051	
65	0.01275	0.012496	0.012297	0.011813	
Mùa mưa u = 4 m/s, hướng gió Tây-Nam					
5	0.039473	0.023633	0.011925	0.002157	**0,3**
15	0.037286	0.026998	0.021105	0.011404	
25	0.019687	0.018138	0.017002	0.014463	
35	0.015502	0.014746	0.014172	0.012834	
45	0.012939	0.0125	0.012161	0.011354	
55	0.01119	0.010906	0.010685	0.010151	
65	0.009917	0.009719	0.009564	0.009188	

Nhận xét: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào móng, san nền đạt giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

Tuy nhiên trên thực tế, lượng bụi phát sinh có thể cao hơn vì phụ thuộc vào nồng độ nền tuyến đường vận chuyển, chất lượng đường sá và vận tốc gió.

Lượng bụi này phát tán sẽ ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân xây dựng như: với bụi có kích thước lớn, khó xâm nhập sâu vào hệ hô hấp, loại bụi này thường gây tác hại cho da, mắt, gây nhiễm trùng và dị ứng,…mang đến cảm giác đau rất khó chịu cho cơ thể người. Những hạt bụi nhỏ, xâm nhập sâu vào trong phổi sẽ tích tụ và gây ra một số bệnh nguy hiểm như: bụi phổi, khó thở, hen, xơ hóa phổi nguy hiểm dẫn đến ung thư. Chủ dự án sẽ có những biện pháp giảm thiểu các tác động từ quá trình san nền gây ra nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân thi công.

❖ **Ô nhiễm không khí do hoạt động đổ trộn bê tông**

Trong quá trình thi công xây dựng, Với khối lượng bê tông lớn dự án sẽ sử dụng bê tông trộn sẵn, khối lượng ước tính là 2.180 m^3 và chỉ trộn bê tông tại dự án với số lượng ít khoảng 1m^3/1 lần. Do đó, hoạt động đổ trộn betong tại công trường được hạn chế đến mức tối đa lượng bụi phát sinh đáng kể từ hoạt động này vào môi trường, nhất là sức khoẻ công nhân lao động.

❖ **Bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu phục vụ cho quá trình thi công xây dựng.**

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển tại khu vực Dự án trong giai đoạn xây dựng sẽ là nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí. Các hoạt động vận tải vật liệu xây

dựng, thiết bị thi công cơ giới... trên công trường đều được vận chuyển chủ yếu bằng đường bộ và sử dụng nhiên liệu (xăng, dầu DO). Các phương tiện vận tải sẽ thải ra môi trường một lượng khói thải chứa các chất ô nhiễm không khí. Thành phần khí thải chủ yếu là COx, NO_x, SO_x, cacbuahydro, aldehyd, bụi.

Ước tính trong thời gian thi công khoảng 3 tháng. Khối lượng vận chuyển trong quá trình xây dựng của dự án bao gồm nguyên vật liệu phục vụ cho xây dựng **269** tấn.

Vậy, mỗi ngày trên công trường có khoảng 1 xe tải trọng 5 tấn đến công trường. Ước tính phạm vi ảnh hưởng từ nơi cung cấp nguyên vật liệu đến khu vực Dự án khoảng 10km, nhưng chủ yếu phạm vi ảnh hưởng nhiều nhất là bán kính khoảng 100m trong phạm vi khu vực Dự án.

Tải lượng bụi phát thải được ước tính như sau:

$$L = 1{,}7k\left[\frac{s}{12}\right]\times\left[\frac{S}{48}\right]\times\left[\frac{W}{2{,}7}\right]^{0{,}7}\times\left[\frac{w}{4}\right]^{0{,}5}$$

Trong đó:

L : tải lượng bụi (kg/km/lượt xe/);

k : kích thước hạt; k = 0,2mm;

s : lượng đất trên đường; s = 8,9%;

S : tốc độ trung bình của xe; S = 40 km/h;

W : trọng lượng có tải của xe; W = 5 tấn;

w : số bánh xe; w = 4 bánh;

Thay số ta được: L = 0,0022 kg/km/lượt xe

Trung bình mỗi ngày Dự án sử dụng 1 xe với quãng đường vận chuyển từ nơi thu mua nguyên vật liệu đến khu vực Dự án trung bình là 10km, mỗi xe vận chuyển 01 lượt/ngày. Số lượt xe là 1 lượt/ngày. Vậy, tải lượng ô nhiễm bụi do vận chuyển là:

Tải lượng bụi/ngày = 0,0022 x 1 x 10= 0,022 kg/ngày ~ 0,0008g/s

Nồng độ bụi phát tán trung bình trong 1 giờ trên công trường và ước tính chiều cao phát tán tối đa là 5m như sau:

$$0{,}0008\text{g/s} \times 1\text{ h} \div (5000\text{m}^2 \times 5\text{m}) = 0{,}115\ (\text{mg/m}^3)$$

Kết quả này cho thấy, nồng độ bụi phát sinh vẫn nằm trong giới hạn cho phép của *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí* là 0,3 mg/m^3. Ô nhiễm bụi có tác động trên suốt cả tuyến đường vận chuyển. Tuy nhiên, với bụi xây dựng có kích thước hạt nhỏ khoảng 0,2mm, nên khả năng lắng đọng nhanh, phạm vi phát tán trong không khí hẹp, cũng có thể nhận thấy rằng bụi chỉ phát sinh nhiều khi trời gió và khô hanh.

Đồng thời, công tác xây dựng chỉ với quy mô khép kín (có hàng rào kín ngăn cách khu vực trong và ngoài Dự án), phát tán trong môi trường khá rộng, nên các tác động của bụi phát sinh trong thời gian xây dựng này tương đối ít, không đáng kể. Dự án sẽ trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng tại công trình và nhân viên Dự án để hạn chế tối đa tác động của bụi đến sức khỏe con người.

Bên cạnh đó, Dự án sẽ đặc biệt quan tâm đến các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi trong quá trình vận chuyển nguyên liệu vào mùa khô như: tưới nước lên bề mặt đường, che đậy phương tiện vận chuyển.

❖ **Bụi và khí thải từ phương tiện, máy móc thi công**

Trong quá trình thi công xây dựng hàng loạt các máy móc, phương tiện sẽ được huy động phục vụ cho dự án. Các máy móc, phương tiện này dùng để vận chuyển trong phạm vi khu vực thi công. Hầu hết các thiết bị máy móc đều sử dụng dầu diezel để vận hành. Xe tải nặng sử dụng dầu Diezel sẽ được sử dụng để chuyên chở vật liệu đến khu vực thi công.

Số phương tiện thi công trong giai đoạn thi công lớn nhất khoảng 5 phương tiện trong 1 ngày. Lượng nhiên liệu (dầu DO) tiêu thụ của các phương tiện khác nhau, nhưng theo thực tế vận hành của các thiết bị thi công thì bình quân lượng dầu tiêu thụ trung bình một ngày làm việc 8 tiếng của một phương tiện thi công/ngày. Lượng dầu tiêu thụ trong một ngày của phương tiện thi công là: 5 phương tiện x 20 lít/ngày = 100 lít/ngày = 12,5 lít/giờ. Khối lượng riêng của dầu DO: 0,82 – 0,86 tấn/m^3, hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu dầu DO là 0,05% (Nguồn: Petrolimex.com.vn) nên khối lượng dầu DO sử dụng trong một ngày là: 12,5 lít/giờ x 0,85 tấn/m^3 = 10,67 kg/giờ.Tải lượng ô nhiễm của thiết bị máy móc thi công do đốt dầu DO được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3- 4: Hệ số phát thải và tải lượng ô nhiễm của thiết bị máy móc thi công

Thông số	**Bụi**	**NO_2**	**CO**	**VOC**	**CH_4**	**CO_2**	**BC**	**OC**	**N_2O**
Hệ số ô nhiễm (g/kg)	4,1	27,4	9,2	8	0,17	3.090	1,3	0,5	0,17
Tải lượng ô nhiễm (g/h)	287,53	1.921,56	645,2	0.56	0.01	216,7	91.17	7,44	2,53
Nồng độ (mg/m^3)	0,05	0,34	1,13	0,001	0,021	0,38	0.16	0,0	0.0
QCVN 05:2023/BTNMT trung bình 1h (mg/m^3)	**0,3**	**0,2**	**30**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**

(Nguồn: Tính toán dựa trên tài liệu Atmospheric Brown Clouds (ABC), Emission Inventory Manual - 2013)

Nhận xét: Từ kết quả tính toán nồng độ ô nhiễm không khí do các phương tiện vận chuyển nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m^3). Riêng chỉ tiêu NO_2 vượt quy chuẩn cho phép.

Ghi chú:

- *Tải lượng (g/h) = hệ số ô nhiễm (g/kg) * số nhiên liệu sử dụng (kg/h)*
- *Nồng độ trung bình (mg/m^3) = Tải lượng (g/h) x 10^3/V (m^3).*

❖ **Ô nhiễm không khí do hoạt động hàn, xì kim loại**

Quá trình xây dựng có sử dụng thiết bị hàn cắt kim loại, quá trình hàn điện sẽ sinh ra các chất ô nhiễm không khí như các oxit kim loại: Fe_2O_3, SiO_2, K_2O, CaO,…tồn tại ở dạng khói bụi. Ngoài ra, còn có các khí thải khác như: CO, NO_x.

Tổng số que hàn ước tính trong giai đoạn xây dựng trung bình khoảng 1.000 que trong suốt quá trình xây dựng. Giả định 1.000 que hàn bao gồm 300 que hàn đường kính 3,2 mm, 300 que hàn đường kính 4 mm, 200 que hàn đường kính 5 mm, 200 que hàn đường kính 6 mm.

Lượng bụi khói sinh ra có thể xác định thông qua các hệ số ô nhiễm được trình bày trong bảng sau.

Bảng 3- 5: Lượng bụi khói sinh ra có thể xác định thông qua các hệ số ô nhiễm

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (mg/que hàn) ứng với đường kính que hàn				Tải lượng ô nhiễm (g)			
	3,2 mm	4 mm	5 mm	6 mm	3,2 mm	4 mm	5 mm	6 mm
Khói hàn (chứa nhiều chất)	508	706	1.100	1.578	152,4	228	220	315,6
CO	15	25	35	50	4,5	7.5	7	10
NO_x	20	30	45	70	6	9	9	14

Tính nồng độ các khí ô nhiễm do hoạt động hàn tạo ra trong không khí trong 1 ngày có sử dụng hàn:

Ci (mg/m^3) = tải lượng chất ô nhiễm i (kg/ngày) x 106/V + nồng độ môi trường nền của khu đất thực hiện dự án (tính theo nồng độ lớn nhất).

Trong đó: V là thể tích bị tác động trên bề mặt dự án. V= S x H (m^3)

Với: S là diện tích khu vực xây dựng của dự án, S = 500m^2, H là chiều cao tính toán, H=1,5m.

Thay số vào công thức ta tính được Ci như trong bảng dưới đây:

Bảng 3- 6: Nồng độ các chất ô nhiễm không khí do hoạt động hàn

TT	Thông số ô nhiễm	Nồng độ (mg/m^3)	QCVN 03:2019/BYT
1	Khói hàn	0,320	**5**
2	CO	3,906	20
3	NO	0,065	10

Ghi chú:

Nồng độ = nồng độ tính toán + nồng độ môi trường nền (tính theo số liệu quan trắc lớn nhất)

Như vậy nồng độ khói hàn và khí thải phát sinh từ quá trình hàn nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép QCVN 03:2019/BYT khi xét trên tổng thể dự án nhưng xét trong vùng không khí cục bộ tại vị trí của người lao động do khí thải chưa khuếch tán kịp sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới những người thợ hàn. Nếu không có bảo hộ lao động phòng hộ cá nhân phù hợp, người thợ hàn khi tiếp xúc với các loại khí độc hại có thể bị những ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe, thậm chí nếu nồng độ cao có thể gây nhiễm độc cấp

Đánh giá tác động của các tác nhân ô nhiễm bụi, khí thải, mùi

- *Bụi:* Bụi có kích thước từ 0,01 – 10 μm thường gây tổn hại cho cơ quan hô hấp. Bụi có kích thước lớn hơn 10 μm thường gây hại cho mắt, gây nhiễm trùng và dị ứng. Với nồng độ bụi khoảng 0,1 mg/m^3, tầm nhìn xa chỉ còn 12 km (trong khi đó tầm nhìn xa lớn nhất là 36 km và nhỏ nhất là 6 km). Do đó, trong phạm vi công trường thi công cần hạn chế phát sinh bụi để giảm thiểu các ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân cũng như hạn chế những tai nạn xảy ra trong quá trình vận chuyển.

- *SO_2, NO_x:*

Đối với sức khỏe: Các khí SO_2, NO_x là các chất khí kích thích khi tiếp xúc với niêm mạc ẩm ướt tạo thành các axít. SO_2, NO_xvào cơ thể qua đường hô hấp, hoặc hòa tan vào máu tuần hoàn, kết hợp với bụi tạo thành các hạt bụi axít lơ lửng, nếu kích thước nhỏ hơn 2-3mm, chúng đi vào tới phế nang, bị đại thực bào phá hủy hoặc đưa đến hệ thống bạch huyết.

Đối với thực vật: Các khí SO_2, NO_x khi bị ôxi hóa trong không khí kết hợp với nước mưa tạo thành mưa axít, gây ảnh hưởng đến sự phát triển thảm thực vật và cây trồng, thậm chí hủy diệt hệ sinh thái và thảm thực vật, ảnh hưởng xấu đến khí hậu, hệ sinh thái và tầng ôzôn. Khi nồng độ SO_2 trong không khí khoảng 1-2ppm có thể gây ảnh hưởng đến lá cây sau vài giờ tiếp xúc. Các thực vật nhạy cảm, đặc biệt là thực vật bậc thấp có thể bị gây độc ở nồng độ 0,15-0,30ppm.

- *CO:* Liên kết với Hemoglobin tạo thành cacboxy-hemoglobin rất bền vững, dẫn đến sự giảm khả năng vận chuyển oxy của máu đến các tổ chức, các tế bào. Khi ngộ độc CO sẽ xuất hiện các triệu chứng chóng mặt, đau đầu, ù tai và khi nồng độ CO khoảng 250 ppm con người sẽ bị tử vong.

- *CO_2:* Gây rối loạn hô hấp phổi, gây hiệu ứng nhà kính.

- *Hydro cacbon (HC):* Các hợp chất hữu cơ HC như benzene, styrene,… gây nhiễm độc cấp tính: suy nhược, chống mặt, nhức đầu, rối loạn giác quan có khi gây tử vong.

- Mùi là thông số được đánh giá theo cảm quan trực tiếp của con người. Tác động trực tiếp của mùi hôi là gây cảm giác khó chịu cho người tiếp nhận đồng thời làm cho

cảnh quan môi trường trở nên mất vệ sinh. Ngoài ra, mùi hôi làm thu hút các loại côn trùng như: ruồi, nhặng,… Mùi hôi cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng và phát triển của gia súc, từ đó ảnh hưởng đến kinh tế của trang trại do vật nuôi chậm phát triển.

c. Đánh giá tác động đến môi trường nước

❖ **Nước mưa chảy tràn**

Nước mưa chảy tràn trên mặt bằng khu vực thi công thường có hàm lượng các chất lơ lửng cao và có thể nhiễm các tạp chất khác như dầu mỡ, vụn vật liệu xây dựng,... Lượng nước mưa chảy tràn phụ thuộc vào chế độ mưa của khu vực, theo số liệu khí tượng thủy văn của khu vực dự án, thời gian xảy ra các trận mưa lớn thường tập trung vào các tháng mùa hạ (tháng 5 đến tháng 11). Theo TCVN 7957:2008, ước tính lượng nước mưa lớn nhất phát sinh trên mặt bằng xây dựng dự án theo công thức như sau:

$$Q = ø \times q \times S$$

Trong đó:

- ø: Hệ số che phủ bề mặt = 0,43 (đối với mặt đường đất);
- q: Cường độ mưa (l/s.ha), q = 166,7 × i; với i là lớp nước cao nhất của khu vực vào ngày có lượng mưa lớn nhất (mm/phút) (theo Hoàng Huệ - 2007). Theo "Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2022", tháng 8 có lượng mưa cao nhất trong năm là 519,2mm. Giả sử trong tháng có 25 ngày mưa và số giờ mưa trong ngày là 3 giờ, suy ra i = 519,2/(25 × 3× 60) = 0,12mm/phút;
- S: Diện tích khu vực xây dựng dự án, S = 5.000m^2

Vậy tổng lượng mưa tối đa phát sinh tại khu vực thi công dự án là:

$$Q = 0,43 \times (166,7 \times 0,12) \times (5.000\times 10^{-4}) = 4,3009l/s = 0,0043m^3/s.$$

Thành phần các chất ô nhiễm của nước mưa chảy tràn được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3- 7: Thành phần nước mưa chảy tràn

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ
1	Chất rắn lơ lửng	mg/l	10 – 20
2	COD	mg/l	10 – 20
3	Tổng N	mg/l	0,5 – 1,5
4	Tổng P	mg/l	0,004 – 0,03

(Nguồn: Viện vệ sinh dịch tễ TP.Hồ Chí Minh, năm 2007)

Từ Bảng trên cho thấy nồng độ ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thấp hơn nhiều lần so với nồng độ ô nhiễm của các loại nước thải. Như vậy, nước mưa là nguồn nước ít ô nhiễm và lượng nước này cũng khó được thu gom xử lý trong giai đoạn thi công xây dựng. Do đó, biện pháp duy nhất là đẩy mạnh công tác quản lý, giám sát, hạn chế việc rơi vãi

nguyên vật liệu, đặc biệt là các chất thải nguy hại như dầu mỡ trong khu vực xây dựng.

❖ **Nước thải sinh hoạt**

Trong giai đoạn xây dựng dự án mỗi ngày có khoảng 20 công nhân làm việc, với định mức cấp nước khoảng 100 lít/người (QCVN 01:2021/BXD) thì lượng nước cấp sử dụng là 2000lít/ngày. Lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp sử dụng, vậy lượng nước thải là 2 m^3/ngày.

Bảng 3- 8: Đặc trưng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng

TT	Thành phần	Hệ số ô nhiễm(*) (*g/người/ngày*)	Tải lượng thải (*g/ngày*)	Nồng độ ô nhiễm (mg/l)	QCVN 14:2025/BTNMT Cột C
1	BOD_5	30 – 35	2.400 – 2.800	300 – 350	50
2	COD	72 – 102	5.760–8.160	720 – 1.020	110
3	TSS	35 – 50	2.800 – 4.000	350 – 500	70
4	Nitơ	8	640	80	30
5	Phốt pho	1,5 - 1,8	120 – 144	15 – 18	10
6	Dầu mỡ	10 – 30	800 – 2.400	100 – 300	20

Ghi chú:

(*): (Nguồn: Trần Đức Hạ (2003), Tài liệu Bảo vệ nguồn nước)

Nhận xét:

So sánh với (cột C) QCVN 14 : 2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung cho thấy nước thải sinh hoạt có nồng độ vượt quá tiêu chuẩn cho phép nhiều lần, nếu lượng nước thải này không được xử lý sẽ gây ảnh hưởng tới chất lượng môi trường khu vực dự án. Chủ đầu tư sẽ xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra ngoài môi trường.

❖ **Nước thải từ hoạt động xây dựng**

Trong giai đoạn thi công xây dựng, các nhu cầu sử dụng nước bao gồm: nước cấp cho quá trình trộn bê tông khoảng 2,5m^3/ngày; nước vệ sinh phương tiện thiết bị khoảng 0,5 m^3/ngày.

Trong các nhu cầu trên, chỉ phát sinh nước thải từ khu vực vệ sinh phương tiện máy móc thiết bị trong giai đoạn chuẩn bị để vệ sinh phương tiện thiết bị vào cuối mỗi ngày làm việc. Đối với nước trộn bê tông và phun chống bụi sẽ thấm vào đất và vật liệu mà không làm phát sinh nước thải.

Tổng lượng nước sử dụng cho nhu cầu vệ sinh phương tiện, thiết bị phục vụ thi công xây dựng dự án khoảng 0,5 m^3/ngày. Lượng nước thải tính bằng 100% lượng nước sử dụng tương đương với 0,5 m^3/ngày.

Thành phần, tính chất và đặc trưng nước thải:

- Độ đục, SS cao: Do xi măng, cát, bụi rửa trôi từ rửa thiết bị trộn bê tông.
- pH cao: Vì gốc của xi măng thì thành phần canxi chiếm chủ yếu, do đó khi bị rửa trôi thì chắc chắn pH cao.

Dụng cụ thi công, xe tại công trường chủ yếu rửa nhằm làm sạch bụi, đất, vật liệu cát, đá còn sót lại trên xe, chỉ sử dụng nước, không dùng hóa chất tẩy rửa. Do đó, đặc trưng của loại nước thải này là chứa nhiều cặn lơ lửng, các thông số ô nhiễm khác như BOD_5, COD thấp.

Tham khảo kết quả phân tích nước thải xây dựng tại Công trình xây dựng Khu tái định cư Phú Mỹ (Khu Era Town), phường Phú Mỹ, quận 7 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3- 9: Thành phần và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải xây dựng

STT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ các chất ô nhiễm
1	pH	-	6,48
2	TSS	mg/l	3.650

(Nguồn: Trung tâm phân tích và Môi trường, Tháng 06/2012)

Đánh giá tác động của nước thải

- Nước thải sinh hoạt chưa qua bể tự hoại có nồng độ ô nhiễm rất lớn, nếu thải trực tiếp ra môi trường sẽ gây ô nhiễm do chất hữu cơ và dinh dưỡng đối với môi trường nước như: nước ngầm ô nhiễm môi trường không khí và điều kiện vệ sinh của khu vực dự án do mùi hôi, đồng thời gây ruồi bọ,… Do đó, cần có biện pháp xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thường thấp nhưng trong giai đoạn thi công xây dựng dự án, lượng đất cát sẽ bị cuốn theo nước mưa nhiều gây ô nhiễm môi trường nước ngầm khu vực. Tuy nhiên quá trình xây dựng diễn ra trong thời gian ngắn do đó tác động này là không đáng kể.

- Nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án tác động đến nguồn nước ngầm trong khu vực. Nguồn nước bị ô nhiễm, tích tụ ứ đọng gây mùi hôi khó chịu ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của công nhân và người dân gần khu vực dự án.

Bảng 3- 10: Đối tượng, phạm vi mức độ chịu tác động từ nước thải

Đối tượng bị tác động	Mức độ	Phạm vi
Không khí	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh
Nước ngầm	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh
Đất	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh
Con người	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh
Yếu tố cảnh quan	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh

d. Tác động của chất thải rắn và chất thải nguy hại

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt**

Tổng số công nhân làm việc là 20 người. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa là 0,8 kg rác thải/người-ngày (theo QCVN 01:2021/BXD, áp dụng đối với đô thị loại V) thì khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tối đa trong quá trình xây dựng khoảng 16 kg/ngày.

– Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh của dự án không nhiều, nhưng thành phần chất thải rắn có rác hữu cơ chiếm từ 60-70% gồm các loại rác thải như rau, củ, quả thừa, thức ăn thừa; 30-40% rác vô cơ như túi nilông, vỏ chai lọ, đồ hộp bằng nhựa hay kim loại...là môi trường sống tốt cho các vi trùng gây bệnh, là nguồn thức ăn cho ruồi, muỗi, … sẽ dễ dàng truyền bệnh cho người và có thể phát triển thành dịch. Chất hữu cơ trong chất thải rắn sinh hoạt lâu ngày bị phân hủy sinh ra các sản phẩm trung gian, sản phẩm phân hủy bốc mùi hôi thối, rất khó chịu cho con người.

❖ **Chất thải rắn trong giai đoạn triển khai xây dựng**

+ ***Chất thải rắn xây dựng:***

Chất thải rắn xây dựng phát sinh chủ yếu là từ đất dư trong quá trình thi công và xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị các hạng mục công trình và từ sự hao hụt vật liệu thi công trên công trường bao gồm các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như xi măng, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu... Thời gian xây dựng kéo dài khoảng 3 tháng tương đương 90 ngày thi công, như vậy lượng chất thải rắn phát sinh trung bình khoảng 53kg/ngày.

Phần chất thải rắn này có thể phân loại và tận dụng được cho các mục đích khác nhau, không ảnh hưởng đáng kể đến sức khoẻ con người nhưng lại gây mất cảnh quan khu vực, gây cản trở công việc đi lại của công nhân, các mảnh vỡ và sắt thép vụn có thể gây nên các tai nạn lao động nếu không được thu gom triệt để sẽ chôn vùi trong đất gây ô nhiễm đất. Mặt khác, đây là loại chất thải có giá trị sử dụng nên chủ dự án sẽ cho tận thu để sử dụng lại hoặc bán cho các đơn vị có nhu cầu vì vậy các loại chất thải rắn này ít có khả năng phát thải ra môi trường bên ngoài.

❖ **Chất thải rắn nguy hại**

Thời gian thi công xây dựng dự án diễn ra trong 3 tháng, chất thải nguy hại có khả năng phát sinh từ dự án bao gồm:

– Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng dự án với thành phần phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính CTNH, thùng đựng sơn, cọ dính sơn…. Ước tính lượng chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình khoảng 20 kg.

Đánh giá tác động chất thải rắn

Trong thành phần CTRSH có từ 70 – 80% thành phần hữu cơ, nguồn rác hữu cơ này là nguồn gốc gây ô nhiễm môi trường và điều kiện vệ sinh trong khuôn viên khu vực dự án do phát sinh mùi và thu hút côn trùng nếu được thải bỏ không đúng quy định.

Lượng rác thải chất thải rắn xây dựng nếu không được thu gom sẽ gây ảnh hưởng tới môi trường và ảnh hưởng tới các hoạt động của công nhân: gây cản trở công việc đi lại của công nhân, các mảnh vỡ và sắt thép vụn có thể gây nên các tai nạn lao động, các bao bì có thời gian phân hủy lâu nếu không được thu gom triệt để sẽ chôn vùi trong đất gây ô nhiễm đất, nguồn nước ngầm.

Chất thải nguy hại nếu không được thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định sẽ gây ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm, đất tại khu vực dự án do các hợp chất hữu cơ khó phân hủy và kim loại nặng. Do lượng chất thải nguy hại phát sinh trong thời gian thi công xây dựng rất ít nên gây tác động nhẹ và trong thời gian ngắn.

Lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là nguồn ô nhiễm cho môi trường vì vậy các chất thải này cần phải thu gom và xử lý triệt để.

Bảng 3- 11: Đối tượng, phạm vi mức độ chịu tác động từ chất thải rắn

Đối tượng bị tác động	Mức độ	Phạm vi
Không khí	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh
Nước ngầm	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh
Đất	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh
Con người	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh
Yếu tố cảnh quan	Trung bình, liên tục	Khu vực thực hiện dự án, và vùng xung quanh

3.1.1.2. Các tác động môi trường không liên quan đến chất thải:

❖ **Tiếng ồn từ hoạt động máy móc, thiết bị trong quá trình xây dựng**

Trong thời gian thi công cải tạo, các hoạt động thi công gây ra tiếng bao gồm: việc vận hành các thiết bị thi công như xe tải, máy trộn vữa,....Khi có nhiều nguồn ồn phát ra cùng lúc, tại bất kỳ điểm nào trên khu vực dự án, đều chịu tác động tổng hợp của các nguồn ồn mang lại. Mức ồn giảm dần theo khoảng cách và có thể dự báo nhờ công thức:

$$Lp(x) = Lp(x_0) + 10 \log10(x_0/x)$$

$Lp(x_0)$: mức ồn tại điểm cách nguồn 1 khoảng x_0 = 1,5 m (dBA);

Lp(x): mức ồn tại vị trí cần tính toán (dBA);

Mức ồn cách nguồn 1,5 m và dự báo mức ồn tối đa của các phương tiện vận chuyển và thi công được trình bày trong sau:

Bảng 3- 12: Mức ồn của các thiết bị thi công

Stt	Thiết bị	Mức ồn (dBA) cách nguồn ồn 1,5 m	Mức ồn tối đa (dBA)	
			Cách 20m	Cách 200m
1	Xe tải	82 – 94 (2)	81	65
2	Máy đào	75 (1); 75 – 88 (2)	75	54
3	Máy trộn bê tông	80 – 83 (2)	70	62
4	Máy đầm	87	76	66
5	Máy chà nhám	86	75	65
6	Máy hàn	77	66	56
7	Máy cắt	82	71	61
8	Máy phát điện	80	69	59
9	Máy nén khí	81	70	60
QCVN 24:2016/BYT (KV làm việc)		**85**		
QCVN 26:2010/BTNMT (KV thông thường, từ 6 - 21h)		**70**		

(Nguồn: (1) Nguyễn Đình Tuấn và cộng sự, 2000; (2) Mackernize, L.da, 1985, Ủy ban bảo vệ môi trường U.S. Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1, 31-12-1971)

Ở nước ta chưa có tiêu chuẩn cụ thể quy định về mức độ tiếng ồn cho công tác thi công xây dựng nói chung. Tuy nhiên, theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), tiếng ồn cho phép trong khu vực thông thường như khu chung cư, các nhà ở riêng lẻ nằm cách biệt hoặc liền kề, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính là 70dBA. Theo quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tiếng ồn cho phép trong khu vực sản xuất là 85 dBA. Bảng trên cho thấy tiếng ồn phát ra từ các nguồn ồn (điểm cách nguồn 1,5m) đa số vượt quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT. Tiếng ồn phát ra từ các nguồn ồn chỉ đạt quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT khi cách nguồn ồn 20m, đạt QCVN 26:2010/BTNMT khi cách nguồn ồn 200m.

Tác động của tiếng ồn đến con người:

Tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động xây dựng là không thể tránh khỏi, tuy vậy nguồn ô nhiễm này chỉ có tính chất tạm thời và chỉ gây ảnh hưởng cục bộ trong thời gian thi công, chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân tại công trình và những người xung quanh. Tác hại của tiếng ồn là gây nên những tổn thương cho các bộ phận trên cơ thể người. Trước hết là cơ quan thính giác chịu tác động trực tiếp của tiếng ồn làm giảm độ nhạy của tai thính lực giảm sút, gây nên bệnh điếc nghề nghiệp. Ngoài ra, tiếngồn gây ra cácchứng đau đầu, ù tai, chóng mặt, buồn nôn, rối loạn thần kinh, rối loạn tim mạch và các bệnh về hệ thống tiêu hóa. Rung động gây nên các bệnh về thần kinh, khớp xương.

Tiếng ồn cộng hưởng sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến công nhân xây dựng công trình và những người xung quanh.

Công ty sẽ đề xuất các biện pháp hạn chế đến mức thấp nhất tác động đến sức khỏe công nhân thi công và những người xung quanh.

❖ **Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội**

Sự tập trung đông công nhân thi công xây dựng có thể gây các tác động sau:

Gây mất an ninh trật tự

Gây ra các tệ nạn xã hội

Mâu thuẫn giữa công nhân xây dựng và người dân địa phương

Số lượng công nhân thi công xây dựng khoảng 80 người. Công nhân xây dựng là các thợ lành nghề được tuyển chọn và đào tạo bởi nhà thầu nên khả năng gây ra các tiêu cực như trên là rất thấp. Tuy nhiên, công ty sẽ quan tâm, theo dõi và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến mức tối đa, như trình bày trong phần sau.

❖ **Tác động đến hệ thống giao thông tại khu vực**

Trong giai đoạn xây dựng, số lượng các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và xà bần ra vào công trường sẽ gây các tác động ảnh hưởng đến tình hình giao thông của khu vực, cụ thể như sau:

- Mật độ giao thông gia tăng, với khoảng 12 chuyến/ngày vận chuyển nguyên vật liệu, làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông trên các tuyến đường xung quanh dự án.
- Làm tăng khả năng kẹt xe khu vực xung quanh dự án gây tâm lý không thoải mái cho người tham gia lưu thông qua khu vực dự án.
- Nguy cơ gây hư hại các tuyến đường mà các xe vận chuyển đi qua.
- Quá trình vận chuyển làm rơi rớt vật liệu xây dựng gây bụi bẩn các tuyến đường**.**

❖ **Ngập úng trong giai đoạn xây dựng**

Trong quá trình thi công có thể xảy ra hiện tượng ngập úng do các nguyên nhân sau:

- Tập trung các đất đào, đá, cát vật liệu xây dựng gây cảng trở dòng chảy của nước mưa dẫn tới ngập úng.
- Việc xây dựng làm tắt nghẽn đường thoát nước nước mưa cũng là nguyên nhân dẫn đến ngập ứng.
- Sự thiếu ý thức của công nhân: vứt rác bừa bãi làm tắt nghẽn đường thoát nước mưa gây ngập úng.

3.1.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của giai đoạn thi công xây dựng.

❖ **Tai nạn lao động:**

Nguyên nhân của các trường hợp xảy ra sự cố tai nạn lao động trong giai đoạn xây dựng trang trại chủ yếu bao gồm:

– Công việc lắp ráp, thi công và quá trình vận chuyển thiết bị với mật độ xe, tiếng ồn, độ rung cao có thể gây ra các tai nạn lao động, tai nạn giao thông…

– Không thực hiện tốt các quy định về an toàn lao động khi làm việc

– Tai nạn giao thông xảy ra do điều khiển phương tiện giao thông không đúng quy định. Thời gian ra vào trang trại không hợp lý.

Các tai nạn lao động từ các công tác tiếp cận với điện như công tác thi công hệ thống điện, va chạm vào các đường dây điện dẫn ngang qua đường, bão gió gây đứt gẫy điện…

Khi công trường thi công trong những ngày mưa, khả năng gây ra tai nạn lao động còn có thể tăng cao: đất trơn dẫn đến sự trượt té cho người lao động, các sự cố về điện dễ xảy ra hơn, đất mềm và dễ lún sẽ gây ra các sự cố cho người và các máy móc thiết bị thi công,...

❖ **Sự cố cháy nổ:**

Trong giai đoạn xây dựng trang trại có thể xảy ra các sự cố cháy nổ do các nguyên nhân:

– Quá trình hàn gây phát sinh ra tia lửa điện gần khu vực dễ cháy có thể dẫn tới cháy nổ.

– Quá trình vận chuyển nhiên liệu dễ cháy qua khu vực phát sinh tia lửa điện gây nên nguy cơ cháy nổ.

Chập điện trong quá trình thi công là nguyên nhân dẫn đến cháy nổ trong quá trình thi công. Khi xảy ra có thể dẫn tới các thiệt hại lớn về kinh tế - xã hội và làm ô nhiễm môi trường không khí, đất một cách nghiêm trọng. Hơn nữa còn ảnh hưởng tới tính mạng con người và tài sản.

❖ **Sự cố sụt lún:**

Sự cố sụt lún có thể xảy ra trong suốt quá trình xây dựng, các sự cố sụt lún chủ yếu các nguyên nhân sau:

- Sụt lún công trình: Thi công hệ thống cấp thoát nước dẫn đến bị vở đường ống, hoặc do công trình xây dựng được xây dựng trên nền đất yếu nhưng quá trình thiết kế không đảm bảo kỹ thuật từ đó dẫn đến hiện tượng sụt lún hoặc cũng có thể do mưa, gió, lũ lụt bào mòn mòn cũng dẫn đến dự cố sụt lún công trình. Sự cố xảy ra có thế dẫn đến các công trình bị đổ vỡ ngay trong quá trình thi công và nhiều sự cố gây thương vong cho con người cũng như sự thiệt hại lớn về vật chất.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.

3.1.2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động môi trường không khí.

❖ **Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động vệ sinh mặt bằng**

Sinh khối thực vật từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng sẽ được xe vận chuyển đi đổ thải tại bãi thải của địa phương. Sử dụng phương tiện chuyên chở đạt tiêu chuẩn để vận chuyển chất thải. Ưu tiên sử dụng xe có thùng kín.

❖ **Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình san nền, đào móng**

Để hạn chế bụi đào đắp và lượng đất đào dư phát sinh sau quá trình, công ty sẽ áp dụng biện pháp như sau:

– Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều).

– Áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá, vận hành với tối ưu hoá các quá trình thi công.

– Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân (mũ, kính chắn bụi, khẩu trang, áo quần,...) cho công nhân.

– Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

Ngoài ra, công ty sẽ thực hiện các biện pháp bảo vệ cho công nhân trong giai đoạn xây dựng như sau:

– Chương trình kiểm tra và giám sát về sức khỏe định kỳ;

– Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y Tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động;

– Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân như: găng tay, khẩu trang, giày ủng, quần áo bảo hộ lao động;

– Đào tạo và cung cấp thông tin cho công nhân về vệ sinh và an toàn lao động

– Lập hàng rào xung quanh khu vực dự án.

❖ **Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển**

Một trong những vấn đề gây ô nhiễm môi trường quan trọng nhất trong giai đoạn xây dựng của các dự án là vấn đề ô nhiễm không khí từ các thiết bị xây dựng như xe máy trộn bê tông và các phương tiện vận tải như: xe tải, xe lu…Ô nhiễm do khí thải chủ yếu là quá trình đốt dầu, chạy máy. Do số lượng dầu tiêu thụ hàng ngày không nhiều nên có thể sử dụng biện pháp phân tán và pha loãng với không khí xung quanh khu vực. Tuy nhiên có thể sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm nhẹ tải lượng ô nhiễm của

khí SO_2 khi máy móc hoạt động. Để ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm do khói thải có thể sử dụng các biện pháp như sau:

– Phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm.

– Lập lịch trình hoạt động hợp lý cho các loại xe tải để tránh gia tăng mật độ xe vào các thời gian cao điểm và giờ nghỉ của nhân dân.

– Các phương tiện đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, đảm bảo thời hạn cho phép lưu thông theo đúng quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

– Các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng qui định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dở nguyên vật liệu.

– Khi chạy trong khuôn viên dự án các phương tiện điều phải giảm tốc độ dưới 5 km/giờ.

❖ **Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ phương tiện, máy móc thi công**

– Lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chồng chéo giữa các công đoạn trong quá trình triển khai thi công.

– Bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho dự án và che phủ bạt kín nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong bốc dỡ, lưu chứa nguyên vật liệu xây dựng.

Thường xuyên kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật

❖ **Giảm thiểu ô nhiễm từ các hoạt động hàn, xì kim loại**

– Trang bị khẩu trang y tế và kiến đen cho công nhân thi công.

– Cần có chế độ nghỉ ngơi, luân phiên trong quá trình làm việc;

– Tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí,…

– Thi công khu vực thông thoáng, tránh thi công trong phòng kín.

3.1.2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động môi trường nước.

❖ **Nước mưa chảy tràn.**

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn, các biện pháp sau đây sẽ được thực hiện

- Tăng cường vệ sinh công trường, che phủ bãi vật liệu tránh không cho rò rỉ theo nước mưa xuống các tầng nước dưới. Hạn chế thi công những ngày mưa.
- Tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu từng vị trí công trình và trả lại mặt bằng ngay khi thi công hoàn thành nhằm hạn chế nước mặt chảy tràn cuốn theo đất cát, chất thải trên bề mặt xây dựng làm ô nhiễm đất.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào rãnh thoát nước gây tắt nghẽn.
- Không để rơi vãi nhiên liệu, dầu nhớt, phụ gia xây dựng và hoá chất ra môi trường xung quanh để tránh làm ô nhiễm nước mưa chảy tràn.
- Dọn dẹp sạch sẽ, gọn gàng mặt bằng thi công đảm bảo thoát nước mặt, tránh gây ứ đọng nước.

❖ **Nước thải sinh hoạt.**

Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị cho HTXLNT, nước thải cần được quan tâm chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân viên hoạt động tại công trường. Với lượng công nhân lắp ráp máy móc khoảng 20 người thì nước thải ra lớn nhất mỗi ngày ước tính là khoảng 2 m^3. Các công nhân tham gia quá trình thi công tại dự án sẽ sử dụng các nhà vệ sinh hiện hữu tại khu điều hành trạm XLNT KCN.

3.1.2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn và chất thải nguy hại.

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt.**

Không tổ chức bếp ăn tập thể tại công trường để kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm. Công nhân sẽ được bố trí các suất ăn bên ngoài.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án sẽ được phân loại, thu gom và lưu chứa tại các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy (dung tích khoảng 120 lít/thùng) và được bố trí khu vực thi công HTXLNT để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với các đơn vị thu gom và vận chuyển đem đi xử lý tuân thủ các quy định hiện hành.

❖ **Chất thải rắn trong giai đoạn triển khai xây dựng.**

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng, chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau: phân loại, thu gom về kho chứa chất thải rắn thông thường hiện hữu của KCN diện tích khoảng 15,2 m^2.

- Chất thải rắn là gỗ, ván cốt pha được thu gom và tái sử dụng lại, số bị hư hỏng, gãy nát được tận thu làm chất đốt. Các loại bao bì xi măng, bìa cotton sẽ được tận thu để bán phế liệu.

-Toàn bộ lượng đất đào được sử dụng để san nền trong khu vực Dự án.

❖ **Chất thải rắn nguy hại.**

Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại công trường được công ty thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại của KCN có diện tích khoảng 15,2m^2. Kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường tôn, nền láng xi măng. Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ trong 03 thùng chứa chất thải dung tích 60 lít. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

3.1.2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động nguồn không liên quan đến chất thải.

❖ **Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn của máy móc thiết bị trong quá trình thi công.**

Để giảm ảnh hưởng của tiếng ồn & độ rung, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau:

- Các đơn vị thi công sử dụng các phương tiện thi công hiện đại có độ ồn nhỏ để thi công nền móng.
- Kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe, máy theo đúng định kỳ quy định.
- Không vận hành thiết bị máy móc vào những giờ nghỉ trưa từ 11h30-13h00; tiến hành các hoạt động thi công có độ ồn cao vào thời gian từ 6h00-18h00 và hạn chế tối đa các nguồn ồn vào ban đêm để không ảnh hưởng đến các hộ dân sống khu vực lân cận.
- Các máy móc cơ giới gây ra chấn động lớn không hoạt động cùng lúc để giảm tần suất cộng hưởng của độ rung.
- Đối với các xe vận chuyển nguyên vật liệu thi công, quy định tốc độ và cấm bóp còi khi xe đi qua những nơi đông dân cư, trường học, trạm y tế.
- Đối với công nhân lao động tại hiện trường sẽ được trang bị đúng và đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi.
- Tiếng ồn sinh ra do các phương tiện giao thông vận tải vận chuyển nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị thi công trên công trường phải đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và nằm trong giới hạn cho phép đối với khu dân cư theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

❖ **Biện pháp giảm thiểu độ rung.**

Để giảm thiểu độ rung thì biện pháp quy hoạch thời gian là đơn giản nhất. Không sử dụng các máy móc thi công đã quá cũ bởi vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm độ rung và ồn lớn.

Thường xuyên kiểm tra các thiết bị, phương tiện thi công, bảo trì bảo dưỡng định kỳ;

Đối với những trường hợp bắt buộc phải sử dụng những thiết bị gây rung cao cần phải sắp xếp sao cho trường hợp này chỉ xảy ra trong một khoảng thời gian càng ngắn càng tốt và vào thời điểm ít tập trung đông người ở khu vực chịu ảnh hưởng.

❖ **Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường kinh tế - xã hội.**

- Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn.
- Công nhân sẽ ra về vào cuối ngày không ở lại công trường nên sẽ hạn chế được mâu thuẫn tại công trường.

- Chủ đầu tư sẽ kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương như khai báo số lượng và thông tin của tất cả các công nhân tham gia công trường để dễ dàng kiểm soát tình hình an ninh trong khu vực.

❖ **Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống giao thông tại khu vực**

- Trong giai đoạn xây dựng dự án lượng phương tiện giao thông sẽ tăng lên. Vì vậy, chủ dự án sẽ bố trí các biển báo hiệu công trường cho các phương tiện và người qua lại đề phòng.
- Các phương tiện vận chuyển phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, đồng thời người điều khiển phương tiện vận chuyển phải có giấy phép lái xe, mới được phép vận chuyển, tham gia lưu thông trên đường nhằm hạn chế tối đa khả năng gây tai nạn giao thông.
- Hạn chế hoạt động các phương tiện vận chuyển vào giờ cao điểm.
- Giáo dục ý thức an toàn giao thông cho tài xế điều khiển các phương tiện.
- Trong quá trình xây dựng, nếu tuyến đường các phương tiện vận chuyển đi qua bị hư hại, hệ thống cấp nước thoát nước trên tuyến đường bị hư hỏng do quá trình vận chuyển chủ dự án sẽ có biện pháp tu sửa, gia cố để trả lại về hiện trạng ban đầu của tuyến đường.

❖ **Giảm thiểu tác động ngập úng trong giai đoạn xây dựng.**

Để hạn chế sự ngập úng trong quá trình thi công dự án, thực hiện các biện pháp:

- Tập kết vật liệu xa các đường thoát nước, hạn chế tình trạng rơi vãi nguyên liệu gây nghẹt đường dẫn nước mưa.
- Trong quá trình xây dựng tránh làm tắc nghẽn đường thoát nước mưa. Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.
- Tuyên truyền giáo dục ý thức của công nhân, không để thức ăn thừa, rác thải sinh hoạt rơi vào đường dẫn thoát nước mưa.
- Trong quá trình xây dựng chủ dự án sẽ ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn nhằm hạn chế tối đa các tác động do nước mưa chảy tràn trên khu đất thực hiện dự án.
- Chủ dự án sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát đơn vị thi công để đảm bảo chất lượng công trình, kịp thời phát hiện những bất thường về xói mòn, ngập úng nếu có để nhanh chóng có biện pháp phù hợp đảm bảo an toàn.

Thời gian thi công dự án vào mùa nắng nên tác động gây xói mòn, sạt lở, bồi lắng dòng chảy trong giai đoạn này khá thấp, trong quá trình thi công, chủ dự án sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát đơn vị thi công để đảm bảo chất lượng công trình, kịp thời phát

hiện những bất thường về xói mòn, trượt lở nếu có để nhanh chóng có biện pháp phù hợp đảm bảo an toàn.

3.1.2.5. Biện pháp quản lý phòng ngừa các rủi ro, sự cố của giai đoạn thi công xây dựng dự án.

❖ **Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động**

Nhằm giảm thiểu khả năng có thể xảy ra các tai nạn lao động trong giai đoạn chuẩn bị thì đòi hỏi phải có sự hợp tác thống nhất về qui tắc an toàn lao động và đòi hỏi sự chấp hành nghiêm chỉnh của công nhân và cán bộ quản lý.

– Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động.

– Tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc thi công;

– Lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động;

– Sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành;

– Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường.

❖ **Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ.**

– Tuân thủ tuyệt đối các quy định về phòng chống cháy nổ.

– Thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống điện.

– Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công hợp lý, đảm bảo dễ thấy, dễ lấy và còn sử dụng được. Kiểm tra và tiến hành nạp sạc bình hết.

– Các loại nguyên liệu, dung môi dễ cháy cần được chứa và bảo quản ở nơi thoáng, với hàng rào cách ly và có tường bao che để ngăn chặn chảy tràn lan khi có sự cố.

– Các máy móc, thiết bị phải có lý lịch kèm theo và phải được đo đạc, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

– Công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.

– Lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

❖ **Biện pháp giảm thiểu sự cố sụt lún.**

Nguyên nhân được xác định là do mưa lớn ảnh hưởng của mưa gió, bão lũ gây trượt sụt nền, dẫn đến gãy đường ống, tạo ra sự cố sụt lún. Tình trạng lún, sụt công trình cũng có thể do hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm không đạt yêu cầu khi mưa lớn dẫn đến tình

trạng lún, sụt. Những nguyên nhân từ chất lượng công trình không đảm bảo hay do việc thi công không đúng thiết kế ban đầu của các đơn vị thiết kế. Do đó, để hạn chế hiện sự cố sụt lún công trình việc đầu tiên là cần phải có phương án thiết kế công trình phù hợp với từng khu vực cụ thể. Bên cạnh đó, trong quá trình thi công cần đảm bảo tuân thủ đúng tiêu chuẩn và thiết kế ban đầu đối với công trình.

Bên cạnh đó, khi có sự cố xảy ra chủ đầu tư và các đơn vị liên quan cần có phương án khắc phục nhanh chóng. Công tác khắc phục thông thường đối với các công trình như sau: gia cố lại toàn bộ hố móng công trình để không xảy ra các hiện tượng sạt lở, sụt lún tiếp theo. Tiến hành đóng cọc cừ ván thép và các biện pháp khác, gia cố ổn định tại khu vực hố sụt lún. Nhanh chóng phục hồi hệ thống cấp thoát nước,… khi bị ảnh hưởng. Tăng cường rà soát để kịp thời phát hiện các hư hỏng của hệ thống hạ tầng kỹ thuật; tăng cường quản lý việc thi công các hạng mục công trình.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.

Các nguồn thải, quy mô và đối tượng tác động trong giai đoạn hiện nay và sau khi nâng công suất HTXLNT hầu như không thay đổi, các tác động của dự án được tóm tắt trong các bảng sau:

Bảng 3- 13: Giá trị giới hạn khí thải của xe

Nguồn tác động	Hoạt động phát sinh	Tác nhân gây tác động	Đối tượng bị tác động	Mức độ tác động
A. NGUỒN GÂY TÁC ĐỘNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT THẢI				
Khí thải	Các hoạt động giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của các Doanh nghiệp khu công nghiệp	Bụi đất cuốn từ mặt đất, các khí thải sinh ra do đốt nhiên liệu vận hành xe: Bụi, NO_x, SO_x, CO,…	Môi trường không khí	Thời gian tác động: dài hạn Mức độ tác động: trung bình Khả năng xảy ra: thấp
	Hoạt động sản xuất của các Doanh nghiệp KCN	Bụi, khí thải, nhiệt độ từ hoạt động sản xuất Mùi từ gia vị, phụ gia,...		
	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải và khu tập trung chất thải rắn	Mùi hôi, sol khí		
Nước thải	Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên hoạt động tại văn phòng KCN và trạm XLNT tập trung	Chất hữu cơ, các chất lơ lửng, cặn bã và các vi sinh vật gây bệnh	Môi trường nước mặt, nước ngầm	Thời gian tác động: dài hạn Mức độ tác động: trung bình

Nguồn tác động	Hoạt động phát sinh	Tác nhân gây tác động	Đối tượng bị tác động	Mức độ tác động
	Nước thải sản xuất từ hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN	Chất hữu cơ, các chất lơ lửng, cặn bã và các vi sinh vật gây bệnh, bụi sản phẩm, mùi hôi, bùn dư, rác thải		Khả năng xảy ra: trung bình
	Rác thải sinh hoạt	Chất rắn, chủ yếu là hữu cơ như thức ăn thừa, vỏ trái cây,…	Môi trường nước mặt, đất, nước ngầm	Thời gian tác động: dài hạn Mức độ tác động: trung bình Khả năng xảy ra: thấp
	Chất thải công nghiệp	Chủ yếu là: bao bì, giấy, nhựa,…		Thời gian tác động: dài hạn Mức độ tác động: thấp Khả năng xảy ra: thấp
	Chất thải nguy hại	Chủ yếu là: thùng đựng hóa chất thải, giẻ lau dính nhớt, nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang, pin, hộp mực thải,…		Thời gian tác động: dài hạn Mức độ tác động: lớn Khả năng xảy ra: thấp
B. NGUỒN GÂY TÁC ĐỘNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN CHẤT THẢI				
Tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa	Hoạt động của máy móc, thiết bị trạm XLNT tập trung Hoạt động của các phương tiện giao thông	Tiếng ồn, độ rung, nhiệt thừa	Sức khỏe công nhân	Thời gian tác động: dài hạn Mức độ tác động: nhỏ Khả năng xảy ra: thấp
Nước mưa chảy tràn	Từ lượng mưa vượt thấm trên toàn bộ diện tích hạ tầng KCN	Nước mưa chảy tràn, chất lơ lửng	Môi trường nước mặt	Thời gian tác động: dài hạn Mức độ tác động: trung bình Khả năng xảy ra: thấp
Mất an ninh, trật tự	Thuê người lao động của các doanh nghiệp trong KCN	Văn hóa xã hội, sinh hoạt của người lao động	Nhân dân địa phương	Thời gian tác động: dài hạn Mức độ tác động: trung bình Khả năng xảy ra: thấp

3.2.1. Đánh giá, dự báo tác động.

3.2.1.1. Các nguồn tác động liên quan đến chất thải.

Dự án vẫn dựa trên cơ sở các ngành nghề thu hút đầu tư của KCN hiện hữu, do đó để đánh giá tác động môi trường từ quá trình hoạt động của KCN Chơn Thành I khi lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp, báo cáo thực hiện đánh giá dựa trên số liệu đo đạc và tham khảo số liệu từ quá trình hoạt động thực tế của KCN Chơn Thành I

Các vấn đề môi trường tiềm tàng chính liên quan đến từng loại hình công nghiệp có thể liệt kê trong bảng sau:

Bảng 3- 14: Các nguồn gây ô nhiễm trong KCN

Ngành nghề	Loại hình ô nhiễm/ chất thải	Các tác động đến môi trường
Công nghiệp chế biến nông lâm sản, lương thực, thực phẩm	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SO_x, NO_x, NH_3, H_2S, Methyl Mercaptan, THC, hơi hóa chất, tác nhân làm lạnh,.. • Nước thải có chứa chất hữu cơ, chất béo, dinh dưỡng,… • CTR, phế thải từ công đoạn sơ chế nguyên liệu,…	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái • Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
Công nghiệp dệt may	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SO_x, NO_x, NH_3, H_2S, Methyl Mercaptan, THC, hơi hóa chất, bụi vải và bông,… • Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các loại máy móc • Nước thải sinh hoạt có các chất hữu cơ, vi khuẩn,… • CTR bao gồm các nguyên liệu phế phẩm, bao bì, chất thải sinh hoạt,… • CTNH bao gồm các loại bao bì, thùng chứa hóa chất, thuốc nhuộm, dầu nhớt,…	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái • Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
Công nghiệp chế biến gỗ, thủy tinh, gốm sứ	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SOx, NOx, NH_3, H_2S, Methyl Mercaptan, THC, hơi hóa chất,… • Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các loại máy móc, thiết bị,… • Nước thải chứa chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, độ màu,… • CTR bao gồm các nguyên liệu phế	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái • Ảnh hưởng đến sức khỏe

Ngành nghề	Loại hình ô nhiễm/ chất thải	Các tác động đến môi trường
	phẩm, bao bì, chất thải sinh hoạt,… • CTNH bao gồm các loại bao bì, thùng chứa hóa chất, dầu nhớt,…	cộng đồng
Công nghiệp điện máy, điện công nghiệp, điện gia dụng, điện tử, viễn thông và chế tạo máy móc cơ khí xây dựng	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SO_X, NO_X, THC, bụi khói,… • Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các loại máy móc, thiết bị,… • Nước thải chứa kim loại nặng, dầu mỡ, chất tẩy rửa, axit,… • CTR: Mạt, phôi tiện, kim loại phế phẩm, bao bì phế phẩm, đai kiện đóng gói, chất thải sinh hoạt,… • CTNH: Các loại bao bì, thùng chứa hóa chất, dầu nhớt, giẻ lau dính dầu nhớt…	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
Công nghiệp sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, nông dược, thuốc thú y	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SO_X, NO_X, THC,… • Nước thải chứa các hợp chất hữu cơ, hóa chất, chất rắn lơ lửng,… • CTR: Bao bì giấy, nilong, chai lọ đựng mỹ phẩm, hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm hết hạn, đai kiện đóng gói, chất thải sinh hoạt,… • CTNH: Các loại bao bì, thùng chứa hóa chất, dầu nhớt, giẻ lau dính dầu nhớt…	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
Công nghiệp sản xuất nhựa	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, • CO, SO_X, NO_X, sol khí, hơi hóa chất,… • Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các loại máy móc, thiết bị,.. • Nước thải sinh hoạt • CTR: Nhựa phế phẩm, bao bì, chất thải sinh hoạt,…	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái • Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
Công nghiệp sản xuất bao bì, giấy (không sản	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SO_X, NO_X, THC,… • Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các loại máy móc, thiết bị,… • Nước thải cóchứa bột giấy, hóa chất tẩy, độ màu, nước thải sinh	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm

Ngành nghề	Loại hình ô nhiễm/ chất thải	Các tác động đến môi trường
xuất bột giấy từ tranh, tre, nứa, lá, rừng trồng)	hoạt,… • CTR: Các bã nguyên liệu, bao bì, chất thải sinh hoạt,… • CTNH: Các loại bao bì, thùng chứa hóa chất, dầu nhớt, giẻ lau dính dầu nhớt…	• Ảnh hưởng đến hệ sinh thái • Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
Công nghiệp giày da	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SO_X, NO_X, THC, hơi hóa chất,. • Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các loại máy móc, thiết bị,… • Nước thải có chứa các hợp chất hữu cơ, hóa chất, chất tẩy rửa, độ màu, nước thải sinh hoạt,… • CTR: Da thú, giả da phế thải, bao bì, chất thải sinh hoạt,… • CTNH: Các loại bao bì, thùng chứa keo, mực in, cặn mực in thải bỏ, keo khô cứng, cặn dầu nhớt, giẻ lau dính dầu nhớt…	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái • Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
Công nghiệp vật liệu xây dựng	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SO_X, NO_X, THC, HCl, HF, bụi khói,… • Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các loại máy móc, thiết bị,… • Nước thải cóchứa dầu mỡ, chất rắn lơ lửng, độ màu, nước thải sinh hoạt,… • CTR: Tro, xỉ than sinh ra trong quá trình đốt nhiên liệu, các vật liệu phế thải, sản phẩm kém chất lượng, chất • thải sinh hoạt,… • CTNH: Các loại bao bì, thùng chứa dầu nhớt, cặn dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt…	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái • Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
Công nghiệp cao su, săm lốp, các sản phẩm cao su	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SO_X, NO_X, Clo, Amoniac, H_2S,. • Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các loại máy móc, thiết bị,… • Nước thải có chứa chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, mùi, nước thải sinh	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và

Ngành nghề	Loại hình ô nhiễm/ chất thải	Các tác động đến môi trường
kỹ thuật cao	hoạt,… • CTR: Tro, xỉ than sinh ra trong quá trình đốt nhiên liệu, chất thải sinh hoạt,… • CTNH: Các loại bao bì, thùng chứa hóa chất, dầu nhớt; cặn dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt,…	nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái • Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng
Công nghiệp sản xuất các loại khí công nghiệp	• Khí thải có chứa chất ô nhiễm: Bụi, CO, SO_X, NO_X, Benzen, Toluen, Xylen,… • Tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các loại máy móc, thiết bị, • Nước thải sinh hoạt. • CTR: chất thải sinh hoạt,… • CTNH: Các loại bao bì, thùng chứa • dầu nhớt, cặn dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt…	• Ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và xung quanh • Ô nhiễm nguồn nước mặt • Ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm • Ảnh hưởng đến hệ sinh thái • Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng

a. Nguồn ô nhiễm không khí

a1. Bụi, khí thải, mùi hôi từ quá trình hoạt động sản xuất của các nhà máy

Khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của KCN có thành phần phức tạp tùy theo từng ngành công nghiệp. Với những loại hình công nghiệp đã được thu hút đầu tư vào KCN Chơn Thành I như hiện nay: Đã thu hút 46 dự án đầu tư, với diện tích đất đã thuê là 102,73 ha, chiếm 79%trên tổng diện tích đất công nghiệp. Như vậy, bụi, khí thải phát sinh trong KCN được đánh giá và dự báo dựa trên các kết quả đo đạc giám sát định kỳ của KCN và kết quả đo đạc giám sát của các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn Thành I:

❖ **Chất ô nhiễm dạng hạt:**

- Bụi: Có kích thước từ vài micromet đến hàng trăm micommet.
- Bụi sương: Các chất lỏng ngưng tụ có chứa các chất ô nhiễm có kích thước từ 20 – 500 µm.
- Khói: Từ quá trình đốt nhiên liệu có hàm lượng cặn cao và quá trình đốt xảy ra không hoàn toàn.

❖ **Các chất ô nhiễm dạng khí:**

- Căn cứ vào các ngành nghề thu hút đầu tư vào dự án có thể xác định được các loại ô nhiễm dạng khí bao gồm:
- Các hợp chất chứa lưu huỳnh: gồm các khí Sulfua, sulfua hydro, mercaptan… Những loại khí này phát sinh từ ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản; lương

thực, thực phẩm, đồ uống; ngành công nghiệp bao bì, in ấn, giấy…

- Các hợp chất nitơ: Sinh ra từ ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; nông lâm sản, đồ uống; ngành công nghiệp bao bì, in ấn, giấy…
- Các hợp chất hữu cơ và dẫn xuất của hydrocacbon.
- Các hóa chất, phụ gia, các nguyên vật liệu thất thoát, rơi vãi trong quá trình sản xuất (ở dạng khí, lỏng, hơi) bay hơi và khuếch tán vào không khí.
- Các nguyên vật liệu, dung môi dễ bay hơi ở điều kiện bình thường trong quá trình lưu trữ tồn kho.
- Khí phân rã từ các nguyên liệu thất thoát, chất thải công nghiệp.

Trong số các ngành công nghiệp thu hút đầu tư vào KCN Chơn Thành I như hiện nay, có thể căn cứ trên quy mô sản xuất, quy trình công nghệ được sử dụng có thể phân loại theo từng nhóm ngành sản xuất chính tại KCN như bảng dưới đây:

Bảng 3- 15: Phân loại từng nhóm ngành sản xuất có khả năng gây ô nhiễm

Loại hình sản xuất công nghiệp	Thành phần khí thải
Nhóm ngành có lò hơi, lò sấy hay máy phát điện đốt nhiên liệu	Bụi, CO, SO_2, NO_2, CO_2, VOCs, muội khói
Nhóm ngành máy tính điện tử và các thiết bị ngoại vi	Bụi kim loại đặc thù, bụi Pb trong công đoạn hàn chì, hơi hóa chất đặc thù, hơi dung môi hữu cơ đặc thù, SO_2, NO_2.
Nhóm ngành chế tạo và lắp ráp các sản phẩm cơ khí, dây dẫn, dây cáp	Bụi, H_2S, NH_3, bụi Pb, hơi axit, hơi dung môi, NO_2, SO_2, THC...
Nhóm ngành chế tạo phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải	Bụi, H_2S, NH_3, bụi Pb, hơi axit, hơi dung môi, NO_2, SO_2, THC...
Nhóm ngành công nghiệp dệt, may, da, giày	Bui, Clo, SO_2
Nhóm ngành chế biến lương thực, thực phẩm	Bụi H_2S, hơi hóa chất, tác nhân làm lạnh CFCs, NH_3, hơi chlorine...
Nhóm ngành sản xuất các sản phẩm gốm sứ, thủy tinh, pha lê	Bụi
Nhóm ngành sản xuất bao bì	Mùi hôi
Nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng	Bụi, HCl, HF...

Đối với các ngành nghề được thu hút đầu tư vào KCN Chơn Thành I, tải lượng ô nhiễm khí thải cụ thể của các nhà máy thành viên trong KCN được trình bày chi tiết trong các hồ sơ môi trường của từng nhà máy trước khi triển khai xây dựng.

Đối với tổng tải lượng khí thải phát sinh từ KCN Chơn Thành I khi tỉ lệ lấp đầy 100%,

có thể ước tính dựa trên hệ số ô nhiễm không khí phát thải từ kết quả nghiên cứu của Dự án môi trường Việt Nam - Canada thì hệ số ô nhiễm khí thải tại các khu công nghiệp được xác định trong bảng sau.

Bảng 3- 16: Tải lượng ô nhiễm không khí phát thải từ KCN Chơn Thành I khi lấp đầy 100%

Thông số	Hệ số ô nhiễm phát thải (*)(kg/ha/ngày)	Tải lượng khí thải (kg/ngày)
Bụi	8,18	2.045
SO_2	78,28	19.570
NO_2	5,11	1.278
CO	2,42	605

(Nguồn: Dự án môi trường Việt Nam - Canada, 2000)

Để BVMT chung của cộng đồng, từng nhà máy thành viên trong KCN có trách nhiệm xử lý các nguồn khí thải đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

a2. Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông

Trong quá trình hoạt động của dự án, việc vận chuyển, phân phối nguyên liệu và sản phẩm được thực hiện bởi một lượng các phương tiện vận tải. Các phương tiện này chủ yếu sử dụng nhiên liệu dầu DO, xăng nên sẽ thải ra môi trường không khí một lượng khói thải khá lớn chứa các chất ô nhiễm như NO_2, tổng HC, CO, CO_2, …

Bảng 3- 17: Hệ số tải lượng ô nhiễm của các phương tiện giao thông

STT	Loại phương tiện	Bụi (PM2,5), g/km	SO_2, g/km	NO_x, g/km	CO, g/km	VOC, g/km
1	Xe máy (> 50 cc)	0,05	0,037	0,3	2,2	0,7
2	Xe tải hạng nhẹ (3,5-16 tấn)	0,07	1,187	1,28	5,1	0,14
3	Xe tải hạng nặng	0,15	2,13	9,15	3,6	0,87

Nguồn: UNEP, 2013

Hiện nay, tỷ lệ lấp đầy của KCN đạt 795%, do đó sau khi nâng công suất HTXLNT và KCN lấp đầy đạt 100% thì có thể dự báo số lượt các phương tiện giao thông ra vào KCN như sau:

Bảng 3- 18: Lưu lượng các phương tiện giao thông

STT	Phương tiện	Lưu lượng, xe/ngày		Ghi chú
		Hiện hữu	Khi KCN lấp đầy	
1	Xe máy	4.500	4.700	Thực tế trung bình khoảng 100 công nhân/công ty
2	Xe tải hạng nhẹ (3,5- 16 tấn)	270	280	Chủ yếu là xe ô tô ra vào của cán bộ và khách hàng
3	Xe tải hạng nặng (30 tấn)	600	630	Ước tính dựa theo tổng khối lượng nguyên liệu và sản phẩm (trung bình khoảng 400 tấn/ngày/công ty)

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

Như vậy tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh do hoạt động của các phương tiện giao thông, phương tiện vận chuyển như sau:

Bảng 3- 19: Tải lượng ô nhiễm của các phương tiện giao thông khi đi vào vận hành

STT	Loại phương tiện	Tải lượng (g/ngày)				
		Bụi (PM2,5)	SO2	NO_x	CO	VOC
	Hiện hữu					
1	Xe máy (> 50 cc)	225	166,5	1350	9900	3150
2	Xe tải hạng nhẹ (3,5-16 tấn)	18,9	320,49	345,6	1377	37,8
3	Xe tải hạng nặng	90	1278	5490	2160	522
	Tổng	**333,9**	**1.765,0**	**7.185,6**	**13.437,0**	**3.709,8**
	Khi KCN lấp đầy					
1	Xe máy (> 50 cc)	235	173,9	1410	10340	3290
2	Xe tải hạng nhẹ (3,5-16 tấn)	19,6	332,36	358,4	1428	39,2
3	Xe tải hạng nặng	94,5	1341,9	5764,5	2268	548,1
	Tổng	**349,1**	**1.848,2**	**7.532,9**	**14.036,0**	**3.877,3**

Nhận xét:

Tải lượng ô nhiễm khí thải của các phương tiện vận chuyển tại khu vực KCN trong giai đoạn hoạt động tương đối thấp. Tác động do khí thải của các phương tiện vận chuyển đến môi trường không khí xung quanh chỉ ảnh hưởng trong phạm vi khu vực KCN.

Nguồn phát sinh khí thải từ phương tiện giao thông là nguồn thải không tập trung và

phát sinh không liên tục. Đặc điểm của nguồn phát sinh khí thải do các phương tiện giao thông vận tải là nguồn ô nhiễm dạng thấp, chất độc hại phát tán cục bộ và nồng độ các khí thải thường không quá cao, do vậy tác động của chúng không đáng kể. Tuy nhiên, chủ đầu tư cũng sẽ đề ra các biện pháp giảm thiểu nguồn ô nhiễm này như đề xuất trong phần 3.2.2 của báo cáo .

a3. Mùi hôi và sol khí từ hệ thống XLNT tập trung

❖ **Mùi hôi từ trạm XLNT tập trung.**

Mùi hôi từ các trạm XLNT tập trung phát sinh chủ yếu từ các đơn nguyên mà tại đó có xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí. Quá trình phân hủy hiếu khí cũng phát sinh mùi hôi nhưng ở mức độ rất thấp.

Các sản phẩm dạng khí chính từ quá trình phân hủy kỵ khí gồm H2S, Mercaptane, CO_2, CH4… Trong đó, H_2S và Mercaptane là các chất gây mùi hôi chính, còn CH_4 là chất gây cháy nổ nếu bị tích tụ ở một nồng độ nhất định.

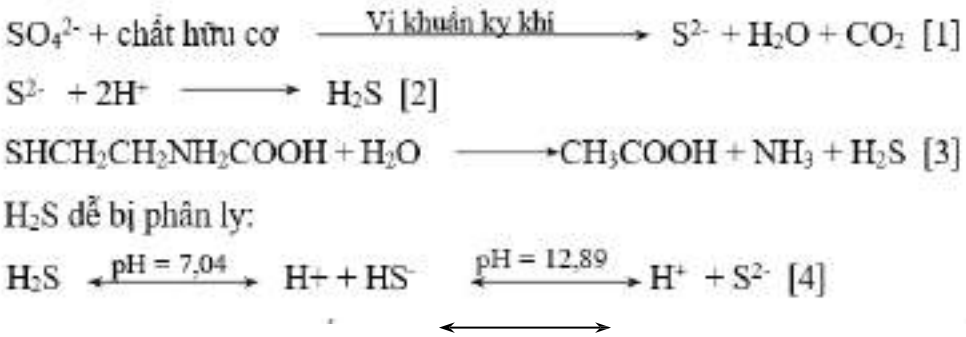
Bảng 3- 20: Các hợp chất gây mùi chứa lưu huỳnh do phân hủy kỵ khí nước thải

Stt	Các hợp chất	Công thức	Mùi đặc trưng	Ngưỡng phát hiện (ppm)
1	Allyl mercaptane	CH_2=CH-CH_2-SH	Mùi tỏi, caphe mạnh	0,00005
2	Amyl mercaptane	CH_3-$(CH_2)_3$-CH_2-SH	Khó chịu, hôi thối	0,0003
3	Benzyl mercaptane	$C_6H_5CH_2$-SH	Khó chịu, mạnh	0,00019
4	Crotyl mercaptane	CH_3-CH=CH-C_{H2}- SH	Mùi chồn	0,000029
5	Ethyl mercaptane	CH_3CH_2-SH	Bắp cải thối	0,00019
6	Methyl mercaptane	CH3SH	Bắp cải thối	0,0011
7	Propyl mercaptane	CH_3-CH_2-CH_2-SH	Khó chịu	0,000075
8	Tert - butyl mercaptane	$(CH_3)_3$C-SH	Mùi khó chịu	0,00008
9	Dimethyl sulfide	CH_3-S-CH_3	Thực vật thối rữa	0,0001
10	Hydrogene sulfide	H_2S	Trứng thối	0,00047
11	Sulfur dioxide	SO_2	Hăng, gây dị ứng	0,009
12	Thiophenol	C_6H_5SH	Thối, mùi tỏi	0,000062

Nguồn: 7th International conferene on Environmental Science and technology - Ermoupolis. Odor emission in a small wastewater treatment plant, 2001

Có sự khác nhau cơ bản về các hợp chất chứa lưu huỳnh trong hệ thống XLNT qua từng công đoạn xử lý.

H_2S gia tăng từ 2 nguồn: giảm thiểu sulfide (phản ứng [1] và [2]) và sự khử lưu huỳnh của các hợp chất hữu cơ có chứa lưu huỳnh (phản ứng [3]).



Quá trình phân hủy hiếu khí phát sinh mùi hôi nhưng ở mức độ thấp, hầu như không đáng kể.

Bảng 3- 21: Tải lượng H_2S phát sinh từ các đơn nguyên của HTXL nước thải

Stt	Các đơn nguyên	Mức độ (g/s)	Tỷ lệ phát thải vào không khí (%)
1	Cống thu gom	0,019	0,1380
2	Sàng rác	0,005	0,0427
3	Bể thu gom và điều hòa	0,113	1,0000
4	Bể hiếu khí	$6,08*10^{-27}$	0,1427
5	Bể lắng	$7,44*10^{-32}$	0,1928

Nguồn: 7th International conferene on Environmental Science and technology - Ermoupolis. Odor emission in a small wastewater treatment plant

Với công nghệ như tại Trạm XLNT của KCN Việt Hương 2 hiện hữu thì mùi hôi chủ yếu phát sinh từ các đơn nguyên sau:

- Bể thu gom nước thải
- Bể điều hòa
- Bể Aerotank
- Bể chứa bùn

❖ **Phát tán sol khí từ trạm XLNT tập trung**

Hệ thống XLNT được phát hiện là nơi sinh ra các Sol khí sinh học có thể phát tán theo gió trong không khí trong khoảng vài chục met đến vài trăm met. Trong sol khí sẽ có các vi khuẩn, nấm mốc,…đây có thể là những mầm gây bệnh hay nguyên nhân gây những dị ứng qua đường hô hấp. Các sol khí này sẽ ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh khu vực hệ thống XLNT.

Đối với các trạm XLNT tập trung của dự án, nguồn phát thải sol khí sinh học chủ yếu tại các bể điều hòa và bể Aerotank.

Bảng 3- 22: Mật độ vi khuẩn trong không khí tại hệ thống XLNT

TT	Nhóm vi khuẩn	Giá trị (CFU/m^3)	Trung bình (CFU/m^3)
1	Tổng vi khuẩn	0 – 1.290	168
2	E.Coli	0 – 240	24
3	Vi khuẩn đường ruột và loài khác	0 – 1.160	145
4	Nấm	0 - 60	16

Nguồn: 7th International Conference on Environmental Science and Technology – Ermoupolis. Bioaerosol Formation near wasterwater treatment Facilities

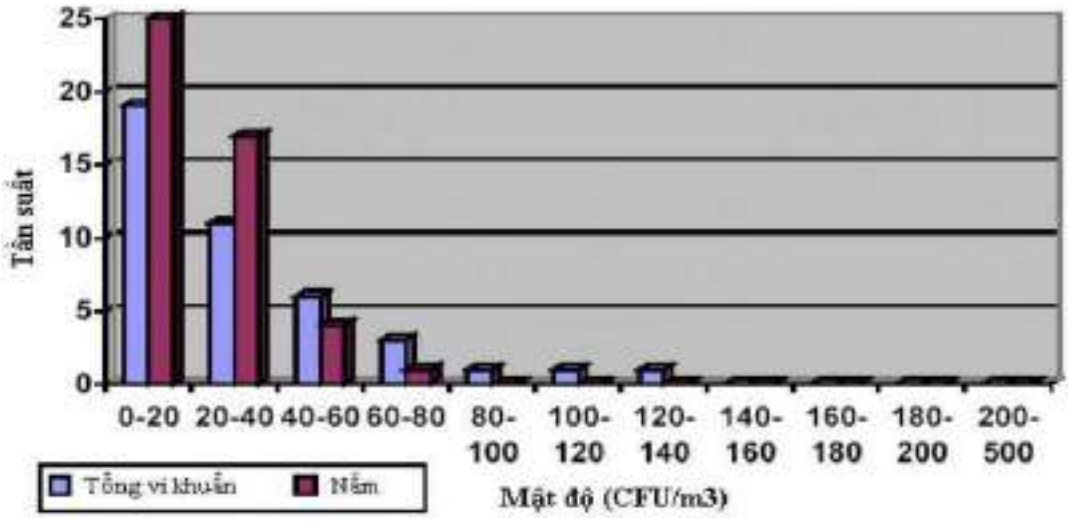
Ghi chú: CFU/m^3 = Đơn vị khuẩn lạc (Colonu Forming Units)/m^3

Lượng vi khuẩn phát sinh từ hệ thống XLNT khác nhau đáng kể ở từng vị trí, cao nhất ở tại hệ thống XLNT nhưng lại thấp khi ở khoảng cách xa.

Bảng 3- 23: Lượng vi khuẩn phát tán từ hệ thống XLNT

	Lượng vi khuẩn/ 1 m^3 không khí			
Khoảng cách, m	0	50	100	>500
Đầu hướng gió	100 - 650	10 - 20	-	-
Cuối hướng gió	100 - 650	50 - 200	5 – 10	-

Nguồn: 7th International Conference on Environmental Science and Technology – Ermoupolis Bioaerosol Formation near wasterwater treatment Facilities



Hình 3- 1: Tần suất xuất hiện của mật độ vi khuẩn trong không khí tại trạm XLNT

Tác động này chịu ảnh hưởng trong phạm vi khu vực của hệ thống XLNT, mức độ thấp, dài hạn và không thể tránh khỏi.

a4. Mùi hôi từ hệ thống thu gom nước thải

Hệ thống thu gom nước thải của KCN được xây dựng kín và ngầm dưới đất. Vì vậy, mức độ tác động do mùi hôi từ hệ thống thu gom nước thải ở mức rất thấp, hầu như không đáng kể.

- **Đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí đã áp dụng của KCN Chơn Thành I**

- Hiện nay KCN Chơn Thành I đã được lấp đầy khoảng 79% diện tích đất công nghiệp. Từ khi đi vào hoạt động, KCN Chơn Thành I đã được chủ đầu tư là Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí trong KCN như sau:

- Khoảng cách ly giữa dự án với dân cư xung quanh đã được trồng khoảng cây xanh cách ly có tán dày khoảng 30-50 mét (tùy thuộc vào từng vị trí khu dự án).

- Đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu ≥10 % diện tích toàn KCN.

- Đã bêtông hóa và nhựa nóng các con đường giao thông nội bộ trong phạm vi KCN hiện hữu, lát vỉa hè dọc các tuyến đường chính trong KCN.

- Thực hiện tưới cây xanh hàng ngày và tưới đường giao thông trong nội vi KCN vào những ngày nắng nóng, khô hạn.

- Thực hiện đo đạc giám sát môi trường không khí xung quanh trong KCN định kỳ 3 – 6 tháng/lần tại các vị trí như: khu dân cư lân cận, khu vực nút giao thông chính, khu vực xung quanh trạm xử lý nước thải.

- Hệ thống thu gom nước thải xây dựng kín.

Đối với khu vực xung quanh trạm xử lý nước thải tập trung của KCN:

- Trạm xử lý nước thải số 1 hiện hữu (công suất thiết kế 600m^3/ngày đêm) được bố trí trong phần đất hạ tầng kỹ thuật của KCN. Xung quanh trồng cây xanh có bề dày 30 – 50m.

- Bùn thải bỏ sẽ được sử dụng công nghệ ép khô tại nhà máy trước khi được vận chuyển đi xử lý.

- Tuân thủ các yêu cầu vận hành và giám sát.

Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn như trong báo cáo ĐTM hoặc Giấy phép môi trường được phê duyệt bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền về môi trường.

- Tuân thủ tỷ lệ diện tích cây xanh trong từng nhà máy thành viên theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam (diện tích cây xanh ≥ 20% diện tích đất quy hoạch).

- Thực hiện đo đạc giám sát môi trường không khí xung quanh KCN tại vị trí cuối hướng gió.

Theo các kết quả tham khảo từ báo cáo giám sát môi trường năm 2023 - 2025 của KCN Chơn Thành I và của các công ty đang hoạt động trong KCN, chất lượng không khí trong KCN Chơn Thành I có các chỉ tiêu giám sát đạt quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT. Như vậy, với các biện pháp giảm thiểu đã thực hiện như trên tại KCN là hiệu quả

b. Nguồn ô nhiễm do nước thải.

Các nguồn phát sinh nước thải khi dự án đi vào hoạt động bao gồm: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Theo thực tế hiện hữu và dự kiến khi các nhà máy thành viên hoạt động đạt công suất tối đa, lưu lượng nước thải phát sinh của KCN Chơn Thành I như sau:

Bảng 3- 24: Tổng lưu lượng nước thải trong KCN

STT	Tên Công ty	KHỐI LƯỢNG XLNT NĂM 2025 (theo từng tháng)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Công Ty TNHH VN Chen Lain Metal	102	48	109	102	113	85	85	72	71	82	76
2	Công ty TNHH Megatec	78	78	78	78	78	116	76	103	116	211	233
3	CÔNG TY TNHH CHIEF (Cho Wood Spark thuê)											
4	Công ty TNHH Wood Spark											
5	Công ty TNHH Kim Thần Thái	7	109	288	370	304	304	488	497	494	494	494
6	Công ty TNHH Komex Vina	2318	1620	2075	2015	2578	2929	3296	2950	2095	2487	3344
7	Công ty TNHH Shyang Ta	2487	3043	3905	2804	2686	2453	2117	4038	2534	2545	2324
8	Công ty TNHH Jyn Yang	246	246	246	246	246	246	246	246	246	246	246
9	Công ty TNHH MTV Rui Feng	34	280	639	808	497	244	160	2	132	417	878
10	Công ty TNHH MTV Silver Coast Việt Nam (cho Future Tycoon thuê xưởng)											
11	Công ty TNHH MTV công nghiệp Furture Tycoon (Thuê xưởng của Silver Coast).											
12	Công ty TNHH TM giày da Vietcan (Giang phạm)	235	109	92	42	50	28	28	40	25	37	20

STT	Tên Công ty	KHỐI LƯỢNG XLNT NĂM 2025 (theo từng tháng)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Công ty TNHH Nan Xiong Việt Nam (cho Sheng Da thuê một phần xưởng)	263	184	302	277	300	312	249	253	292	307	396
14	Công ty TNHH Sheng Da (Thuê xưởng Nanxiong)											
15	Công ty TNHH Đầu Tư Chơn Thành Capital (cho HaoHong, Hong Cheng và Hexu thuê xưởng)											
16	Công ty TNHH Công Nghệ Sản Phẩm Ngoài Trời HaoHong (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)											
17	Công ty TNHH Nội Thất Hong Cheng (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)											
18	Công ty TNHH công nghệ bao bì Hexu (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)											
19	Công ty TNHH Furnwin Furniture (Cho Feng Rui thuê)											
20	Công ty TNHH Gỗ Feng Fui (thuê xưởng của Furnwin Furniture)											
21	Công ty TNHH TM & SX Nhựa Nông Nghiệp Tân Phước Hưng (cho Toàn Thành thuê xưởng)											
22	Công ty Sản Xuất Gỗ Toàn Thành (thuê xưởng của Tân Phước Hưng)											

STT	Tên Công ty	KHỐI LƯỢNG XLNT NĂM 2025 (theo từng tháng)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
23	CN Công ty CP Ong mật Đắk lắk											
24	Công ty CP cơ khí luyện kim Chơn Thành											
25	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ sắc cầu vồng A	761	825	1175	985	1177	1042	764	871	492	424	947
26	Công ty CP Eastwood energy (CP Đức Bốn Biển)	98	44	55	42	68	33	34	31	9	13	27
27	Công ty CP Năng lượng xanh Đất Việt											
28	Công ty Xây dựng Lê Phan (TNHH)											
29	Tổng Công ty phân bón và Hóa chất dầu khí-CTCP	16	9	10	10	14	11	14	14	10	13	11
30	Công ty CP găng tay Bình Phước	278	249	311	261	255	255	457	187	266	235	365
31	Cty TNHH MTV Bông Thành Tín	31	74	100	105	86	50	85	112	97	102	108
32	Công ty TNHH MTV SX Và TM Hùng Dung (Cho Winner Bags thuê)	122	127	142	112	133	70	89	149	332	372	485
33	Công ty TNHH Winner Bags Product (thuê xưởng của Hùng Dung)											
34	Cty TNHH cán luyện Tân Thành Phát	112	112	112	112	112	112	112	112	112	112	112
35	Công ty TNHH MTV Lucky Unque Enterprise Việt Nam	877	164	1808	1720	273	808	1218	727	556	1641	818
36	Công ty Cổ Phần Gỗ Gia Bảo											

STT	Tên Công ty	KHỐI LƯỢNG XLNT NĂM 2025 (theo từng tháng)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
37	Công ty CP Đầu tư & TM DIC											
38	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Chế Biến Gỗ Thiên Dương	72	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
39	Công ty TNHH Ever Ampli Enterprise											
40	Công ty Cổ Phần SCC	3	0	0	5	2	7					
41	Công ty TNHH Dệt May JYULONG	411	519	540	732	499	536	1102	1340	1364	3151	2275
42	Công ty TNHH TM DV Thiết Bị Công Nghiệp Thành An (cho Xiayang thuê xưởng)											
43	Công ty TNHH Vải Không Dệt Xiayang (Việt Nam) - (thuê lại xưởng của Thành An)								544	594	354	526
44	Công ty TNHH Posaz											
45	Công ty TNHH MTV SX và TM Đức Mạnh Hùng											
46	Công ty Cổ phần đầu tư CTM	116	102	113	112	114	107	87	72	78	78	86
47	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Tổng Hợp Chơn Thành											
		8667	7942	12100	10938	9585	9748	10707	12360	9915	13321	13771
		333	**305**	**465**	**421**	**369**	**375**	**412**	**475**	**381**	**512**	**530**

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành, 2025)

b1. Nước thải sinh hoạt.

Đối với các nhà máy đầu tư trong KCN thì nước thải sinh hoạt phát sinh từ các công ty thành viên và từ khu đất dịch vụ. Thành phần nước thải: Nước thải sinh hoạt có chứa chủ yếu các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh vật... khi thải ra môi trường sẽ gây ô nhiễm nguồn nước nếu không được xử lý.

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) được trích dẫn từ giáo trình Công nghệ xử lý nước thải *(Trần Văn Nhân - Ngô Thị Nga, Nhà xuất bản KHKT, 2002)* được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3- 25: Nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt

STT	Thông số	Nồng độ các chất ô nhiễm (mg/l)	
		Nồng độ (sau bể tự hoại)	QCVN 40:2025/BTNMT, cột C
01	BOD_5	100 - 300	**80**
03	TSS	120 - 600	**120**
04	Tổng Nitơ	25 - 85	**60**
05	Amoni	15 - 50	**12**
06	Tổng Phospho	8	**10**

Nguồn: Công nghệ xử lý nước thải (Trần Văn Nhân - Ngô Thị Nga, Nhà xuất bản KHKT, 2002

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm chính với quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT, cột C cho thấy nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn không đạt QCVN nên nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được thu gom xử lý tại khu XLNT tập trung của KCN.

b2. Nước thải công nghiệp

❖ **Tính chất nước thải:** Đặc trưng nước thải của các ngành công nghiệp trong KCN hiện hữu được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3- 26: Đặc trưng nước thải của các ngành công nghiệp trong KCN Chơn Thành I

Các loại hình công nghiệp	Đơn vị	Lưu lượng	BOD	SS	Tổng N	Tổng P	khác
	(U)	M^3/U	Kg/U	Kg/U	Kg/U	Kg/U	Kg/U
A	**Nước giải khát**						
Rượu	Tấn NL	2	1,6	0,3			
Nước ngọt: có syrup	M^3 SP	12,8	3,1	4,3			

Các loại hình công nghiệp	Đơn vị	Lưu lượng	BOD	SS	Tổng N	Tổng P	khác
	(U)	M^3/U	Kg/U	Kg/U	Kg/U	Kg/U	Kg/U
Nước ngọt không có syrup đóng chai	M^3 SP	4,3	2,1	0,7			
Nước ngọt không có syrup đóng can	M^3 SP	2	0,8	0,3			
B	**Công nghiệp dệt may**						
Dệt len: NL chưa tẩy	Tấn SP	544	314	196			Dầu: 191 Crom: 1,33
Dệt cotton: HC trung bình	Tấn SP	265	155	70			
C	**Công nghiệp chế biến gỗ**						
Gỗ dán	1000 m^2	4,1	4	1,1	0,24		Phenol: 5
D	**Công nghiệp nhựa**						
Polyethylene-tỷ trọng thấp: Không kiểm soát	Tấn SP		0,5	1,7			
Polyethylene-tỷ trọng thấp: Có kiểm soát	Tấn SP		0,05	0,14			
Polyethylene-tỷ trọng cao: Không kiểm soát	Tấn SP		5	1,16			
Polyethylene-tỷ trọng cao: Có kiểm soát	Tấn SP		0,42	1,16			
Polypropylene: Không kiểm soát	Tấn SP		0,1	15,5			
Polypropylene: Có kiểm soát	Tấn SP		0,1	0,36			
PVC -Emulsion: Không kiểm soát	Tấn SP		0,36	0,99			
PVC -Emulsion: Có kiểm soát	Tấn SP		0,36	0,16			
PVC -Suspension: Có kiểm soát	Tấn SP		0,5	1,7			
PVC -Bulk: Có kiểm soát	Tấn SP		0,05	0,14			
E	**Công nghiệp bao bì chế biến, in ấn, giấy**						
Giấy: giấy in báo	Tấn SP	190	7,5	2			
Giấy: bìa	Tấn SP	200	15	30			
Giấy: đồ họa	Tấn SP		10,5	6,5			
F	**Công nghiệp sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm**						

Các loại hình công nghiệp	Đơn vị	Lưu lượng	BOD	SS	Tổng N	Tổng P	khác
	(U)	M^3/U	Kg/U	Kg/U	Kg/U	Kg/U	Kg/U
Sản phẩm lên men	Tấn SP		2050	834	279	40	Dầu mỡ: 104
Sản phẩm tổng hợp hóa học	Tấn SP		270	27	54,5	7,4	Dầu mỡ: 4,5
Trộn, pha trộn	Tấn SP		83	1	0,2	0,14	Dầu mỡ: 0,4

Nguồn:World Health Organization. Environmental Technology Series. Assessment of Sources of air, water, and land pollution. A Guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating environmental control strategies – Part I and II

Để đánh giá chất lượng nước thải đầu vào các trạm XLNT tập trung hiện hữu của KCN Chơn Thành I, báo cáo tham khảo số liệu phân tích mẫu nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung của KCN theo kết quả quan trắc năm 2025, kết quả như sau:

Bảng 3- 27: Tính chất nước thải đầu vào trạm XLNT số 1 hiện hữu (công suất 600 m^3/ngđ)

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT1		QCVN 40:2011/ BTNMT cột A,
			(ngày 28/3/2025)	(ngày 4/6/2025)	
1	pH	-	7,04	6,93	6-9
2	Màu	Pt -Co	<30	< 30	50
3	TSS	mg/l	17	39	49,5
4	COD	mg/l	112	67	74,3
5	BOD_5	mg/l	51	38	29,7
6	Amoni	mg/l	11,9	25,6	4,95
7	Sunfua	mg/l	-	-	0,5
8	Tổng nitơ	mg/l	52,7	39,2	19,8
9	Tổng phốt pho	mg/l	3,28	1,55	3,6
10	Clorua	mg/l	593	392	495
11	Nitrit	mg/l	0,032	0,049	-
12	Nitrat	mg/l	5,03	2,65	-
13	Sắt	mg/l	0,86	0,96	0,99
14	Đồng	mg/l	KPH	KPH	1,98
15	Kẽm	mg/l	0,99	1,76	2,97
16	Mangan	mg/l	0,38	0,41	0,495
17	Cadimi	mg/l	-	-	0,1

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT1		QCVN 40:2011/ BTNMT cột A,
			(ngày 28/3/2025)	(ngày 4/6/2025)	
18	Asen	mg/l	KPH	KPH	0,0495
19	Thuỷ ngân	mg/l	KPH	KPH	0,00495
20	Chì	mg/l	0,097	0,085	0,099
21	Crom (VI)	mg/l	KPH	KPH	0,0495
22	Crom (III)	mg/l	KPH	KPH	0,198
23	Tổng xianua	mg/l	KPH	KPH	0,0693
24	Tổng phenol	mg/l	-	-	0,5
25	Niken	mg/l	KPH	KPH	0,198
26	Dầu mỡ khoáng	mg/l	6,8	KPH	4,95
27	Coliform	MPN/100ml	$70x10^2$	$26x10^2$	3.000

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành, 2025)

Nhận xét:

Qua các số liệu phân tích nước thải đầu vào của trạm XLNT của KCN Chơn Thành I trong năm 2025, có thể nhận thấy nước thải phát sinh từ các công ty hiện hữu trong KCN trước khi đấu nối nước thải vào KCN được kiểm soát khá tốt. Tuy nhiên, lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của KCN sau khi các doanh nghiệp hoạt động tối đa công suất và KCN lấp đầy vẫn sẽ được chủ đầu tư đảm bảo thu gom và xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT (cột A) trước khi thoát ra Suối Hồ Đá.

b3. Nước mưa chảy tràn

Vào mùa mưa, nước mưa khi rơi xuống mặt bằng nhà máy làm cuốn theo các chất bẩn, đất, cát, cành lá khô và các tạp chất rơi vãi trên mặt đất xuống lưu vực xung quanh dự án. Để tính toán lượng nước chảy qua mặt bằng dự án ta áp dụng công thức sau:

$$Q = \varphi * q * F$$

Trong đó:

– Q: lưu lượng nước mưa chảy tràn (m^3);

– φ: hệ số dòng chảy phụ thuộc vào mặt phủ của lưu vực tính toán, Đối với khu dự án, Chọn φ= 0,9 đối với đất đã bê tông hoá và có nhà xưởng và φ=0,5 đối với đất chưa xây dựng, chưa bị bê tông hóa, đất cây xanh tự nhiên gọi tắt là đất cây xanh;

– F: diện tích lưu vực tính toán: F = 1.244.838 m^2. Trong đó:

+ Diện tích đất đã bê tông hoá và có nhà xưởng trước khi điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất: 1.083.334 m^2;

+ Diện tích đất cây xanh trước khi điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất: 161.504 m^2;

+ Diện tích đất đã bê tông hoá và có nhà xưởng sau khi điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất: 1.105.292 m^2;

+ Diện tích đất cây xanh sau khi điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất: 139.546 m^2;

– q: cường độ mưa (mm/ngày), Ở khu vực dự án lượng nước mưa cao nhất là tháng 07, lượng mưa cao nhất là 655,6 mm. Lượng mưa trung bình ngày trong tháng cao nhất khoảng 21,85 mm/ngày (Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước năm 2018, xuất bản năm 2019).

Như vậy, lượng nước mưa chảy tràn trung bình là: 23.260 m^3/ngày;

Lượng nước mưa này nếu không được quản lý tốt cũng sẽ gây tác động tiêu cực đến nguồn nước bề mặt, nước ngầm và đời sống thủy sinh trong khu vực, Về cơ bản, nước mưa được qui ước là nước sạch, nếu không chảy tràn qua các khu vực ô nhiễm, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa như sau:

Bảng 3- 28: Nồng độ chất ô nhiễm trung bình trong nước mưa chảy tràn

STT	Thành phần	Nồng độ (mg/l)
1	Tổng Nitơ	0,50 – 1,50
2	Tổng photpho	0,004 – 0,03
3	COD	10 – 20
4	TSS	10 – 20

Nguồn: Hoàng Huệ, 2002

Với những biện pháp thu gom và xử lý chất thải tốt, chất lượng nước mưa tương đối tốt thì sự tác động tiêu cực của nước mưa chảy tràn là không lớn. Tuy nhiên, Chủ đầu tư cũng đã có các biện pháp quản lý nguồn nước mưa này.

c. Tác động của chất thải rắn

Chất thải rắn phát sinh từ dự án trong giai đoạn khai thác và vận hành KCN Chơn Thành I sau khi lấp đầy bao gồm:

- Chất thải rắn công nghiệp (CTRCN): Từ hoạt động sản xuất của các nhà máy.
- Sinh hoạt của công nhân (CTRSH).
- Chất thải nguy hại (CTNH).

c1. Chất thải rắn sinh hoạt

➢ *Đối với chủ đầu tư hạ tầng KCN:*

Tổng số công nhân làm việc là 10 người. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa là 0,8 kg rác thải/người-ngày (theo QCVN 01:2021/BXD, áp dụng đối với đô thị loại V)

thì khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tối đa trong quá trình hoạt động khoảng 8kg/ngày.

- *Đối với các nhà máy thứ cấp:*

Hiện trạng phát sinh CTR sinh hoạt tại 46 nhà máy thứ cấp đang hoạt động tại KCN Chơn Thành I như sau:

Bảng 3- 29: Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh từ 46 nhà máy thứ cấp đang hoạt động tại KCN Chơn Thành I

STT	Tên Công ty	Khối lượng CTR sinh hoạt (kg/ngày)
1	Công Ty TNHH VN Chen Lain Metal	134
2	Công ty TNHH Megatec	62
3	CÔNG TY TNHH CHIEF (Cho Wood Spark thuê)	25
4	Công ty TNHH Wood Spark	42
5	Công ty TNHH Kim Thần Thái	32
6	Công ty TNHH Komex Vina	157
7	Công ty TNHH Shyang Ta	39
8	Công ty TNHH Jyn Yang	20
9	Công ty TNHH MTV Rui Feng	29
10	Công ty TNHH MTV Silver Coast Việt Nam (cho Future Tycoon thuê xưởng)	220
11	Công ty TNHH MTV công nghiệp Furture Tycoon (Thuê xưởng của Silver Coast).	22
12	Công ty TNHH TM giày da Vietcan (Giang phạm)	48
13	Công ty TNHH Nan Xiong Việt Nam (cho Sheng Da thuê một phần xưởng)	77
14	Công ty TNHH Sheng Da (Thuê xưởng Nanxiong)	165
15	Công ty TNHH Đầu Tư Chơn Thành Capital (cho HaoHong, Hong Cheng và Hexu thuê xưởng)	45
16	Công ty TNHH Công Nghệ Sản Phẩm Ngoài Trời HaoHong (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)	-
17	Công ty TNHH Nội Thất Hong Cheng (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)	-
18	Công ty TNHH công nghệ bao bì Hexu (thuê xưởng của Chơn Thành Capital)	-

STT	Tên Công ty	Khối lượng CTR sinh hoạt (kg/ngày)
19	Công ty TNHH Furnwin Furniture (Cho Feng Rui thuê)	62
20	Công ty TNHH Gỗ Feng Fui (thuê xưởng của Furnwin Furniture)	25
21	Công ty TNHH TM & SX Nhựa Nông Nghiệp Tân Phước Hưng (cho Toàn Thành thuê xưởng)	42
22	Công ty Sản Xuất Gỗ Toàn Thành (thuê xưởng của Tân Phước Hưng)	32
23	CN Công ty CP Ong mật Đắk lắk	157
24	Công ty CP cơ khí luyện kim Chơn Thành	39
25	Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ sắc cầu vồng A	20
26	Công ty CP Eastwood energy (CP Đức Bốn Biển)	29
27	Công ty CP Năng lượng xanh Đất Việt	5
28	Công ty Xây dựng Lê Phan (TNHH)	6
29	Tổng Công ty phân bón và Hóa chất dầu khí-CTCP	2
30	Công ty CP găng tay Bình Phước	4
31	Cty TNHH MTV Bông Thành Tín	3
32	Công ty TNHH MTV SX Và TM Hùng Dung (Cho Winner Bags thuê)	5
33	Công ty TNHH Winner Bags Product (thuê xưởng của Hùng Dung)	6
34	Cty TNHH cán luyện Tân Thành Phát	4
35	Công ty TNHH MTV Lucky Unque Enterprise Việt Nam	5
36	Công ty Cổ Phần Gỗ Gia Bảo	6
37	Công ty CP Đầu tư & TM DIC	7
38	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Chế Biến Gỗ Thiên Dương	4
39	Công ty TNHH Ever Ampli Enterprise	6
40	Công ty Cổ Phần SCC	5
41	Công ty TNHH Dệt May JYULONG	6
42	Công ty TNHH TM DV Thiết Bị Công Nghiệp Thành An (cho Xiayang thuê xưởng)	5
43	Công ty TNHH Vải Không Dệt Xiayang (Việt Nam) - (thuê lại xưởng của Thành An)	50
44	Công ty TNHH Posaz	63
45	Công ty TNHH MTV SX và TM Đức Mạnh Hùng	9

STT	Tên Công ty	Khối lượng CTR sinh hoạt (kg/ngày)
46	Công ty Cổ phần đầu tư CTM	4
47	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Tổng Hợp Chơn Thành	14
	Tổng cộng	1.742

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành, 2025)

Thành phần: Thành phần chủ yếu trong CTRSH bao gồm:

- Các hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như thực phẩm, thức ăn dư thừa, rau quả,…
- Các hợp chất có nguồn gốc giấy từ các loại bao gói đựng đồ ăn, thức uống
- Các hợp chất vô cơ như nhựa, plastic, PVC, thủy tinh, …
- Các hợp chất có nguồn gốc kim loại như vỏ hộp lon chai đựng đồ ăn thức uống…
- *Tác động:* Rác thải sinh hoạt có hàm lượng hữu cơ cao, dễ phân hủy nếu không được thu gom xử lý tốt, kịp thời sẽ gây tác động xấu cho môi trường không khí, nước và đất. Vì các chất hữu cơ phân hủy kỵ khí trong điều kiện tự nhiên tạo ra các hợp chất có mùi hôi như H_2S, mercaptan… ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Các loại CTR là môi trường thuận lợi cho vi trùng phát triển, là nguồn phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (ruồi, chuột, kiến, gián…), ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sinh hoạt của con người cũng như vẻ mỹ quan khuôn viên dự án.

c2. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

KCN đã thu hút được 46 công ty. Các ngành nghề chưa được trải đều hết, chỉ tập trung một số ngành nghề như: Cơ khí, nhựa, gỗ, giày, giấy; sợi, dệt,.. Theo số liệu thống kê thực tế từ các doanh nghiệp hiện hữu trong KCN, khối lượng chất thải rắn của KCN Chơn Thành I hiện hữu như sau:

Bảng 3- 30: Khối lượng và thành phần CTR của một số ngành công nghiệp tại KCN Chơn Thành I hiện hữu

Loại hình công nghiệp	Đơn vị	Khối lượng
Công nghiệp điện - điện tử		
Nhựa phế thải	Kg/tháng/ha	25-40
Giấy phế thải		14-19
Gỗ phế thải		20-24
Cao su phế thải		20-30
Phoi sắt		20-45
Phoi nhôm		3-7

Loại hình công nghiệp	Đơn vị	Khối lượng
Phoi đồng		20-25
Công nghiệp cơ khí chế tạo máy		
Băng keo	Kg/tháng/ha	1-1,5
Bao tay vải		15-17
Cao su		19-22
Nhựa		25-30
Giấy		30-40
Carton		0,3-0,5
Đồng phế liệu		2-4,5
Nhôm phế liệu		7-19
Sắt phế liệu		80-100
Dăm bào/gỗ phế thải, mùn cưa		90-140
Bụi từ phân xưởng sản xuất		10-25
Thạch cao		1-1,5
Chế biến gỗ		
Gỗ vụn, mạt cưa	Kg/tháng/ha	110-141
Giấy phế thải		7-9
Phế liệu kim loại		27-46
Phế liệu nhựa, nylon		32-50
Sản xuất giày da		
Chỉ vụn	Kg/tháng/ha	11-19
Vải, da, giả da vụn		80-120
Túi PE		31-53
Thùng carton		82-120
Phế liệu kim loại		98-140
Phế liệu nhựa, nylon		31-55
Công nghiệp nhựa		
Phế liệu giấy	Kg/tháng/ha	13-67
Phế liệu kim loại		74-96
Phế liệu nhựa		80-110
Bao bì chứa nguyên liệu		68-91
Gỗ		58-82

Loại hình công nghiệp	Đơn vị	Khối lượng
Sợi, dệt may (không nhuộm)		
Xơ, sợi hư hỏng	Kg/tháng/ha	189-216
Phế liệu nhựa		201-365
Xỉ than		200-400
Phế liệu giấy		24-48
Phế liệu kim loại		110-150
Lượng phát thải trung bình	**Kg/tháng/ha**	**3.700 – 5.500**

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành, 2025)

d. Chất thải rắn nguy hại

CTNH phát sinh tại dự án bao gồm:

– Chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy thành viên trong KCN.

– Chất thải nguy hại phát sinh từ Trạm XLNT tập trung của KCN

d1. Chất thải rắn nguy hại phát sinh từ các nhà máy thành viên trong KCN:

Tùy theo loại hình công nghiệp sẽ có chủng loại và khối lượng CTNH phát sinh khác nhau. Thành phần và khối lượng CTNH sẽ được nêu cụ thể trong báo cáo ĐTM hoặc hồ sơ môi trường của từng nhà máy trước khi triển khai xây dựng dự án trong KCN.

Với những loại hình công nghiệp được phép thu hút đầu tư trong KCN Chơn Thành I, dự báo sẽ có các loại CTNH phát sinh bao gồm: kim loại và chất thải chứa kim loại nặng; bao bì thùng chứa hóa chất, dầu mỡ; giẻ lau dính dầu mỡ, hóa chất; cặn dầu mỡ hóa chất thải; hộp mực in từ văn phòng, bóng đèn hư…

Theo thống kê khối lượng CTNH phát sinh thực tế tại các doanh nghiệp trong KCN trung bình khoảng 2,6 - 7,3 tấn/năm/ha. Như vậy dựa vào lượng CTNH phát sinh tại KCN Chơn Thành I như hiện nay, dự báo lượng CTNH phát sinh tại KCN khi đạt tỷ lệ lấp đầy là 100% như sau:

Bảng 3- 31: Khối lượng CTNH phát sinh từ các nhà máy của KCN

Định mức phát thải CTNH (tấn/năm/ha)	**Diện tích đất công nghiệp** (ha)	**Khối lượng CTNH KCN (tấn/năm)**
2,6 – 7,3	82,76	215,18 - 604,15

Tác hại của các thành phần trong chất thải rắn và chất thải nguy hại

- *Các thành phần dễ phân hủy sinh học:* có thể phân hủy sinh học tạo thành các chất gây mùi như mercaptan, H_2S, NH_3, CH_3,… gây mùi hôi và ô nhiễm cục bộ môi trường không khí khu vực dự án. Khi bị lôi cuốn vào môi trường gây ô nhiễm hữu cơ đối với nguồn nước.

- *Các thành phần khó phân hủy sinh học:* nếu không được thu gom sẽ tồn lưu trong môi trường gây mất mỹ quan khu vực và ô nhiễm môi trường đất. Một phần thành phần này đi vào chuỗi thức ăn bắt đất từ thực vật hấp thụ các thành phần này từ môi trường đất.
- *Các thành phần gây độc sinh thái:* phát sinh từ chất thải nguy hại gây tác động tiêu cực lên hệ sinh thái. Các kim loại nặng và chất hữu cơ khó phân hủy gây độc có thể gây các tác động lên hệ thần kinh, hô hấp, tiêu hóa lên sinh vật phơi nhiễm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và sự sống của sinh vật.

3.2.1.2. Nguồn tác động không liên quan đến chất thải

a. Tác động do ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh chủ yếu là do quá trình hoạt động của các nhà máy trong dự án, từ các phương tiện giao thông vận tải đi lại trong KCN

Tiếng ồn từ các nhà máy phụ thuộc vào qui mô, công nghệ sản xuất, cũng như là trang thiết bị máy móc của từng nhà máy. Tác động này sẽ được đánh giá cụ thể trong báo cáo ĐTM hoặc bản kế hoạch BVMT của từng nhà máy trước khi triển khai xây dựng dự án trong KCN.

Tiếng ồn phát sinh do các phương tiện giao thông vận tải, các phương tiện máy móc hoạt động trong phạm vi KCN. Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh mức độ ồn khác nhau. Ví dụ xe du lịch nhỏ có mức ồn 77 dB, xe tải – xe khách: 84-95dB, xe mô tô: 94dB,. Mức ồn của các loại xe cơ giới như sau:

Bảng 3- 32: Mức độ ồn ô của các phương tiện giao thông

Loại xe	Tiếng ồn (dB)
Xe du lịch	77
Xe mini bus	84
Xe vận tải	93
Xe mô tô 4 thì	94
Xe mô tô 2 thì	80-100

Nguồn: Tổng hợp từ các nguồn tài liệu

b. Đối với nhiệt độ

Khi các nhà máy đầu tư vào KCN có quy trình sản xuất sử dụng nhiệt thường làm gia tăng nhiệt độ cho khu vực. Đặc biệt tại khu vực sử dụng nồi hơi nhiệt độ cao chênh lệch đáng kể.

Ngoài ra, nhà xưởng của các nhà máy thành viên trong KCN xây dựng có kết cấu kèo sắt, thép và mái lợp bằng tole nên bức xạ mặt trời qua mái nhà xưởng dễ dàng do đó đã góp phần làm gia tăng nhiệt độ trong phân xưởng sản xuất, đặc biệt vào mùa khô nhiệt độ

bên trong nhà xưởng thường cao hơn bên ngoài từ 2 – 3^0C. Nhiệt độ nhà xưởng cao cũng gây ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân, cơ thể bị mất nước nhiều làm giảm khả năng trao đổi chất và ảnh hưởng đến năng suất công việc.

Nhiệt độ từ các nhà máy phụ thuộc vào qui mô, công nghệ sản xuất, cũng như là trang thiết bị máy móc của từng nhà máy. Tác động này sẽ được đánh giá cụ thể trong báo cáo ĐTM hoặc bản kế hoạch BVMT của từng nhà máy trước khi triển khai xây dựng dự án trong KCN.

c. Chỗ ở và sinh hoạt của công nhân

Khi được lấp đầy, dự án KCN Chơn Thành I sẽ thu hút một lượng lớn lao động. Việc thu hút một lượng lớn công nhân làm việc tại KCN ngoài việc giải quyết việc làm cho người dân còn có các tác động tiêu cực gồm:

+ Việc tập trung một số lượng lớn công nhân có thể dẫn đến các vấn đề xã hội/văn hóa nhất định do mâu thuẫn giữa công nhân đến từ nơi khác và người dân địa phương.

+ Vấn đề chỗ ở, sinh hoạt của công nhân:

- Thực tế hoạt động của các CCN, KCN, KCX ở Việt Nam cho thấy nhu cầu về nhà ở của chuyên gia và công nhân là rất cao.

- Nếu không kiểm soát được vấn đề lưu trú của công nhân nhập cư, vấn đề thứ cấp này sẽ nảy sinh liên quan đến việc hình thành các khu nhà trọ với chất lượng thấp, cũng như xung đột về văn hóa/tập tục với người dân địa phương.

Các tác động tiêu cực sẽ được giảm thiểu bằng cách thực hiện các biện pháp trong mục 3.2.2.

d. Tác động đến điều kiện kinh tế - xã hội khu vực

- Tác động đến cơ sở hạ tầng: Khi KCN tăng công suất HTXLNT cũng như lấp đầy 100% sẽ góp phần thay đổi bộ mặt cảnh quan của khu vực, hệ thống giao thông, điện, nước sẽ được đầu tư xây dựng để phục vụ cho nhà đầu tư thứ cấp và cư dân trong khu vực. Bên cạnh đó sẽ thúc đẩy phát triển các dịch vụ công cộng trong khu vực như ngân hàng, bưu điện, viễn thông, cung cấp thực phẩm, xăng, dầu, ga ... đáp ứng như cầu phát triển chung của khu vực.

- Tác động đến công nghiệp: KCN góp phần phát triển công nghiệp trên địa bàn Phường Chơn Thành. Trên cơ sở đó thu hút công nghệ và đầu tư tài chính từ nhiều nguồn khác nhau.

- Tác động đến điều kiện kinh tế xã hội: Các hoạt động công nghiệp sản xuất phát triển mạnh mẽ có một ý nghĩa kinh tế lớn. Trước tiên là góp phần tạo công ăn việc làm và nâng cao đời sống văn hóa của nhân dân trong vùng. Ngành công nghiệp đầu tư trong KCN sẽ là nguồn thu hút lao động lớn, giải quyết việc làm cho người dân trong vùng và dân từ các nơi khác đến.

- An ninh khu vực: Mâu thuẫn có thể xảy ra giữa công nhân (nhất là công nhân từ nơi khác đến) và người dân địa phương gần khu vực dự án do sự khác nhau về lối sống và văn hóa hoặc tranh chấp về việc làm. Để đảm bảo an ninh trật tự trong KCN, Ban quản lý KCN Chơn thành I có đội ngũ bảo vệ túc trực 24/24 khu vực KCN.

e. Tác động của dự án đến các đối tượng xung quanh

Hiện nay, xung quanh dự án KCN Chơn thành I tiếp giáp chủ yếu là đường số 06, kế tiếp là KCN Chơn Thành II, và giáp Tỉnh lộ (ranh giới giữa tỉnh Bình Dương cũ và Bình Phước cũ). Hoạt động công nghiệp trong KCN Chơn thành I sẽ gây ra các tác động xấu tới sức khỏe người dân. Tác nhân ảnh hưởng chính là mùi hôi và các chất ô nhiễm dạng khí. Đây là ảnh hưởng mang tính chất định kỳ nên cần phải đánh giá tác động này.

Tuy nhiên, hiện nay khu vực xung quanh KCN đã được trồng cây xanh cách ly từ 30 – 50m (tùy thuộc vào từng vị trí khu dự án). Bên cạnh đó, các nguồn khí thải của từng nhà máy trong KCN sẽ được kiểm soát tốt trước khi thải ra môi trường. Vì vậy, theo các kết quả giám sát không khí định kỳ của chủ đầu tư thực hiện tại các khu vực giáp dân cư cho thấy chất lượng không khí xung quanh KCN vẫn đảm bảo các quy chuẩn cho phép

***3.2.1.3*. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của giai đoạn vận hành dự án**

a. Sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra các sự cố ảnh hưởng tới chất lượng nước thải sau xử lý, gây tác động xấu tới môi trường bên trong KCN cũng như môi trường xung quanh. Một số sự cố chính thường gặp như sau:

Sự cố tràn bể điều hòa: có 2 nguyên nhân chính dẫn đến sự cố tràn bể điều hòa:

- Do bơm bể điều hòa bị hỏng, nước không bơm được qua bể kỵ khí IC reactor dẫn đến tràn bể điều hòa;
- Lưu lượng nước thải tăng đột ngột trong thời gian ngắn, vượt quá sức chứa của bể điều hòa, dẫn đến tràn bể điều hòa.

Các sự cố liên quan đến bùn vi sinh trong bể hiếu khí: như nồng độ bùn giảm đột ngột, bùn không kết dính, bùn đổi màu ... gây ảnh hưởng tới chất lượng nước thải đầu ra. Các sự cố này có thể do các nguyên nhân sau:

- Hàm lượng dinh dưỡng trong nước thải thấp, không đủ cung cấp cho quá trình tổng hợp sinh khối của vi sinh;
- Nồng độ oxy trong nước thải thấp do hệ thống phân phối khí làm việc thiếu hiệu quả;
- pH nước thải quá cao hoặc quá thấp;
- Đường ống dẫn hóa chất bị rò rỉ dẫn đến nồng độ hóa chất trong nước thải tăng đột biến gây ngộ độc sinh học cho vi sinh;

- Bơm tuần hoàn bùn từ bể lắng về bể hiếu khí bị hỏng dẫn đến giảm nồng độ bùn trong bể hiếu khí.

Các sự cố liên quan đến bể lắng sinh học như: bùn nổi, bùn đóng cục ... gây ảnh hưởng chất lượng nước thải đầu ra. Các sự cố này có thể do các nguyên nhân:

- Bơm bùn bị hỏng, bùn không được bơm ra khỏi bể lắng, thời gian lưu bùn trong bể lắng quá lâu, xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí bùn làm bùn nổi; bùn lưu lâu ngày sẽ đóng cục, phân hủy làm tái ô nhiễm nước;

- Lượng Ure bổ sung cho quá trình phân hủy sinh học dư sẽ xảy ra quá trình khử nitrate trong bể lắng dẫn đến bùn bị nổi;

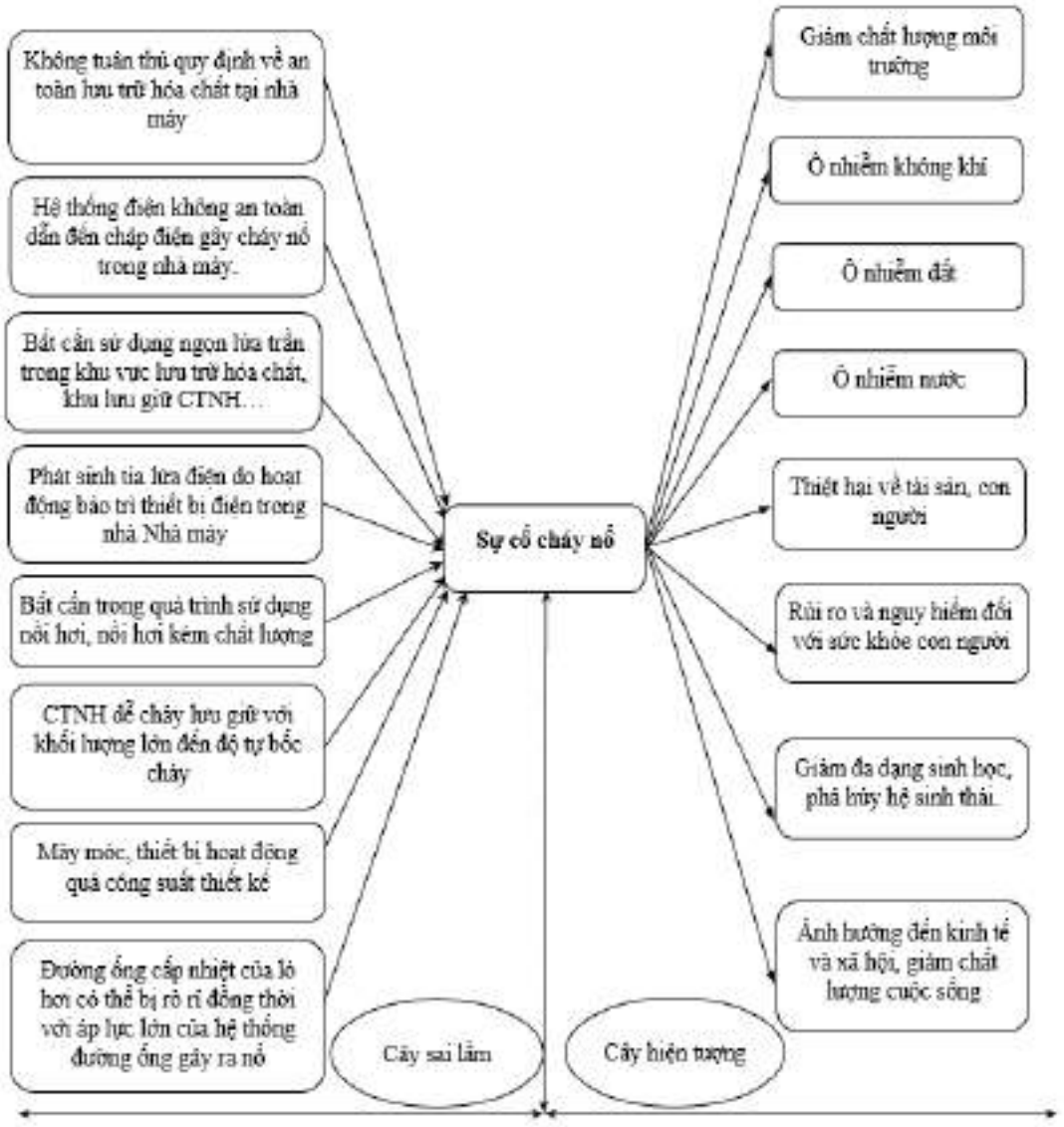
- Thiết bị gạt bùn trong bể lắng bị hỏng, một phần bùn không được gạt xuống đáy bể lắng, một thời gian sẽ nổi lên trên bề mặt.

Ngoài ra trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải còn có một số sự cố như vỡ đường ống dẫn nước, hư hỏng thiết bị ...

Nếu sự cố xảy ra thì hiệu quả XLNT không đạt yêu cầu, nước thải đầu vào không được xử lý mà thải ra ngoài môi trường gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho khu vực dự án như gia tăng hàm lượng chất hữu cơ trong nước mặt, SS tăng, DO trong nước giảm làm phát triển tảo, dễ phát sinh tình trạng phú dưỡng hóa nguồn nước, ảnh hưởng đến hệ sinh thái thủy sinh của suối Hồ Đá.

b. Sự cố do cháy, nổ

Với đặc thù KCN thu hút đa ngành nghề như dệt may, gỗ,… nên lượng hóa chất sử dụng cho các nhà máy thành viên khá nhiều. Trong quá trình hoạt động, các nhà máy thành viên cũng như tại hạng mục công trình hạ tầng như các kho chứa nhiên liệu, các trạm biến thế, sự cố chập điện… có khả năng xảy ra cháy nổ. Một số nguyên nhân dẫn đến cháy nổ và hậu quả của nó có thể mang lại được tóm tắt như sau:

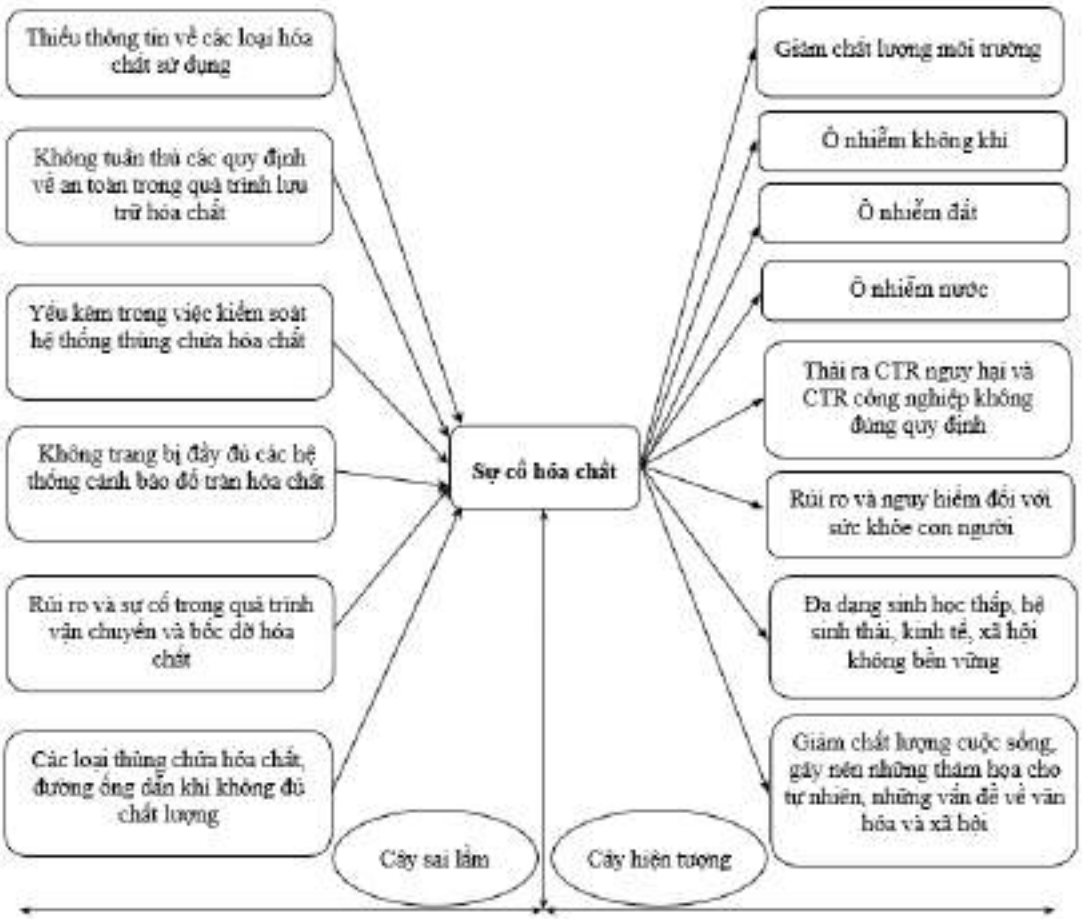


Hình 3- 2: Những nguyên nhân và sự cố do cháy nổ gây ra

Như vậy khi sự cố cháy nổ xảy ra sẽ ảnh hưởng, thiệt hại rất nhiều đến tài sản, tính mạng con người và gây ô nhiễm môi trường chẳng hạn như bụi, khói thải, nhiệt độ phát tán vào không khí gia tăng nguy cơ gây hiệu ứng nhà kính... Các sự cố môi trường tại các nhà máy trong dự án sẽ được đánh giá cụ thể trong báo cáo ĐTM hoặc bản kế hoạch BVMT của từng nhà máy trước khi triển khai xây dựng dự án trong KCN

c. Sự cố tràn đổ và rò rỉ hóa chất

Với đặc thù KCN thu hút đa ngành nghề nên lượng hóa chất sử dụng cho các nhà máy thành viên rất nhiều. Trong quá trình hoạt động, các nhà máy thành viên cũng như tại các trạm XLNT tập trung có thể xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất là điều không thể tránh khỏi. Những nguyên nhân gây ra sự cố về hóa chất và những hậu quả do sự cố này gây ra được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 3- 3: Những nguyên nhân và hậu quả do sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất gây ra

Trên đây là những nguyên nhân thường dẫn đến các sự cố về tràn đổ, rò rỉ hóa chất. Các sự cố môi trường tại các nhà máy trong dự án sẽ được đánh giá cụ thể trong báo cáo ĐTM hoặc bản kế hoạch BVMT của từng nhà máy trước khi triển khai xây dựng dự án trong KCN.

Các tác động tiêu cực sẽ được giảm thiểu bằng cách thực hiện các biện pháp cụ thể trong mục 3.2.2.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường:

3.2.2.1. Giảm thiểu tác động nguồn liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu tác động môi trường không khí

❖ ***Đối với Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành***

– Tiếp tục duy trì khoảng cách ly giữa dự án với các đối tượng tiếp giáp xung quanh dày khoảng 30 - 50m (tùy thuộc vào từng vị trí khu dự án).

– Đảm bảo diện tích cây xanh chiếm tối thiểu ≥10% diện tích toàn KCN

– Thực hiện đo đạc giám sát môi trường không khí xung quanh trong KCN định kỳ 3 – 6 tháng/lần tại các vị trí như: khu vực nút giao thông chính, khu vực xung quanh trạm

XLNT.

- Biện pháp khống chế ô nhiễm do các sol khí phát sinh từ các trạm xử lý nước thải tập trung của KCN:

Để hạn chế ô nhiễm do các sol khí phát sinh từ các trạm XLNT tập trung của KCN, các biện pháp sau sẽ được tiếp tục thực hiện:

- Duy trì cây xanh cách ly xung quanh, với lớp cây xanh có bề dày 30 - 50m.
- Bùn thải bỏ được sử dụng công nghệ ép khô, tạo bánh tại nhà máy trước khi

được vận chuyển đi xử lý.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế hệ thống xử lý nước thải.
- Tuân thủ các yêu cầu vận hành và giám sát.

❖ ***Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN:***

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn như trong báo cáo ĐTM hoặc Giấy phép môi trường được phê duyệt bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền về môi trường.
- Tuân thủ tỷ lệ diện tích cây xanh trong từng nhà máy thành viên theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam (diện tích cây xanh ≥ 20% diện tích đất quy hoạch).
- Thực hiện đo đạc giám sát môi trường không khí xung quanh KCN tại vị trí cuối hướng gió.

b. Giảm thiểu tác động môi trường nước

b1. Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thoát nước mưa đã được xây dựng như sau:

Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa được xây dựng hoàn thiện, nước mưa sẽ tự chảy theo địa hình từ Đông – Bắc xuống Tây – Nam để thoát ra suối Hố Đá.

Cống được xây dựng dưới vỉa hè bằng cống bê tông ly tâm (kích thước: Φ400, 500, 600, 800, 1000, 1200, 1500) có tổng chiều dài 10.980m và 300 hố ga lắng cặn được bố trí dọc hai bên hành lang các tuyến đường trong KCN.

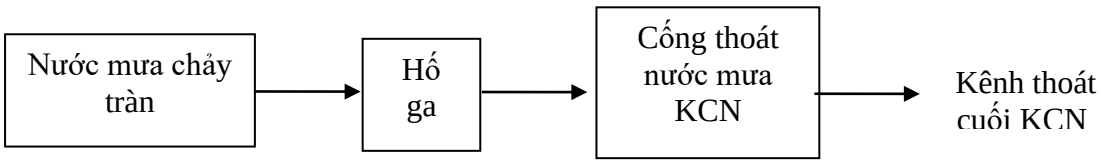
Khối lượng cống thu gom nước mưa tại KCN Chơn Thành 1, cụ thể như sau:

Bảng 3- 33: Khối lượng cống thu gom nước mưa tại KCN Chơn Thành 1

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ400mm	m	346,3
2	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ500mm	m	626,9

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
3	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ600mm	m	2.879,9
4	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ800mm	m	176
5	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ1.000mm	m	2.952
6	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ1.200mm	m	2.481
7	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ1.500mm	m	1.517,4
Tổng		**m**	**10.980**

Các hố thu đảm bảo quy phạm để thu hết nước mưa trong từng lô đất công nghiệp và dịch vụ và nước mưa trên đường KCN, sau đó dẫn ra suối Hồ Đá.



Hình 3- 4: Sơ đồ thu gom thoát nước mưa của KCN Chơn Thành 1

Tọa độ điểm đấu nối nước mưa (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 106º15', múi chiếu 3º):

+ Điểm đấu nối 1: X = 537.417; Y = 1.259.433

– **Biện pháp kiểm soát nước mưa bị ô nhiễm**

Hiện nay, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành đã tách riêng biệt hệ thống thu gom nước mưa và thu gom nước thải nhằm giảm thiểu tối đa lượng nước mưa dẫn về trạm XLNT tập trung và cũng không để nước thải chưa qua xử lý của các công ty thải thẳng vào môi trường. Để thực hiện được vấn đề này, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau để kiểm soát nước mưa bị ô nhiễm chéo như sau:

- Đối với các công ty đang hoạt động ổn định trong KCN: Bố trí cán bộ hạ tầng của KCN kiểm tra hệ thống đấu nối nước mưa, nước thải hàng tháng để giám sát việc nước mưa lẫn vào nước thải và ngược lại. Các khu vực sản xuất, nhà xưởng đều được che chắn, lợp tôn; cửa ra vào các nhà xưởng đều bố trí gờ cao chống tràn. Do đó, nước mưa trong nhà máy không bị nhiễm bẩn bởi các hoạt động của nhà máy.

- Đối với các công ty mới đầu tư xây dựng nhà máy trong KCN: Hướng dẫn đấu nối đúng quy định. Nước mưa đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN và nước thải đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Ngoài ra, KCN bố trí Tổ Xử lý nước thải, duy tu sửa chữa cơ sở hạ tầng và điện thực hiện kiểm tra và nạo vét thường xuyên hệ thống hố ga, cống thoát nước mưa dọc theo các tuyến đường của KCN nhằm hạn chế lượng cặn lắng theo nước mưa chảy vào

nguồn nước mặt gây bồi lắng dòng chảy. Lượng cát và bùn nạo vét được thu gom cùng với bùn trạm XLNT tập trung.

b2. Biện pháp xử lý nước thải của KCN Chơn Thành I

❖ ***Hệ thống thu gom nước thải***

Toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động nhà máy, xí nghiệp trong KCN và các phân khu chức năng khác (văn phòng điều hành KCN, nhà điều hành của trạm xử lý nước thải) bao gồm:

- Nước thải sản xuất và sinh hoạt của các nhà máy, xí nghiệp trong KCN Chơn Thành 1 sau khi xử lý sơ bộ đạt quy định cho phép đấu nối của KCN được đấu nối vào các hố ga thu nước thải bố trí dọc hai bên đường nội bộ, dẫn bằng cống bê tông ly tâm (kích thước Φ400, 500, 600) có tổng chiều dài 9.350m và 255 hố ga lắng cặn được xây dựng dọc theo các tuyến đường nội bộ của KCN được nối trực tiếp và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sinh hoạt của nhà điều hành KCN Chơn Thành 1 với lưu lượng phát sinh khoảng 1 m^3/ngày đêm được dẫn về bể tự hoại. Nước thải sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn theo ống PVC đường kính D114mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

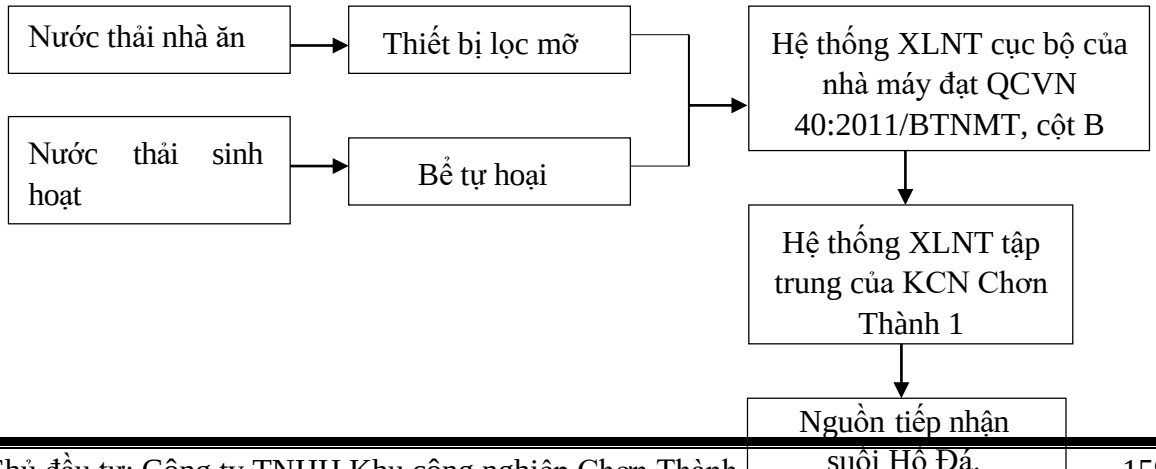
Khối lượng cống thu gom nước thải tại KCN Chơn Thành 1, cụ thể như sau:

Bảng 3- 34: Khối lượng cống thu gom nước mưa tại KCN Chơn Thành 1

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ400mm	m	6.378,3
2	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ500mm	m	1.699
3	Cống bê tông ly tâm có đường kính Φ600mm	m	1.272,7
Tổng		**m**	**9.350**

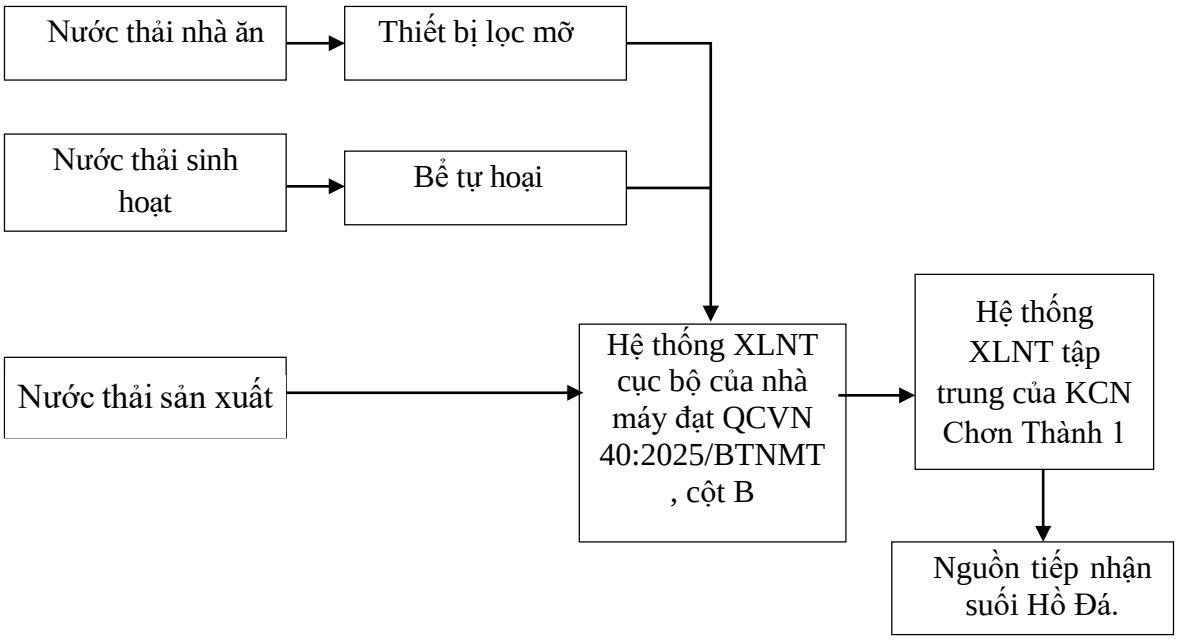
Sơ đồ chi tiết của hệ thống thu gom và thoát nước thải trong KCN Chơn Thành 1 được trình bày chi tiết như sau:

a. Đối với các Công ty chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt



Hình 3- 5: Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

b. Đối với các Công ty phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất có hệ thống xử lý cục bộ



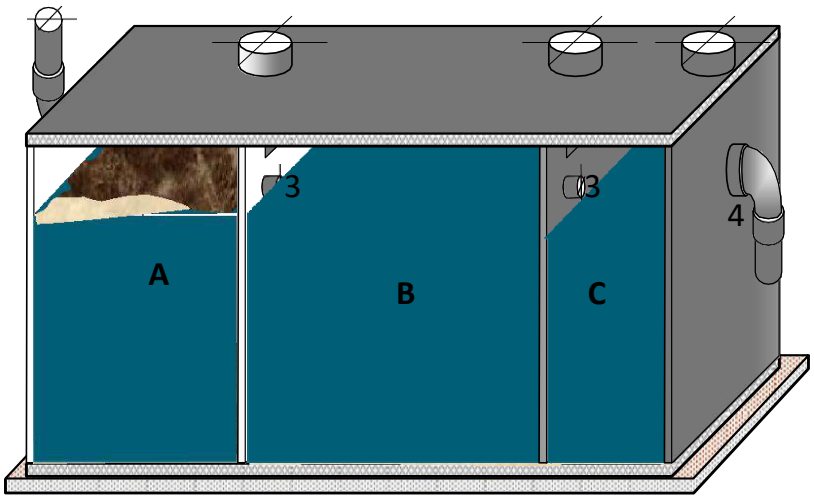
Hình 3- 6: Hệ thống thu gom nước thải sản xuất

❖ ***Công trình xử lý nước thải***

\+ ***Xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà điều hành KCN.***

Nước thải phát sinh tại Nhà điều hành KCN Chơn Thành I do 10 công nhân viên làm việc. Nước thải này được thu gom dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN dẫn hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành I để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq = 0,9, K_f = 1,0 trước khi xả ra suối Hồ Đá.

Cấu tạo bể tự hoại như sau:



Ghi chú:
A: Ngăn chứa
B: Ngăn lắng
C: Ngăn lọc
1: Ống dẫn nước thải vào bể tự hoại
2: Lắp để hút cặn
3: Ống dẫn nước
4: Ống dẫn nước thải ra khỏi bể tự hoại

Hình 3- 7: Sơ đồ cấu bể tự hoại 03 ngăn

Quy trình xử lý nước thải bằng bể tự hoại được tóm tắt như sau:

Nước thải từ bồn cầu được xử lý bằng bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể từ 3 – 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao.

Bể tự hoại là một bể trên mặt có hình chữ nhật, với thời gian lưu nước 3 – 6 ngày, 90% - 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể, qua một thời gian cặn sẽ phân hủy kỵ khí trong ngăn lắng, sau đó nước thải qua ngăn lọc và thoát ra ngoài qua ống dẫn. Trong ngăn lọc có chứa vật liệu lọc là đá 4 x 6 phía dưới, phía trên là đá 1 x 2. Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ hai của ống này là dùng để thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nẹt.

Khi qua bể tự hoại, nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải giảm khoảng 30%, riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn.

Thời gian lưu bùn trong bể dao động 3, 6, 12 tháng, cặn lắng sẽ bị phân hủy yếm khí trong ngăn yếm khí. Sau đó nước thải qua ngăn lắng và thoát ra ngoài theo ống dẫn. Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ được thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu).

❖ ***Nước thải phát sinh từ các nhà máy, xí nghiệp trong KCN.***

Phân loại nước thải cần xử lý sơ bộ: tuỳ theo tính chất, đặc thù và mức độ ô nhiễm của từng ngành công nghiệp, từng khu vực, có thể chia nước thải cần xử lý sơ bộ thành các loại sau:

- Nước thải quy ước sạch: nước thải từ hệ thống máy điều hoà nhiệt độ được coi là sạch mặc dù có thể có chứa các chất vô cơ, hữu cơ nhưng với hàm lượng nhỏ không gây những tác động đáng kể đến môi trường và nguồn tiếp nhận.

- Nước thải nhiễm bẩn vật lý: nước thải này phần lớn bị nhiễm bẩn do nhiệt, đất, cát, rác,…từ các giải nhiệt, làm mát, lắng lọc cao lanh, rửa khuôn (từ các nhà máy sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng), vệ sinh máy móc thiết bị, vệ sinh nhà xưởng,…
- Nước thải bị nhiễm bẩn hoá học: nước thải từ khâu tẩy rửa của một số nhà máy như nhà máy sản xuất kim khí điện máy sẽ bị nhiễm bẩn hoá học làm pH của nước thải không đảm bảo giá trị yêu cầu hoặc có chứa các chất hoá học khác nhau. Trong trường hợp nhà máy có sử dụng nước vào hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ ướt thì nước thải loại này mang tính axit cao do sự hình thành các loại axit khác như HNO_3, H_2SO_4 từ các chất khí thải tương ứng như CO_x, SO_x, NO_x.
- Nước thải bị nhiễm dầu: nước thải từ các khâu vệ sinh máy móc thiết bị, vệ sinh nhà xưởng của các nhà máy chế tạo kim khí điện máy … có thể bị nhiễm dầu. Ngoài ra, còn có lượng nước thải chứa dầu mỡ thải ra từ các khu vực nhà bếp, nhà ăn của các đơn vị trong khu công nghiệp. Đối với các loại nước thải này, các chất dầu, mỡ phải được loại bỏ đến giới hạn cho phép trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để dẫn về trạm XLNT tập trung.
- Nước thải bị ô nhiễm cho chất thải hữu cơ: là nước thải sản xuất phát sinh từ các nhà máy chế biến thực phẩm, chế biến nông sản, thức ăn gia súc,…

Dưới đây là một số biện pháp để xử lý nước thải sơ bộ của các nhà máy, xí nghiệp trong KCN trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Biện pháp trung hoà nước thải:

- Nước thải có tính chất acid: sử dụng NaOH, $Ca(OH)_2$ hay Na_2CO_3.
- Nước thải có tính kiềm: sử dụng HCl hoặc H_2SO_4.

Xử lý nước thải có nồng độ chất lơ lửng cao: lắng, tuyển nổi.

Xử lý nước thải có nồng độ dầu mỡ cao: bể tách dầu.

Xử lý nước thải có hàm lượng BOD cao:

- Xử lý bằng vi khuẩn hiếu khí: bể lọc sinh học, bể xử lý sinh học bùn hoạt tính
- Xử lý bằng vi khuẩn kỵ khí: phương pháp UASB

Các biện pháp xử lý nước thải hiện hữu của các Nhà máy đang hoạt động tại KCN Chơn Thành I.

Bảng 3- 35: Biện pháp xử lý nước thải đặc trưng điển hình theo ngành nghề đang áp dụng của các nhà máy đang hoạt động tại KCN Chơn Thành I

STT	Tên công ty	Ngành nghề	Biện pháp xử lý nước thải
1	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Chế Biến Gỗ	Chế biến gỗ	Nước thải sinh hoạt: xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Nước thải ngâm tẩm gỗ: Đưa vào bể chứa và đấu

STT	Tên công ty	Ngành nghề	Biện pháp xử lý nước thải
	Thiên Dương		nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN.
2	Chi nhánhCông ty CP Ong mật Đắk Lắk	Sản xuất các sản phẩm ong mật	Nước thải sinh hoạt: xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Không phát sinh nước thải sản xuất
3	Chi nhánh Công ty CP ĐT&TM Xi măng DIC	Sản xuất xi măng	Nước thải sinh hoạt: xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Không phát sinh nước thải sản xuất
4	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – CTCP (PVFCCo)	Kho chứa phân bón	Nước thải sinh hoạt: xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Không phát sinh nước thải sản xuất
5	Công ty TNHH Bông Thành Tín	Sản xuất bông y tế	Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Nước thải sản xuất → Trạm XLNT: nước thải → bể thu gom → bể SBR → bể khử trùng → hệ thống thu gom nước thải của KCN
6	Công ty TNHH Komex Vina	Sản xuất bao ngón tay bằng cao su	Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → Trạm XLNT Nhà máy Nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → Trạm XLNT: nước thải → hố thu → bể điều hoà → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng 1 → bể trung gian → bể aerotank → bể lắng 2 → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → hệ thống thu gom nước thải của KCN
7	Công ty TNHH Tân Thành Phát	Cán và luyện thép	Nước thải sinh hoạt: xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Không phát sinh nước thải sản xuất
8	Công ty TNHH Megatec	Sản xuất ván ghép sử dụng trong xây dựng	Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Nước thải rửa thiết bị → bãi lọc sinh học → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Nước thải nhà ăn → bể tách dầu mỡ hệ thống thu gom nước thải của KCN
9	Công ty TNHH Chen Lain Metal	Sản xuất bao bì kim loại	Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Không phát sinh nước thải sản xuất
10	Công ty TNHH Kim Thần Thái	Sản xuất máy bơm và phụ kiện	Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống thu gom nước thải của KCN Nước thải sản xuất → Trạm XLNT: nước thải → bể chứa → bể phản ứng, lắng → bể lọc → tái sử dụng

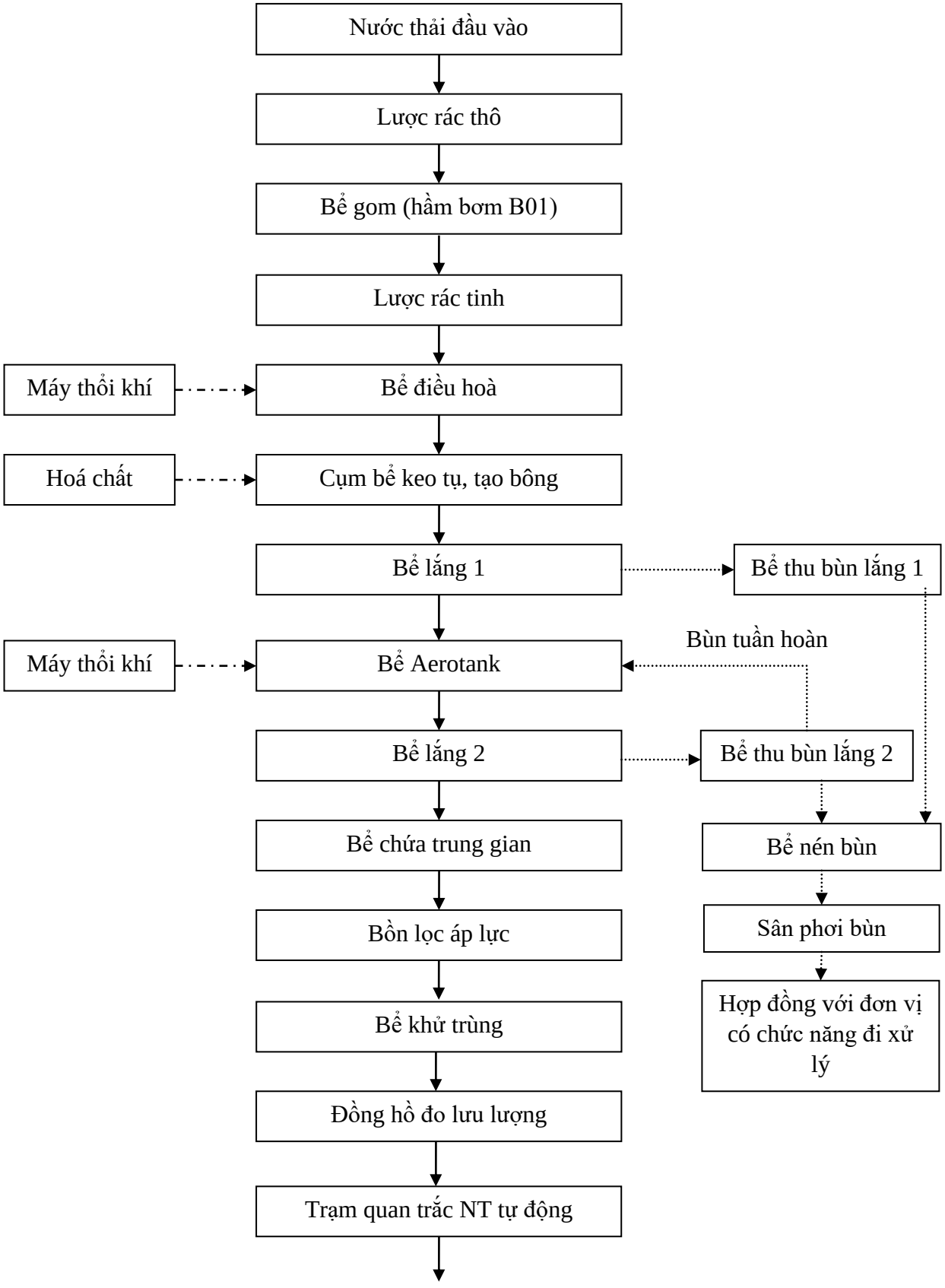
STT	Tên công ty	Ngành nghề	Biện pháp xử lý nước thải
11	Công ty TNHH Shyang Ta	Sản xuất đề giày	Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 3 ngăn → bể gom → bể điều hoà → bể Aerotank → bể lắng → tái sử dụng tưới cây hoặc đấu nối KCN Nước thải sản xuất → bể gom → bể keo tụ, tạo bông → bể lắng → hệ thống thu gom nước thải của KCN

Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành

❖ ***Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành I***

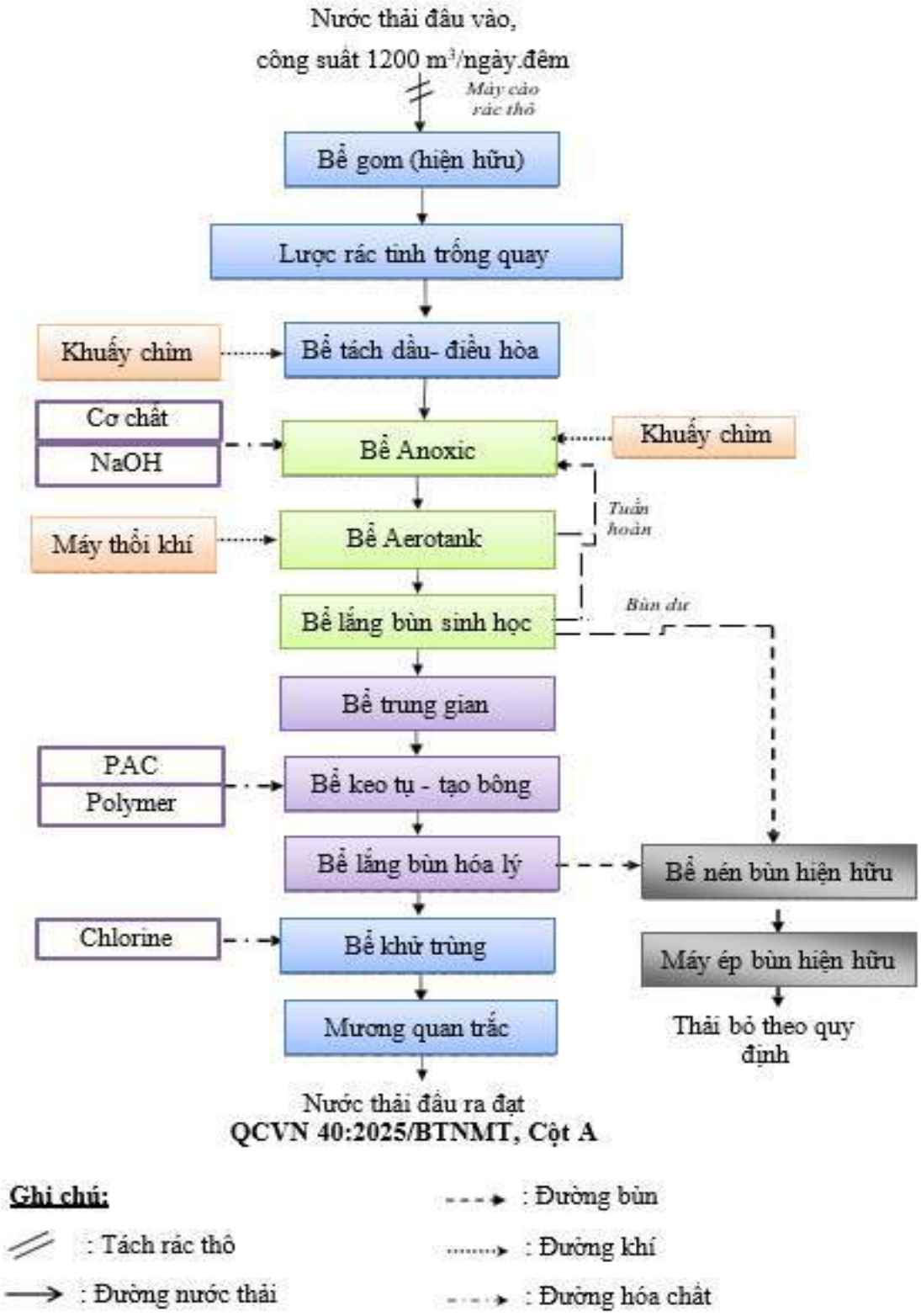
Hiện nay, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành đã đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tập trung phân kỳ 1 - Giai đoạn 1 công suất 600 m^3/ngày.đêm và đã được cấp GPMT.

Quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3- 8: Sơ đồ quy trình công nghệ Trạm XLNT tập trung hiện tại của KCN

Sau khi xây mới bể tách mỡ - điều hòa; bể sinh học hiếu khí T04 1B, bể nén bùn và lắp đặt máy móc, thiết bị cho các bể xây mới của cụm 2 xong thì cụm 2 và hệ thống xử lý 1 sẽ tạo thành 1 hệ thống xử lý nước thải có công suất 1.200m^3/ngày. Với quy trình công nghệ như sau:



Hình 3- 9: Sơ đồ quy trình công nghệ Trạm XLNT tập trung sau khi nâng công suất

lên 1.200m^3/ngày của KCN

➢ **Thuyết minh công nghệ**

Nước thải phát sinh theo mạng lưới thoát nước thải dẫn đến hố bơm (hiện hữu) của hệ thống xử lý nước thải.

- Bể gom (hiện hữu).

Bể gom (hiện hữu) được thiết kế đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ Nhà máy. Trong hố bơm có lắp đặt **thiết bị tách rác thô** có nhiệm vụ loại bỏ các chất có kích thước lớn có thể gây tắc nghẽn đường ống làm hư hại máy bơm và làm giảm hiệu quả xử lý của giai đoạn sau.

Bơm chìm trong bể gom hoạt động luân phiên nhằm bơm nước thải lên **thiết bị tách rác tinh** để loại bỏ các tạp chất, rác có kích thước nhỏ trước khi vào **Bể điều hòa**.

- Bể điều hòa.

Bể điều hòa có chức năng điều hòa lưu lượng, nhiệt độ nước thải, tránh gây hiện tượng quá tải cho vi sinh vật trong các bể phía sau. Điều này giúp tạo chế độ làm việc ổn định, cải thiện hiệu quả; đồng thời giảm kích thước, giá thành các công trình đơn vị phía sau, tránh tình trạng quá tải vào các giờ cao điểm. Trong bể điều hòa có bố trí hệ thống khuấy chìm nhằm mục đích xáo trộn đều nước thải, tránh quá trình sự lắng cặn trong bể và phân hủy kị khí gây mùi hôi và giảm một phần các chất hữu cơ có trong nước thải.

- Cụm sinh học, gồm:

Bể Anoxic(bể điều hòa hiện hữu) là nơi tiếp nhận nước thải từ bể điều hòa, dòng tuần hoàn (bùn hoạt tính + nước thải) từ bể sinh học hiếu khí và dòng bùn tuần hoàn từ bể lắng sinh học. Trong điều kiện thiếu khí, quá trình phân huỷ hợp chất hữu cơ và khử Nitrat diễn ra nhờ các vi sinh vật sử dụng Nitrat, Nitrite làm chất oxy hóa để sản xuất năng lượng. Trong bể Anoxic, quá trình khử Nitrat sẽ diễn ra theo phản ứng:

$$6NO_3^- + 5CH_3OH \rightarrow 5CO_2 + 3N_2 + 7H_2O + 6OH^-$$

Trong bể thiếu khí có lắp đặt thiết bị khuấy chìm nhằm tạo ra sự xáo trộn trong bể giúp bọt khí N2 (từ quá trình khử Nitrat) dễ dàng thoát lên khỏi mặt nước. Bể thiếu khí còn đóng vai trò là một hệ chọn lọc vi sinh hiếu khí để chống lại hiện tượng bùn nổi do vi khuẩn dạng sợi gây ra. Sau đó hỗn hợp bùn nước thải từ bể thiếu khí tiếp tục qua bể sinh học hiếu khí để chuyển hóa các hợp chất hữu cơ BOD_5, COD

Bể sinh học hiếu khí(Bể Aerotank, xây mới+ hiện hữu) là nơi diễn ra quá trình phân huỷ hợp chất hữu cơ trong điều kiện cấp khí nhân tạo bằng máy thổi khí. Lượng khí cung cấp vào bể với mục đích: (1) cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí chuyển hóa chất hữu cơ hòa tan thành nước và CO_2; (2) xáo trộn đều nước thải và bùn hoạt tính tạo điều kiện để vi sinh vật tiếp xúc tốt với các cơ chất cần xử lý; (3) giải phóng các khí ức chế

quá trình sống của vi sinh vật, các khí này sinh ra trong quá trình vi sinh vật phân giải các chất ô nhiễm, tác động tích cực đến quá trình sinh sản của vi sinh vật.

Quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ:

Trong bể sinh học hiếu khí các vi sinh vật (VSV) hiếu khí sử dụng oxi được cung cấp chuyển hóa các chất hữu cơ hòa tan trong nước thải một phần thành vi sinh vật mới, một phần thành khí CO_2 và NH_3 bằng phương trình phản ứng sau:

$$VSV + C_5H_7NO_2 + 5O_2 \rightarrow 5CO_2 + 2H_2O + NH_3 + VSV\ mới$$

Quá trình Nitrat hóa

Quá trình Nitrate hóa là quá trình oxy hóa các hợp chất chứa Nitơ, đầu tiên là Ammonia thành Nitrite sau đó oxy hóa Nitrite thành Nitrate. Quá trình Nitrate hóa ammonia diễn ra theo 2 bước liên quan đến 2 loại vi sinh vật tự dưỡng Nitrosomonas và Nitrobacter.

Bước 1: Ammonium được chuyển thành nitrite được thực hiện bởi Nitrosomonas:

$$NH_4^+ + 1.5\ O_2 \rightarrow NO_2^- + 2\ H^+ + H_2O$$

Bước 2: Nitrite được chuyển thành nitrate được thực hiện bởi loài Nitrobacter:

$$NO_2^- + 0.5\ O_2 \rightarrow NO_3^-$$

Bể sinh học bùn hoạt tính có dạng chữ nhật, hàm lượng bùn hoạt tính và nhu cầu oxy đồng nhất trong toàn bộ thể tích bể. Bể này có ưu điểm chịu được quá tải rất tốt. METCALF and EDDY (1991) đưa ra tải trọng thiết kế khoảng 0,8-2,0kgBOD_5/m^3.ngày với hàm lượng bùn 2.500-4.000mg/L, tỉ số F/M 0,2-0,6. Trong bể sinh học hiếu khí kết hợp quá trình bùn hoạt tính, các chất hữu cơ hòa tan và không hòa tan chuyển hóa thành bông bùn sinh học - quần thể vi sinh vật hiếu khí - có khả năng lắng dưới tác dụng của trọng lực. Nước thải chảy liên tục vào bể sinh học trong đó khí được đưa vào cùng xáo trộn với bùn hoạt tính (oxy hòa tan DO>2mg/l), cung cấp oxy cho vi sinh phân hủy chất hữu cơ. Dưới điều kiện như thế, vi sinh sinh trưởng tăng sinh khối và kết thành bông bùn.

Hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải gọi là dung dịch xáo trộn (mixed liquor), hỗn hợp này sẽ chảy qua **bể lắng bùn sinh học.**

Bể lắng bùn sinh học (xây mới,hiện hữu) có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải, làm giảm SS nên được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể. Tại bể lắng, nước thải đi từ ống trung tâm lên máng răng cưa, bùn sẽ lắng xuống và được gom vào đáy bể. Bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 8.000-12.000 mg/, một phần sẽ bơm tuần hoàn trở lại bể sinh học hiếu khí (50-70% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn, tạo điều kiện phân hủy nhanh chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 3.000-5.000mg/L. Lưu lượng bùn dư thải ra mỗi

ngày sẽ được bơm về bể nén bùn. Độ ẩm bùn hoạt tính dao động trong khoảng 98-99,5%. Phần nước trong máng răng cưa tự chảy qua bể trung gian 1, tại đây nước thải được bơm về **cụm hóa lý**.

Cụm hóa lý, gồm:

Cụm hóa lý: nhằm giảm SS, COD, BOD, màu, kim loại, P trong nước thải.

Bể keo tụ: có nhiệm vụ trợ keo tụ các chất rắn lơ lửng nhờ vào quá trình tiếp xúc, phản ứng giữa hóa chất keo tụ PAC với nước thải, tạo ra các hạt keo lơ lửng trong nước. Dung dịch NaOH được châm vào để điều chỉnh pH trước khi PAC đưa vào bể làm chất trợ keo tụ. Tại bể, được lắp đặt thiết bị khuấy trộn với tốc độ 40-60 vòng/phút **nhằm tăng khả năng hòa trộn giữa hóa chất và nước thải.**

Bể tạo bông: có nhiệm vụ hình thành các bông cặn lớn từ các hạt keo nhỏ. Dung dịch Polymer được châm vào bể để tăng khả năng hình thành các bông cặn lớn, giúp xử lý hiệu quả chất rắn lơ lửng trong nước thải. Tại bể, được lắp đặt thiết bị khuấy trộn với tốc độ 15-30 vòng/phút nhằm tăng khả năng hòa trộn giữa hóa chất và nước thải mà không làm vỡ bông cặn

Quá trình keo tụ - tạo bông giúp hình thành các bông cặn có trong nước thải. Do đó, **bể lắng bùn hóa lý** được thiết kế để tách bùn phía sau. Bể lắng bùn được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể và được gom vào tâm nhờ hệ thống gom bùn lắp đặt dưới đáy bể. Phần nước trong sau lắng được thu lại bằng hệ máng thu nước răng cưa được bố trí trên bề mặt bể và được dẫn sang **bể khử trùng**.

Bể khử trùng: Nước thải sau khi qua lọc áp lực được châm Chlorine khử trùng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Chlorine, chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong quá trình khử trùng nước thải. Hàm lượng chlorine cần thiết để khử trùng cho nước sau lắng là 3- 15mg/L. Hàm lượng chlorine cung cấp vào nước thải ổn định bằng bơm định lượng hóa chất.

Phần nước sạch sau xử lý sẽ chảy qua mương quan trắc sau đó theo hệ thống thoát nước thải ra nguồn tiếp nhận đạt **QCVN 40:2025/BTNMT cột A.**

Xử lý bùn

Quá trình xử lý sinh học sẽ hình thành một lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải, chết và lắng xuống đáy bể. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể nén bùn.

Ngoài lượng bùn vi sinh phát sinh trong quá trình xử lý sinh học, quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp hoá lý cũng phát sinh một lượng bùn đáng kể (còn gọi là bùn hóa lý). Lượng bùn này cũng được thu gom và đưa về **bể nén bùn**.

Tại **bể nén bùn**, sau một thời gian nén cố định để gia tăng nồng độ và cô đặc, bùn sẽ được đưa vào máy ép bùn băng tải để giảm độ ẩm và thể tích của bùn. Bùn khô

sau khi ép tách nước được thu gom

Nước tách bùn phát sinh từ bể nén bùn và máy ép bùn được đưa về bể gom

Bảng 3- 36: Các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải

TT	Tên bể	Kích thước (m)			Thể tích xây dựng (m^3)	Thể tích chứa nước (m^3)	Thời gian lưu (giờ)	Số lượng (bể)	Vật liệu
		Chiều dài	Chiều rộng	Chiều cao					
1	Bể gom	6,0	3,3	6,3	124,7	31,68	0,6	01	BTCT
2	Bể tách dầu - điều hoà	22,75	6,4	5	728	655	6,1	01	BTCT
3	Bể thiếu khí Anoxic	9,4	7,65	4,5	289,17	287	4	01	BTCT
4	Bể hiếu khí Aerotank hiện hữu	7,7	7,4	4,0	227,9	199,4	10	01	BTCT
5	Bể hiếu khí xây mới	11,9	8	5	476	428		01	BTCT
6	Bể lắng sinh học hiện hữu	5,3	5,3	3,7	103,9	89,9		01	BTCT
7	Bể lắng sinh học xây mới	8	8	5	320	288	-	01	BTCT
8	Bể keo tụ	1,95	1,1	4,5	9,65	8	-	01	BTCT
9	Bể tạo bông	3,3	1,95	4,5	28,96	25		01	BTCT
10	Bể lắng hóa lý	6,9	6,9	4,5	214,2	190,4	-	01	BTCT
11	Bể khử trùng	6,2	1,65	5	51,15	46,04		01	BTCT
12	Bể nén bùn	3,45	3,45	4	47,61		-	03	BTCT
13	Nhà điều hành	7,3	3,8	4,6	-	-	-	-	Tường gạch, mái tôn
14	Nhà pha hoá chất	4,7	3,8	4,6	-	-	-	-	
15	Nhà đặt máy ép bùn (hiện đang làm kho)	4,7	3,8	4,6					

Chi tiết máy móc thiết bị của hệ thống như sau.

Bảng 3- 37: Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất (KW)	Tình trạng	Xuất xứ
1	Bơm nước thải	Cái	2	3,7	Mới 80%	Nhật
2	Máy lượt rác thô	Cái	1	0,4	Mới 80%	VN
3	Bơm nước thải	Cái	2	2,2	Mới 80%	Nhật
4	Máy thổi khí	Cái	2	3,7	Mới 80%	Nhật
5	Máy lượt rác tinh	Cái	1	-	Mới 80%	VN

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất (KW)	Tình trạng	Xuất xứ
6	Bộ khuấy trộn hóa chất	Bộ	2	1,1	Mới 80%	Nhật
7	Bộ điều chỉnh pH	Bộ	1	-	Mới 80%	Ý
8	ORP Controller	Bộ	1	-	Mới 80%	Ý
9	Thiết bị đo độ dẫn điện	Bộ	1	-	Mới 80%	Đức
10	Hệ thống gạt bùn	Bộ	3	0,2	Mới 80%	Nhật
11	Bơm bùn dư bể lắng	Cái	1	0,4	Mới 80%	Nhật
12	Máy thổi khí	Cái	2	7,5	Mới 80%	Nhật
13	Bơm bùn	Cái	1	1,5	Mới 80%	Nhật
14	Bơm lọc áp lực	Cái	2	7,5	Mới 80%	Singapore
15	Thiết bị quan trắc tự động	Bộ	01	-	Mới 80%	VN

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành, 2025)

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

- **Các bước chuẩn bị và kiểm tra trước khi vận hành:**

a) Kiểm tra trước khi khởi động:

Các van: Các van đang ở trạng thái sẵn sàng chưa? Lưu ý là việc mở van từ từ khi bơm bắt đầu khởi động làm cho bơm tăng tốc (công suất) nhanh dần rất có lợi cho máy bơm. Không được vận hành bơm khi van ở ống đẩy đóng.

Kiểm tra mực nước trong bơm bằng công tắc mực nước. Nếu đang ở mực nước thấp nhất thì không nên khởi động bơm.

Không được mở van tháo nước hay van thông hơi hay nút xả khi hệ thống đang chịu áp.

Motor: Kiểm tra động cơ bơm có ở trạng thái dừng hay không? Trục rotor phải có khả năng xoay được bằng thủ công. Không được khởi động bơm cho tới khi mọi trục trặc kỹ thuật đó được giải quyết.

Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất thì mới cho hệ thống vận hành theo các bước tiếp theo của quy trình vận hành hệ thống.

b) Khởi động bơm

Luôn tiến hành khởi động bơm theo như tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất (cách đấu dây, điện áp, dòng điện, tần số, kiểu khởi động, số lần khởi động tối đa trong một giờ).

Đảm bảo rằng tất cả công nhân không còn trong khu vực nguy hiểm.

Kiểm tra chung phần cơ và đường ống xem bơm có vào khớp nối chưa? Liên kết giữa các roan cao su và mặt bích có khớp với nhau chưa? Có tiếng kêu bất thường gì hay không? Phải đảm bảo bơm và hệ thống làm việc chuyển động bình thường, không xảy ra sự cố. Tất cả các thiết bị đều được lắp đặt đúng theo yêu cầu.

c) Dừng bơm

Luôn tuân thủ theo hướng dẫn trong việc đóng và bảo vệ an toàn động cơ. Hãm dần van xả (nhằm tránh hiện tượng nước va) và đóng bơm bằng cách dừng động cơ như theo tài liệu chỉ dẫn của nhà sản xuất. Lưu ý tại thời điểm dừng bơm, do áp suất va đập về lớn làm đóng van 1 chiều với áp lực cao, dễ gây hỏng các chi tiết cơ khí của thiết bị này. Cần phải hãm van xả trước khi dừng bơm để tránh hiện tượng trên.

❖ **Giám sát vận hành**

Học cách nhận biết âm thanh trong điều kiện hoạt động bình thường, ổn định. Nghe âm thanh của bơm trong các lần đi kiểm tra định kì và để ý những âm thanh khác thường nếu có.

Kiểm tra nhiệt độ và bôi trơn bạc đạn, nếu sử dụng dầu bôi trơn, nên tiến hành theo tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất.

Kiểm tra số ghi và so sánh với điều kiện hoạt động bình thường (công suất, điện áp, dòng điện). Luôn luôn kiểm tra các thông số này để xác định bơm có hoạt động trong trạng thái quá tải hay không? Phải đảm bảo rằng, rác và các vật thể lạ không bám vào cánh quạt máy bơm.

Vấn đề thiếu nước trong buồng bơm, khí xâm thực (có bọt khí ở đầu ra), đây là hiện thượng khí xâm thực làm phá hỏng cánh bơm (bánh xe công tác).

Tổng chiều cao cột nước trên hệ thống lớn hơn so với cột nước thiết kế của bơm. Hướng quay chưa đúng, vòng quay quá thấp, cánh bơm bị kẹt, vỡ.

❖ **Kiểm tra dầu mỡ bôi trơn định kỳ**

Phải ngắt điện khỏi hệ thống trước khi tiến hành bảo dưỡng. Sau khi kéo bơm lên thực hiện như sau:

Loại bỏ các mảng bám, cặn dầu, bùn, lớp gỉ sét trên bề mặt thân bơm có thể sinh nhiệt ở moto khi bơm chất lỏng làm giảm tuổi thọ moto.

Vệ sinh bơm với nước sạch khoảng 6 tháng 1 lần. Chú ý không nên ảnh hưởng đến dây nối của bơm trong lúc rửa bơm. Nếu dây nối bị hư thì tháo dây dẫn ra khỏi bơm ngay lập tức.

Loại bỏ hoàn toàn rỉ sét và sơn bằng epoxy nếu cần thiết.

Kiểm tra siết chặt các bulong và con tán. Kiểm tra vòng bi, các chi tiết liên kết giữa

cánh bơm và trục motor hàng quý (3 tháng). Cần vệ sinh sạch phần dầu mỡ bôi trơn, sau đó mới tra mới.

Kiểm tra mức dầu (nhớt) trong hợp chứa. Không nên đổ thêm dầu vào trong lúc bơm đang hoạt động. Lau sạch phần dầu bít vào lỗ thông khi tiến hành tra dầu vào. Đổ thêm dầu nếu cần thiết.

Đối với dòng bơm chìm ABS, dầu nuôi phốt phải sử dụng đúng theo yêu cầu của nhà sản xuất chất liệu, dung tích – tham khảo cataloge). Định kì 6 tháng kiểm tra màu sắc, dung lượng, độ cách điện để đảm bảo độ kín của phốt bơm và dung vào việc báo hỏng phốt của cảm biến DI (nếu có).

Kiểm tra các chi tiết cơ khí hàng tháng để sẵn sàng khắc phục mỗi khi có sự cố hỏng hóc do quá trình vận hành, thiết bị tạo độ rung làm các bulong, ốc vít bị rơi ra. Các tiếp xúc điện có đảm bảo an toàn chưa? Với dòng bơm chìm, các dây dẫn, xích thả bơm phải theo đúng vị trí, tránh làm chùng và cuốn vào cánh bơm.

Kiểm tra công tắc phao. Loại bỏ các mảng bám, cặn dầu, bùn, lớp gỉ sét trên bề mặt phao. Kiểm tra và rửa sạch phao 3 tháng 1 lần. Chú ý không nên ảnh hưởng đến dây nối của phao trong lúc rửa phao. Nếu dây nối bị hư thì tháo dây dẫn ra khỏi phao ngay lập tức.

Hàng quý phải kiểm tra tủ điện, vệ sinh các tiếp điểm của thiết bị đóng cắt, kiểm tra tính ổn định của rờ le, các cảm biến,… nhằm đảm bảo hệ thống còn bảo vệ tốt.

❖ **Hệ thống đường ống kỹ thuật**

- Để tránh tắt nghẽn đường ống đẫn nước thải cần phải thường xuyên kiểm tra và làm sạch rác ở hố bơm vào bể tiếp nhận nước thải.

- Vớt lá cây, giẻ, bao nilong, vật lạ rơi vào các bể chứa.

- Định kỳ vớt cặn nổi trên bề mặt của bể và làm vệ sinh xung quanh các bể chứa.

- Khi ngừng hoạt động hệ thống xử lý, cần hút hết nước và làm sạch tất cả các bể, sau đó bơm nước sạch vào và chứa lại để đảm bảo các bể không bị hỏng do thời tiết.

Để tránh tắt nghẽn các đường ống dẫn hóa chất: Phải loại bỏ ngay các vật lạ ra khỏi hoá chất trước khi pha trộn, cũng như các vật lạ rơi vào các thùng chứa hóa chất. Trước khi ngừng hoạt động thời gian dài, phải cho bơm định lượng bơm hút và đẩy bằng nước sạch trong khoảng từ 5 - 10 phút để chúng rửa sạch các cặn bám trên đường ống.

❖ **Kiểm tra điện**

Bước 1: Kiểm tra bên trong tủ điện, tất cả CB/MCB/MCCB đều phải ở vị trí sẵn sàng (đã mở)

Bước 2: Kiểm tra điện có đủ pha hay không.

Trên tủ điều khiển sử dụng nguồn 3 pha bao giờ cũng được thiết kế các đèn báo pha màu xanh đỏ vàng. Khi có điện truyền tới tủ, các đèn báo pha sẽ sáng hết (nếu đủ 3 pha)

hoặc không sáng hết (mất 1 hoặc 2 pha) và để người vận hành biết được không nên cho máy hoạt động lúc này.

Bước 3: Kiểm tra nguồn điện điều khiển của tủ đã sẵn sàng hay chưa bằng cách nhìn lên đèn báo ở phía dưới 03 đèn báo pha.

Nếu nguồn điện điều khiển của tủ chưa sẵn sàng thì cần phải kiểm tra CB nguồn điện điều khiển nằm trong tủ và công tắc bật tắt điện điều khiển trên cánh tủ

(Nguồn điện điều khiển là nguồn điện 220V AC hoặc 24V DC được cấp tới các công tắc bố trí trên mặt ngoài cánh tủ để khi người vận hành bật, tắt những công tắc này thì dòng điện sẽ tác động lên tiếp điểm thường mở NO hoặc thường đóng NC hoặc relay trung gian để gián tiếp tác động tới Contactor cho phép bật tắt động cơ)

Bước 4: Kiểm tra điện áp hiển thị tại đồng hồ đo, giá trị điện áp có thể đưa vào vận hành là 380V±10%.

❖ **Một số khuyến cáo về an toàn trong vận hành hệ thống:**

a). Khi vận hành pha chế hóa chất:

Khi đang thực hiện pha chế hóa chất, NVH phải:

- Mặc đầy đủ quần áo bảo hộ lao động (BHLĐ)
- Mang giầy BHLĐ chống trơn trượt
- Mang khẩu trang, đeo kính bảo vệ mắt
- Mang găng tay cao su bảo vệ

Hành vi tuyệt đối bị nghiêm cấm:

- Cúi sát đầu hoặc chui người vào bồn chứa hóa chất.
- Đưa tay, chân vào bồn
- Đưa cây que hoặc vật dụng cầm tay khác vào bồn khi máy khuấy đang hoạt động

b). Khi sửa chữa bảo trì thiết bị

Khi đang thực hiện công tác sửa chữa bảo trì thiết bị, NVH phải:

- Khoanh vùng thiết bị cần sửa chữa bảo trì để đảm bảo không gian thực hiện. Lên kế hoạch chi tiết để đảm bảo thời gian tiến hành bảo trì sửa chữa là ngắn nhất. Chuẩn bị đầy đủ vật tư thay thế, chi tiết trước khi tiến hành công việc.
- Tắt hoàn toàn động cơ cần sửa chữa, bảo trì.
- Treo biển cảnh báo tại tủ điện để thông báo cho người khác biết rằng đang thực hiện công tác sửa chữa, bảo trì thiết bị.
- Dán niêm phong CB (MCB hoặc MCCB) của thiết bị được sửa chữa.

- Nếu thiết bị được bảo trì sửa chữa nằm cạnh và rất gần một thiết bị khác thì đang hoạt động và có khả năng gây nguy hiểm cho người thực hiện công việc thì cũng phải tạm ngưng thiết bị.

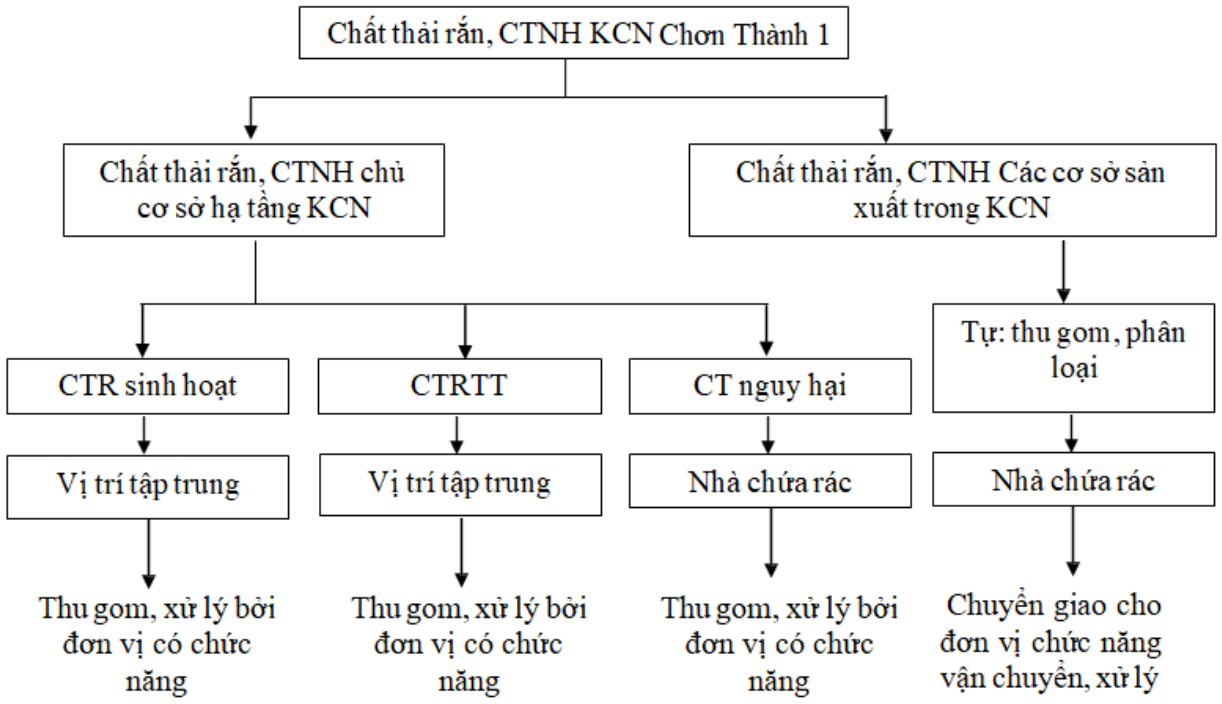
Hiệu suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3- 38: Hiệu suất xử lý của quy trình công nghệ XLNT

STT	Tên thông số	Bể gom + Bể tách dầu - điều hoà		Bể sinh học thiếu khí, hiếu khí + bể lắng bùn sinh học		Bể keo tụ - tạo bông + lắng bùn hóa lý		Bể khử trùng		Hiệu suất tổng	QCVN 40:2025/BTNMT (Cột A)
		Vào	Ra	Vào	Ra	Vào	Ra	Vào	Ra	%	
1	Độ màu (mg/l)	90 0%	90	90,0 30%	63,0	63,0 80%	12,6	12,6 0%	12,6	**86,0**	**50**
2	pH	7,08 0%	7,08	7,1 0%	7,1	7,1 0%	7,1	7,1 0%	7,1	**0,0**	**6-9**
3	TSS (mg/l)	250 5%	237,5	237,5 75%	59,4	59,4 75%	14,8	14,8 0%	14,8	**94,1**	**40**
4	BOD_5 (mg/l)	100 0%	100	100,0 85%	15,0	15,0 40%	9,0	9,0 0%	9,0	**91,0**	**40**
5	COD (mg/l)	150 0%	150	150,0 85%	22,5	22,5 40%	13,5	13,5 0%	13,5	**91,0**	**65**
6	Tổng photpho (mg/l)	14 0%	14	14,0 30%	9,8	9,8 80%	1,96	2,0 0%	1,96	**86,0**	**4**
7	Tổng nito (mg/l)	40 0%	40	40,0 95%	2,0	2,0 0%	2,0	2,0 0%	2	**95,0**	**20**
8	Amoni (mg/l)	20 0%	20	20,0 95%	1,0	1,0 0%	1,0	1,0 0%	1	**95,0**	**5**
9	Dầu mỡ ĐTV (mg/l)	10 70%	3	3,0 30%	2,1	2,1 70%	0,63	0,6 0%	0,63	**93,7**	**5**

c. Giảm thiểu tác động chất thải rắn và chất thải nguy hại

Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn của KCN Chơn Thành 1 như sau:



Hình 3- 10: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn của KCN Chơn Thành 1

Chất thải rắn phát sinh tại KCN Chơn Thành 1 được thu gom và xử lý đúng theo

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

c1. Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt

+ ***Đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Chơn Thành 1.***

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại KCN Chơn Thành 1: Hiện nay tất cả các doanh nghiệp phải tự hợp đồng thu gom xử lý theo quy định về bảo vệ môi trường. Cơ quan môi trường sẽ kiểm tra xử lý trực tiếp các Công ty này. Trường hợp các Công ty này vi phạm, nếu phát hiện, Ban quản lý KCN Chơn Thành 1 sẽ báo cáo cho cơ quan môi trường để kiểm tra xử lý.

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm rác thực phẩm, giấy vụn, nylon, thủy tinh, vỏ lon,… phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay, Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn Thành 1 được các công ty tự thu gom về khu vực tập trung tại mỗi Công ty và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

+ ***Đối với chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1***

- Khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt: 10 người x 0,8 kg/người/ngày = 8 kg/ngày ≈ 2,5tấn/năm (theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng).

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn bao gồm:

+ Chất thải sinh hoạt có thể tái chế được như: bìa carton, nhựa, giấy vụn được thu gom, định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu;

+ Chất thải thực phẩm;

+ Chất thải nguy hại.

- Rác thải sinh hoạt của nhân viên tại nhà điều hành Công ty được thu gom về thùng chứa rác có dung tích 120 lít. Chất thải sinh hoạt phát sinh ngoài các công ty trong KCN được đội vệ sinh của KCN thu gom. Công ty đã bố trí các thùng rác, dung tích 120 lít để thu gom rác thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên.

Chất thải sinh hoạt phát sinh nhà điều hành Công ty được thu gom, đồng thời hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ vệ sinh Môi trường Tiến Dũng (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục).

c2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ ***Đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Chơn Thành 1.***

Chất thải rắn công nghiệp thông thường của các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn Thành 1 phát sinh từ các hoạt động sản xuất khác nhau của các nhà máy, xí nghiệp trên cơ sở sử dụng các nguồn nguyên, nhiên, vật liệu sản xuất. Tùy thuộc vào đặc tính của từng ngành sản xuất mà thành phần chất thải rắn phát sinh khác nhau, thành phần và nguồn gốc phát sinh chất thải rắn thông thường trong giai đoạn hoạt động cũng khác nhau.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường của các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn Thành 1 được các Công ty tự thu gom, phân loại và lưu trữ theo đúng quy định. Các công ty tự hợp đồng với các đơn vị có chức năng theo quy định để thu gom và xử lý chất thải rắn sản xuất không nguy hại.

+ ***Đối với chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1.***

- Chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1 không hoạt động sản xuất nên không phát sinh chất thải sản xuất.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CNTT) chủ yếu là rác thải đường phố, cây xanh phát sinh khoảng 30 kg/ngày ≈ 10.000 kg/năm.

+ Bùn thải từ nạo vét định kỳ các hố ga thoát nước mưa: 2.500 kg/năm.

+ Khối lượng rác tại hố thu gom: 1 tuần vệ sinh 1 lần (khoảng 2kg rác gồm bịch nilong, hộp xốp, dây nhợ, hạt nhựa…..) → 2 kg/tuần ≈ 104kg/năm.

+ Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ khoảng 50 kg/năm.

Biện pháp thu gom xử lý: Chất thải rắn CNTT được nhân viên vệ sinh của KCN Chơn Thành 1 thu gom bằng thùng chứa rác 120 L di động sau đó tập trung tại các vị trí thuận lợi, dọc đường trong KCN và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo

quy định.

Bùn thải nạo vét định kỳ hố ga nước mưa Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo quy định, được thu gom trực tiếp khi thực hiện nào vét, cơ sở không lưu chứa.

d. Chất thải nguy hại

+ ***Đối với các cơ sở sản xuất trong KCN Chơn Thành 1.***

Theo quy định, hiện nay tất cả các doanh nghiệp trong khu phải tự hợp đồng thu gom xử lý CTNH theo quy định về bảo vệ môi trường. Cơ quan môi trường sẽ kiểm tra xử lý trực tiếp các Công ty. Trường hợp các Công ty này vi phạm, nếu phát hiện, BQL KCN Chơn thành 1 sẽ báo cáo cho cơ quan môi trường để kiểm tra xử lý.

Hiện nay, chất thải nguy hại phát sinh trong KCN Chơn thành 1 từ các công ty đang hoạt động trong KCN, từ nhà máy xử lý nước thải tập trung và từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của toàn khu vực.

- Đối với chất thải nguy hại của các công ty đang hoạt động trong KCN Chơn thành 1 phát sinh được các công ty thu gom, phân loại và lưu trữ theo đúng quy định. Các công ty tự ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại.

+ ***Đối với chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1.***

Các chất thải này bao gồm toàn bộ các chất thải như dầu nhớt thải, thùng chứa dầu nhớt thải, bóng đèn thải, pin, ắc quy chì thải, bùn thải từ HTXLNT tập trung… từ hoạt động của trạm XLNT và nhà điều hành KCN Chơn thành 1.

Theo chứng từ chất thải nguy hại năm 2023 - 2024 đối với chất thải nguy hại của chủ cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành 1 phát sinh 1.827 kg năm 2023 và 3.450 kg năm 2024. (chứng từ đính kèm phụ lục).

Các chất thải nguy hại phát sinh từ nhà điều hành và từ HTXLNT KCN Chơn Thành 1 cụ theo số liệu thực tế và dự báo cho 1 năm thể như sau:

Bảng 3- 39: Các chất thải nguy hại phát sinh KCN Chơn Thành 1

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)		Số lượng phát sinh dự báo (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
				2023	2024		
I	**Chất thải nguy hại trong mọi trường hợp**						
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	-	-	5	NH
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	-	-	4	NH

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)		Số lượng phát sinh dự báo (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
				2023	2024		
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	-	-	3	NH
II	**Chất thải công nghiệp phải kiểm soát**						
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	Rắn	-	-	3	KS
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	1.827	3.450	3.500	KS
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	-	-	10	KS
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	-	-	12	KS
Tổng cộng		**(kg/năm)**		1.827	3.450	**3.537**	

Kho lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật đặt tại khu xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp có kích thước LxB = 3,8 x 4 = 15,2 m^2.

Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)… theo quy định.

Chất thải nguy hại phát sinh nhà điều hành Công ty được thu gom, đồng thời hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Qúy (Hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục).

3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải

a. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Đối với KCN, tiếng ồn, độ rung chủ yếu phát sinh ở các nhà máy thành viên. Đặc biệt, do KCN Việt Hương 2 có thu hút nhóm ngành dệt may nên tiếng ồn phát sinh ở các nhà máy này tương đối lớn. Tham khảo một số nhà máy dệt, tiếng ồn do máy móc thiết bị sản

xuất ở xưởng kéo sợi có độ ồn từ 83-94,2 dBA… Tuy nhiên, ở vị trí cách nguồn ồn từ 20m trở lên thì tiếng ồn giảm dần và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT (70dBA). Do vậy, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn cho công nhân trực tiếp lao động tại phân xưởng kéo sợi là hết sức cần thiết, biện pháp cụ thể được trình bày trong báo cáo ĐTM của các nhà máy thực hiện trước khi đầu tư xây dựng dự án.

Để tiếng ồn không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, chủ đầu tư sẽ tiếp tục thực hiện một số biện pháp thiết thực sau:

- Tạo khoảng cây xanh cách ly với khu vực xung quanh có bề dày từ 30-50m (tùy thuộc vào từng vị trí cụ thể của khu đất dự án).

Quy hoạch sử dụng đất hợp lý. Những ngành nghề phát sinh tiếng ồn tương đối lớn sẽ bố trí xa khu vực dân cư.

b. Giảm thiểu tác động đến môi trường kinh tế – xã hội

Như đã trình bày ở mục 3.2.1, tác động chính đến môi trường kinh tế - xã hội là vấn đề chỗ ở và sinh hoạt của công nhân và việc quản lý công nhân do tập trung công nhân với số lượng lớn. Để giảm thiểu tác động này, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

Khuyến khích sử dụng nguồn lao động tại chỗ: các lao động tại địa phương có đầy đủ năng lực theo yêu cầu của các nhà sản xuất và có mong muốn được tuyển dụng sẽ được các nhà sản xuất tuyển dụng tối đa.

Kết hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức các chương trình:

Giáo dục, tuyên truyền ý thức công dân đối với công nhân.

Giới thiệu với lao động nhập cư về phong tục/tập quán của người dân địa phương để tránh những trường hợp hiểu lầm đáng tiếc giữa người lao động nhập cư và người dân địa phương.

Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân nhập cư lưu trú tại địa bàn.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động đến các đối tượng xung quanh

Để hạn chế sự ảnh hưởng từ hoạt động của dự án đến môi trường xung quanh, ngoài trách nhiệm của các nhà máy thành viên xử lý chất ô nhiễm đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường (biện pháp cụ thể các nhà máy sẽ nêu rõ trong hồ sơ môi trường trước khi xây dựng nhà máy) thì chủ đầu tư hạ tầng KCN Chơn Thành I cũng thực hiện các biện pháp tổng thể như sau:

Tuân thủ phương án quy hoạch về loại ngành nghề đã đăng ký, không gian kiến trúc, hạ tầng cơ sở như trong dự án quy hoạch đã được duyệt, cụ thể:

Các ngành nghề thu hút đầu tư trong KCN Chơn Thành I là đa ngành và được phân khu như đã trình bày ở chương 1.

Tuân thủ phân khu chức năng đối với các loại hình công nghiệp như đã mô tả trong chương 1&3 của báo cáo.

Đảm bảo tỷ lệ đất xây dựng, đất hạ tầng công trình đầu mối và đất cây xanh trên toàn diện tích đất của KCN Chơn Thành I như đã trình bày trong chương 1 của báo cáo.

Đảm bảo hệ thống hạ tầng cơ sở của dự án bao gồm: Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải, trạm XLNT tập trung, hệ thống giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước...

d. Quy chế bảo vệ môi trường của KCN

KCN đã ban hành Quy chế bảo vệ môi trường tại KCN Chơn Thành I, cụ thể:

Đối với chủ đầu tư:

- Hướng dẫn và đề nghị chủ đầu tư dự án các doanh nghiệp thành viên cung cấp các hồ sơ pháp lý cần thiết, hướng dẫn đáp ứng các thủ tục để đấu nối tuyến thoát nước mưa, nước thải vào hạ tầng thu gom, thoát nước của Khu công nghiệp trước khi đi vào hoạt động chính thức.

- Bố trí nhân sự đã được đào tạo về chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp đảm nhiệm công tác bảo vệ môi trường tại Khu Công nghiệp Chơn Thành I.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định đối với các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường trong Khu công nghiệp, đồng thời ngưng tiếp nhận các nguồn phát thải của dự án nếu các nguồn phát thải này không đảm bảo theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận đã ký kết với chủ đầu tư KCN.

- Đầu tư hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải; thường xuyên nạo vét, vệ sinh các công trình từ cửa thu, các điểm đấu nối, hố ga, các tuyến cống dẫn, các điểm xả thải ra môi trường; kiểm tra độ kín, cao độ mực nước, các tuyến cống thoát nước mưa và thu gom, thoát nước thải, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh phải được thu gom triệt để.

- Ban hành tiêu chuẩn tiếp nước thải cho các dự án đầu tư trong Khu công nghiệp, đồng thời phổ biến tiêu chuẩn đến các chủ đầu tư dự án ở giai đoạn khảo sát thiết kế xây dựng dự án.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đấu nối, xả nước thải, nước mưa vào hạ tầng thu gom, thoát nước của Khu công nghiệp, thu gom nước thải của toàn bộ các dự án trong KCN Chơn Thành I và xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

- Tăng cường công tác vệ sinh, thu gom rác thải phát sinh tại các tuyến đường nội bộ, vỉa hè trong Khu công nghiệp.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo hồ sơ và giấy phép môi trường đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.

Tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung theo hồ sơ môi trường, giấy phép môi trường và các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

Đối với các doanh nghiệp thành viên trong KCN:

- Giai đoạn khảo sát thiết kế xây dựng dự án

- Yêu cầu chủ đầu tư KCN cung cấp thông tin vị trí đấu nối nước mưa, nước thải bên ngoài vòng rào của dự án trước khi thiết kế hệ thống thoát nước mưa, nước thải cho dự án. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải đảm bảo được tách riêng biệt trước khi đấu nối vào hạ tầng thoát nước mưa, nước thải của Khu công nghiệp;

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường tuân thủ đúng theo thiết kế đã được cơ quan nhà nước phê duyệt, trường hợp có sự thay đổi về mặt thiết kế phải thống nhất ý kiến với chủ đầu tư KCN và được cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt;

- Bố trí khu vực, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt đảm bảo chất thải không phát tán mùi hôi và các thành phần ô nhiễm ra môi trường trong suốt quá trình lưu chứa;

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của chủ đầu tư KCN trước khi xả thải;

- Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước thải (thiết bị phải có giấy kiểm định được xác nhận đạt yêu cầu chất lượng bởi đơn vị có chức năng kiểm định trực thuộc cơ quan nhà nước), van khóa, lưới chắn rác tại điểm quan trắc nước thải bên ngoài vòng rào theo quy định của chủ đầu tư KCN, đồng thời các thiết bị trước khi lắp đặt phải được thống nhất với chủ đầu tư KCN nhằm đảm bảo sự tương thích với hạ tầng và tính chất hoạt động của dự án;

- Yêu cầu các đơn vị tham gia xây dựng phải bố trí khu vực lưu chứa, trung chuyển chất thải, láng trại, kho bãi, nhà vệ sinh cho công nhân trong khuôn viên dự án. Che chắn kín khu vực công trường để tránh phát tán bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình xây dựng. Mọi hoạt động xây dựng chỉ được hoạt động trong khuôn viên của dự án;

- Ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận về việc thu gom, xử lý nước thải, thoát nước mưa với chủ đầu tư KCN trước khi đi vào hoạt động.

- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động sản xuất

- Bố trí nhân sự đã được đào tạo về chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp đảm nhiệm công tác bảo vệ môi trường của dự án

- Thực hiện quan trắc môi trường theo hồ sơ môi trường đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của chủ đầu tư KCN trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp. Nghiêm cấm để nước thải đi vào môi trường tự nhiên dưới mọi hình thức.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải phải được tách riêng biệt. Thường xuyên nạo vét bùn lắng, duy tu, bảo dưỡng tuyến thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo nước thải không đi vào tuyến thoát nước mưa và ngược lại (đặc biệt lưu ý tuyến thoát nước mưa chỉ để thoát nước mưa).

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi khó chịu; đảm bảo không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt theo hồ sơ đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.

- Thực hiện phân loại và tách riêng biệt chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, không để lẫn lộn các loại chất thải với nhau.

- Khu vực lưu chứa chất thải phải được thiết kế theo đúng quy định pháp luật hiện hành (Có biển báo, mã chất thải đối với chất thải nguy hại, có hệ thống thu gom, ngăn ngừa tràn đổ chất thải ra môi trường xung quanh, …).

3.2.2.3. Biện pháp quản lý phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của giai đoạn vận hành dự án

a. Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải

- *Chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận nước thải của Trạm XLNT tập trung*

Để tránh ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của Trạm XLNT tập trung, công ty ràng buộc các doanh nghiệp thứ cấp phải xử lý nước thải sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN trước khi đấu nối về Trạm XLNT tập trung thông qua hợp đồng hoặc các văn bản có liên quan và quy chế Bảo vệ môi trường của KCN.

Thường xuyên/đột xuất lấy mẫu kiểm tra các doanh nghiệp xả nước thải với lưu lượng lớn, có nguy cơ ô nhiễm cao để sớm phát hiện doanh nghiệp có vấn đề về nước thải, xả thải không đạt theo tiêu chuẩn tiếp nhận, yêu cầu doanh nghiệp này ngưng xả thải và nhanh chóng khắc phục lại sự cố. Ngoài ra, yêu cầu các doanh nghiệp trong KCN có lưu lượng nước lớn và ô nhiễm phải xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố khi nước thải xử lý không đạt theo tiêu chuẩn tiếp nhận. Tại vị trí đấu nối nước thải của các Doanh nghiệp đều được lắp đặt van kiểm soát.

Tần suất lấy mẫu: Định kỳ lấy mẫu tại hố ga đấu nối nước thải của doanh nghiệp (nếu có phát sinh): tối đa 01 lần/tháng, tối thiểu 01 lần/quý. Ngoài ra, công tác kiểm tra còn được Công ty thực hiện đột xuất với tần suất khác nhau tùy thuộc vào tính chất và lưu lượng nước thải của từng doanh nghiệp.

Chỉ tiêu phân tích: tùy theo loại hình sản xuất của mỗi doanh nghiệp sẽ đề xuất các chỉ tiêu cần phân tích cho phù hợp.

Khi phát hiện nồng độ nước thải đầu vào tăng cao đột ngột, có nguy cơ ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung, lập tức xem xét, tìm ra nguyên nhân và thực hiện các công việc sau:

Tạm ngưng/hoặc giảm cung cấp nước thải vào hệ thống xử lý để không làm tăng lưu lượng và tải lượng ô nhiễm. Bơm toàn bộ nước thải đầu vào bị vượt tiêu chuẩn ra hồ sự cố để lưu chứa cho đến khi nước thải đầu vào đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của nhà máy xử lý nước thải tập trung thì vận hành lại hệ thống bình thường.

Tuần hoàn nước sau xử lý về để giảm thiểu nồng độ đầu vào hoặc vận hành hệ thống với lưu lượng thích hợp để đảm bảo hệ thống không bị sốc tải đột ngột và nước thải đầu ra luôn đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Bên cạnh đó, tiến hành thông báo và kiểm tra hoạt động phát sinh nước thải từ các doanh nghiệp. Khi tiến hành kiểm tra hố ga đấu nối có dấu hiệu không đạt chất lượng nhân viên kiểm tra tiến hành mời đại diện nhà máy lập biên bản nhắc nhở và yêu cầu thực hiện giảm thiểu nồng độ. Nếu doanh nghiệp cố tình xả nước thải vượt quy định sẽ tiến hành lập biên bản và gửi mẫu đến đơn vị có chức năng để phân tích các chỉ tiêu có khả năng không đạt và gây ảnh hưởng đến nhà máy XLNT tập trung. Kết quả vượt quy định này được gửi đến doanh nghiệp và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước. Trường hợp tính chất nước thải của doanh nghiệp gây những ảnh hưởng nghiêm trọng cho Trạm XLNT tập trung sẽ yêu cầu tạm ngưng tiếp nhận nước thải của doanh nghiệp về Nhà máy XLNT tập trung của KCN cho đến khi doanh nghiệp có biện pháp khắc phục sự cố.

Nhân viên vận hành cũng kiểm tra hiệu quả HTXL cục bộ trong từng doanh nghiệp để có thể đưa ra giải pháp điều chỉnh, đảm bảo nồng độ nước thải từ các doanh nghiệp đưa về không vượt quá khả năng xử lý của nhà máy XLNTTT.

Lượng nước thải chứa trong hồ sự cố sẽ được bơm về bể điều hòa của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

Ngoài ra, yêu cầu các doanh nghiệp trong KCN phải xây dựng phương án ứng phó sự cố trong trường hợp chất lượng nước thải không đạt tiêu chuẩn

- *Nước thải đầu ra của Trạm XLNT tập trung vượt quy chuẩn cho phép*

Nước thải sau xử lý sẽ được quan trắc tự động, liên tục với các thông số ô nhiễm chủ yếu: pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni và lưu lượng. Điều này cho phép giám sát chất lượng nước thải tự động 24h/ngày. Việc quan trắc tự động sẽ giúp phát hiện và cảnh báo nếu như nồng độ của một trong các thông số ô nhiễm quan trắc vượt quy chuẩn. Đồng thời, nhật ký nồng độ các thông số cũng được lưu trữ tự động tiện cho việc quản lý, kiểm tra khi cần thiết.

Trường hợp nước thải đầu ra chưa đạt tiêu chuẩn xả thải, Hệ thống quan trắc tự động sẽ phát đi tín hiệu bằng còi báo/hoặc tin nhắn để cảnh báo nếu chất lượng nước sau xử lý có dấu hiệu vượt ngưỡng. Khi vượt ngưỡng nhân viên vận hành khóa cửa xả ra mương lưu lượng, nước thải từ bể khử trùng được chuyển qua bể gom/bể điều hòa hoặc hồ sự cố.

Kiểm tra hóa chất và điều chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp cho toàn bộ hệ thống.

Kiểm tra và giám sát các thông số ở bể hiếu khí như: DO, pH, tải lượng hữu cơ, chất

dinh dưỡng, kim loại nặng, tránh tình trạng làm sốc tải và ức chế hoạt động của vi sinh vật trong bể xử lý sinh học.

Kiểm tra lại quá trình vận hành của các cán bộ và công nhân vận hành để phát hiện sai khác so với quy trình vận hành của hệ thống xử lý

Giám sát nghiêm ngặt chất lượng nước thải đầu ra của Nhà máy XLNT tập trung, thường xuyên thu mẫu phân tích nước thải tại bể khử trùng với các chỉ tiêu: COD, TSS, pH, độ màu, tổng N, tổng P.

- *Hệ thống XLNT bị quá tải.*

Khi phát hiện lượng nước thải đầu vào tăng cao, vượt quá công suất xử lý của Nhà máy XLNT tập trung, nhân viên vận hành sẽ tạm thời lưu nước dư tại hồ sự cố, sau đó tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra biện pháp khắc phục. Nếu do lưu lượng từ doanh nghiệp tăng đột ngột thì thông báo với doanh nghiệp để tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra biện pháp khắc phục. Lượng nước thải chứa trong hồ sự cố sẽ được bơm về bể thu gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

Bên cạnh đó, hệ thống xử lý nước thải được thiết kế với hệ số K=1,2, trong trường hợp có sự cố vượt lưu lượng, khi đó nhân viên vận hành cho hệ thống hoạt động tăng công suất lên 20%, đồng thời tăng thêm lượng hóa chất tại cụm bể hóa lý và tăng hàm lượng vi sinh tại cụm bể sinh học để xử lý nước thải.

Khi có sự sốc tải về lưu lượng, hệ thống bể sinh học sẽ điều chỉnh giảm lượng bùn dư thải bỏ về bể nén bùn để tăng hàm lượng vi sinh vật MLVSS duy trì trong hệ thống bể sinh học tương ứng. Vì vậy, tỉ số F/M vẫn không đổi và cụm xử lý sinh học vẫn hoạt động ổn định.

Ngoài ra, để đảm bảo cung cấp đủ lượng oxy cho vi sinh vật phân hủy các hợp chất hữu cơ trong nước thải, hệ thống được chỉnh tăng công suất cấp oxy của các thiết bị cấp khí, sao cho DO tại ngăn sục khí trong hệ thống bể sinh học luôn duy trì ở mức 2mg/l – 4mg/l (giá trị được cài đặt ban đầu).

Tuy nhiên, nếu lưu lượng nước thải gia tăng thường xuyên và vượt quá công suất xử lý của Nhà máy XLNT tập trung thì Công ty sẽ có kế hoạch xây dựng thêm module XLNT để nâng công suất hệ thống XLNT và đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp

- *Sự cố hỏng làm hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động*

Trong các trường hợp xảy ra sự cố ngừng hoạt động, KCN có các biện pháp ứng phó sau:

Khi có sự cố mất điện, KCN sẽ sử dụng nguồn điện từ máy phát điện dự phòng để duy trì hoạt động của trạm XLNT. Nhà máy XLNT tập trung đã trang bị máy phát điện dự phòng cho mỗi trạm XLNT nhằm đảm bảo hoạt động liên tục của nhà máy XLNT;

- Trong trường hợp xảy ra sự cố hư hỏng thiết bị, bơm nước đầu vào ra hồ sự cố để lưu chứa tạm thời. Nhanh chóng huy động lực lượng để thay thế thiết bị dự phòng. Sau khi thay thế xong, vận hành hệ thống lại bình thường. Lượng nước thải chứa trong hồ sự cố sẽ được bơm về bể điều hòa của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

Xây dựng chương trình ứng phó sự cố đối với các loại sự cố thường gặp của trạm XLNT

Công ty sẽ thiết lập bộ phận chuyên trách theo dõi quá trình vận hành của trạm xử lý nước thải, nếu có vấn đề về kỹ thuật sẽ tiến hành kiểm tra sửa chữa để hệ thống vận hành liên tục và trong tình trạng hoạt động tốt.

- *Khắc phục các sự cố hư hỏng thiết bị, máy móc*

Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục như sau:

Bảng 3- 40: Một số hư hỏng thường gặp và biện pháp khắc phục

STT	Hư hỏng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Máy bơm không làm việc	Không có nguồn điện cung cấp đến.	Kiểm tra nguồn điện, cáp điện.
2	Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	- Điện nguồn mất pha đưa vào motor. - Cánh bơm bị chèn bởi các vật cứng. - Hộp giảm tốc bị thiếu dầu, mỡ ... - Bị chèn các vật lạ có kích thước lớn vào buồng bơm, trục vít.	- Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. - Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. - Kiểm tra và bổ sung thêm, hoặc thay nhớt mới. - Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ.
3	Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước.	- Ngược chiều quay. - Van đóng mở bị nghẹt, hoặc hư hỏng. - Đường ống bị tắc nghẽn. - Chưa mở van. - Rách màng bơm.	- Đảo lại chiều quay. - Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. - Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. - Mở van. - Thay màng bơm khác.
4	Lưu lượng bơm bị giảm	- Bị nghẹt rác ở cánh bơm, van, đường ống. - Mực nước bị cạn. - Nguồn điện cung cấp không đúng. - Màng bơm bị đóng cặn	- Kiểm tra, khắc phục lại. - Tắt bơm ngay. - Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. - Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt.
	Máy bơm làm	- Điện áp thấp dưới qui định.	- Tắt máy, khắc phục lại tình

STT	Hư hỏng	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
5	việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên máy	- Độ cách điện của bơm giảm quá qui định, < 01MΩ. - Bị sự cố về cơ khí: bánh răng, vòng bi,…	trạng điện áp. - Sấy nâng cao độ cách điện. - Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục.

- *Hồ sự cố.*

Chủ đầu tư đã xây dựng hồ sự cố với thể tích 1.230 m^3, đảm bảo lưu chứa nước thải 2 ngày để ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải theo quy định. Hồ sự cố chỉ được sử dụng khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

Thông số của hồ sự cố như sau

- Phương án xây dựng: Đào đất, đầm và lót HDPE
- Kích thước đáy hồ: Dài 19m, rộng 12m
- Kích thước mặt hồ: Dài 27m, rộng 20m
- Taluy: 1/1
- Chiều sâu tổng cộng: 4m
- Tổng thể tích: 1.490 m^3
- Chiều sâu hiệu dụng: 3,5m
- Kích thước mặt nước (ứng với chiều sâu hiệu dụng): Dài 26m, rộng 19m
- Thể tích hiệu dụng: 1.230 m^3

<u>Các trường hợp khi xảy ra sự cố:</u>

Trường hợp 1: Chất lượng nước thải sau xử lý không đạt

Nước thải sau xử lý tại bể chứa trung gian sẽ được bơm về Hồ sự cố thông qua đường ống.

Nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tái xử lý.

Trường hợp 2: Nồng độ nước thải đầu vào vượt ngưỡng cho phép tiếp nhận của hệ thống

Nước thải từ bể gom nước thải sẽ bơm về Hồ sự cố cho đến khi nồng độ nước thải đầu vào nhỏ hơn hoặc bằng giá trị cho phép.

Nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể điều hòa để tái xử lý.

Trường hợp 3: Khi bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh hệ thống

Nước thải trong bể điều hòa sẽ bơm tạm về Hồ sự cố để phục vụ công tác bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc nuôi cấy tạm vi sinh cho hệ thống.

Khi hệ thống được khắc phục và hoạt động ổn định bình thường thì nước thải trong hồ

sự cố sẽ được cân đối và bơm về Bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Biện pháp giảm thiểu tác động đến nguồn nước tiếp nhận

Để giảm thiểu và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty sẽ tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu, cụ thể:

- Tất cả nguồn nước thải phát sinh đều phải qua hệ thống xử lý nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào nguồn tiếp nhận;

- Theo dõi chất lượng nước thải đầu vào, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống XLNT tập trung của KCN nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống;

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế;

- Nhân viên vận hành được tập huấn chương trình vận hành và bảo dưỡng hệ thống XLNT; về phương án phòng ngừa và khắc phục sự cố đối với hệ thống XLNT;

- Rà soát chương trình vận hành và bảo dưỡng thiết bị của hệ thống xử lý định kỳ;

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát, rãnh dẫn nước thải đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh;

- Vận hành Nhà máy XLNTTT của KCN theo đúng quy trình để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép và đạt tính ổn định của hệ thống xử lý;

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải để có các biện pháp phòng ngừa và ứng phó kịp thời;

- Kiểm tra định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý và nguồn tiếp nhận để đảm bảo lượng nước xả thải không gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sau xử lý đều được quan trắc tự động bằng trạm quan trắc tự động được đặt tại mương thu gom nước thải sau xử lý bằng các thiết bị tự động các thông số ô nhiễm chủ yếu: lưu lượng, nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni. Hệ thống này cho phép giám sát chất lượng nước thải tự động 24/24 giờ. Việc quan trắc tự động sẽ giúp phát hiện và cảnh báo nếu như nồng độ của một trong các thông số ô nhiễm quan trắc vượt quy chuẩn để đưa nước thải về hồ sự cố. Đồng thời, nhật ký nồng độ các thông số cũng được lưu trữ tự động tiện cho việc quản lý, kiểm tra khi cần thiết.

– ***Phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn hoá chất***

Phòng ngừa:

- Phân loại, đánh giá mức độ nguy hại cho từng loại hóa chất sử dụng.

- Khu vực lưu trữ hóa chất được bố trí đầy đủ các dụng cụ: bình chữa cháy, bông thấm, cát, găng tay, đồ bảo hộ, dụng cụ xử lý sự cố (cuốc, xẻng nhựa, bơm hóa chất di động, thùng nhựa, ...).

- Bố trí từng loại hóa chất riêng biệt, dễ thao tác.

- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động chuyên biệt.

Quy trình ứng phó:

Bảng 3- 41: Quy trình ứng phó sự cố tràn hóa chất

Sự cố	Các bước thực hiện
Cấp I	*Bước 1:* Phát hiện hóa chất tràn đổ, thông báo ngay cho Phụ trách Nhà máy qua điện thoại hoặc trực tiếp. *Bước 2:* Phụ trách Nhà máy nhanh chóng đánh giá tình hình và khu vực bị ảnh hưởng để có phương án xử lý phù hợp và báo cáo cho KCN (báo cáo nhanh qua điện thoại và biên bản báo cáo tình huống sự cố). *Bước 3:* Phụ trách Nhà máy chỉ huy lực lượng của Nhà máy để khắc phục. *Bước 4:* Sử dụng cát khô, bông vải thấm để cô lập khu vực ảnh hưởng, dùng xẻng để thu gom hóa chất trở lại, đảm bảo không phát tán ra ngoài khuôn viên Nhà máy. Lực lượng thực hiện phải được trang bị bảo hộ đầy đủ (găng tay chống hóa chất, kính bảo vệ, ủng, nón, ...) *Bước 5:* Thu gom phần cát, bông vải đã dính hóa chất cho vào bao bì nguy hại để bàn giao cho đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định. *Bước 6:* Phụ trách Nhà máy báo cáo cho cơ quan chức năng
Cấp II	*Bước 1:* Phát hiện hóa chất tràn đổ, thông báo ngay cho Phụ trách Nhà máy qua điện thoại hoặc trực tiếp. *Bước 2:* Phụ trách Nhà máy nhanh chóng đánh giá tình hình và khu vực bị ảnh hưởng để có phương án xử lý phù hợp và báo cáo cho cơ quan chức năng (báo cáo nhanh qua điện thoại và biên bản báo cáo tình huống sự cố). *Bước 3:* Cơ quan chức năng thông báo cho các lực lượng liên quan để hỗ trợ. *Bước 4:* Dùng bông vải thấm, bao cát chặn dòng chảy, không để phát tán ra ngoài ranh khu công nghiệp. Cô lập khu vực bị ảnh hưởng. Lực lượng thực hiện phải được trang bị bảo hộ đầy đủ (găng tay chống hóa chất, kính bảo vệ, ủng, nón...). *Bước 5:* Dùng xe tưới cây hút hoặc các thiết bị chuyên dụng để tẩy, rửa, thu gom hóa chất đã tràn ra, đưa về Trạm xử lý nước thải để xử lý theo đúng quy định. *Bước 6:* Thu dọn các công cụ, phương tiện đã sử dụng, hoàn trả mặt bằng. *Bước 7:* Cơ quan chức năng báo cáo cho BGĐ Công ty kết quả khắc phục.
Cấp III	*Bước 1:* Phát hiện hóa chất tràn đổ, thông báo ngay cho Phụ trách Nhà máy qua điện thoại hoặc trực tiếp. *Bước 2:* Phụ trách Nhà máy nhanh chóng đánh giá tình hình và khu vực bị ảnh hưởng để có phương án xử lý phù hợp, báo cáo Cơ quan chức năng và BGĐ (báo cáo nhanh qua điện thoại và biên bản báo cáo tình huống sự cố). *Bước 3:* Cơ quan chức năng nhận chỉ đạo từ BGĐ chỉ đạo lực lượng liên quan và thông báo cho lực lượng có chức năng để hỗ trợ. *Bước 4:* Tiến hành dựng tôn, đổ cát, chặn cống, chặn dòng chảy của kênh, mương ... cô lập khu vực bị ảnh hưởng. *Bước 5:* Xe bồn hút hoặc các phương tiện thiết bị chuyên dụng để thu gom lượng hóa chất chảy tràn đưa về Nhà máy xử lý theo đúng quy định. *Bước 6:* Giải quyết hậu quả nếu có thiệt hại về tài sản của người dân và các đơn vị liên quan. *Bước 7:* Cơ quan chức năng báo cáo kết quả khắc phục cho các đơn vị liên quan.

b. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống cấp nước – thoát nước

❖ **Hệ thống thu gom nước mưa và thu gom thoát nước thải**

- Bố trí nhân sự giám sát môi trường làm việc theo 3 ca (24/24h) để giám sát chặt chẽ các điểm đấu nối, xả thải của các doanh nghiệp, hạ tầng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải của các doanh nghiệp về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để phát hiện và xử lý kịp thời nếu có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom nước thải, tiến hành nạo vét các tuyến cống thoát nước trong khu du lịch, tránh tình trạng tắc nghẽn, có thể ảnh hưởng đến việc xử lý nước thải của hệ thống XLNT tập trung.

- Kiểm soát lưu lượng, chất lượng xả thải của các doanh nghiệp. Khi phát hiện doanh nghiệp xả nước thải vượt chuẩn vào hệ thống nước mưa hoặc nước thải thì yêu cầu doanh nghiệp ngưng xả thải và có biện pháp khắc phục, không để xảy ra sự cố môi trường.

- Tránh các tác nhân có khả năng làm nứt, vỡ đường ống thu gom như hoạt động vận chuyển của các xe tải trọng lớn.

- Đào tạo cho nhân viên về cách vận hành và bảo trì hệ thống cũng như cách xử

lý sự cố.

- Hướng dẫn cho du khách về việc không xả rác bừa bãi và tuân thủ các quy định về chất thải tránh làm tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa, nước thải.

❖ **Đường ống cấp nước**

- Đường ống dẫn nước có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Giải pháp ứng cứu khi có sự cố vỡ đường ống dẫn nước là thường xuyên phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ để xử lý kịp thời.

c. Biện pháp phòng cháy chữa cháy

Xây dựng kế hoạch định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thay thế hoặc đổi mới các máy móc thiết bị sản xuất kịp thời nhằm tránh gây rò rỉ các chất ô nhiễm, độc hại ra môi trường, hạn chế các nguy cơ gây cháy nổ. Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ xung quanh khu vực KCN.

Mỗi nhà máy, xí nghiệp trong KCN phải thực hiện xây dựng công trình PCCC riêng nhằm kịp thời ứng phó với sự cố cháy nổ tại cơ sở.

Đảm bảo kịp thời ứng phó với sự cố cháy nổ, dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch. Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế là hệ thống cấp nước cứu hỏa

áp lực thấp áp lực tối thiểu tại trụ cứu hỏa là 10m. Việc chữa cháy sẽ do xe chữa cháy của đôi chữa cháy KCN phối hợp với đội chữa cháy địa phương. Nước cấp cho xe cứu hỏa được lấy từ các trụ cứu hỏa dọc đường, các trụ nổi này theo tiêu chuẩn TCVN 6379-1998 được bố trí tại các ngã ba, ngã tư và dọc tuyến ống của KCN.

Đối với sự cố xảy ra trong nội bộ nhà điều hành, trạm xử lý nước thải tập trung của KCN:

Bước 1: Báo động toàn bộ nhà máy, đồng thời thành viên trong đội PCCC hướng dẫn sơ tán công nhân viên tại nhà máy theo các hướng thoát hiểm.

Bước 2: Cúp cầu dao điện nơi xảy ra cháy.

Bước 3: Đối với đám cháy nhỏ, tập hợp đội PCCC nội bộ của công ty và sử dụng những phương tiện phòng cháy chữa cháy trang bị sẵn tại nhà máy để khống chế đám cháy, tránh tình trạng cháy lan sang khu vực khác.

Bước 4: Gọi điện thoại đến các cơ quan chức năng khi đám cháy xảy ra, tùy theo quy mô của đám cháy mà thứ tự ưu tiên như sau:

+ Gọi điện thoại đến lực lượng PCCC của KCN Chơn Thành 1 và huy động nhân lực ứng phó của nội bộ Công ty (bảo vệ KCN, nhân viên Công ty…).

+ Gọi điện thoại đến cơ quan PCCC theo số điện thoại 114.

+ Gọi đến cơ quan công an (113) nhằm trợ giúp ngăn chặn giao thông, tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông và ngăn ngừa tính hiếu kỳ của người dân.

+ Gọi cấp cứu theo số 115 nếu có tai nạn xảy ra.

+ Gọi điện thoại báo cho các nhà máy lận cận nếu đánh giá tình hình đám cháy có thể lây lan, ảnh hưởng đến các nhà máy.

Bước 5: Khắc phục các hậu quả của sự cố gây ra, bồi thường các thiệt hại về môi trường (nếu có).

Đối với sự cố cháy nổ xảy ra tại các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN: Bước 1: Nhân viên tiếp nhận thông tin sự cố cháy nổ tại các nhà máy thứ cấp.

Bước 2: Thông báo, triển khai khẩn trương đội PCCC của KCN đến hiện trường để phối hợp, ứng cứu sự cố cùng với lực lượng của Công ty.

Bước 3: Đánh giá mức độ, khả năng lây lan của đám cháy và khả năng xử lý của đội PCCC KCN. Trong trường hợp không đáp ứng cần hỗ trợ từ lực lượng chức năng bên ngoài thì thực hiện:

+ Gọi điện thoại đến cơ quan PCCC địa phương theo số điện thoại 114.

+ Gọi đến cơ quan công an (113) nhằm trợ giúp ngăn chặn giao thông, tránh tình trạng gây ùn tắc giao thông và ngăn ngừa tính hiếu kỳ của người dân.

+ Gọi cấp cứu theo số 115 nếu có tai nạn xảy ra.

+ Gọi điện thoại báo cho các nhà máy lận cận nếu đánh giá tình hình đám cháy có thể lây lan, ảnh hưởng đến các nhà máy.

Bước 4: Kiểm tra đánh giá khả năng sự cố thứ cấp sinh ra từ sự cố cháy nổ tại nhà máy như hệ thống xử lý nước thải không vận hành, nước thải không đạt giới hạn xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để có phương án phòng ngừa tại nhà máy XLNT của KCN, sự cố tràn đổ hóa chất ra ngoài môi trường...

+ Trong trường hợp ứng cứu được tại chỗ, thì phối hợp với nhà máy có các phương án ứng phó, xử lý kịp thời tại chỗ.

+ Trong trường hợp sự cố lớn, nằm ngoài kiểm soát của nhà máy thứ cấp và KCN thì liên hệ với các cơ quan chức năng như Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương, …để phối hợp xử lý.

d. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó với sự cố đối với xử lý chất thải rắn

Các tình huống có thể gặp:

- Do công trình xử lý, lưu giữ gặp sự cố gây hư hỏng kết hợp với mưa, bão, lũ bất thường làm tràn đổ, rò rỉ chất thải ra môi trường.

- Do quá trình lưu giữ trong kho quá tải so với sức lưu chứa của kho.

- Trong quá trình lưu giữ, vận chuyển chất thải chưa qua xử lý các phương tiện vận chuyển bị tai nạn đâm, va làm lật, đổ, bục, vỡ bồn chứa, chất thải chảy ra môi trường, khu vực dân cư, gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe của người dân.

- Do sự cố cháy kho chứa chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại, chất thải có chứa các chất POP (cháy dầu thải chứa PCB phát tán hóa chất độc, khói độc từ nhà kho bay ra môi trường mang theo hàm lượng CO_2, NO, SO_2, HCl, NO_2...).

Để đảm bảo cho hoạt động vận hành nhà máy và phòng ngừa các sự cố do chất thải gây nên, Chủ đầu tư sẽ tiến hành áp dụng các biện pháp sau:

- Quy trình quản lý, thu gom, lưu trữ chất thải tại dự án theo quy định của Luật bảo vệ môi trường đã được trình bày tại mục 3 chương III của báo cáo.

- Thường xuyên kiểm tra quy trình thu gom, lưu trữ và vận chuyển chất thải phát sinh.

- Thu gom và lưu trữ đúng nơi quy định, và chuyển giao cho đơn vị xử lý theo đúng quy định.

- Trong thời gian hoạt động nếu lượng chất thải gia tăng đột biến, Chủ đầu tư sẽ có phương án mở rộng nhà chứa chất thải, quy mô mở rộng theo lượng chất thải phát sinh gia tăng.

- Tăng tần suất thu gom và vận chuyển rác hàng ngày nếu lượng rác thải phát sinh tăng đột biến tại các thời gian sản xuất cao điểm.

Phương án ứng phó sự cố trong quá trình lưu giữ CTNH:

- Bố trí 1 bình chữa cháy cứu hỏa cầm tay trong kho chứa

- Các thùng đựng hóa chất lỏng sẽ được đưa vào thùng chứa, có nắp đậy để hạn chế tràn đổ, bay hơi, dung tích chứa không quá 90% dung tích thùng.

- Khi có sự cố tràn đổ, chất lỏng được thấm hút vào cát, sau đó sẽ thu gom cát như CTNH.

- Trang bị 1 thùng phuy chứa cát và xẻng để thay thế, ứng phó sự cố tràn đổ ở khu vực chứa chất thải lỏng.

Hiện nay, thể tích kho chứa đáp ứng đủ lượng chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, Chủ cơ sở cũng đã tiến hành ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom hàng ngày, không để lưu trữ rác nhiều ngày.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng

- Chủ đầu tư kết hợp với đơn vị thi công sẽ hoạch định và thực thi chương trình quản lý môi trường trong suốt quá trình xây dựng dự án. Chủ đầu tư lên kế hoạch và thực hiện chương trình giám sát môi trường.
- Lập Ban vệ sinh môi trường dự án có nhiệm vụ quản lý các vấn đề môi trường trong thời gian thực hiện dự án. Bố trí cán bộ môi trường (01 cán bộ) túc trực trong thời gian thi công để kiểm tra công tác thực hiện bảo vệ môi trường và ứng phó kịp thời các sự cố về môi trường.
- Bố trí nơi lưu trữ chất thải tạm thời hợp lý để tránh bị phát tán trong thời gian lưu trữ. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng quy định, che chắn phương tiện thu gom tránh để rơi vãi trong quá trình vận chuyển. Ngoài ra, tuyên truyền cho công nhân có ý thức tuân thủ đúng theo các quy định về an toàn vệ sinh môi trường.
- Chủ đầu tư cũng có trách nhiệm đình chỉ thi công và yêu cầu nhà thầu khắc phục để đảm bảo về bảo vệ môi trường khi phát hiện nhà thầu vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng. Phối hợp với nhà thầu xây dựng công trình xử lý, khắc phục khi xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường; kịp thời báo cáo, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng và các vấn đề phát sinh
- Đối với nhà thầu xây dựng, thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công gói thầu; Dừng xây dựng công trình khi phát hiện nguy cơ xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng và có biện pháp khắc phục để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi tiếp tục thi công.

Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

Các công trình biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn vận hành hoạt động được trình bày dưới đây.

Bảng 3- 42: Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động của dự án

STT	Các hoạt động	Danh mục các biện pháp/công trình áp dụng
1	Bụi và khí thải từ hoạt động của các công ty thành viên	-Yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư có nhiều ống thải khí thì buộc phải tính toán phát tán khí thải qua ống thải cao với chiều cao đủ để không gây tác động cộng hưởng làm cho nồng độ trong không khí theo hướng gió vượt quá QCVN 05:2013/BTNMT và 06:2009/BTNMT -Yêu cầu các nhà máy thành viên trong KCN xử lý bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường. -Trồng khoảng cây xanh cách ly giữa KCN và KDC với bề dày khoảng 50m. - Đầu tư xe phun nước dùng để tưới cây xanh hàng ngày và tưới đường giao thông trong nội vi KCN vào những ngày nắng nóng, khô hạn.
2	Nước thải của toàn KCN	-Trạm XLNT tập trung của KCN công suất 1.200 m^3/ngày.). -Hồ sự cố nước thải -Lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động -Các công ty thành viên xây dựng trạm XLNT cục bộ đạt tiêu chuẩn do KCN quy định đối với nước thải phát sinh trước khi đấu nối vào trạm XLNT của KCN
3	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	- Mỗi công ty thành viên sẽ tự thu gom và bán lại cho các cơ sở có khả năng tái chế. -Phần lượng rác còn lại sẽ được chứa trong nhà chứa rác của mỗi công ty và được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.
4	Chất thải rắn nguy hại	-CTR nguy hại từ các công ty thành viên sẽ được thu gom bởi công ty có chức năng định kỳ đưa đi xử lý. -CTNH phát sinh từ các trạm XLNT và ban quản lý KCN thì chủ đầu tư sẽ thu gom, quản lý: *+ Trang bị thùng chứa CTNH* *+ Xây dựng khu lưu giữ CTNH :* có diện tích 15,2m^2 *+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng theo quy định.* - Định kỳ báo cáo với cơ quan quản lý môi trường về tình hình quản lý CTNH.

STT	Các hoạt động	Danh mục các biện pháp/công trình áp dụng
5	Quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố	- Biện pháp phòng chống cháy nổ (thiết bị PCCC). - Biện pháp phòng chống sét. - Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố với các hệ thống xử lý chất thải. Biện pháp hỗ trợ khác.

Bảng 3- 43: Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường

Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian thực hiện
Hệ thống xử lý nước thải	Tháng 04/2026	3 tháng

Tóm tắt kinh phí thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường

Kinh phí thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

Bảng 3- 44: Dự toán kinh phí đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Tổng
I	**Chi phí xây dựng**	VNĐ	600.000.000
II	**Chi phí đầu tư máy móc thiết bị**	VNĐ	2.000.000.000
III	**Chi phí vận hành**		
1	Chi phí vận hành HTXLNT	VNĐ /năm	500.000.000
2	Các chi phí quản lý môi trường khác (quản lý chất thải rắn, giám sát môi trường…)	VNĐ /năm	300.000.000
	Tổng chi phí vận hành	**VNĐ /năm**	**3.400.000.000**

(Nguồn: Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành)

3.4. Nhận xét về các mức độ chị tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo:

3.4.1 Nhận xét mức độ chi tiết của các đánh giá

STT	Các đánh giá/dự báo	Mức độ chi tiết	Lý giải
1	Đánh giá ô nhiễm môi trường không khí	Cao	Được thực hiện đánh giá đối với từng hạng mục và đánh giá chi tiết cho từng đối tượng và địa điểm, thời điểm cụ thể
2	Đánh giá ô nhiễm môi trường nước	Cao	Được thực hiện đánh giá đối với từng hạng mục và đánh giá chi tiết cho từng đối tượng và địa điểm, thời điểm cụ thể

STT	Các đánh giá/dự báo	Mức độ chi tiết	Lý giải
3	Đánh giá ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn	Cao	Được thực hiện đánh giá đối với từng hạng mục và đánh giá chi tiết cho từng đối tượng và địa điểm, thời điểm cụ thể
4	Đánh giá tác động đến hoạt kinh tế xã hội	Trung bình	Được thực hiện đánh giá cho nhóm đối tượng trên phạm vi rộng và chưa cụ thể hóa thời điểm đánh giá

3.4.2 Nhận xét mức độ tin cậy các đánh giá

STT	Các đánh giá/dự báo	Mức độ tin cậy	Lý giải
1	Đánh giá ô nhiễm môi trường không khí	Trung bình	Số liệu áp dụng vào mô hình tính toán phát tán khí thải, bụi được lấy từ tài liệu nước ngoài do vậy có thể có một vài thông số chưa phù hợp với tình trạng cũng như điều kiện thực tế tại Việt Nam.
2	Đánh giá ô nhiễm môi trường nước	Trung bình	Các thông số về tải lượng chất ô nhiễm, hệ số ô nhiễm được xác định từ nguồn WHO được thiết lập khá lâu, từ năm 1993.
3	Đánh giá ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn	Cao	Các thông số về lượng rác thải/người được lấy từ hiện trạng thực tế hoạt động của trang trại
4	Đánh giá tác động đến hoạt kinh tế xã hội	Trung bình	Các đánh giá mang tính chất chung chung do thiếu số liệu về khảo sát chi tiết thực tế.

CHƯƠNG 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường bao gồm các quan điểm về những nghiên cứu môi trường cần thiết và các hoạt động thực hiện trong suốt giai đoạn xây dựng và và hoạt động của Dự án. Chương trình quản lý môi trường bao gồm các nội dung chính như sau:

Bảng 4- 1: Các chương trình quản lý môi trường

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Hoạt động xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị cho HTXLNT	Lắp ráp cơ bản	Bụi, tiếng ồn và chất ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển (PTVC)	+ Phun nước giữ ẩm + Bảo trì phương tiện vận chuyển thường xuyên + Không chở quá trọng tải quy định + Phương tiện vận chuyển không lưu thông vào giờ cao điểm	Tháng 04-06/2026
		Chất thải rắn	Thu gom lưu trữ và hợp đồng xử lý	
		Nước thải	Nhà vệ sinh có sẵn	
Giai đoạn hoạt động	Quá trình phương tiện ra vào khu văn phòng KCN	Bụi, tiếng ồn và chất ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển	- Giảm tốc độ phương tiện vận chuyển đi vào giờ cao điểm - Trong quá trình ghi phiếu xe yêu cầu các phương tiện tắt máy, dẫn bộ -Bê tông hóa các tuyến đường trong khu dự án	Từ tháng 7/2026
	Quá trình	Tiếng ồn	□ Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc định kỳ. + Treo bảng nội quy của KCN	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	vận hành		□Trồng cây xanh	
		Nước mưa	Nước mưa được thu gom thoát ra cống thoát nước mưa của KCN.	
		Nước thải từ khu văn phòng KCN và các doanh nghiệp thành viên	Thu gom về HTXLNT của KCN để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.	
		Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy. Cuối ngày được công nhân vệ sinh thu gom về khu vực tập kết và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.	
		Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Được thu gom vào các thùng chứa. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.	
		Chất thải rắn nguy hại	Được thu gom, phân loại, lưu giữ tại kho chứa CTNH. Sau đó hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT	

4.2. Chương trình giám sát môi trường

Việc giám sát chất lượng môi trường là một trong những chức năng quan trọng của công tác quản lý chất lượng môi trường và cũng là một trong những phần rất quan trọng trong công tác kiểm soát chất lượng môi trường. Ban quản lý trang trại sẽ kết hợp với các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường tiến hành giám sát định kỳ chất lượng môi trường theo định kỳ hàng năm.

Để đảm bảo các hoạt động của trang trại không gây ô nhiễm môi trường và đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế ô nhiễm, chương trình giám sát chất lượng môi trường sẽ được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của Dự án.

4.2.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng

Dự án tiến hành lắp đặt máy móc, thiết bị cho cụm 2 trong khoảng 3 tháng. Tác động chủ yếu đến môi trường trong giai đoạn này là bụi, tiếng ồn từ các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị, tuy nhiên tần xuất không nhiều. Do đó, chủ dự án sẽ tiến hành thực hiện giám sát môi trường chất thải trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị như sau:

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại:

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành

- **Giám sát nước thải**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí

+ Vị trí 1: tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, Màu, pH, BOD_5 (20^oC), COD, Chất rắn lơ lửng, Asen, Thuỷ ngân, Chì, Cadimi, Crom (VI), Crom (III), Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorua, Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/1 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT cột A.

- **Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:**

+ Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn

thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- **Giám sát nước mặt**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tiếp nhận nước thải vào suối Hồ Đá (tọa độ X = 537 181m; Y = 1259 417m.

- Thông số giám sát: pH, DO, BOD_5, COD, SS, Cl^-, dầu khoáng, NO_2^-, NO_3^-, tổng N, tổn

- Tần suất giám sát: 6 tháng/1 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT, Mức B.

CHƯƠNG 5. `KẾT QUẢ THAM VẤN

I. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng.

5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành đã gửi Văn bản Đề nghị đăng thông tin tham vấn đánh giá tác động môi trường của dự án "Trang trại chăn nuôi 24.000 con heo hậu bị ".

STT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
THAM VẤN THÔNG QUA ĐĂNG TẢI TRÊN TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ			
1			

5.1.2. Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến.

5.1.2.1. Tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện tham vấn Ủy Ban Nhân Dân cấp xã, các tổ chức chịu trách nhiệm trực tiếp dự án.

5.1.2.2. Tóm tắt quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp dự án.

5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Kết quả tham vấn ý kiến của cộng đồng dân cư và việc giải trình được trình bày trong bảng sau:

II. THAM VẤN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC, CÁC TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN.

- ***Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của Chuyên gia***

Chủ dự án xin cảm ơn ý kiến đóng góp của các chuyên gia. Các ý kiến trên hoàn toàn hợp lý. Chúng tôi sẽ nghiêm túc thực hiện chỉnh sửa và cũng đã tích hợp các ý kiến trên vào trong báo cáo ĐTM của dự án.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. KẾT LUẬN

Dự án " Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)" Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành đầu tư mang lại những lợi ích kinh tế như sau:

- Mang lại lợi ích kinh tế cho chủ đầu tư;
- Tạo thành các sản phẩm có giá trị sử dụng cao;
- Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động;
- Góp phần làm tăng trưởng kinh tế và đóng góp ngân sách cho tỉnh thông qua các loại thu.

Bên cạnh những lợi ích nêu trên, hoạt động của dự án có khả năng ảnh hưởng xấu đến môi trường bởi các nguồn ô nhiễm như khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn… phát sinh từ quá trình vận hành. Các tác động tiêu cực có thể có của Công ty đối với môi trường đã được nhận diện và đánh giá một cách cơ bản. Phạm vi và mức độ của các tác động không lớn, chủ yếu mang tính cục bộ và hoàn toàn có thể kiểm soát được bằng các biện pháp quản lý và kỹ thuật như đã trình bày trong báo cáo.

Vì vậy, ngay từ khi thành lập và bắt tay vào thực hiện Dự án chủ đầu tư sẽ áp dụng các biện pháp để hạn chế ô nhiễm ngay tại nguồn phát sinh ô nhiễm trong dây chuyền sản xuất. Đồng thời thực hiện các biện pháp an toàn lao động cho người công nhân trực tiếp sản xuất, các biện pháp phòng chống cháy nổ,…

2. KIẾN NGHỊ

Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

3. CAM KẾT

Việc triển khai đầu tư Dự án "Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (Nâng công suất hệ thống xử lý nước thải)" của Công ty sẽ góp phần phát triển ngành công nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương, tạo công ăn việc làm cho người lao động, phù hợp chủ trương khuyến khích phát triển kinh tế của tỉnh.

Về phía Chủ đầu tư, Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành cam kết về độ chính xác, trung thực, cập nhật của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và sẽ áp dụng các biện pháp xử lý ô nhiễm và phòng chống sự cố môi trường như đã nêu trong báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường để có thể hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường.

Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ngay tại nguồn các

tác động xấu trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị cho hệ thống XLNT như đã nêu trong báo cáo này, cụ thể như sau:

❖ **Đối với môi trường không khí**

Giảm thiểu bụi trong quá trình lắp đặt và khí thải từ các phương tiện giao thông, phương tiện cơ giới.

❖ **Đối với nước thải**

Bố trí các nhà vệ sinh đảm bảo phục vụ cho nhu cầu vệ sinh của công nhân không gây ô nhiễm môi trường.

❖ **Đối với chất thải rắn**

Chủ dự án cam kết thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đúng quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ngay tại nguồn các tác động xấu trong giai đoạn hoạt động như đã nêu trong báo cáo này, cụ thể như sau:

❖ **Đối với môi trường không khí**

Quản lý các nguồn phát sinh ô nhiễm không khí để giảm thiểu ô nhiễm không khí ngay tại nguồn.

Dự án sẽ xây dựng điểm qua trắc nguồn khí thải thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

❖ **Đối với nước thải**

Hệ thống thoát nước mưa và thu gom nước thải sẽ được tách riêng biệt.

Nước mưa chảy tràn sẽ được tách rác và thoát vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

Hệ thống thu gom nước thải sẽ thu gom nước thải từ khu văn phòng, của các doanh nghiệp thành viên về hệ thống xử lý nước thải của KCN để xứ lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 40:2025/BTNMT, loại A trước khi thải ra môi trường.

Công ty cam kết tuyệt đối không để nước thải hòa lẫn vào nước mưa thoát ra môi trường bên ngoài. Nếu nước thải của Công ty hòa lẫn vào nước mưa và thoát ra môi trường bên ngoài thì Công ty sẽ chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả và đền bù thiệt hại cho các bên liên quan.

❖ **Đối với chất thải rắn**

Chủ dự án cam kết thu gom và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công

nghiệp thông thường và chất thải nguy hại đúng quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

❖ **Phòng chống sự cố môi trường**

Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng chống sự cố hóa chất, hỏa hoạn, sự cố chập điện, vệ sinh, an toàn lao động, an toàn thực phẩm và các biện pháp phòng chống sự cố ô nhiễm.

❖ **Chương trình quan trắc môi trường**

Lập hồ sơ giám sát môi trường như trình bày ở chương 5 và tổ chức giám sát chất lượng môi trường khu vực sản xuất cũng như các nguồn thải của dự án và có những biện pháp kịp thời đối với các kết quả giám sát.

Thực hiện việc quan trắc giám sát chất lượng môi trường và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 01 lần/năm, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi.

❖ **Quản lý môi trường**

Chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình thiết kế, thi công và vận hành các hệ thống khống chế ô nhiễm môi trường nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường khi xảy ra.

Đảm bảo hoàn thành các công trình xử lý ô nhiễm đã đề xuất trước khi dự án đi vào hoạt động chính thức và đảm bảo vận hành thường xuyên, có hiệu quả các công trình xử lý chất thải đã lắp đặt.

Cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định tại

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nghiệm của chủ đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án được tiến hành trên cơ sở các tài liệu, dữ liệu tham khảo sau:

- Niên giám thống kê tỉnh Bình Phước, năm 2024. Chi Cục Thống Kê Bình Dương;
- World Health Organization (WHO). Environmental Technology Series. Assessment of sources of air, water, and land pollution. A Guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating environmental control strategies - Part I and II. 1993;
- PTS Lê Trình, 2008. Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường nước;
- Trần Ngọc Chấn - Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải - Nxb KHKT, 2001;
- Nguyễn Văn Phước- Kỹ thuật xử lý chất thải công nghiệp;
- Bản vẽ sơ đồ mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.
- Bản vẽ kỹ thuật công nghệ sản xuất do chủ đầu tư lập;
- PGS. TS Hoàng Nhuệ - Giáo trình xử lý nước thải.

PHỤ LỤC

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3800236105

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 12 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 20, ngày 05 tháng 01 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHON THANH INDUSTRIAL PARK COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH KCN CHƠN THÀNH

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0918 45 45 16* Số Fax:

Thư điện tử: *kcnchonthanh@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 128.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HARMONY	Việt Nam	Số 27, Đường H2, Dự án DFG Giai Đoạn 1, Khu 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	62.720.000.000	49,000	3702647844	

2	CÔNG TY TNHH R&J INVESTMENT HOLDINGS	Việt Nam	Số 33, Đường H2, Dự án DFG Giai Đoạn 1, Khu 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	33.280.000.000	26,000	3703001316	
3	HỒ MINH SANG	Việt Nam	Tổ 1, Khu phố 4, Phường Bến Cát, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	32.000.000.000	25,000	074085007958	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: QUANG THỤC YẾN Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *26/09/1982* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *074182001537*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Số 18, khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Quốc Thịnh

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37 /GPMT-SNNMT	*Bình Phước, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước sau khi hợp nhất Sở Nông nghiệp và PTNT và Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực môi trường đối với các Cơ sở đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Cơ sở Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành 1, diện tích 124,48 ha tại phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phướcdo Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm công văn số 166/GPMT-KCNCT ngày 16/6/2025 và 0624/GPMT-KCNCT ngày 24/6/2025;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường và Đa dạng sinh học tại Tờ trình số 507/TTr-BVMT&ĐDSH ngày 25/6/2025 và Chánh văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Cấp phép cho Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành (sau đây gọi là Chủ Cơ sở), địa chỉ văn phòng: số 18, Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở "Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha" tại phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở đầu tư:

1.1. Tên Cơ sở đầu tư: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành I.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3800236105, đăng ký lần đầu ngày 10/12/2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 16/04/2025.

1.4. Mã số thuế: 3800236105.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

Tên ngành	Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5
CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO	C				
Giết mổ gia súc, gia cầm		10	101	1010	10101
Chế biến và bảo quản thịt		10	101	1010	10102
Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt		10	101	1010	10109
Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản		10	102	1020	
Sản xuất nước ép từ rau quả		10	103	1030	10301
Chế biến và bảo quản rau quả khác		10	103	1030	10309
Sản xuất dầu, mỡ động vật		10	104	1040	10401
Sản xuất dầu, bơ thực vật		10	104	1040	10402
Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa		10	105	1050	10500
Xay xát		10	106	1061	10611

Sản xuất đường		10	107	1072	10720
Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo		10	107	1073	10730
Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự		10	107	1074	10740
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt		10	107	1075	10751
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản		10	107	1075	10752
Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác		10	107	1075	10759
Sản xuất chè		10	107	1076	10760
Sản xuất cà phê		10	107	1077	10770
Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu		10	107	1079	10790
Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản		10	108	1080	10800
Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh		11	110	1101	11010
Sản xuất rượu vang		11	110	1102	11020
Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia		11	110	1103	11030
Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai		11	110	1104	11041
Sản xuất đồ uống không cồn		11	110	1104	11042
Sản xuất sợi		13	131	1311	13110
Sản xuất vải dệt thoi		13	131	1312	13120
Hoàn thiện sản phẩm dệt		13	131	1313	13130
Sản xuất vải dệt kim, vải dan móc và vải không dệt khác		13	139	1391	13910
Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)		13	139	1392	13920
Sản xuất thảm, chăn, đệm		13	139	1393	13930
Sản xuất các loại dây bện và lưới		13	139	1394	13940
Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu		13	139	1399	13990
May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)		14	141	1410	14100
Sản xuất sản phẩm từ da lông thú		14	142	1420	14200
Sản xuất trang phục dệt kim, dan móc		14	143	1430	14300

Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm		15	151	1512	15120
Sản xuất giầy, dép		15	152	1520	15200
Cưa, xẻ và bào gỗ		16	161	1610	16101
Bảo quản gỗ		16	161	1610	16102
Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác		16	162	1621	16210
Sản xuất đồ gỗ xây dựng		16	162	1622	16220
Sản xuất bao bì bằng gỗ		16	162	1623	16230
Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ		16	162	1629	16291
Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện		16	162	1629	16292
Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa		17	170	1702	17021
Sản xuất giấy nhăn và bìa nhăn		17	170	1702	17022
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu		17	170	1709	17090
In ấn		18	181	1811	18110
Dịch vụ liên quan đến in		18	181	1812	18120
Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ		20	201	2012	20120
Sản xuất plastic nguyên sinh		20	201	2013	20131
Sản xuất mỹ phẩm		20	202	2023	20231
Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh		20	202	2023	20232
Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu		20	202	2029	20290
Sản xuất thuốc các loại		21	210	2100	21001
Sản xuất hoá dược và dược liệu		21	210	2100	21002
Sản xuất bao bì từ plastic		22	222	2220	22201
Sản xuất sản phẩm khác từ plastic		22	222	2220	22209
Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng		23	231	2310	23101
Sản xuất thủy tinh rỗng và sản phẩm từ thủy tinh rỗng		23	231	2310	23102
Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh		23	231	2310	23103
Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ		23	231	2310	23109

thủy tinh					
Sản xuất sản phẩm chịu lửa		23	239	2391	23910
Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác		23	239	2393	23930
Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao		23	239	2395	23950
Sản xuất sắt, thép, gang		24	241	2410	24100
Sản xuất các cấu kiện kim loại		25	251	2511	25110
Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại		25	251	2512	25120
Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)		25	251	2513	25130
Rèn, dập, ép và cán kim loại;		25	259	2591	25910
Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại		25	259	2592	25920
Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng		25	259	2593	25930
Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn		25	259	2599	25991
Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu		25	259	2599	25999
Sản xuất linh kiện điện tử		26	261	2610	26100
Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính		26	262	2620	26200
Sản xuất thiết bị truyền thông		26	263	2630	26300
Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng		26	264	2640	26400
Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển		26	265	2651	26510
Sản xuất đồng hồ		26	265	2652	26520
Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp		26	266	2660	26600
Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học		26	267	2670	26700
Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học		26	268	2680	26800
Sản xuất mô tơ, máy phát		27	271	2710	27101
Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện		27	271	2710	27102
Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học		27	273	2731	27310

Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác		27	273	2732	27320
Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại		27	273	2733	27330
Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng		27	274	2740	27400
Sản xuất đồ điện dân dụng		27	275	2750	27500
Sản xuất thiết bị điện khác		27	279	2790	27900
Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)		28	281	2811	28110
Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu		28	281	2812	28120
Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác		28	281	2813	28130
Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động		28	281	2814	28140
Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung		28	281	2815	28150
Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp		28	281	2816	28160
Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)		28	281	2817	28170
Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén		28	281	2818	28180
Sản xuất máy thông dụng khác		28	281	2819	28190
Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp		28	282	2821	28210
Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại		28	282	2822	28220
Sản xuất máy luyện kim		28	282	2823	28230
Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng		28	282	2824	28240
Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (Cơ sở đầu tư nhà máy chế biến sữa)		28	282	2825	28250
Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da		28	282	2826	28260
Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng		28	282	2829	28291
Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu		28	282	2829	28299
Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác		29	291	2910	29100
Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc		29	292	2920	29200

Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác		29	293	2930	29300
Sản xuất mô tô, xe máy (Sản xuất bộ phận và phụ tùng của xe mô tô)		30	309	3091	30910
Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật (Sản xuất các bộ phận và phụ tùng xe đạp, xe khuyết tật)		30	309	3092	30920
Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu		30	309	3099	30990
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ		31	310	3100	31001
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại		31	310	3100	31002
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác		31	310	3100	31009
Sản xuất nhạc cụ		32	322	3220	32200
Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao		32	323	3230	32300
Sản xuất đồ chơi, trò chơi		32	324	3240	32400
Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa		32	325	3250	32501
Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng		32	325	3250	32502
Sản xuất khác chưa được phân vào đâu		32	329	3290	32900
SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI ĐIỆN, KHÍ ĐỐT, NƯỚC NÓNG, HƠI NƯỚC VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ	**D**				
Điện mặt trời		35	351	3511	35116
Điện khác		35	351	3511	35119
BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ; SỬA CHỮA Ô TÔ, MÔ TÔ, XE MÁY VÀ XE CÓ ĐỘNG CƠ KHÁC	G				
Bán buôn tổng hợp		46	469	4690	46900
Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp		47	471	4711	
Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp		47	471	4719	
VẬN TẢI KHO BÃI	**H**				
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan		52	521	5210	52101

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)		52	521	5210	52102
Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác		52	521	5210	52109
Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển		52	522	5229	52291
Logistics		52	522	5229	52292
Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu		52	522	5229	52299
Bưu chính		53	631	5310	53100
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	**L**				
Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở		68	681	6810	68101
Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở		68	681	6810	68102
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở		68	681	6810	68103
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở		68	681	6810	68104
Kinh doanh bất động sản khác		68	681	6810	68109
HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**M**				
Hoạt động đại diện, tư vấn pháp luật		69	691	6910	69101
Hướng dẫn chung và tư vấn, chuẩn bị các tài liệu pháp lý		69	691	6910	69102
Hoạt động pháp luật khác		69	691	6910	69109
Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế		69	692	6920	69200
HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ	**N**				
Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm		78	781	7810	78100
Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp		82	821	8211	82110

*** Ghi chú**:

- Đối với nhóm dự án dệt may: không nhuộm.

- Đối với nhóm sản xuất giấy và văn phòng phẩm: không sản xuất giấy từ phế liệu giấy.

- Đối với ngành nghề gia công đế giày, nguyên vật liệu đế giày: Không có công đoạn thuộc da, chế biến mủ cao su.

- Đối với công nghiệp luyện cán thép: KCN chỉ tiếp nhận 02 dự án đang hoạt động và không tiếp nhận thêm dự án luyện cán thép mới.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở đầu tư:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như Cơ sở đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022/NĐ-CP của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Phạm vi: phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Tổng diện tích: 124,48 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạnđối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3.Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thànhcó trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 27 tháng 6 năm 2032).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường và Đa dạng sinh học, Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã Chơn Thành và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Như điều 4;
- Cổng Thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Ban quản lý Khu kinh tế;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Công ty TNHH KCN Chơn Thành;
- Lưu: VT, CCBVMT&ĐDSH.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Võ Văn Dinh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 37 /GPMT-SNNMTngày 27/ 6 /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải.

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong khu công nghiệp (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Doanh nghiệp thứ cấp).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vệ sinh của nhà điều hành KCN Chơn Thành 1.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Hồ Đá tại Khu phố 2, Phường Thành Tâm, Thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Cống thoát nước D1.000mm tại Khu phố 2, Phường Thành Tâm, Thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 537.401, Y = 1259.413*(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 106°15', múi chiếu 3°).*

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 600 m^3/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Tự chảy. Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải được dẫn tới bể quan trắc tự động, từ đó chảy vào cống thoát nước thải có đường kính D1.000mm có chiều dài 1,5km ra suối Hồ Đá.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	Được miễn thực hiện quan trắc định kỳ	Đã lắp đặt
2	pH	-	6-9		
3	COD	mg/l	67,5		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
6	Màu	Pt/Co	50	03 tháng/lần	Không yêu cầu
7	BOD_5 (20°C)	mg/l	27		
8	Asen	mg/l	0,045		
9	Thuỷ ngân	mg/l	0,0045		
10	Chì	mg/l	0,09		
11	Cadimi	mg/l	0,045		
12	Crom (VI)	mg/l	0,045		
13	Crom (III)	mg/l	0,18		
14	Đồng	mg/l	1,8		
15	Kẽm	mg/l	2,7		
16	Niken	mg/l	0,18		
17	Mangan	mg/l	0,45		
18	Sắt	mg/l	0,9		
19	Tổng xianua	mg/l	0,063		
20	Tổng phenol	mg/l	0,09		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
22	Sunfua	mg/l	0,18		
23	Florua	mg/l	4,5		
24	Tổng nitơ	mg/l	18		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6		
26	Clorua	mg/l	450		

27	Clo dư	mg/l	0,9		
28	Coliform	vi khuẩn/100 ml	3000		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	01 năm/lần	
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27		
33	Tổng PCB	mg/l	0,003		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp – Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp (nguồn số 01) được xử lý sơ bộ để đạt tiêu chuẩn đấu nối nước thải của KCN Chơn Thành I tại các hố ga thu nước thải bố trí dọc hai bên đường nội bộ, dẫn bằng cống bê tông ly tâm (kích thước Φ400, 500, 600) về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m^3/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 02) bao gồm nước xám - nước từ bồn sửa, vệ sinh sàn; nước đen - nước từ bồn cầu, bồn tiểu sau bể tự hoại có thể tích 3m^3 theo ống PVC đường kính DI 14mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại của nhà điều hành Khu công nghiệp Chơn Thành I:

- Vị trí, thể tích các bể tự hoại:

+ 01 bể tự hoại tại khu vệ sinh của nhà điều hành KCN Chơn Thành I, có thể tích $3m^3$, kích thước: D × L × H = 1m × 1,5m × 2m = $3m^3$.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tómtắtquytrìnhcôngnghệ:Nướcthải→Lược rác thô →Bểgom→Lượcráctinh →Bể điều hòa →Cụm bể heo tụ, tạo bông →Bể lắng 1→ BểAerotank→Bể lắng2 →Bểtrung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng →Đồng hồ đo lưu lượng → Trạm quan trắc nước thải tự động → Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Kq = 0,9, Kf = 1,0) → Thải vào suối Hồ Đá.

- Công suất thiết kế: 600 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng của hệ thống xử lý nước thải: PAC, Javel (hoặc các hóa chất khác tươngdương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định).

1.2.3. Nước thải sản xuất tại các đơn vị thứ cấp:

Nước thải sản xuất từ các nhà máy sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí: Tại trạm quan trắc nước thải tự động.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt 01 bộ camera giám sát tại mương quan trắc.

- Kết nối, truyền số liệu: Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kết nối và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố tổng dung tích thiết kế 1.490m^3, đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải ô nhiễm gặp sự cố.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tăng cường giám sát quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các hạng mục công trình, thiết bị hoạt động liên tục, ổn định và hiệu quả.

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào, thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; Lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

- Kiểm tra vi sinh vật (màu, mùi, các hiện tượng bất thường của bùn) để kịp thời bổ sung các chất dinh dưỡng và điều chỉnh các thông số của hệ thống xử lý nước thải khi cần thiết, giúp cho hệ vi sinh luôn hoạt động ổn định. Đồng thời, luôn duy trì lượng bùn vi sinh tối ưu để đảm bảo hiệu quả xử lý tốt nhất của hệ thống

- Bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị định kỳ.

- Kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý, nếu đạt quy chuẩn hiện hành thì mới tiến hành cho xả nước thải ra nguồn tiếp nhận.

- Kiểm tra, bảo đảm các trang thiết bị ứng phó sự cố sẵn sàng sử dụng.

- Lập kế hoạch đào tạo cho nhân viên vận hành để ứng phó với các sự cố xảy ra trong thực tiễn. Tập huấn ứng phó sự cố môi trường theo các kịch bản

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT hoặc QCVN tương đương khi QCVN 40:2011/BTNMT hết hiệu lực):

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải vào hệ thống xử lý nước thải (cột B, QCVN40:2011/BTNMT)
1	Nhiệt độ	^{o}C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5.5 đến 9
4	BOD5 (20^{o}C)	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100

7	Asen	mg/l	0,1
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,01
9	Chì	mg/l	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
24	Tổng nitơ	mg/l	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ được chỉnh sửa bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải được thu gom, thoát nước riêng biệt; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của khu công nghiệp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hoá chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu trong 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của cơ sở gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 87../GPMT-SNNMT ngày 27/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng, công suất 200 KVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiếu 3°	
		X(m)	Y(m)
1	Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung	537.808	1.259.245
2	Khu vực máy phát điện dự phòng, công suất 200 KVA	537.807	1.259.255

3. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

-Sử dụng đệm cao su chống ồn được lắp tại chân của máy móc thiết bị;

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ;

- Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lụcnày.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 37./GPMT-SNNMT ngày 21/6/2023 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Chất ô nhiễm	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	Rắn	NH	160106	5
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Rắn	NH	17 02 04	4
3	Pin,ắcquythải	Rắn	NH	160112	3
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	KS	080204	3
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	KS	120605	3.500
6	Bao bì nhựa cứng (dã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	KS	180103	10
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	KS	180201	12
Tổng cộng					**3.537**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loạichất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	TT-R	50
2	Rác thải đường phố, cây xanh	TT-R	10.000
3	Bùn thải từ nạo vét định kỳ các hố ga thoát nước mưa	TT-R	2.500

4	Rác tại hố thu gom: gồm bịch nilong, hộp xốp, dây nhợ, hạt nhựa.....	TT-R	104
	Tổng cộng		**12.654**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với tổng khối lượng 8 kg/ngày, tương đương 2,5 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguyhại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 15,2 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường gạch, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 15.2 m^2.

-Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, tường xây gạch, mái lợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1.Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Chất thải sinh hoạt được thu gom và lưu chứa trong các thùng chứa, bao bì, sau đó tập kết tại khu vực lưu chứa để thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày. Diện tích khu vực lưu chứa khoảng 6m^2.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình, lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công

nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường..

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 37../GPMT-SNNMT ngày 27/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước)

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tàinguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các cơ sở đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6. Bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc đã thống nhất, thỏa thuận về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải với các doanh nghiệp thứ cấp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thủ tục đầu tư và môi trường theo quy định của pháp luật (quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấyphép môi trường, đăng ký môi trường). Đối với các dự án đang thực hiện thủ tục môi trường, các dự án trong quá trình thu hút đầu tư vào khu công nghiệp có thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải thì Công ty TNHH Khu công nghiệp Chơn Thành phải đảm bảo có hợp đồng thỏa thuận đấu nối, tiếp nhận nước thải theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đã được phê duyệt tại Giấy phép môi trường này.

7. Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp thứ cấp kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Cơ sở theo quy định của pháp luật.

11. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

12. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Chơn Thành I theo quy định của pháp luật.

13. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

14. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 200 kVA/máy; nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

15. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch có liên quan và các quy định khác của chính quyền địa phương.

16. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạmpháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....	.....cv03
Số 24 /UB-KKT	*Bình Phước, ngày 07 tháng 01 năm 2004*

V/v "Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng- Kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành thuê đất "

Kính gửi : - Sở Tài nguyên và Môi trường .
- Cục thuế Nhà nước.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Sở Công nghiệp.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng- Kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành.

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng- Kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành tại Công văn số 09/CV- 2003 ngày 27/12/2003 về việc cam kết nộp tiền thuê đất Khu công nghiệp Chơn Thành và cam kết chưa sử dụng phần đất chưa hoàn tất việc di dời, giải tỏa các hộ dân.

UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1/ Chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng- Kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành thuê toàn bộ diện tích đất đã qui hoạch giai đoạn đầu thuộc Khu công nghiệp Chơn Thành là 115 ha, với các điều kiện sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng- Kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành phải nộp ngay 50% tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Chơn Thành vào ngân sách Nhà nước, 50% tiền thuê đất còn lại, Công ty phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong tháng 12/2004.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng- Kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành chỉ được sử dụng hết diện tích đất qui hoạch giai đoạn đầu Khu công nghiệp Chơn Thành khi việc giải tỏa, di dời của các hộ dân trong Khu qui hoạch đã hoàn tất.

2/ Giao Sở Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng- Kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn thành thuê đất theo đúng qui định của Luật đất đai hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Hùng

Nơi nhận:
- *CT, PCT*
- *Như trên.*
- *LĐVP , CV: Thành*
- *Lưu VT*

BỘ XÂY DỰNG
Số 283 /QĐ-BXD
*****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I, tỉnh Bình Phước

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ và Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP ngày 04/04/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 36/CP ngày 24/04/1997 của Chính phủ về Quy chế Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao;

- Căn cứ Công văn số 205/CP-CN ngày 25 tháng 2 năm 2003 của Chính phủ về Dự án khu công nghiệp Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UB ngày 17 tháng 03 năm 2003 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Chơn Thành;

- Căn cứ Quyết định số 703/UB-KSX ngày 15/05/2002 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thuê đất xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành;

- Căn cứ các Công văn của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước: số 1426/UB-KKT ngày 05/09/2002 về việc đề nghị phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước và số 2051/UB-KSX ngày 9/12/2002 về việc thoả thuận quy hoạch chi tiết 115 ha giai đoạn I khu công nghiệp Chơn Thành.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I, tỉnh Bình Phước do Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp - Bộ Xây dựng lập với những nội dung chủ yếu sau:

1/ Phạm vi, ranh giới lập Quy hoạch chi tiết:

a/ Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I nằm trên khu đất thuộc địa bàn thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước có diện tích 115 ha (1.150.000 m2) do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành thuê để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

b/ Ranh giới khu vực lập Quy hoạch chi tiết:

- Phía Bắc giáp đường quy hoạch số 6 là trục chính khu công nghiệp đi ra Quốc lộ 13 và giáp khu đất quy hoạch phát triển khu công nghiệp các giai đoạn tiếp theo;

- Phía Nam giáp trục tỉnh lộ chạy dọc ranh giới giữa hai tỉnh Bình Phước và tỉnh Bình Dương;

- Phía Đông giáp Quốc lộ 13;

- Phía Tây giáp ranh giới khu đất công nghiệp.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định chính xác trên bản đồ cho thuê đất.

2. Tính chất khu công nghiệp:

Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I là khu công nghiệp tập trung đa ngành, trong đó ưu tiên bố trí các xí nghiệp công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường: công nghiệp chế biến nông, lâm sản; công nghiệp vật liệu xây dựng cao cấp; công nghiệp dệt, may mặc, giầy da; điện tử, gia công cơ khí, chế biến hàng tiêu dùng...

3. Quí hoạch sử dụng đất đai:

a/ Cơ cấu sử dụng đất đai:

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng xí nghiệp công nghiệp	73,47	63,89
2	Đất xây dựng kho tàng	3,00	2,61
3	Đất xây dựng công trình điều hành và dịch vụ	6,00	5,22
4	Đất cây xanh	11,73	10,20
5	Đất đường giao thông và bãi đỗ xe	17,80	15,48
6	Đất các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	3,00	2,60
7	**Tổng cộng**	**115,00**	**100,00**

b/ Về phân khu chức năng:

- Đất xây dựng các xí nghiệp công nghiệp, kho tàng có diện tích 76.47 ha, được chia gồm 12 cụm với quy mô các lô trong cụm công nghiệp khoảng từ 0,5 - 5,0 ha; mật độ xây dựng từ 50 - 60%, tầng cao trung bình 1 - 2 tầng và hệ số sử dụng đất 0,75 - 0,9 lần;

- Khu vực dành để xây dựng các công trình điều hành và dịch vụ công cộng có diện tích 6,0 ha được bố trí tại khu đất giữa trục đường số 6 giáp quốc lộ 13 và tuyến đường sắt Xuyên Á gồm: khối quản lý và giao dịch (nhà làm việc, hải quan, ngân hàng, bưu điện, thuế, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, tiếp thị...), khối hoạt động dịch vụ thương mại, ăn uống, thể thao và giải trí..., với mật độ xây dựng từ 30 - 40 %, tầng cao trung bình 3 tầng và hệ số sử dụng đất 0,9 - 1,2 lần;

- Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có diện tích 3,0 ha, gồm trạm biến thế điện 110/22 KV và trạm xử lý nước thải bố trí góc Tây Nam của khu công nghiệp ngoài ra sử dụng trạm cấp nước ngầm phục vụ chung cho khu công nghiệp; rác thải được thu gom trực tiếp tại từng nhà máy.

- Đất xây dựng đường giao thông và bãi đỗ xe có diện tích là 17,80 ha gồm bãi đỗ xe, dịch vụ sửa chữa và trạm xăng là 1,3 ha, tuyến đường chính có lộ giới 37 m; các tuyến còn lại có lộ giới từ 19 - 24 m;

- Đất cây xanh có diện tích 11,73 ha tập trung chủ yếu bố trí tại khu đất cạnh tỉnh lộ phía nam, khoảng cách ly với đường sắt Xuyên Á; cây xanh phân tán bố trí dọc các tuyến đường chính có bề rộng 10 m; ngoài ra, tại khu đất xây dựng xí nghiệp và trung tâm điều hành dịch vụ dành 15 - 20% quỹ đất trồng cây xanh và cây xanh chuyên dùng trên các tuyến đường trong khu công nghiệp.

4/ Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

Thống nhất với các chỉ tiêu, giải pháp quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật nêu trong đồ án Quy hoạch chi tiết như: giao thông, san nền, cấp nước, cấp điện, thoát nước mưa, thoát nước bẩn, thông tin liên lạc v.v...

5/ Khi tổ chức thực hiện cần lưu ý các điểm sau đây:

a/ Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I có quy mô 115 ha nằm trong khu công nghiệp Chơn Thành 500 ha, nên việc xây dựng mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp phải đảm bảo tính thống nhất với giải pháp mặt bằng quy hoạch chung toàn khu vực.

b/ Bổ sung giấy phép khai thác nước ngầm phục vụ khu công nghiệp trong giai đoạn đầu khi chưa có nguồn nước mặt lấy từ hồ Phước Hoà.

c/ Mọi việc điều chỉnh quy hoạch sau khi được duyệt phải thực hiện theo Thông tư 04/BXD-KTQH ngày 30/7/1997 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định 36/CP ngày 24/4/1997 của Chính phủ đối với việc lập, xét duyệt quy hoạch chi tiết, quản lý xây dựng theo quy hoạch và thẩm định

thiết kế kỹ thuật công trình thuộc các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

ĐIỀU 2 : Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước và Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Bình Phước:

1/ Chỉ đạo hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I để các đơn vị, nhân dân biết và thực hiện;

2/ Chỉ đạo việc thực hiện đồ án Quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I và dự án đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật gắn với việc xây dựng các công trình sản xuất và dịch vụ;

3/ Chỉ đạo lập quy hoạch chung đô thị mới Chơn Thành gắn khu công nghiệp vào cơ cấu quy hoạch chung thị trấn Chơn thành, đảm bảo sự phát triển bền vững, hài hoà giữa phát triển công nghiệp với dân cư và dịch vụ;

4/ Có cơ chế tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung cho toàn khu công nghiệp Chơn Thành đảm bảo kết nối đồng bộ của từng giai đoạn thực hiện khu công nghiệp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung;

5/ Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan để phát triển Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I theo đúng quy hoạch được duyệt;

6/ Ban hành Điều lệ quản lý xây dựng tại Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I.

ĐIỀU 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Bình Phước, Thủ trưởng các Bộ, ngành có liên quan, Giám đốc các Sở, Ban ngành của tỉnh Bình Phước và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG
THỨ TRƯỞNG

NGUYỄN TẤN VĂN

Nơi nhận:
- *Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo)*
- *Văn phòng Chính phủ*
- *Các Bộ KH&ĐT, TC, CN, GTVT*
- *Bộ Tài nguyên và Môi trường*
- *UBND tỉnh Bình Phước*
- *UBND huyện Chơn Thành*
- *Ban Quản lý KCN tỉnh Bình Phước*
- *Các Sở KH&ĐT, XD, BC tỉnh Bình Phước*
- *Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh CSHT KCN Chơn Thành*
- *Công ty Tư vấn Xây dựng Công hợp*
- *Lưu VP, Vụ KTQH*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2493/QĐ-UBND	*Đồng Xoài, ngày 27 tháng 10 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1, xã Thành Tâm huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 21/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/ND-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Xét hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn I do Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định Xây dựng lập;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 669/TTr-SXD ngày 29/9/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/2000 khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung sau:

1. Ranh giới, quy mô diện tích:

Điều chỉnh quy mô diện tích quy hoạch Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1 từ 115 ha lên 124,48 ha.

Phạm vi khu đất có vị trí tứ cận:

- Phía Đông giáp QL13;
- Phía Tây giáp đất công nghiệp;
- Phía Nam giáp trục tỉnh lộ chạy dọc ranh giới giữa hai tỉnh Bình Phước và Bình Dương;
- Phía Bắc giáp đường quy hoạch số 6.

2. Tính chất khu công nghiệp:

Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1 là khu công nghiệp tập trung đa ngành, trong đó ưu tiên bố trí các xí nghiệp công nghiệp ít gây ô nhiễm môi trường.

a) Theo Quyết định số 283/QĐ-BXD ngày 24/02/2004 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1, tỉnh Bình Phước gồm:

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản;
- Công nghiệp vật liệu xây dựng cao cấp;
- Công nghiệp dệt, may mặc, giày da;
- Gia công cơ khí;
- Chế biến hàng tiêu dùng...

b) Bổ sung ngành nghề:

Bổ sung vào khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1 hai ngành nghề là luyện kim và sản xuất phân bón, với các điều kiện:

- Ngành luyện kim: chỉ được đầu tư 02 dự án đã được UBND tỉnh thuận chủ trương tại Công văn số 4226/UBND-KT ngày 14/12/2009, không mở rộng thêm ngành nghề này;

- Ngành phân bón: cho phép thu hút đầu tư nhưng với điều kiện các dự án đầu tư phải đảm bảo có công nghệ sạch, tiên tiến, dây chuyền khép kín, thải ra ít chất thải và không gây ô nhiễm môi trường.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

a) Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy	730.568	58,69
2	Đất cây xanh	161.504	12,97
3	Đất giao thông	189.223	15,20
4	Đất điều hành, dịch vụ	131.002	10,52
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	32.541	2,61
	Tổng số	**1.244.838**	**100%**

b) Phân khu chức năng:

- Đất xây dựng các xí nghiệp công nghiệp, kho tàng có diện tích 73,06 ha, được chia thành 10 cum; mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao tối đa 03 tầng;

- Khu vực dành để xây dựng các công trình điều hành và dịch vụ công cộng có diện tích 13,1 ha bố trí ở phía Đông khu công nghiệp, tiếp giáp QL13; mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao tối đa 07 tầng;

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật có diện tích 3,25 ha gồm trạm điện 110/22KV và trạm xử lý nước thải bố trí góc Tây Nam của khu công nghiệp; rác thải được thu gom trực tiếp tại từng nhà máy;

- Đất cây xanh có diện tích 16,15 ha bố trí ở khu điều hành và khu vực cách ly cho cụm công trình hạ tầng kỹ thuật, ngoài ra còn có các dãy cây xanh dọc hai bên các tuyến đường.

4. Quy hoạch giao thông:

- Đường trục chính số 6 lộ giới 52m (mặt đường mỗi bên rộng 15m, vỉa hè 8mx2, giải phân cách rộng 6m), dãy cây xanh cách ly mỗi bên rộng 12,25m;

- Đường nội bộ khu công nghiệp lộ giới 24m (mặt đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 8m);

- Đường tỉnh lộ phía Nam lộ giới 32m (mặt đường rộng 12m, vỉa hè mỗi bên rộng 10m).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Ban quản lý Khu kinh tế chủ trì phối hợp với Chủ đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành, UBND huyện Chơn Thành và UBND xã Thành Tâm tổ chức công bố đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1 để các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan được biết, thực hiện.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 283/QĐ-BXD ngày 24/02/2004 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1, tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, PCT;
- Như điều 4;
- LĐVP, CV: P. SX (T280);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trương Tấn Thiệu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2244/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 28 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2322/TTr-SXD ngày 24/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Chơn Thành I, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh tên gọi Khu công nghiệp: Điều chỉnh tên gọi "Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành giai đoạn 1" thành "Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Chơn Thành I" cho đúng tên gọi Khu công nghiệp theo Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 3769/UBND-KTN ngày 6/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Scanned by CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 705 /QĐ-UBND	*Đồng Xoài, ngày 17 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất) tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất) tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành làm chủ đầu đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 270320/CV ngày 27/3/2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 166/TTr-STNMT ngày 01/4/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất) (sau đây gọi là Dự án) của

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, xác nhận các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này thay thế Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành – giai đoạn I, diện tích 124,48 ha (bổ sung các ngành nghề thu hút đầu tư) tại ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành làm chủ đầu tư.

Điều 6. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND xã Thành Tâm, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT(BI-14-QDPD-TNMT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất) tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành làm chủ đầu tư

(Kèm theo Quyết định số ..705...../QĐ-UBND ngày .0E../4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất).

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3800236105 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 10/12/2001, thay đổi lần thứ 13 ngày 02/10/2019.

Trụ sở chính: Ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Minh Sang, chức vụ: Tổng Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 124,48 ha.

1.5. Công nghệ của Dự án: Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Đất xây dựng nhà máy; đất cây xanh; đất giao thông và đường sắt Xuyên Á; đất điều hành, dịch vụ; đất công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng*: Gồm bụi từ quá trình đào hố móng và san nền cục bộ; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất của các dự án thứ cấp hiện hữu trong KCN; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn vận hành*: Gồm khí thải phát ra từ các phương tiện vận chuyển ra vào các nhà máy; bụi và khí thải máy phát điện dự phòng; bụi và khí thải từ quá trình sản xuất của các dự án thứ cấp trong KCN; bụi và khí thải từ đốt nhiên liệu (lò hơi, lò nhiệt, lò sấy); mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng các dự án thứ cấp trong KCN; tác động qua lại giữa các nhà máy; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất từ

các dự án thứ cấp trong KCN; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Lưu lượng phát sinh khoảng 0,45 m^3/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm BOD_5, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliforms.

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên nhà điều hành (bao gồm cả nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung): Lưu lượng phát sinh khoảng 0,45 m^3/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm BOD_5, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliforms.

- Nước thải sản xuất từ các dự án thứ cấp hiện hữu trong KCN: Lưu lượng phát sinh khoảng 230 m^3/ngày.đêm (riêng nước thải phát sinh từ Dự án của Công ty TNHH MTV Silver Coast được miễn trừ đấu nối, đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường), chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm độ màu, BOD_5, COD, TSS, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ khoáng, chì, crom, mangan, niken, thủy ngân, đồng, asen, kẽm, sắt, tổng coliforms…

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt của nhân viên nhà điều hành (bao gồm cả nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung): Lưu lượng phát sinh khoảng 0,45 m^3/ngày, chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm BOD_5, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliforms.

- Nước thải sản xuất từ các dự án thứ cấp trong KCN: Tổng lưu lượng khoảng 469 m^3/ngày.đêm (riêng nước thải phát sinh từ Dự án của Công ty TNHH MTV Silver Coast được miễn trừ đấu nối, đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường), chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm độ màu, BOD_5, COD, TSS, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ khoáng, chì, crom, mangan, niken, thủy ngân, đồng, asen, kẽm, sắt, tổng coliforms…

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Bụi từ quá trình đào hố móng và san nền cục bộ: Bụi phát sinh khoảng 0,29 kg/ngày.

*- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu:*Thường chứa các thành phần ô nhiễm gồm bụi, SO_2, NO_x, CO, HC.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào các dự án thứ cấp trong KCN: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như NO_x, CO, SO_2, VOC.

- *Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, SO_2, CO, VOC.

- *Bụi, khí thải từ đốt nhiên liệu (lò hơi, lò nhiệt, lò sấy):* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_2, SO_2, SO_3, CO, VOC.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất của các dự án thứ cấp trong KCN:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như NO_2, SO_2, SO_3, CO, NO, H_2S...

- *Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*: Thường chứa các khí H_2S, CH_4, mercaptane...

- *Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng các nhà máy trong KCN:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, SO_2, VOC.

- *Tác động qua lại giữa các dự án thứ cấp trong KCN:* Do KCN được phép tiếp nhận nhiều ngành nghề nên bụi, khí thải từ ngành sản xuất vật liệu xây dựng, luyện cán thép, công nghiệp cơ khí, thiết bị, sản xuất các thiết bị, linh kiện điện, điện tử... có thể tác động đến chất lượng sản phẩm của các ngành sản xuất dược phẩm, chế biến thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng và công nhân viên của nhà điều hành (bao gồm cả nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) phát sinh khoảng 13 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 76% – 82% chất hữu cơ và 18% – 24% các chất khác.

- *Chất thải rắn xây dựng:* Phát sinh khoảng 02 tấn trong suốt quá trình xây dựng, thành phần chủ yếu bao gồm các loại nguyên vật liệu xây dựng, phế thải rơi vãi trong quá trình xây dựng, cốp pha hư hỏng, sắt thép vụn, bao bì xi măng...

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà điều hành (bao gồm cả nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) phát sinh khoảng 6,5 kg/ngày; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên ở các dự án thứ cấp trong KCN phát sinh khoảng 2.921 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải rắn sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại:* Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh từ các dự án thứ cấp trong KCN khoảng 25.888 kg/ngày. Đối với từng ngành nghề sản xuất, thành phần, khối lượng chất thải rắn phát sinh khác nhau như: các loại bao bì thải, nguyên liệu dư thừa, sản phẩm hư hỏng, các loại chất thải trong quá trình hoạt động của các nhà máy, các loại bùn từ hệ thống xử lý nước thải, bụi từ thiết bị lọc khí thải...).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 928 kg/tháng.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.741,42 kg/ngày, thành phần phụ thuộc vào từng loại hình sản xuất trong KCN.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Công nhân xây dựng sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu tại khu vực nhà điều hành hoặc tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành I.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các dự án thứ cấp trong KCN được xử lý đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động tại nhà điều hành và khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 03 ngăn, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất:

Nước thải sản xuất của các dự án thứ cấp sau khi xử lý đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN giai đoạn 1 – phân kỳ 1 với công suất 600 m^3/ngày.đêm để tiếp tục xử lý. Riêng nước thải sản xuất phát sinh từ dự án của Công ty TNHH MTV Silver Coast được miễn trừ đấu nối (đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường).

Quy trình xử lý nước thải tập trung của KCN như sau: Nước thải đầu vào → Lược rác thô → Bể gom (hầm bơm) → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Cụm bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng 1 → Bể aerotank → Bể lắng 2 → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Đồng hồ đo lưu lượng → Trạm quan trắc nước thải tự động →Nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (k_q=0,9, k_f = 1,1) xả ra suối Hố Đá.

Công ty tiếp tục sử dụng trạm quan trắc tự động, liên tục đã lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Phước theo quy định.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải như sau:

TT	Tên bể	Kích thước (m)			Số lượng (bể)	Vật liệu
		Chiều dài	Chiều rộng	Chiều cao		
1	Bể gom (hầm bơm) B01	6,0	3,3	6,3	01	BTCT
2	Bể điều hoà B02	9,1	7,4	4,5	01	BTCT
3	Cụm xử lý hoá lý B03	5,5	1,95	4,5	01	BTCT
5	Bể lắng 1 B04	6,9	6,9	4,5	01	BTCT
6	Bể thu bùn 1 B05	1,95	0,95	4,5	01	BTCT
7	Bể hiếu khí aerotank B06	7,7	7,4	4,0	01	BTCT
8	Bể lắng 2 B07	5,3	5,3	3,7	01	BTCT
9	Bể thu bùn 2 B08	1,85	1,5	3,7	01	BTCT
10	Bể chứa trung gian B09	3,55	1,85	3,7	01	BTCT
11	Bể nén bùn B10	3,45	3,45	3,7	01	BTCT
12	Bể khử trùng B11	3,65	4,5	3,7	01	BTCT
13	Bể lọc áp lực	Φ1,8		3,15	-	-
14	Nhà điều hành	7,3	3,8	4,6	-	Tường gạch, mái tôn
15	Nhà pha hoá chất	4,7	3,8	4,6	-	
16	Nhà đặt máy ép bùn	4,7	3,8	4,6		

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình đào móng và san nền: Lập kế hoạch tiến độ thi công và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chồng chéo giữa các công đoạn thi công nhằm giảm thiểu tối đa thời gian thi công và giảm thiểu tác động môi trường. Toàn bộ khu vực thi công xây dựng được lắp đặt, bao che bằng tường tôn cao tối thiểu 02 m nhằm hạn chế phát tán bụi ra khu vực xung quanh. Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động tại công trường.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển: Tất cả các máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển sẽ được bảo dưỡng thường xuyên để giảm thiểu sự phát sinh bụi và khí thải. Bố trí tuyến vận chuyển và thời gian vận chuyển hợp lý. Hạn chế vận chuyển trên các tuyến thường xuyên tắc nghẽn giao thông đặc biệt trong các giờ cao điểm.

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận chuyển ra vào các dự án thứ cấp trong KCN: Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông trong KCN và đường giao thông nội bộ trong các nhà máy. Lối xe ra vào được phân luồng quy định nhằm tránh tình trạng ùn tắc xe. Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên. Trồng cây xung quanh nhà máy...

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng: Thường xuyên bảo dưỡng các máy phát điện định kỳ, lựa chọn nhiên liệu đốt có hàm lượng lưu huỳnh (S) thấp, phát tán khí thải đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ qua ống khói cao.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (lò hơi, lò nhiệt, lò sấy...): Các dự án thứ cấp trong KCN phải thực hiện tốt các biện pháp quản lý thiết bị sử dụng, đảm bảo hiệu suất đốt như: có chế độ vận hành tốt, vận hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất, vệ sinh, bảo dưỡng thiết bị sử dụng nhiên liệu đốt. Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu phải đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ mới được xả ra môi trường ngoài. Chủ đầu tư hạ tầng KCN Chơn Thành I theo dõi, hỗ trợ các doanh nghiệp thứ cấp thực hiện biện pháp kiểm soát nhiễm do bụi và khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu hiệu quả, đúng quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình sản xuất: Các dự án thứ cấp trong KCN phải thực hiện tốt biện pháp quản lý thiết bị sản xuất, đảm bảo hiệu suất vận hành, giảm tiêu hao nhiên liệu; lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải từ quá trình sản xuất, đảm bảo bụi, khí thải từ quá trình công nghệ sản xuất đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường ngoài. Chủ đầu tư hạ tầng KCN Chơn Thành I theo dõi, hỗ trợ các doanh nghiệp thứ cấp thực hiện biện pháp kiểm soát nhiễm do bụi và khí thải từ quá trình sản xuất hiệu quả, đúng quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải tại KCN, tránh tình trạng ứ đọng nước thải gây mùi hôi. Trồng cây xanh xung quanh hệ thống xử lý nước thảitập trung để cách ly và hạn chế phát tán mùi hôi...

- Biện pháp giảm thiểu tác động qua lại giữa các dự án thứ cấp trong KCN: Bố trí các nhà máy có ngành nghề tương tự nhau vào các vị trí gần nhau; các ngành nghề gây ô nhiễm chéo, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhau được bố trí cách xa nhau; các dự án ô nhiễm nhiều bố trí ở cuối hướng gió, dự án ít ô nhiễm bố trí ở đầu hướng gió...

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Chất thải rắn xây dựng: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng đất, cát, đá... để san nền tại chỗ. Đối với chất thải rắn xây dựng không thể tận dụng và thu hồi, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa thích hợp và tập kết tại khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của KCN; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 04/09/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

Đối với chủ đầu tư hạ tầng KCN: Thu gom, lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt trong các thùng chứa thích hợp và tập kết tại khu vực lưu chứa theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Theo dõi, giám sát công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các dự án thứ cấp trong KCN đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Đối với các dự án thứ cấp trong KCN: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa theo đúng quy định. Tự chịu trách nhiệm tìm kiếm, thỏa thuận và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại:*

Đối với chủ đầu tư hạ tầng KCN: Hỗ trợ các dự án thứ cấp trong KCN: Cung cấp, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp lý liên quan đến chất thải rắn công nghiệp không nguy hại; giới thiệu đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại; theo dõi, giám sát công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại của các dự án thứ cấp trong KCN đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Đối với các dự án thứ cấp trong KCN: Phân loại, thu gom, lưu trữ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại vào các thùng chứa theo đúng quy định. Tự chịu trách nhiệm tìm kiếm, thỏa thuận và hợp đồng với đơn vị chức năng đến đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 04/09/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Chất thải nguy hại:* Thu gom, phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại trong khu vực lưu chứa chất thải nguy hại của KCN. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải nguy hại:*

Đối với Chủ đầu tư KCN:

+ Kê khai chất thải nguy hại phát sinh tại nhà điều hành và hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN theo các quy định của pháp luật; thu gom chất thải nguy hại vào các thùng chứa có dán nhãn theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành của pháp luật. Đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng có rào ngăn, mái che, biển báo và các biện pháp đảm bảo khác như có hệ thống hút ẩm, thiết bị phòng cháy chữa cháy, hệ thống thu gom nước rò rỉ... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại.

+ Hỗ trợ các dự án thứ cấp trong KCN: Cung cấp, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp lý liên quan đến chất thải nguy hại; giới thiệu đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; theo dõi, giám sát công tác quản lý chất thải nguy hại của các dự án thứ cấp trong KCN đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Đối với các nhà máy thứ cấp trong KCN: Kê khai chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành của pháp luật; thu gom chất thải nguy hại vào các thùng chứa có dán nhãn theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng có rào ngăn, mái che, biển báo và các biện pháp đảm bảo khác như có hệ thống hút ẩm, thiết bị phòng cháy chữa cháy, hệ thống thu gom nước rò rỉ... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày

30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn: Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường. Không sử dụng loa phát thanh có dung lượng lớn tại công trường. Không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

3.5.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu độ ồn trong giai đoạn hoạt động của các dự án thứ cấp trong KCN: Sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn. Máy móc vận hành đúng theo công suất thiết kế. Không cho máy móc có độ ồn cao làm việc vào những giờ cao điểm để tránh ảnh hưởng đến các dự án lân cận. Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng cách ly riêng biệt với nhà xưởng, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra…

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn trong giai đoạn thi công xây dựng của các dự án thứ cấp trong KCN: Quy định về tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án. Không sử dụng máy móc, thiết bị thi công quá cũ, gây tiếng ồn lớn. Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng thiết bị, các bộ phận giảm âm, giảm chấn. Với những máy móc, phương tiện thi công có tiếng ồn lớn không bố trí làm việc vào các thời điểm nhạy cảm về tiếng ồn trong ngày từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Xây dựng, lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế kỹ thuật; trang bị máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống; có bản hướng dẫn vận hành, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của hệ thống xử lý, đảm bảo hệ thống xử lý vận hành đúng công suất. Kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ 01 tuần/lần và bảo dưỡng toàn hệ thống định kỳ 03 tháng/lần. Giám sát, lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống với tần suất tối thiểu 03 tháng/lần. Khi xảy ra sự cố, nước thải không đạt được đưa về hồ sự cố để lưu chứa tạm thời trong thời gian khắc phục sự cố.

Chủ đầu tư hạ tầng KCN xây dựng hồ sự cố với thể tích 1.230 m^3, đảm bảo lưu chứa nước thải 02 ngày để ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định. Hồ sự cố chỉ sử dụng khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành chính thức theo quy định gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn công nghiệp không nguy hại.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

5.1.1. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.
- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình xây dựng.
- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại nhà điều hành KCN, 04 vị trí tại các đường giao thông nội bộ trong KCN, 01 vị trí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.
- Thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO, SO_2, NO_2, THC.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu; QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

5.2.2. Giám sát môi trường nước thải:

- Giám sát định kỳ:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (trước xử lý); 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận (sau xử lý).

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD_5, Cl^-, NO_2^-, NO_3^-,dầu khoáng, tổng nitơ, tổng photpho, amonia, Cu, Zn, Mn, Fe, Cr (IV), Cr (III), Hg, CN^-, coliforms, độ màu, Ni, As, Pb.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, k_q=0,9; k_f= 1,1).

- Giám sát nước thải tự động, liên tục:

+ Thông số giám sát: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amonia.

+ Tần suất giám sát: Liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Phước theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, k_q=0,9; k_f= 1,1).

5.2.3. Giám sát nước mặt:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (tại khu vực suối Hố Đá nơi tiếp nhận nước của Dự án).

+ 01 vị trí tại điểm tiếp nhận nước thải vào suối Hố Đá (tại cống xả nước thải hiện hữu của KCN), tọa độ ; X = 1.259.413; Y = 537.401 (hệ tọa độ VN2000 Bình Phước, múi chiếu 3^0).

+ 01 vị trí tại điểm hạ lưu so với vị trí tiếp nhận nước vào suối Hố Đá (tại cầu số 2 – cách điểm xả khoảng 400 m về phía hạ lưu), tọa độ X =1.259.403; Y = 537.115 (hệ tọa độ VN2000 Bình Phước, múi chiếu 3^0).

- Thông số giám sát: pH, DO, BOD, COD, SS, Cl^-, dầu khoáng, NO_2^-, NO_3^-, tổng N, tổng P, coliforms.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột A_2).

5.2.4. Giám sát môi trường đất:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí trong KCN.

- Thông số giám sát: Asen, cadimi, chì, crôm, đồng, kẽm.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

5.2.5. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Thường xuyên giám sát việc thu gom và phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại tại nhà điều hành KCN, khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung và tại các dự án thứ cấp trong KCN với tần suất giám sát là 01 lần/tháng.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, hoá đơn, chứng từ giao nhận.

- Định kỳ 03 tháng/lần báo cáo chung với báo cáo quan trắc môi trường định kỳ.

- Quy chuẩn so sánh/ Quy định áp dụng: Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.3. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 05/UBND ngày 21/01/2020 của UBND xã Thành Tâm về việc ý kiến tham vấn về Dự án Đầu tư Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành I, diện tích 124,48 ha (điều chỉnh một phần diện tích đất dịch vụ, đất hạ tầng kỹ thuật và đất cây xanh thành đất xây dựng nhà máy) và tại Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư họp ngày 17/01/2020 tại Hội trường UBND xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án, nếu có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.5. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 52 /GP-UBND	*Bình Phước, ngày 15 tháng 9 năm 2021*

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quy định về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 620/TTr-STNMT ngày 09/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành, địa chỉ tại ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước được xả nước thải của Khu công nghiệp Chơn Thành I vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương đào (kênh) tiếp giáp suối Hồ Đá tại ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2. Vị trí nơi xả nước thải:

- Ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(VN2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 106°15')*: X: 537.401; Y: 1.259.413.

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý sẽ theo cống dẫn nước thải xả vào mương đào (kênh) tiếp giáp suối Hồ Đá theo phương thức tự chảy, xả mặt ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.đêm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 600 m^3/ngày.đêm; 25 m^3/giờ.

6. Chất lượng nước thải:

- Giá trị các thông số và nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải vào nguồn nước đạt cột A của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$.

- Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải của Khu công nghiệp Chơn Thành I thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành được phép xả nước thải như Bảng 1:

Bảng 1: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT cột A ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$)
1	pH	–	6 đến 9
2	BOD_5 (20^0C)	mg/l	27
3	COD	mg/l	67,5
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45
5	Tổng nitơ	mg/l	18
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,6
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
8	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	3.000
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5
10	Màu	Pt/Co	50
11	Tổng phenol	mg/l	0,09
12	Sunfua	mg/l	0,18
13	Asen	mg/l	0,045
14	Cadimi	mg/l	0,045
15	Chì	mg/l	0,09
16	Crom (III)	mg/l	0,18
17	Crom (VI)	mg/l	0,045
18	Đồng	mg/l	1,8
19	Kẽm	mg/l	2,7
20	Niken	mg/l	0,18
21	Sắt	mg/l	0,9
22	Thủy ngân	mg/l	0,0045

7. Thời hạn của Giấy phép: Năm (05) năm, tính từ ngày ban hành Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành trong việc xả nước thải của Khu công nghiệp Chơn Thành I vào nguồn nước:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:

a) Quan trắc nước thải:

- Quan trắc liên tục tự động nước thải sau xử lý tại vị trí trước khi xả ra mương đào với các thông số quan trắc là: Nhiệt độ, amoni (tính theo N), pH, COD, tổng chất rắn lơ lửng và lưu lượng.

- Quan trắc định kỳ theo tần suất 03 tháng/lần đối với lưu lượng, chất lượng nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung và nước thải sau xử lý tại cửa xả nước thải trước khi ra mương đào với các thông số quy định tại Bảng 1 nêu trên.

b) Quan trắc nước nguồn tiếp nhận:

- Vị trí quan trắc tại mương đào (kênh) tiếp giáp suối Hồ Đá có toạ độ:X: 537.401; Y: 1.259.413.

- Thông số quan trắc: Các thông số quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT ban hành kèm theo Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tần suất quan trắc: Sáu (06) tháng/lần.

4. Thu gom, vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Bảng 1 nêu trên trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Bảng 1 nêu trên và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Thực hiện điều chỉnh nội dung Giấy phép trong các trường hợp: Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận nước thải; nhu cầu xả nước thải tăng mà chưa có biện pháp xử lý khắc phục; xảy ra các tình huống đặc biệt cần phải hạn chế việc xả nước thải vào nguồn nước.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả nước thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng tại địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

7. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, yêu cầu Công ty tổng hợp báo cáo tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng nước thải, thông số, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Chơn Thành;
- Công ty CP ĐT XD CS HT KCN Chơn Thành;
- Lãnh đạo VP, P. KT;
- Lưu: VT(BH-01-GPXT-10/9).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: [illegible] /GXN-STNMT	*Bình Phước, ngày [illegible] tháng [illegible] năm 2016*

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành - giai đoạn 1 - diện tích 124,48 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) - Công ty TNHH MTV ĐT-XD CSHT KCN Chơn Thành

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH MTV ĐTXD CSHT KCN Chơn Thành
- Địa chỉ văn phòng: xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Địa điểm hoạt động: xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại: 0651.366.8017 Fax: 0651.366.8015
- Tài khoản số: 0331003775069 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bến Thành - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3800236105, Đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày: 15/01/2014. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 707/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của UBND tỉnh Bình Phước.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Chơn Thành - giai đoạn 1 - diện tích 124,48 ha (bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) - Công ty TNHH MTV ĐTXD CSHT KCN Chơn Thành tại xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 và 3 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:
- Như mục I;
- P.TN&MT huyện Chơn Thành;
- Lưu: VT, CCBVMT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tùng Quân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: [illegible] ngày [illegible]/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình xử lý nước thải:

Công ty đã hoàn thành 95% (còn 180m tại tuyến đường số 10) hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải cho Khu công nghiệp Chơn Thành (sau đây viết tắt là KCN). Công trình hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải, cụ thể như sau:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: được xây dựng bằng hệ thống cống bê tông ly tâm (kích thước: Ø 400, 500, 600, 800, 1.000, 1.200, 1.500) có tổng chiều dài 10.980m và 300 hố ga lắng cặn được bố trí dọc hai bên hành lang của các tuyến đường trong KCN.

- Hệ thống thu gom nước thải: nước thải từ các Nhà máy thứ cấp trong KCN được thu gom bằng hệ thống cống bê tông ly tâm (kích thước: Ø 400, 500, 600) có tổng chiều dài 9.350m và 255 hố ga lắng cặn được xây dựng dọc theo các tuyến đường nội bộ của KCN. Nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó thải vào hệ thống cống thu gom nước thải của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Công trình xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung – giai đoạn 1 của KCN có tổng công suất 1.200 m^3/ngày.đêm được chia làm 02 phân kỳ. Công ty đã xây dựng hoàn thành phân kỳ 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 600 m^3/ngày.đêm gồm các hạng mục, công trình: Nước thải → Lược rác thô → Hầm bơm → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Cụm bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng 1 → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Thải ra môi trường.

- Kết quả phân tích nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN có các chỉ tiêu: pH, TSS, COD, BOD_5, $N\text{-}NH_4^+$, T-N, $N\text{-}NO_2^-$, $N\text{-}NO_3^-$, độ màu, dầu mỡ khoáng, tổng Coliform, Cl^-, Cr^{6+}, Cr^{3+}, As, CN^-, Pb, Hg, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe đạt loại A của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Đã thực hiện bê tông hóa các tuyến đường nội bộ trong KCN.

- Trồng cây xanh có tán cho tuyến đường nội bộ và vùng đệm giữa các Nhà máy thứ cấp trong KCN đạt diện tích theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Kết quả phân tích không khí xung quanh của KCN có các chỉ tiêu: tiếng ồn, bụi, NO_2, SO_2, CO, THC đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: đã trang bị các thùng chuyên dụng để lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường không nguy hại (gồm: bao nilon, thùng nhựa, dây nhựa, giấy phế liệu, thùng carton): Công ty đã xây dựng kho chứa có diện tích 16 m^2 để lưu giữ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của KCN (có mái che, tường bao xung quanh, biển cảnh báo). Chất thải rắn thông thường không nguy hại sau khi thu gom được bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải nguy hại (CTNH): Công ty đã thực hiện đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Sở Tài nguyên và Môi trường và được cấp mã số QLCTNH: 70.000195.T ngày 12/6/2015; xây dựng kho lưu giữ tạm thời CTNH (có diện tích 16 m^2, kết cấu bằng bê tông, mái lợp tôn, mương thu gom phòng ngừa sự cố tràn đổ, biển cảnh báo, thiết bị phân loại và mã quản lý chất thải). Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và các CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của KCN được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

Đã trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy cho KCN và đã được Công an tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 104/TD.PCCC ngày 30/11/2004.

6. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số /GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày tháng năm 2016".

7. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Công ty phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/02/2022/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, ấp 2, xã Thành Tâm , Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, ấp 2, xã Thành Tâm , Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho hàng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	1240	TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận dụng/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); DX(Đồng xử lý); TD(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-051.64
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Võ Văn Vinh
Ký:.....Ngày: 06/09/2022
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày:.....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 06 tháng 09 năm 2022

Phạm Thanh Tuấn

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 08 tháng 09 năm 2022

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tùng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số 1 -2 -3 -4

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/03/2022/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, ấp 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, ấp 2, phường Thành Tâm , thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	750	TD, HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-093.45

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Mai Trọng Toàn
Ký:.....Ngày: 10/12/2022

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 10 tháng 12 năm 2022

Phạm Khanh Triều

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 10 tháng 12 năm 2022

PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

Nguyễn Thị Lan

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số 1 -2 -3 -4

CÔNG TY TNHH MT
CAO GIA QUÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
MST: 3300743345
Ấp Phước Tân-Xã Tân Phước-H.Đồng Phú-BP

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Hôm nay, ngày 10 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm :

BÊN GIAO: CÔNG TY TNHH ĐTXD CSHT KCN CHƠN THÀNH

- **Địa chỉ** : Số 18, ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- **Điện thoại** : Anh An 0886 722 157

BÊN NHẬN: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

- **Địa chỉ** : Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. Bình Phước.
- **Điện thoại** : 0769 000 769

Hai bên xác nhận số lượng chất thải chuyển giao như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng	Ghi chú
01	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04		
02	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 05	750 kg	
03	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06		
04	Bao bì mềm thải (bao nilon chứa mỡ bò thải)	18 01 01		
05	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa đinh hóa chất, dầu mỡ thải)	18 01 03		
06	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01		
07	**TỔNG CỘNG**		750 kg	

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

Nguyễn Hường

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Mai Trọng Giáp

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/01/2023/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng KCN Chơn Thành Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, khu phố 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, khu phố 2, phường Thành Tâm , thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	1207	TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-061.64

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Đinh Văn Hải
Ký:.....Ngày: 16/05/2023

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 16 tháng 05 năm 2023

Phạm Văn Triều

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 24 tháng 5 năm 2023

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tùng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Lần số 1☐ -2☐ -3☐ -4☒

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/02/2023/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, khu phố 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, khu phố 2, phường Thành Tâm , thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	620	TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-093.45

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Mai Trọng Toàn
Ký:.....Ngày: 27/11/2023

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin tại mục 4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 27 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY ĐTXD CSHT KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Phạm Thanh Toàn

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 01 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số 1 -2 -3 -4

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/02/2023/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, khu phố 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, khu phố 2, phường Thành Tâm , thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	620	TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-093.45

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Mai Trọng Toản
Ký:.....Ngày: 27/11/2023

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày:.....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin tại mục 4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 27 tháng 11 năm 2023

Phạm Thanh Xuân

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày tháng năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số 1 □ -2 □ -3 □ -4 □

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/01/2024/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, khu phố 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, khu phố 2, phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	2750	TĐ, HR

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-093.45

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Mai Trọng Toản
Ký:.....Ngày: 23/10/2024

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục1-4 (hoặc 5)

Bình Phước, ngày 23 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CP ĐTXD CSHT KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Nguyễn Tấn Hùng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bình Phước, ngày 07 tháng 11 năm 2024

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số 1 -2 -3 -4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thaathiennoitruong.com
DVE

Mã số phiếu: DVE-0240-1/2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Hồ Minh Hiếu,
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 13/03/2024
7. Thời gian phân tích : 13/03/2024 – 20/03/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 5/5

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ThS. PHAN THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
DC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
DT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37161879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thuathiennoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0240-1/2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 240313003_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT01	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
1	Độ màu*	Pt-Co	130	150	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)
2	pH	-	7,46	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS*	mg/L	20	100	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	126	150	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5*	mg/L	48	50	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni ($N_NH_4^+$)*	mg/L	7,2	10	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ*	mg/L	30,2	40	TCVN 6638:2000
8	Tổng phospho*	mg/L	4,32	6	SMEWW 4500-P. B&D:2023
9	Clorua (Cl^-)*	mg/L	350	1.000	TCVN 6194:1996
10	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	0,028	-	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
11	Nitrat ($N_NO_3^-$)*	mg/L	1,96	-	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
12	Sắt (Fe)	mg/L	0,485	5	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
13	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,076)	2	SMEWW 3111B:2023
14	Kẽm (Zn)*	mg/L	0,622	3	SMEWW 3111B:2023
15	Mangan (Mn)	mg/L	0,352	1	SMEWW 3111B:2023
16	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,1	SMEWW 3113B:2023
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01	TCVN 7877:2008
18	Chì (Pb)	mg/L	0,031	0,5	SMEWW 3113B:2023
19	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH	0,1	SMEWW 3500-Cr:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P.Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: dvtviet@dvg.vn – Website: www.thanhlemoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0249-H2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT01	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			(MDL=0,007)		
20	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	1	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
21	Tổng Xianua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	SMEWW 4500 CN^-.C &E:2023
22	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,5	SMEWW 3113B:2023
23	Dầu mỡ khoáng	mg/L	7,2	10	SMEWW 5520B&F:2023
24	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	33×10^2	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
  Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☑ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☑ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018

☑ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- NT01: Nước thải tại điểm tiếp nhận nước thải vào công trình xử lý (Kinh độ: 106°35'53.1'', Vĩ độ: 11°23'12.7'') – Nước vàng, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhlocmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0240-1/2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 240313003_NT02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT02	QCVN40:2011/ BTNMT, Cột A, Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đạc, phân tích
1	Độ màu*	Pt-Co	30	50	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)
2	pH	-	7,13	6 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS*	mg/L	20	49,5	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	62	74,3	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5*	mg/L	24	29,7	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni ($N_NH_4^+$)*	mg/L	0,57	4,95	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2023
7	Tổng Nitơ*	mg/L	12,5	19,8	TCVN 6638:2000
8	Tổng phospho*	mg/L	1,63	3,6	SMEWW 4500-P. B&D:2023
9	Clorua (Cl^-)*	mg/L	387	495	TCVN 6194:1996
10	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	-	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
11	Nitrat ($N_NO_3^-$)*	mg/L	12,5	-	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
12	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (MDL=0,09)	0,99	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
13	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,98	SMEWW 3111B:2023
14	Kẽm (Zn)*	mg/L	0,320	2,97	SMEWW 3111B:2023
15	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,084)	0,495	SMEWW 3111B:2023
16	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0026)	0,0495	SMEWW 3113B:2023
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00495	TCVN 7877:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dvc.vn – Website: www.thanhlocmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0240-1/2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT02	QCVN40:2011/ BTNMT, Cột A, Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đạc, phân tích
18	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,099	SMEWW 3113B:2023
19	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0495	SMEWW 3500-Cr:2023
20	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,198	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
21	Tổng Xianua (CN)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0693	SMEWW 4500 CN. C &E:2023
22	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,198	SMEWW 3113B:2023
23	Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,7	4,95	SMEWW 5520B&F:2023
24	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$9,2 \times 10^2$	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
  Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
  Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
  C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
  Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải: Kq = 0,9 ứng với $Q \leq 50$ m^3/s
  Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải ; Kf= 1,1 ứng với $200 < F \leq 500$ $m^3/24h$
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☑ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☑ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018

☑ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- NT02: Nước thải đầu ra của công trình xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận (Kinh độ: 106°35'51.9'', Vĩ độ: 11°23'12.0'') – Nước khá trong, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daivietdve.vn – Website: www.thanhienmoitruong.com

066

Mã số phiếu: DVE-0730-1/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 – 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HOA

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

[illegible] THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
DT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.daithienmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0730-1/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT
(Mã số mẫu: 240610005_NM01-02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08:2023/ BTNMT, Mức B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NM01	NM02		
1	pH	-	7,01	6,98	6,0-8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	10	12	≤100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	5,12	5,10	≥5,0	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	17	18	≤15	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5	mg/L	5	6	≤6	TCVN 6001-1:2021
6	Clorua (Cl^-)*	mg/L	76	70	250	TCVN 6194:1996
7	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	0,022	0,026	0,05	SMEWW 4500-NO_2^- .B:2023
8	Nitrat ($N_NO_3^-$)	mg/L	0,96	0,72	-	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2023
9	Tổng phospho	mg/L	0,23	0,19	≤0,3	SMEWW 4500-P. B&D:2023
10	Tổng Nitơ	mg/L	1,05	1,12	≤1,5	SMEWW 4500-N .C:2023
11	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	-	SMEWW 5520B&F:2023
12	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$5,6 \times 10^3$	6×10^2	≤5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
  Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợpKPH: Không phát hiện;
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☑ Sông, suối TCVN 6663 – 6: 2018 ☑ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-14:2018

☑ Ao hồ TCVN 6663-4:2018 ☑ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:
- NM01: Nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải vào suối Hồ Dá (tại cầu số 1) (Kinh độ: 106°35'32.9'', Vĩ độ: 11°23'17.6'') – Nước trong, ít cặn
- NM02: Nước mặt tại điểm hạ lưu so với vị trí tiếp nhận nước vào suối Hồ Dá (Kinh độ: 106°35'30.8'', Vĩ độ: 11°23'17.1'') – Nước trong, ít cặn

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
DC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thantaikemoitruong.com

Mã số phiếu: DVT-0730-2/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 - 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

TRẦN THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: dailviet@dve.vn - Website: www.thanhlocmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0730-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

(Mã số mẫu: 240610005_NM03)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT, Mức B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NM03		
	pH	-	6,96	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	13	≤100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	5,05	≥ 5,0	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	19	≤ 15	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5	mg/L	8	≤6	TCVN 6001-1:2021
6	Clorua (Cl^-)*	mg/L	110	250	TCVN 6194:1996
7	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	0,018	0,05	SMEWW 4500-NO_2^- .B:2023
8	Nitrat ($N_NO_3^-$)	mg/L	1,16	-	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2023
9	Tổng phospho	mg/L	KPH (MDL=0,03)	≤ 0,3	SMEWW 4500-P. B&D:2023
10	Tổng Nitơ	mg/L	1,32	≤ 1,5	SMEWW 4500-N.C:2023
11	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,6)	-	SMEWW 5520B&F:2023
12	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$9,2 \times 10^2$	≤ 5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
  Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp
  KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☐ Sông, suối TCVN 6663 – 6: 2018 ☑ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 :2016; TCVN 6663-14:2018

☐ Ao hồ TCVN 6663-4:2018 ☑ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:

- NM03: Nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải vào suối Hố Dá (tại cống xả hiện hữu của KCN) (Kinh độ: 106°35'40.2'', Vĩ độ: 11°23'17.4'') – Nước trong, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daivietdt@dve.vn – Website: www.chanhiemoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 6/6

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhlienmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 240610005_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT01	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
1	Độ màu*	Pt-Co	52	150	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2	pH	-	7,46	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS*	mg/L	16	100	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	120	150	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5*	mg/L	42	50	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni ($N_NH_4^+$)*	mg/L	6,8	10	TCVN 5988:1995
7	Sulfua (S^{2-})	mg/L	KPH (MDL: 0,03)	0,5	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
8	Tổng Nitơ*	mg/L	27,5	40	TCVN 6638:2000
9	Tổng phospho*	mg/L	3,25	6	SMEWW 4500-P. B&D:2023
10	Clorua (Cl)*	mg/L	320	1.000	TCVN 6194:1996
11	Nitrit (N_NO_2)*	mg/L	0,032	-	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
12	Nitrat (N_NO_3)*	mg/L	2,10	-	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
13	Sắt (Fe)	mg/L	0,530	5	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
14	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL: 0,076)	2	SMEWW 3111B:2023
15	Kẽm (Zn)*	mg/L	0,663	3	SMEWW 3111B:2023
16	Mangan (Mn)	mg/L	0,343	1	SMEWW 3111B:2023
17	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL: 0,0022)	0,1	SMEWW 3113B:2023
18	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,1	SMEWW 3113B:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: dailiet@dve.vn – Website: www.thanhiemoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT01	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
19	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01	TCVN 7877:2008
20	Chì (Pb)	mg/L	0,028	0,5	SMEWW 3113B:2023
21	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,1	SMEWW 3500-Cr:2023
22	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	1	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
23	Tổng Xianua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	SMEWW 4500 CN-.C &E:2023
24	Tổng phenol	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,5	TCVN 6216:1996
25	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,5	SMEWW 3113B:2023
26	Dầu mỏ khoáng	mg/L	6,2	10	SMEWW 5520B&F:2023
27	Tổng Coliform	MPN/100mL	28×10^2	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
  Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

Nước thải TCVN 5999 : 1995 Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018

Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- NT01: Nước thải tại điểm tiếp nhận nước thải vào công trình xử lý (Kinh độ: 106°35'53.1'', Vĩ độ: 11°23'12.7'') – Nước vàng, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhlicamoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 240610005_NT02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN40:2011/ BTNMT, Cột A, Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT02		
1	Độ màu*	Pt-Co	< 30	50	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2	pH	-	7,43	6 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS*	mg/l	15	49,5	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	36	74,3	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5*	mg/L	11	29,7	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni ($N_NH_4^+$)*	mg/L	0,52	4,95	SMEWW 4500 – NH_3.B&F:2023
7	Sulfua (S^{2-})	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,5	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
8	Tổng Nitơ*	mg/L	10,7	19,8	TCVN 6638:2000
9	Tổng phospho*	mg/L	1,96	3,6	SMEWW 4500-P. B&D:2023
10	Clorua (Cl)*	mg/L	410	495	TCVN 6194:1996
11	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	-	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
12	Nitrat ($N_NO_3^-$)*	mg/L	10,8	-	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
13	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (MDL=0,09)	0,99	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
14	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,98	SMEWW 3111B:2023
15	Kẽm (Zn)*	mg/L	0,383	2,97	SMEWW 3111B:2023
16	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,084)	0,495	SMEWW 3111B:2023
17	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,1	SMEWW 3113B:2023

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tọa độ, đơn vị yêu cầu được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh. 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhlapmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT02	QCVN40:2011/ BTNMT, Cột A, Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đạc, phân tích
18	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,0495	SMEWW 3113B:2023
19	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00495	TCVN 7877:2008
20	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,099	SMEWW 3113B:2023
21	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0495	SMEWW 3500-Cr:2023
22	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,198	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
23	Tổng Xianua (CN)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0693	SMEWW 4500 CN.C &E:2023
24	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,198	SMEWW 3113B:2023
25	Tổng phenol	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,5	TCVN 6216:1996
26	Dầu mỡ khoáng	mg/L	2,1	4,95	SMEWW 5520B&F:2023
27	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$5,5 \times 10^2$	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
  Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
  Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
  C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
  Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải: Kq = 0,9 ứng với $Q \leq 50$ m^3/s
  Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải: Kf= 1,1 ứng với $200 < F \leq 500$ $m^3/24h$
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☑ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☑ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018

☑ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhlocmoitruong.com

066

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2024*

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NTĐ2: Nước thải đầu ra của công trình xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận (Kinh độ: 106°35'51.9'', Vĩ độ: 11°23'12.0'') – Nước khá trong, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhiennuoitruong.com

Mã số phiếu: DVE 0732/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 - 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC

ThS. PHAN THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhbiencmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE 0732/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH ĐẤT

(Mã số mẫu: 240610005_DD01-02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03 : 2023/BTNMT – Đất công nghiệp	Phương pháp đo đạc, phân tích
			DD01	DD02		
1	Asen (As)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,08)	KPH (MDL=0,08)	200	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7010
2	Chì (Pb)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=14,9)	KPH (MDL=14,9)	700	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B
3	Cadimi (Cd)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,07)	KPH (MDL=0,07)	60	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7010
4	Đồng (Cu)*	mg/kg đất khô	12,2	15,3	2.000	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B
5	Kẽm (Zn)*	mg/kg đất khô	44,3	81,1	2.000	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:

- Đất: TCVN 7538-2:2005; TCVN 7538-3:2005; TCVN 7538-1:2006; TCVN 7538-1:2007; TCVN 7538-5:2007

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- DD01: Đất tại nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Chơn Thành I (Kinh độ: 106°35'53.5'', Vĩ độ: 11°23'12.3'')
- DD02: Đất tại khu vực dịch vụ điều hành KCN (Kinh độ: 106°36'47.8'', Vĩ độ: 11°23'26.6'')

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37410199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhliennoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0731/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 – 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ThS. PHAN THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
DC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: dvict@dve.vn – Website: www.thanhtiennuotrung.com

Mã số phiếu: DVE-0731/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 240610005_KK01-07)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	32,5	64,6	0,4	64,1
KK02	32,5	65,2	0,4	63,9
KK03	32,5	65,2	0,4	63,8
KK04	32,5	62,6	0,3	60,8
KK05	32,3	60,4	0,3	61,0
KK06	32,1	68,8	0,4	64,4
KK07	32,0	67,6	0,4	63,6
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	**≤ 70**
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- KK01: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 3 với đường số 8 (Kinh độ: 106°35'54.9'', Vĩ độ: 11°23'24.2'')
- KK02: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 với đường số 8 (Kinh độ: 106°36'10.1'', Vĩ độ: 11°23'24.1'')
- KK03: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 với đường số 10 (Kinh độ: 106°36'10.0'', Vĩ độ: 11°23'17.5'')
- KK04: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 7 với đường số 6 (Kinh độ: 106°36'26.3'', Vĩ độ: 11°23'30.4'')
- KK05: Khu vực trung tâm điều hành KCN (Kinh độ: 106°35'53.9'', Vĩ độ: 11°23'11.7'')
- KK06: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN đầu hướng gió (Kinh độ: 106°35'52.9'', Vĩ độ: 11°23'12.1'')
- KK07: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN cuối hướng gió (Kinh độ: 106°35'53.8'', Vĩ độ: 11°23'12.5'')

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
DC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: dtvietl@dtv.vn - Website: www.thanhthienmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0731/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 240610005_KK01-07)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng (µg/Nm³)	NO_2 (µg/Nm³)	SO_2 (µg/Nm³)	CO (µg/Nm³)	THC[#] (µg/Nm³)
KK01	210	92	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK02	180	82	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK03	220	84	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK04	236	65	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK05	215	67	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK06	234	75	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK07	196	69	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
QCVN 05 : 2023/BTNMT	**≤ 300**	**≤ 200**	**≤ 350**	**≤ 30.000**	**≤ 5.000**
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04	NIOSH 1500

Ghi chú:
- (#) (Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Trung tâm Công nghệ Môi trường, Viện Môi trường và Tài nguyên - Vimcerts 077)
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- KPH: Không phát hiện

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- KK01: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 3 với đường số 8 (Kinh độ: 106°35'54.9'', Vĩ độ: 11°23'24.2'')
- KK02: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 với đường số 8 (Kinh độ: 106°36'10.1'', Vĩ độ: 11°23'24.1'')
- KK03: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 với đường số 10 (Kinh độ: 106°36'10.0'', Vĩ độ: 11°23'17.5'')
- KK04: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 7 với đường số 6 (Kinh độ: 106°36'26.3'', Vĩ độ: 11°23'30.4'')
- KK05: Khu vực trung tâm điều hành KCN (Kinh độ: 106°35'53.9'', Vĩ độ: 11°23'11.7'')
- KK06: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN đầu hướng gió (Kinh độ: 106°35'52.9'', Vĩ độ: 11°23'12.1'')
- KK07: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN cuối hướng gió (Kinh độ: 106°35'53.8'', Vĩ độ: 11°23'12.5'')

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: KCNCT/01/2022/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng KCN Chơn Thành Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Số 18, Ấp 2, Xã Thành Tâm , Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, Ấp 2, Xã Thành Tâm , Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước. ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	700	TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập: .....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-061.64

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Trần Văn Bình
Ký:.....Ngày: 05/03/2022

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận (chỉ ghi) đã kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3 (nếu có)
Bình Phước, ngày 05 tháng 03 năm 2022

Phạm Thanh Triều

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 21 tháng 05 năm 2022

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tùng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số 1 □-2 □-3 □ -4 □

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/02/2022/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769080769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769080769
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:
3.Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, ấp 2, xã Thành Tâm , Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, ấp 2, xã Thành Tâm , Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	1240	TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); DX(Đồng xử lý); TD(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-061.64
7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Võ Văn Vinh
Ký:.....Ngày: 06/09/2022
7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 09 tháng 09 năm 2022

Phạm Thanh Triều

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 09 tháng 09 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cùng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số 1 -2 -3 -4

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/03/2022/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, ấp 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, ấp 2, phường Thành Tâm , thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	750	TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TD(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận chủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-093.45

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Mai Trọng Toàn
Ký:.....Ngày: 10/12/2022

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 10 tháng 12 năm 2022

Phạm Thanh Toàn

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 20 tháng 12 năm 2022

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

#Liên số 1 -2 -3 -4

CÔNG TY TNHH MT
CAO GIA QUÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
CAO GIA QUÝ
MST: 3800743345
Ấp Phước Tân-Xã Tân Phước-H.Đồng Phú-Bình Phước

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI

Hôm nay, ngày 17 tháng 12 năm 2022, chúng tôi gồm :

BÊN GIAO: CÔNG TY TNHH ĐTXD CSHT KCN CHƠN THÀNH

- **Địa chỉ** : Số 18, ấp 2, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
- **Điện thoại** : Anh An 0886 722 157

BÊN NHẬN: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

- **Địa chỉ** : Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, H. Đồng Phú, T. Bình Phước.
- **Điện thoại** : 0769 000 769

Hai bên xác nhận số lượng chất thải chuyển giao như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng	Ghi chú
01	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04		
02	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 05	750 kg	
03	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06		
04	Bao bì mềm thải (bao nilon chứa mỡ bò thải)	18 01 01		
05	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng, can nhựa dính hóa chất, dầu mỡ thải)	18 01 03		
06	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01		
07	**TỔNG CỘNG**		750 kg	

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

Nguyễn Thường

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Hoàng Phán

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/01/2023/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769000769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở Hạ tầng KCN Chơn Thành Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, khu phố 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, khu phố 2, phường Thành Tâm , thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý[1]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	1207	TH, HR

[1] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-061.64

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Đinh Văn Hải
Ký:.....Ngày: 16/05/2023

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 16 tháng 05 năm 2023

Phạm Văn Triều

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 19 tháng 5 năm 2023

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tùng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

[2] Liên số 1□ -2□ -3□ -4□

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/02/2023/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, khu phố 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, khu phố 2, phường Thành Tâm , thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	620	TĐ, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-093.45

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Mai Trọng Toàn
Ký:.....Ngày: 27/11/2023

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin tại mục 4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 27 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY DTXD CSHT KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Mạnh Thanh Toàn

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 04 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lan

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

#Liên số 01-2U-3U-4M

TỈNH/THÀNH PHỐ **BÌNH PHƯỚC**	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: KCNCT/02/2023/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, khu phố 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, khu phố 2, phường Thành Tâm , thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	620	TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-093.45

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Mai Trọng Toàn
Ký:.....Ngày: 27/11/2023

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin tại mục 3 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 27 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY CP BTXD CSHT KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Phạm Minh Tuấn

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày tháng năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số 1☐ -2 ☐ -3☑ -4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
BÌNH PHƯỚC

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: KCNCT/01/2024/1-2-3-4-5-6.053.VX

1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX
Địa chỉ văn phòng: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769
Địa chỉ cơ sở/đại lý: Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước ĐT: 0769 000 769

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3.Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cơ sở hạ tầng KCN Chơn Thành
Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Số 18, khu phố 2, Phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017
Địa chỉ cơ sở: Số 18, khu phố 2, phường Thành Tâm , Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.
ĐT: 02713.668.017

4.Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây)

Số TT	Tên CTNH	Trạng Thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (Kg)	Phương pháp xử lý#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác			x	12 06 05	2750	TD, HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC(Tận thu/tái chế); TH(Trung hòa); PT(Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH(Oxy hóa); SH(Sinh học); ĐX(Đồng xử lý); TĐ(Thiêu đốt); HR(Hóa rắn); CL(Cô lập/đóng kén); C(Chôn lấp); SC (Sơ Chế); Khác(ghi rõ tên phương pháp).

5.Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu.....Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng.....Cửa khẩu xuất:.....

7.Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 93C-093.45

7.1.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1 : Mai Trọng Toàn
Ký:.....Ngày: 23/10/2024

7.2.Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký:.....Ngày: .....

6.Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục1-4 (hoặc 5)
Bình Phước, ngày 23 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CP ĐTXD CSHT KCN CHƠN THÀNH

Nguyễn Tấn Hưng

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Bình Phước, ngày 07 tháng 11 năm 2024

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*1.Liên số 01-2 01-3 01-4/4

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4CI KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P.Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhlienmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0240-1/2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Hồ Minh Hiếu,
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 13/03/2024
7. Thời gian phân tích : 13/03/2024 – 20/03/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 5/5

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

KS. ĐẶNG CÔNG HỮU

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ThS. PHAN THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhcamoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0240-1/2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI

(Mã số mẫu: 240313003_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT01	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
1	Độ màu*	Pt-Co	130	150	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)
2	pH	-	7,46	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS*	mg/L	20	100	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	126	150	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5*	mg/L	48	50	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni ($N_NH_4^+$)*	mg/L	7,2	10	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ*	mg/L	30,2	40	TCVN 6638:2000
8	Tổng phospho*	mg/L	4,32	6	SMEWW 4500-P. B&D:2023
9	Clorua (Cl)*	mg/L	350	1.000	TCVN 6194:1996
10	Nitrit (N_NO_2)*	mg/L	0,028	-	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
11	Nitrat (N_NO_3)*	mg/L	1,96	-	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
12	Sắt (Fe)	mg/L	0,485	5	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
13	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL: 0,076)	2	SMEWW 3111B:2023
14	Kẽm (Zn)*	mg/L	0,622	3	SMEWW 3111B:2023
15	Mangan (Mn)	mg/L	0,352	1	SMEWW 3111B:2023
16	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL: 0,0024)	0,1	SMEWW 3113B:2023
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL: 0,0003)	0,01	TCVN 7877:2008
18	Chì (Pb)	mg/L	0,031	0,5	SMEWW 3113B:2023
19	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH	0,1	SMEWW 3500-Cr:2023

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử tại thời điểm đo đạc nếu không có ghi chú khác
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu: được ghi theo yêu cầu của khách hàng
- Thời gian lưu mẫu: không lưu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 07 ngày đối với các mẫu còn lại
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhlieumoitruong.com
DVE

Mã số phiếu: DVE-0240-1/2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT01	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			(MDL=0,007)		
20	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	1	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
21	Tổng Xianua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	SMEWW 4500 CN- C &E:2023
22	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,5	SMEWW 3113B:2023
23	Dầu mỡ khoáng	mg/L	7,2	10	SMEWW 5520B&F:2023
24	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	33×10^2	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
  Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☒ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☒ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018

☒ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- NT01: Nước thải tại điểm tiếp nhận nước thải vào công trình xử lý (Kinh độ: 106°35'53.1'', Vĩ độ: 11°23'12.7'') – Nước vàng, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhlenmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0240-I/2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 240313003_NT02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT02	QCVN40:2011/ BTNMT, Cột A, Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đạc, phân tích
1	Độ màu*	Pt-Co	30	50	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)
2	pH	-	7,13	6 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS*	mg/L	20	49,5	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	62	74,3	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5*	mg/L	24	29,7	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni ($N_NH_4^+$)*	mg/L	0,37	4,95	SMEWW 4500 - NH_3.B&F:2023
7	Tổng Nitơ*	mg/L	12,5	19,8	TCVN 6638:2000
8	Tổng phospho*	mg/L	1,63	3,6	SMEWW 4500-P. B&D:2023
9	Clorua (Cl^-)*	mg/L	387	495	TCVN 6194:1996
10	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	KPH (MDL=0,006)	-	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
11	Nitrat ($N_NO_3^-$)*	mg/L	12,5	-	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
12	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (MDL=0,09)	0,99	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
13	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,076)	1,98	SMEWW 3111B:2023
14	Kẽm (Zn)*	mg/L	0,320	2,97	SMEWW 3111B:2023
15	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL=0,084)	0,495	SMEWW 3111B:2023
16	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,0495	SMEWW 3113B:2023
17	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00495	TCVN 7877:2008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dvc.vn - Website: www.thanhlienmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0240-1/2403 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT02	QCVN40:2011/ BTNMT, Cột A, Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đạc, phân tích
18	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,099	SMEWW 3113B:2023
19	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0495	SMEWW 3500-Cr.2023
20	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,198	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr.2023
21	Tổng Xianua (CN)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0693	SMEWW 4500 CN. C &E:2023
22	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,198	SMEWW 3113B:2023
23	Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,7	4,95	SMEWW 5520B&F:2023
24	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$9,2 \times 10^2$	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
  Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
  Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
  C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
  Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải: Kq = 0,9 ứng với $Q \leq 50$ m^3/s
  Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải : Kf= 1,1 ứng với $200 < F \leq 500$ $m^3/24h$
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☑ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☑ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2013

☑ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- NT02: Nước thải đầu ra của công trình xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận (Kinh độ: 106°35'51.9'', Vĩ độ: 11°23'12.0'') – Nước khá trong, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhlemoitruong.com

066

Mã số phiếu: DVE-0730-1/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 – 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÓA

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

TS. PHẠM THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhlienmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0730-1/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT
(Mã số mẫu: 240610005_NM01-02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08:2023/ BTNMT, Mức B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NM01	NM02		
1	pH	-	7,01	6,98	6,0-8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	10	12	≤100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	5,12	5,10	≥5,0	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	17	18	≤ 15	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5	mg/L	5	6	≤ 6	TCVN 6001-1:2021
6	Clorua (Cl^-)*	mg/L	76	70	250	TCVN 6194:1996
7	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	0,022	0,026	0,05	SMEWW 4500-NO_2^- .B:2023
8	Nitrat ($N_NO_3^-$)	mg/L	0,96	0,72	-	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2023
9	Tổng phospho	mg/L	0,23	0,19	≤0,3	SMEWW 4500-P. B&D:2023
10	Tổng Nitơ	mg/L	1,05	1,12	≤1,5	SMEWW 4500-N C:2023
11	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,6)	KPH (MDL=0,6)	-	SMEWW 5520B&F:2023
12	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$5,6 \times 10^2$	6×10^2	≤5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
  Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợpKPH: Không phát hiện;
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☑ Sông, suối: TCVN 6663 - 6: 2018 ☑ Bảo quản xử lý mẫu nước: TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-14:2018

☑ Ao hồ: TCVN 6663-4:2018 ☑ Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu: TCVN 6663-1 : 2011

Kỹ hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:
- NM01: Nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải vào suối Hồ Dã (tại cầu số 1) (Kinh độ: 106°35'32.9'', Vĩ độ: 11°23'17.6'') - Nước trong, ít cặn
- NM02: Nước mặt tại điểm hạ lưu so với vị trí tiếp nhận nước vào suối Hồ Đá (Kinh độ: 106°35'30.8'', Vĩ độ: 11°23'17.1'') - Nước trong, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010159 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhlocmoitruong.com

066

Mã số phiếu: DVE-0730-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 – 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

LÊ THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 40.1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37080199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.duanthiennoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0730-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT
(Mã số mẫu: 240610005_NM03)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT, Mức B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NM03		
	pH	-	6,96	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011
2	TSS	mg/L	13	≤100	TCVN 6625:2000
3	DO	mg/L	5,05	≥ 5,0	TCVN 7325:2016
4	COD	mg/L	19	≤ 15	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5	mg/L	8	≤ 6	TCVN 6001-1:2021
6	Clorua (Cl⁻)*	mg/L	110	250	TCVN 6194:1996
7	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	0,018	0,05	SMEWW 4500-NO_2^- .B:2023
8	Nitrat ($N_NO_3^-$)	mg/L	1,16	-	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2023
9	Tổng phospho	mg/L	KPH (MDL: 0,03)	≤ 0,3	SMEWW 4500-P. B&D:2023
10	Tổng Nitơ	mg/L	1,32	≤ 1,5	SMEWW 4500-N.C:2023
11	Dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (MDL=0,6)	-	SMEWW 5520B&F:2023
12	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$9,2 \times 10^2$	≤ 5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 08: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt
  Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp
  KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

[V] Sông, suối TCVN 6663 - 6: 2018 [V] Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 :2016; TCVN 6663-14:2015

[V] Ao hồ TCVN 6663-4:2018 [V] Lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1 : 2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu và mô tả mẫu:
- NM03: Nước mặt tại điểm tiếp nhận nước thải vào suối Hố Đá (tại cống xả hiện hữu của KCN) (Kinh độ: 106°35'40.2'', Vĩ độ: 11°23'17,4'') – Nước trong, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhdemoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 - 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 - 6/6

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ThS. PHAN THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.thanhiemmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 240610005_NT01)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT01	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
1	Độ màu*	Pt-Co	52	150	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2	pH	-	7,46	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS*	mg/L	16	100	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	120	150	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5*	mg/L	42	50	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni ($N_NH_4^+$)*	mg/L	6,8	10	TCVN 5988:1995
7	Sulfua (S^{2-})	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,5	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
8	Tổng Nitơ*	mg/L	27,5	40	TCVN 6638:2000
9	Tổng phospho*	mg/L	3,25	6	SMEWW 4500-P. B&D:2023
10	Clorua (Cl⁻)*	mg/L	320	1.000	TCVN 6194:1996
11	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	0,032	-	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
12	Nitrat ($N_NO_3^-$)*	mg/L	2,10	-	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
13	Sắt (Fe)	mg/L	0,530	5	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
14	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL=0,076)	2	SMEWW 3111B:2023
15	Kẽm (Zn)*	mg/L	0,663	3	SMEWW 3111B:2023
16	Mangan (Mn)	mg/L	0,343	1	SMEWW 3111B:2023
17	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,1	SMEWW 3113B:2023
18	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,1	SMEWW 3113B:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
DC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn – Website: www.daiviet-moitruong.com

066

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT01	QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
19	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,01	TCVN 7877:2008
20	Chì (Pb)	mg/L	0,028	0,5	SMEWW 3113B:2023
21	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	0,1	SMEWW 3500-Cr:2023
22	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,007)	1	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
23	Tổng Xianua (CN)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1	SMEWW 4500 CN. C &E:2023
24	Tổng phenol	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,5	TCVN 6216:1996
25	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,5	SMEWW 3113B:2023
26	Dầu mỡ khoáng	mg/L	6,2	10	SMEWW 5520B&F:2023
27	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	28×10^2	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
  Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

Nước thải TCVN 5999 : 1995 Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018

Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NT01: Nước thải tại điểm tiếp nhận nước thải vào công trình xử lý (Kinh độ: 106°35'53.1'', Vĩ độ: 11°23'12.7'') – Nước vàng, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhlicamoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH NƯỚC THẢI
(Mã số mẫu: 240610005_NT02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN40:2011/ BTNMT, Cột A, Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT02		
1	Độ màu*	Pt-Co	< 30	50	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
2	pH	-	7,43	6 – 9	TCVN 6492:2011
3	TSS*	mg/L	15	49,5	TCVN 6625:2000
4	COD	mg/L	36	74,3	SMEWW 5220C:2023
5	BOD_5*	mg/L	11	29,7	TCVN 6001-1: 2021
6	Amoni ($N_NH_4^+$)*	mg/L	0,52	4,95	SMEWW 4500 – NH3.B&F:2023
7	Sulfua (S^{2-})	mg/L	KPH (MDL: 0,03)	0,5	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2023
8	Tổng Nitơ*	mg/L	10,7	19,8	TCVN 6638:2000
9	Tổng phospho*	mg/L	1,96	3,6	SMEWW 4500-P. B&D:2023
10	Clorua (Cl^-)*	mg/L	410	495	TCVN 6194:1996
11	Nitrit ($N_NO_2^-$)*	mg/L	KPH (MDL: 0,009)	-	SMEWW 4500-NO_2^-.B:2023
12	Nitrat ($N_NO_3^-$)*	mg/L	10,8	-	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2023
13	Sắt (Fe)	mg/L	KPH (MDL: 0,09)	0,99	SMEWW 3500-Fe. B : 2023
14	Đồng (Cu)*	mg/L	KPH (MDL: 0,076)	1,98	SMEWW 3111B:2023
15	Kẽm (Zn)*	mg/L	0,383	2,97	SMEWW 3111B:2023
16	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (MDL: 0,084)	0,495	SMEWW 3111B:2023
17	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (MDL: 0,0027)	0,1	SMEWW 3113B:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhlocmoitruong.com

066

Mã số phiếu: DVT-0729-2/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả NT02	QCVN40:2011/ BTNMT, Cột A, Cmax=CxKqxKf	Phương pháp đo đạc, phân tích
18	Asen (As)	mg/L	KPH (MDL=0,0024)	0,0495	SMEWW 3113B:2023
19	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	0,00495	TCVN 7877:2008
20	Chì (Pb)	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,099	SMEWW 3113B:2023
21	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,0495	SMEWW 3500-Cr:2023
22	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,198	SMEWW 3113B:2023 & SMEWW 3500-Cr:2023
23	Tổng Xianua (CN^-)	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,0693	SMEWW 4500 CN^-. C &E:2023
24	Niken (Ni)	mg/L	KPH (MDL=0,0027)	0,198	SMEWW 3113B:2023
25	Tổng phenol	mg/L	KPH (MDL=0,03)	0,5	TCVN 6216:1996
26	Dầu mỡ khoáng	mg/L	2,1	4,95	SMEWW 5520B&F:2023
27	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	$5,5 \times 10^3$	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp
  Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
  Cmax là giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận nước thải
  C là giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại bảng 1 QCVN 40 : 2011/BTNMT
  Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải: Kq = 0,9 ứng với Q ≤ 50 m^3/s
  Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải: Kf = 1,1 ứng với 200 < F ≤ 500 m^3/24h
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu:

☑ Nước thải TCVN 5999 : 1995 ☑ Bảo quản xử lý mẫu nước TCVN 6663-3 : 2016; TCVN 6663-14: 2018

☑ Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu TCVN 6663-1:2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: dalviet@dve.vn – Website: www.thanhiennmaitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0729-2/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2024

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:

- NT02: Nước thải đầu ra của công trình xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận (Kinh độ: 106°35'51.9'', Vĩ độ: 11°23'12.0'') – Nước khá trong, ít cặn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thanhlocmoitruong.com

VILAS 744 066

Mã số phiếu: DVE 0732/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 - 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2/2

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ThS. PHAN THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dvn.vn – Website: www.thanhlienmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE 0732/2406

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC, PHÂN TÍCH ĐẤT

(Mã số mẫu: 240610005_DD01-02)

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03 : 2023/BTNMT – Đất công nghiệp	Phương pháp đo đạc, phân tích
			DD01	DD02		
1	Asen (As)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,08)	KPH (MDL=0,08)	200	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7010
2	Chì (Pb)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=14,9)	KPH (MDL=14,9)	700	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B
3	Cadimi (Cd)	mg/kg đất khô	KPH (MDL=0,07)	KPH (MDL=0,07)	60	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7010
4	Đồng (Cu)*	mg/kg đất khô	12,2	15,3	2.000	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B
5	Kẽm (Zn)*	mg/kg đất khô	44,3	81,1	2.000	TCVN 6649:2000 + US EPA Method 7000B

Ghi chú:

- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất
- KPH: Không phát hiện
- MDL: Ngưỡng phát hiện

Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu:

- Đất: TCVN 7538-2:2005; TCVN 7538-3:2005; TCVN 7538-1:2006; TCVN 7538-4:2007; TCVN 7538-5:2007

Kí hiệu vị trí lấy mẫu:

- DD01: Đất tại nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Chơn Thành I (Kinh độ: 106°35'53.5'', Vĩ độ: 11°23'12.3'')
- DD02: Đất tại khu vực dịch vụ điều hành KCN (Kinh độ: 106°36'47.8'', Vĩ độ: 11°23'26.6'')

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daiviet@dve.vn - Website: www.thuathienmoitruong.com

VILAS 713

Mã số phiếu: DVE-0731/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
2. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
3. Địa chỉ : Khu phố 2, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
4. Người lấy mẫu : Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thanh Hùng
5. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, KCN hoạt động bình thường
6. Ngày đo đạc, lấy mẫu : 10/06/2024
7. Thời gian phân tích : 10/06/2024 – 17/06/2024
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

KS. TRẦN THỊ HẢI HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

ThS. PHAN THANH QUÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4CI KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: daivietdt@dve.vn – Website: www.thanhlienmoitruong.com

Mã số phiếu: DVE-0731/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC TIẾNG ỒN VÀ VI KHÍ HẬU
(Mã số mẫu: 240610005_KK01-07)

Vị trí đo	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Tiếng ồn* (dBA)
KK01	32,5	64,6	0,4	64,1
KK02	32,5	65,2	0,4	63,9
KK03	32,5	65,2	0,4	63,8
KK04	32,5	62,6	0,3	60,8
KK05	32,3	60,4	0,3	61,0
KK06	32,1	68,8	0,4	64,4
KK07	32,0	67,6	0,4	63,6
QCVN 26 : 2010/BTNMT	-	-	-	≤ 70
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	QCVN 46:2022/BTNMT			TCVN 7878-2:2018

Ghi chú:
- (*) Thông số đã được VILAS công nhận
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- KK01: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 3 với đường số 8 (Kinh độ: 106°35'54.9'', Vĩ độ: 11°23'24.2'')
- KK02: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 với đường số 8 (Kinh độ: 106°36'10.1'', Vĩ độ: 11°23'24.1'')
- KK03: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 với đường số 10 (Kinh độ: 106°36'10.0'', Vĩ độ: 11°23'17.5'')
- KK04: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 7 với đường số 6 (Kinh độ: 106°36'26.3'', Vĩ độ: 11°23'30.4'')
- KK05: Khu vực trung tâm điều hành KCN (Kinh độ: 106°35'53.9'', Vĩ độ: 11°23'11.7'')
- KK06: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN đầu hướng gió (Kinh độ: 106°35'52.9'', Vĩ độ: 11°23'12.1'')
- KK07: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN cuối hướng gió (Kinh độ: 106°35'53.8'', Vĩ độ: 11°23'12.5'')

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
ĐC: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P. Thạnh Lộc, Q.12, Tp. HCM
ĐT: (84.28) 37010199 - (84.28) 37164879 - Fax: (84.28) 37010198
Email: dvi@dve.vn - Website: www.thanhcamoitruong.com

Mã số phiếu: DVE.0731/2406 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2024*

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ
(Mã số mẫu: 240610005_KK01-07)

Vị trí đo	Tổng bụi lơ lửng ($\mu g/Nm^3$)	NO_2 ($\mu g/Nm^3$)	SO_2 ($\mu g/Nm^3$)	CO ($\mu g/Nm^3$)	THC[#] ($\mu g/Nm^3$)
KK01	210	92	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK02	180	82	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK03	220	84	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK04	236	65	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK05	215	67	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK06	234	75	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
KK07	196	69	< 90	< 16.500	KPH (LOD=14,6)
QCVN 05 : 2023/BTNMT	**≤ 300**	**≤ 200**	**≤ 350**	**≤ 30.000**	**≤ 5.000**
Phương pháp đo đạc/lấy mẫu, phân tích	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.TN.04	NIOSH 1500

Ghi chú:
- *(#)* (Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ (Trung tâm Công nghệ Môi trường, Viện Môi trường và Tài nguyên Vimcerts 077)
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- KPH: Không phát hiện

Ký hiệu vị trí lấy mẫu:
- KK01: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 3 với đường số 8 (Kinh độ: 106°35'54.9'', Vĩ độ: 11°23'24.2'')
- KK02: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 với đường số 8 (Kinh độ: 106°36'10.1'', Vĩ độ: 11°23'24.1'')
- KK03: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 5 với đường số 10 (Kinh độ: 106°36'10.0'', Vĩ độ: 11°23'17.5'')
- KK04: Khu vực đường giao nhau giữa ngã tư đường số 7 với đường số 6 (Kinh độ: 106°36'26.3'', Vĩ độ: 11°23'30.4'')
- KK05: Khu vực trung tâm điều hành KCN (Kinh độ: 106°35'53.9'', Vĩ độ: 11°23'11.7'')
- KK06: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN đầu hướng gió (Kinh độ: 106°35'52.9'', Vĩ độ: 11°23'12.1'')
- KK07: Khu vực xử lý nước thải tập trung của KCN cuối hướng gió (Kinh độ: 106°35'53.8'', Vĩ độ: 11°23'12.5'')

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 16 tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 16/01/2025 8h00 15/01/2025	Chỉ số mới	27056
		Chỉ số cũ	26671
		Tiêu thụ Kwh	385

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..10..kg, Clorine..5...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....615..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....585..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 17.. tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 17/01/2025 8h00 16/01/2025	Chỉ số mới	27607
		Chỉ số cũ	27036
		Tiêu thụ Kwh	571

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4……kg, PAC.40…kg, Clorine.5…kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: …896…… m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: …330….m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……5…..Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống pluo tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 18.. tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 18/01/2025 8h00 17/01/2025		Chỉ số mới	27734
			Chỉ số cũ	27467
			Tiêu thụ Kwh	367

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..8...kg, Clorine.6...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...489..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....456.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 19 **tháng 01 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 19/01/2025 8h00 18/01/2025	Chỉ số mới	28148
		Chỉ số cũ	27874
		Tiêu thụ Kwh	274

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..10...kg, Clorine..8..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..575..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...550...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 20.. tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 30/01/2025 8h00 31/01/2025		Chỉ số mới	28579
			Chỉ số cũ	28248
			Tiêu thụ Kwh	396

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..8...kg, Clorine.4...kg, Polyme,.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..336..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...342....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☒Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 24.. tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 23/01/2025 8h00 24/01/2025	Chỉ số mới	28898
		Chỉ số cũ	28544
		Tiêu thụ Kwh	354

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 10..kg, Clorine..5..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...360..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...350...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....2.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 22 tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 22/01/2025 8h00 21/01/2025	Chỉ số mới	292.67
		Chỉ số cũ	287.98
		Tiêu thụ Kwh	569

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..8...kg, Clorine.42...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..515..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...353...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 29 tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 29/01/2025	Chỉ số mới	29606
	8h00 28/01/2025	Chỉ số cũ	29247
		Tiêu thụ Kwh	359

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 10 kg, Clorine 15 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: 340 m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: 310 m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: 5 Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 24.. tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 24/01/2025 8h00 25/01/2025	Chỉ số mới	29968
		Chỉ số cũ	29646
		Tiêu thụ Kwh	322

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 40....kg, Clorine 5...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....341..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....315...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 25 tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 25/01/2025	Chỉ số mới	30339
	8h00 24/01/2025	Chỉ số cũ	29968
		Tiêu thụ Kwh	371

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC: 8....kg, Clorine 4....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....339..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....301.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....8.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 26.. tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 26/01/2025 8h00 27/01/2025	Chỉ số mới	30 708
		Chỉ số cũ	31 339
		Tiêu thụ Kwh	369

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 1C....kg, Clorine 5....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....512..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....391.... m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 27 tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 27/01/2025 8h00 26/01/2025	Chỉ số mới	31078
		Chỉ số cũ	30708
		Tiêu thụ Kwh	370

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.√....kg, Clorine.√...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....√..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....√....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....√.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

Nghỉ tết 2025 đang cuối vì sinh không xử

lý nước thải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

Nguyễn Hường

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 28 tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 28/01/2025 8h00 27/01/2025	Chỉ số mới	91508
		Chỉ số cũ	91078
		Tiêu thụ Kwh	430

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.V....kg, Clorine.V...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....V..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....V....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....V....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....Nước vào hệ thống xử lý vào Hxt.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 29.. tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 29/01/2025	Chỉ số mới	31607
	8h00 28/01/2025	Chỉ số cũ	31308
		Tiêu thụ Kwh	299

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PACX...kg, Clorine V...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....V..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....V.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....V.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

..... Mưa... vì Cũ,... không... kịp... xử... nước thải.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 30.. tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 30/01/2025		Chỉ số mới	31984
	8h00 31/01/2025		Chỉ số cũ	31607
			Tiêu thụ Kwh	377

2. Hóa chất: NaOH.....kg, H2SO4.....kg, PAC..V...kg, Clorine..V...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....V..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....V.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....V....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....Nước vào ổn định, không xử lý gì thêm hôm nay.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

Hường

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 31/01/2025 8h00 30/01/2025	Chỉ số mới	32279
		Chỉ số cũ	31984
		Tiêu thụ Kwh	295

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

Nước vào hồ không xử lý mức H2a

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..... tháng 01 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025 8h00..../01/2025		Chỉ số mới	
			Chỉ số cũ	
			Tiêu thụ Kwh	

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: □Bình thường □Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: □Bình thường □Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm □Bình thường □Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy □Bình thường □Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí □Bình thường □Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng □Bình thường □Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống □Bình thường □Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 02 NĂM 2025

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 01 tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 01/02/2025		Chỉ số mới	32653
	8h00 31/01/2025		Chỉ số cũ	32279
			Tiêu thụ Kwh	374

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC...V...kg, Clorine.V...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....V.....m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....V.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....V.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....Tưới cây, vệ sinh khu vực xử lý nước thải.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 02 tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 02/02/2025 8h00 01/02/2025	Chỉ số mới	32830
		Chỉ số cũ	32553
		Tiêu thụ Kwh	277

2. Hóa chất: NaOH:...kg, H2SO4...kg, PAC...kg, Clorine...kg, Polyme...kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☐Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày...5... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../02/2025 8h00..../02/2025	Chỉ số mới	33141
		Chỉ số cũ	32930
		Tiêu thụ Kwh	211

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....0..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....1.2....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☐Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..4.. tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../02/2025 8h00.../02/2025		Chỉ số mới	32,491
			Chỉ số cũ	32,140
			Tiêu thụ Kwh	351

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC...40.kg, Clorine...4.kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...453..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....432.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....1.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☐Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☐Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☒Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..5... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../02/2025	Chỉ số mới	33879
	8h00..../02/2025	Chỉ số cũ	33497
		Tiêu thụ Kwh	382

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..43..kg, Clorine..5...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....515..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....512...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..4... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../02/2025 8h00..../02/2025		Chỉ số mới	34457
			Chỉ số cũ	33917
			Tiêu thụ Kwh	540

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..540..kg, Clorine...2..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....564..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....55.1...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....1.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☒Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 2... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../02/2025	Chỉ số mới	31 634
	8h00.../02/2025	Chỉ số cũ	31 237
		Tiêu thụ Kwh	397

2. Hóa chất: NaOH.....kg, H2SO4.....kg, PAC..442kg, Clorine..6..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....301..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....561...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 3 **tháng 02 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hưởng

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../02/2025 8h00.../02/2025	Chỉ số mới	55026
		Chỉ số cũ	54634
		Tiêu thụ Kwh	392

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..200kg, Clorine...3..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: 605..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...600.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..1... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../02/2025 8h00..../02/2025	Chỉ số mới	85345
		Chỉ số cũ	85026
		Tiêu thụ Kwh	319

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..200.kg, Clorine..8..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....443..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....432..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....3.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 1... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../02/2025 8h00.../02/2025		Chỉ số mới	35762
			Chỉ số cũ	35595
			Tiêu thụ Kwh	167

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC. 2...kg, Clorine..5..kg, Polymc.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...594..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...282...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☐ Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☐ Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..11.... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../02/2025 8h00.../02/2025		Chỉ số mới	36102
			Chỉ số cũ	35762
			Tiêu thụ Kwh	340

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..25..kg, Clorine..5..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....450.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: 225.m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 25/02/2025		Chỉ số mới	30475
	8h00 24/02/2025		Chỉ số cũ	30102
			Tiêu thụ Kwh	373

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..50..kg, Clorine..5..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....617.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....600..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....50....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..25.. tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hưởng

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 25/02/2025 8h00 26/02/2025		Chỉ số mới	36 408
			Chỉ số cũ	35 998
			Tiêu thụ Kwh	410

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20..kg, Clorine..8..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..600..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ..600....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh:.....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 14... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../02/2025 8h00.../02/2025	Chỉ số mới	38312
		Chỉ số cũ	38 [illegible]2
		Tiêu thụ Kwh	[illegible]

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC...[illegible]kg, Clorine..5..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....[illegible]..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....[illegible]..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....X.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..16. tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 …./02/2025 8h00…./02/2025	Chỉ số mới	37547
		Chỉ số cũ	37230
		Tiêu thụ Kwh	317

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4……kg, PAC..40..kg, Clorine..8..kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ……402…. m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ……392.m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……5kg…Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 19 tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../02/2025 8h00..../02/2025		Chỉ số mới	57860
			Chỉ số cũ	57547
			Tiêu thụ Kwh	313

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..20..kg, Clorine..8..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....381..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....370..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố;(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....Thay nhớt 2 máy thổi khí thứ 2 vận hành.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày.12... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hưởng

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 12/02/2025		Chỉ số mới	38205
	8h00 13/02/2025		Chỉ số cũ	37860
			Tiêu thụ Kwh	345

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.10..kg, Clorine..8..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...339..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....340....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....8.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 12.... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ngày 11/02/2025 8h00 ngày 12/02/2025		Chỉ số mới	38547
			Chỉ số cũ	38107
			Tiêu thụ Kwh	440

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..15..kg, Clorine..8..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....375..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....351..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☐Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☐Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 19.. tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 19/02/2025 8h00 20/02/2025	Chỉ số mới	38826
		Chỉ số cũ	38[illegible]5
		Tiêu thụ Kwh	[illegible]

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..15...kg, Clorine..8...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...378..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...333...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 22.. tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 20/02/2025 8h00 21/02/2025	Chỉ số mới	39172
		Chỉ số cũ	38826
		Tiêu thụ Kwh	346

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..8...kg, Clorine..5...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...587..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....561.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 24 **tháng 02 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 23/02/2025 8h00 24/02/2025	Chỉ số mới	19 582
		Chỉ số cũ	19 432
		Tiêu thụ Kwh	350

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 40....kg, Clorine 8....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....360..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....3.51...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 22 **tháng 02 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 22/02/2025 8h00 23/02/2025	Chỉ số mới	39832
		Chỉ số cũ	39472
		Tiêu thụ Kwh	360

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 10 kg, Clorine 5 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...362..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...348...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 23 tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 23 /02/2025 8h00 22/02/2025		Chỉ số mới	40169
			Chỉ số cũ	39832
			Tiêu thụ Kwh	337

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 15 kg, Clorine 5 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....577..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....579..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 24.. tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 24/02/2025 8h00 25/02/2025	Chỉ số mới	42504
		Chỉ số cũ	41969
		Tiêu thụ Kwh	535

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC. 45..kg, Clorine..5...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....550..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....333..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 25 tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../02/2025 8h00.../02/2025	Chỉ số mới	40844
		Chỉ số cũ	40504
		Tiêu thụ Kwh	340

2. **Hóa chất:** NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..15..kg, Clorine..5...kg, Polyme.....kg

3. **Lưu lượng nước thải đầu vào:** ....412..... m3/ng.đêm

4. **Lưu lượng nước thải đầu ra:** ....408....m3/ng.đêm

5. **Lượng bùn thải phát sinh:** .....5.....Kg

6. **Tình trạng hoạt động của các thiết bị.**

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. **Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 20 tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 …/02/2025 8h00…./02/2025	Chỉ số mới	41 535
		Chỉ số cũ	41 268
		Tiêu thụ Kwh	267

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4…….kg, PAC 200 kg, Clorine 45 kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: …550…… m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ….511….m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……5……Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:……

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:……

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:……

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:……

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:……

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:……

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 07 tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 … /02/2025 8h00…./02/2025		Chỉ số mới	41580
			Chỉ số cũ	41283
			Tiêu thụ Kwh	297

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4……kg, PAC..280.kg, Clorine..30..kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..516.2..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...555...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……7……Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:……

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:……

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:……

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:……

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 25... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../02/2025 8h00..../02/2025		Chỉ số mới	41349
			Chỉ số cũ	41284
			Tiêu thụ Kwh	65

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 …./02/2025		Chỉ số mới	
	8h00…./02/2025		Chỉ số cũ	
			Tiêu thụ Kwh	

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4……kg, PAC……kg, Clorine……kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: …… m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ……m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: □Bình thường □Hiện tượng:……

b. Tủ điện: □Bình thường □Hiện tượng:……

c. Hệ thống bơm chìm □Bình thường □Hiện tượng:……

d. Hệ thống máy khuấy □Bình thường □Hiện tượng:……

e. Hệ thống máy thổi khí □Bình thường □Hiện tượng:……

f. Hệ thống bơm định lượng □Bình thường □Hiện tượng:……

g. Hệ thống đường ống □Bình thường □Hiện tượng……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..... tháng 02 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../02/2025 8h00.../02/2025		Chỉ số mới	
			Chỉ số cũ	
			Tiêu thụ Kwh	

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☐Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☐Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 03 NĂM 2025

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..1... tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025 8h00.../01/2025	Chỉ số mới	42256
		Chỉ số cũ	41919
		Tiêu thụ Kwh	361

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..20.kg, Clorine..40.kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....403.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....392..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày...5... tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025 8h00 .../01/2025		Chỉ số mới	[illegible]
			Chỉ số cũ	[illegible]
			Tiêu thụ Kwh	[illegible]

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 2 **tháng 03 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 03/01/2025 8h00 02/04/2025	Chỉ số mới	92.927
		Chỉ số cũ	92.639
		Tiêu thụ Kwh	288

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20 kg, Clorine 5 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..... 424 .. m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .... 360 ..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ..... 5 ....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑ Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑ Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑ Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑ Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑ Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑ Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑ Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành



NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 04 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 04/01/2025 8h00 05/01/2025	Chỉ số mới	95274
		Chỉ số cũ	92977
		Tiêu thụ Kwh	3497

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.10...kg, Clorine.5...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...410..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ..385...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 05 **tháng 03 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 05/01/2025 8h00 04/01/2025	Chỉ số mới	38624
		Chỉ số cũ	038274
		Tiêu thụ Kwh	350

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC. 10...kg, Clorine. 5..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....916.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...591....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 05 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 04/01/2025 8h00 05/01/2025	Chỉ số mới	46981
		Chỉ số cũ	45624
		Tiêu thụ Kwh	383

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..15..kg, Clorine..7..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....480..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....389....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 07 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ~~07~~/01/2025		Chỉ số mới	49372
	8h00 06/01/2025		Chỉ số cũ	49007
			Tiêu thụ Kwh	365

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.20..kg, Clorine.10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...405..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....386...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 08 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 08/01/2025 8h00 09/01/2025	Chỉ số mới	99732
		Chỉ số cũ	99373
		Tiêu thụ Kwh	359

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..60...kg, Clorine.50..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..601..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ..510.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..2.. tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../01/2025 8h00.../01/2025		Chỉ số mới	45073
			Chỉ số cũ	44731
			Tiêu thụ Kwh	342

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..15..kg, Clorine..8..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...422..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....407...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 19 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../01/2025 8h00..../01/2025	Chỉ số mới	~~45~~ 45454405
		Chỉ số cũ	45073
		Tiêu thụ Kwh	332

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC. 15 kg, Clorine..5..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....329..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....325...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định hượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..11. tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 …./01/2025 8h00…./01/2025	Chỉ số mới	45750
		Chỉ số cũ	45405
		Tiêu thụ Kwh	345

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4……kg, PAC. 15..kg, Clorine..8..kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: …401…… m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ….392…..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……5……Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 1... tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ../01/2025 8h00.../01/2025	Chỉ số mới	
		Chỉ số cũ	
		Tiêu thụ Kwh	

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC. ...kg, Clorine...?..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 12 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 12/01/2025 8h00 13/01/2025	Chỉ số mới	46065
		Chỉ số cũ	45606
		Tiêu thụ Kwh	459

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 1.....kg, Clorine. 1...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...600..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...600....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 24 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../01/2025 8h00..../01/2025	Chỉ số mới	1.2
		Chỉ số cũ	4
		Tiêu thụ Kwh	8

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 15 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hưởng-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../01/2025 8h00..../01/2025	Chỉ số mới	42185
		Chỉ số cũ	41829
		Tiêu thụ Kwh	356

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.150...kg, Clorine.30...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 16 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../01/2025 8h00..../01/2025	Chỉ số mới	47546
		Chỉ số cũ	47175
		Tiêu thụ Kwh	371

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..15..kg, Clorine..3..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....6.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 17.. tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 17/01/2025 8h00 18/01/2025	Chỉ số mới	07912
		Chỉ số cũ	07540
		Tiêu thụ Kwh	372

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....416..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...393....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 15 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025 8h00.../01/2025	Chỉ số mới	48292
		Chỉ số cũ	47912
		Tiêu thụ Kwh	380

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 10...kg, Clorine 10 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...610..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...583...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	□ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 10 **tháng 03 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025		Chỉ số mới	98552
	8h00.../01/2025		Chỉ số cũ	98242
			Tiêu thụ Kwh	310

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC. 20 kg, Clorine. 10 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....612..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....580..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....2.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành



NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 20.. tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 …./01/2025 8h00…./01/2025	Chỉ số mới	48940
		Chỉ số cũ	48552
		Tiêu thụ Kwh	388

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4……kg, PAC..20..kg, Clorine..10..kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..602…… m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: …386…m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……5……Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:……
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:……
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:……
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:……
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:……
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 21 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025 8h00 .../01/2025	Chỉ số mới	49391
		Chỉ số cũ	48790
		Tiêu thụ Kwh	601

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4. 10.kg, PAC 20...kg, Clorine 10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....416... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....398..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 22.. tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025 8h00.../01/2025		Chỉ số mới	49761
			Chỉ số cũ	49391
			Tiêu thụ Kwh	370

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC25...kg, Clorine40..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...600..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....588...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☒Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 23 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025 8h00..../01/2025	Chỉ số mới	50130
		Chỉ số cũ	49761
		Tiêu thụ Kwh	378

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.10...kg, Clorine..5..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....600.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....576...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 24.. tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../01/2025 8h00..../01/2025	Chỉ số mới	50456
		Chỉ số cũ	50139
		Tiêu thụ Kwh	317

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..20..kg, Clorine..X..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....382..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....371....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

Vệ sinh bể nén bùn.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 25 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025 8h00..../01/2025		Chỉ số mới	50772
			Chỉ số cũ	50456
			Tiêu thụ Kwh	316

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 200 kg, Clorine 8 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....527..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....527..... m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 26.. tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 26/01/2025 8h00 25/01/2025	Chỉ số mới	51125
		Chỉ số cũ	50772
		Tiêu thụ Kwh	353

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..20..kg, Clorine..40..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....527..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....560..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 27 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 26/01/2025 8h00 27/01/2025		Chỉ số mới	54520
			Chỉ số cũ	54125
			Tiêu thụ Kwh	395

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..40..kg, Clorine..40..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....391..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....353..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....45....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 23 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../01/2025		Chỉ số mới	1 1 0 5
	8h00..../01/2025		Chỉ số cũ	1 0 7 2
			Tiêu thụ Kwh	33

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC: 12...kg, Clorine: 15...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....324..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....315...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ...15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 24.. tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../01/2025 8h00..../01/2025		Chỉ số mới	52158
			Chỉ số cũ	51858
			Tiêu thụ Kwh	300

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 200..kg, Clorine...12kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....570..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....540....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ..... 15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống pháo tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

Hường

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..02.. tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../01/2025 8h00..../01/2025	Chỉ số mới	52476
		Chỉ số cũ	52153
		Tiêu thụ Kwh	323

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..40...kg, Clorine...60kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...620..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...611....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....2.5....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☐Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☐Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 22 tháng 03 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ...../01/2025 8h00.../01/2025	Chỉ số mới	52762
		Chỉ số cũ	52476
		Tiêu thụ Kwh	286

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20 kg, Clorine 10 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...549..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....521...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 04 NĂM 2025

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 1 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../04/2025 8h00.../04/2025	Chỉ số mới	53047
		Chỉ số cũ	52762
		Tiêu thụ Kwh	285

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20 kg, Clorine 10 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...421..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....413....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 4 **tháng 04 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 2../04/2025 8h00 1../04/2025	Chỉ số mới	53335
		Chỉ số cũ	53047
		Tiêu thụ Kwh	288

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC:20..kg, Clorine:60..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....407..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....403....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ....45.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 3 **tháng 04 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 03/04/2025 8h00 02/04/2025	Chỉ số mới	53603
		Chỉ số cũ	53335
		Tiêu thụ Kwh	368

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 15 kg, Clorine 10 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....615..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....398.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 4.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .4./04/2025 8h00 5../04/2025	Chỉ số mới	53863
		Chỉ số cũ	53603
		Tiêu thụ Kwh	260

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.15..kg, Clorine.45..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..560..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....556...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..5.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..5../04/2025 8h00..4../04/2025	Chỉ số mới	54172
		Chỉ số cũ	53863
		Tiêu thụ Kwh	309

2. Hóa chất: NaOH.....kg, H2SO4.....kg, PAC 15....kg, Clorine 10...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..612..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...390....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ...14.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 4 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 4/04/2025 8h00 5/04/2025	Chỉ số mới	54987
		Chỉ số cũ	54772
		Tiêu thụ Kwh	215

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.15..kg, Clorine.12..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....629.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...396...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ...40.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..7.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025 8h00..../04/2025	Chỉ số mới	54378
		Chỉ số cũ	54107
		Tiêu thụ Kwh	271

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..200.kg, Clorine..50.kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....421..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....421....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..12.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../04/2025 8h00.../04/2025		Chỉ số mới	5 5 1 4 3
			Chỉ số cũ	[illegible]
			Tiêu thụ Kwh	[illegible]

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..[illegible]..kg, Clorine..[illegible]..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....[illegible].... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....[illegible]...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☐Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

[illegible]

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày...2.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025 8h00..../04/2025	Chỉ số mới	55521
		Chỉ số cũ	55193
		Tiêu thụ Kwh	328

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.40..kg, Clocine..10.kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....433..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....403..... m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....45.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống dường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..11. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025 8h00.../04/2025	Chỉ số mới	1 129
		Chỉ số cũ	1 [illegible]
		Tiêu thụ Kwh	573

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..[illegible]kg, Clorine..[illegible]kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....[illegible]..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....[illegible]..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....[illegible].....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..13.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../04/2025 8h00.../04/2025	Chỉ số mới	56264
		Chỉ số cũ	55536
		Tiêu thụ Kwh	728

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...600..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..12.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 …./04/2025 8h00…./04/2025	Chỉ số mới	5 6 6 3 5
		Chỉ số cũ	5 5 2 4 1
		Tiêu thụ Kwh	2 4 5

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4……kg, PAC..25..kg, Clorine…23.kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ….4.51…… m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ….4.45…m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……25….Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 12. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025 8h00..../04/2025		Chỉ số mới	57850
			Chỉ số cũ	57545
			Tiêu thụ Kwh	305

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..50..kg, Clorine..42.kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...625..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....607...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 14 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 14/04/2025 8h00 15/04/2025	Chỉ số mới	97378
		Chỉ số cũ	97070
		Tiêu thụ Kwh	308

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20....kg, Clorine 10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....616..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....389...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..15. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 15/04/2025 8h00 16/04/2025		Chỉ số mới	57720
			Chỉ số cũ	57378
			Tiêu thụ Kwh	342

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..20..kg, Clorine..10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...600..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...582.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....40.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 15.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 16/04/2025 8h00 15/04/2025	Chỉ số mới	58082
		Chỉ số cũ	57920
		Tiêu thụ Kwh	162

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20...kg, Clorine 10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...417..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....401....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 17 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 17/04/2025 8h00 16/04/2025	Chỉ số mới	58.894
		Chỉ số cũ	58.682
		Tiêu thụ Kwh	212

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.20..kg, Clorine.10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....615..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....598...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 15.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 15./04/2025 8h00 16./04/2025	Chỉ số mới	55770
		Chỉ số cũ	55394
		Tiêu thụ Kwh	376

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.20...kg, Clorine.10...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...616..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....410...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 19... tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 19/04/2025 8h00 18/04/2025	Chỉ số mới	59062
		Chỉ số cũ	58770
		Tiêu thụ Kwh	292

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20..kg, Clorine..10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...460..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....379...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 20 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 20/04/2025		Chỉ số mới	59413
	8h00 19/04/2025		Chỉ số cũ	59062
			Tiêu thụ Kwh	351

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20...kg, Clorine 10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...4.19..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....421.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 11 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 …./04/2025 8h00…./04/2025	Chỉ số mới	59766
		Chỉ số cũ	59413
		Tiêu thụ Kwh	353

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4……kg, PAC. 20 kg, Clorine. 10kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: …414…… m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: …403…m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……45……Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:……

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 22.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../04/2025 8h00.../04/2025	Chỉ số mới	60118
		Chỉ số cũ	59766
		Tiêu thụ Kwh	352

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..29..kg, Clorine..60..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...424..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...413...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống pheo tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 25 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../04/2025 8h00.../04/2025	Chỉ số mới	60470
		Chỉ số cũ	60418
		Tiêu thụ Kwh	52

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20 kg, Clorine 0 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...417..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....403...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 24.. tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../04/2025 8h00.../04/2025	Chỉ số mới	60323
		Chỉ số cũ	59970
		Tiêu thụ Kwh	353

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20..kg, Clorine 15..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...421..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...429...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 23 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025 8h00..../04/2025		Chỉ số mới	61174
			Chỉ số cũ	60823
			Tiêu thụ Kwh	351

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 92...kg, Clorine 10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....423..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....411..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 26 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025 8h00..../04/2025	Chỉ số mới	61530
		Chỉ số cũ	61974
		Tiêu thụ Kwh	556

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20..kg, Clorine 60.kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..612..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...603....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 23 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../04/2025 8h00.../04/2025	Chỉ số mới	61856
		Chỉ số cũ	61530
		Tiêu thụ Kwh	326

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..40..kg, Clorine..80..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...514..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...507...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....45....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 27 tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 28/04/2025 8h00 27/04/2025		Chỉ số mới	62142
			Chỉ số cũ	61851
			Tiêu thụ Kwh	391

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC. 26...kg, Clorine..10.kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..610..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...652...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ...15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 29 **tháng 04 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 29/04/2025 8h00 28/04/2025	Chỉ số mới	62.638
		Chỉ số cũ	62.242
		Tiêu thụ Kwh	396

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20...kg, Clorine 10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....519..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....491....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ....20.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 01... tháng 04 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 30/04/2025		Chỉ số mới	63774
	8h00 29/04/2025		Chỉ số cũ	62638
			Tiêu thụ Kwh	836

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.20...kg, Clorine.10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....650.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....632..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d, Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHẬT KÝ THEO DÕI VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 05 NĂM 2025

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 21 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 21/05/2025 8h00 20/05/2025	Chỉ số mới	63364
		Chỉ số cũ	63004
		Tiêu thụ Kwh	360

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..20..kg, Clorine 10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...610..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....604...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....AK...Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	□ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	□ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày.02..tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 02/05/2025 8h00 01/05/2025		Chỉ số mới	63736
			Chỉ số cũ	63364
			Tiêu thụ Kwh	372

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..20..kg, Clorine:20..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...450..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...384.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 3 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 3/05/2025 8h00 4/05/2025		Chỉ số mới	64 102
			Chỉ số cũ	63736
			Tiêu thụ Kwh	366

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20 kg, Clorine 10 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...520..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...530.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ....1X.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 10.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 9../05/2025 8h00 10../05/2025	Chỉ số mới	64.972
		Chỉ số cũ	64.102
		Tiêu thụ Kwh	870

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC20...kg, Clorine20..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..620..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....650...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....0.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☒Bình thường	☐Hiện tượng:.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 5 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../05/2025 8h00..../05/2025	Chỉ số mới	64852
		Chỉ số cũ	64462
		Tiêu thụ Kwh	390

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.200kg, Clorine.10.kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....465.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....452...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ...15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 6 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../05/2025 8h00.../05/2025	Chỉ số mới	65229
		Chỉ số cũ	64852
		Tiêu thụ Kwh	377

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC. 220kg, Clorine. 15kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....652..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....644..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☐Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày...3. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025 8h00..../04/2025	Chỉ số mới	65608
		Chỉ số cũ	65229
		Tiêu thụ Kwh	379

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC...20...kg, Clorine..10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....659..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...644...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....45...Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..8.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../05/2025 8h00..../05/2025		Chỉ số mới	6598
			Chỉ số cũ	6578
			Tiêu thụ Kwh	378

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..25.kg, Clorine.50..kg, Polyme:.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....664..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....656..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày...9.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025	Chỉ số mới	66368
	8h00..../04/2025	Chỉ số cũ	65986
		Tiêu thụ Kwh	382

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..180..kg, Clorine..60..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..460..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...453...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 20 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 .../05/2025 8h00.../05/2025	Chỉ số mới	66750
		Chỉ số cũ	66268
		Tiêu thụ Kwh	482

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20 kg, Clorine..10kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....427.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....415..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....AO...Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..21. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 19/04/2025 8h00 20/04/2025	Chỉ số mới	67 140
		Chỉ số cũ	66750
		Tiêu thụ Kwh	390

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..15..kg, Clorine42...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....629..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...615...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....30.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 12 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 12/05/2025 8h00 11/05/2025	Chỉ số mới	67 534
		Chỉ số cũ	67 140
		Tiêu thụ Kwh	394

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20...kg, Clorine 40...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...475.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...450...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 15.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 15/04/2025 8h00 12/04/2025	Chỉ số mới	67920
		Chỉ số cũ	67534
		Tiêu thụ Kwh	386

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC: 20..kg, Clorine: 10kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....616..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....621.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..14.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 14/05/2025 8h00 15/05/2025	Chỉ số mới	67300
		Chỉ số cũ	66920
		Tiêu thụ Kwh	380

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20...kg, Clorine..0..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ..420..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....405...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ...15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 15... tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 15/04/2025 8h00 16/04/2025		Chỉ số mới	68 674
			Chỉ số cũ	68 310
			Tiêu thụ Kwh	364

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.20...kg, Clorine.10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....450..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....419...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 16 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 16/05/2025 8h00 17/05/2025		Chỉ số mới	69057
			Chỉ số cũ	68677
			Tiêu thụ Kwh	378

2. Hóa chất: NaOH.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20 kg, Clorine 10 kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...416..... m3/ng đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....481...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 17 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 17/04/2025 8h00 16/04/2025	Chỉ số mới	69931
		Chỉ số cũ	69652
		Tiêu thụ Kwh	379

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 20..kg, Clorine 10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...452..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...416....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....15.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 18 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 18/05/2025 8h00 19/05/2025		Chỉ số mới	69808
			Chỉ số cũ	69431
			Tiêu thụ Kwh	377

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 2x....kg, Clorine 10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...457... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ..420.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....35.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

Cắt điện từ lúc 8h00 – 20/05

Chạy máy phát điện

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 13 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025 8h00..../04/2025	Chỉ số mới	70155
		Chỉ số cũ	69803
		Tiêu thụ Kwh	352

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....553..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 22 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 …/05/2025 8h00…/05/2025		Chỉ số mới	79503
			Chỉ số cũ	78155
			Tiêu thụ Kwh	1.5

2. Hóa chất: NaOH:……kg, H2SO4……kg, PAC…22kg, Clorine. 0kg, Polyme……kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ……. m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ……m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ……Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:……
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:……
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng……

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

……

……

……

……

……

……

……

……

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 22... tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025		Chỉ số mới	20824
	8h00..../04/2025		Chỉ số cũ	20567
			Tiêu thụ Kwh	257

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày.....tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../05/2025 8h00..../05/2025	Chỉ số mới	[illegible]
		Chỉ số cũ	[illegible]
		Tiêu thụ Kwh	[illegible]

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....[illegible]..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....[illegible].....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....[illegible]....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH 1 (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 29.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../04/2025 8h00..../04/2025	Chỉ số mới	71551
		Chỉ số cũ	71199
		Tiêu thụ Kwh	352

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.10kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....450..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....423...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10...Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☐Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 24 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 ..../05/2025 8h00..../05/2025		Chỉ số mới	71898
			Chỉ số cũ	71551
			Tiêu thụ Kwh	347

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..20...kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....165..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....151...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 25 tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 25/05/2025 8h00 24/05/2025	Chỉ số mới	72155
		Chỉ số cũ	71898
		Tiêu thụ Kwh	257

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....272.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....268..m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....5.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

Cắt điện từ khoảng ngày 25/05 đến khoảng ngày 26/05

Chạy máy phát điện

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 26.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 26/05/2025 8h00 25/05/2025		Chỉ số mới	72155
			Chỉ số cũ	72155
			Tiêu thụ Kwh	0

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC.....kg, Clorine.....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: .....V..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....V.....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....V....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☒Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☒Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

Cắt điện từ 8h ngày 25/05 đến 8h ngày 26/05

Thay máy phát điện

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 27.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 27/05/2025 8h00 26/05/2025	Chỉ số mới	72.515
		Chỉ số cũ	72.155
		Tiêu thụ Kwh	360

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC 40....kg, Clorine 8....kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....415..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...370....m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: ....10.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 28 **tháng 05 năm 2025**

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 28/05/2025 8h00 27/05/2025	Chỉ số mới	72878
		Chỉ số cũ	72515
		Tiêu thụ Kwh	363

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC: 15...kg, Clorine: 5...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....425.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....416...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐ Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 29.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 29/04/2025 8h00 28/04/2025	Chỉ số mới	73235
		Chỉ số cũ	72878
		Tiêu thụ Kwh	357

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..40..kg, Clorine.5...kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ...616..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ...601...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
b. Tủ điện:	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
c. Hệ thống bơm chìm	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
d. Hệ thống máy khuấy	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
e. Hệ thống máy thổi khí	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
f. Hệ thống bơm định lượng	☑Bình thường	☐ Hiện tượng:.....
g. Hệ thống đường ống	☑Bình thường	☐ Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày..30.. tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường Au

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 30/05/2025 8h00 29/05/2025	Chỉ số mới	73597
		Chỉ số cũ	73235
		Tiêu thụ Kwh	362

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..20..kg, Clorine..10..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....612.... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: .....612...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☒Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☒Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

NHẬT KÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I (600 M3/NG.ĐÊM)

Ngày 31... tháng 05 năm 2025

Nhân viên vận hành: Nguyễn Hường-Nguyễn Trường An

1. Chỉ số điện: Thời gian kiểm tra	8h00 31/05/2025 8h00 01/06/2025	Chỉ số mới	73955
		Chỉ số cũ	73597
		Tiêu thụ Kwh	358

2. Hóa chất: NaOH:.....kg, H2SO4.....kg, PAC..80..kg, Clorine..5..kg, Polyme.....kg

3. Lưu lượng nước thải đầu vào: ....480..... m3/ng.đêm

4. Lưu lượng nước thải đầu ra: ....444...m3/ng.đêm

5. Lượng bùn thải phát sinh: .....10.....Kg

6. Tình trạng hoạt động của các thiết bị.

a. Hệ thống phao tín hiệu: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

b. Tủ điện: ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

c. Hệ thống bơm chìm ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

d. Hệ thống máy khuấy ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

e. Hệ thống máy thổi khí ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

f. Hệ thống bơm định lượng ☑Bình thường ☐Hiện tượng:.....

g. Hệ thống đường ống ☑Bình thường ☐Hiện tượng.....

7. Khắc phục sự cố:(Nếu có ghi rõ sự cố gì, cách khắc phục)

.....

.....

.....

.....

.....

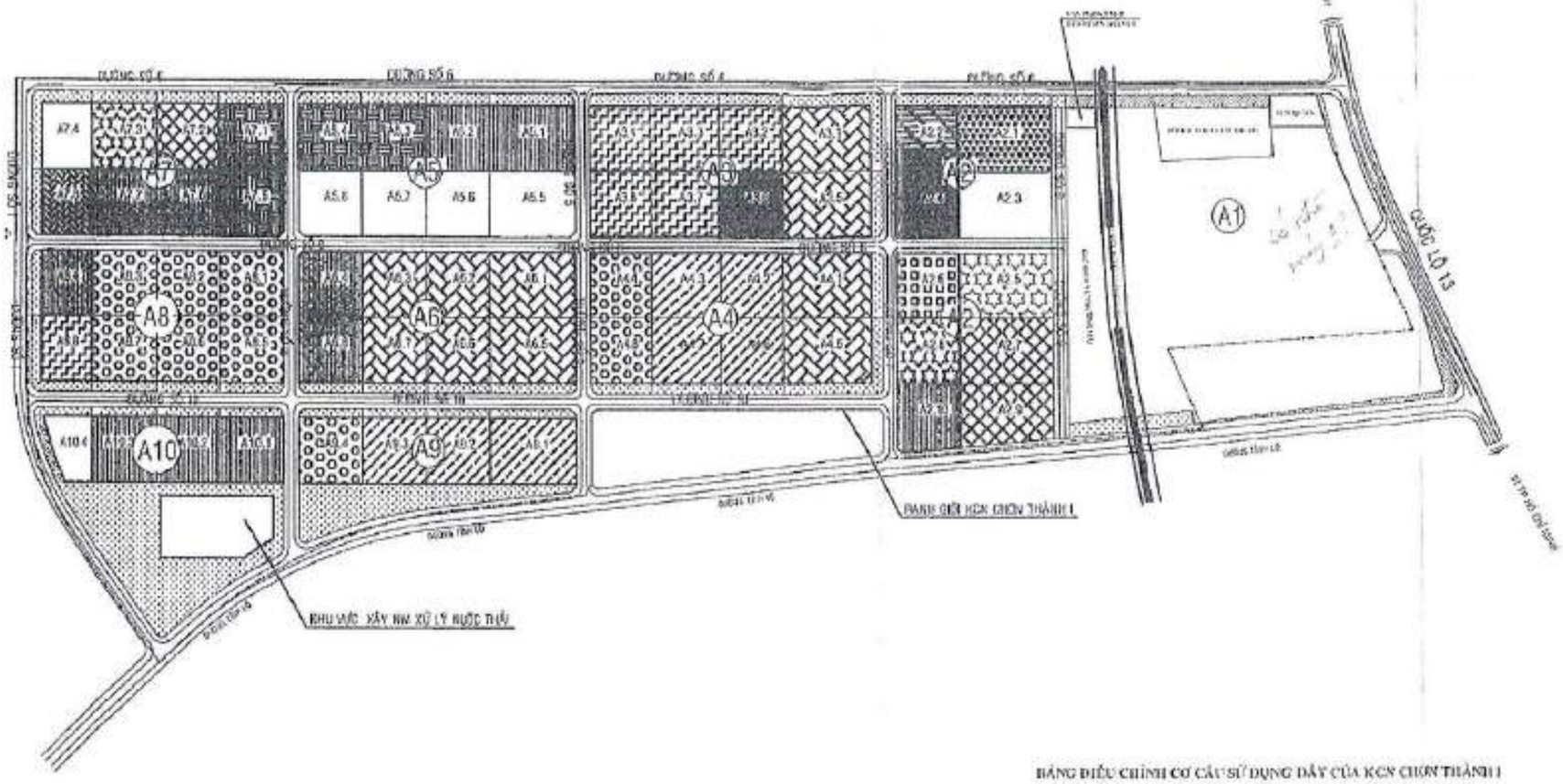
.....

.....

.....

Nhân viên vận hành

MẶT BẰNG PHÂN LÔ KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH SAU ĐIỀU CHỈNH



NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ, SẢN PHẨM GỖ

NGÀNH SỢI, DỆT, MAY

NGÀNH LUYỆN CÁN THÉP

NGÀNH BAO BÌ GIẤY, GIẤY DA, CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG

NGÀNH SẢN XUẤT CÁC SẢN PHẨM TỪ CAO SU VÀ NHỰA

NGÀNH SẢN XUẤT GIẦY, DÉP GIẦY

NGÀNH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG, GỐM SỨ

NGÀNH PHỐI TRỘN PHÂN BÓN

NGÀNH CƠ KHÍ ĐIỆN MÁY

NGÀNH DƯỢC PHẨM

TẤT CẢ NGÀNH ĐƯỢC PHÉP ĐẦU TƯ VÀO KCN

BẢNG ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA KCN CHƠN THÀNH I

TT	Hạng mục sử dụng đất	Đã phê duyệt		Sau khi điều chỉnh		Theo quy định	Tăng / giảm
		Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)		
1	Đất xây dựng nhà máy	730.568	58,60	827.623	66,18	[illegible]55%	97.055
2	Đất cây xanh	161.561	12,97	139.516	11,21	[illegible]10%	-21.038
3	Đất giao thông đường nội bộ A	189.225	15,20	209.976	16,87	8%	20.753
4	Đất điều hành, dịch vụ	131.092	10,52	31.471	2,53	[illegible]3%	-99.621
5	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật	32.541	2,61	36.222	2,91	[illegible]3%	3681
Tổng cộng		1.244.838	100,0	1.244.838	100,0		

GHI CHÚ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH:

☒ XIN PHÉP ☐ THI CÔNG

☐ THẨM DUYỆT ☐ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

ĐC: ẤP 2, XÃ THÀNH TÂM, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Hồ Minh Phong

CÔNG TRÌNH

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I

ĐỊA ĐIỂM

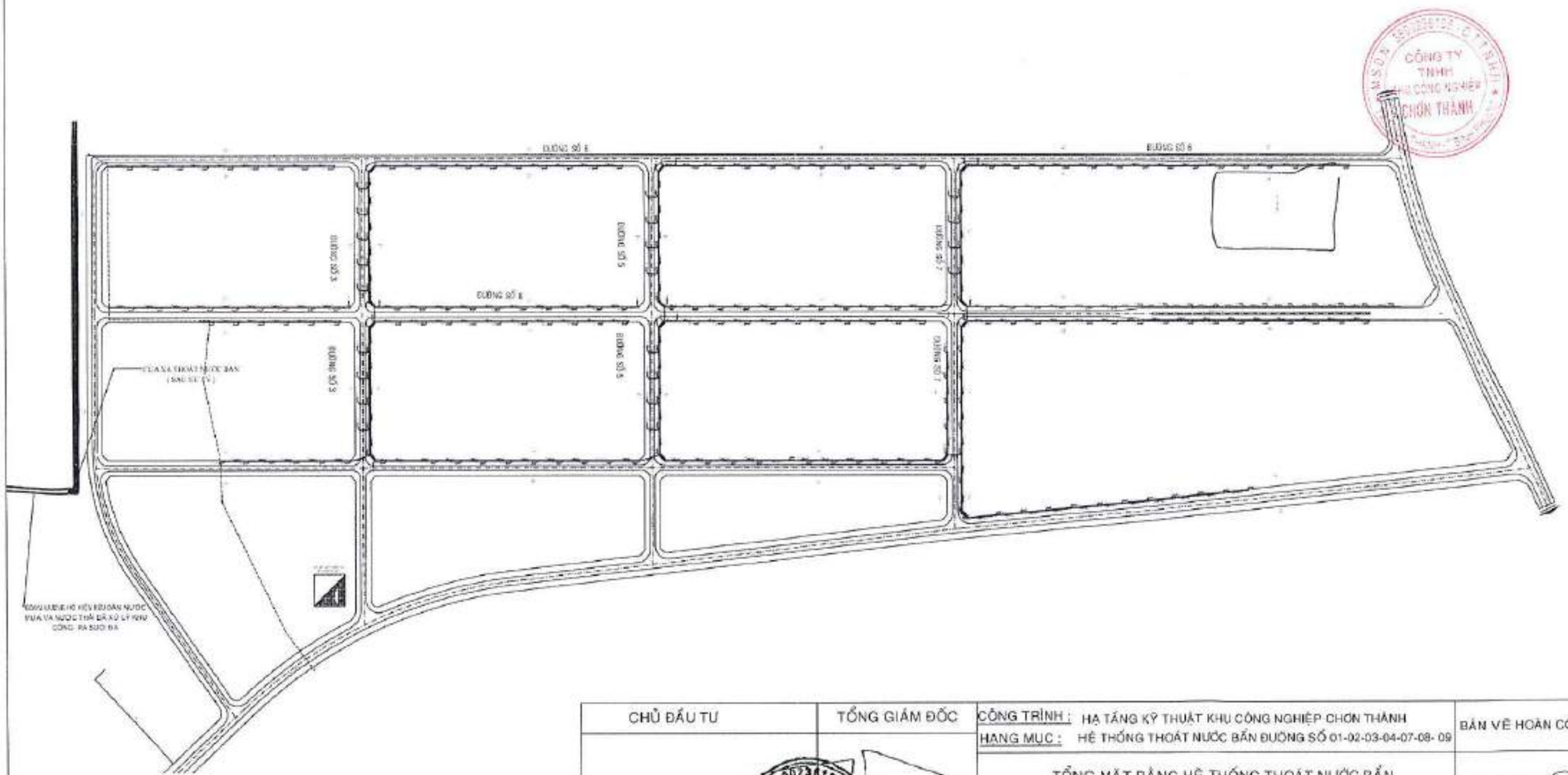
ĐC: ẤP 2, XÃ THÀNH TÂM, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ

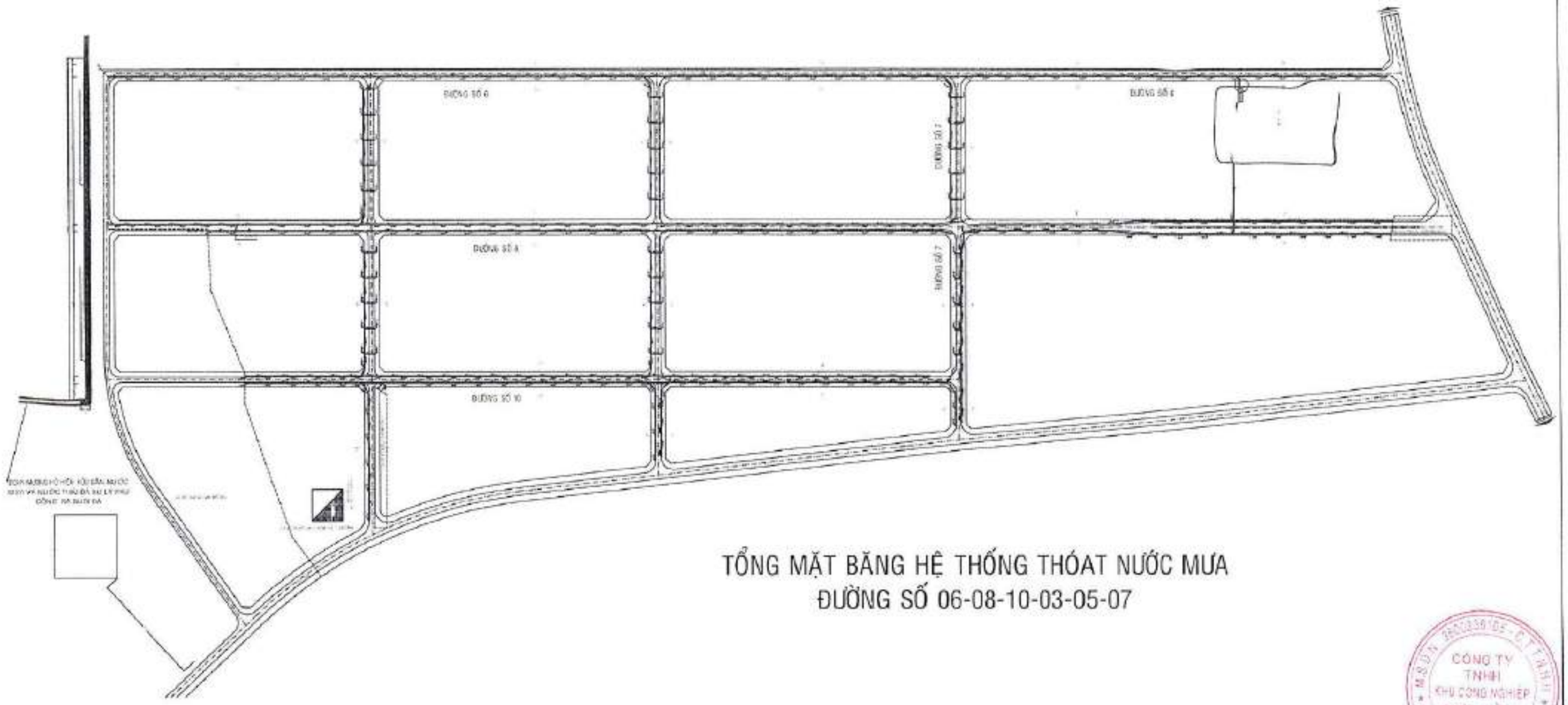
MẶT BẰNG TỔNG THỂ QUY HOẠCH SAU ĐIỀU CHỈNH

BẢN VẼ SỐ		NGÀY HOÀN THÀNH	

TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN
ĐƯỜNG SỐ 01-02-03-04-07-08-09



CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG GIÁM ĐỐC	CÔNG TRÌNH : HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH HẠNG MỤC : HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN ĐƯỜNG SỐ 01-02-03-04-07-08- 09	BẢN VẼ HOÀN CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH	TỔNG GIÁM ĐỐC Hồ Minh Sang	TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN ĐƯỜNG SỐ 01-02-03-04-07-08-09	HC-NB: 01/01
		GS.THI CÔNG XÂY DỰNG / CHỈ HUY CÔNG TRƯỜNG	NGÀY HOÀN THÀNH
			09.05.2025



TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
ĐƯỜNG SỐ 06-08-10-03-05-07

CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG GIÁM ĐỐC	CÔNG TRÌNH : HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH		BẢN VẼ HOÀN CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH	TỔNG GIÁM ĐỐC Hồ Minh Sang	HẠNG MỤC : HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN ĐƯỜNG SỐ 01-02-03-04-07-08- 09		
		TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA ĐƯỜNG SỐ 01-02-03-04-07-08-09		HC-NB: 01/01
		GS.THI CÔNG XÂY DỰNG	CHỈ HUY CÔNG TRƯỜNG	
				NGÀY HOÀN THÀNH
				09.05.2025

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG DƯƠNG NHẬT
119 NGUYỄN HỒNG ĐÀO, PHƯỜNG 14, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT : 08.39 491 964 - Fax : 08.39 491 966 - Email : mail@duongnhat.com.vn - Website : www.duongnhat.com.vn

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

PHẦN CÔNG NGHỆ

Dự án : NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ I CỦA GIAI ĐOẠN I - Q= 600 M^3/NGÀY.ĐÊM
Địa điểm : SỐ 18, ẤP 2, XÃ THÀNH TÂM, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH
Tổng thầu EPC : CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG DƯƠNG NHẬT

CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ TỔNG THẦU EPC
GIÁM ĐỐC
ThS. HOÀNG NGỌC TÙNG

TP.HỒ CHÍ MINH - THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG DƯƠNG NHẬT
119 NGUYỄN HỒNG ĐÀO, PHƯỜNG 14, QUẬN TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐT : 08.39 491 964 - Fax : 08.39 491 966 - Email : mail@duongnhat.com.vn - Website : www.duongnhat.com.vn

DANH MỤC BẢN VẼ HOÀN CÔNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày ... tháng ... năm 20...
Date:

CHỦ ĐẦU TƯ OWNER | TƯ VẤN GIÁM SÁT CONSULTANT

STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU	STT	TÊN BẢN VẼ	KÝ HIỆU
01	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-01/31	17	MẶT CẮT H-H CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC	BVHC-17/31
02	CHO TRÌNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-02/31	18	MẶT CẮT A-A CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC	BVHC-18/31
03	MẶT BẰNG TỔNG THỂ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-03/31	19	MẶT CẮT B-B CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC	BVHC-19/31
04	MẶT BẰNG ỐNG CHỜ VÀ HỐC CHỜ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-04/31	20	MẶT CẮT C-C CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC	BVHC-20/31
05	MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-05/31	21	CHI TIẾT HẦM BƠM NƯỚC THẢI	BVHC-21/31
06	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THẢI NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-06/31	22	CHI TIẾT NHÀ ĐIỀU HÀNH	BVHC-22/31
07	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-07/31	23	CHI TIẾT CỤM HOÁ CHẤT	BVHC-23/31
08	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG BÙN NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-08/31	24	CHI TIẾT LẮP ĐẶT BỂ LẮNG BÙN HOÁ LÝ (M4)	BVHC-24/31
09	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HOÁ CHẤT NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-09/31	25	CHI TIẾT LẮP ĐẶT BỂ LẮNG BÙN SINH HỌC (M4A) VÀ BỂ NÉN BÙN (M10)	BVHC-25/31
10	MẶT BẰNG HỆ THỐNG ĐIỆN NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-10/31	26	CHI TIẾT B - CÁNH KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG BOD (M5A)	BVHC-26/31
11	MẶT BẰNG HỆ THỐNG CHỐNG SÉT NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1: Q = 600 M³/NGÀY.ĐÊM	BVHC-11/31	27	CHI TIẾT TẤM GẠT BÙN VÀ LẮP ĐẶT BƠM LỌC ÁP LỰC	BVHC-27/31
12	MẶT BẰNG BỐ TRÍ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CỤM BỂ XỬ LÝ HOÁ LÝ	BVHC-12/31	28	CHI TIẾT B - CÁNH KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG BOD (M5-M6)	BVHC-28/31
13	MẶT CẮT H VÀ MẶT CẮT B-B CỤM BỂ XỬ LÝ HOÁ LÝ	BVHC-13/31	29	LẮP ĐẶT BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ VÀ BƠM BÙN HOÁ LÝ	BVHC-29/31
14	MẶT CẮT A-A VÀ MẶT CẮT B-B CỤM BỂ XỬ LÝ HOÁ LÝ	BVHC-14/31	30	LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ VÀ BƠM BÙN SINH HỌC	BVHC-30/31
15	MẶT BẰNG BỐ TRÍ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC	BVHC-15/31	31	BỒN LỌC ÁP LỰC	BVHC-31/31
16	MẶT CẮT H CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC	BVHC-16/31			

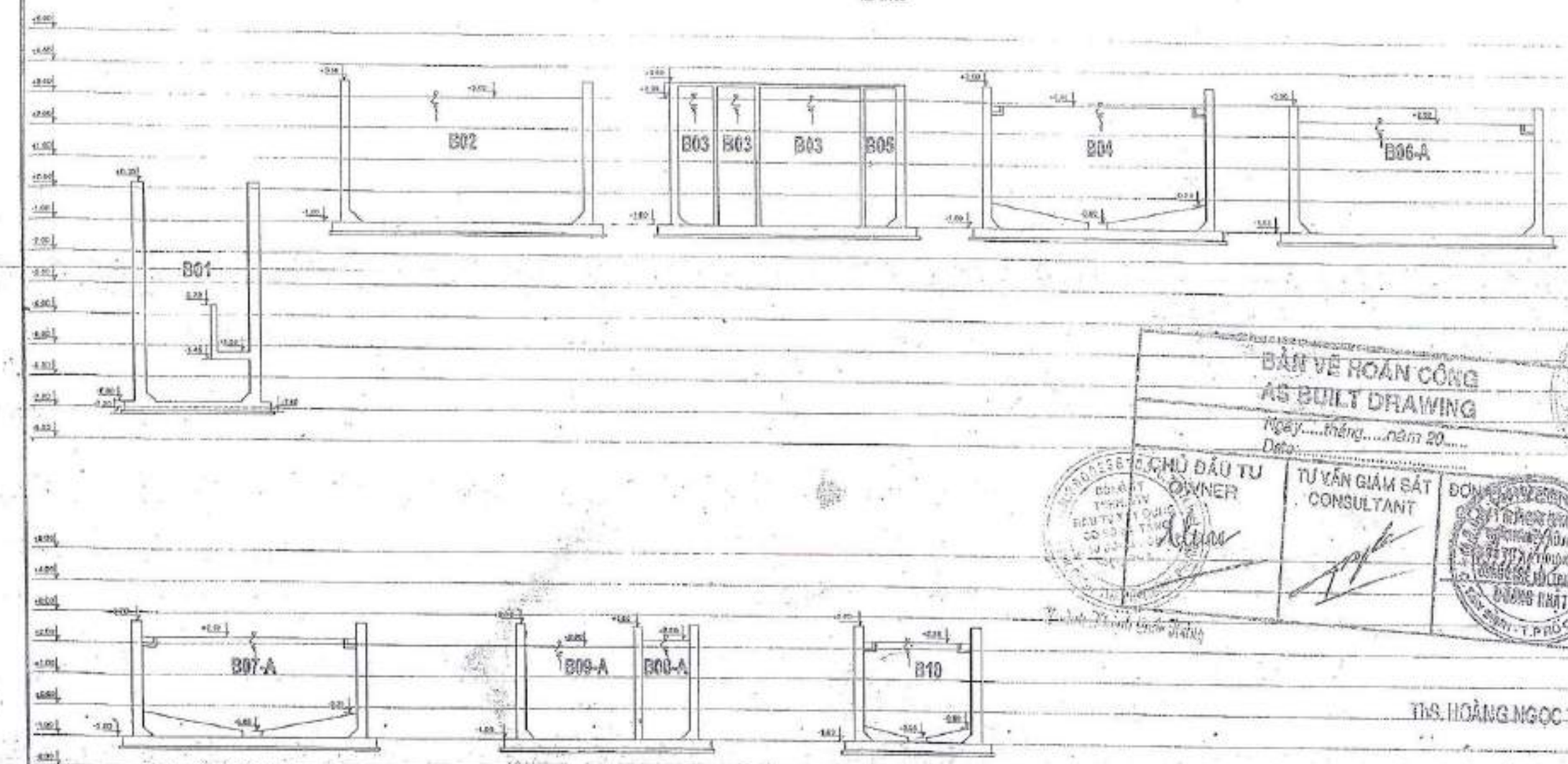
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG DƯƠNG NHẬT

MS. HOÀNG NGỌC TÙNG
CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

TP. HỒ CHÍ MINH - THÁNG 11 NĂM 2014

CAO TRÌNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHÂN KỲ 1: Q = 600M³/NGÀY. ĐÊM

TL: 1/100



GHI CHÚ:

B01	: HẦM BƠM
B02	: BỂ ĐIỀU HOÀ
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
B05	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
B06-A	: BỂ THỔI KHÍ
B07-A	: BỂ LẮNG II
B08-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG II
B09-A	: BỂ CHỨA TRUNG GIAN
B10	: BỂ NẰM NGẦN
SC01	: MÁY TÁCH RÁC THÔ
H01	: NHÀ ĐỂ MÁY
H02	: NHÀ PHA HOÁ CHẤT
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI HẦM BƠM B01
SC02	: MÁY TÁCH RÁC TINH
WP02-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HOÀ B02
AE02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HOÀ B02
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG B
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG B
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG B
DP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG NaOH
DP03-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG H_2SO_4
DP02-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC
M04	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG I
SP05	: BƠM BÙN BỂ LẮNG I
AE06-A/B	: MÁY THỔI KHÍ BỂ THỔI KHÍ B06-A
M07-A	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II
SP08-A	: BƠM BÙN BỂ LẮNG II
DP04-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC
CH01—05	: BỒN CHỨA HOÁ CHẤT
F06-A	: BỒN LỌC ÁP LỰC
FP06-A/B	: BƠM LỌC ÁP LỰC
M09	: MOTOR GẠT BÙN BỂ NẰM NGẦN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Date:

CHỦ ĐẦU TƯ
OWNER

TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CONTRACTOR
ĐƯỜNG NHẬT

ThS. HOÀNG NGỌC TÙNG

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

ĐƯỜNG NHẬT

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1
CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN 1: 2.000M³/NGÀY ĐÊM

Số 16 KP.2 Đường Tân Thành, Thị trấn Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1
CÔNG SUẤT PHÂN KỲ 1: 600M³/NGÀY ĐÊM

CHỊU TRÁCH NHIỆM THIẾT KẾ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU

CHỦ TRÌ ĐIỆN

CHỦ TRÌ CẤP THOÁT NƯỚC

THIẾT KẾ

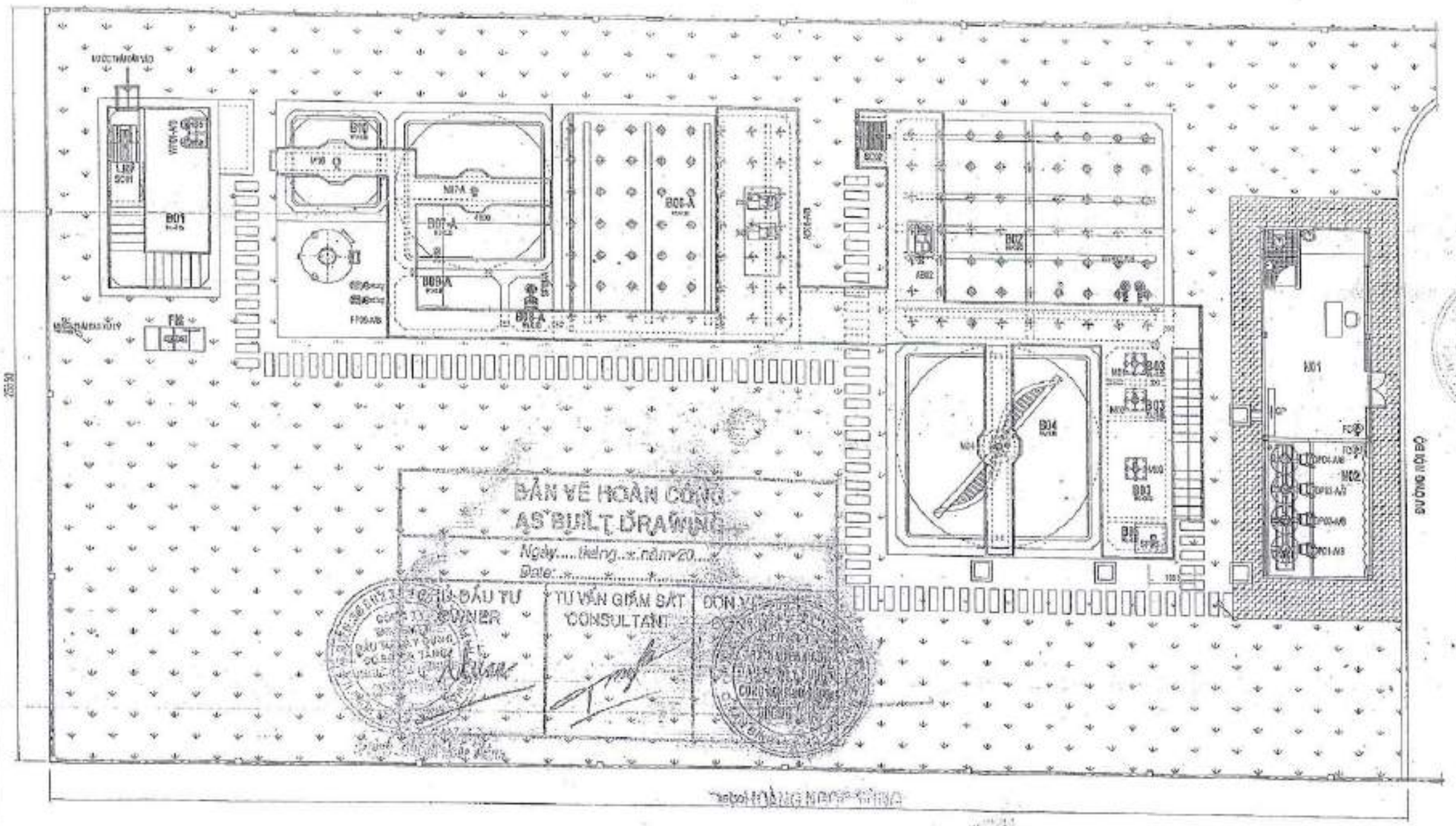
VẼ

TỶ LỆ

NGÀY HOÀN THÀNH

MẶT BẰNG TỔNG THỂ PHÂN KỲ 1 CỦA GIAI ĐOẠN 1 NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT : Q = 6000M³/NG.ĐÊM

TL: 1/500



GHI CHÚ:

B01	: HẦM BƠM
B02	: BỂ ĐIỀU HÒA
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
B05	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
B06-A	: BỂ AEROTANK
B07-A	: BỂ LẮNG II
B08-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG II
B09-A	: BỂ CHỨA TRUNG GIAN
B10	: BỂ NÉN BÙN
BC02	: MÁY THỔI KHÍ CHỨA

WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI HẦM BƠM B01
BC02	: MÁY THỔI KHÍ TRÔI
WP02-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA B02
AB02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA B02
BS-03	: THIẾT BỊ ĐO ĐỘ DẪN ĐIỆN
ORP-03	: THIẾT BỊ ĐO ĐỘ
pH-03	: THIẾT BỊ ĐIỀU CHỈNH PH TỰ ĐỘNG
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ-TẠO BÔNG
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ-TẠO BÔNG
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ-TẠO BÔNG
BP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CO NHỚT

DP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CO H2O2
DP02-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CO PHÈN
PH4	: THIẾT BỊ ĐẶT ĐỊNH BỂ LẮNG I
SP05	: BƠM BÙN BỂ LẮNG I
DO04-A/B	: THIẾT BỊ ĐO DO
AB06-A/B	: MÁY THỔI KHÍ BỂ AEROTANK B06-A
W10	: THIẾT BỊ ĐẶT ĐỊNH BỂ LẮNG II
SP05-A	: BƠM BÙN BỂ LẮNG II
LS	: PHAO BÁO MỰC NƯỚC
SP04-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CO NaOCl
CA01 ÷ 05	: BỒN CHỨA HÓA CHẤT

FT-M3	: BỒN LỌC ÁP LỰC
FP04-A/B/C	: BƠM ÁP LỰC
W10	: THIẾT BỊ ĐẶT ĐỊNH BỂ LẮNG II
TM	: ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DƯƠNG NHẬT

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1
CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN 1: 6.000M³/NGÀY.ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:
XÃ HƯNG LONG, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

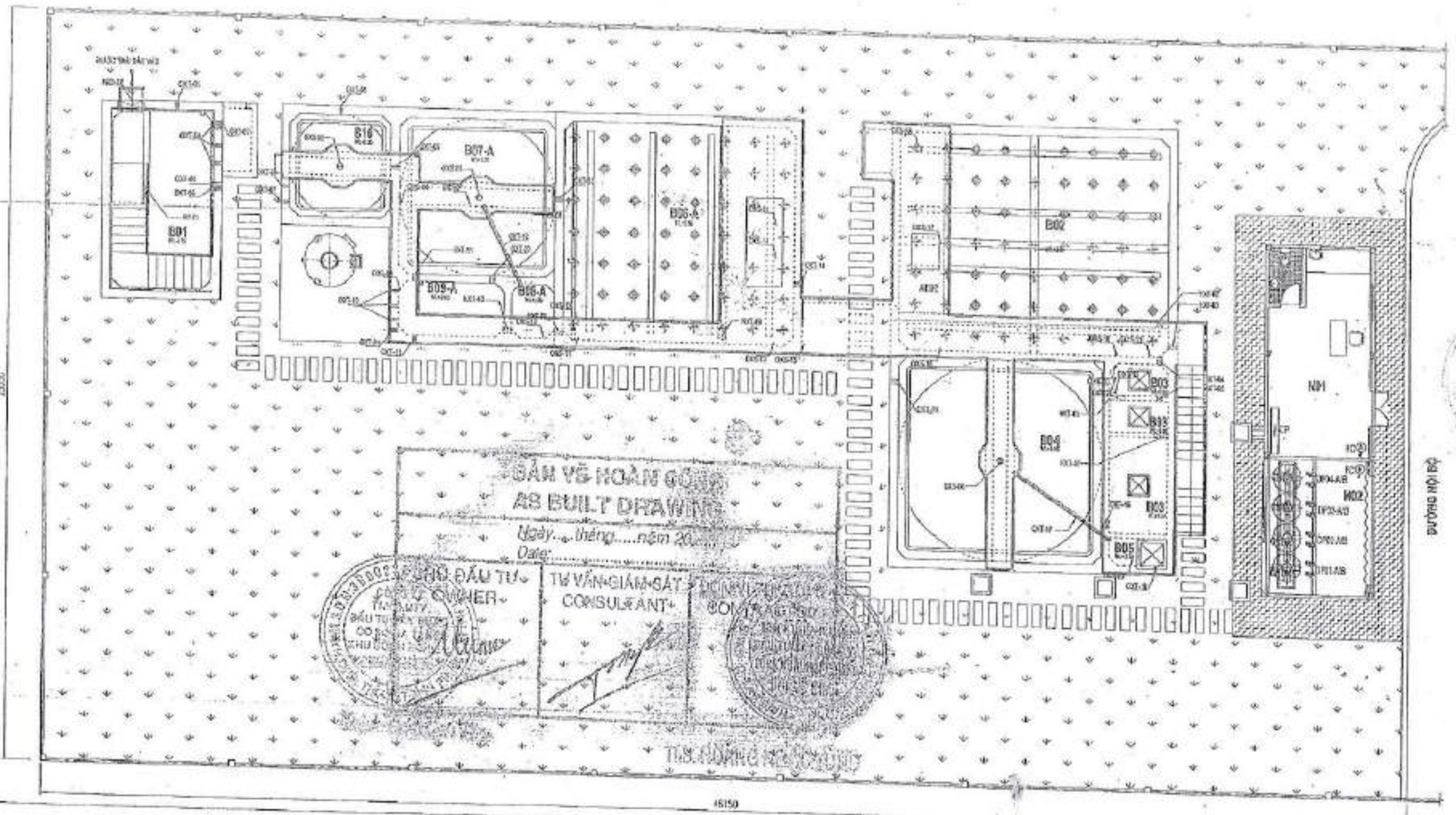
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1,
CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN 1: 6.000M³/NGÀY.ĐÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DƯƠNG NHẬT

CHỦ ĐẦU TƯ:	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
ĐƠN VỊ THI CÔNG:	
NGÀY HOÀN THÀNH:	04/2021
NGÀY BÀN GIAO SỬ DỤNG:	04/2021
TỶ LỆ:	
BẢN VẼ SỐ:	

MẶT BẰNG ỐNG CHỜ VÀ HỐC CHỜ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1: Q = 6000M³/NGÀY. ĐÊM

TL: 1/100



GHI CHÚ:

B01	: HẦM BƠM
B02	: BỂ ĐIỀU HOÀ
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
B05	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
B06-A	: BỂ AEROTANK
B07-A	: BỂ LẮNG 2
B08-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG II
B09-A	: BỂ CHỨA BÙN DƯ
B10	: BỂ NÉN BÙN
SC01	: MÁY TÁCH RÁC THÔ
NĐ1	: NHÀ ĐIỀU HÀNH
NĐ2	: NHÀ PHA HOÁ CHẤT
VXP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI NHÀ LƯU 801
SC02	: MÁY TÁCH RÁC TINH
VXP02-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HOÀ B02
AB02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HOÀ B02
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
DP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG ĐỘ NaOH
DP02-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG ĐỘ H2SO4
DP03-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG ĐỘ PHÈN
NM4	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG I
SP05	: BƠM BÙN BỂ LẮNG I
AB06-A/B	: MÁY THỔI KHÍ BỂ THỔI KHÍ B06-A
M07-A	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II
DP08-A	: BƠM BÙN BỂ LẮNG II
DP04-A/B	: BƠM DỊCH LƯỢNG ĐỘ KHUẨY
CH01~04	: BƠM CHÌM HÓA CHẤT
FT09-A	: BƠM LỌC ÁP LỰC
FP06-A/B	: BƠM LỌC ÁP LỰC
M10	: MOTOR GẠT BÙN BỂ NÉN BÙN

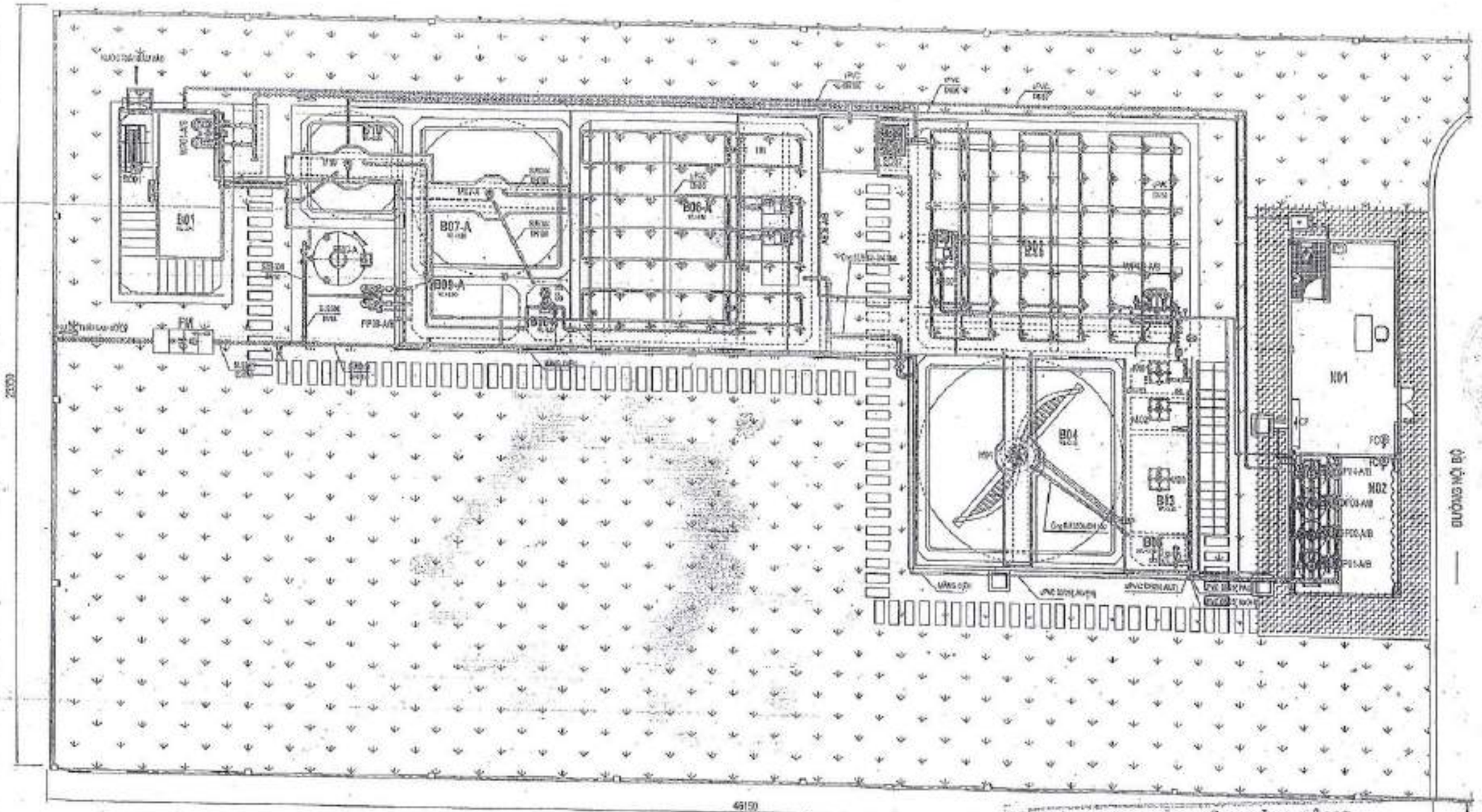
CHÚ THÍCH:

- DKT-xx: Ống nhựa uPVC
- HDT-xx: Ống nhựa HDPE
- DKS-xx: Ống nhựa uPVC
- BGP: Cao độ đáy ống hoặc đáy bộ
- xx: Thứ tự ống hoặc bể

STT	TÊN	KÍCH THƯỚC	SỐ LƯỢNG	VẬT LIỆU	GHI CHÚ
01	BM01	1100	1		
02	BM02	1100	1		
03	DK01	800	1		
04	DK02	800	1		
05	DK03	800	1		

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1: Q = 600M³/NGÀY. ĐÊM

TL: 1/100



GHI CHÚ:

B01	: HẦM BƠM
B02	: BỂ ĐIỀU HÒA
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
B05	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
B06-A	: BỂ AB ĐỨC NAM
B07-A	: BỂ LẮNG II
B08-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG II
B09-A	: BỂ CHỨA TRUNG GIAN
B10	: BỂ NÉN BÙN
SC01	: MÁY TÁCH RÁC TINH

K01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH
K02	: NHÀ PHA HÓA CHẤT
MP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI HẦM BƠM MH
SC02	: MÁY TÁCH RÁC TINH
MP02-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA B02
AC02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA B02
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
DP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG PO NaOH
DP02-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG PO H_2SO_4

DP03-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG PO PHÈN
M04	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II
BM05	: BƠM BÙN BỂ LẮNG I
AC05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ BỂ TRỘN KHÍ B05-A
M07-A	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II
BP05-A	: BƠM BÙN BỂ LẮNG II
DP05-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG PO NaOCl
CK701→06	: BỒN CHỨA HÓA CHẤT
FT03-A	: BỒN LỌC ÁP LỰC
FP08-A/B	: BƠM LỌC ÁP LỰC
M10	: MOTOR GẠT BÙN BỂ NÉN BÙN

CẢNH VỆ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I

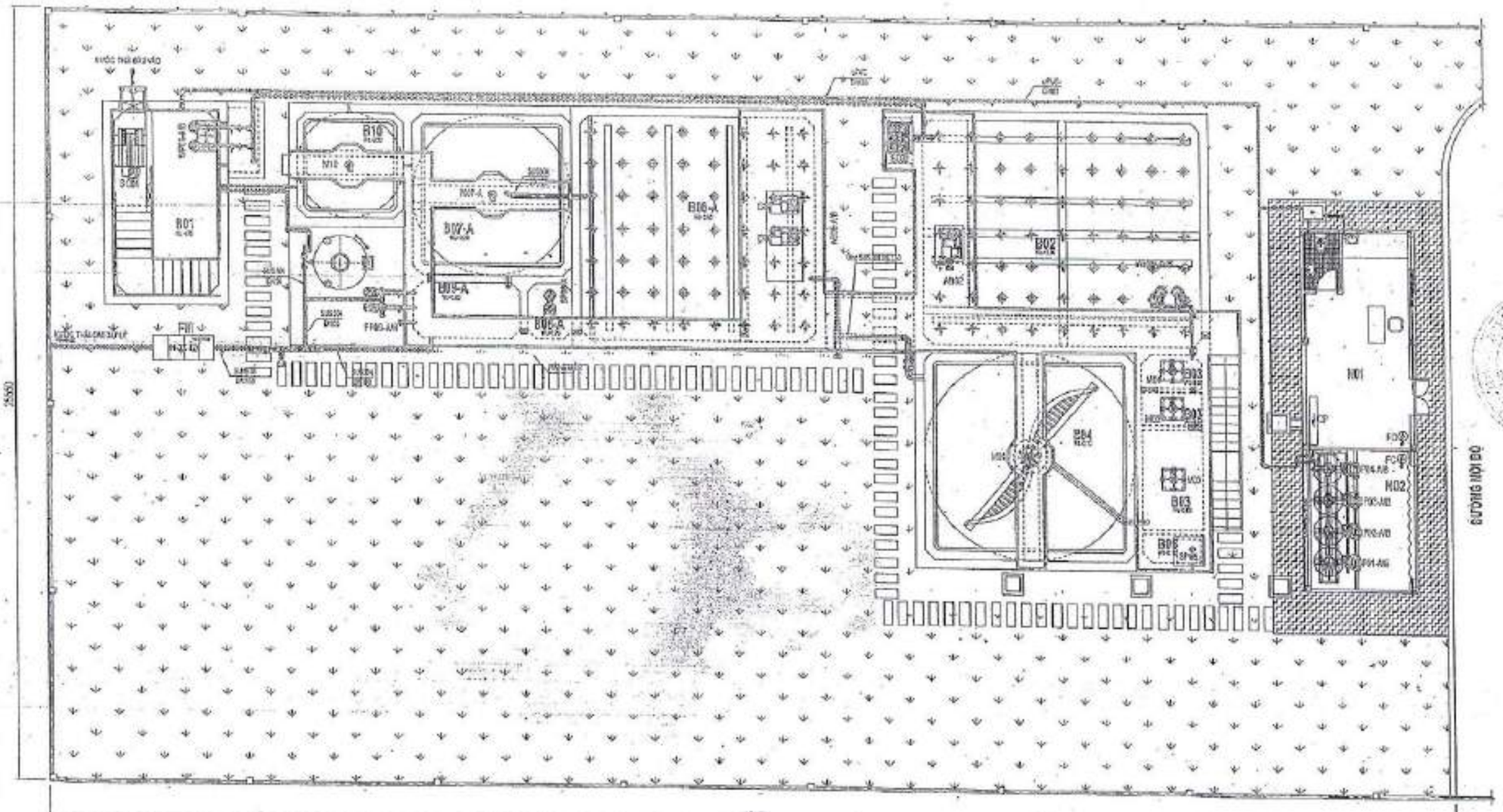
ĐƯƠNG NHẬT

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH II
CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN II: 12000M³/NGÀY ĐÊM

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH II
CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1: 6000M³/NGÀY ĐÊM

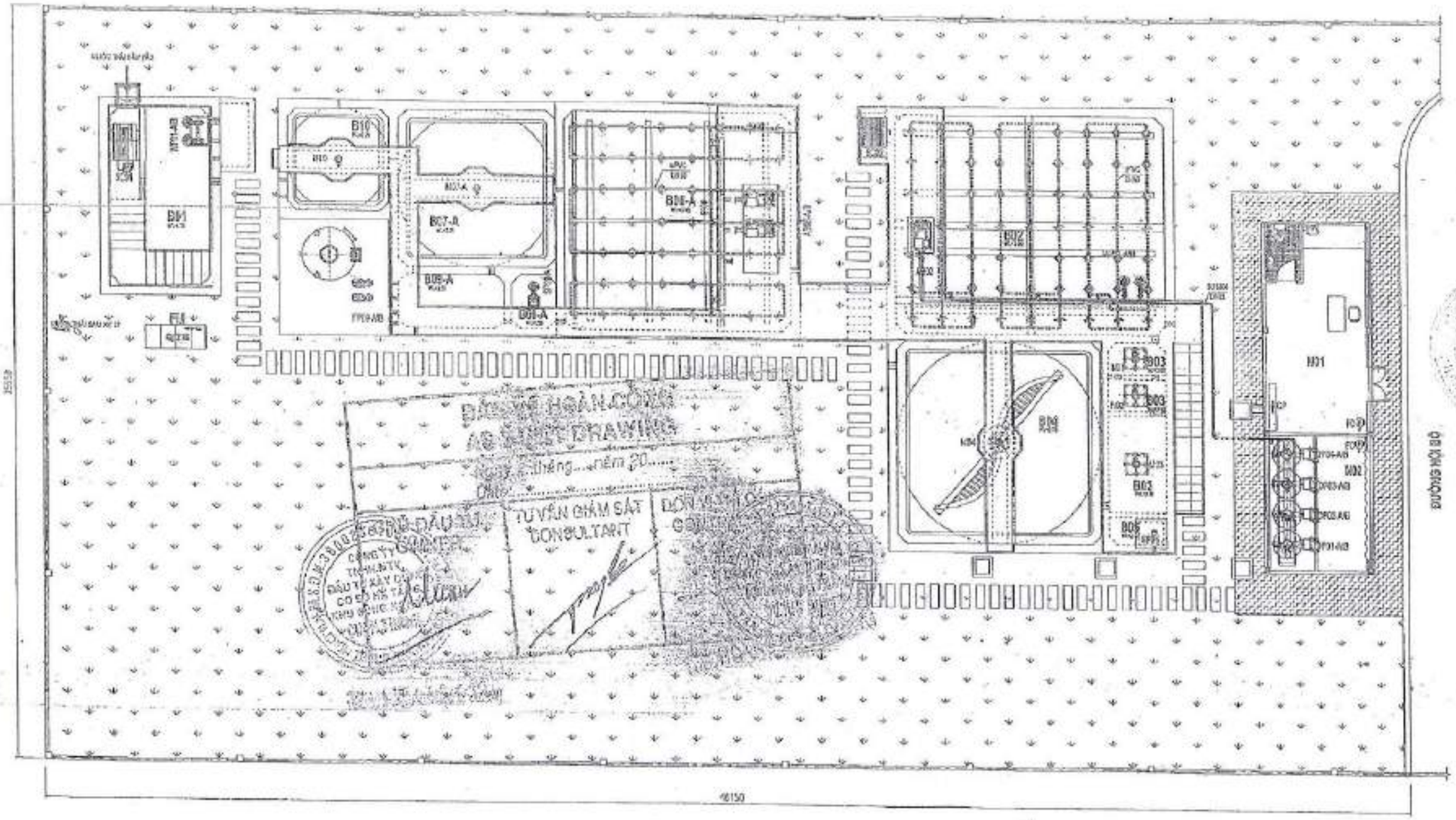
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1: Q = 600M³/NGÀY. ĐÊM

TL: 1/100



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1: Q = 600M³/NGÀY. ĐÊM

TL: 1/100



GHI CHÚ:

BĐ1	: HỐ BƠM
BĐ2	: BỂ ĐIỀU HOÀ
BĐ3	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
BĐ4	: BỂ LẮNG I
BĐ5	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
BĐ5-A	: BỂ ANOXYMIC
BĐ7-A	: BỂ LẮNG II
BĐ8-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG II
BĐ8-A	: BỂ CHỨA TRUNG GIAN
BĐ9	: BỂ KHỬ TRÙNG
BĐ10	: MÁY TÁCH NƯỚC MỠ

NĐ1	: NHÀ ĐIỀU HÀNH
NĐ2	: NHÀ PHA HOÁ CHẤT
BVP01-NĐ	: BƠM NƯỚC THẢI VÀO BỂ BĐ1
BĐ02	: MÁY TÁCH NƯỚC SINH
BVP02-NĐ	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HOÀ BĐ2
KĐ02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HOÀ BĐ2
MĐ1	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
MĐ2	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
MĐ3	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
DPĐ5-NĐ	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD NaOH
DPĐ6-NĐ	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD H_2O_2

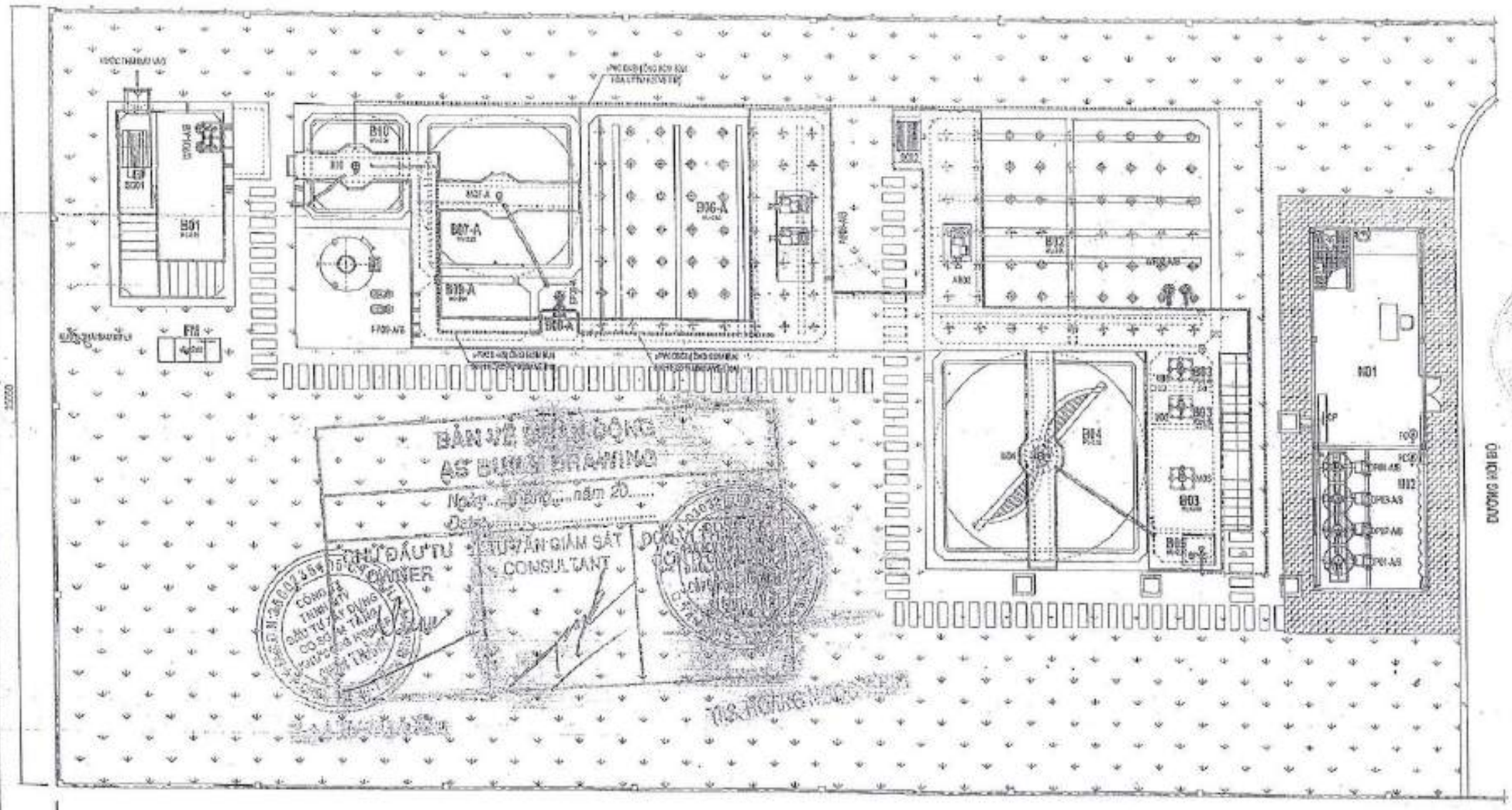
DPĐ1-NĐ	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD PHÈN
BVH	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II
SPĐ5	: BƠM BÙN BỂ LẮNG II
KĐ02-NĐ	: MÁY THỔI KHÍ BỂ THỔI BÙN BĐ8-A
BĐ8-A	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II
SPĐ8-A	: BƠM BÙN BỂ LẮNG II
DPĐ4-NĐ	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD NaOCl
CNTĐ1-NH	: BỒN CHỨA HOÁ CHẤT
BTĐ8-A	: BƠM LỌC ÁP LỰC
BTĐ8-NĐ	: BƠM LỌC ÁP LỰC
BVĐ	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

ĐƯỜNG NHỰT

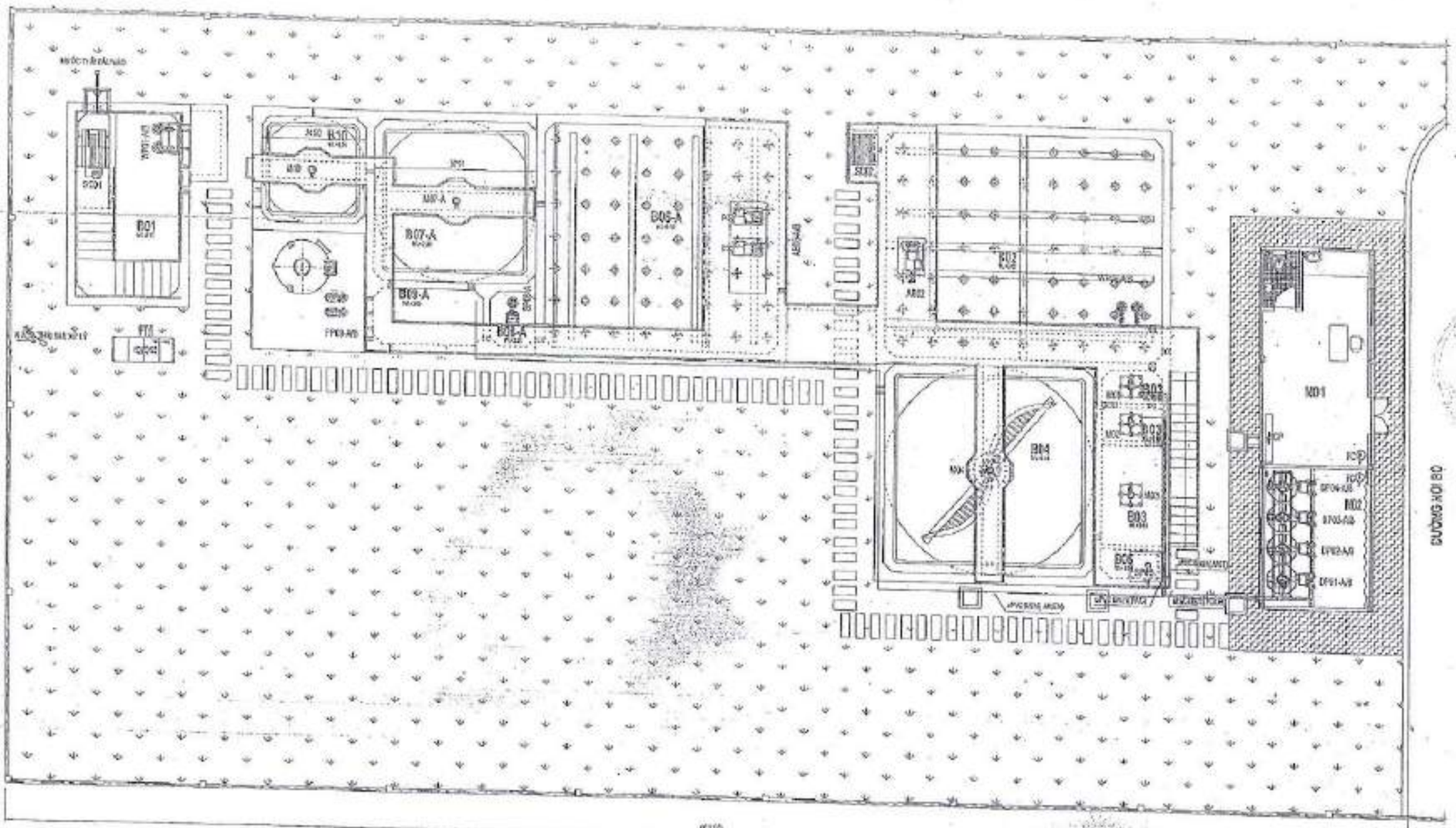
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG BÙN NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1: Q = 6000M³/NGÀY. ĐÊM

TL: 1/100



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1: Q = 600M³/NGÀY. ĐÊN

TL: 1/100



GHI CHÚ:

B01	: HẦM BƠM
B02	: BỂ ĐIỀU HOÀ
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
B05	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
B06-A	: BỂ AEROTANK
B07-A	: BỂ LẮNG II
B08-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG II
B09-A	: BỂ CHỨA TRUNG GIAN
B10	: BỂ KẾN BÙN
BCD01	: MÁY TÁCH NƯỚC THÔ
M01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH
M02	: NHÀ PHA HOÁ CHẤT
M101-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI HẦM BƠM B01
BCD2	: MÁY TÁCH NƯỚC TINH
M102-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HOÀ B02
AB02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HOÀ B02
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
DP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD NaOH
DP02-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD H2SO4
DP03-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD Polime
M04	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II
BP05	: BƠM BÙN BỂ LẮNG I
AB06-A/B	: MÁY THỔI KHÍ BỂ THU BÙN B05-A
M08-A	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II
BP08-A	: BƠM BÙN BỂ LẮNG II
DP09-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD AXIT
CH101~104	: BỒN CHỨA HOÁ CHẤT
FT09-A	: BỒN LỌC ÁP LỰC
FT09-A/B	: BƠM LỌC ÁP LỰC
M10	: MOTOR GẠT BÙN BỂ NÉN BÙN

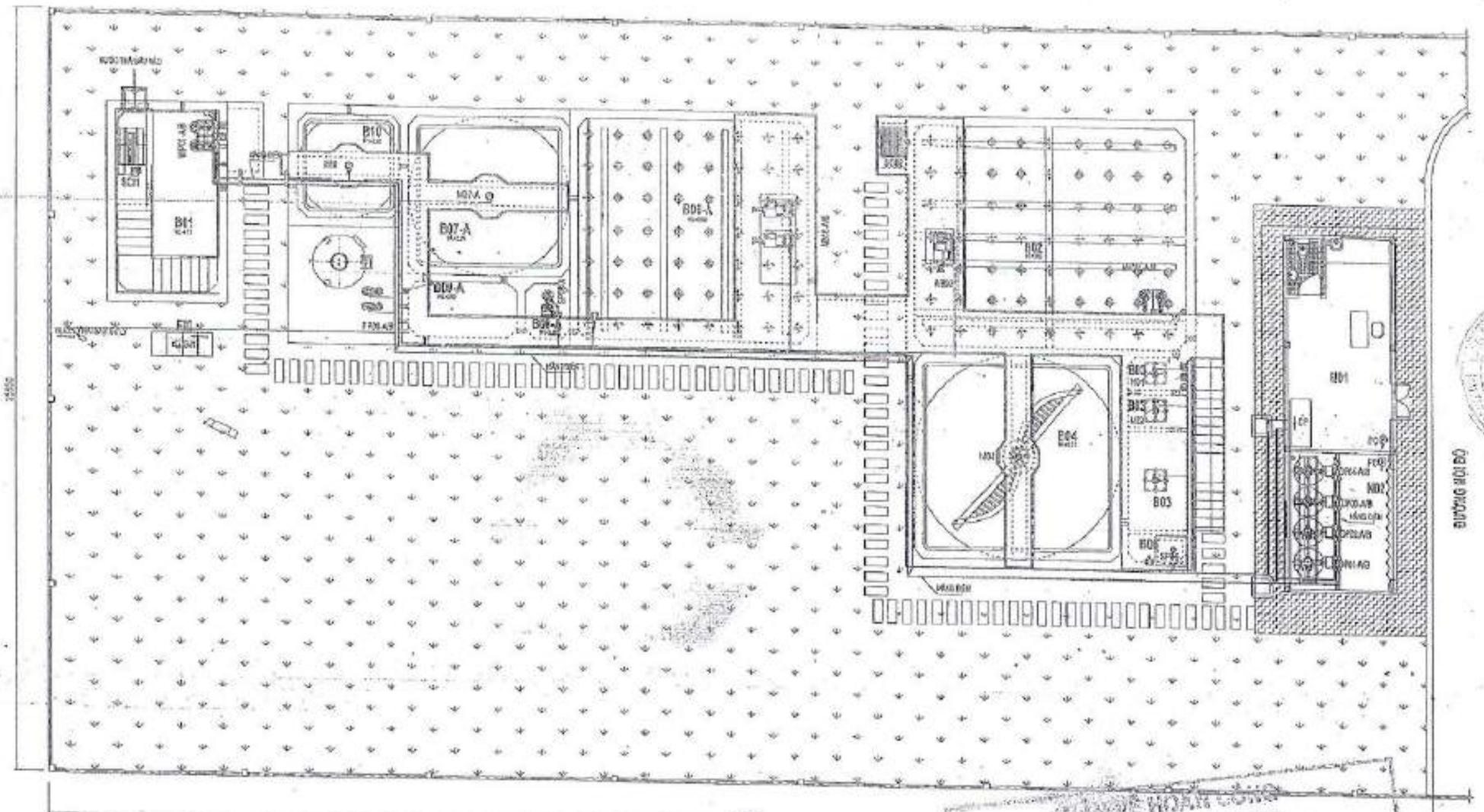
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

ĐƯỜNG PHẤT

MẶT BẰNG HỆ THỐNG ĐIỆN NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1: Q = 600M³/NGÀY.ĐÊM

TL: 1/100



GHI CHÚ:

BỂ1	: HẦM BƠM
BỂ2	: BỂ Ổ SỰ CỐ
BỂ3	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
BỂ4	: BỂ LẮNG 1
BỂ5	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG 1
BỂ6-A	: BỂ ANOXIC
BỂ7-A	: BỂ LẮNG 2
BỂ8-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG 2
BỂ8-B	: BỂ CHỨA TRONG GIẾNG
BỂ9	: BỂ NÉN BÙN
SCO1	: MÁY TÁCH RÁC THÔ
NO1	: NHÀ ĐIỀU HÀNH
NO2	: NHÀ PHA HÓA CHẤT
WPO1-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI HẦM BƠM BỂ1
SCO2	: MÁY TÁCH RÁC TINH
WPO1-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA BỂ2
AB02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA BỂ2
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
DPB1-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD NaOH
DPB2-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD H_2SO_4
DPB3-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD PHIÈN
M04	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG 1
SP05	: BƠM BÙN BỂ LẮNG 1
AB05-A/B	: MÁY THỔI KHÍ BỂ NGĂN BỂ6-A
M07-A	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG 2
SP08-A	: BƠM BÙN BỂ LẮNG 2
DPB4-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD H_2O_2
CN01-A/B	: BỒN CHỨA HÓA CHẤT
FT09-A	: BỒN LỌC ÁP LỰC
FP09-A/B	: BƠM LỌC ÁP LỰC
M10	: MOTOR GẠT BÙN BỂ NÉN BÙN

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

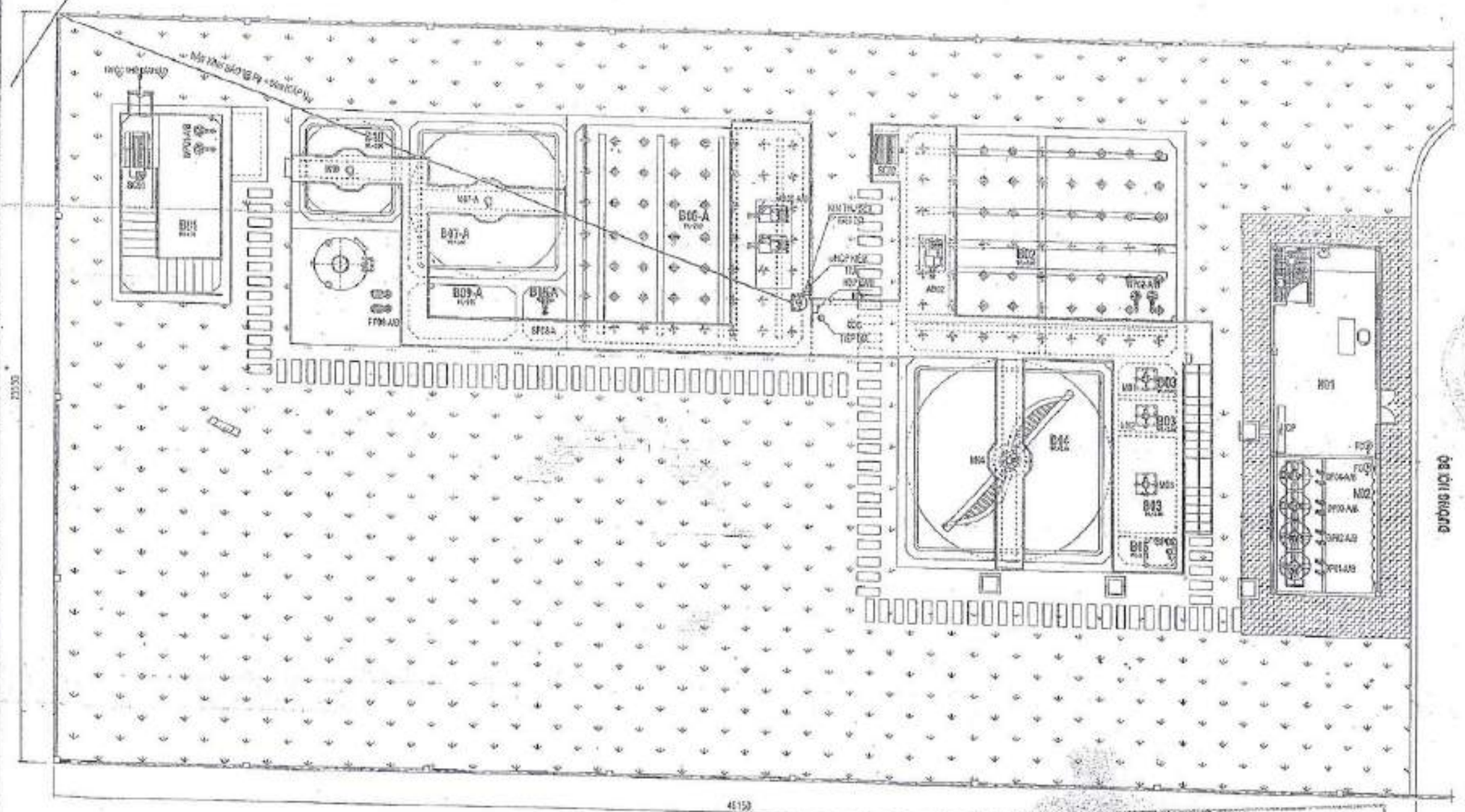
ĐƯỜNG ĐẤT

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1
CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN 1: 13.000M³/NGÀY.ĐÊM

TNHH. HOÀNG NGỌC TÙNG

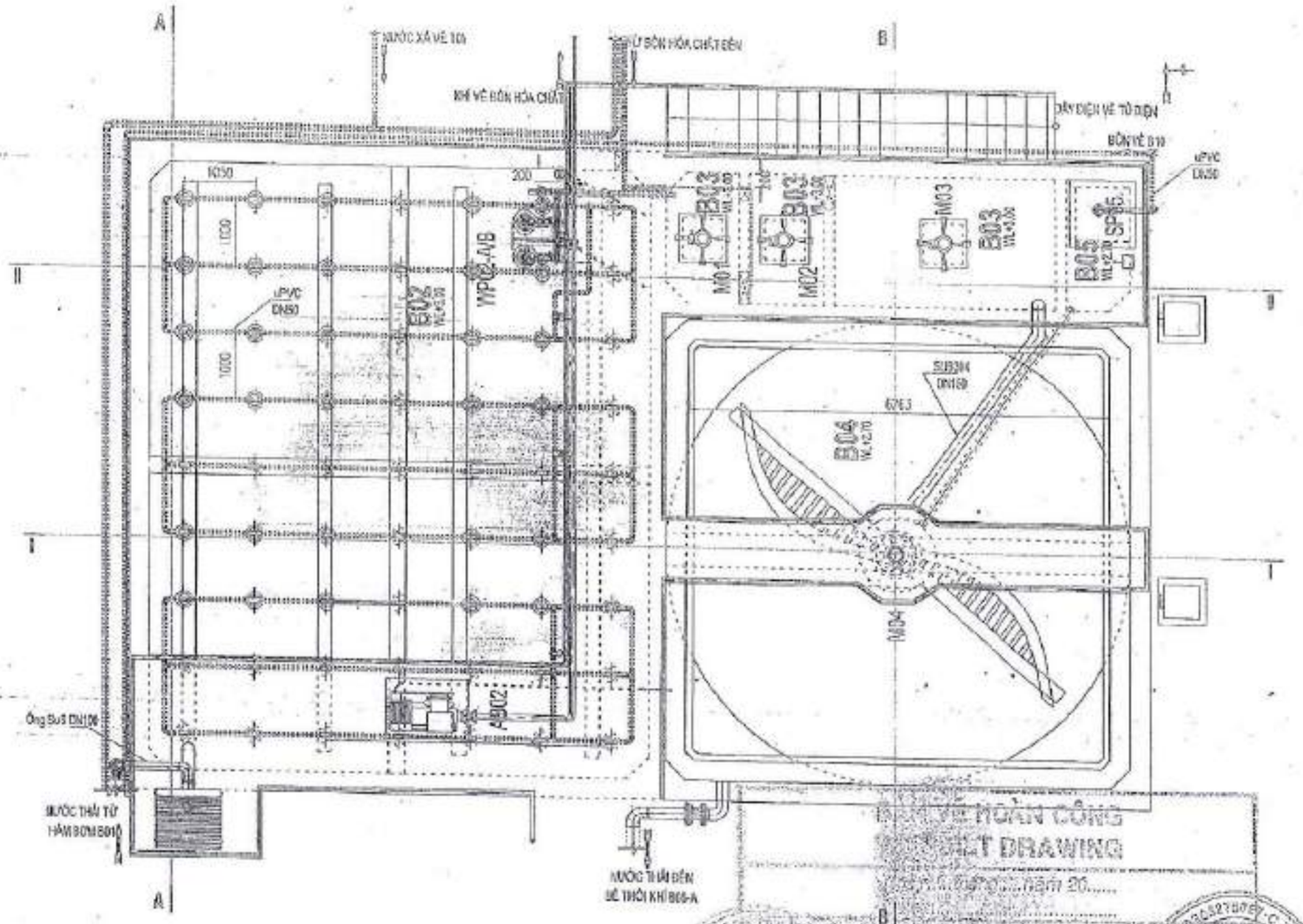
MẶT BẰNG HỆ THỐNG CHỐNG SÉT NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1, CÔNG SUẤT PHẦN KỲ 1: Q = 6000M³/NGÀY. ĐÊM

TL: 1/100



MẶT BẰNG BỐ TRÍ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CỤM BỂ XỬ LÝ HÓA LÝ

TỈ LỆ : 1/75



GHI CHÚ:

B02	: BỂ ĐIỀU HOÀ
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
B05	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
SK02	: MÁY TÁCH RÁC TINH
WP02-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HOÀ B02
ABS02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HOÀ B02
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M04	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG I
SP05	: BƠM BÙN BỂ LẮNG I

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

ĐƯỜNG KHÍT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
CONSULTANT

ĐƠN VỊ THI CÔNG

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CỤM BỂ XỬ LÝ HÓA LÝ

A1

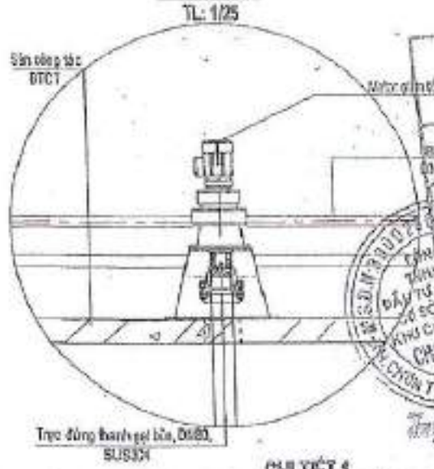
GHI CHÚ:

B02	: BỂ ĐIỀU HOÀ
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
B05	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
WP02-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HOÀ B02
AB02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HOÀ B02
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M04	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG I
SP05	: BƠM BÙN BỂ LẮNG I

GHI CHÚ:

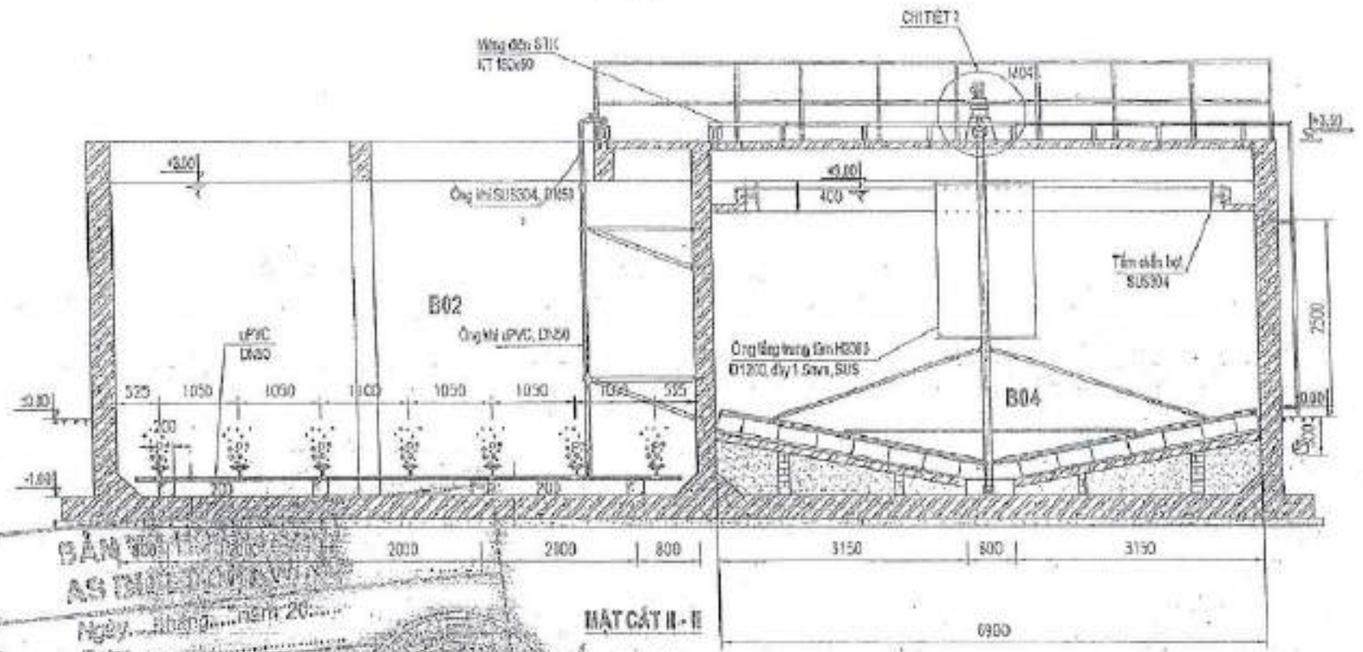
1	: DẦM 250x300, BTCT
2	: TẤC KÊ INOX M10x30, SUS304
3	: SUPORT ĐỠ ỐNG
4	: VAN BƯỚM DN80
5	: BULONG CON TÁN M16x30, SUS304
6	: VAN MỘT CHIỀU, DN80
7	: THANH TRƯỢT BƠM DN50, SUS304
8	: KHỚP NỐI MỀM, DN80 : BÍCH KÉO BƠM M8, SUS304
10	: ỐNG BƠM NƯỚC THẢI SUS304, DN80
11	: MẶT BÍCH UPVC, DN80

CHI TIẾT 2
TL: 1/25

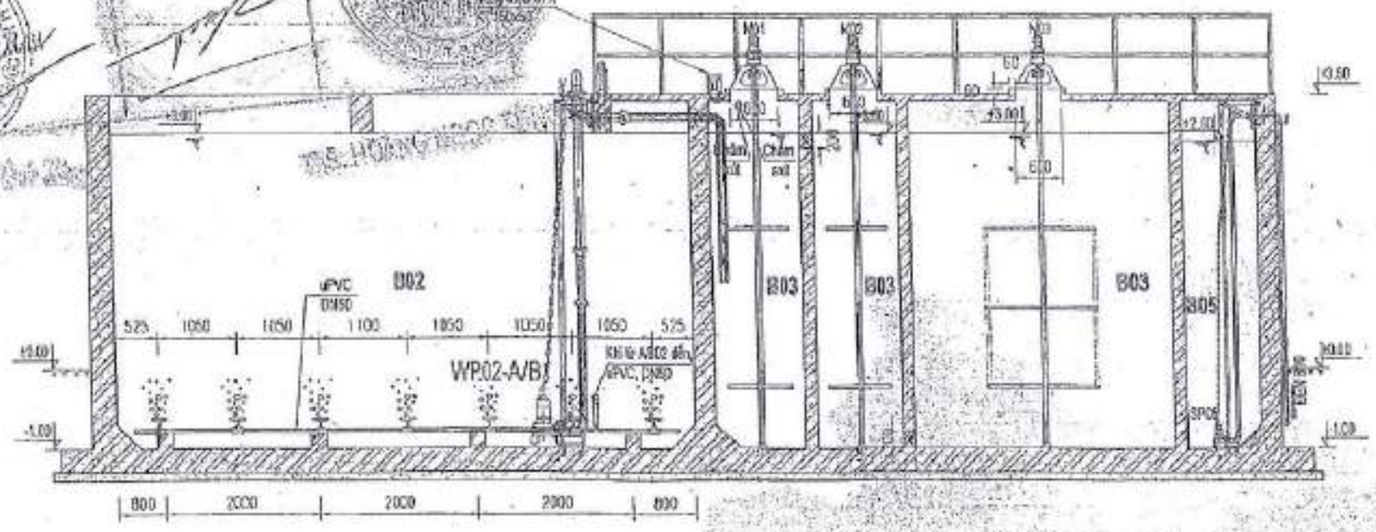


CHI TIẾT 1
TL: 1/25

MẶT CẮT I - I
TL: 1/75



MẶT CẮT II - II
TL: 1/75



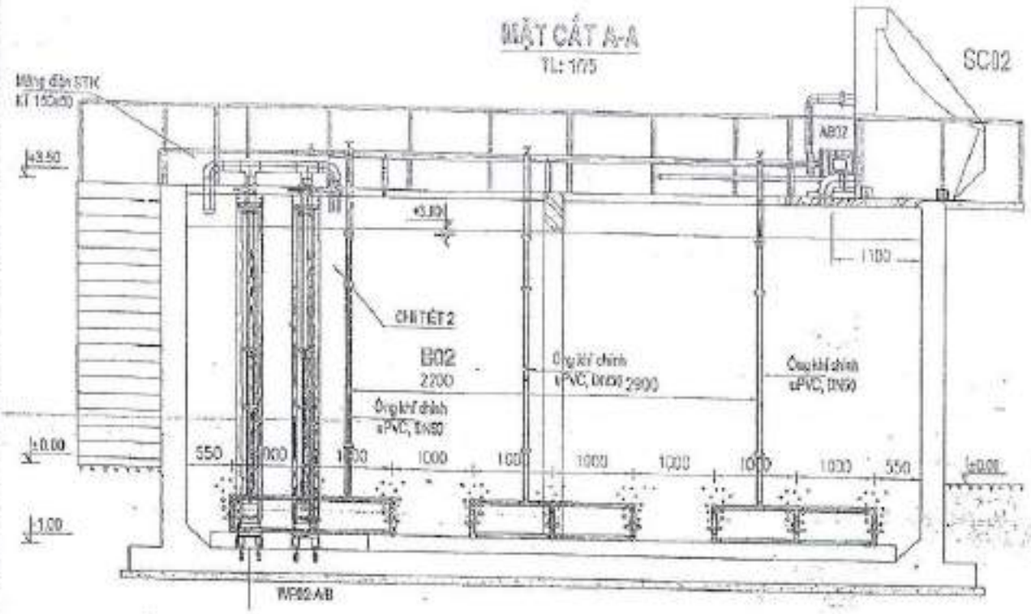
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

TƯ VẤN GIÁM SÁT / CONSULTANT

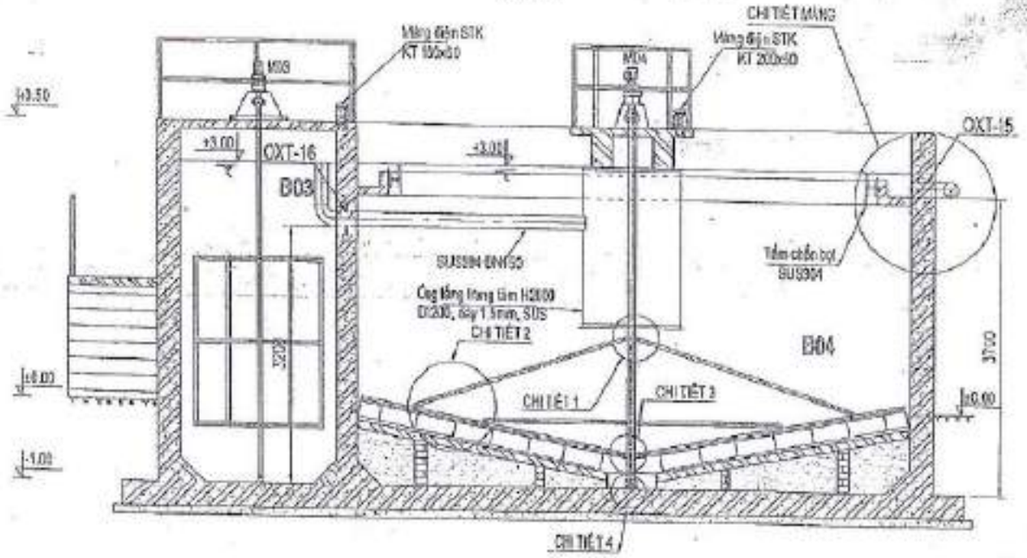
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

ĐƯỜNG NHẬT

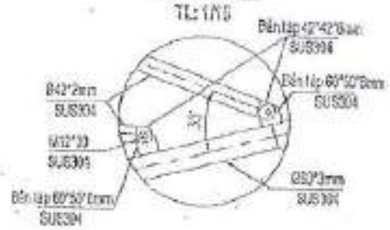
MẶT CẮT A-A
TL: 1/75



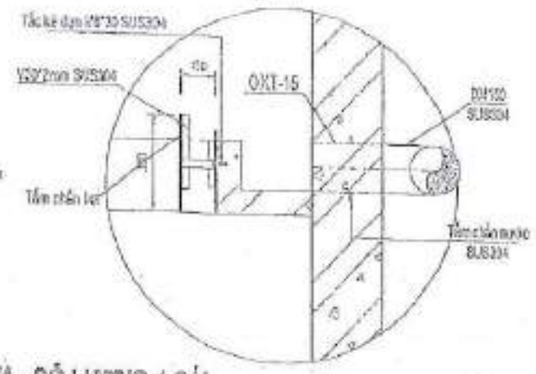
MẶT CẮT B-B
TL: 1/75



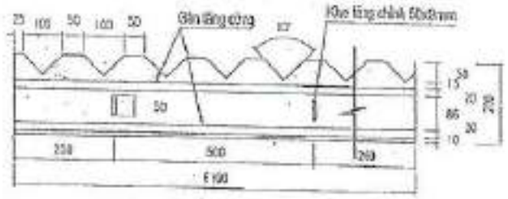
CHI TIẾT 2
TL: 1/15



CHI TIẾT MÁNG
TL: 1/15

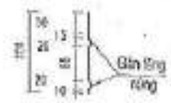


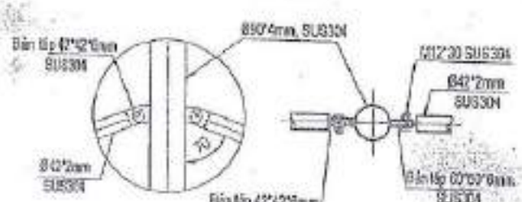
CHI TIẾT MÁNG RĂNG CƯA - SỐ LƯỢNG 4 CÁI
TL: 1/15



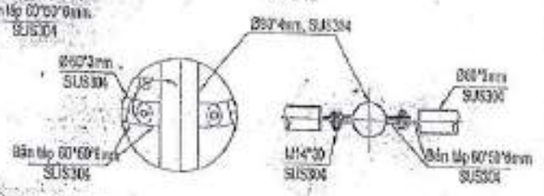


CHI TIẾT 1
TL: 1/15

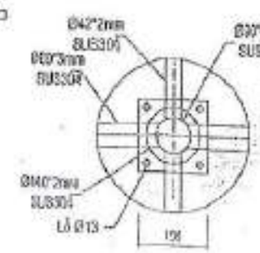


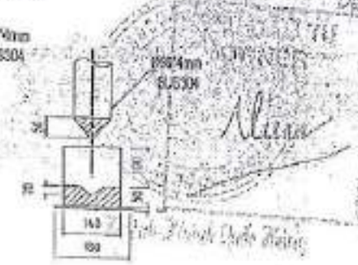


CHI TIẾT 3
TL: 1/15



CHI TIẾT 4
TL: 1/15





GHI CHÚ:

B02	: BỂ ĐIỀU HOÀ
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
INP02-AB	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HOÀ B02
AB02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HOÀ B02
M04	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG I

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày....tháng....năm 20....
TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƠN THÀNH

TIẾN độ Ø18*30 SUS304

DƯƠNG MIỆT

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN 1: 1.200 M³/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I, XÃ MINH LẬP, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƠN THÀNH

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƠN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƠN THÀNH

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƠN THÀNH

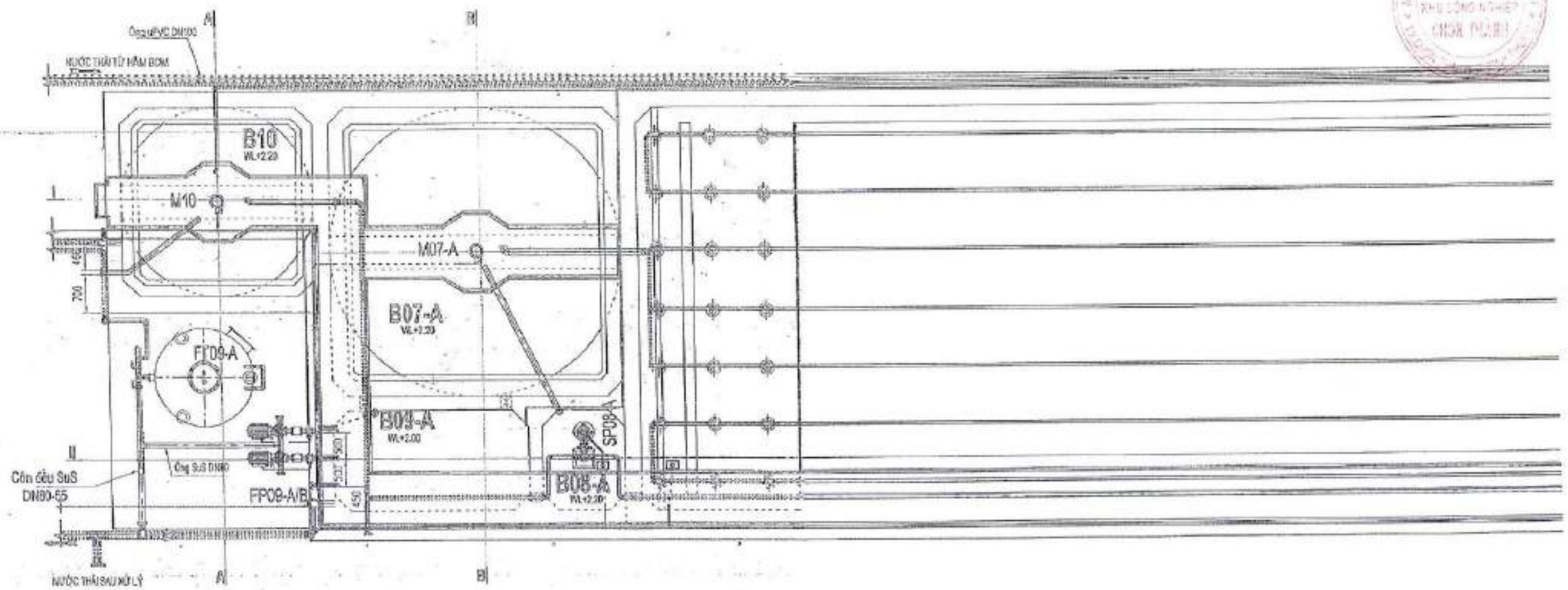
ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CHƠN THÀNH

TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT A-A, MẶT CẮT B-B, CHI TIẾT MÁNG, CHI TIẾT 1, CHI TIẾT 2, CHI TIẾT 3, CHI TIẾT 4

GIÁM ĐỐC DỰ ÁN
DS. HOÀNG NGỌC TÙNG

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CỤM BỂ XỬ L...

TL: 1/75

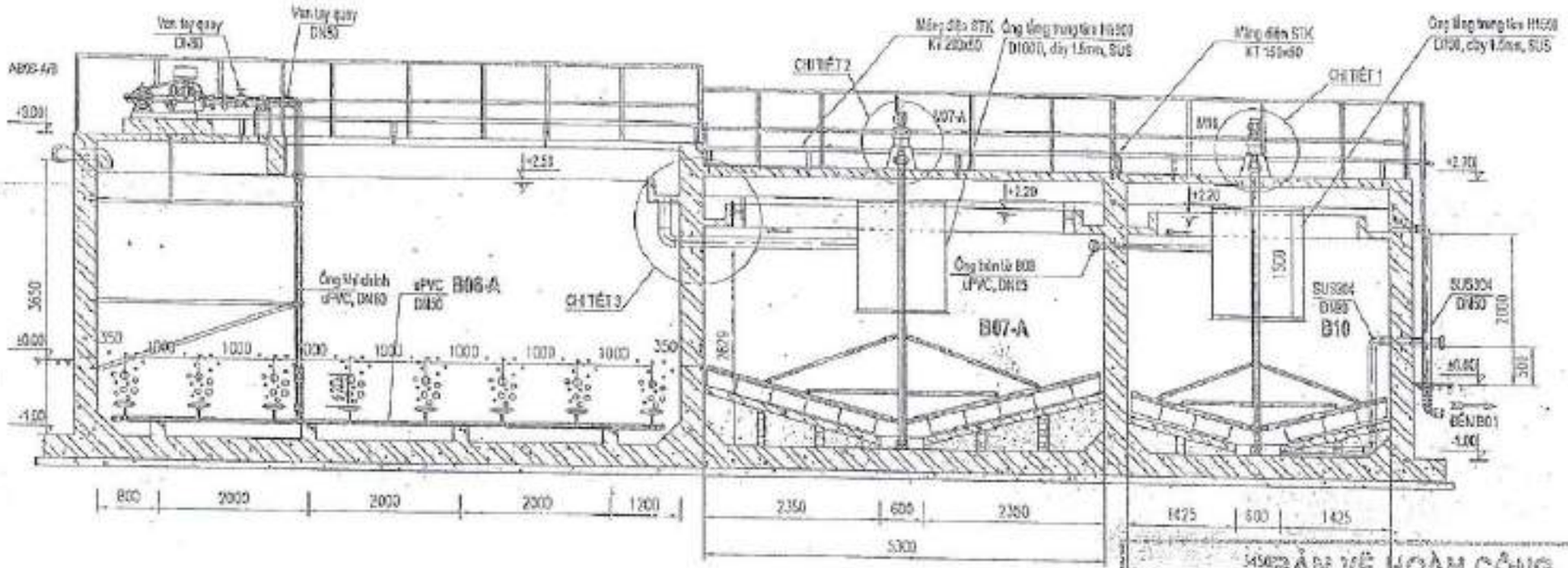


GHI CHÚ:

B01	: HẦM BƠM
B02	: BỂ ĐIỀU HÒA
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
B05	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
B06-A	: BỂ THỔI KHÍ
B07-A	: BỂ LẮNG 2
B08-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG II
B09-A	: BỂ CHỨA TRUNG GIAN
B10	: BỂ NÉN BÙN
SC01	: MÁY TÁCH RÁC THÔ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI HẦM BƠM B01
SC02	: MÁY TÁCH RÁC TINH
WP02-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA B02
AB02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA B02
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
DP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CO PHÈN
DP02-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CO H_2SO_4
DP03-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG CO NaOH
M04	
SP08	
AE06-A/B	
M07-A	
SP08-A	
DP04-A/B	
CN101 ->	
FT20-A	
FP09-A/B	
M10	

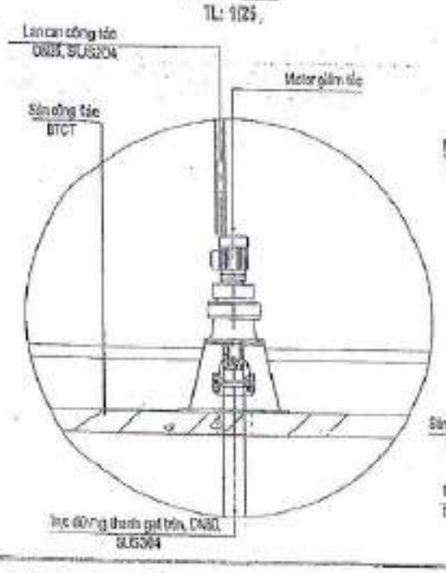
MẶT CẮT 1 - 1

TL: 1/75



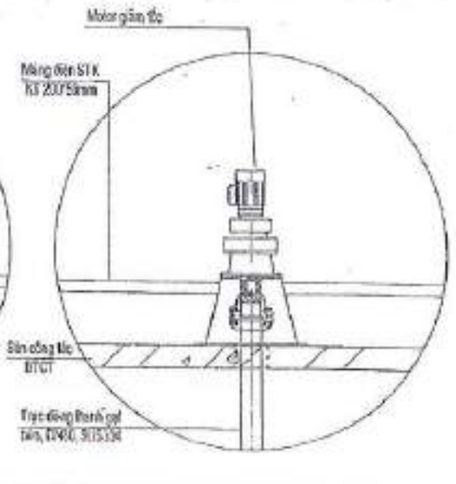
CHI TIẾT 1

TL: 1/25



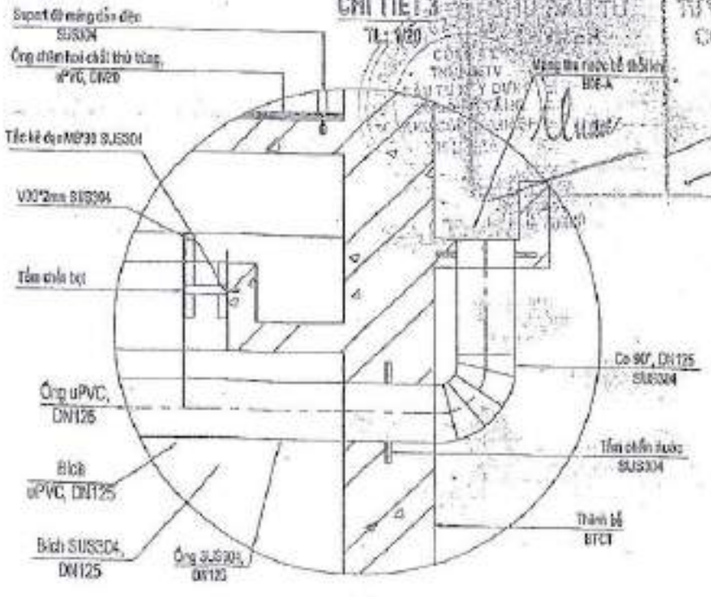
CHI TIẾT 2

TL: 1/25



CHI TIẾT 3

TL: 1/20



GHI CHÚ:

B06-A	: BỂ THỔI KHÍ
B07-A	: BỂ LẮNG 2
B10	: BỂ NÉN BÙN
AB06 A/B	: MÁY THỔI KHÍ BỂ THỔI KHÍ B06-A
M07-A	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II
M10	: MOTOR GẠT BÙN BỂ NÉN BÙN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày....tháng....năm 20.....
Date:.....

TỔNG THẦU XÂY DỰNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT CONSULTANT	

TNS. HOÀNG NGỌC TÙNG

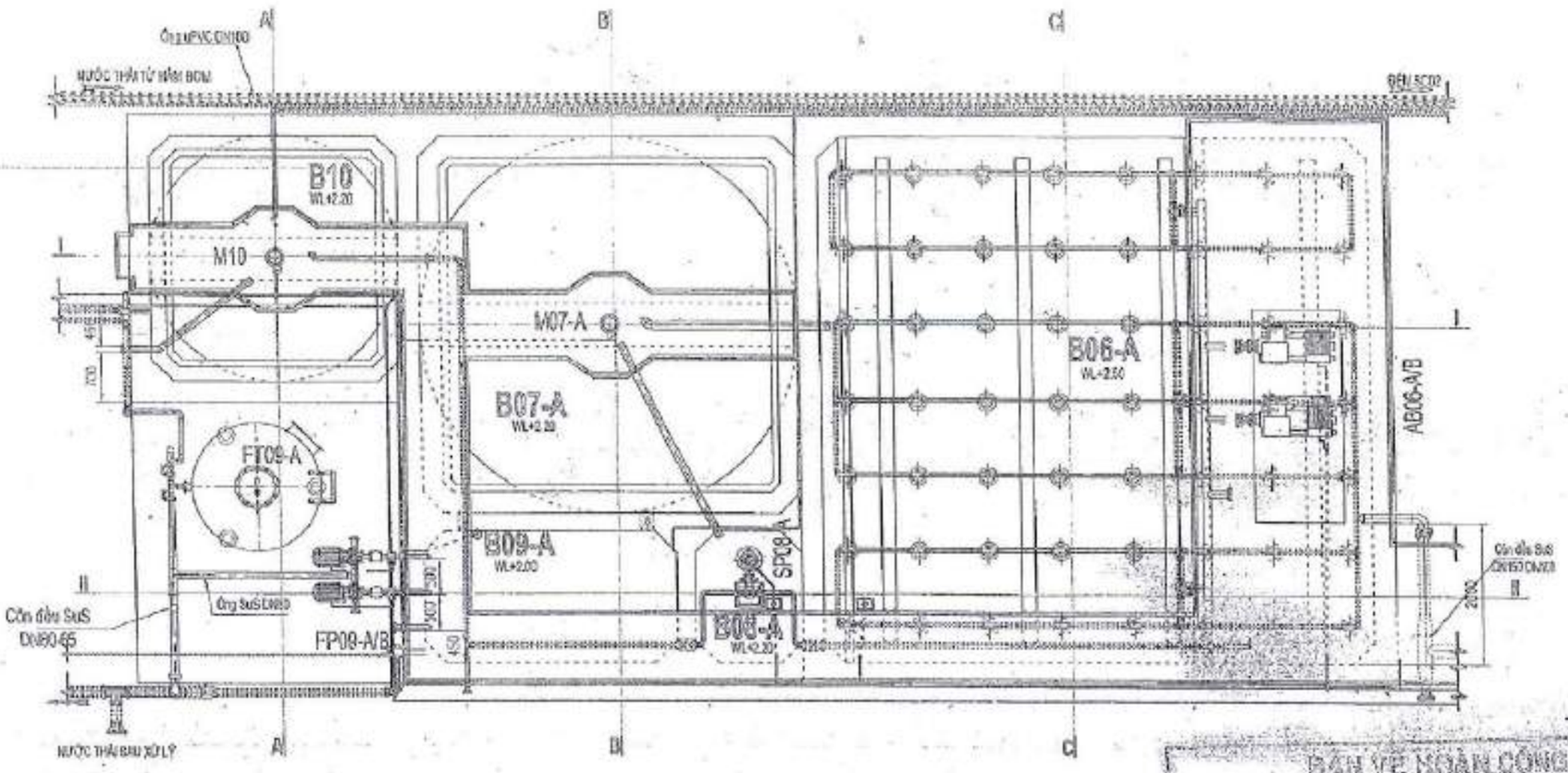
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

DƯƠNG NHẬT

MẶT CẮT 1-1 | CHI TIẾT 1 | CHI TIẾT 2 | CHI TIẾT 3

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CỤM BỂ XỬ LÝ SINH HỌC

TL: 1/75



GHI CHÚ:

B01	: HỐ GA BOM
B02	: BỂ ĐIỀU HOÀ
B03	: CỤM BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
B04	: BỂ LẮNG I
B05	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG I
B06-A	: BỂ THỔI KHÍ
B07-A	: BỂ LẮNG 2
B08-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG II
B09-A	: BỂ CHỨA TRUNG GIAN
B10	: BỂ NÉN BÙN
SC01	: MÁY TÁCH RÁC TINH

WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI HẦM BƠM B01
SC02	: MÁY TÁCH RÁC TINH
WP02-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HOÀ B02
AB02	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HOÀ B02
M01	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M02	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
M03	: MOTOR KHUẤY BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG
DP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG PHÈN
DP02-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD H_2SO_4
DP03-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD NaOH

M04	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG I
SP05	: BƠM BÙN BỂ LẮNG I
AB06-A/B	: MÁY THỔI KHÍ BỂ ĐIỀU HOÀ B06-A
M07-A	: MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG I
SP08-A	: BƠM BÙN BỂ LẮNG I
DP04-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD NaOCl
CHT01-->05	: BỒN CHỨA HOÁ CHẤT
FT09-A	: BỒN LỌC ÁP LỰC
FP09-A/B	: BƠM LỌC ÁP LỰC
M10	: MOTOR GẠT BÙN BỂ NÉN BÙN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày....tháng....năm 20....
Date:

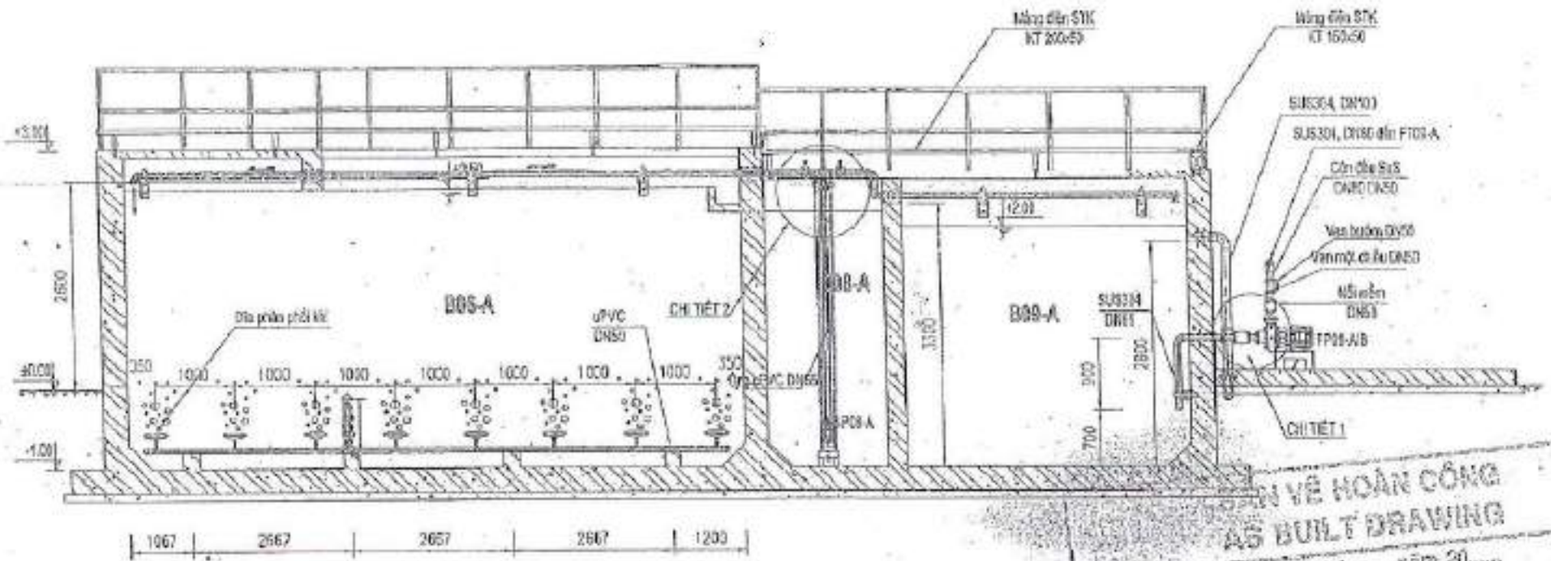
TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

DƯƠNG RIKLY

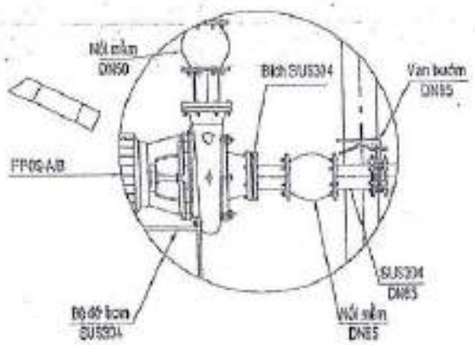
MẶT CẮT II - II

TL: 1/75



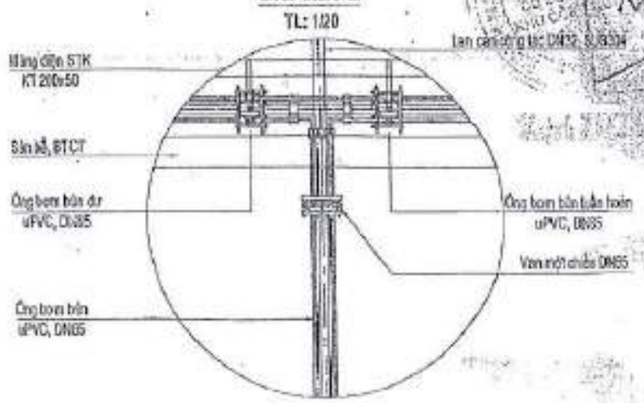
CHI TIẾT 1

TL: 1/20



CHI TIẾT 2

TL: 1/20



CHỈ CHÚ:

BS8-A	: BỂ THỔI KHÍ
BC8-A	: NGĂN THU BÙN BỂ LẮNG II
BS9-A	: BỂ CHỨA TRUNG GIAN
ABS6-A/B	: MÁY THỔI KHÍ BỂ THỔI KHÍ BS6-A
SP05-A	: BƠM BÙN BỂ LẮNG II
FP08-A/B	: BƠM LỌC ÁP LỰC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Date:.....

TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT

THS. HOÀNG NGỌC TÙNG

CÔNG TY TNHH
CHÍN THÀNH

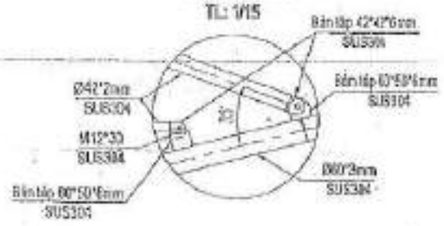
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

DƯƠNG NHẬT

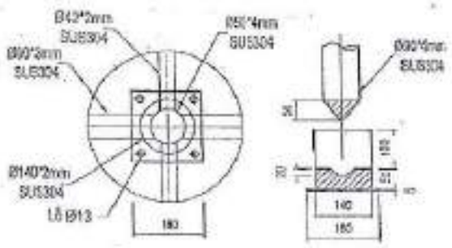
GHI CHÚ:

BỂ	: BỂ KEN BÙN
F108-A	: BỒN LỌC ÁP LỰC
FP08-A/B	: BƠM LỌC ÁP LỰC
M10	: MOTOR GẠT BÙN BỂ KEN BÙN

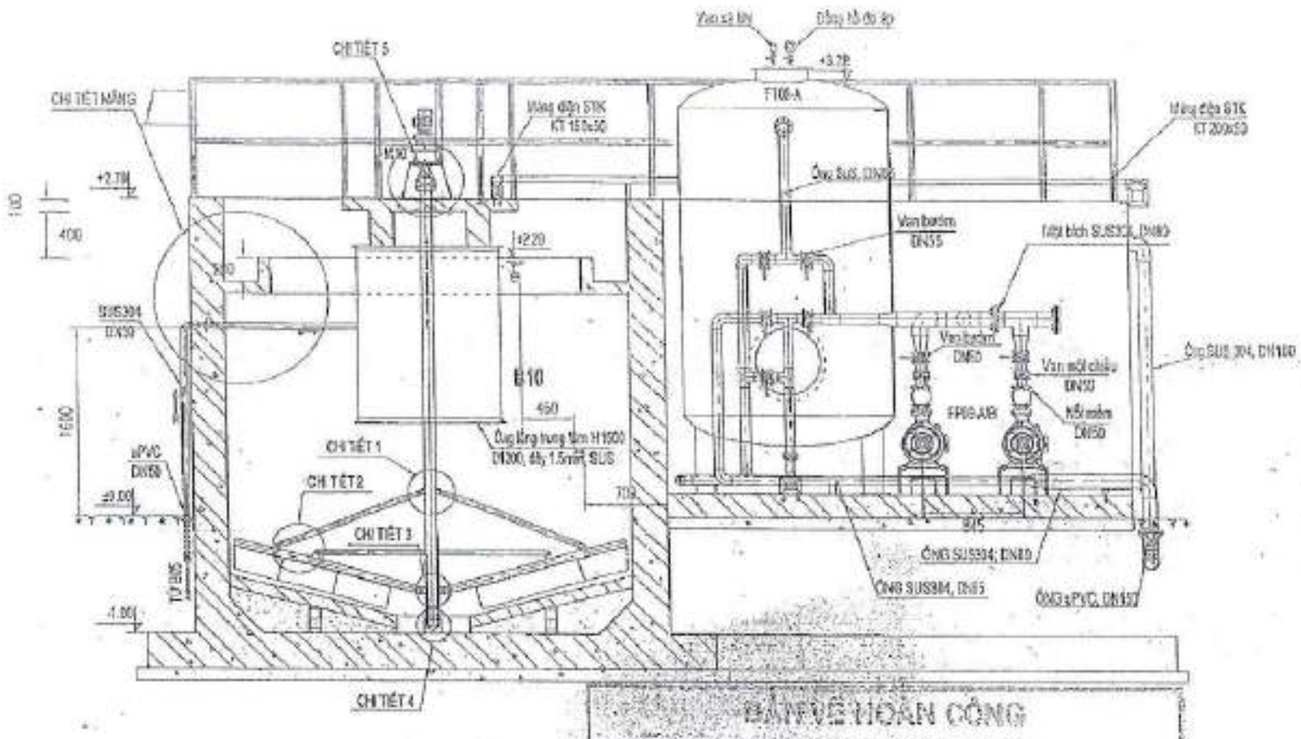
CHI TIẾT 2
TL: 1/15



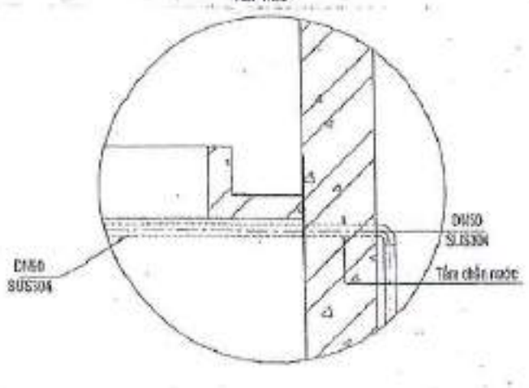
CHI TIẾT 4
TL: 1/15



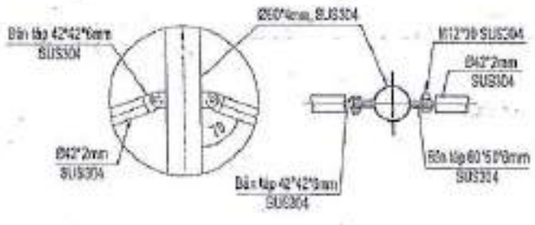
MẶT CẮT A - A
TL: 1/50



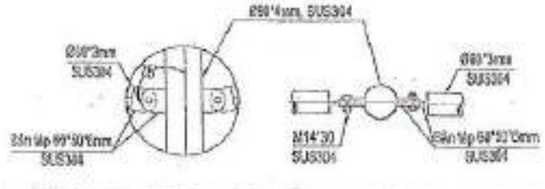
CHI TIẾT MẶNG
TL: 1/25



CHI TIẾT 1
TL: 1/15



CHI TIẾT 3
TL: 1/15



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

tháng ....năm 20.....

CHỦ ĐẦU TƯ	TƯ VẤN GIÁM SÁT CONSULTANT	ĐƠN VỊ THI CÔNG CONTRACTOR
		DƯƠNG NHẬT

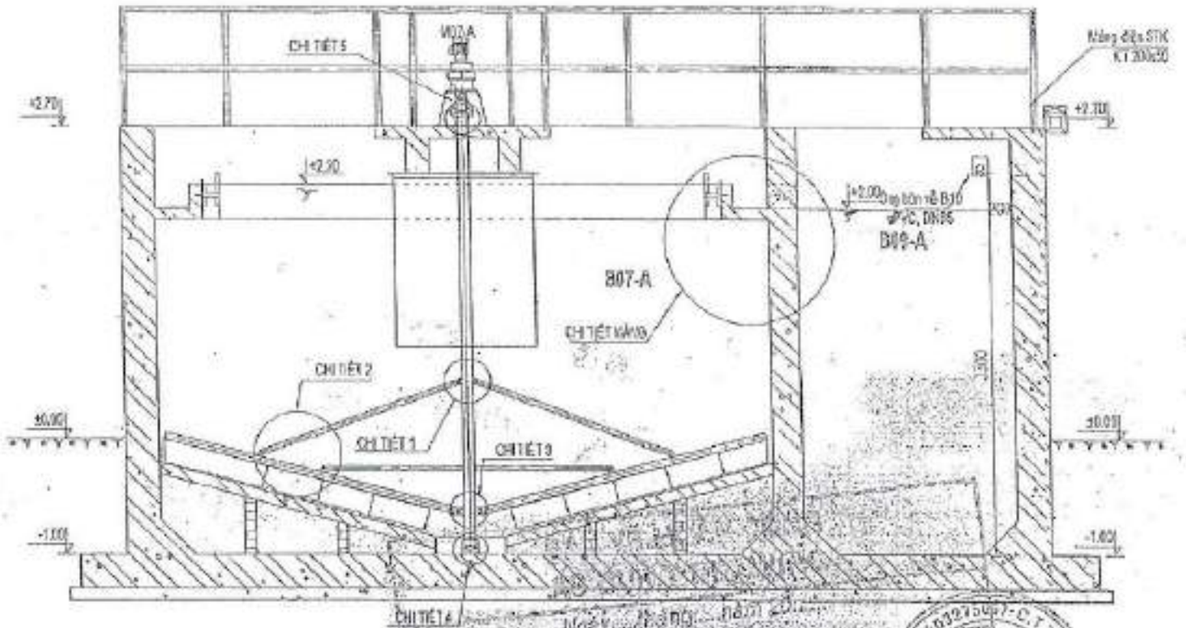
CHI TIẾT 5
TL: 1/15



THS. TRẦN NGỌC TÙNG

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

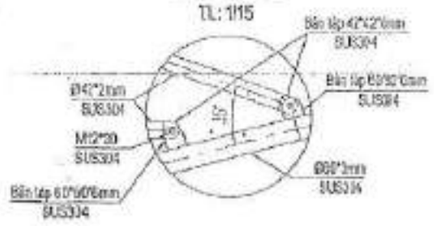
MẶT CẮT B - B
TL: 1/50



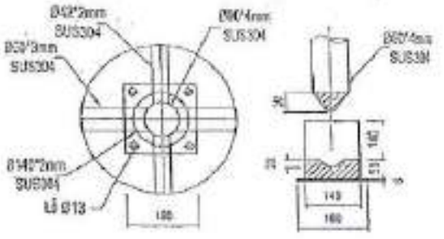
GHI CHÚ:

B07-A : BỂ LẮNG 2
B09-A : BỂ CHỨA TRUNG GIAN
M07-A : MOTOR GẠT BÙN BỂ LẮNG II

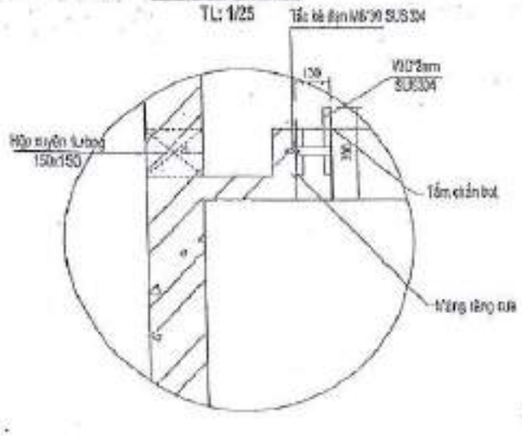
CHI TIẾT 2
TL: 1/15



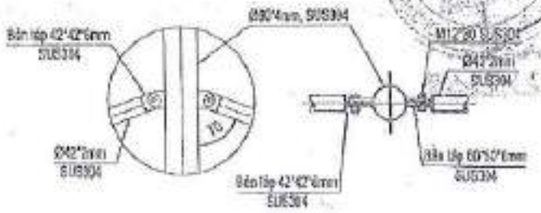
CHI TIẾT 4
TL: 1/15



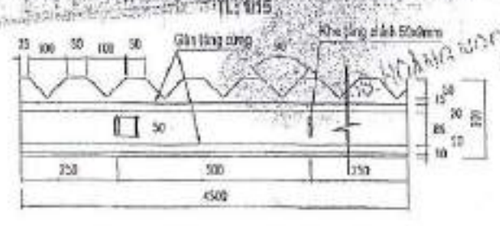
CHI TIẾT MÁNG
TL: 1/25



CHI TIẾT 1
TL: 1/15

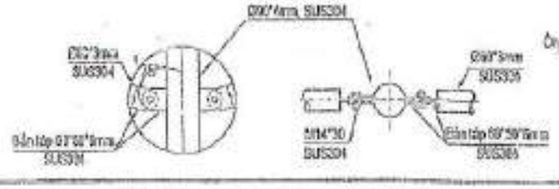


CHI TIẾT MÁNG RĂNG CƯA - SỐ LƯỢNG 4 CÁI
TL: 1/15

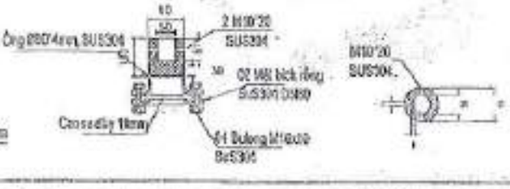


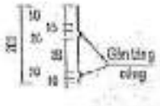


CHI TIẾT 3
TL: 1/15



CHI TIẾT 5
TL: 1/15



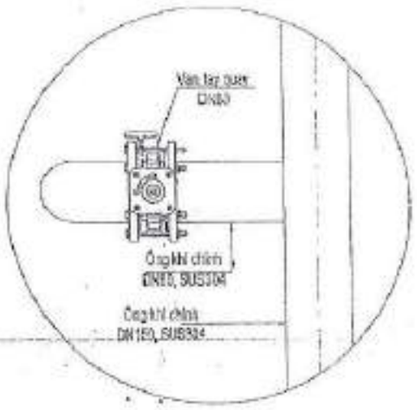


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

ĐƯƠNG NHỘT

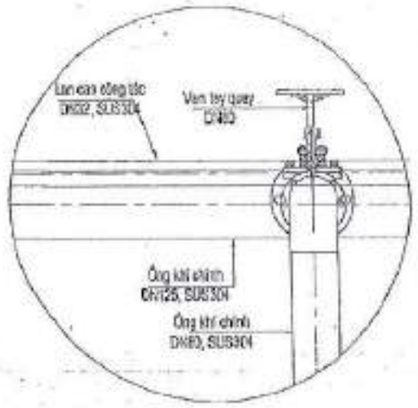
MẶT BẰNG CHI TIẾT 1

TL: 1/20



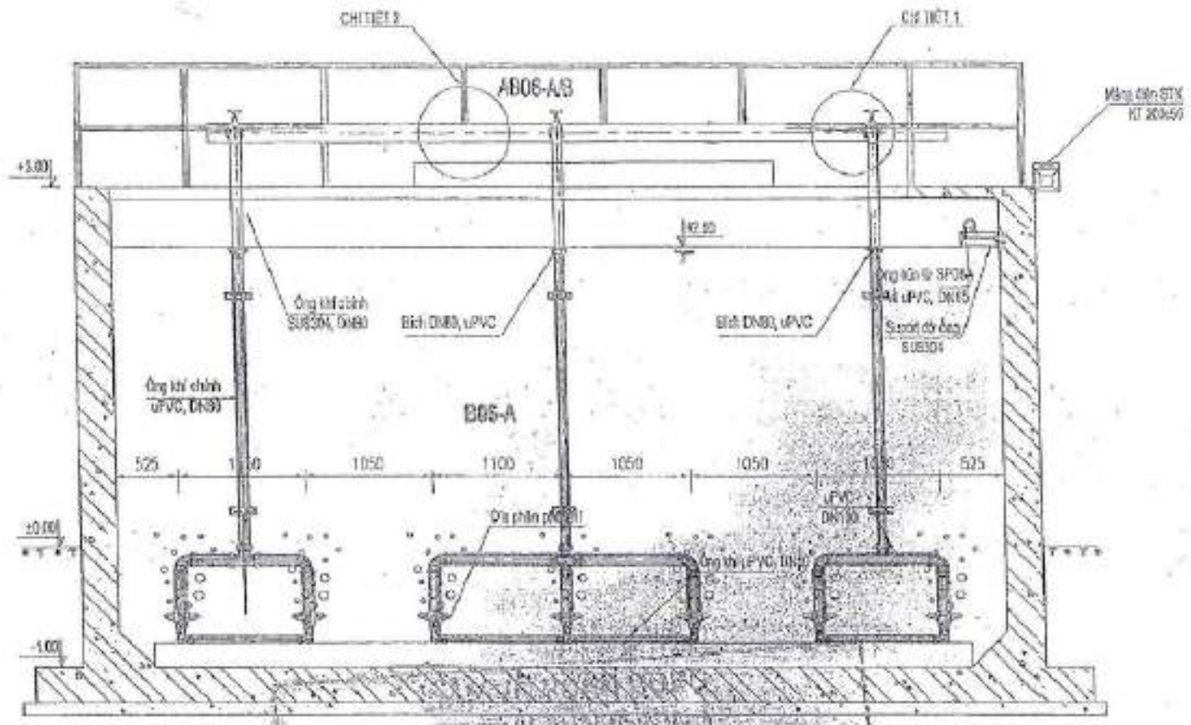
CHI TIẾT 1 ĐỨNG

TL: 1/20



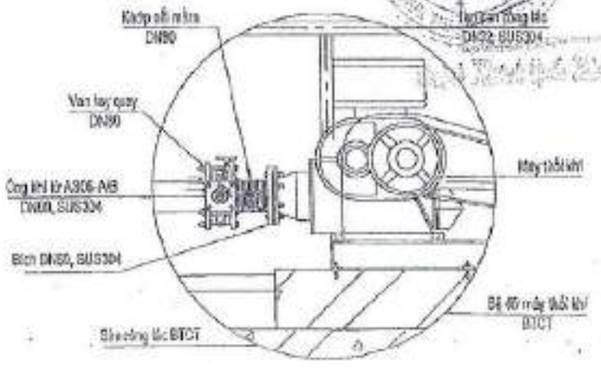
MẶT CẮT C - C

TL: 1/50



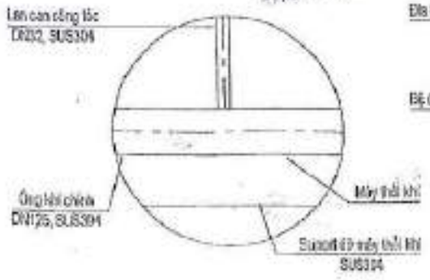
CHI TIẾT 2 NHÌN BÊN

TL: 1/20



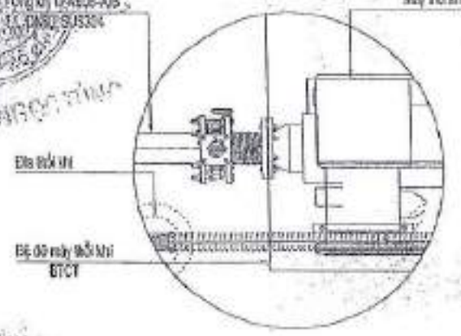
CHI TIẾT 2 NHÌN THẲNG

TL: 1/20



MẶT BẰNG CHI TIẾT 2

TL: 1/20



GHI CHÚ:

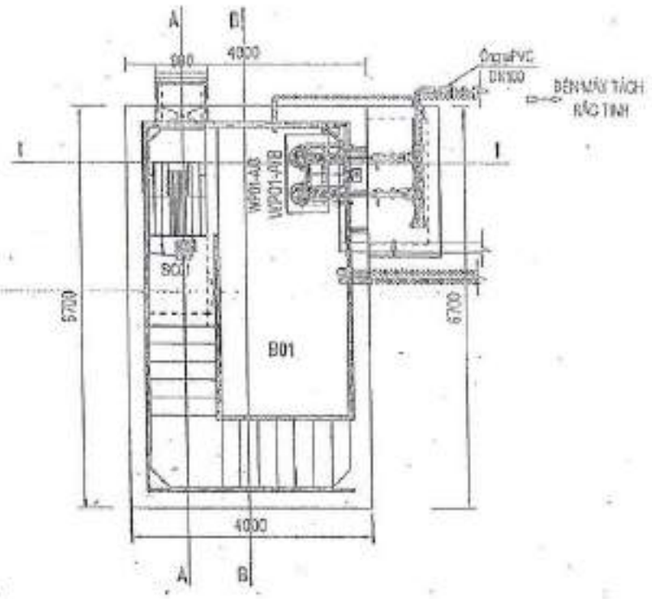
B06-A : BỂ THỔI KHÍ

AB06-AB : MÁY THỔI KHÍ BỂ THỔI KHÍ B06-A.

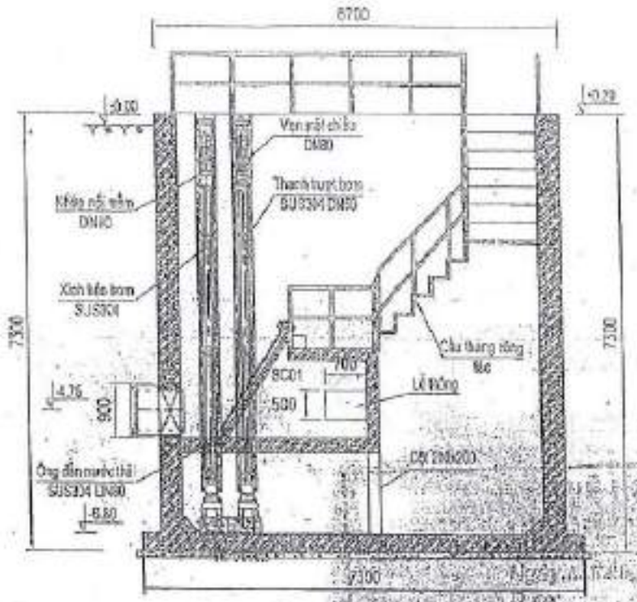
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

DƯƠNG NHẬT

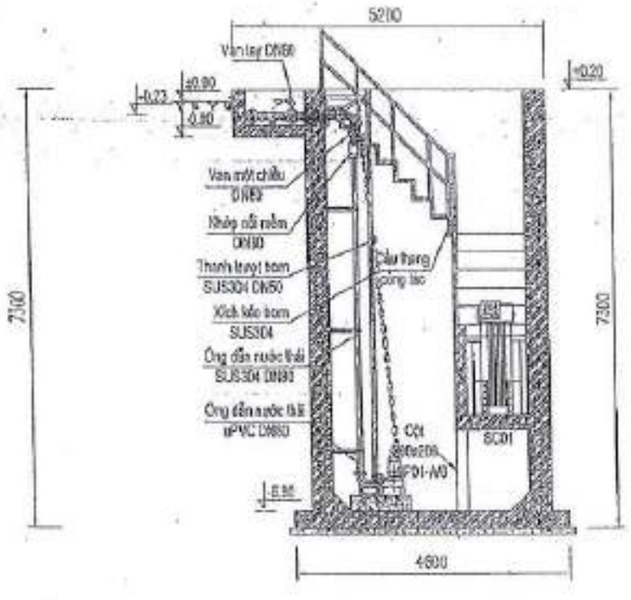
MẶT BẰNG
TL: 1/100



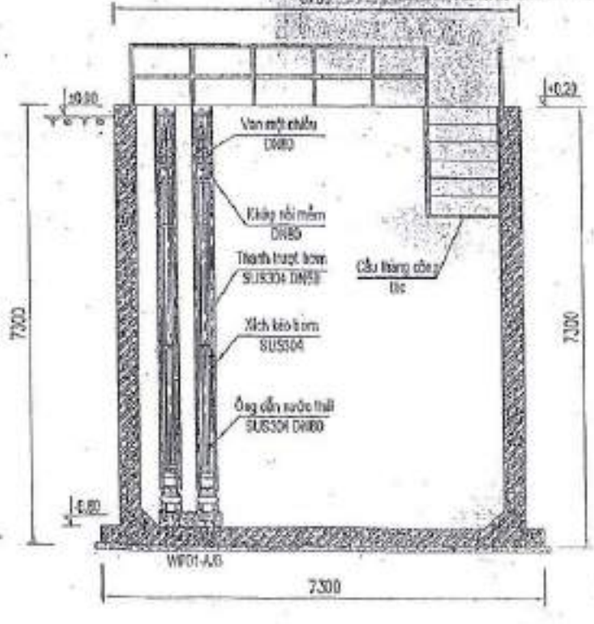
MẶT CẮT A - A
TL: 1/100



MẶT CẮT 1-1
TL: 1/100



MẶT CẮT A-A
TL: 1/100



GHI CHÚ:

BH	: HỐ BƠM NƯỚC THẢI
SC01	: MÁY TÁCH RÁC THÔ
WP01-A/B	: BƠM NƯỚC THẢI HỐ BƠM

TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CONTRACTOR

PGS. HOÀNG NGỌC TÙNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN CHƠN THÀNH

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

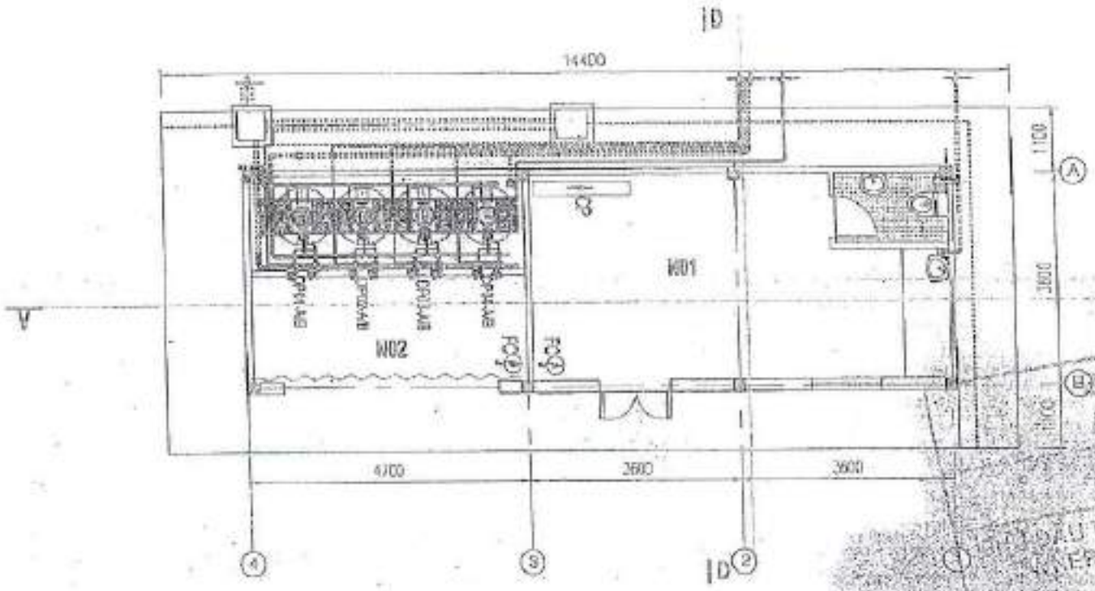
ĐƯƠNG NHẬT

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I
CÔNG SUẤT: 500 M3/NGÀY.ĐÊM

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I, CÔNG SUẤT: 500 M3/NGÀY.ĐÊM

CHI TIẾT KẾT CẤU HỐ BƠM NƯỚC THẢI

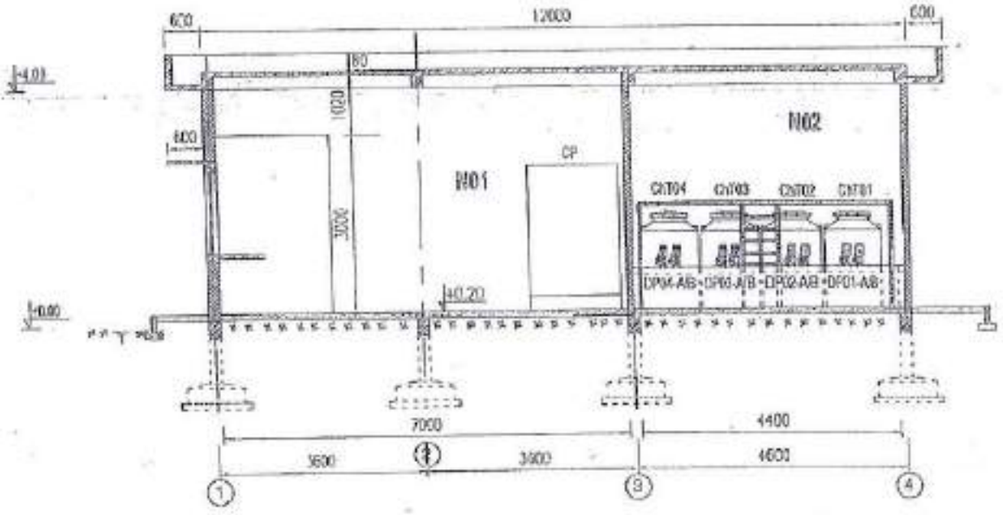
MẶT BẰNG
TL : 1/100



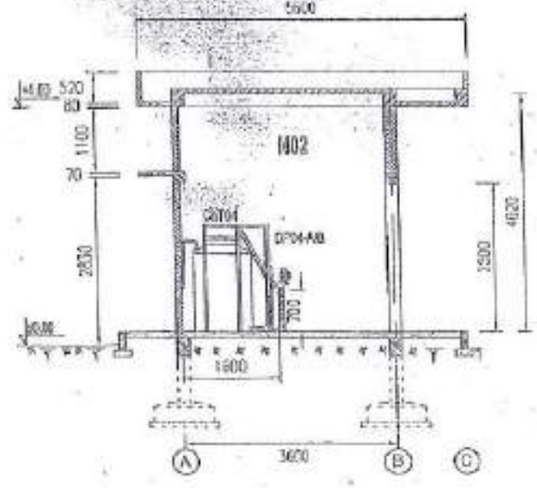
GHI CHÚ:

N01	: NHÀ ĐIỀU HÀNH
N02	: NHÀ PHA HÓA CHẤT
CHT01	: BỒN CHỨA DUNG DỊCH PHÈN
CHT02	: BỒN CHỨA DUNG DỊCH AXIT
CHT03	: BỒN CHỨA DUNG DỊCH KIỀM
CHT04	: BỒN CHỨA DUNG DỊCH KHỬ TRÙNG
DP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD PHÈN
DP02-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD H_2SO_4
DP03-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD NaOH
DP04-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG DD NaClO

MẶT CẮT V - V
TL : 1/100



MẶT CẮT D - D
TL : 1/100



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày ... tháng ... năm 20.....

CHỦ ĐẦU TƯ
OWNER

TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT

ĐƠN VỊ THI CÔNG

TRẦN HOÀNG NGỌC TÙNG

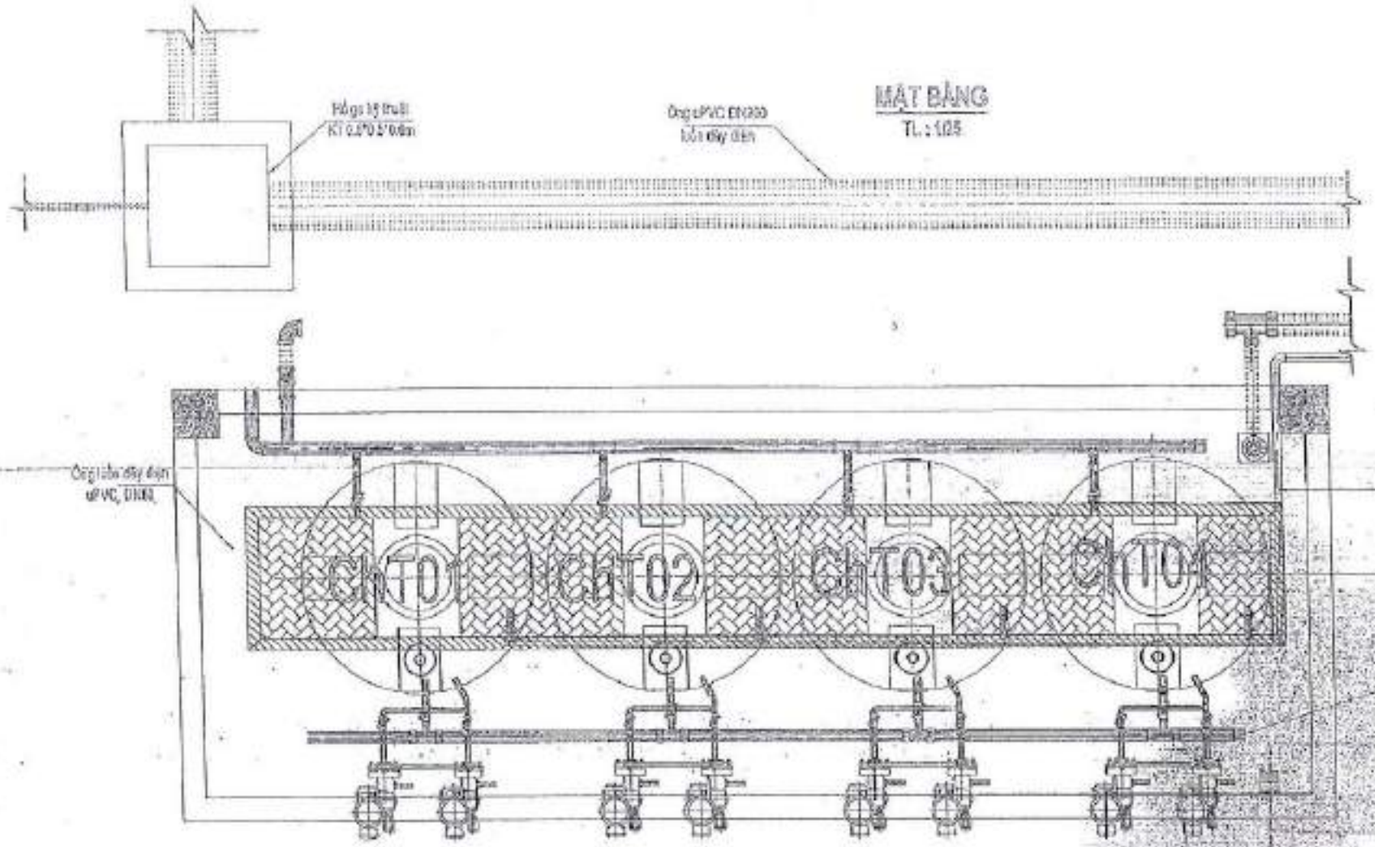
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

ĐƯỜNG NHẤT

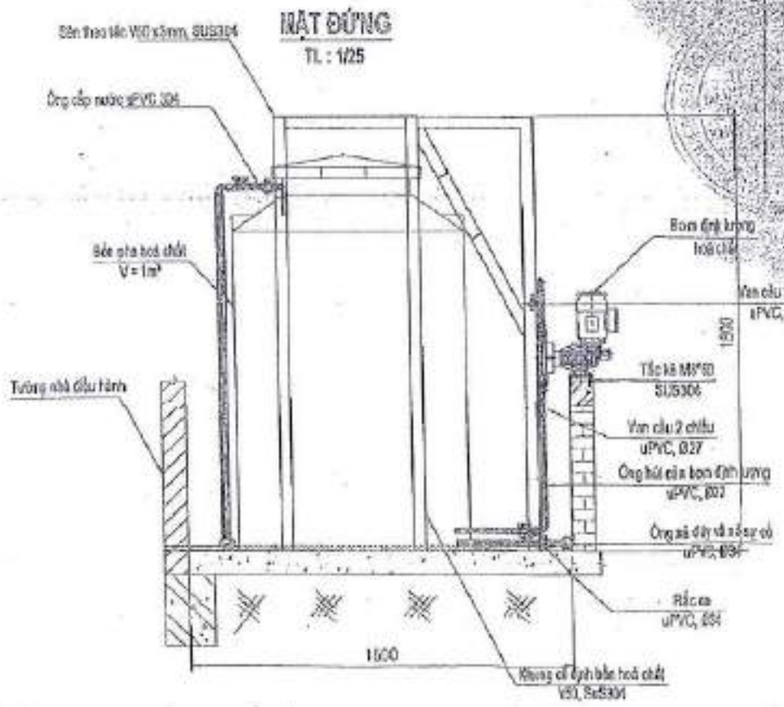
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1
CÔNG SUẤT 6000 M3/NGÀY.ĐÊM

CHI TIẾT NHÀ ĐIỀU HÀNH VÀ NHÀ PHA HÓA CHẤT

MẶT BẰNG
TL : 1/25



MẶT ĐỨNG
TL : 1/25



GHI CHÚ:

ChT01	: BỒN CHỨA DUNG DỊCH PHÈN
ChT02	: BỒN CHỨA DUNG DỊCH AXIT
ChT03	: BỒN CHỨA DUNG DỊCH XÚT
ChTN	: BỒN CHỨA DUNG DỊCH NaOCl
DP01-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG ĐỘ PHÈN
DP02-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG ĐỘ H_2SO_4
DP03-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG ĐỘ NaOH
DP04-A/B	: BƠM ĐỊNH LƯỢNG ĐỘ NaOCl

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày....tháng....năm 20.....
Date:.....

CHỦ ĐẦU TƯ OWNER	TƯ VẤN GIÁM SÁT CONSULTANT	ĐƠN VỊ THI CÔNG CONTRACTOR
		CÔNG TY

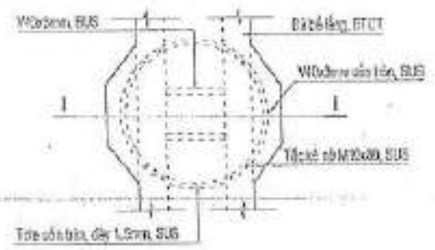
THS. HOÀNG NGỌC TÙNG

DƯƠNG NHẬT

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BỂ LẮNG BÙN HOÁ LÝ (B04)

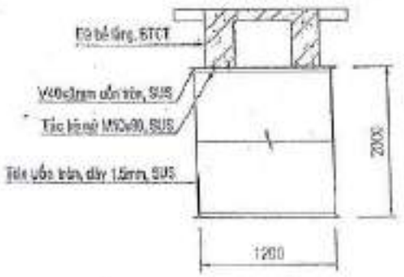
MẶT BẰNG ỐNG LẮNG TRUNG TÂM

TL: 1/50



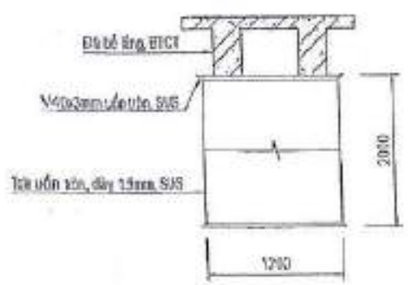
MẶT ĐỨNG ỐNG LẮNG TRUNG TÂM

TL: 1/50



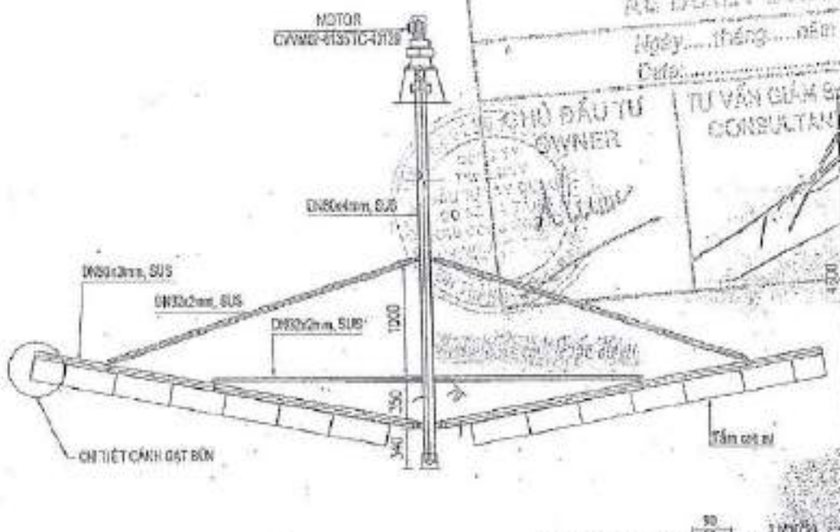
MẶT CẮT I - I

TL: 1/50



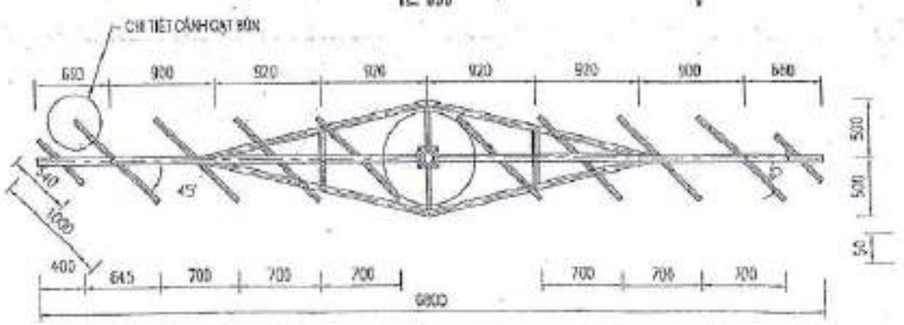
MẶT ĐỨNG THANH GẠT BÙN

TL: 1/50



MẶT BẰNG THANH GẠT BÙN

TL: 1/50



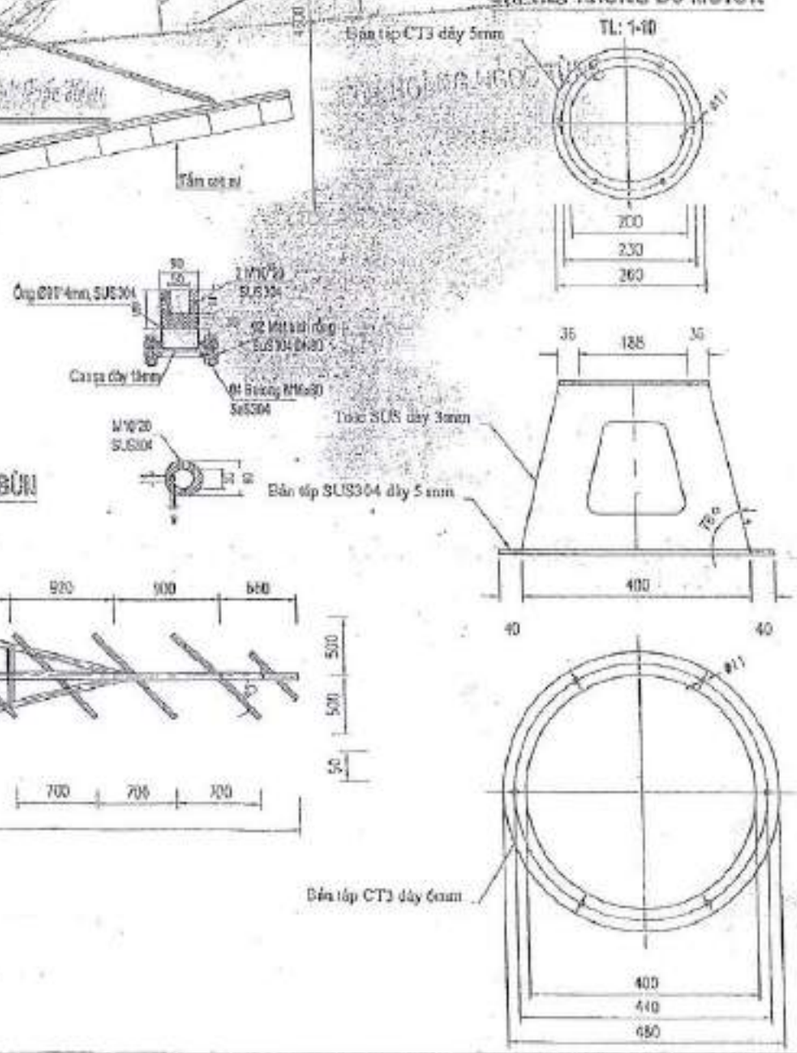
CHI TIẾT MOTOR

TL: 1-10



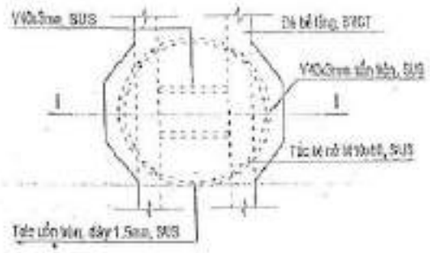
CHI TIẾT KHUNG ĐỠ MOTOR

TL: 1-10

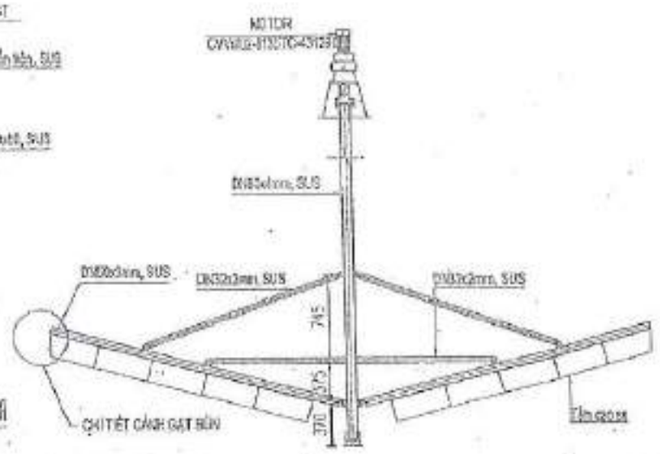

Bản tập CT3 dày 5mm
200
230
260
Ống Ø97.4mm, SUS304
Ø114.3
SUS304
Ø114.3
SUS304
02 Vít tai hồng
SUS304 Ø10D
Ø114.3
SUS304
Ø114.3
SUS304
Ø114.3
SUS304

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BỂ LẮNG BÙN SINH HỌC (B07-A) VÀ BỂ NÉN BÙN (B10)

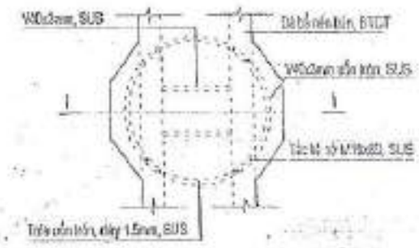
MẶT BẰNG ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
TL: 1/50



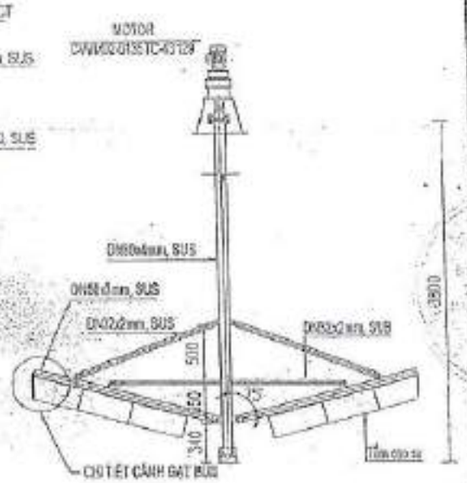
MẶT ĐỨNG THANH GẠT BÙN
TL: 1/50



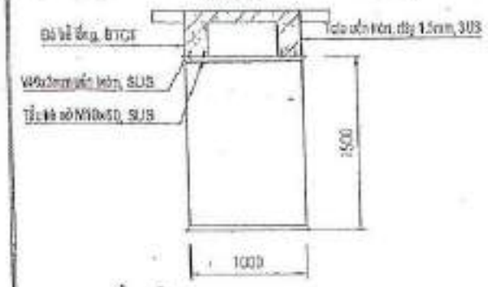
MẶT BẰNG ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
TL: 1/50



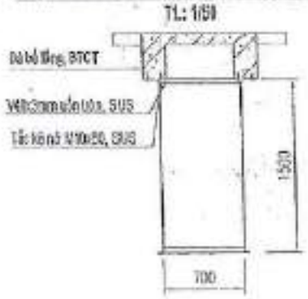
MẶT ĐỨNG THANH GẠT BÙN
TL: 1/50



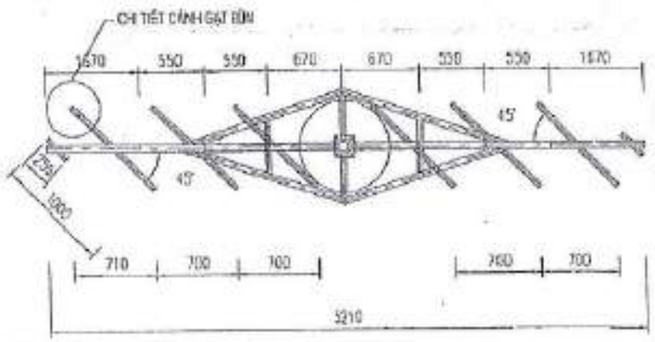
MẶT ĐỨNG ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
TL: 1/50



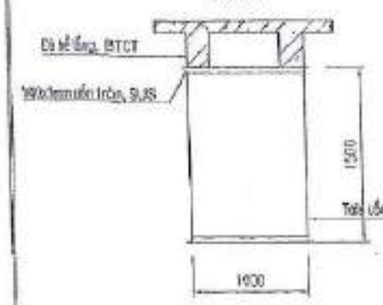
MẶT ĐỨNG ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
TL: 1/50



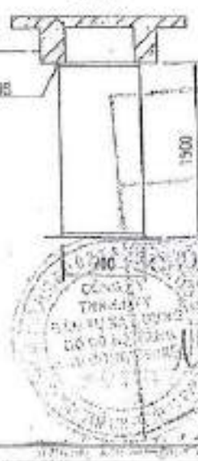
CHI TIẾT THANH GẠT BÙN
TL: 1/50



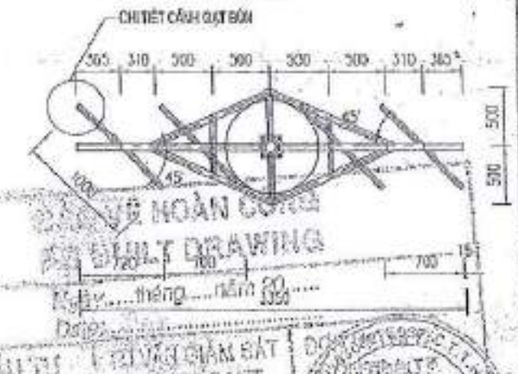
MẶT CẮT I - I
TL: 1/50



MẶT CẮT I - I
TL: 1/50



CHI TIẾT THANH GẠT BÙN
TL: 1/50



CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

DƯƠNG HIỆP

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH
CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN II: 1.200M³/NGÀY.ĐÊM

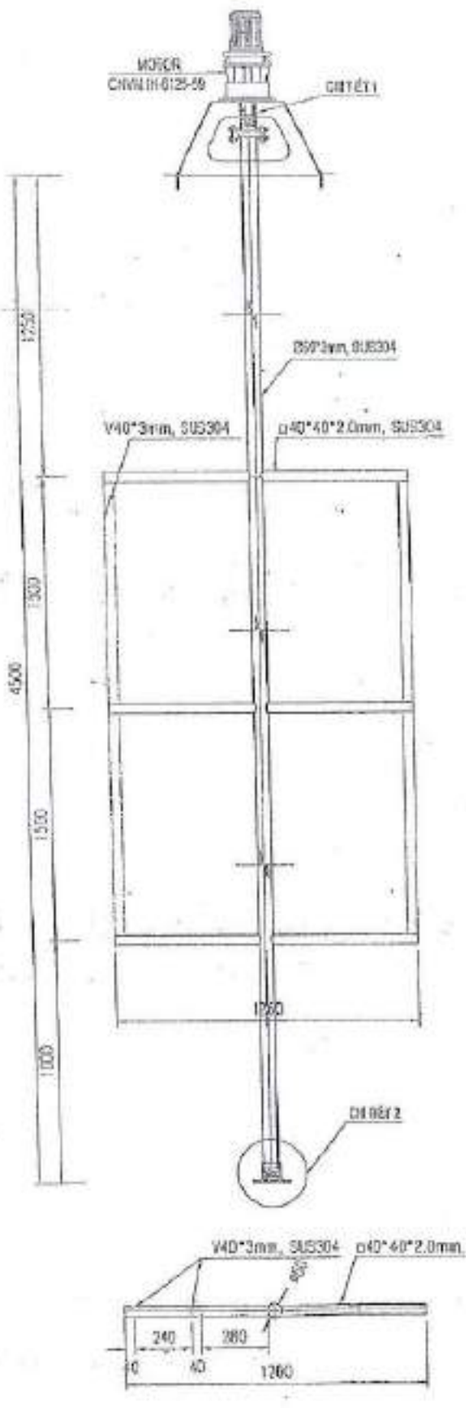
CHI TIẾT LẮP ĐẶT BỂ LẮNG BÙN SINH HỌC (B07-A) VÀ BỂ NÉN BÙN (B10)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

HOÀNG NGỌC

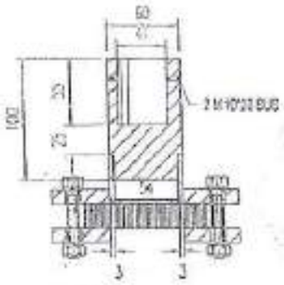
CHI TIẾT B - CÁNH KHUẤY RÉ KEO TỤ TẠO BÔNG M3 (B03)

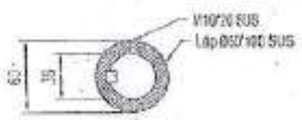
TL: 1/25



CHI TIẾT 1

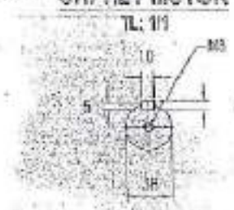
TL: 1/5





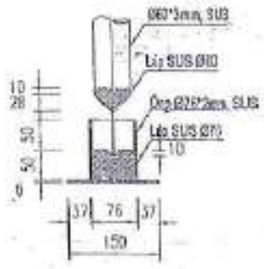
CHI TIẾT MOTOR

TL: 1/1



CHI TIẾT 2

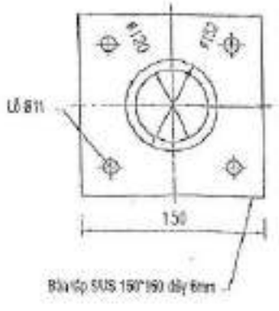
TL: 1/10

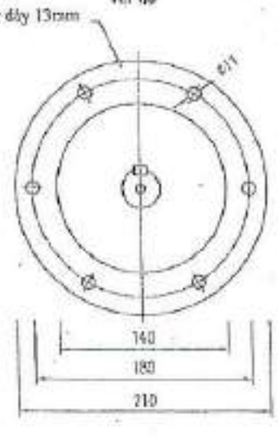




CHI TIẾT MOTOR

TL: 1/5





BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWINGS

Ngày ... tháng ... năm 20...

CHỦ ĐẦU TƯ OWNER	TƯ VẤN GIÁM SÁT CONSULTANT	ĐƠN VỊ THI CÔNG CONTRACTOR
		CÔNG TY

THS. HOÀNG NGỌC TÙNG

NO	QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	CHỦNG

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

ĐƯỜNG VIỆT

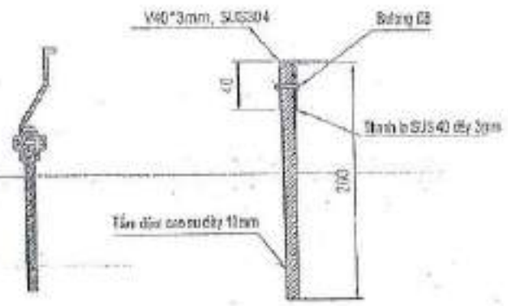
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH
CÔNG SUẤT 1000 M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm: Xã Minh Hưng, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước

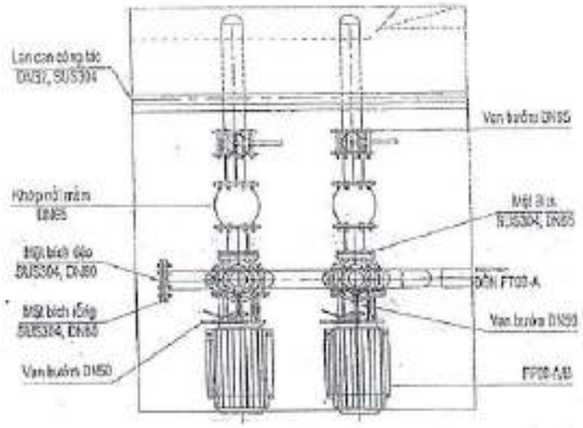
CHI TIẾT B- CÁNH KHUẤY RÉ KEO TỤ TẠO BÔNG M3

CHI TIẾT TẤM GẠT BÙN VÀ LẮP ĐẶT ĐƠN LỌC ÁP LỰC

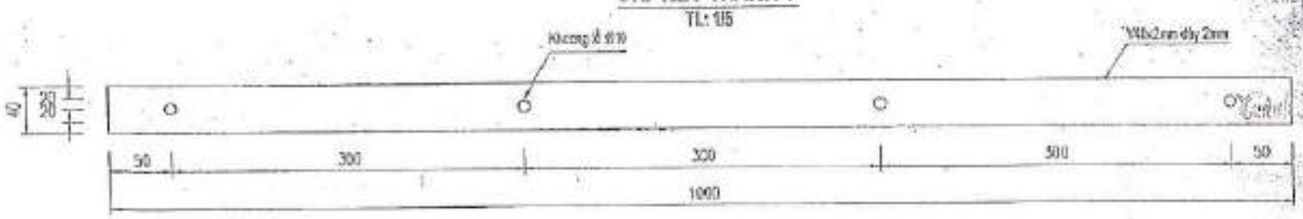
CHI TIẾT CÁNH GẠT BÙN
TL: 1/5



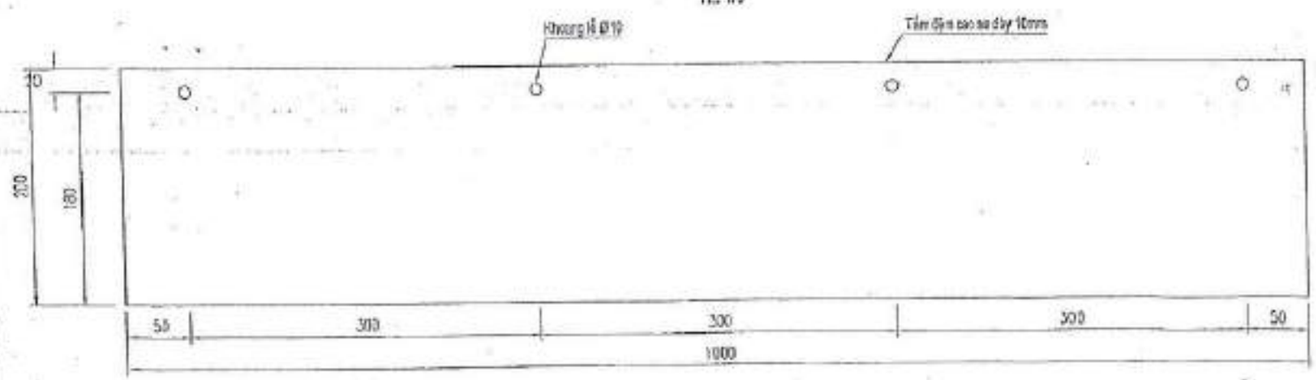
MẶT BẰNG
TL: 1/25



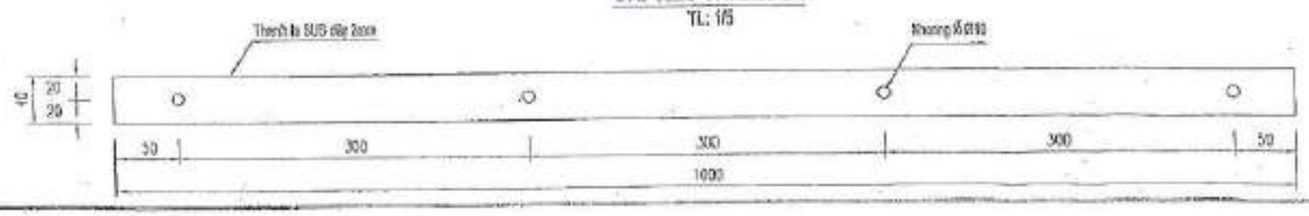
CHI TIẾT THANH V
TL: 1/5



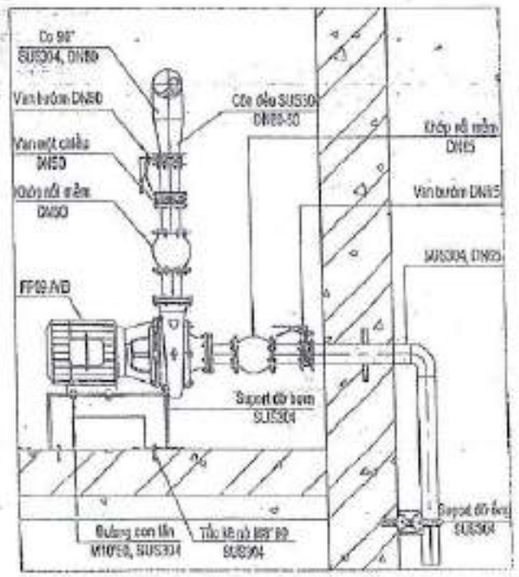
CHI TIẾT TẤM CAO SU
TL: 1/5



CHI TIẾT THANH LA
TL: 1/5



NHÌM BÊN
TL: 1/25



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày ... tháng ... năm 20...
Date

TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CONTRACTOR

ThS. HOÀNG NGỌC TÙNG

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

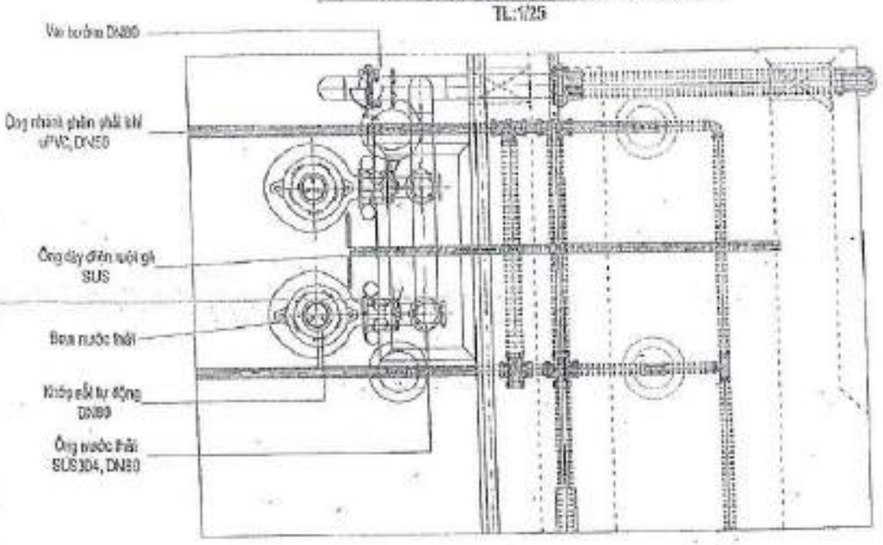
ĐƯƠNG NHẬT

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN CHƠN THÀNH I, GIAI ĐOẠN II, CÔNG SUẤT 10.000 M3/NGÀY ĐÊM

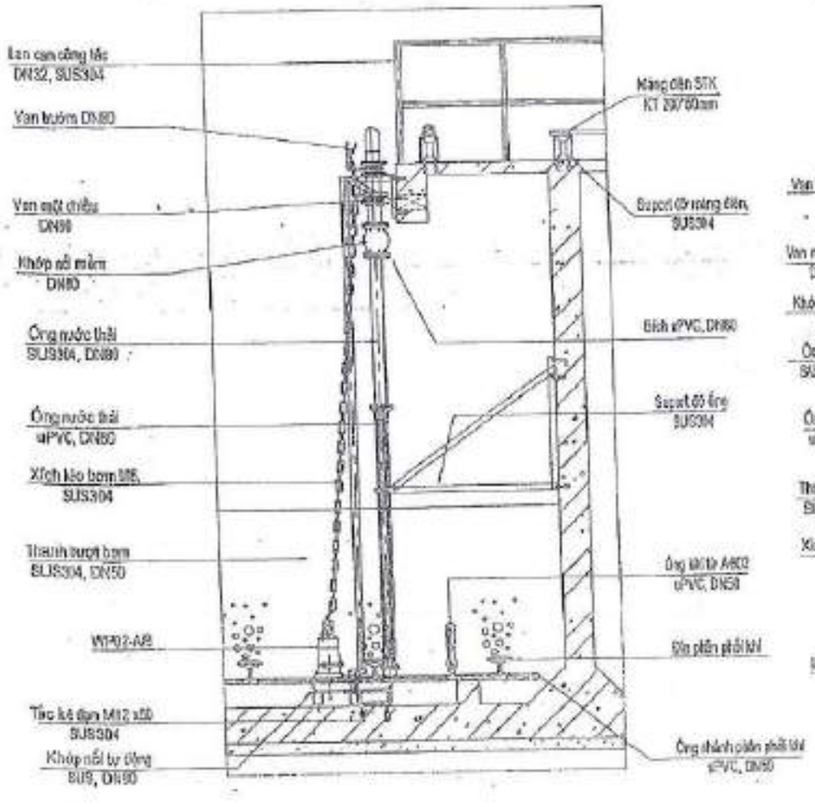
CHI TIẾT TẤM GẠT BÙN VÀ LẮP ĐẶT ĐƠN LỌC ÁP LỰC

LẮP ĐẶT BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ VÀ BƠM BÙN HOÁ LÝ

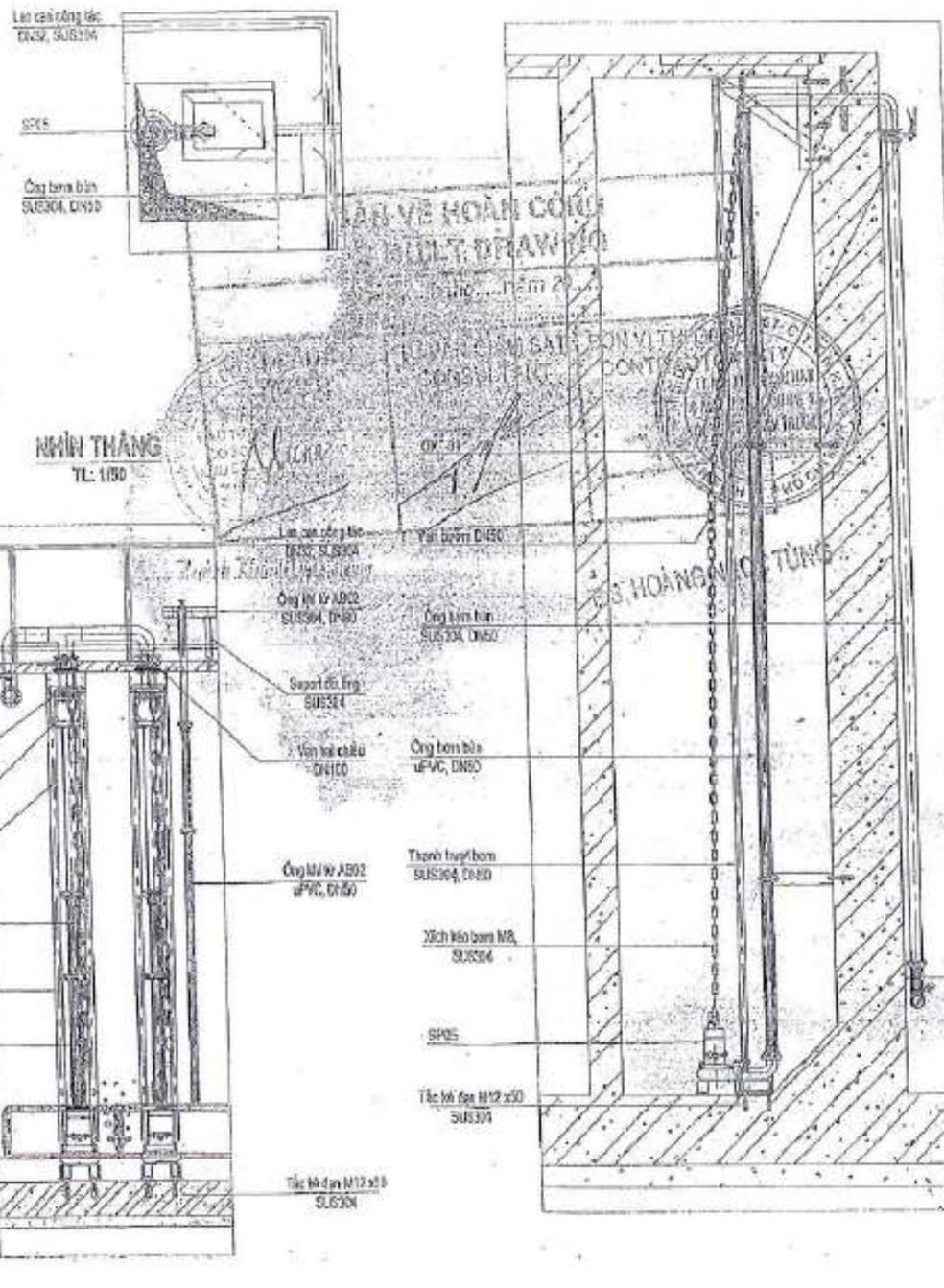
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ
TL:1/25



LẮP ĐẶT BƠM BỂ ĐIỀU HOÀ NHÌN BÊN
TL: 1/50



MẶT BẰNG LẮP ĐẶT BƠM BÙN HOÁ LÝ
TL:1/25



MẶT ĐỨNG LẮP ĐẶT BƠM BÙN HOÁ LÝ
TL:1/25

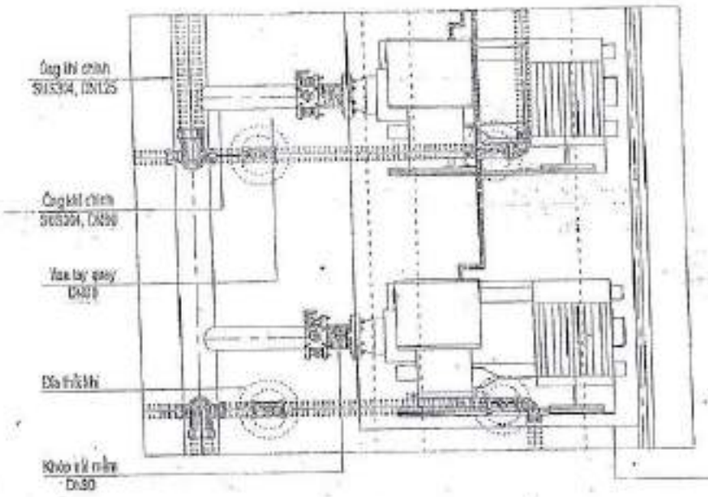
NHÌN THẲNG
TL: 1/50

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

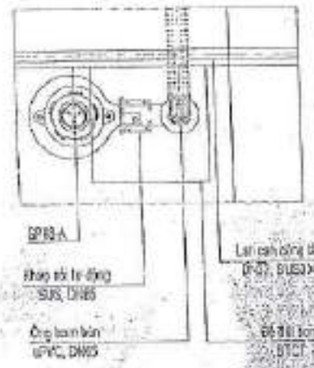
DƯƠNG NHẬT

LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ VÀ BƠM BÙN SINH HỌC

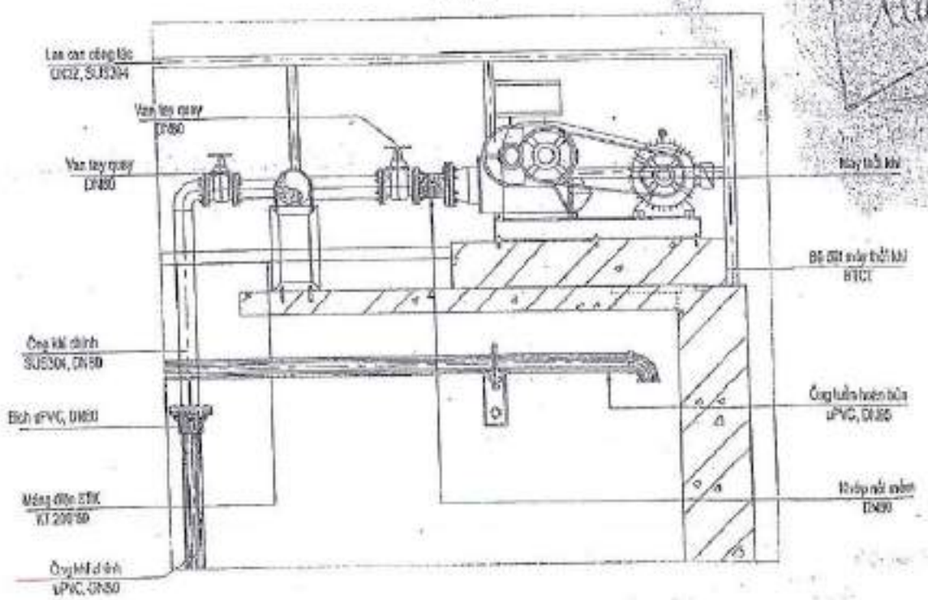
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ
TL:1/25



MẶT BẰNG LẮP ĐẶT BƠM BÙN SINH HỌC
TL:1/25



MẶT ĐỨNG LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ
TL:1/25



CHỦ ĐẦU TƯ
OWNER
TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT
ĐƠN VỊ THI CÔNG
CONSTRUCTION
THS. PHẠM NGỌC TÙNG

11			
10			
9			
8			
7			
6			
5			
4			
3			
2			
1			
STT	NỘI DUNG/CHỈNH SỬA	NGÀY	KÝ HIỆU

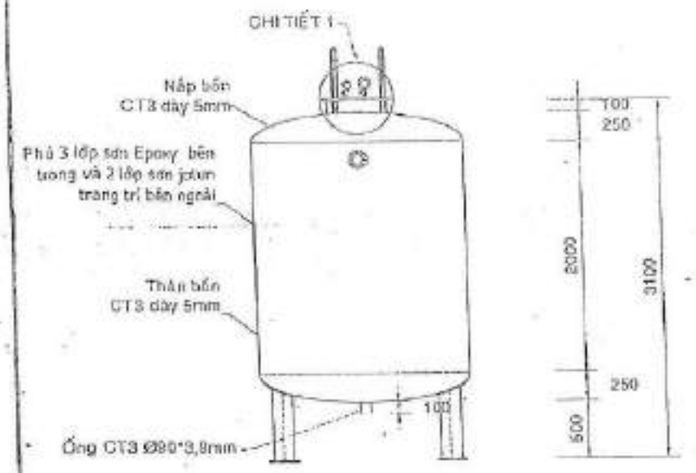
CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ	CÔNG TY TNHH DƯƠNG NHẬT
ĐỊA CHỈ	
CÔNG TRÌNH	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1
ĐỊA ĐIỂM	
HẠNG MỤC	LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ VÀ BƠM BÙN SINH HỌC
GIÁM ĐỐC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
THIẾT KẾ	
KIỂM TRA	
VẼ	
TỶ LỆ	
NGÀY HOÀN THÀNH	
KÝ HIỆU BẢN VẼ	

BỒN LỌC ÁP LỰC

SL : 1 CÁI

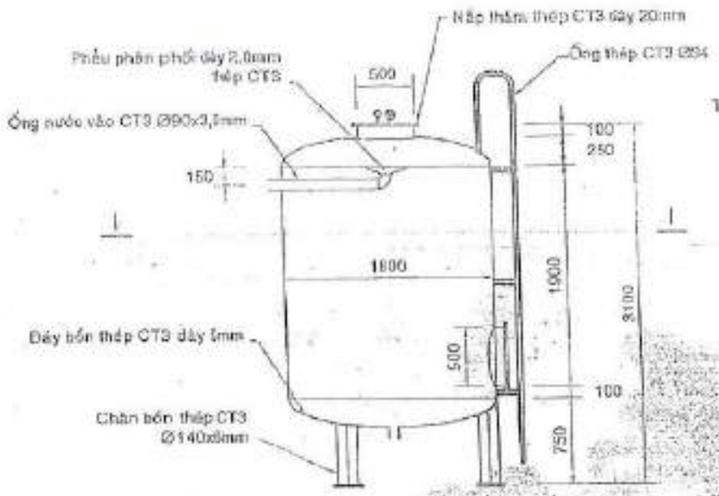
MẶT BỨNG

TL 1/50



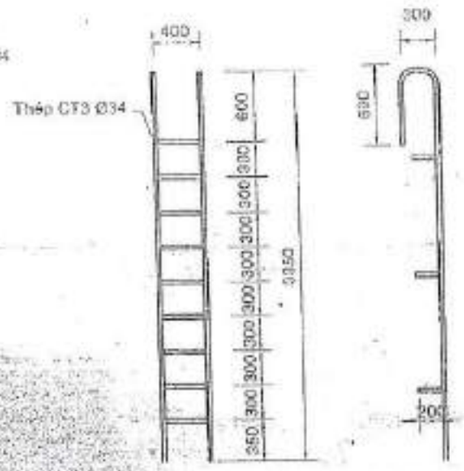
MẶT CẮT A-A

TL 1/50



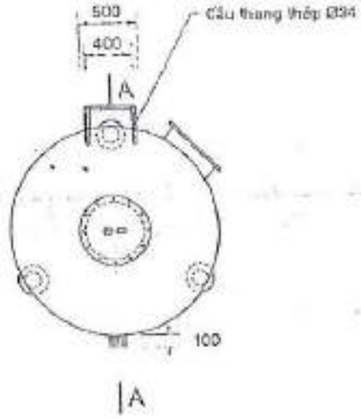
CHI TIẾT CẦU THANG

TL 1/50



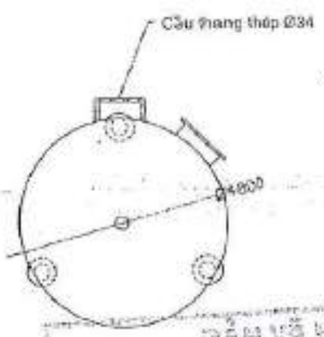
MẶT BẰNG

TL 1/50



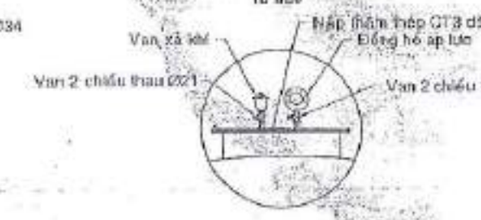
MẶT CẮT H-H

TL 1/50



CHI TIẾT 1

TL 1/25

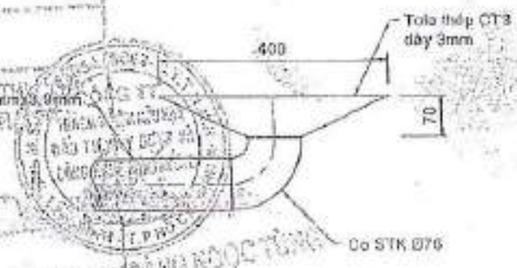


CHI TIẾT NẮP THĂM

TL 1/25

CHI TIẾT PHỄU PHÂN PHỐI

TL 1/10



GHI CHÚ :

- Áp lực làm việc : P_{lv} = 0.5-1.0kg/cm²
- Áp lực làm việc ở chế độ tăng cường : P_{tc} = 2-2.5kg/cm²

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING
Ngày...tháng...năm 20...
Date:

KHU CÔNG NGHIỆP CHỢ THÀNH

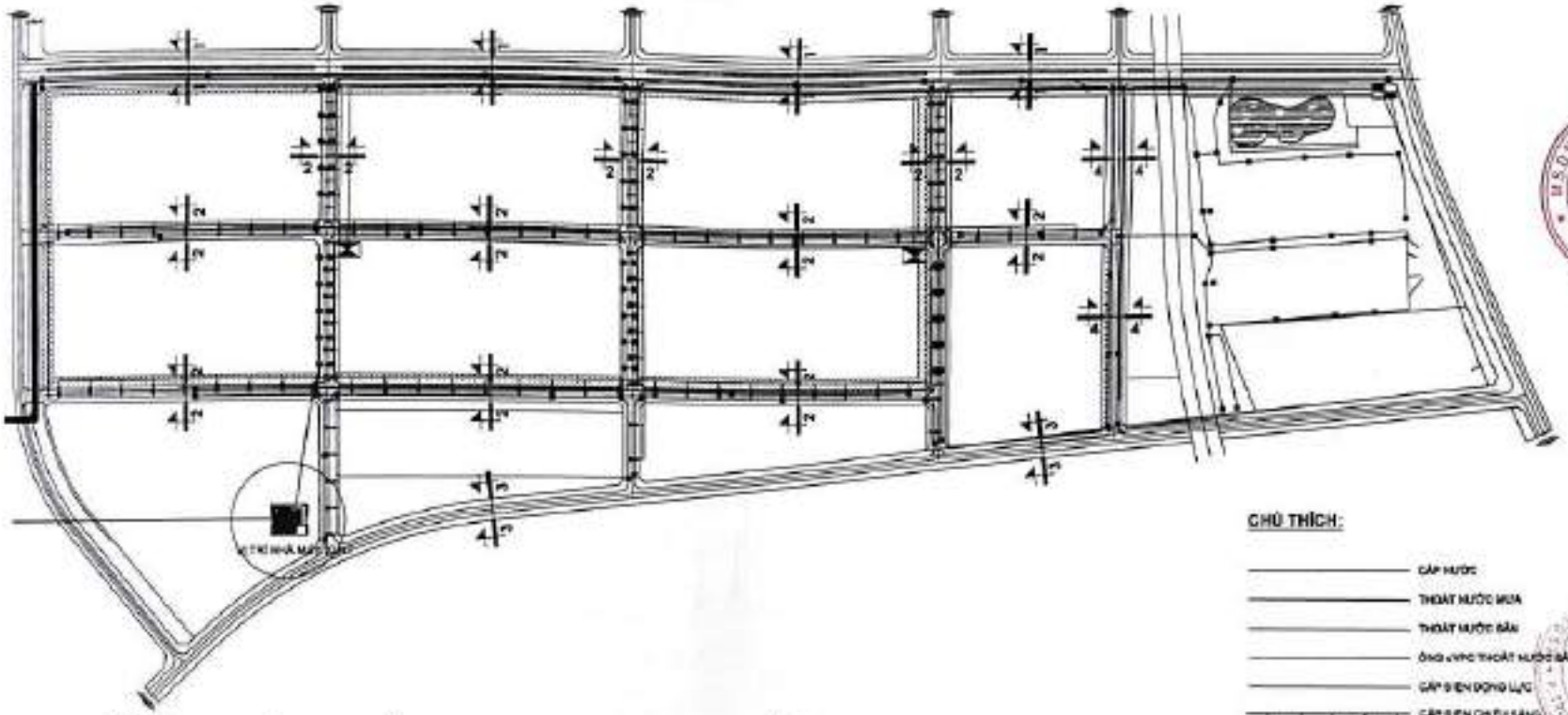
ĐƯỜNG NHẬT

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT

KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I - P. THÀNH TÂM 2 - T. ĐỒNG NAI

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG, VỊ TRÍ NHÀ MÁY XLNT KCN CHƠN THÀNH I

TỶ LỆ 1 : 2000



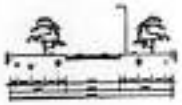
CHÚ THÍCH:

- CẤP NƯỚC
- THOÁT NƯỚC MƯA
- THOÁT NƯỚC BẨN
- ỐNG CHỜ THOÁT NƯỚC BẨN
- CẤP ĐIỆN ĐỘNG LỰC
- CẤP ĐIỆN CHIẾU SÁNG
- CẤP THÔNG TIN LIÊN LẠC



MẶT CẮT 1-1

TỶ LỆ 1/100



MẶT CẮT 2-2

TỶ LỆ 1/100



MẶT CẮT 3-3

TỶ LỆ 1/100



TRẮC NGANG 4-4

TỶ LỆ 1/200

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên công trình: NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH I

ĐỊA ĐIỂM: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 220/5A, Khu phố 32, Quốc Lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giám đốc: LÊ ĐỨC HƯNG

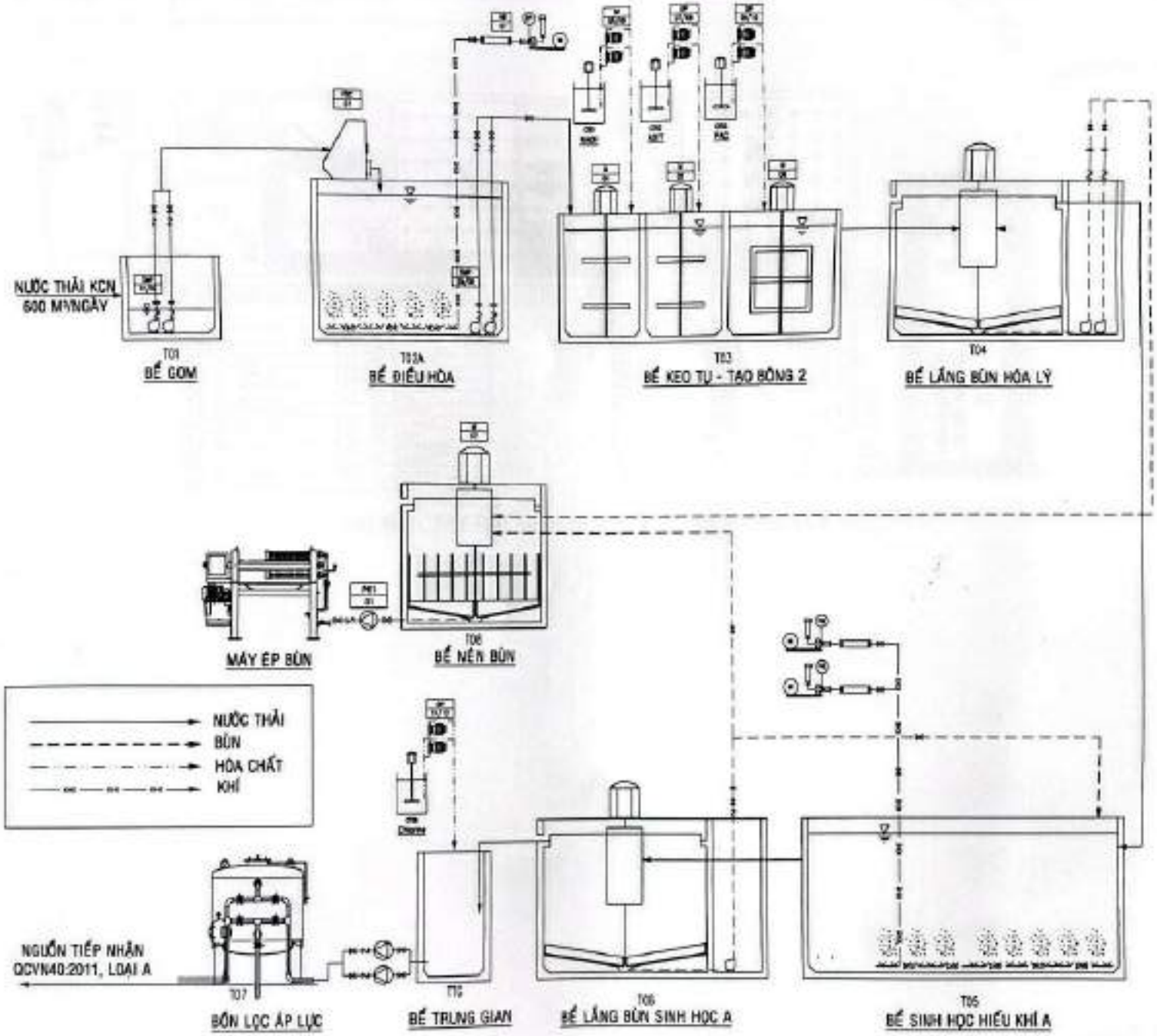
Chủ nhiệm thiết kế: ThS. LÊ ĐỨC HƯNG	
Chủ trì thiết kế công nghệ: ThS. HOÀNG VĂN TÂN	
Vẽ: KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
Kiểm tra: KS. VÕ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH ĐƯỜNG DÂY ĐƯỜNG ỐNG, VỊ TRÍ NHÀ MÁY XLNT KCN CHƠN THÀNH 1

Tỷ lệ		Hợp đồng số	
		Ngày hợp đồng	
Bản vẽ số	01	Lần sửa đổi	0
		Ngày hoàn thành	

Được quét bằng CamScanner



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

DỰ ÁN

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1,CÔNG SUẤT 2400 M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ PHỤC VỤ

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 2058A, Khu phố 32, Đức Lí 14, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HÙNG

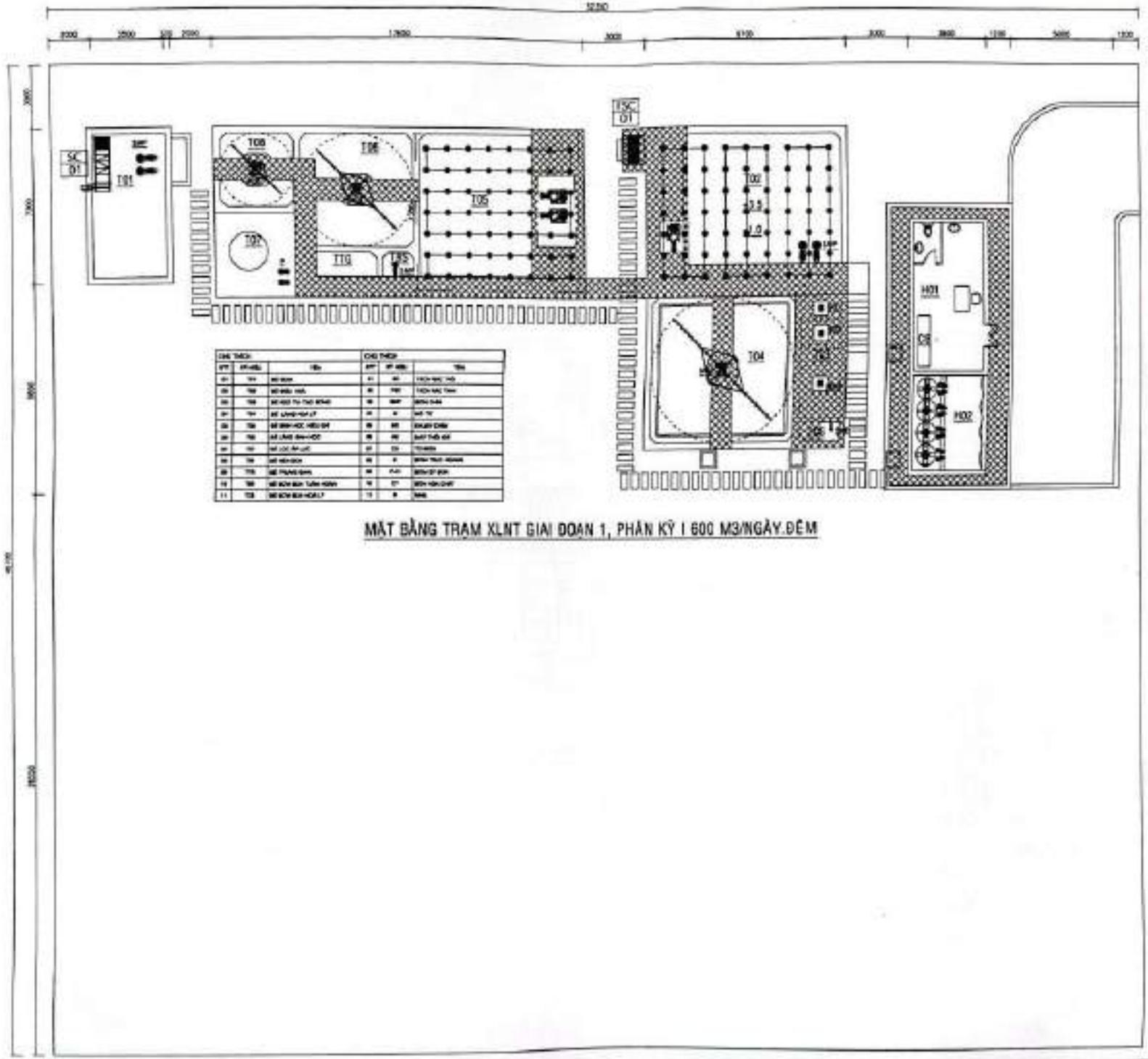
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	
THS. LÊ ĐỨC HÙNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ	
THS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ	
KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA	
KS. VÕ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HIỆN HỮU

TỶ LỆ		NGÀY HOÀN THÀNH	
BẢN VẼ SỐ	02		

Được quét bằng CamScanner



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 10, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1 CÔNG SUẤT 2400 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM: Số 10, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 2555A, Đại lộ 32, Quốc Lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

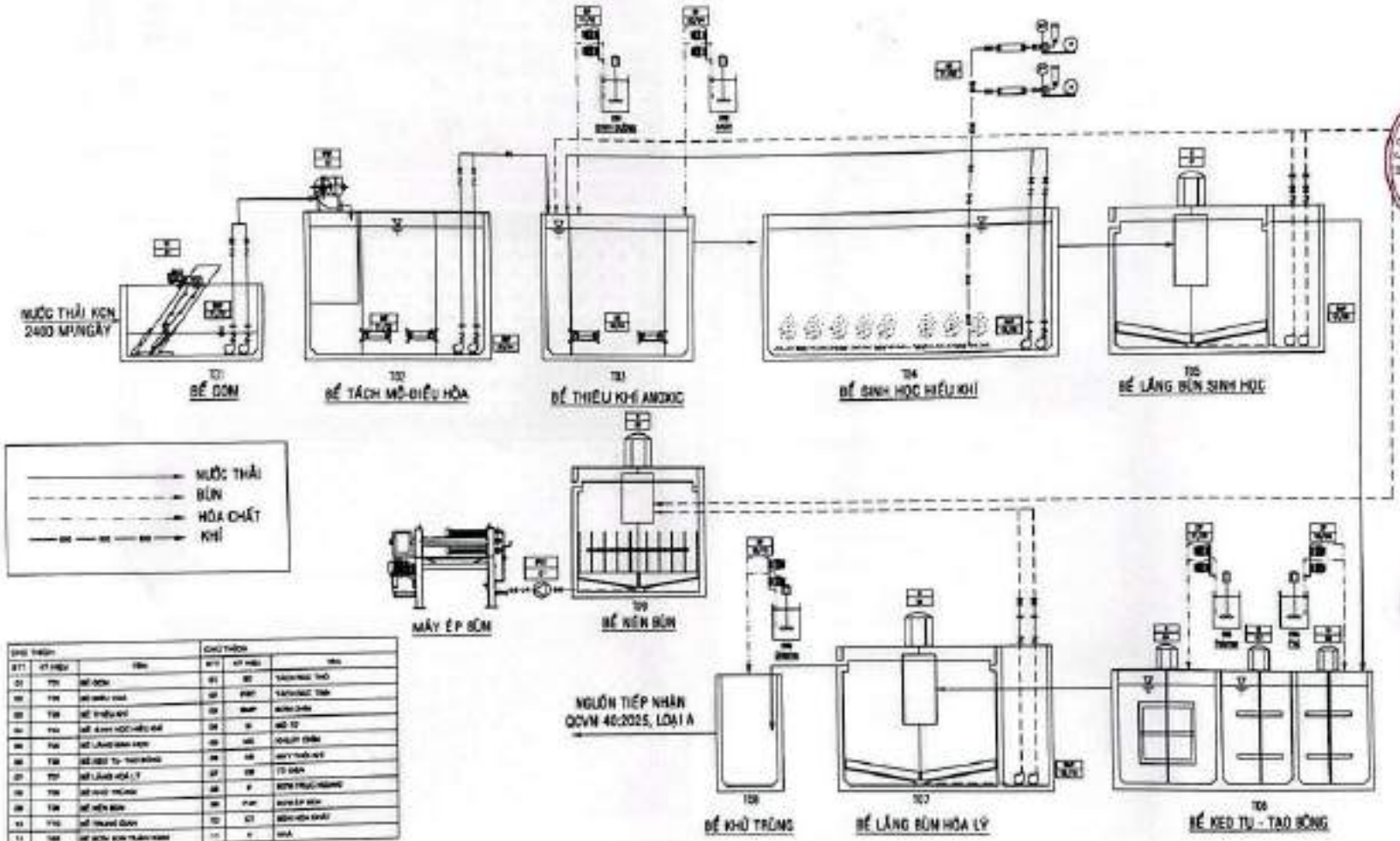
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ ThS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ ThS. HOÀNG VĂN DẦN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VŨ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ HIỆN HỮU

TỶ LỆ		HỢP ĐỒNG SỐ	
BẢN VẼ SỐ	03	LOẠI THIẾT KẾ	BVTC
		LẦN THIẾT KẾ	01
		NGÀY HOÀN THÀNH	10/24

Được quét bằng CamScanner



STT	KÝ HIỆU	TÊN
01	T01	BỂ ĐIỀU HÒA
02	T02	BỂ THIẾU KHÍ
03	T03	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ
04	T04	BỂ LẮNG BÙN SINH HỌC
05	T05	BỂ KEO TỤ - TẠO BÔNG
06	T06	BỂ LẮNG HÓA LÝ
07	T07	BỂ KHỬ TRÙNG
08	T08	BỂ NÉN BÙN
09	T09	BỂ CHỨA CANH
10	T10	BỂ CHỨA BÙN HÓA LÝ

STT	KÝ HIỆU	TÊN
01	BC	TRẠM BƠM THỔ
02	BNT	TRẠM BƠM TĂNG
03	BMP	MÁY THỔI KHÍ
04	M	MÁY KHUẤY
05	MC	KHUẤY CHÌM
06	MB	MÁY THỔI KHÍ
07	TD	TỦ ĐIỆN
08	P	BƠM PHỤC VỤ
09	PHC	BƠM ÉP BÙN
10	BT	BỒN HÓA CHẤT
11	N	NHÀ

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH
Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1,CÔNG SUẤT 2400 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM:
Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ
Địa chỉ: 205/5A, Khu phố 32, Quốc lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

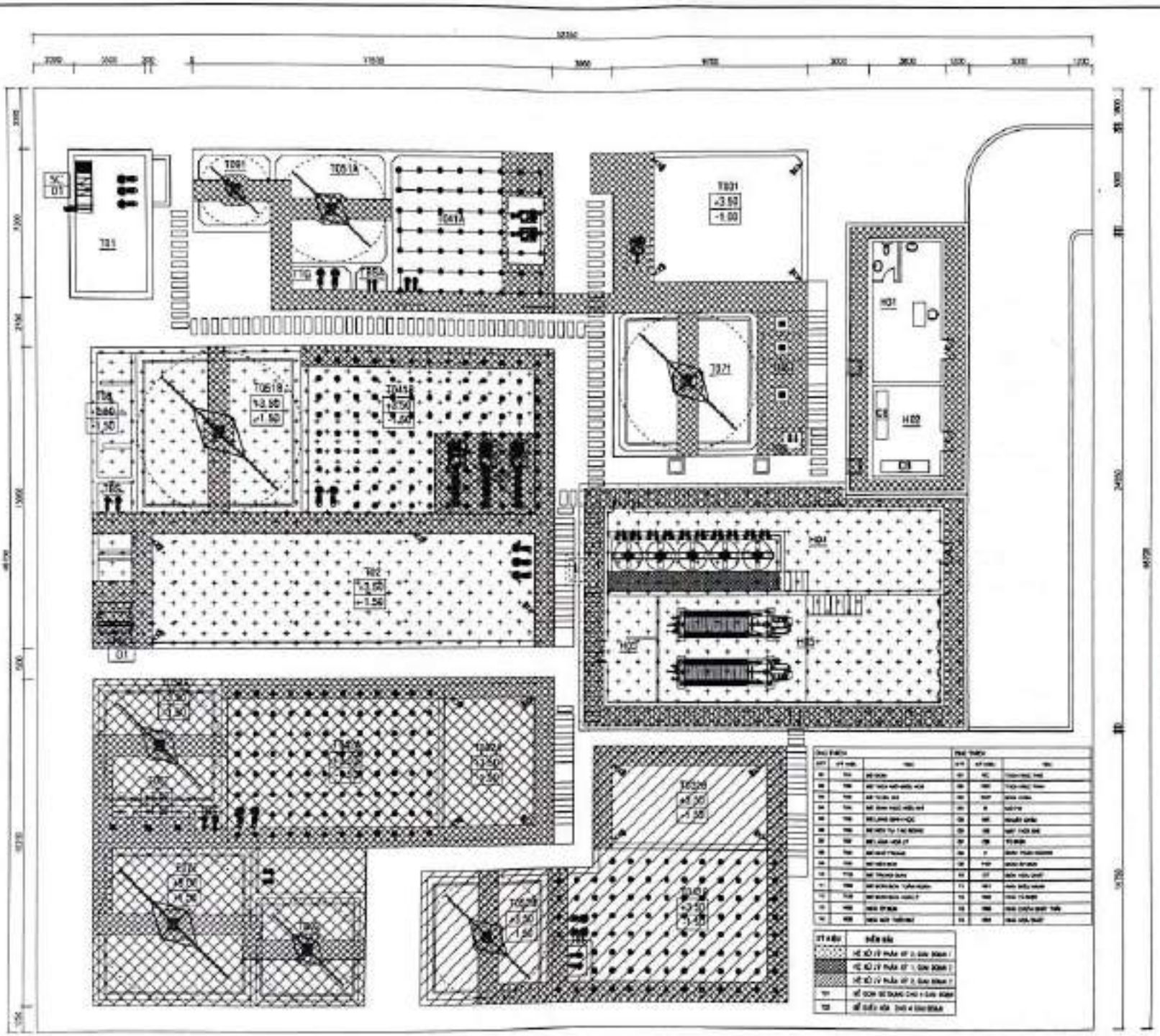
GIÁM ĐỐC
LÊ ĐỨC HƯNG

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ THS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ THS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VÕ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ ĐIỀU CHỈNH
NHÀ MÁY XLNT KCN CHƠN THÀNH 1

TỶ LỆ		NGÀY HOÀN THÀNH	
BẢN VẼ SỐ	04		

Được quét bằng CamScanner



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU:

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1,CÔNG SUẤT 2400 M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm:

Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 265/5A, Khu phố 33, Quốc lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ THS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ THS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VŨ HỒNG ANH	

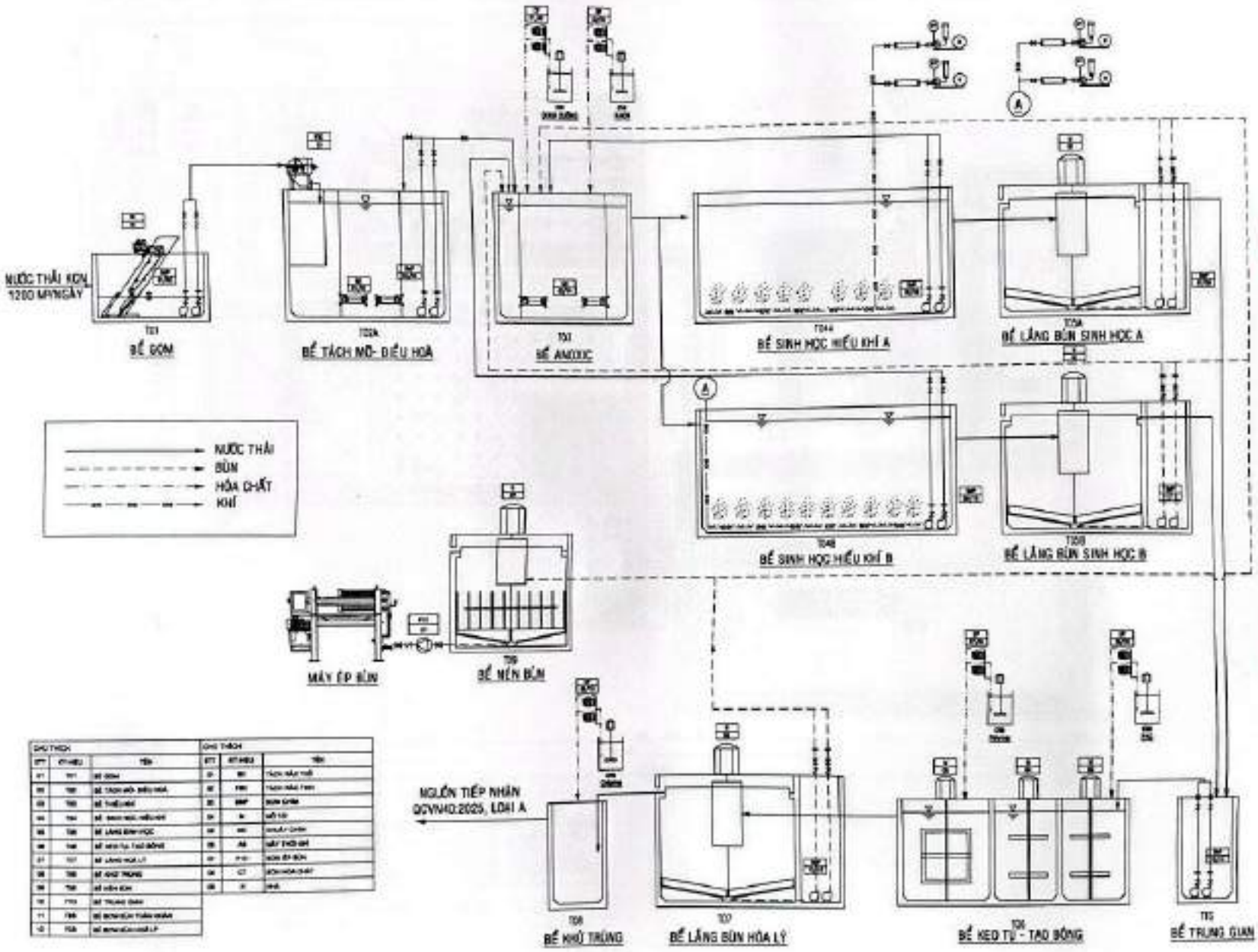
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG NM XLNT KCN CHƠN THÀNH I

2 GIAI ĐOẠN, 4 PHẦN KÝ 2400 M3/N.Đ

TỶ LỆ		HỢP ĐỒNG SỐ	
		NGÀY THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	05	LẦN THIẾT KẾ	0
		NGÀY HOÀN THÀNH	

Được quét bằng CamScanner



GHI THÍCH			GHI THÍCH		
STT	KÝ HIỆU	TÊN	STT	KÝ HIỆU	TÊN
01	T01	BỂ GOM	09	BH	TRẠM HÒA HÓA
02	T02	BỂ TÁCH MỠ- ĐIỀU HÒA	10	BHP	BƠM ĐỊNH
03	T03	BỂ THIẾU KHÍ	11	K	MỠ TỔ
04	T04	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ	12	MG	MÁNG CHẢY
05	T05	BỂ LẮNG BÙN HỌC	13	PE	ỐNG PVC
06	T06	BỂ KEO TỤ TẠO BÔNG	14	PE	ỐNG ĐỊNH LƯỢNG
07	T07	BỂ LẮNG HÓA LÝ	15	T-01	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
08	T08	BỂ KHỬ TRÙNG	16	CT	BỒN HÓA CHẤT
09	T09	BỂ NÉN BÙN	17	V	VAN
10	T10	BỂ TRUNG GIAN			
11	T11	BỂ BÙN SỐ THẢI NGOÀI			
12	T12	BỂ BÙN SỐ THẢI LẦN			

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH
Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU
NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1,GIAI ĐOẠN 1 CÔNG SUẤT 1200 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM
Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ
Địa chỉ: 339/6A Khu phố 32, Bưu Lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

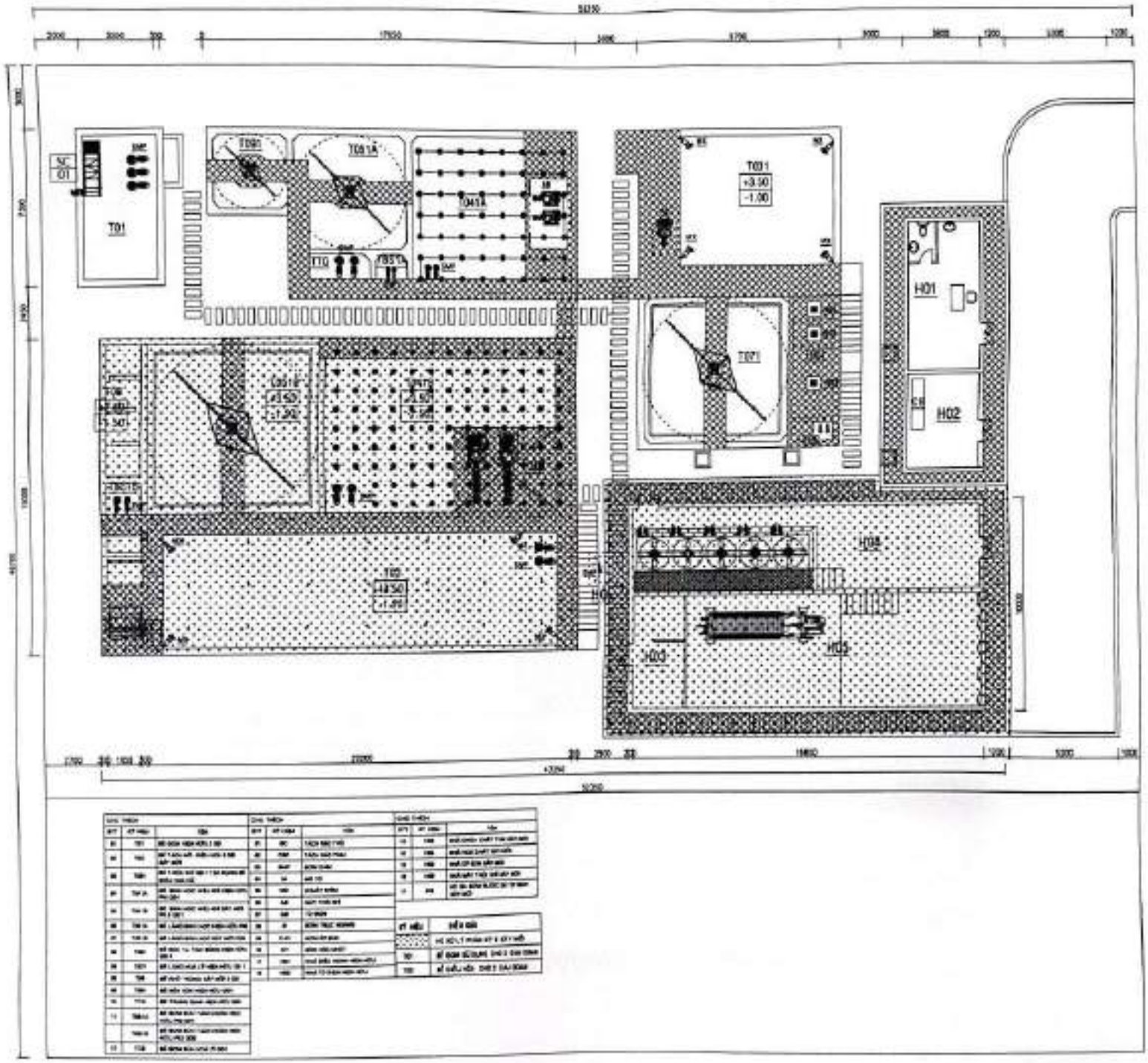
GIÁM ĐỐC
LÊ ĐỨC HƯNG

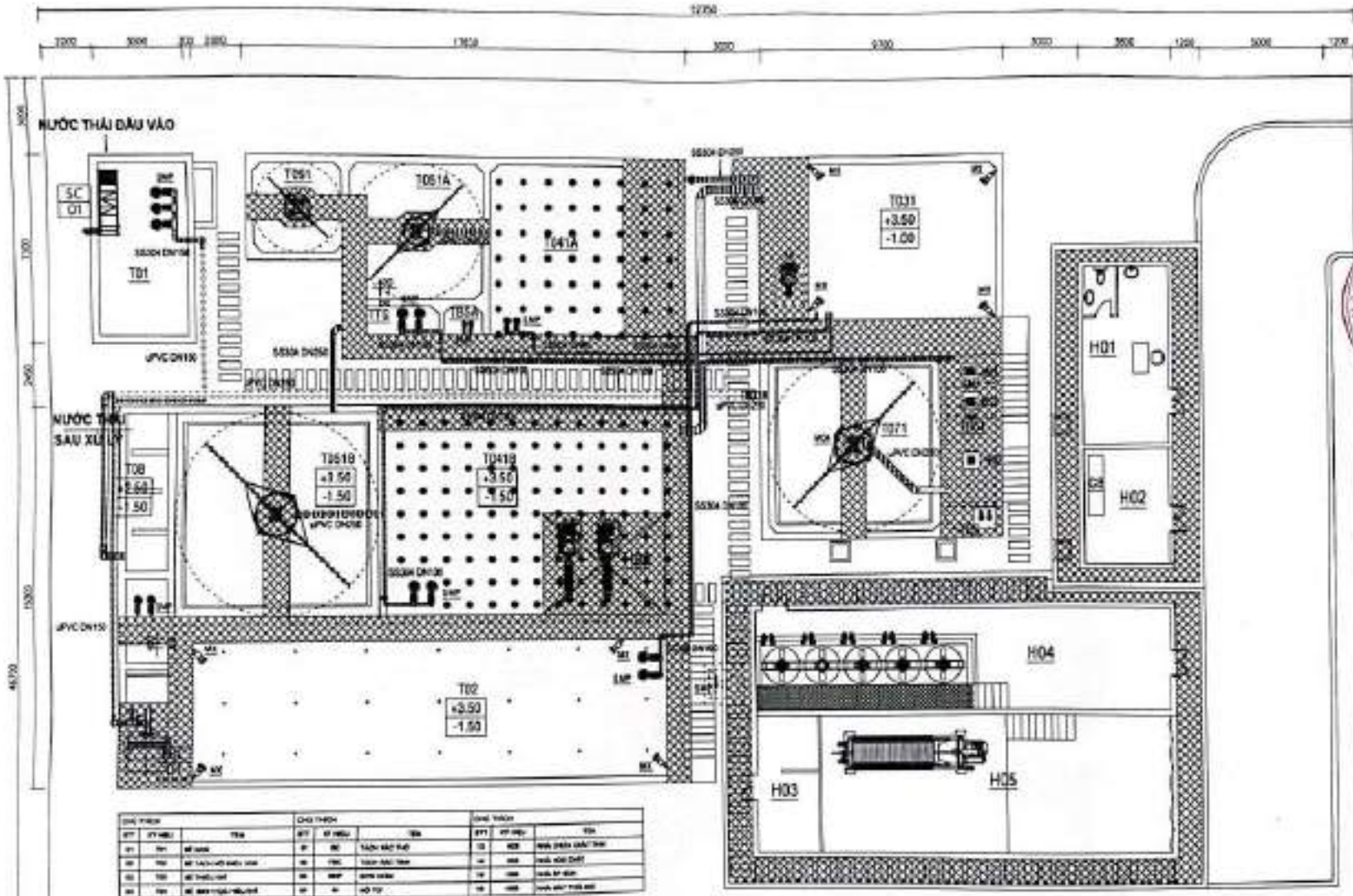
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ THS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ THS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VÕ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ GIAI ĐOẠN 1 1200 M3/N.Đ

TỶ LỆ		NGÀY HOÀN THÀNH	
BẢN VẼ SỐ	D6		

Được quét bằng CamScanner


TD01
TD01A
TD01B
TD01C
TD01D
TD01E
TD01F
TD01G
TD01H
TD01I
TD01J
TD01K
TD01L
TD01M
TD01N
TD01O
TD01P
TD01Q
TD01R
TD01S
TD01T
TD01U
TD01V
TD01W
TD01X
TD01Y
TD01Z
TD02
TD03
TD04
TD05
TD06
TD07
TD08
TD09
TD10
TD11
TD12
TD13
TD14
TD15
TD16
TD17
TD18
TD19
TD20
TD21
TD22
TD23
TD24
TD25
TD26
TD27
TD28
TD29
TD30
TD31
TD32
TD33
TD34
TD35
TD36
TD37
TD38
TD39
TD40
TD41
TD42
TD43
TD44
TD45
TD46
TD47
TD48
TD49
TD50
TD51
TD52
TD53
TD54
TD55
TD56
TD57
TD58
TD59
TD60
TD61
TD62
TD63
TD64
TD65
TD66
TD67
TD68
TD69
TD70
TD71
TD72
TD73
TD74
TD75
TD76
TD77
TD78
TD79
TD80
TD81
TD82
TD83
TD84
TD85
TD86
TD87
TD88
TD89
TD90
TD91
TD92
TD93
TD94
TD95
TD96
TD97
TD98
TD99
TD100
TD101
TD102
TD103
TD104
TD105
TD106
TD107
TD108
TD109
TD110
TD111
TD112
TD113
TD114
TD115
TD116
TD117
TD118
TD119
TD120
TD121
TD122
TD123
TD124
TD125
TD126
TD127
TD128
TD129
TD130
TD131
TD132
TD133
TD134
TD135
TD136
TD137
TD138
TD139
TD140
TD141
TD142
TD143
TD144
TD145
TD146
TD147
TD148
TD149
TD150
TD151
TD152
TD153
TD154
TD155
TD156
TD157
TD158
TD159
TD160
TD161
TD162
TD163
TD164
TD165
TD166
TD167
TD168
TD169
TD170
TD171
TD172
TD173
TD174
TD175
TD176
TD177
TD178
TD179
TD180
TD181
TD182
TD183
TD184
TD185
TD186
TD187
TD188
TD189
TD190
TD191
TD192
TD193
TD194
TD195
TD196
TD197
TD198
TD199
TD200
TD201
TD202
TD203
TD204
TD205
TD206
TD207
TD208
TD209
TD210
TD211
TD212
TD213
TD214
TD215
TD216
TD217
TD218
TD219
TD220
TD221
TD222
TD223
TD224
TD225
TD226
TD227
TD228
TD229
TD230
TD231
TD232
TD233
TD234
TD235
TD236
TD237
TD238
TD239
TD240
TD241
TD242
TD243
TD244
TD245
TD246
TD247
TD248
TD249
TD250
TD251
TD252
TD253
TD254
TD255
TD256
TD257
TD258
TD259
TD260
TD261
TD262
TD263
TD264
TD265
TD266
TD267
TD268
TD269
TD270
TD271
TD272
TD273
TD274
TD275
TD276
TD277
TD278
TD279
TD280
TD281
TD282
TD283
TD284
TD285
TD286
TD287
TD288
TD289
TD290
TD291
TD292
TD293
TD294
TD295
TD296
TD297
TD298
TD299
TD300
TD301
TD302
TD303
TD304
TD305
TD306
TD307
TD308
TD309
TD310
TD311
TD312
TD313
TD314
TD315
TD316
TD317
TD318
TD319
TD320
TD321
TD322
TD323
TD324
TD325
TD326
TD327
TD328
TD329
TD330
TD331
TD332
TD333
TD334
TD335
TD336
TD337
TD338
TD339
TD340
TD341
TD342
TD343
TD344
TD345
TD346
TD347
TD348
TD349
TD350
TD351
TD352
TD353
TD354
TD355
TD356
TD357
TD358
TD359
TD360
TD361
TD362
TD363
TD364
TD365
TD366
TD367
TD368
TD369
TD370
TD371
TD372
TD373
TD374
TD375
TD376
TD377
TD378
TD379
TD380
TD381
TD382
TD383
TD384
TD385
TD386
TD387
TD388
TD389
TD390
TD391
TD392
TD393
TD394
TD395
TD396
TD397
TD398
TD399
TD400
TD401
TD402
TD403
TD404
TD405
TD406
TD407
TD408
TD409
TD410
TD411
TD412
TD413
TD414
TD415
TD416
TD417
TD418
TD419
TD420
TD421
TD422
TD423
TD424
TD425
TD426
TD427
TD428
TD429
TD430
TD431
TD432
TD433
TD434
TD435
TD436
TD437
TD438
TD439
TD440
TD441
TD442
TD443
TD444
TD445
TD446
TD447
TD448
TD449
TD450
TD451
TD452
TD453
TD454
TD455
TD456
TD457
TD458
TD459
TD460
TD461
TD462
TD463
TD464
TD465
TD466
TD467
TD468
TD469
TD470
TD471
TD472
TD473
TD474
TD475
TD476
TD477
TD478
TD479
TD480
TD481
TD482
TD483
TD484
TD485
TD486
TD487
TD488
TD489
TD490
TD491
TD492
TD493
TD494
TD495
TD496
TD497
TD498
TD499
TD500
TD501
TD502
TD503
TD504
TD505
TD506
TD507
TD508
TD509
TD510
TD511
TD512
TD513
TD514
TD515
TD516
TD517
TD518
TD519
TD520
TD521
TD522
TD523
TD524
TD525
TD526
TD527
TD528
TD529
TD530
TD531
TD532
TD533
TD534
TD535
TD536
TD537
TD538
TD539
TD540
TD541
TD542
TD543
TD544
TD545
TD546
TD547
TD548
TD549
TD550
TD551
TD552
TD553
TD554
TD555
TD556
TD557
TD558
TD559
TD560
TD561
TD562
TD563
TD564
TD565
TD566
TD567
TD568
TD569
TD570
TD571
TD572
TD573
TD574
TD575
TD576
TD577
TD578
TD579
TD580
TD581
TD582
TD583
TD584
TD585
TD586
TD587
TD588
TD589
TD590
TD591
TD592
TD593
TD594
TD595
TD596
TD597
TD598
TD599
TD600
TD601
TD602
TD603
TD604
TD605
TD606
TD607
TD608
TD609
TD610
TD611
TD612
TD613
TD614
TD615
TD616
TD617
TD618
TD619
TD620
TD621
TD622
TD623
TD624
TD625
TD626
TD627
TD628
TD629
TD630
TD631
TD632
TD633
TD634
TD635
TD636
TD637
TD638
TD639
TD640
TD641
TD642
TD643
TD644
TD645
TD646
TD647
TD648
TD649
TD650
TD651
TD652
TD653
TD654
TD655
TD656
TD657
TD658
TD659
TD660
TD661
TD662
TD663
TD664
TD665
TD666
TD667
TD668
TD669
TD670
TD671
TD672
TD673
TD674
TD675
TD676
TD677
TD678
TD679
TD680
TD681
TD682
TD683
TD684
TD685
TD686
TD687
TD688
TD689
TD690
TD691
TD692
TD693
TD694
TD695
TD696
TD697
TD698
TD699
TD700
TD701
TD702
TD703
TD704
TD705
TD706
TD707
TD708
TD709
TD710
TD711
TD712
TD713
TD714
TD715
TD716
TD717
TD718
TD719
TD720
TD721
TD722
TD723
TD724
TD725
TD726
TD727
TD728
TD729
TD730
TD731
TD732
TD733
TD734
TD735
TD736
TD737
TD738
TD739
TD740
TD741
TD742
TD743
TD744
TD745
TD746
TD747
TD748
TD749
TD750
TD751
TD752
TD753
TD754
TD755
TD756
TD757
TD758
TD759
TD760
TD761
TD762
TD763
TD764
TD765
TD766
TD767
TD768
TD769
TD770
TD771
TD772
TD773
TD774
TD775
TD776
TD777
TD778
TD779
TD780
TD781
TD782
TD783
TD784
TD785
TD786
TD787
TD788
TD789
TD790
TD791
TD792
TD793
TD794
TD795
TD796
TD797
TD798
TD799
TD800
TD801
TD802
TD803
TD804
TD805
TD806
TD807
TD808
TD809
TD810
TD811
TD812
TD813
TD814
TD815
TD816
TD817
TD818
TD819
TD820
TD821
TD822
TD823
TD824
TD825
TD826
TD827
TD828
TD829
TD830
TD831
TD832
TD833
TD834
TD835
TD836
TD837
TD838
TD839
TD840
TD841
TD842
TD843
TD844
TD845
TD846
TD847
TD848
TD849
TD850
TD851
TD852
TD853
TD854
TD855
TD856
TD857
TD858
TD859
TD860
TD861
TD862
TD863
TD864
TD865
TD866
TD867
TD868
TD869
TD870
TD871
TD872
TD873
TD874
TD875
TD876
TD877
TD878
TD879
TD880
TD881
TD882
TD883
TD884
TD885
TD886
TD887
TD888
TD889
TD890
TD891
TD892
TD893
TD894
TD895
TD896
TD897
TD898
TD899
TD900
TD901
TD902
TD903
TD904
TD905
TD906
TD907
TD908
TD909
TD910
TD911
TD912
TD913
TD914
TD915
TD916
TD917
TD918
TD919
TD920
TD921
TD922
TD923
TD924
TD925
TD926
TD927
TD928
TD929
TD930
TD931
TD932
TD933
TD934
TD935
TD936
TD937
TD938
TD939
TD940
TD941
TD942
TD943
TD944
TD945
TD946
TD947
TD948
TD949
TD950
TD951
TD952
TD953
TD954
TD955
TD956
TD957
TD958
TD959
TD960
TD961
TD962
TD963
TD964
TD965
TD966
TD967
TD968
TD969
TD970
TD971
TD972
TD973
TD974
TD975
TD976
TD977
TD978
TD979
TD980
TD981
TD982
TD983
TD984
TD985
TD986
TD987
TD988
TD989
TD990
TD991
TD992
TD993
TD994
TD995
TD996
TD997
TD998
TD999
TD1000
H01
H02
H03
H04
H05
H06
H07
H08
H09
H10
H11
H12
H13
H14
H15
H16
H17
H18
H19
H20
H21
H22
H23
H24
H25
H26
H27
H28
H29
H30
H31
H32
H33
H34
H35
H36
H37
H38
H39
H40
H41
H42
H43
H44
H45
H46
H47
H48
H49
H50
H51
H52
H53
H54
H55
H56
H57
H58
H59
H60
H61
H62
H63
H64
H65
H66
H67
H68
H69
H70
H71
H72
H73
H74
H75
H76
H77
H78
H79
H80
H81
H82
H83
H84
H85
H86
H87
H88
H89
H90
H91
H92
H93
H94
H95
H96
H97
H98
H99
H100
H101
H102
H103
H104
H105
H106
H107
H108
H109
H110
H111
H112
H113
H114
H115
H116
H117
H118
H119
H120
H121
H122
H123
H124
H125
H126
H127
H128
H129
H130
H131
H132
H133
H134
H135
H136
H137
H138
H139
H140
H141
H142
H143
H144
H145
H146
H147
H148
H149
H150
H151
H152
H153
H154
H155
H156
H157
H158
H159
H160
H161
H162
H163
H164
H165
H166
H167
H168
H169
H170
H171
H172
H173
H174
H175
H176
H177
H178
H179
H180
H181
H182
H183
H184
H185
H186
H187
H188
H189
H190
H191
H192
H193
H194
H195
H196
H197
H198
H199
H200
H201
H202
H203
H204
H205
H206
H207
H208
H209
H210
H211
H212
H213
H214
H215
H216
H217
H218
H219
H220
H221
H222
H223
H224
H225
H226
H227
H228
H229
H230
H231
H232
H233
H234
H235
H236
H237
H238
H239
H240
H241
H242
H243
H244
H245
H246
H247
H248
H249
H250
H251
H252
H253
H254
H255
H256
H257
H258
H259
H260
H261
H262
H263
H264
H265
H266
H267
H268
H269
H270
H271
H272
H273
H274
H275
H276
H277
H278
H279
H280
H281
H282
H283
H284
H285
H286
H287
H288
H289
H290
H291
H292
H293
H294
H295
H296
H297
H298
H299
H300
H301
H302
H303
H304
H305
H306
H307
H308
H309
H310
H311
H312
H313
H314
H315
H316
H317
H318
H319
H320
H321
H322
H323
H324
H325
H326
H327
H328
H329
H330
H331
H332
H333
H334
H335
H336
H337
H338
H339
H340
H341
H342
H343
H344
H345
H346
H347
H348
H349
H350
H351
H352
H353
H354
H355
H356
H357
H358
H359
H360
H361
H362
H363
H364
H365
H366
H367
H368
H369
H370
H371
H372
H373
H374
H375
H376
H377
H378
H379
H380
H381
H382
H383
H384
H385
H386
H387
H388
H389
H390
H391
H392
H393
H394
H395
H396
H397
H398
H399
H400
H401
H402
H403
H404
H405
H406
H407
H408
H409
H410
H411
H412
H413
H414
H415
H416
H417
H418
H419
H420
H421
H422
H423
H424
H425
H426
H427
H428
H429
H430
H431
H432
H433
H434
H435
H436
H437
H438
H439
H440
H441
H442
H443
H444
H445
H446
H447
H448
H449
H450
H451
H452
H453
H454
H455
H456
H457
H458
H459
H460
H461
H462
H463
H464
H465
H466
H467
H468
H469
H470
H471
H472
H473
H474
H475
H476
H477
H478
H479
H480
H481
H482
H483
H484
H485
H486
H487
H488
H489
H490
H491
H492
H493
H494
H495
H496
H497
H498
H499
H500
H501
H502
H503
H504
H505
H506
H507
H508
H509
H510
H511
H512
H513
H514
H515
H516
H517
H518
H519
H520
H521
H522
H523
H524
H525
H526
H527
H528
H529
H530
H531
H532
H533
H534
H535
H536
H537
H538
H539
H540
H541
H542
H543
H544
H545
H546
H547
H548
H549
H550
H551
H552
H553
H554
H555
H556
H557
H558
H559
H560
H561
H562
H563
H564
H565
H566
H567
H568
H569
H570
H571
H572
H573
H574
H575
H576
H577
H578
H579
H580
H581
H582
H583
H584
H585
H586
H587
H588
H589
H590
H591
H592
H593
H594
H595
H596
H597
H598
H599
H600
H601
H602
H603
H604
H605
H606
H607
H608
H609
H610
H611
H612
H613
H614
H615
H616
H617
H618
H619
H620
H621
H622
H623
H624
H625
H626
H627
H628
H629
H630
H631
H632
H633
H634
H635
H636
H637
H638
H639
H640
H641
H642
H643
H644
H645
H646
H647
H648
H649
H650
H651
H652
H653
H654
H655
H656
H657
H658
H659
H660
H661
H662
H663
H664
H665
H666
H667
H668
H669
H670
H671
H672
H673
H674
H675
H676
H677
H678
H679
H680
H681
H682
H683
H684
H685
H686
H687
H688
H689
H690
H691
H692
H693
H694
H695
H696
H697
H698
H699
H700
H701
H702
H703
H704
H705
H706
H707
H708
H709
H710
H711
H712
H713
H714
H715
H716
H717
H718
H719
H720
H721
H722
H723
H724
H725
H726
H727
H728
H729
H730
H731
H732
H733
H734
H735
H736
H737
H738
H739
H740
H741
H742
H743
H744
H745
H746
H747
H748
H749
H750
H751
H752
H753
H754
H755
H756
H757
H758
H759
H760
H761
H762
H763
H764
H765
H766
H767
H768
H769
H770
H771
H772
H773
H774
H775
H776
H777
H778
H779
H780
H781
H782
H783
H784
H785
H786
H787
H788
H789
H790
H791
H792
H793
H794
H795
H796
H797
H798
H799
H800
H801
H802
H803
H804
H805
H806
H807
H808
H809
H810
H811
H812
H813
H814
H815
H816
H817
H818
H819
H820
H821
H822
H823
H824
H825
H826
H827
H828
H829
H830
H831
H832
H833
H834
H835
H836
H837
H838
H839
H840
H841
H842
H843
H844
H845
H846
H847
H848
H849
H850
H851
H852
H853
H854
H855
H856
H857
H858
H859
H860
H861
H862
H863
H864
H865
H866
H867
H868
H869
H870
H871
H872
H873
H874
H875
H876
H877
H878
H879
H880
H881
H882
H883
H884
H885
H886
H887
H888
H889
H890
H891
H892
H893
H894
H895
H896
H897
H898
H899
H900
H901
H902
H903
H904
H905
H906
H907
H908
H909
H910
H911
H912
H913
H914
H915
H916
H917
H918
H919
H920
H921
H922
H923
H924
H925
H926
H927
H928
H929
H930
H931
H932
H933
H934
H935
H936
H937
H938
H939
H940
H941
H942
H943
H944
H945
H946
H947
H948
H949
H950
H951
H952
H953
H954
H955
H956
H957
H958
H959
H960
H961
H962
H963
H964
H965
H966
H967
H968
H969
H970
H971
H972
H973
H974
H975
H976
H977
H978
H979
H980
H981
H982
H983
H984
H985
H986
H987
H988
H989
H990
H991
H992
H993
H994
H995
H996
H997
H998
H999
H1000



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

HẠNG MỤC: NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1 GIAI ĐOẠN 1 CÔNG SUẤT 1200 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 203/9A, Khu phố 32, Quốc Lộ 14, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

LÊ ĐỨC HƯNG

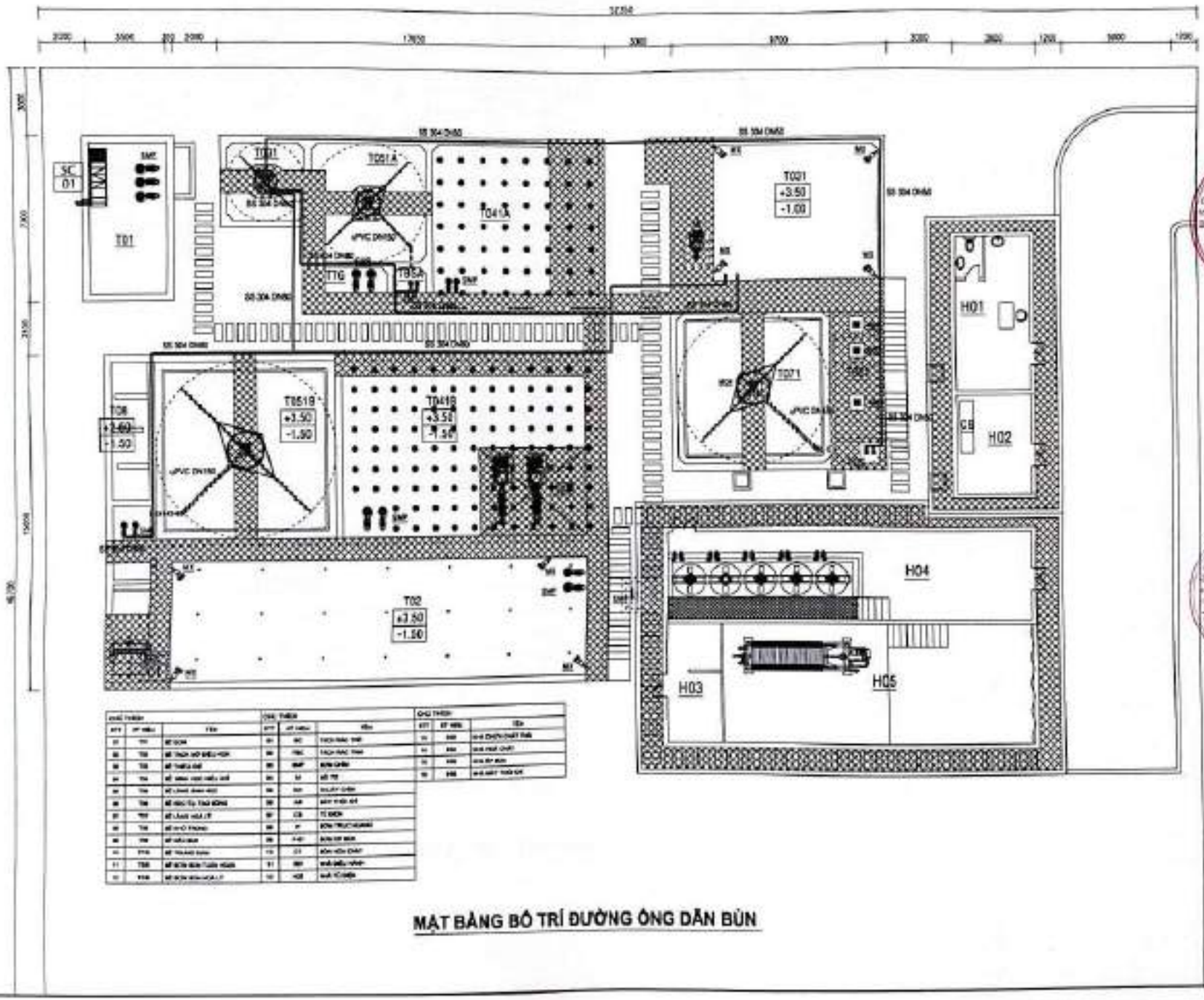
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: ThS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ: ThS. HOÀNG VĂN TÂN	
KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA: KS. VÕ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

TỶ LỆ		HỢP ĐỒNG SỐ	
BẢN VẼ SỐ	08	NGÀY HOÀN THÀNH	

Được quét bằng CamScanner



STT	KÝ HIỆU	TÊN
01	TD1	BỂ ĐỒNG
02	TD2	BỂ THU NƯỚC ĐIỀU HÒA
03	TD3	BỂ THIẾU KHÍ
04	TD4	BỂ HIẾU KHÍ HIỆU KHÍ
05	TD5	BỂ LẮNG ĐỨNG HIỆU KHÍ
06	TD6	BỂ KHỬ TRÙNG BẰNG
07	TD7	BỂ LẮNG HÓA LÝ
08	TD8	BỂ CHỨA PHÈN
09	TD9	BỂ HỮU CƠ
10	TD10	BỂ CHỨA BÙN
11	TD11	BỂ BƠM BÙN TUẦN HOÀN
12	TD12	BỂ BƠM BÙN HÓA LÝ

STT	KÝ HIỆU	TÊN
01	SC	THANG MÁY SC
02	TBC	THANG MÁY TBC
03	BMP	BƠM CHÌM
04	M	MÁY TRỘN
05	CB	TỦ ĐIỆN
06	P	BƠM TRỤC NGANG
07	H-01	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
08	C1	BƠM HÓA CHẤT
09	BM	BƠM BÙN
10	H01	NHÀ ĐIỀU HÀNH
11	H02	NHÀ TỔNG HỢP

STT	KÝ HIỆU	TÊN
01	DHDN	ỐNG DHDN (HDPE)
02	DHC	ỐNG HÚT CHÌM
03	DHK	ỐNG HÚT KHÍ
04	DBB	ỐNG BƠM BÙN

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

CÔNG SUẤT 1200 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 2055A, Khu phố 32, Quốc Lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

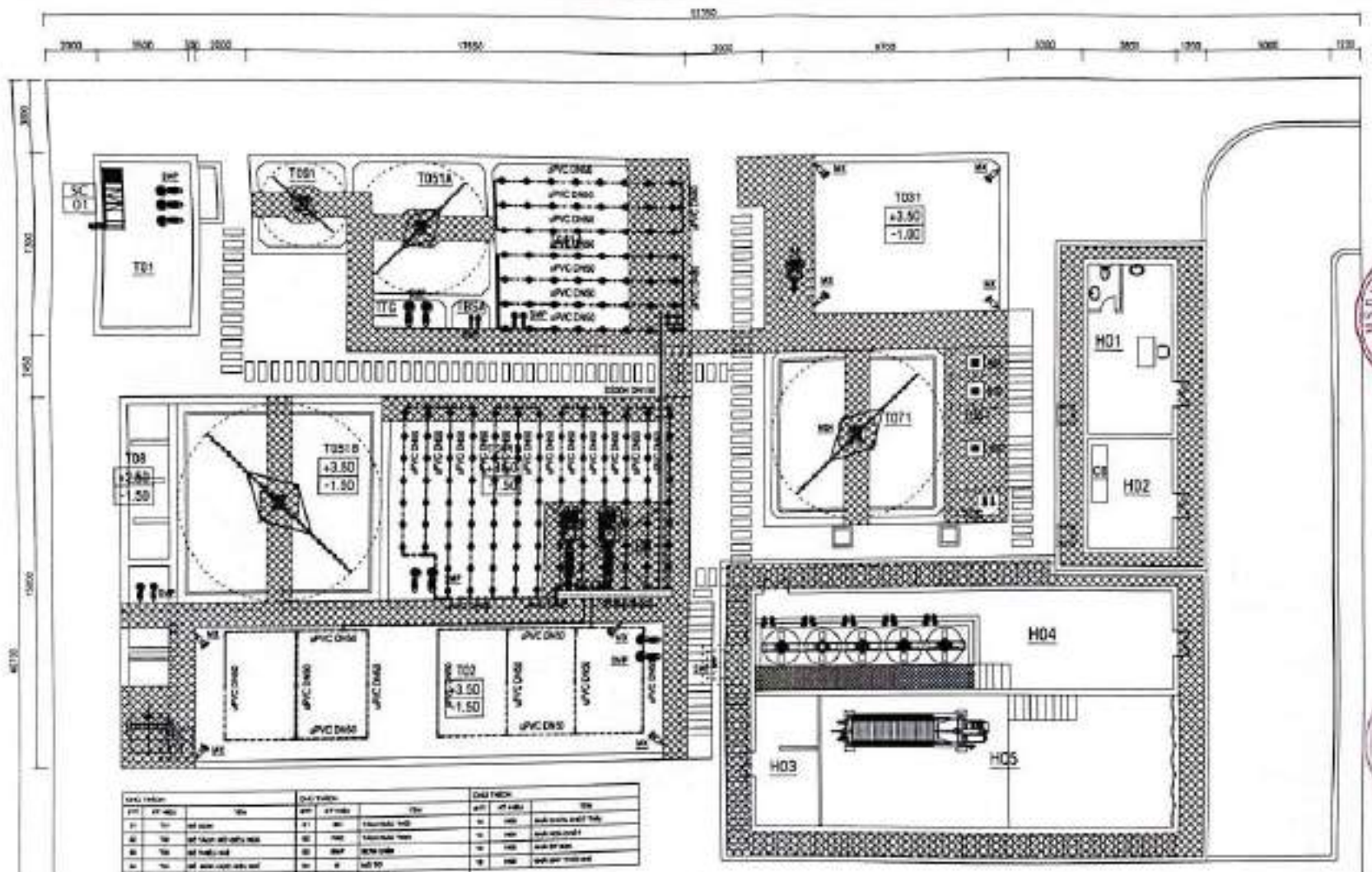
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	
THS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ	
THS. HOÀNG XUÂN TÂN	
VẼ	
KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA	
KS. VÕ HOÀNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN

TỶ LỆ		GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	BVTKCS
		GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	BVTKCS
BẢN VẼ SỐ	03	GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	BVTKCS
		NGÀY HOÀN THÀNH	2024

Được quét bằng CamScanner



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

HẠNG MỤC

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1, GIAI ĐOẠN 1 (CÔNG SUẤT 1200 M3/NGÀY ĐÊM)

ĐỊA ĐIỂM

Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 235/6A, Khu phố 3C, Quốc Lộ 1A, Phường Tân Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

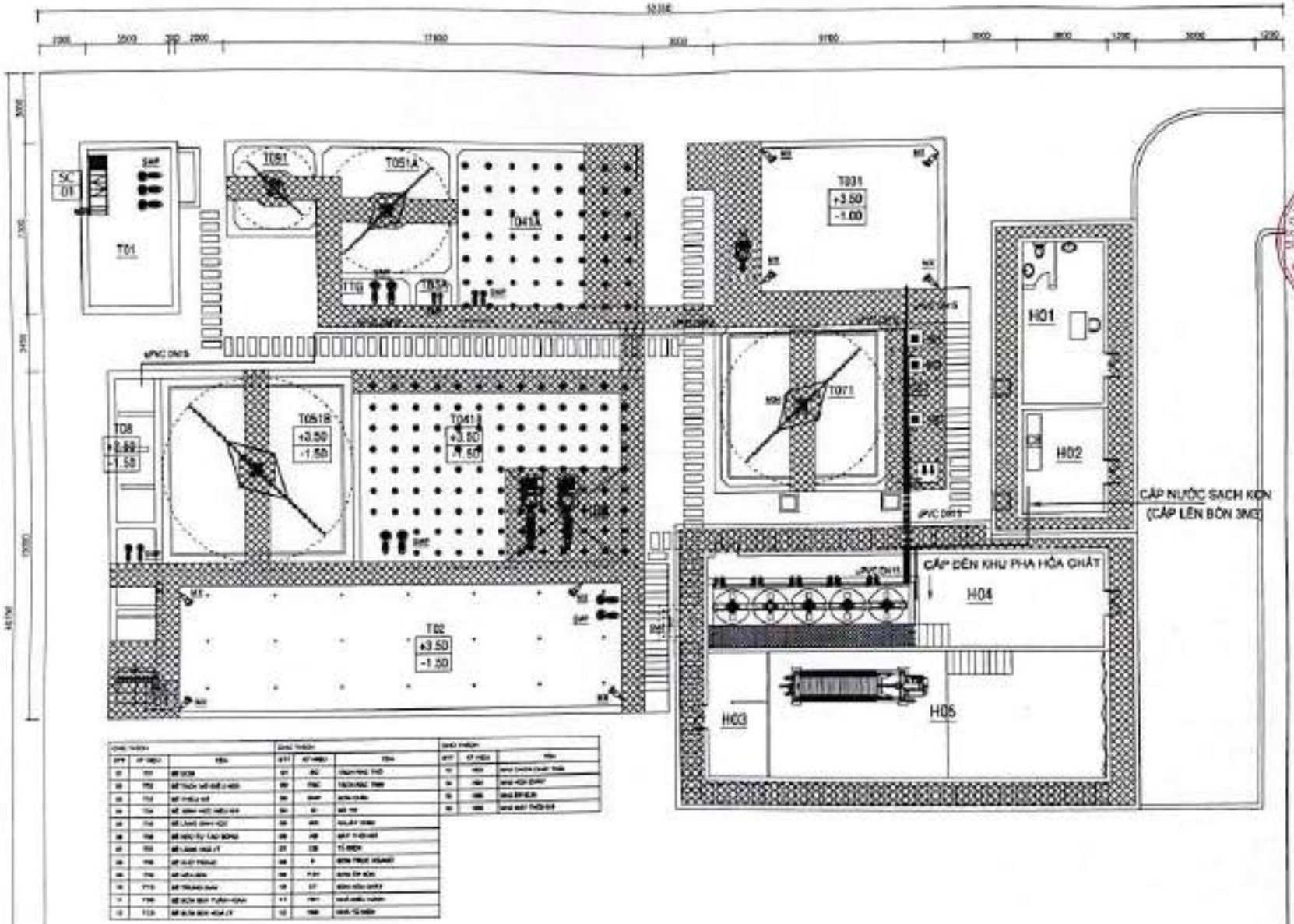
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ THS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ THS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VÕ HÙNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ

TỶ LỆ		HỢP ĐỒNG SỐ	
		NGÀY THIẾT KẾ	01/2024
		LẦN THIẾT KẾ	01
BẢN VẼ SỐ	10	NGÀY HOÀN THÀNH	2024

Được quét bằng CamScanner



MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT VÀ NƯỚC CẤP

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1,GIAI ĐOẠN 1 CÔNG SUẤT 1200 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM

Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 205/5A, Khu phố 3C, Quốc Lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

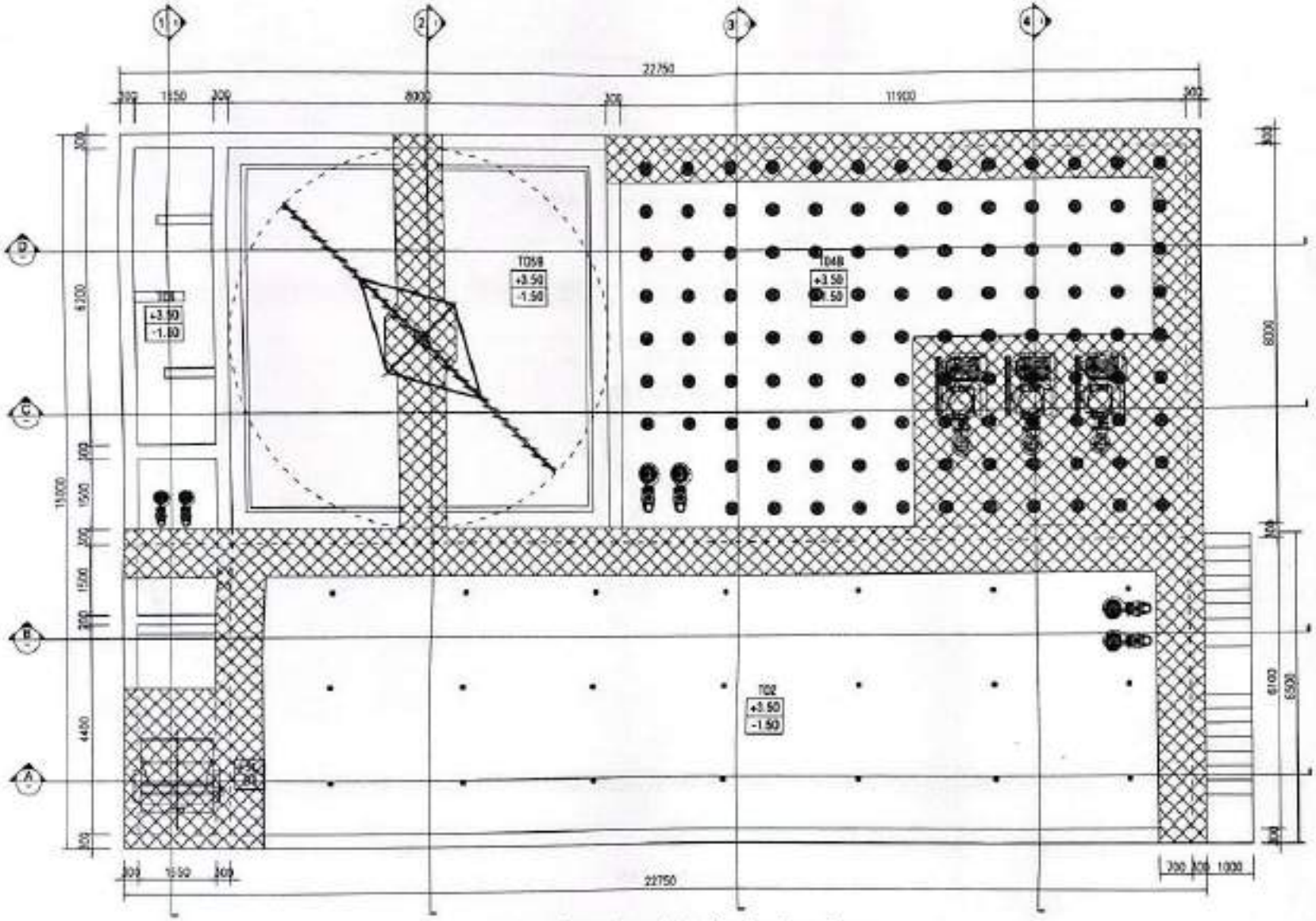
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ THS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ THS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VÕ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT CẤP NƯỚC

TỶ LỆ		HỢP ĐỒNG SỐ	
		NGÀY THIẾT KẾ	01/2023
BẢN VẼ SỐ	11	LẦN THIẾT KẾ	01
		NGÀY HOÀN THÀNH	2023

Được quét bằng CamScanner



MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ PHẦN KỲ 2

GHI CHÚ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1,GIAI ĐOẠN 1 CÔNG SUẤT 1200 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM:

Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 20/6A, Khu phố 20, Quốc Lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

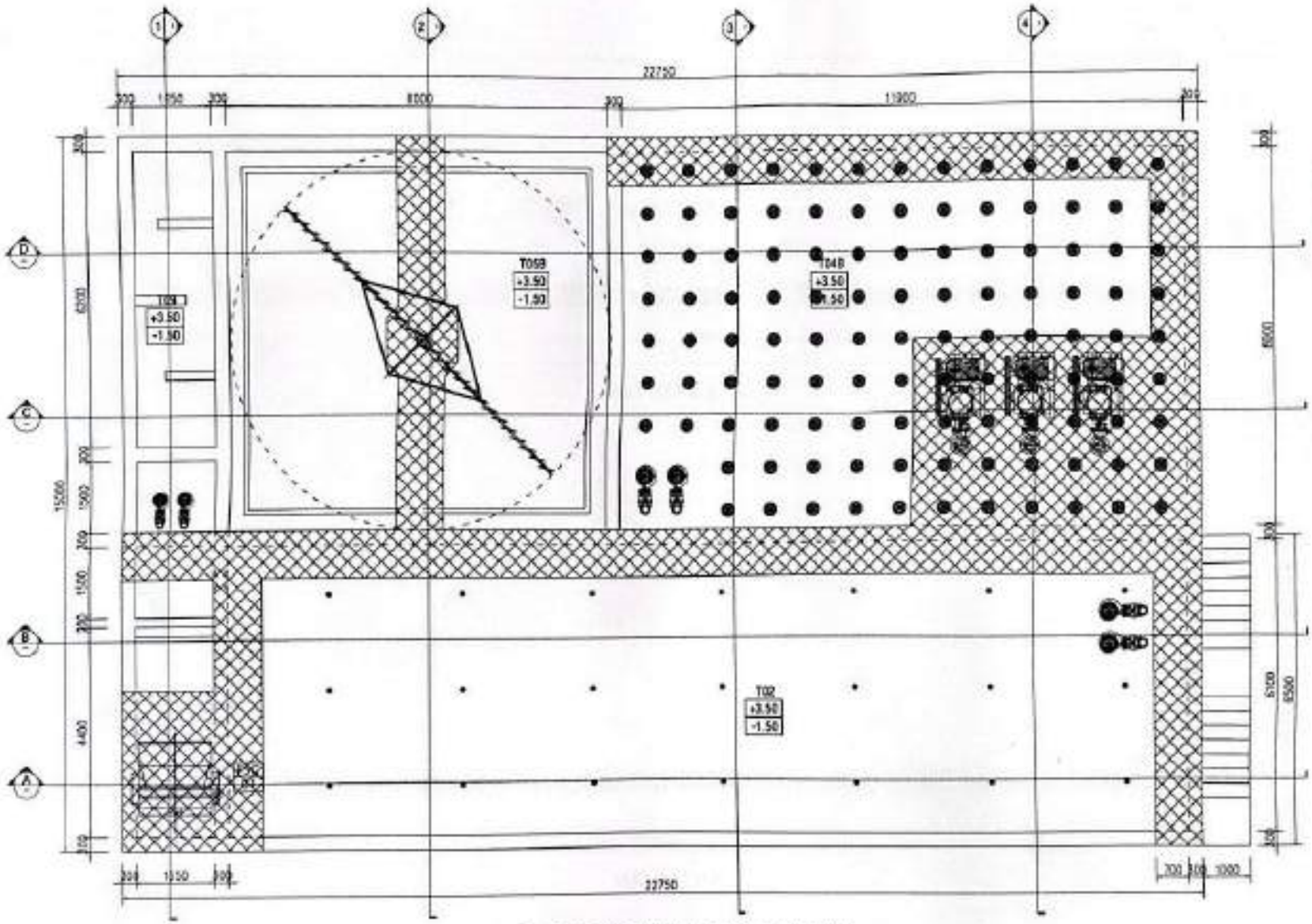
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ ThS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ ThS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VÕ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG PHẦN KỲ 2

TỶ LỆ		GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	12	LẦN PHÁT HÀNH	01
		NGÀY HOÀN THÀNH	

Được quét bằng CamScanner



MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ PHẦN KỲ 2

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tân 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1 GIAI ĐOẠN 1 CÔNG SUẤT 1200 M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm

Số 18, Khu phố Thành Tân 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 2/20/3A, Khu phố 32, Quốc Lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

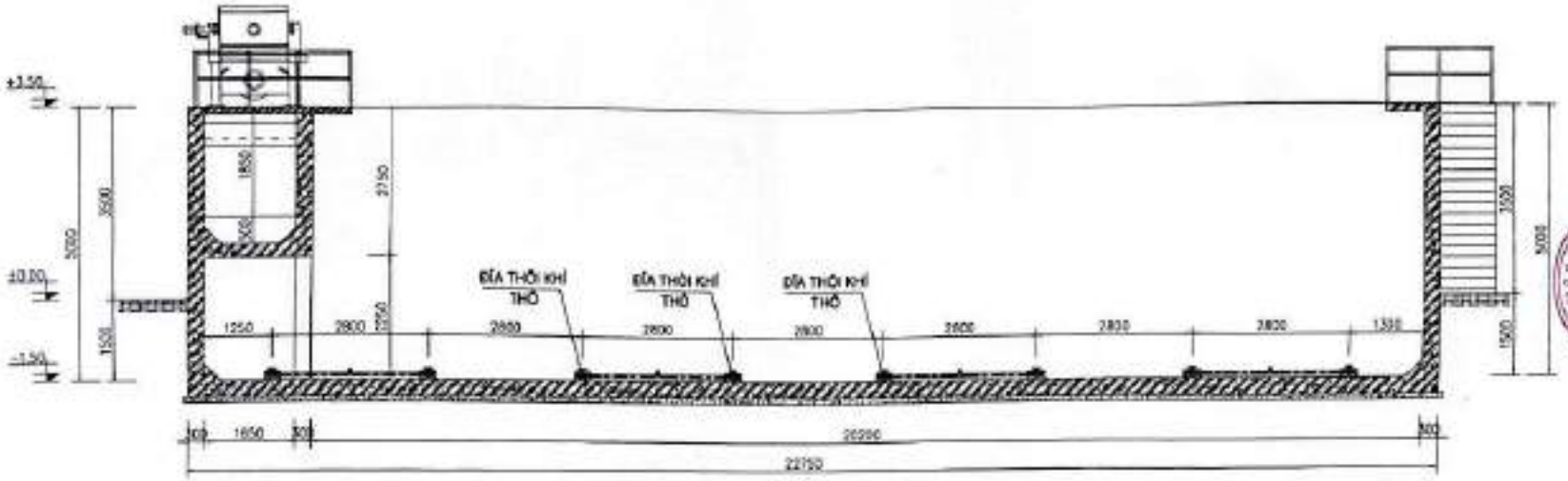
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ THS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ THS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VÕ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

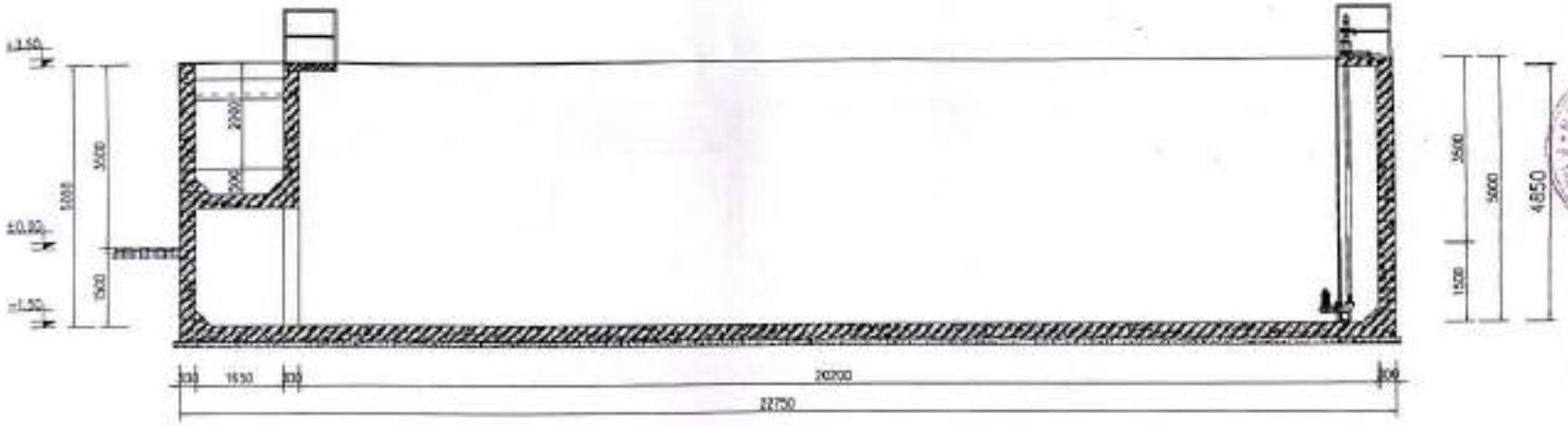
MẶT BẰNG PHẦN KỲ 2

HỒ SƠ		HỢP ĐỒNG SỐ	
		GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	BV THI CÔNG
BẢN VẼ SỐ	12	GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	01
		NGÀY HOÀN THÀNH	2024

Được quét bằng CamScanner



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1,GIAI ĐOẠN 1 CÔNG SUẤT 1200 M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm:

Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ:

235/5A, Khu phố 32, Quốc Lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

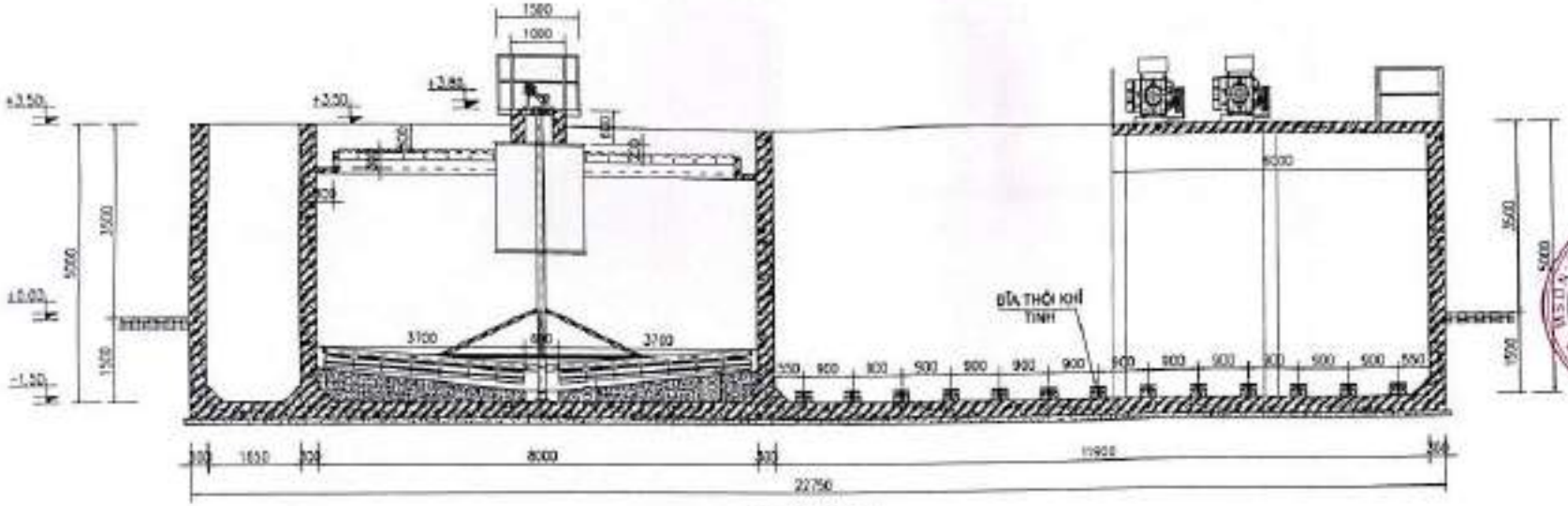
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ THS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ THS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VÕ HÙNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

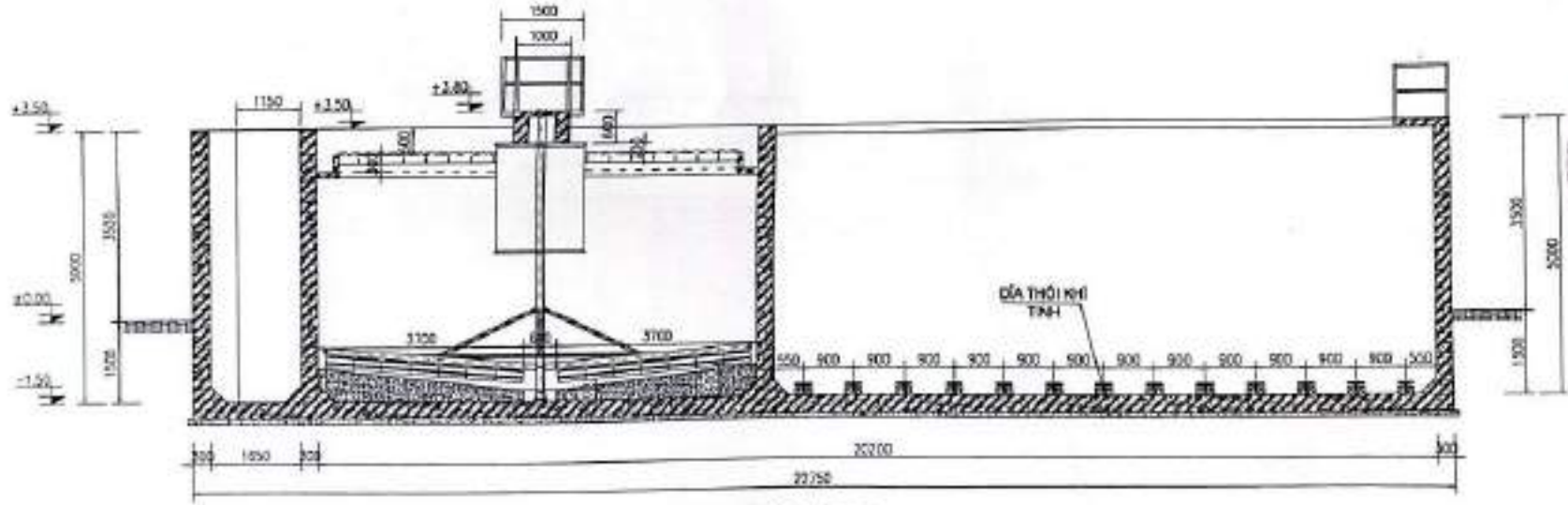
MẶT CẮT A-A, B-B

TỶ LỆ		HỢP ĐỒNG SỐ	
		NGÀY THIẾT KẾ	01/2025
BẢN VẼ SỐ	13	LẦN THIẾT KẾ	01
		NGÀY HOÀN THÀNH	2025

Được quét bằng CamScanner



MẶT CẮT C-C



MẶT CẮT D-D

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 10, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1 GIAI ĐOẠN 1 CÔNG SUẤT 1200 NGHÌN M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM

Số 10, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 209/6A, Khu phố 32, Quốc Lộ 14, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

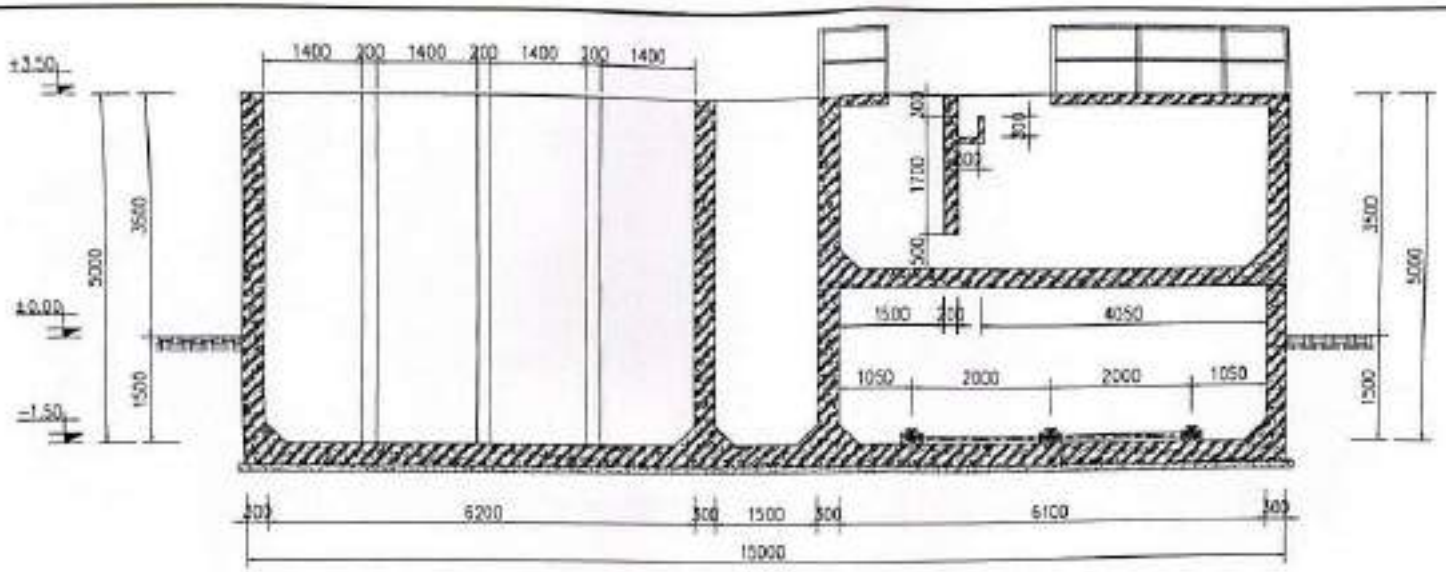
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: THS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ: THS. HOÀNG VĂN TÂU	
VẼ: KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA: KS. VÕ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

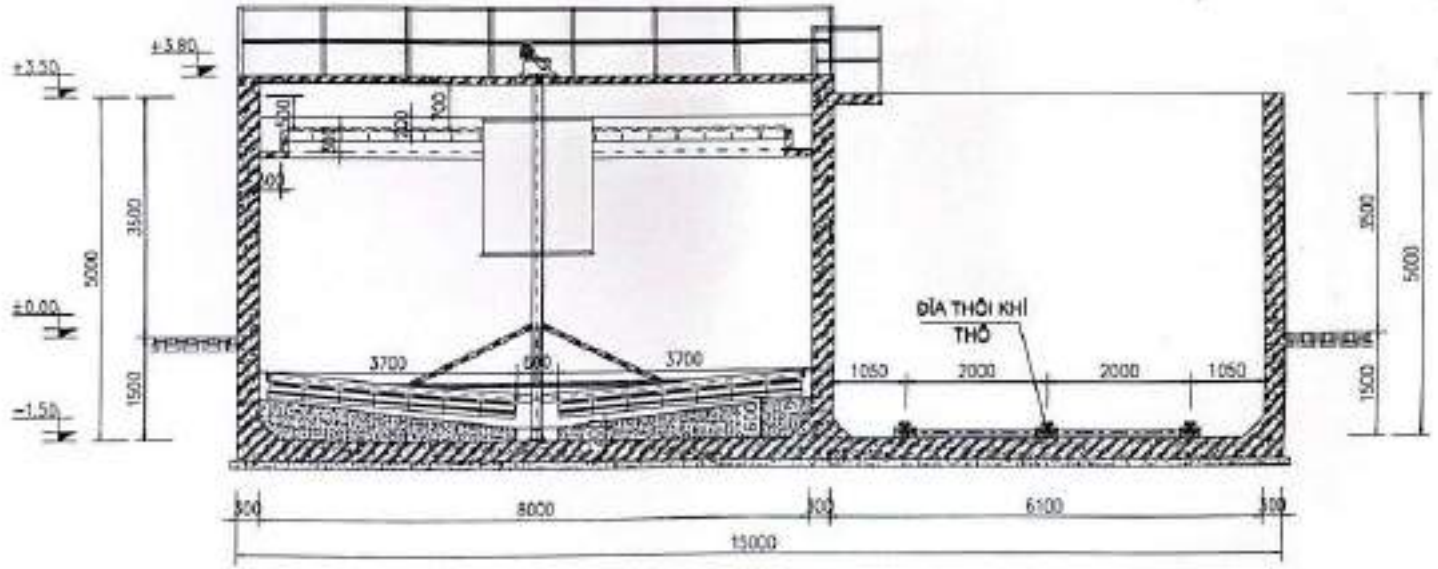
MẶT CẮT C-C, D-D

TỶ LỆ		GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	14	GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	
		GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ	
		NGÀY HOÀN THÀNH	

Được quét bằng CamScanner



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Địa chỉ: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1,GIAI ĐOẠN 1 CÔNG SUẤT 1500 M3/NGÀY ĐÊM

Địa điểm: Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 219/5A, Đường số 20, Quốc Lộ 1A, Phường Trung Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

GIÁM ĐỐC

LÊ ĐỨC HƯNG

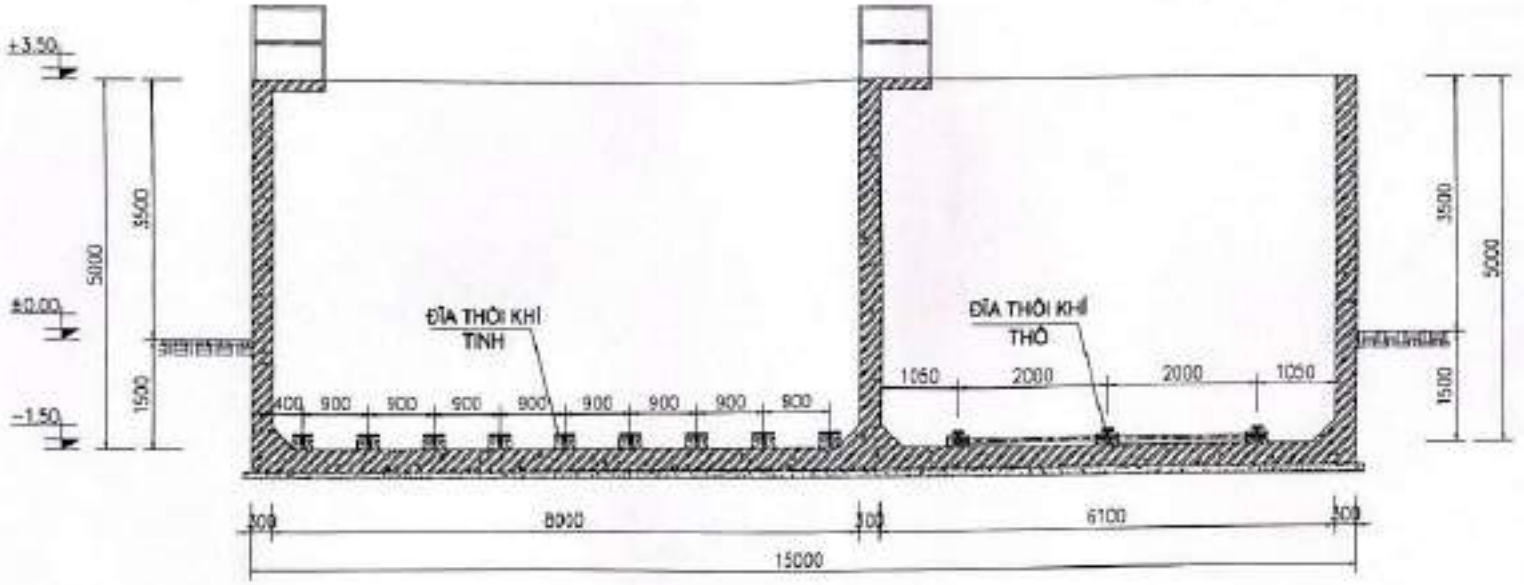
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ	THS. LÊ ĐỨC HƯNG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ	THS. HOÀNG VĂN TÂN
VẼ	KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY
KIỂM TRA	KS. VŨ HỒNG ANH

TÊN BẢN VẼ

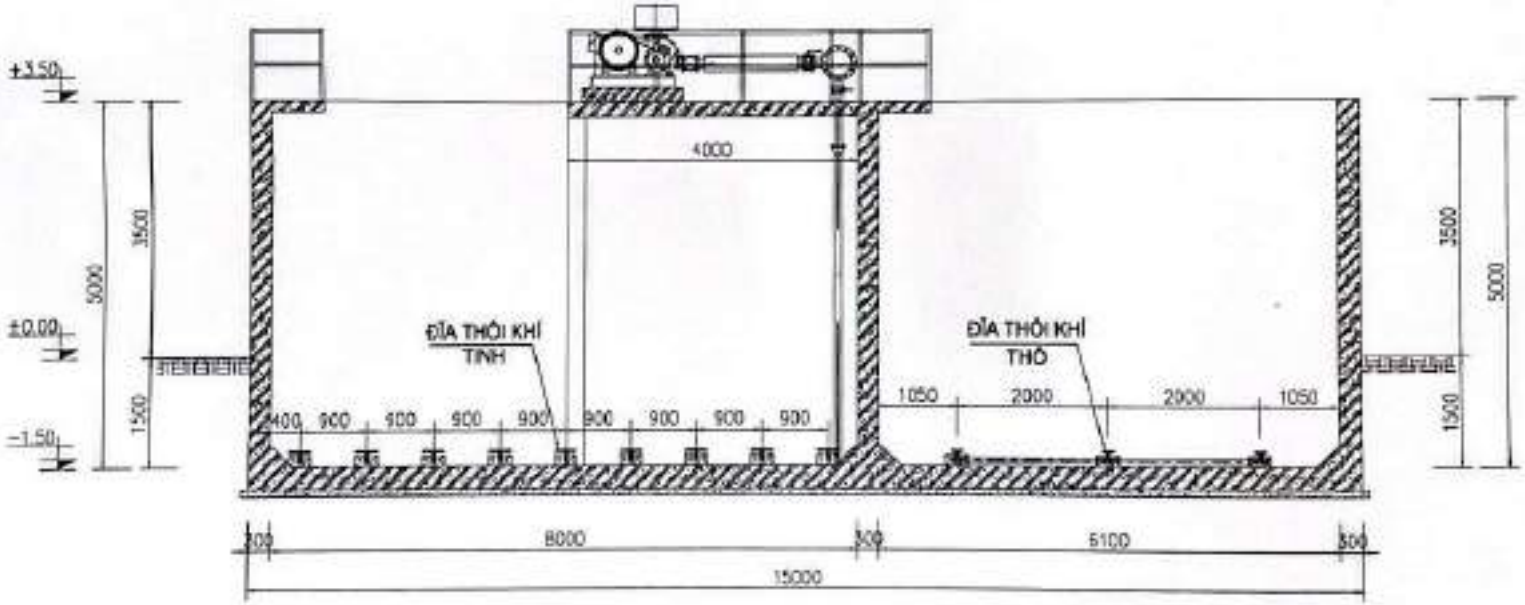
MẶT CẮT 1-1, 2-2

TỶ LỆ		HỢP ĐỒNG SỐ	
		NGÀY HỢP ĐỒNG	01/10/24
BẢN VẼ SỐ	15	LẦN HIỆU CHỈNH	01
		NGÀY HOÀN THÀNH	2024

Được quét bằng CamScanner



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH

Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1

GÓI THẦU

NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP CHƠN THÀNH 1 GIAI ĐOẠN 1 CÔNG SUẤT 1300 M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM

Số 18, Khu phố Thành Tâm 2, Phường Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

CÔNG TY TNHH TM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HƯNG TRÍ

Địa chỉ: 205/5A, Khu phố 32, Đường Lê Văn Khương, Phường Trung Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

LÊ ĐỨC HƯNG

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ ThS. LÊ ĐỨC HƯNG	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ ThS. HOÀNG VĂN TÂN	
VẼ KS. NGUYỄN THẾ GIA HUY	
KIỂM TRA KS. VŨ HỒNG ANH	

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT 3-3, 4-4

TỶ LỆ		NGÀY HOÀN THÀNH	
BẢN VẼ SỐ	18		

Được quét bằng CamScanner